

CHƯƠNG XXII

ĐẠI PHẨM (MAHĀNIPĀTA)

§538. CHUYỆN VƯƠNG TỬ QUỀ CÂM (*Mūgapakkhajātaka*)¹ (J. VI. 1)

Con ơi đừng lộ trí thông minh...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Jetavana (Kỳ Viên) về đại sự xuất thế của Ngài.

Một ngày nọ, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường tán thán công hạnh xuất gia cao cả của đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn đến, hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn luận đề tài gì. Và khi được biết đề tài ấy, Ngài bảo:

– Không đâu, này các Tỷ-kheo, việc xuất thế của Ta ngày nay sau khi từ bỏ ngai vàng, không có gì kỳ diệu khi Ta đã thành tựu đầy đủ thập Ba-la-mật (mười hạnh viên mãn của Bồ-tát). Vì trước kia, ngay khi trí của Ta chưa thành tựu và Ta đang tinh tấn đạt đến các hạnh viên mãn, Ta cũng đã rời bỏ ngai vàng và xuất thế.

Rồi theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, tại thành Ba-la-nại thuộc xứ Kāsi, có vị vua tên là Kāsi trị vì quốc độ rất đúng pháp. Ngài có mười sáu ngàn phi tần nhưng không bà nào có con cả. Quần thân họp lại bảo nhau như trong *Chuyện Đại đế Kusa*:²

– Chúa thượng không có con trai nối dõi.

Rồi họ xin nhà vua cầu tự như trong *Chuyện Đại đế Kusa*. Nhà vua ra lệnh cho mười sáu ngàn phi tần cầu tự nhưng dù họ thờ phượng cầu tự thần mặt trăng và nhiều thần linh khác, họ vẫn không có con.

Lúc bấy giờ, chánh cung Vương hậu Candā, con gái đức vua thuộc dòng họ Madda vốn chuyên tâm làm các việc thiện, vua bảo bà cũng phải cầu tự. Thế là vào một ngày rằm trăng tròn, bà thọ giới vào ngày trai giới (*Upasatha*) và trong khi nằm trên chiếc giường nhỏ suy ngẫm về cuộc đời đức hạnh của bà, bà thực hiện một lời cầu nguyện chân lý như sau: “Nếu ta chưa bao giờ phạm các giới luật thì hãy vì lòng thành của lời cầu nguyện này, xin ban cho ta một đứa con trai.”

¹ Xem Cp. 96, *Temiyapaṇḍitacariya* (Hạnh của vị Hiền trí Temiya).

² Xem J. V. 278, *Kusajātaka* (*Chuyện Đại đế Kusa*), số §531.

Vì uy lực của lòng thành này, cung thất của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng rực lên. Thiên chủ Sakka sau khi xem xét và xác định rõ nguyên có xong liền bảo:

– Vương hậu Candā đang cầu tự, ta sẽ cho bà thỏa nguyện.

Vì thế, trong khi Thiên chủ tìm một đứa con xứng đáng cho bà, chợt trông thấy Bò-tát. Lúc bấy giờ, Bò-tát sau khi trị vì hai mươi năm tại Ba-la-nại, đã tái sinh vào ngục Ussada và chịu đọa đầy trong tám vạn năm, rồi lại hóa sinh vào cõi trời Ba Mươi Ba. Sau khi kỳ hạn ở đó đã mãn, ngài mạng chung và ước mong lên các thiên giới cao hơn. Thiên chủ Sakka đến bảo ngài:

– Nay Hiền giả, nếu Hiền giả sinh vào thế giới loài người, Hiền giả sẽ thành tựu đầy đủ các hạnh Ba-la-mật và sẽ làm lợi lạc quần sinh. Hiện nay, Chánh hậu Candā đang cầu tự, xin hãy nhập mẫu thai của bà!

Ngài bằng lòng và được năm trăm vị thiên tử hộ tống, ngài nhập mẫu thai của chánh hậu, còn năm trăm vị thiên tử được cửu mang trong bào thai các phu nhân của các quan đại thần. Tử cung của chánh hậu như chứa đầy kim cương. Khi nhận thấy thế, bà liền tâu chuyện với vua. Vua ra lệnh chăm sóc thật chu đáo cho hài nhi sắp chào đời được mọi sự bình an và cuối cùng bà hạ sinh một hoàng nam đầy đủ mọi tướng tốt lành. Cùng ngày ấy, năm trăm hài nhi quý tộc ra đời trong dinh các quan. Vào lúc đó, nhà vua ngự trên bệ rồng, quần thần vây quanh thì có kẻ trình lên:

– Tâu Đại vương, một vương tử vừa ra đời.

Vua nghe vậy, tình phụ tử khởi lên xuyên suốt từ da thịt đến tận xương tủy, lòng ngài rộn rã niềm vui, ngài thấy như trẻ lại. Ngài hỏi quần thần:

– Các khanh có hoan hỷ khi nghe vương tử được sinh ra không?

Quần thần đều đáp:

– Sao Đại vương lại hỏi thế? Trước đây chúng thần thật bơ vơ, nay đã có nơi nương tựa, chúng thần đã có một vị chúa tể.

Vua ra lệnh cho vị tể tướng:

– Hãy chuẩn bị nhiều người hầu cận cho con ta, hãy xem số hài nhi công tử vừa ra đời hôm nay là bao nhiêu?

Vị này xem thấy đủ năm trăm liền trình lên. Vua ban năm trăm vương bào danh dự cùng năm trăm nhũ mẫu cho năm trăm vương tử ấy.

Ngài lại ban sáu mươi bốn nhũ mẫu cho Bò-tát, những người này không được có khuyết điểm nào như quá cao, quá gầy, v.v... ngực không xệ xuống và phải đầy sữa ngọt. Nếu một hài nhi bú sữa trong lòng một nhũ mẫu quá cao thì cổ hài nhi sẽ bị dài ra, nếu bú sữa trong lòng một nhũ mẫu quá thấp thì xương vai hài nhi sẽ bị co lại, nếu nhũ mẫu quá gầy thì đùi hài nhi sẽ bị đau nhức, nếu quá thô kệch thì hài nhi sẽ bị chân cong, cơ thể của một nhũ mẫu da đen sẽ quá lạnh, cơ thể của nhũ mẫu da trắng sẽ quá nóng, hài nhi nào bú sữa của một nhũ

mẫu ngực cao quá thì đầu mũi sẽ bị tet, một số nhũ mẫu lại có sữa chua, sữa đắng, v.v...

Vì vậy, để tránh những khuyết điểm trên, vua gởi đến sáu mươi bốn nhũ mẫu có sữa ngọt và không bị khuyết điểm nào. Và sau khi ngợi khen Bồ-tát với đủ lời tán tụng, ngài cũng ban cho vương hậu một điều ước. Bà thọ lãnh ân huệ đó và ghi nhớ trong lòng.

Đến ngày đặt tên cho hài nhi, triều thần ca ngợi các vị Bà-la-môn đã thấy được những điềm lành khác nhau cùng hỏi xem họ có thấy điềm trở ngại nào chẳng. Các Bà-la-môn chiêm ngưỡng vẻ đẹp tuyệt vời của thân tướng ngài, đồng nói:

– Tâu Hoàng thượng, thái tử có đầy đủ mọi tướng mạo của phúc phận mai sau, ngài sẽ có tài cai trị không những một châu mà cả bốn châu trong thiên hạ, ngoài ra không có điềm trở ngại nào khác.

Vua đầy hoan hỷ, đặt tên con là Temiya, vì ngày sinh ra vương tử trời mưa khắp cả vương quốc Kāsi và vương tử sinh ra đã bị ướt đầm.

Khi vương tử đầy tháng, ngài được chưng diện thật đẹp và đem vào yết kiến vua. Nhìn đứa con yêu, vua liền ôm vào lòng chơi đùa với con. Cùng lúc ấy, có bốn tên cướp được đưa đến trước mặt vua. Một trong bốn tên đó bị ngài xử phạt một ngàn roi quất gai nhọn, một tên khác phải bị gông cùm xiềng xích, một tên nữa phải bị đâm bằng giáo và tên cuối cùng bị đâm cọc xuyên suốt toàn thân. Bồ-tát nghe vua cha nói, kinh hãi nghĩ thầm: “Ôi, cha ta vì làm vua mà mang lấy những ác nghiệp khiến cho người phảiọa địa ngục.”

Ngày hôm sau, ngài được đặt nằm trên một chiếc giường lông lầy che lọng trắng. Khi ngài tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn, mở mắt nhìn lên lọng trắng cùng vẻ nguy nga của hoàng cung, nỗi kinh hãi càng tăng lên, ngài tự hỏi: “Từ đâu ta lại đến cung này?” Và hồi tưởng lại các đời trước, ngài nhớ ra rằng xưa kia ngài đã đi từ thế giới chư thiên và đã chịu đọa đầy ở địa ngục, rồi ngài cũng đã làm vua trong chính kinh thành này.

Trong lúc ấy, ngài suy nghĩ: “Ta đã làm vua hai mươi năm, rồi chịu đọa đầy tám vạn năm ở ngục Ussada, bây giờ ta lại sinh vào ngôi nhà có trộm cướp này và cha ta khi thấy bốn tên cướp được đưa vào, đã thốt ra những lời ác độc khiến người phảiọa địa ngục. Nếu ta làm vua, ta cũng sẽ lại bị đọa vào địa ngục và chịu khổ hình.” Ngài vô cùng kinh hãi, thân thể vàng óng của ngài tái nhợt đi và héo úa như đóa sen bị giầy vò trong tay, ngài nằm suy nghĩ tìm cách thoát khỏi ngôi nhà đầy kẻ cướp này.

Lúc ấy, vị nữ thần trong chiếc lọng, ở một kiếp xa xưa nào đó đã là mẹ của ngài, hiện ra an ủi ngài:

– Nay con Temiya của ta, con đừng sợ hãi, nếu con thật sự muốn thoát khỏi đây, con cứ giả vờ què dù con không thực què, cứ giả vờ điếc dù con không

thực sự điếc, cứ giả vờ câm dù con không thực sự câm. Cứ khoác lên mình những dị tật đó, đừng lộ chút dấu hiệu thông minh nào cả!

Rồi bà ngâm vắn kệ thứ nhất:

1. Con ơi đừng lộ trí thông minh,
Cứ giả ngu dằn trước chúng sinh,
Hãy chịu khinh khi từ tất cả,
Cuối cùng con đạt đến quang minh.

Được lời an ủi của bà, ngài ngâm vắn kệ thứ hai:

2. Con sẽ làm theo ý nữ thần,
Những lời mẹ dạy quý vô ngần,
Mẹ hiền ước muốn con an lạc,
Mẹ chỉ mong con hưởng phước ân.

Vì thế, ngài thực hiện ngay ba ác tật trên. Vua muốn con trai khỏi buồn liền bảo đem năm trăm công tử đến bên ngài. Những hài nhi này bắt đầu khóc đòi bú, nhưng Bồ-tát vì sợ dọa địa ngục, nghĩ rằng thà chết khát còn hơn làm vua nên không khóc. Các nữ mẫu tâu chuyện đó với vương hậu và lại tâu lên vua, vua liền cho mời các Bà-la-môn giỏi tướng số đến hỏi ý. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy cho vương tử bú sau thời hạn quy định, vương tử sẽ khóc rồi ngậm chặt vú để bú tùy thích.

Thế rồi họ cho vương tử bú sau một thời hạn quy định, có khi họ để thời hạn quy định quá một lần, có khi cả ngày họ không cho ngài bú sữa. Nhưng ngài sợ dọa địa ngục nên dù khát sữa cũng không khóc đòi bú. Thế rồi mẹ ngài cùng các nữ mẫu cứ cho ngài bú dù ngài không khóc, họ bảo:

– Hài nhi đói là rồi.

Các hài nhi khác khóc la khi chưa được bú nhưng ngài không khóc, không ngủ, cũng không co duỗi tay chân, cũng không tỏ ra nghe được tiếng động nào. Thế là các nữ mẫu suy nghĩ: “Tay chân người què không giống thế này, hình dáng quái hàm người câm không giống thế này, hình dáng tai kẻ điếc cũng không phải thế này, chắc phải có lý do gì đây, chúng ta phải xem kỹ ra sao!”

Vì vậy họ quyết định lấy sữa thử ngài, cả ngày họ không cho ngài bú, nhưng dù khát khô cổ họng, ngài vẫn không thốt một tiếng kêu đòi bú. Sau đó mẹ ngài nói:

– Con ta đói là rồi. Hãy cho nó bú!

Và bà bảo họ cho ngài bú. Như vậy, thỉnh thoảng họ cho ngài bú để thử ngài suốt cả năm trường nhưng vẫn không khám phá ra chỗ yếu của ngài. Rồi họ bảo nhau: “Trẻ con thường thích bánh kẹo và của ngon vật lạ, ta hãy đem ra thử hài nhi này xem.”

Họ đặt năm trăm ấu nhi cạnh ngài, đem đủ cao lương mỹ vị đến, bảo các ấu nhi lựa món ăn tùy thích rồi họ lánh mặt đi. Các trẻ kia gậy gộc đánh nhau rồi

chụp giắt bánh kẹo ăn, nhưng Bò-tát tự nhủ: “Này Temiya, cứ ăn bánh kẹo cùng cao lương mỹ vị đó nếu người muốn xuống địa ngục.” Rồi vì sợ địa ngục nên ngài không muốn nhìn các thức ăn nữa. Và cứ thế, dù họ đem kẹo bánh, cao lương mỹ vị ra thử ngài cả năm ròng, họ cũng không khám phá ra chỗ yếu của ngài.

Sau đó, họ lại bảo: “Trẻ con thường thích đu loại trái cây.” Và họ đem đu thử trái cây ra thử ngài. Các trẻ kia đòi ăn trái cây nhưng ngài không buồn nhìn chúng và cứ thế suốt năm ròng, họ đem trái cây đu loại ra để thử ngài.

Rồi họ lại bảo: “Trẻ con thích đồ chơi.” Thế là họ đem đồ chơi bằng vàng, các hình voi ngựa, v.v... đến gần ngài. Các trẻ kia giành nhau như thể tranh đoạt chiến lợi phẩm nhưng Bò-tát không buồn nhìn đến chúng và cứ thế suốt cả năm ròng, họ đem đồ chơi ra thử ngài.

Rồi họ lại bảo nhau: “Có một thức ăn đặc biệt đối với một đứa trẻ lên bốn, ta thử xem sao!” Thế là họ đem ra đủ loại thức ăn, các trẻ kia bẻ chúng ra từng miếng ăn ngay, nhưng Bò-tát tự nhủ: “Này Temiya, trong quá khứ đã có vô số kiếp mà người chẳng được ăn uống gì cả.” Và vì sợ địa ngục nên ngài chẳng nhìn các món ăn, cho đến khi lòng mẹ ngài muốn tan nát ra vì đau khổ, chính tay bà phải cho ngài ăn.

Sau đó, họ bảo nhau: “Trẻ con năm tuổi thường sợ lửa, ta hãy thử xem sao!” Rồi họ bảo làm một ngôi nhà lớn có nhiều cửa, che bằng lá cây tãla (cọ dừa), họ đặt ngài giữa đám trẻ con rồi nổi lửa lên. Đám trẻ la hét chạy trốn, nhưng Bò-tát tự nhủ thế này còn tốt hơn các khổ hình ở địa ngục. Vì vậy, ngài hoàn toàn ngồi yên như thể vô tri giác nên khi lửa đến gần, họ đành mang ngài đi nơi khác.

Sau đó, họ bảo nhau: “Trẻ con sáu tuổi thường sợ con voi hung dữ.” Thế là họ bảo luyện một con voi cho thuần tính rồi họ để Bò-tát ngồi cùng đám trẻ trong sân rộng và thả voi ra. Voi rống to, lấy vòi giẫm đất thành thịch khiến ai nấy khiếp đảm. Đám trẻ chạy tứ tán vì sợ nguy đến tính mạng. Riêng Bò-tát vì sợ địa ngục nên vẫn ngồi yên. Con voi đã được huấn luyện kỹ, nhắc ngài lên rồi đặt xuống và bỏ đi chứ không hại ngài.

Đến khi ngài được bảy tuổi, lúc ngồi chơi có đám bạn ngồi vây quanh ngài, họ thả ra bảy rắn đã bị nhốt hết răng và buộc miệng chặt lại, bọn trẻ la hét bỏ chạy nhưng Bò-tát nhớ lại những nỗi kinh hoàng ở địa ngục nên vẫn ngồi yên, tự nhủ: “Thà chết vì miệng rắn độc còn tốt hơn.” Rồi bảy rắn vây quanh thân ngài và cuộn tròn vòng trên đầu ngài nhưng ngài vẫn ngồi bất động. Cứ thế, họ thử ngài mãi nhưng vẫn không khám phá ra chỗ yếu của ngài.

Sau đó, họ bảo nhau: “Thiếu nhi thường thích hội hè.” Thế là họ đem ngài vào sân rộng cùng năm trăm đứa trẻ kia và cho một đoàn hề hợp lại làm trò. Lũ trẻ thấy đoàn hề liền la hét cổ vũ và cười đùa vang dội nhưng Bò-tát tự nhủ thầm, nếu ngài thác sinh vào địa ngục sẽ không bao giờ được một phút cười vui nên ngài vẫn ngồi yên, suy nghĩ đến địa ngục và không hề để mắt đến đám

người hề đang nhảy múa. Họ cứ thử ngài như thế mãi, vẫn không tìm ra chỗ yếu của ngài.

Rồi họ bảo nhau: “Ta hãy lấy kiếm ra thử xem sao!” Thế là họ đặt ngài ngồi giữa sân rộng trong khi đám trẻ đang chơi đùa, bỗng một người đàn ông chạy vụt qua bọn chúng, vung kiếm sáng loáng như gương vừa nhảy vừa la to: “Con quý của vua xứ Kāsi đâu rồi, ta sẽ cắt đầu nó đây!” Đám trẻ thấy vậy kinh hãi chạy trốn, la hét ầm ĩ. Nhưng Bò-tát đã suy nghĩ nhiều về những nỗi kinh hoàng ở địa ngục nên vẫn ngồi yên bất động như thể vô tri giác, dù người đó cọ xát thanh kiếm trên đầu ngài và dọa cắt cổ cũng không làm ngài kinh hoàng nên cuối cùng gã phải bỏ đi. Thế là dù thử ngài nhiều lần như thế nhưng họ vẫn không tìm ra điểm yếu của ngài.

Khi ngài lên mười tuổi, họ muốn thử xem ngài có điếc thật không liền treo một cái màn quanh giường, có đục lỗ bốn phía và đặt ống thổi hơi bằng vỏ ốc ở dưới đó mà không cho ngài biết. Họ đồng loạt thổi qua vỏ ốc bật ra một tiếng vang ầm ĩ, nhưng quân thần dù đứng cả bốn phía nhìn xuyên qua những lỗ trên màn suốt ngày vẫn không tìm ra được một dấu hiệu cho thấy ngài bị rối trí hay cựa quậy tay chân, ngay cả một cái giật mình cũng không có.

Một năm ròng trôi qua như vậy, rồi họ lấy trống thử một năm nữa vẫn không khám phá ra điểm yếu của ngài. Sau đó, họ bảo: “Ta lấy đèn ra thử xem!” Thế là để thử xem trong đêm tối ngài có cử động tay chân hay không, họ thắp đèn vào trong các bình thủy tinh sau khi đã tắt hết mọi đèn khác. Họ giấu các đèn thủy tinh trong bóng tối một lát rồi thỉnh linh giờ cao các ngọn đèn ấy lên, tạo ra một luồng sáng lòa đồng loạt để xem cử chỉ ngài ra sao. Nhưng dù họ thử ngài như vậy cả năm trời, họ vẫn không thấy ngài giật mình lần nào cả.

Thế rồi, họ bảo nhau: “Ta lấy mật mía thử xem sao!” Và họ bôi mật mía khắp thân ngài, đặt ngài vào một nơi đầy ruồi nhặng rồi xua chúng ra. Chúng bu đặc trên thân ngài và chích ngài như kim châm nhưng ngài vẫn nằm như thể vô tri giác. Cứ thế suốt năm ròng họ thử ngài nhưng vẫn không khám phá ra điểm yếu nào.

Đến năm ngài lên mười bốn tuổi, họ bảo nhau: “Bây giờ đã lớn rồi, thiếu niên này chỉ thích sạch sẽ và ghét dơ bẩn, vậy ta lấy đồ dơ ra thử xem!” Thế là từ đó họ không cho ngài tắm rửa, súc miệng hay tẩy uế thân thể cho đến khi ngài bị đẩy vào một tình cảnh vô cùng khốn khổ như tên tù giam lỏng.

Khi ngài năm đó, mình mẩy đầy ruồi nhặng, mọi người vây quanh nhạo báng ngài:

– Này Temiya, ngài đã lớn rồi, còn ai hầu hạ ngài nữa, ngài không hổ thẹn sao cứ nằm đó mãi, hãy dậy và tắm rửa cho sạch sẽ!

Nhưng ngài nhớ lại những nỗi thống khổ đọa đày ở địa ngục Gūtha (Phân Đơ) nên ngài vẫn nằm bất động trong tình trạng dơ bẩn khổ sở đó. Suốt cả năm trường họ vẫn không tìm ra điểm yếu nơi ngài.

Sau đó, họ đặt những chảo lửa dưới giường ngài và bảo nhau: “Khi vương tử bị lửa nóng hành hạ, sẽ không chịu nổi và sẽ tỏ dấu hiệu đau đớn quần quại.” Những vết bỏng dường như muốn nứt ra trên người ngài nhưng ngài vẫn nhẫn nhục tự nhủ: “Lửa ở địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián) tỏa lan ra cả trăm do-tuần, chứ ngọn lửa này còn dễ chịu hơn trăm, ngàn lần.” Vì thế, ngài nằm bất động. Vua cha và vương hậu lòng đau như cắt, bảo những người hầu cận trở lại đem ngài ra khỏi lửa và năn nỉ ngài:

– Nay Temiya, ta biết con sinh ra không què quặt vì người què không thể có tay chân mặt mũi như con được. Ta đã sinh được con sau bao năm cầu tự, vậy con đừng làm tuyệt dòng họ ta. Hãy tránh cho ta khỏi bị sự chê trách của các vua trong cõi Jambudīpa (Diêm-phù-đề, Ấn Độ)!

Nhưng dù họ van xin thế nào đi nữa, ngài vẫn nằm im bất động như không nghe thấy gì. Thế là phụ vương và mẫu hậu đành khóc lóc và bỏ đi. Thỉnh thoảng phụ vương hay mẫu hậu trở lại một mình van xin ngài như thế suốt cả năm ròng nhưng vẫn không khám phá ra điểm yếu của ngài.

Đến khi ngài lên mười sáu tuổi, họ suy nghĩ: “Dù què quặt, câm, điếc đi nữa, không ai lớn lên lại không thích hưởng lạc, ghét điều bất lạc. Chuyện này đến thời hạn thì cũng tự nhiên như hoa nở đó thôi. Vậy ta sẽ bảo đóng tuồng cho con ta xem thử!” Vì thế, họ triệu tập một số nữ nhân đẹp như tiên và giao hẹn rằng nàng nào làm được cho vương tử cười to hay gây cho ngài khởi lên tư tưởng dục vọng thì sẽ được tôn làm chánh hậu. Rồi họ tắm cho ngài bằng nước thơm và trang điểm cho ngài thật đẹp như thiên thần, đặt ngài nằm trên long sàng ở trong một dãy cung thất trang hoàng như các động tiên. Nội thất của ngài được xông sức nước đủ mùi hương hoa, thuốc cao, trầm, linh tửu đủ loại... và họ rút lui.

Trong lúc đó, các nữ nhân cứ vây quanh ngài tìm cách làm vui lòng ngài với tiếng ca, điệu múa cùng những lời lẽ êm dịu ngọt ngào nhưng ngài nhìn chúng bằng trí tuệ tối thắng và bẻ hết hơi thở vô ra vì sợ chúng đụng vào thân ngài, vì thế mà cơ thể ngài trở nên cứng đờ. Chúng không thể nào đụng vào ngài được liền tâu với đức vua:

– Cơ thể vương tử cứng đờ, ngài không phải là người mà có lẽ là quỷ dữ.

Như vậy, cha mẹ ngài dù trong mười sáu năm liền thử thách ngài bằng mười sáu cách ghê rợn cùng nhiều lối thử lật vật khác, cũng không thể nào khám phá ra điểm yếu của ngài. Thế là vua cha đầy phẫn nộ, cho triệu tập nhiều thầy tướng số đến bảo:

– Khi vương tử ra đời, các người đã bảo là vương tử tốt số có đủ mọi điềm lành và không có điềm trở ngại nào. Nhưng vương tử sinh ra đã bị què, câm, điếc. Thế là lời các người không đúng sự thật.

Họ đồng đáp:

– Tâu Đại vương, không có gì các đạo sư của ngài không thấy cả, nhưng

chúng thần biết ngài sẽ buồn khô ghê gớm ra sao nếu chúng thần nói rằng hoàng nam do cả triều cầu tự này lại bạc phước, vì thế chúng thần không nói ra điều đó.

– Vậy phải làm thế nào đây?

– Tâu Đại vương, nếu vương tử ở lại trong cung sẽ có ba mối hiểm họa đe dọa tính mệnh của Đại vương hoặc ngôi báu của ngài hoặc cho chánh hậu. Vậy thì thượng sách là cho vài con ngựa yếu hèn buộc vào một cỗ xe thật tầm thường rồi đặt vương tử lên đó, đưa qua cửa Tây và đem chôn vương tử trong nghĩa địa.

Vua đồng ý vì sợ các hiểm họa sẽ xảy ra. Khi vương hậu hay tin và vội đến gặp vua:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã ban cho thần thiếp một lời ước và thần thiếp vẫn chưa thành nguyện, vậy giờ đây xin ban cho thiếp ân huệ đó!

– Ái hậu cứ thỉnh cầu.

– Xin Chúa thượng hãy trao ngôi báu cho con thiếp.

– Không thể được, này Ái hậu, con trai của khanh quá bạc phước.

– Nếu Chúa thượng không ban cho con trai thiếp cả đời thì hãy cho con trai thiếp làm vua trong bảy năm.

– Không thể được đâu, Ái khanh.

– Vậy thì trong sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm hoặc bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba, hai, một tháng hoặc nửa tháng.

– Không thể được, Ái khanh.

– Thế thì bảy ngày vậy!

– Thôi được rồi, Ái hậu nhận lấy ân huệ này.

Thế là vương hậu ra lệnh cho các cung nữ trang điểm vương tử thật lộng lẫy và cả kinh thành phải trưng bày thật đẹp mắt. Rồi một lệnh được truyền đi cùng với tiếng trống vang dội:

– Đây là triều đại của Thái tử Temiya!

Và ngài được đặt trên mình voi đi ngất ngưỡng khắp kinh thành với chiếc lọng trắng trên đầu. Khi trở về, ngài được đặt trên long sàng, vương hậu lại van xin suốt đêm:

– Vương tử Temiya con ơi, vì con trong mười sáu năm qua mẹ đã khóc than và không hề ngủ. Mắt mẹ đã khô ráo hẳn, lòng mẹ đã tan nát vì buồn phiền. Mẹ biết con không thật què quặt, câm, điếc gì, đừng làm mẹ khôn khổ tuyệt vọng nữa!

Cứ thế, bà van xin ngài hết ngày này qua ngày khác trong năm hôm liền. Qua ngày thứ sáu, vua triệu người quản xa Sunanda đến báo:

– Sáng sớm mai người hãy cột vài con ngựa thật xấu vào một cỗ xe thật tầm thường, bỏ vương tử vào, đem ra cửa Tây và đào một hố có bốn góc trong nghĩa

địa ném nó vào, lấy xẻng đập đầu nó và giết chết nó đi, rồi lấp đất lên thành một đồng cao xong tắm rửa sạch sẽ rồi trở về đây!

Đêm thứ sáu đó, vương hậu lại van xin:

– Vương tử con ơi, phụ vương Kāsi đã ra lệnh ngày mai đem chôn con vào nghĩa địa, ngày mai chắc con phải chết rồi con ạ!

Khi Bồ-tát nghe nói vậy, ngài nghĩ thầm rằng: “Này Temiya, hoạn nạn của người trong mười sáu năm đã mãn” và ngài vui mừng lắm, nhưng lòng mẹ ngài dường như tan nát thành hai mảnh. Tuy thế, ngài không muốn nói gì với bà, sợ rằng ước nguyện của ngài không thành tựu. Hết đêm đó, mới sáng tinh sương, người quản xa Sunanda đã đưa cỗ xe đến trước cổng thành, vào hoàng cung tâu:

– Xin Vương hậu chớ giận dữ, đây là lệnh của Đại vương.

Nói xong, trong khi vương hậu đang ôm con trong lòng, gã lấy tay đẩy bà ra, nhắc hoàng tử lên nhẹ như một đoá hoa và đi ra khỏi cung, còn lại hoàng hậu ở trong phòng đầm ngực than khóc thảm thiết.

Khi đó Bồ-tát nhìn mẹ và nghĩ: “Nếu ta không nói thì mẹ ta sẽ chết vì buồn phiền.” Dù ngài định nói nhưng ngài lại suy nghĩ: “Nếu ta nói thì công phu của ta trong mười sáu năm sẽ trở thành tro bụi, còn nếu ta không nói thì ta sẽ cứu được chính ta và cả cha mẹ ta nữa.”

Sau đó, người quản xa nhắc ngài lên xe và bảo:

– Ta sẽ đánh xe qua cửa Tây.

Nhưng gã lại đánh xe qua cửa Đông và bánh xe lăn chạm mạnh vào bậc thềm. Bồ-tát nghe tiếng động nhủ thầm: “Ước nguyện của ta đã đạt được rồi.” Lòng ngài càng hoan hỷ lên.

Khi xe ra khỏi kinh thành, nó đã đi được chừng ba do-tuần, nhờ các thần trợ lực, đến khoảng cuối một khu rừng mà người đánh xe tưởng là nghĩa địa. Vì thế, gã nghĩ rằng đây là chỗ thích hợp, gã liền quay xe ra khỏi đường cái, dừng lại bên đường, bước xuống lấy hết đồ trang hoàng của Bồ-tát cột thành một bó đặt xuống đất rồi lấy xẻng ra bắt đầu đào hố.

Lúc đó, Bồ-tát nghĩ: “Đây là lúc ta phải vận dụng sức lực, mười sáu năm qua ta không hề cử động tay chân, không biết nay ta có điều khiển chúng được chăng?” Thế là ngài đứng dậy, chà xát tay phải với tay trái, tay trái với tay phải, chà hai tay vào hai chân rồi quyết định bước ra khỏi xe. Khi chân ngài chạm đất, đất dội lên như cái túi da đầy khí và ngài sờ đuôi xe. Sau khi xuống xe, đi lui đi tới vài vòng ngài cảm thấy đã dư sức đi như thế này một trăm do-tuần trong một ngày.

Rồi ngài lại nghĩ: “Nếu gã lái xe chống đối ta, ta có đủ sức chống lại gã chăng?” Vì thế, ngài cầm lấy đuôi xe, nhắc nó lên như đồ chơi trẻ con và ngài tự nhủ: “Ta đủ sức chống lại gã.” Khi ngài nhận thức điều này, lòng ngài khởi lên một ước muốn được trang hoàng cho thật đẹp. Vào lúc ấy, cung Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng rực lên. Thiên chủ Sakka tìm ra duyên cớ liền bảo:

– Ước nguyện của Vương tử Temiya đã thành tựu rồi, ngài muốn được trang hoàng cho đẹp. Ngài có cần gì đồ trang sức của hạ giới?

Vì thế, Thiên chủ truyền thiên thần Vissakamma đem đồ trang sức thiên giới ra tô điểm cho con trai của vua xứ Kāsi. Vị này quần lên mình vương tử cả vạn tấm vải vóc tua đỏ và trang điểm ngài bằng đủ loại trang sức của thiên đình lẫn hạ giới chẳng khác nào Thiên chủ Sakka. Vương tử được điểm tô đủ mọi oai nghi lộng lẫy của một vị Thiên chủ, đi đến bên bờ hồ mà người lái xe đang đào, vừa đứng vừa ngâm vãn kệ thứ ba:

3. Sao chú lái xe lại vội vàng,
Bơi đào hồ nọ ở bên đàng,
Trả lời câu hỏi ta thành thật,
Người muốn làm gì hồ ấy chẳng?

Người lái xe vẫn tiếp tục đào hồ, không ngược mắt lên nhìn và ngâm vãn kệ thứ tư:

4. Chúa thượng của ta thấy thiếu nhi,
Bị què, câm, điếc, thật ngu si,
Nên ta được lệnh đi đào hồ,
Chôn bỏ chàng cho rảnh mắt đi.

Bồ-tát đáp lời:

5. Hiền hữu, ta không bị điếc, câm,
Và ta cũng chẳng bị què chân,
Nếu chôn ta ở trong rừng rậm,
Người sẽ phạm vào tội sát nhân.
6. Hãy nắm tay chân đây của ta,
Và nghe giọng nói thốt lời ra,
Hôm nay người sẽ mang trọng tội,
Nếu chôn ta ở chốn rừng già!

Lúc đó, người lái xe hỏi:

– Ai đấy? Chỉ từ lúc ta tới đây người mới lộ nguyên hình như người tả.

Vì thế, gã dừng đào hồ, ngược mắt lên chiêm ngưỡng dung mạo sáng ngời của ngài, gã không biết ngài là người hay thần thánh liền ngâm kệ:

7. Chàng là nhạc sĩ hoặc thiên thần,
Hay chính Sakka Thiên chủ chẳng?
Xin nói là con ai đấy nhỉ,
Tên gì ta sẽ gọi danh xưng?³

Lúc ấy, Bồ-tát vừa lộ diện vừa thuyết pháp và ngâm kệ:

³ Xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; Pv. 24, *Maṭṭhakundalīpetavattu* (Chuyện ngà quý Maṭṭhakundālī); Pv. 79, *Nandakapetavattu* (Chuyện ngà quý Nandaka); Vv. 90, *Tatīyanāgavimānavattu* (Chuyện thứ ba về Lâu đài con voi).

8. Chẳng là nhạc sĩ hoặc thiên thần,
Cũng chẳng Sakka, đáng Ngọc hoàng,
Ta chính Kāsi vương tử ấy,
Người đem chôn sống thật hung tàn.
9. Ta chính con vua triều đại này,⁴
Người đang phục vụ hiển vinh thay,
Nếu đem ta đến đây chôn sống,
Người sẽ phạm vào trọng tội ngay.
10. Nếu dưới gốc cây ta nghỉ chân,
Tàng cây đổ bóng để che thân,
Ta không bẻ một cành dù nhỏ,
Chỉ kẻ ác làm hại bạn thân.⁵
11. Cây che chỗ ấy chính là vua,
Ta chính là cành lá tỏa ra,
Người lái xe là người lữ khách,
Năm ngời ở dưới bóng cây mà,
Tội to giáng xuống đầu người đó,
Nếu ở rừng này chôn sống ta.

Nhưng dù Bô-tát nói vậy, gã này vẫn không tin ngài. Vì thế, Bô-tát quyết định thuyết phục gã nên ngài làm cho cả khu rừng vang dậy tiếng nói của ngài và lời tán thán của chư thiên trong khi ngài bắt đầu ngâm mười vần kệ này để tôn vinh tình bằng hữu:

12. Một kẻ trung thành với bạn thân,
Dù đi phiêu bạt khắp xa gần,
Nhiều người hoan hỷ đem cung phụng,
Thực phẩm tất nhiên được hiến dâng.
13. Dù đất nước nào phiêu bạt qua,
Kinh thành, thị trấn khắp gần xa,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu,
Cũng được vinh quang danh vọng mà.
14. Không đạo tặc nào dám tổn thương,
Cũng không võ tướng dám khinh nhờn,
Người nào trung tín cùng bằng hữu,
Sẽ thoát khỏi bao kẻ oán hờn.

⁴ Xem J. V. 250, *Ṣṇakajātaka* (Chuyện Hiền giả Sonaka), số §529; Vv. 90, *Tatiyanāgavimānavatthu* (Chuyện thứ ba về Lâu đài con voi).

⁵ Xem J. IV. 72, *Bhūripaṇhājātaka* (Chuyện vấn đề trí tuệ), số §452; J. IV. 351, *Mahāvāṇijātaka* (Chuyện vị đại thương nhân), số §493; J. V. 232, *Mahābodhiyātaka* (Chuyện Hiền giả Mahābodhi), số §528; J. VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (Chuyện bậc Đại trí Vidhura), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

15. Người ấy hoàn hương, thầy đón chào,
Lòng không mòn mỏi với ưu sầu,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu,
Giữa những bà con, đệ nhất cao.
16. Tôn vinh người, lại được tôn vinh,
Được kính trọng và đáp thịnh tình,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Nhận phần vinh hiển khắp quần sinh.
17. Người nào biết quý trọng người đời,
Sẽ được mọi người quý trọng thôi,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Phần mình được tiếng tốt cao vời.
18. Kẻ ấy giống như lửa cháy bùng,
Tỏa ra ánh sáng tựa thiên thân,
Người nào trung tín cùng bằng hữu,
Chiếu ánh huy hoàng rực rỡ luôn.
19. Trâu bò tăng trưởng thật là nhanh,
Hạt giống thường xuyên mọc tốt lành,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Tất nhiên gặt hái mọi công thành.
20. Nếu bị rơi từ đỉnh núi cao,
Hoặc từ cây cối hoặc hang hào,
Người nào chung thủy cùng bằng hữu,
Cũng thấy đất bằng vững chắc sao.
21. Cây đa thách đố mọi cuồng phong,
Cành lá mọc quanh gốc rễ chung,
Kẻ biết trung thành cùng bạn hữu,
Oán hờn cừ địch thầy tiêu vong.⁶

Dù ngài đã thuyết pháp như vậy, gã Sunanda vẫn không nhận ra ngài và cứ hỏi ngài là ai. Nhưng rồi gã đến gần xe và trước khi thấy rõ chiếc xe cùng mọi thứ trang sức mà vương tử mang trên người, gã đã nhận ra ngài trong lúc nhìn ngài, liền quỳ xuống chấp tay lại, ngâm kệ:

22. Đến đây, này hỡi vị Vương gia,
Tôi sẽ xin đưa trở lại nhà,
Ngài ngự ngại vàng và trị nước,
Sao còn thơ thần chôn rừng già?

Bậc Đại sĩ đáp:

⁶ Xem *Ap. II. 343, Dhotakattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Dhotaka).

23. Ta không màng của cải, ngai vàng,
 Chẳng thiết bạn thân hoặc họ hàng,
 Vì chính ngôi vua ta đã đạt,
 Là do những ác nghiệp ta làm.

Người lái xe nói:

24. Chén rượu đón mừng, Thái tử ôi,
 Được người chuẩn bị để chờ ngài,
 Phụ vương, mẫu hậu đầy hoan hỷ,
 Sẽ tặng nhiều quà cho chính tôi.
25. Cung phi, mỹ nữ, các vương gia,
 Vệ-xá, Bà-la-môn, mọi nhà,
 Trong nỗi hân hoan đầy trọn vẹn,
 Sẽ cho tôi hưởng thật nhiều quà.
26. Các vị cưỡi voi, cưỡi mã xa,
 Bộ binh, vệ sĩ của hoàng gia,
 Sẽ cho tôi hưởng nhiều quà tặng,
 Khi Thái tử quay trở lại nhà.
27. Thần dân thành thị đến thôn quê,
 Tụ tập mừng vui, mở hội hè,
 Sẽ tặng cho tôi nhiều lễ vật,
 Khi nhìn Thái tử đã quay về.

Bậc Đại sĩ đáp:

28. Ta bị bỏ rơi bởi mẹ cha,
 Kinh thành, thị trấn ở gần xa,
 Vương tôn bỏ mặc, ta đành phận,
 Ta chẳng có nhà của chính ta.
29. Mẫu hậu của ta cho phép đi,
 Phụ vương cũng bỏ mặc hoàng nhi,
 Trong rừng hoang vắng này đơn độc,
 Ân sĩ ta nguyên hạnh xuất ly.

Đang khi nhớ lại các công hạnh của mình, một nỗi hoan hỷ khởi lên trong lòng ngài và trong niềm hạnh phúc cao độ, ngài thốt lên khúc đạo ca toàn thắng:

30. Cũng giống những ai chẳng vội vàng,
 Đạt thành nguyện ước của tâm can,
 Quản xa hãy biết, hôm nay nhé,
 Thánh hạnh ta thành đạt vẹn toàn.
31. Cũng giống những ai chẳng bước nhanh,
 Tối cao cứu cánh được viên thành,

Ta đi đầy đủ tâm thanh tịnh,
Hoàn thiện sợ gì giữa chúng sinh.

Người lái xe đáp lại:

32. Những lời ngài nói thật êm tai,
Chân thật, sáng trong, lý lẽ ngài,
Tại sao thuở trước đành câm lặng,
Khi thấy song thân ở cạnh hoài?

Bậc Đại sĩ bảo:

33. Ta chẳng què vì thiếu khớp xương,
Cũng không điếc bởi thiếu tai thường,
Cũng không câm lặng vì không lưỡi,
Như đáng ta nay hiện rõ ràng.
34. Ta vẫn nhớ rành một kiếp xưa,
Trong tiền thân ấy được làm vua,
Nhưng từ ngôi báu ta rơi xuống,
Ta thấy mình trong chốn ngục tù.
35. Hai mươi năm sống cảnh xa hoa,
Trên chiếc ngai vàng chỉ thoáng qua,
Nhưng tám mươi ngàn năm địa ngục,
Ta đền tội ác đã gây ra.
36. Dư vị hoàng gia thuở đã qua,
Làm kinh hãi ngập cả tâm ta,
Cho nên ta phải đành câm lặng,
Dù thấy gần bên cạnh mẹ cha.
37. Phụ vương bỗng bẻ trẻ vào lòng,
Nhưng giữa lúc đùa giỡn thiết thân,
Nghe lệnh vua ban đây khắc nghiệt:
“Tức thì giết kẻ đại cường gian,
Hãy cưa xẻ nó ra từng mảnh,
Đóng cọc tên kia chớ muộn màng!”
38. Nghe lời hăm dọa thật kinh hồn,
Ta cố làm què lại điếc, câm,
Lăn lóc trong bùn nhơ khôn khô,
Làm người ngu dại cũng đành phần.
- 39-40. Biết rõ cuộc đời ngắn ngủi thay,
Sầu, bi, khổ, não lại tràn đầy,
Ai vì đời sống mà khơi dậy
Sân hận cho người khác khổ lây?

- 41-42.** Ai vì đời sống hại tha nhân,
 Để mặc cho mình trút hận sân,
 Vì muốn giành quyền cầm chánh lý,
 Và mù quáng trước lẽ công bằng?

Lúc đó, gã Sunanda suy nghĩ: “Vương tử này từ bỏ vàng son cung điện như thể bỏ thầy ma, nay vào rừng cương quyết sống đời ẩn sĩ, thế thì ta còn làm gì với cuộc đời khốn nạn này nữa? Thôi ta cũng muốn làm ẩn sĩ như ngài cho rồi.” Gã liền ngâm kệ:

- 43.** Tôi cũng ước mong chọn cuộc đời,
 Của người khổ hạnh ở cùng ngài,
 Xin ngài hãy gọi tôi, Vương tử,
 “Ẩn sĩ”, như ngài muốn vậy thôi!

Khi nghe gã thỉnh cầu, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nếu ta nhận ngay gã này làm ẩn sĩ thì cha mẹ ta không đến đây được và như thế sẽ chịu thiệt thòi, rồi ngựa xe và các vật trang sức này sẽ bị hủy hoại. Ta sẽ bị buộc tội vì người đời sẽ bảo: ‘Hắn là quỷ dữ đã nuốt sống người lái xe.’” Vì thế, muốn tránh tiếng xấu cho mình và đem lại an lạc cho cha mẹ, ngài giao ngựa xe và các thứ trang sức lại cho gã rồi ngâm kệ:

- 44.** Trước tiên đem trả lại vương xa,
 Người chẳng phải người được tự do,
 Trả nợ trước tiên, đời vẫn bảo,
 Rồi sau nguyên khổ hạnh ly gia.

Người lái xe nghĩ thầm: “Nếu ta về kinh thành trong lúc ngài bỏ đi nơi khác, rồi khi cha mẹ ngài hay tin ngài còn sống sẽ cùng đến đây với ta để gặp ngài mà không tìm thấy ngài, họ sẽ trừng phạt ta. Thôi ta phải nói rõ hoàn cảnh này của ta cho ngài biết và xin ngài hứa ở lại đây.”

Vì thế, gã ngâm hai vần kệ:

- 45.** Vì lẽ tôi theo lệnh của ngài,
 Thỉnh cầu Vương tử hãy nghe tôi,
 Xin ngài hãy rộng lòng hoan hỷ,
 Làm những việc tôi sẽ mở lời.
- 46.** Xin hãy làm ơn nán lại chờ,
 Đến khi tôi thỉnh được vương gia,
 Phụ vương sẽ ngập tràn hoan hỷ,
 Nhìn thấy dung nhan Vương tử mà.

Bậc Đại sĩ đáp:

- 47-48.** Mong được như người nói, quân xa,
 Ta đây hoan hỷ gặp vua cha,

Mau đi chào hỏi toàn gia tộc,
Đặc biệt vấn an cha mẹ ta.

Sau khi nói vậy, bậc Đại sĩ hướng về thành Ba-la-nại như chiếc phướn vàng, phủ phục năm vóc sát đất kính lễ cha mẹ rồi truyền lệnh cho người lái xe. Người này tuân lệnh, thân phía hữu hướng về vương tử kính chào từ biệt và lên xe thẳng tiến về thành.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư nói rằng:

49. Rồi gã quân xa giậm bước chân,
Tỏ lòng cung kính thật ân cần,
Bắt đầu công cuộc hành trình ấy,
Như mệnh lệnh ban của chủ nhân.

Vào lúc ấy, Vương hậu Candā mở cửa, bà đang bồn chồn đợi tin con, cứ nhìn ra phía con đường người lái xe trở về nên khi thấy gã về một mình, bà đầm ngực than khóc.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

50. Khi thấy một mình gã quân xa,
Chiếc xe trống vắng, chột nhìn ra,
Tâm hồn tràn ngập niềm lo sợ,
Mắt mẹ hiền dâng lệ ướt nhòa:
51. “Người quân xa kia mới trở về,
Con ta bị giết ở đằng kia,
Rừng hoang hiu quạnh con nằm đó,
Đất lại hòa cùng đất phủ che.
- 52-54. Cừ nhân cực ác sẽ hân hoan,
Thấy kẻ sát nhân được vạn an,
Câm, điếc lại què chân, thử hỏi,
Làm sao con cất tiếng kêu van,
Nằm trên nền đất bơ vơ quá,
Con chiến đấu sao với sức tàn?
55. Tay chân con chẳng đủ công năng,
Xô đẩy người ra để thoát thân,
Trong lúc nằm trên nền đất lạnh,
Mặc dù câm, điếc lại què chân.”

Người lái xe tâu:

56. Lệnh bà, xin thứ tội cho tôi,
Xin để cho tôi được mở lời,
Tôi sẽ kể bà nghe tất cả,
Những gì tôi đã thấy, nghe rồi.

Vương hậu đáp:

57. Ta nay hứa thứ tội cho ngươi,
Ta để cho ngươi được mở lời,
Hãy kể cho ta nghe tất cả,
Những gì ngươi đã thấy, nghe rồi!

Người lái xe liền tâu:

58. Ngài không câm, điếc, chẳng què chân,
Giọng nói ngài trôi chảy, sáng trong,
Ngài đóng vai trò kia giả dạng,
Bởi vì ngài sợ chốn vương cung.
59. Ngài vẫn nhớ rành một kiếp xưa,
Trong tiền thân ấy được làm vua,
Nhưng từ ngôi báu, ngài rơi xuống,
Ngài thấy mình trong chốn ngục tù.
60. Hai mươi năm sống cảnh xa hoa,
Trên chiếc ngai vàng chỉ thoáng qua,
Nhưng tám mươi ngàn năm địa ngục,
Ngài đền tội ác đã gây ra.
61. Dư vị hoàng gia một thuở xưa,
Làm ngài kinh hãi ngập tâm tư,
Cho nên ngài phải đành câm lặng,
Dù thấy gần bên cạnh mẹ cha.
62. Thân thể ngài nay được kiện toàn,
Cao sang tuyệt mỹ, dáng hùng cường,
Giọng ngài trong sáng, tâm minh mẫn,
Ngài chọn đời thanh tịnh bước đường.
63. Nếu Lệnh bà mong muốn gặp con,
Tức thì hãy đến đó cùng thân,
Ngắm nhìn Vương tử Temiya ấy,
An tịnh, thông dong thật vẹn toàn.

Nhưng khi vương tử cho người lái xe đi rồi, ngài muốn thực hiện ngay lời nguyện khổ hạnh. Biết được ước nguyện đó, Thiên chủ Sakka truyền gọi thần xây dựng Vissakamma và bảo:

– Vương tử Temiya nguyện khổ hạnh, vậy khanh hãy dựng cho ngài một túp lều lá với đủ vật dụng cần thiết của một ẩn sĩ!

Vì thế, vị ấy vội ra đi và đến một khu rừng rộng chừng ba do-tuần, vị ấy dựng một am ẩn sĩ có một gian dành để ở ban đêm và một gian để ở ban ngày, có một hồ nước, một cái giếng, nhiều cây ăn trái và chuẩn bị đầy đủ mọi vật dụng cần thiết cho một vị tu khổ hạnh rồi ra về.

Khi Bô-tát thấy cảnh này, ngài biết đây là lễ vật cúng dường của Thiên chủ Sakka. Vì thế, ngài bước vào lều, cởi trang phục của mình ra, mặc vào bộ y bằng vỏ cây màu đỏ, cả y trên lẫn y dưới và đắp tấm da hươu đen một bên vai, buộc mớ tóc được bện chặt của ngài lại rồi mang đòn gánh lên vai kia, cầm cây gậy và bước ra khỏi lều. Ngài đi quanh quần trong bộ y khổ hạnh ấy và thốt lên lời cảm khái:

– Ôi, an lạc! Ôi, an lạc!

Rồi trở về lều, ngồi kiết-già trên tấm thảm vải, ngài chứng đắc năm thắng trí (năm thân thông). Buổi chiều ngài bước ra lượm vài lá cây kãra gần đó nhúng vào bình bát nước của Thiên chủ Sakka cúng dường ngài, không có một chút muối, chút bơ hay gia vị gì cả. Ngài ăn lá cây như thể ăn cao lương mỹ vị rồi trong khi ngài quán sát tứ vô lượng tâm, ngài quyết định an trú ở đó.

Trong lúc ấy, vua xứ Kāsi nghe lời gã Sunanda tâu liền triệu tập vị tể tướng vào, ra lệnh thu xếp cuộc hành trình. Vua phán:

64. Thắng đủ ngựa vào các cỗ xe,
Buộc cân đai cả đàn voi kia,
Tù và, trống nhỏ khua vang khắp,
Đánh dậy trống to cả tứ bề.
65. Trống cao âm ỉ tận không gian,
Trống nhỏ âm vang thật dịu dàng,
Tất cả kinh thành theo gót trầm,
Ta đi lần nữa đón hoàng nam.
66. Các vương phi, tất cả hoàng gia,
Vệ-xá, Bà-la-môn trẻ, già,
Hết thấy thắng cương xe ngựa sẵn,
Ta đi đón thái tử về nhà.
67. Các vị cưỡi voi, cưỡi mã xa,
Bộ binh, vệ sĩ của hoàng gia,
Mọi người chuẩn bị lên đường gấp,
Ta đến đón vương tử lại nhà.
68. Thân dân thành thị đến thôn quê,
Khấp nẻo đường đông đảo tỵ tề,
Tất cả sẵn sàng theo gót trầm,
Ta đi đón thái tử quay về.

Thế rồi, các quân xa ra lệnh thắng yên cương ngựa xong, đem xa giá đến trước cung môn rồi thông báo để vua biết.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

69. Ngựa Sindh dòng giống tuyệt cao sang,
Nai nịt yên cương trước ngọc môn,

Các quân xa trình tin tức đến,
Cả đoàn chờ yết kiến long nhan.

Khi nghe các quân xa nói xong, nhà vua phán qua nửa vắn kệ:

70. “Bầy ngựa bất kham hãy loại ra,
Đừng đem ngựa yếu đến xe ta!”
Lệnh vua như vậy vừa ban xuống,
Tuân phục tức thì các quân xa.

Quân hầu bảo các quân xa:

– Đừng đem theo các loại ngựa như thế!

Trước khi đi đón con, vua triệu tập bốn đẳng cấp trong triều, mười tám hội đoàn và toàn quân đội cùng tập hợp trong ba ngày. Vào ngày thứ tư, sau khi đã đem tất cả đoàn tùy tùng lên đường, vua ngự giá đến thảo am ẩn sĩ. Ngài được vương tử đón tiếp tại đó và đáp lễ với con theo đúng nghi thức.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

71. Lúc ấy vương xa đã sẵn sàng,
Không còn trì hoãn, đẳng quân vương,
Bước lên gọi các bà phi hậu:
“Tất cả cùng ta tiến bước đường!”
72. Với quạt đuôi trâu, mào đội đầu,
Lọng vua màu trắng ở trên cao,
Ngài lên ngự giá vương xa ấy,
Trang điểm ngọc vàng tuyệt mỹ sao.
73. Rồi nhà vua lập tức đăng trình,
Cùng gã quân xa ở cạnh mình,
Vội vã ngài đi ngay đến chốn,
Temiya trú thật thanh bình.
74. Vương tử Temiya thấy phụ vương,
Đến đây, lộng lẫy, đại huy hoàng,
Quanh mình chiến sĩ đoàn hầu cận,
Vì vậy ngài lên tiếng nói rằng:
75. “Phụ vương con chắc được an bình,
Cha có đủ tin tức tốt lành,
Con chắc các vương phi, mẫu hậu,
Thấy đều khang kiện ở triều đình?”
76. “Này con, cha vẫn được an bình,
Cha có đủ tin tức tốt lành,
Tất cả các vương phi, mẫu hậu,
Quả đều khang kiện ở triều đình.”

77. “Con chắc cha không uống rượu men,
Rượu nồng các loại thấy đều kiêng,
Trí tâm cha vẫn luôn thành khẩn,
Bố thí và hành động chính chuyên?”
78. “Thật vậy, cha không đựng rượu men,
Rượu nồng các loại thấy đều kiêng,
Trí tâm cha vẫn luôn thành khẩn,
Bố thí và hành động chính chuyên.”
79. “Bầy ngựa và voi của Phụ vương,
Con mong đều mạnh khỏe hùng cường,
Không con nào phải mang thân bệnh,
Không có yếu hèn hoặc bất tường?”
80. “Phải, các bầy voi của Phụ vương,
Và bầy ngựa mạnh khỏe, hùng cường,
Không con nào phải mang thân bệnh,
Không có yếu hèn hoặc bất tường.”
81. “Biên thù cùng địa phận trung ương,
Tất cả đều trừ mật, lạc an,
Xin hỏi các nơi này có đủ,
Các ngân khố với các kho tàng?”
82. “Biên thù cùng địa phận trung ương,
Tất cả đều trừ mật, lạc an,
Các nơi này của cha có đủ,
Các ngân khố với các kho tàng.”
83. “Phụ vương, nay trẻ đón chào mừng,
Hạnh ngộ giờ đây với phụ thân,
Hãy đặt vương sàng ra tại chỗ,
Để ngài an tọa, hỡi ba quân!”

Nhà vua vì tỏ lòng cung kính đối với bậc Đại sĩ nên không muốn ngự trên long sàng. Bậc Đại sĩ liền nói:

– Nếu Phụ vương không muốn ngự long sàng, hãy đem sàng tọa kết bằng lá trái cho ngài!

Rồi ngài ngâm kệ:

84. Xin hãy ngự trên thảm lá này,
Trái cho đẹp ý Phụ vương đây,
Quân hầu lấy nước nơi này đến,
Để rửa tay chân Chúa thượng ngay.

Nhưng nhà vua vì lòng cung kính con của ngài nên không chịu ngồi trên giường lá mà chỉ ngồi dưới đất. Lúc ấy, Bò-tát vào thảo am lấy ra cây kăra, vừa mời vua cha vừa ngâm kệ:

85. Con không có muối, lá cây này,
Là thực phẩm con sống mỗi ngày,
Cha đã đến đây làm khách quý,
Xin vui lòng nhận thức ăn này.

Vua cha đáp:

86. Lá cây không phải món cha ăn,
Đem đến cho cha chén gạo trong,
Nấu với thịt hầm thơm dịu ngọt,
Để làm thành một món canh ngon.

Ngay lúc ấy, Vương hậu Candā được các vương phi hộ tống vừa đến nơi liền ôm chân con đánh lễ, ngồi xuống một bên, đầm đìa nước mắt. Nhà vua bảo bà:

– Này Ái hậu, hãy xem thức ăn của vương phi!

Và vua đặt vài ngọn lá trong tay bà cùng các vương phi kia. Các bà này cầm lá và kêu:

– Ôi Vương tử, ngài ăn uống như thế kia sao, ngài chịu khổ hạnh biết đường nào!

Rồi họ ngồi xuống, lúc ấy nhà vua bảo:

– Ôi Vương phi, thật kỳ diệu thay!

Và vua ngâm kệ:

87. Quả thật diệu kỳ đối với ta,
Vương phi cô độc phải lìa nhà,
Sống bằng thực phẩm nghèo hèn vậy,
Tuy thế con không đổi sắc da.

Vương tử đáp:

88. Trên thảm lá này được trải ra,
Con nằm cô độc ở rừng già,
Sàng tọa quả thật đây an lạc,
Vì thế con không đổi sắc da.

89. Không đoàn vệ sĩ gác canh phòng,
Bao bọc chung quanh với kiếm trần,
Sàng tọa thật là an lạc quá,
Nên màu da trẻ vẫn tươi hồng.

90. Con chẳng tiếc thương gì quá khứ,
Cũng không than khóc chuyện tương lai,

Con chờ hiện tại đang đi tới,
Nên sắc da con giữ được hoài.

91. Khóc than quá khứ đã qua rồi,
Còn chuyện tương lai bất định thôi,
Việc ấy làm khô sinh lực trẻ,
Như khi người cắt cỏ xanh tươi.⁷

Nhà vua nghĩ thầm: “Thôi để ta tấn phong cho vương nhi rồi đem con về triều với ta.” Vì thế, ngài ngâm kệ mời vương tử về chung hưởng ngai vàng:

92. Con hỡi, các bày tượng, mã, xa,
Bộ binh, kỵ sĩ của hoàng gia,
Lâu đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.
93. Và các hậu cung cha cũng ban,
Với bao vinh hiển, mọi cao sang,
Con là vua ở ngôi duy nhất,
Hãy nắm vương quyền, trị nước an!
94. Mỹ nhân tài giỏi múa, đàn, ca,
Điều luyện bao cung cách thướt tha,
Ru cỗi lòng con vào khoái lạc,
Sao còn thơ thẩn mãi rừng già?
95. Con gái của bao vị địch quân,
Tự hào hầu hạ cạnh con luôn,
Đến khi sinh được nhiều vương tử,
Con hãy làm tu sĩ ẩn thân.
96. Con đầu lòng kế vị cha đây,
Trong tuổi đầu xuân rực rỡ vậy,
Hãy tận hưởng ngai vàng trọn vẹn,
Con làm gì ở thảo am này?

Bồ-tát đáp lại:

97. Không, trẻ muốn từ giã thế gian,
Tránh bao phù phiếm ở phàm trần,
Cuộc đời khổ hạnh con yêu nhất,
Khuyên nhủ như vậy mọi Trí nhân.
98. Không, con trẻ muốn xuất trần gian,
Ẩn sĩ đơn thân ở thảo am,
Con sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Con không thiết phú quý, ngai vàng.

⁷ Hai câu kệ 90-91, xem S. I. 5, *Araññasutta* (Kinh Rừng núi).

99. Con ngắm bé trai, miệng trẻ thơ,
Vừa kêu bập bẹ “mẹ” cùng “cha”,
Lớn lên thành một chàng trai trắng,
Rồi cũng già nua, phải chết mà.
100. Cũng vậy thiếu nữ độ hoa cười,
Vui vẻ, đẹp xinh trước mọi người,
Phút chốc úa tàn vì lưỡi hái,
Tử thần cắt bỏ tựa măng tươi.
101. Mọi người nam nữ đâu còn xuân,
Phút chốc úa tàn, vậy thể nhân,
Ai đặt lòng tin vào cuộc sống,
Bị lừa phỉnh bởi tuổi xuân hồng.⁸
102. Đêm tàn nhường chỗ ánh bình minh,
Phút chốc cũng thu ngắn lộ trình,
Như cá ở vùng khô cạn nước,
Nghĩa gì tuổi trẻ của nhân sinh?
103. Đời này bị đánh ngã, đau thương,
Luôn bị canh phòng bởi địch quân,
Chúng mãi đi qua đây ác ý,
Sao còn nói mào miện, ngai vàng?

Vua xứ Kāsi đáp kệ:

104. Ai đánh ngã đời sống thế gian,
Nào ai canh giữ thật hung tàn,
Nào ai ác ý đi qua mãi,
Hãy nói chuyện huyền bí rõ ràng?

Bồ-tát thưa:

105. Thần chết đánh tan thế giới này,
Tuổi già canh giữ cửa ta đây,
Chính đêm tối vẫn trôi qua mãi,
Đạt thành mục đích chóng hay chầy.
106. Như khi bà nọ bên khung cửi,
Ngồi dệt vải trong suốt cả ngày,
Công việc của bà dần ít lại,
Đời ta tàn lụi cũng như vậy.
107. Như thể dòng sông cuộn cuộn trôi,
Vẫn luôn trôi chảy chẳng hề lui,

⁸ Hai câu kệ 101-02, tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

Dòng đời thế tục là như vậy,
Cũng cứ luôn đi tới mãi thôi.

108. Như thể dòng sông cuốn thật xa,
Những cây bật gốc ở đôi bờ,
Con người cũng chịu lao đầu tới,
Hủy hoại do thân chết, tuổi già.

Khi nghe lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ, vua sinh nhàm chán cuộc sống thế tục chỉ muốn xuất gia liên bảo:

– Ta không muốn trở về kinh thành nữa, ta sẽ sống đời tu hành tại đây, nếu con ta chịu về, ta sẽ truyền trao cho cây lọng trắng này.

Vì thế, vua cố thử mời mọc lần nữa để vương tử trở lại ngai vàng:

109. Con hỡi, các bày tượng, mã, xa,
Bộ binh, kỵ sĩ của hoàng gia,
Lâu đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.
110. Và các hậu cung, cha cũng ban,
Vớ bao vinh hiển mọi cao sang,
Con là vua ở ngôi duy nhất,
Hãy nắm vương quyền, trị nước an!
111. Mỹ nhân tài giỏi múa, đàn, ca,
Điều luyện bao cung cách thướt tha,
Ru cõi lòng con vào khoái lạc,
Sao còn thơ thẩn mãi rừng già?
112. Con gái của bao vị địch quân,
Tự hào hầu hạ cạnh con luôn,
Đến khi sinh được nhiều vương tử,
Con hãy làm tu sĩ ẩn thân.
113. Con đầu lòng kế vị cha đây,
Trong tuổi đầu xuân rực rỡ vậy,
Hãy tận hưởng ngai vàng trọn vẹn,
Con làm gì ở thảo am này?
114. Công khổ và kho báu của cha,
Bộ binh, kỵ mã của hoàng gia,
Đền đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.
115. Nô lệ từng đoàn phụng sự luôn,
Vương phi, mỹ hậu để yêu thương,
Ngai vàng tận hưởng đầy khang kiện,
Sao ở mãi đây chốn thảo đường?

Nhưng bậc Đại sĩ tỏ ra không chút gì ham thích ngai vàng:

- 116.** Sao kiếm giàu sang chẳng vững bền?
 Sao mong cầu, vợ cũng quy tiên?
 Sao suy nghĩ mãi về xuân sắc?
 Thoáng chốc xuân xanh sẽ hết liền,
 Còn lại tuổi già hăm dọa đó,
 Bao giờ cũng đứng cạnh triền miên.
- 117.** Đâu lạc thú đem đến cuộc đời,
 Đẹp giàu, ngự thiện, thú vui chơi,
 Thê nhi có nghĩa gì con nữ,
 Xiềng xích con nay giải thoát rồi.
- 118.** Điều con biết mọi chốn đi đường,
 Số phận luôn canh giữ chẳng ngừng,
 Lạc thú sang giàu đâu ích lợi,
 Cho người thấy móng vuốt ma thần.⁹
- 119.** Tựa như quả chín phải lìa cành,
 Nguy hiểm này đây lẽ rõ ràng,
 Cũng vậy nguy cơ người gánh chịu,
 Có sanh phải tử ấy thường tình.
- 120.** Buổi sáng còn trông thấy nhiều người,
 Tối về chẳng gặp, chẳng còn ai,
 Những người buổi tối còn trông thấy,
 Lại chẳng thấy ai buổi sáng mai.
- 121.** Hôm nay làm việc bạn cần làm,
 Ai chắc ngày mai có ánh quang?
 Thân chết chính là viên đại tướng,
 Không cho ai bảo đảm an toàn.¹⁰
- 122.** Trộm luôn rình rập lấy kho tàng,
 Con đã thoát bao mối buộc ràng,
 Cha hãy trở về vương vị cũ,
 Con màng gì nữa với giang san!

⁹ Tham chiếu: J. IV. 126, *Dasarathajātaka* (Chuyện Đại vương Dasaratha), số §461; Sn. 112, *Sallasutta* (Kinh Mũi tên); *Pháp cú kinh* “Sanh tử phẩm” 法句經生死品 (T.04. 0210.37. 0574a06); *Pháp cú thị dụ kinh* “Sanh tử phẩm” 法句譬喻經生死品 (T.04. 0211.37. 0605c18); *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

¹⁰ Xem M.III.187, *Bhaddekarattasutta* (Kinh Nhất dạ Hiền giả), số 31; M.III.189, *Ānandabhaddekarattasutta* (Kinh A-nan Nhất dạ Hiền giả), số 132; M. III. 192, *Mahākaccānabhaddekarattasutta* (Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ Hiền giả), số 133; M. III. 199, *Lomasakaṅgiyabhaddekarattasutta* (Kinh Lomasakaṅgiya Nhất dạ Hiền giả), số 134.

Khi bậc Đại sĩ chấm dứt bài giảng đầy thực tiễn của ngài, không những chỉ nhà vua và vương hậu nghe theo ngài mà cả mười sáu ngàn cung phi cũng muốn sống đời tu hành. Rồi vua ban lệnh đi khắp kinh thành cùng với tiếng trống vang dậy rằng ai muốn làm ẩn sĩ đều được đi tu với vương tử của ngài.

Vua bảo mở cửa kho báu ra, truyền viết chiếu chỉ trên một chiếc đĩa vàng, dựng trên một cột tre, ban lệnh rằng các bình châu báu của vua sẽ được đem trưng bày ra nhiều nơi và người nào muốn lấy cũng được.

Dân chúng bỏ nhà, mở hết mọi cửa ngõ như mở hội chợ và ra đường vây quanh nhà vua. Vua cùng với dân chúng ấy đều thề nguyện sống khổ hạnh trước bậc Đại sĩ. Am ẩn sĩ được Thiên chủ Sakka cho dựng lên suốt ba do-tuần. Bậc Đại sĩ bước qua các túp lều làm bằng lá cành cây này, chỉ định các lều ở giữa dành cho phụ nữ vì họ bản tánh rụt rè. Còn những lều bên ngoài dành cho phái nam. Vào ngày trai giới, họ đều đứng ở vùng đất ấy, tụ tập lại ăn trái cây do Vissakamma trồng trước đây và họ giữ giới luật tu hành. Bậc Đại sĩ biết rõ tâm người nào đang chìm đắm vào dục tưởng, sân tưởng hay hại tưởng liền ngồi trên không thuyết pháp cho từng người và trong khi nghe pháp, họ nhanh chóng tăng trưởng các thắng trí và các thiện chứng.

Một vị vua láng giềng hay tin vua xứ Kāsi đã trở thành vị khổ hạnh liền quyết định lập vương quốc của mình tại Ba-la-nại. Vì thế, vua ấy vào kinh thành, thấy khắp nơi trang hoàng rực rỡ. Vua bước vào cung chiêm ngưỡng đồ thất bảo và nghĩ thầm chắc phải có chuyện nguy hiểm gì đó quanh ngôi báu này. Vua bảo đi triệu vài kẻ đang say rượu vào và hỏi họ vị vua trước đây rời cung điện bằng cung môn nào.

Họ tâu lên:

– Tâu Đại vương, bằng Đông môn.

Vì thế, vua thân hành ra cổng thành ấy và đi thẳng tới dọc theo bờ sông. Bậc Đại sĩ biết vua ấy đến, bước ra đón vua và ngồi trên không thuyết pháp. Rồi lúc đó vị vua định chiếm nước này lại nguyện xuất gia cùng với hội chúng của mình. Và việc này lại xảy ra một lần nữa cho một vị vua khác.

Như vậy, có cả ba quốc độ không người cai trị, voi ngựa được thả đi lang thang khắp các khu rừng. Xe ngựa gãy tan tành vứt trong rừng, tiền bạc trong các kho báu nhiều như cát bụi, tung vãi quanh vùng am ẩn sĩ. Các cư dân tại đó chứng đắc tám thiện chứng và lúc mạng chung đều được sinh lên Phạm thiên giới. Ngoài ra, ngay cả ngựa, voi có tâm được an tịnh nhờ chiêm ngưỡng các bậc Hiền trí, cuối cùng được tái sinh vào sáu cõi thiên ở dục giới.

Khi bậc Đạo sư đã thuyết pháp thoại này xong, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa kia Ta cũng đã từ bỏ ngai vàng và xuất gia sống đời khổ hạnh.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Nữ thần trong chiếc lọng là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), người lái xe là Sāriputta (Xá-lợi-phất), cha mẹ Ta là đại vương và hoàng hậu, triều đình là hội chúng của Như Lai và Trí giả què cằm chính là Ta.

§539. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG MAHĀJANAKA

*(Mahājanakajātaka)*¹¹ (J. VI. 30)

Chàng là ai, chiến đấu anh hùng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang ở tại Jetavana (Kỳ Viên) về đại sự xuất thế cao cả của Ngài.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bàn luận về việc xuất thế của đức Như Lai. Bậc Đạo sư đến và nghe vấn đề này, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai thực hành đại sự xuất thế, trước kia Như Lai cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, có một vị vua tên là Mahājanaka trị vì Mithilā trong quốc độ Videha. Ngài có hai con trai là Ariṭṭhajanaka và Polajanaka. Ngài phong thái tử làm vua kế nghiệp và vương tử thứ hai làm đại tướng quân. Sau đó, khi Vua Mahājanaka qua đời, Ariṭṭhajanaka lên ngôi vua và lại phong vương đệ làm vị kế nghiệp.

Một ngày kia, có một nô lệ vào tâu vua rằng vương đệ muốn giết ngài. Nhà vua nghe tâu chuyện đó nhiều lần đâm ra nghi ngờ, ra lệnh cầm tù Polajanaka trong gông cùm và canh giữ chàng kỹ ở một nơi không xa hoàng cung. Vương tử phát nguyện:

– Nếu ta là kẻ thù của anh ta thì cứ cho các xiềng xích và cửa ngõ không ai mở ra được; nếu không thì xin các xiềng xích, cửa ngõ hãy mở ra hết!

Lập tức các xiềng xích đứt ra từng mảnh và cửa ngõ bật tung. Vương tử liền thoát ra, đi đến một làng ở biên địa và sống ở đó.

Dân chúng nhận ra vương tử liền đến hầu hạ chàng, vì thế nhà vua không thể nào ra lệnh bắt chàng được. Dần dà, chàng trở thành người cai trị xóm làng ở vùng biên địa ấy. Với đoàn tùy tùng đông đảo, chàng nghĩ thầm: “Ngày trước ta không phải là kẻ thù của anh ta, nhưng nay ta lại là kẻ thù của anh ta rồi.” Thế rồi, chàng trở lại Mithilā với đông đảo người hầu cận đóng quân phía ngoài kinh thành.

¹¹ Xem J. I. 267, *Mahāsīlavajātaka* (Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại), số §51; J. IV. 269, *Sarabhamigajātaka* (Chuyện lộc vương Sarabha), số §483; J. IV. 355, *Sādhinajātaka* (Chuyện Đại vương Sādhina), số §494; J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547; Ap. II. 354, *Todeyyattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Todeyya).

Dân chúng hay tin vương tử trở về liền đem voi ngựa đến đón chàng, và dân chúng các thành thị khác cũng đến tụ tập quanh vương tử. Sau đó, chàng gửi một thông điệp cho anh của chàng: “Ngày xưa ta không phải là kẻ thù của ngươi, nhưng nay ta chính là kẻ thù của ngươi đó. Hãy trao lại ta cây lọng trắng của vua, không thì ta gây chiến!”

Khi vua sắp ra chiến trường, ngài già từ chánh hậu:

– Này Ái khanh, không ai biết trước được thắng bại ở sa trường. Nếu ta có mệnh hệ nào, Ái khanh phải bảo vệ vương nhi trong bụng thật cẩn thận.

Rồi ngài ra đi và binh lính của Vương tử Polajanaka đã sớm kết liễu đời ngài trong chiến địa. Tin nhà vua tử trận gây đại hỗn loạn khắp kinh thành. Vương hậu hay tin dữ, vội thu góp tư trang quý giá nhất vào trong một chiếc giỏ, trái khế và gạo trên mặt, ăn mặc đơn giản, cải trang, đội giỏ lên đầu và trốn đi vào lúc nào không ai hay biết.

Bà đi ra cửa Bắc nhưng không biết đường vì bà chưa hề đi đâu cả, lại không biết nhắm hướng địa bàn. Trước kia, bà có nghe nói đến kinh thành Kālacampā nên bà ngồi chờ hỏi thăm xem có ai đi đến Kālacampā không.

Lúc bấy giờ, hải nhi trong bụng bà không phải đứa trẻ tầm thường mà đó là bậc Đại sĩ tái thế sau khi đã thành tựu các công hạnh viên mãn (Ba-la-mật) nên làm cho Thiên chủ Sakka rung động vì uy lực của vị ấy. Thiên chủ Sakka xem xét duyên cớ và nghĩ rằng có lẽ một bậc Đại sĩ tài đức đang được cu rơ mang trong bụng chánh hậu nên ngài phải đi xem sao. Thế là ngài làm phép hiện ra một chiếc xe có phủ trần và đặt một chiếc giường lên rồi đứng đợi trước cửa ngôi nhà vương hậu đang ngồi, giả dạng làm một lão già lái xe ngựa và hỏi có ai muốn đi đến Kālacampā không.

– Cha ơi, con muốn đi đến đó!

– Thế thì leo lên mà ngồi, con gái ạ!

– Cha ơi, con có thai gần ngày nên không leo được, con muốn ngồi đằng sau, cho con chỗ để chiếc giỏ này của con thôi!

– Con gái ơi, nói gì vậy? Không ai biết lái xe như lão đâu, đừng sợ, cứ leo lên và ngồi xuống!

Nhờ thần lực của Thiên chủ, mặt đất trời lên cao đưa bà leo lên đến tận phía sau xe. Khi nằm trên giường, bà đoán biết đây phải là một vị thần. Vừa đặt mình xuống chiếc giường thần, bà liền ngủ ngay. Sau chừng ba mươi do-tuần, Thiên chủ Sakka đến một con sông, đánh thức bà dậy và bảo:

– Con gái ơi, hãy dậy mà tắm sông, đầu giường có một cái áo choàng cứ mặc vào, trong xe có bánh cứ ăn nhé!

Bà làm theo lời Thiên chủ rồi lại lên giường nằm đến chiều tối. Khi đến Kālacampā, bà thấy cổng thành, tháp chuông và thành lũy. Bà hỏi thành này tên gì, Thiên chủ đáp:

– Thành Kāḷacampā đó, con gái!

– Cha nói gì thế, từ kinh thành của con đến Kāḷacampā không phải sáu mươi do-tuần đó sao?

– Đúng vậy, con gái, nhưng lão biết đường tắt.

Thế rồi, ngài để bà xuống xe ở cổng Nam.

– Con gái ơi, làng của lão ở đằng kia kia, con gái cứ vào kinh thành đó.

Nói xong, Thiên chủ Sakka biến đi, trở lại cõi trời. Vương hậu ngồi xuống một thềm nhà bên đường. Lúc bấy giờ, có một Bà-la-môn dạy kinh Vệ-đà ở tại thành Kāḷacampā đang cùng năm trăm đệ tử đi tắm, chợt thấy vương hậu ngồi đó, dáng điệu xinh đẹp và thanh lịch. Và nhờ thần lực của bậc Đại sĩ trong bụng bà nên người này thấy mến yêu bà như đối với một cô em gái liền bảo các đồ đệ đợi bên ngoài, một mình bước lên thềm nhà, hỏi bà:

– Đây cô em, cô ở xóm làng nào?

Bà đáp:

– Ta là chánh hậu của Vua Aritthajanaka ở kinh thành Mithilā.

– Tại sao bà đến đây?

– Đức vua vừa mới bị em ngài giết chết, ta sợ quá phải đến đây để cứu mạng đứa con sắp ra đời.

– Thế bà có họ hàng tại đây không?

– Không ai cả.

– Đừng lo gì cả, ta là một Bà-la-môn miền Bắc thuộc gia đình có thân thế lớn. Ta là một đại sư danh tiếng khắp xa gần. Ta sẽ chăm sóc bà như em gái ta vậy, hãy gọi ta là anh và ôm chân ta mà khóc la to lên nào!

Bà liền khóc lóc thảm thiết, gục dưới chân ông ta và họ an ủi lẫn nhau. Các đồ đệ của vị thầy chạy đến hỏi cơ sự ra sao.

– Đây là em gái út của ta, cô ấy sinh ra lúc ta đã đi xa nhà.

– Ô, Sư phụ đừng buồn, bây giờ Sư phụ đã gặp lại sư muội rồi!

Vị thầy liền bảo đem lại một xe lớn có mui trên, mời bà lên ngồi và đưa về nhà mình, dặn họ bảo bà vợ ông ta rằng đây là em gái mình và phải đón tiếp tử tế. Bà vợ vị Bà-la-môn này đem nước ấm cho bà tắm xong, dọn giường cho bà nằm. Người Bà-la-môn đi tắm về, vào giờ cơm ông cho gọi cô em gái ra cùng ăn và chăm sóc bà chu đáo trong nhà ông.

Chẳng bao lâu bà hạ sinh một con trai, họ đặt tên hài nhi theo tên tổ phụ là Mahājanaka. Khi lớn lên, cậu bé thường chơi đùa với các thiếu niên khác, và khi chúng trêu ghẹo cậu để khoe dòng dõi chính thống quý tộc (Khattiya) của chúng, cậu thường đánh lại chúng bằng sức mạnh siêu đẳng và lòng dũng cảm của mình.

Khi chúng kêu khóc và được hỏi ai đánh chúng, chúng thường trả lời:

– Con bà góa.

Vương tử suy nghĩ: “Chúng cứ gọi ta là con bà góa mãi, ta sẽ hỏi mẹ xem sao.”

Một hôm, cậu hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, con là con của ai?

Bà nói dối cậu, bảo rằng vị Bà-ba-môn là cha cậu. Khi cậu đánh chúng bạn, chúng lại gọi cậu là con bà góa, cậu trả lời vị Bà-la-môn là cha của cậu, chúng vắn lại:

– Vị Bà-la-môn là gì của bạn?

Cậu suy nghĩ: “Mấy tên này bảo ta: ‘Vị Bà-la-môn là gì của bạn?’ Mẹ ta không muốn giải thích việc này cho ta, bà không muốn nói thật vì danh dự của bà, thôi ta phải xin bà nói sự thật cho ta rõ.”

Thế rồi khi bú sữa mẹ, cậu cắn vú bà và bảo:

– Mẹ hãy cho con biết cha con là ai, nếu không con sẽ cắn đứt vú mẹ đấy!

Bà không thể dối cậu được nữa, đành đáp:

– Con ơi, con là con Vua Aritthajanaka ở thành Mithilā đó, cha con bị chú Polajanaka giết, mẹ phải đem con đến đây để cứu mạng con. Vị Bà-la-môn này xem mẹ như em gái và săn sóc mẹ chu đáo.

Từ đó, cậu không tức giận khi ai gọi cậu là con bà góa nữa. Trước năm mười sáu tuổi, cậu đã thuộc ba tập kinh Vệ-đà và nhiều môn học khác. Khi đến mười sáu tuổi, cậu rất khôi ngô tuấn tú. Cậu nghĩ thầm: “Ta sẽ chiếm lại ngai vàng của cha ta.” Thế rồi, cậu hỏi mẹ:

– Mẹ có tiền không mẹ? Nếu không, con sẽ đi buôn kiếm tiền và giành lại ngai vàng của cha con.

– Con ơi, mẹ đến đây không phải hai tay trắng đâu, mẹ có để dành ngọc ngà, châu báu, kim cương, đủ để chiếm lại ngai vàng. Hãy đem chúng đi giành lại ngôi vua, đừng tính đi buôn nữa!

– Thưa mẹ, hãy cho con một nửa số châu báu đó, con sẽ đi đến Suvanṇabhūmi (Xứ Vàng) và làm giàu tại đó, sau đó mới đi lấy lại ngai vàng.

Cậu xin bà một nửa số châu báu và cùng với số vốn liếng đi buôn của cậu, cậu đi theo chiếc tàu buôn và một số thương nhân đi đến Suvanṇabhūmi. Cậu từ giã mẹ và nói cho bà biết nơi cậu sắp đến.

– Con ơi, đi biển may ít rủi nhiều, con đừng đi! Con có đủ vàng bạc để chiếm lại ngôi báu mà.

Nhưng cậu nói với mẹ rằng cậu muốn đi nên cậu từ giã bà và lên tàu ra khơi. Cùng ngày ấy, Vua Polajanaka phát trọng bệnh không ngồi dậy được. Còn chiếc tàu buôn chở cả bảy đoàn lũ hành cùng đàn gia súc của họ, trong bảy ngày đi được bảy trăm do-tuần. Nhưng vì quá nặng nề không thể chịu đựng được nữa, ván tàu nứt ra, nước ủa vào mỗi lúc một cao thêm. Tàu bắt

đầu chìm giữa biển cả trong lúc các thủy thủ la khóc thảm thiết và cầu cứu các thần linh.

Riêng bậc Đại sĩ không hề kêu khóc cầu cứu gì cả. Biết rằng con tàu đã tận số, ngài trộn đường với bơ tươi ăn thật no nê rồi bơi đầu vào áo quần sạch, thắt chặt đồ đạc quanh mình cật và đứng dựa cột buồm. Khi con tàu chìm, chiếc cột buồm vẫn đứng thẳng. Người, vật trên tàu đều làm mồi cho cá và rùa biển. Nước biển nhuộm màu máu cả một vùng.

Nhưng bậc Đại sĩ đứng trên cột buồm, định hướng thành Mithilā rồi bay bổng lên từ đỉnh cột buồm, vận dụng hết sức mạnh băng qua bầy cá, rùa biển ấy và rơi xuống cách con tàu chừng khoảng một trăm bốn mươi *cubit*.¹² Cũng vào ngày đó, Vua Polajanaka từ trần.

Sau đó, bậc Đại sĩ vượt dòng sóng biển, rẽ sóng như một khối vàng ròng. Một tuần trôi qua như chỉ một ngày. Khi nhận biết “nay là ngày trăng tròn”, ngài liền súc miệng bằng nước muối và giữ gìn trai giới. Lúc bấy giờ, tiên nữ Maṇimekhalā (Ngọc Đới) được Bốn Thiên vương cai quản thế gian phong làm thần giữ biển. Các vị ấy bảo nàng:

– Những con người có đạo hạnh như hiếu thảo với mẹ không đáng bị chết chìm dưới biển. Hãy thử tìm và cứu họ!

Nhưng trong bảy ngày liền, nàng không nhìn ra biển và có người cho là tâm trí nàng đã ngẩn ngơ vì ham hưởng lạc thú thiên giới. Có người lại cho là nàng bận đi dự hội ở thiên đình. Tuy thế, đến ngày thứ bảy nàng cũng nhìn ra biển và tự nhủ: “Hôm nay là ngày thứ bảy rồi ta không nhìn ra biển, ai đang tiến tới kia?” Khi thấy bậc Đại sĩ, nàng nghĩ thầm: “Nếu Vương tử Mahājanaka mà chết chìm dưới biển thì ta sẽ không được phép dự hội tại thiên đình.”

Vì thế, nàng hóa hình thật lộng lẫy, đứng trên không gần chỗ Bò-tát và ngâm vãn kệ thứ nhất để thử năng lực của ngài:

123. Chàng là ai, chiến đấu anh hùng,
Giữa đại dương xa hẳ đất bằng,
Bạn hữu là ai chàng tín nhiệm,
Đến bên chàng giúp một tay cùng?

Bò-tát đáp lời:

– Đây là ngày thứ bảy ta ở trên đại dương, ngoài ta ra không có bóng người thứ hai nào cả. Ai đang nói với ta vậy kia?

Rồi nhìn lên không trung, ngài ngâm vãn kệ thứ hai:

124. Biết phận sự ta ở cõi trần,
Khi ta nỗ lực, hỡi thiên thần,
Nơi đây giữa đại dương xa đất,
Ta đáng nam nhi gắng hết lòng.

¹² 140 *cubit* tức khoảng 64m.

Vì muốn nghe pháp lành, nữ thần liền ngâm vãn kệ thứ ba:

- 125.** Đây giữa biển sâu, rộng chẳng cùng,
Bến bờ xa tít mắt vời trông,
Sức chàng tận dụng thành mây khói,
Giữa đại dương, chàng gặp tử thần.

Bồ-tát trả lời:

– Tại sao nàng nói như vậy? Nếu ta mất trong lúc ta gắng hết sức mình thì dẫu sao đi nữa ta cũng không bị ai chê trách.

Rồi ngài ngâm kệ:

- 126.** Ai không có nợ với thân nhân,
Không nợ chư thiên lẫn phụ thân,
Phận sự nam nhân đang thực hiện,
Sau này chẳng ân hận trong lòng.

Kế đó, nữ thần ngâm kệ:

- 127.** Chiến đấu như vậy ích lợi sao,
Phí công vô ích được gì nào?
Báo đền không có gì thành đạt,
Chỉ có tử thần, đổi khổ đau.

Thế là Bồ-tát ngâm các vãn kệ sau để cho nữ thần thấy nàng nhận xét thiếu sáng suốt:

- 128.** Ai nghĩ không gì để đấu tranh,
Và không chiến đấu hết lòng mình,
Bại vong là lỗi cần chê trách,
Vì chính lòng hèn yếu bất thành.
- 129.** Con người dự định việc trên đời,
Làm việc mình xem tốt tuyệt vời,
Dự định thành công hay thất bại,
Tương lai chỉ rõ cuối cùng thôi.
- 130.** Nữ thần chẳng thấy đó hay chẳng,
Chính việc ta nay quyết định phần,
Bao kẻ chết chìm, ta được sống,
Và nàng đang đứng cạnh trên không.
- 131.** Vậy ta chiến đấu hết sức ta,
Qua giữa đại dương thẳng đến bờ,
Trong lúc sức tàn ta vẫn gắng,
Quyết không lùi đến lúc nguy cơ.

Nữ thần nghe những lời lẽ hùng hồn đó liền ngâm vãn kệ tán thán ngài:

132. Chàng đang chiến đấu thật hùng cường,
Giữa biển mênh mông thật bạo tàn,
Chẳng thối lui chối từ nhiệm vụ,
Gắng công nơi phận sự chờ chàng,
Hãy đi đến chốn lòng chàng muốn,
Đừng để gian nan cản bước đường!

Sau đó, nữ thần hỏi ngài muốn đưa đi đâu, ngài đáp:

– Tới kinh thành Mithilā.

Nàng liền tung ngài lên không như một tràng hoa rồi ôm ngài vào lòng như đứa con thân yêu và vọt lên giữa không gian. Bồ-tát ngủ suốt bảy ngày, thân thể ướt đầm nước muối và rung động vì sự tiếp xúc với thần tiên này. Rồi nữ thần mang ngài đến Mithilā, đặt ngài nằm nghiêng bên hữu trên bệ đá dùng để tế lễ trong một vườn xoài, giao cho các nữ thần trong ngôi vườn phò trợ ngài rồi trở về nơi cũ.

Lúc bấy giờ, Vua Polajanaka không có vương tử, chỉ có một công chúa thông thái và hiền đức tên là Sīvalī. Quần thần hỏi nhà vua khi ngài sắp băng hà:

– Tâu Đại vương, chúng thần sẽ trao ngôi báu cho kẻ nào khi Đại vương từ trần?

Nhà vua bảo:

– Hãy giao lại cho kẻ nào làm đẹp lòng Công chúa Sīvalī, hoặc người nào biết được đâu là phía đầu của chiếc ngựa sàng hình vuông, hoặc người nào giương được chiếc cung cần sức mạnh của cả ngàn người, hoặc người nào tìm ra được mười sáu kho báu.

– Tâu Đại vương, xin cho chúng thần biết danh sách mười sáu kho báu ấy.

Nhà vua liền nêu danh sách ấy:

Kho báu phương vàng nhật rạng hồng,
Kho phương vàng nhật lặn, hoàng hôn,
Kho tàng trong, với kho ngoài ấy,
Kho báu không ngoài cũng chẳng trong.

Kho ở nơi lên, xuống tượng vương,
Ở nơi bốn trụ sālā giường,
Ở đầu răng, với ở đầu đuôi ấy,
Và khoảng ách xe ngựa khắp vòng.

Kho nơi cổ thụ ở đầu cành,
Ở Kebuka hồ nước xanh
Mười sáu kho châu báu ngọc quý,
Phải tìm nơi để các kho tàng.

Chiếc cung cần một ngàn nam tử,
Làm đẹp lòng công chúa ngựa sàng.

Ngoài các kho báu trên, vua còn nêu danh sách các kho báu khác. Sau khi vua từ trần, các đại thần làm lễ tổng táng xong, vào ngày thứ bảy, họ hội họp lại và quyết định:

– Đại vương ban lệnh chúng ta giao ngôi báu cho kẻ nào làm đẹp lòng con gái ngài, nhưng ai là kẻ có khả năng làm vừa ý công chúa đây?

Họ đồng đáp:

– Viên đại tướng là một kẻ được vua sủng ái.

Thế rồi, họ cho triệu vị này đến. Vị này liền đến trước cung môn và báo cho công chúa biết ông ta đã đến chầu. Công chúa hiểu duyên cớ gì ông ta đến và đề thử xem ông ta có đủ tài trí xứng đáng với chiếc lọng của hoàng gia không, nàng cho triệu ông ta vào. Nghe lệnh công chúa và ước mong làm đẹp lòng nàng, ông liền chạy lên bệ rồng và đứng cạnh nàng. Muốn thử ông, nàng bảo:

– Chạy ra ngoài sân, nhanh lên!

Ông ta vùng lên chạy, tưởng là công chúa hài lòng lắm. Công chúa lại bảo:

– Đến đây!

Ông ta vội chạy đến. Công chúa thấy ông ta thiếu hẳn tài trí, nàng nói:

– Đến xoa chân ta!

Ông ta liền ngồi xuống xoa chân công chúa cho nàng hài lòng. Thế là, nàng đá vào ngực ông ta té lăn rồi bảo các thị nữ:

– Đánh tên khùng mù quáng ngu ngốc này và lôi cổ nó ra!

Chúng dạ vâng tuân lệnh. Rồi chúng nói với ông:

– Thừa Đại tướng...

Ông ta đáp:

– Thôi đừng nói nữa, nàng ấy không phải là người.

Sau đó, viên quan giữ kho tàng đến, nàng cũng làm nhục ông ta như vậy. Lần lượt các viên quan giữ kho, giữ lọng, giữ kiếm đều bị nàng hạ nhục.

Thế rồi, quần thần quyết định:

– Không kẻ nào làm đẹp lòng công chúa, vậy hãy gả nàng cho kẻ nào giương được cây cung cần sức mạnh của cả ngàn người.

Nhưng không ai giương cung nổi cả. Sau đó, họ bảo:

– Hãy gả nàng cho người nào biết được đầu là đầu của chiếc ngự sàng hình vuông.

Nhưng không một ai biết cả.

– Vậy thì gả nàng cho kẻ nào tìm được mười sáu kho báu.

Nhưng rồi cũng chẳng ai tìm ra. Sau đó, quần thần họp lại bảo nhau:

– Ngôi báu không thể nào không có vua trị, vậy phải làm gì bây giờ?

Lúc đó, vị tể sư của hoàng gia bảo họ:

– Đừng lo, ta phải đem ra một chiếc xe hoa, hễ vị nào được xe hoa rước về thì sẽ có đủ uy lực cai trị cõi Diêm-phù-đề.

Họ chấp thuận, ra lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật lộng lẫy, cho bốn con ngựa màu đỏ tía buộc vào chiếc xe hoa, phủ kín màn vải lên chúng, gắn năm phù hiệu của hoàng gia vào và một đoàn tùy tùng vây quanh bốn phía xe. Bấy giờ, tiếng kèn khua vang dội phía trước xe, chỉ có một người lái xe, ngoài ra không có ai ở trong xe cả. Sau đó, vị tể sư ra lệnh khua chiêng trống ở đằng sau, và sau khi rảy nước trong chiếc bình bằng vàng lên dây cương và roi ngựa, vị này ra lệnh cho xe đi tìm vị vua đủ tài đức cai trị quốc độ.

Chiếc xe hoa oai vệ đi quanh hoàng cung rồi tiến ra đường cái. Vị đại tướng cùng nhiều viên quan trong triều đều tưởng rằng xe đang đi tới phía nhà mình. Nhưng rồi xe cứ đi thẳng ngang qua mọi phố phường trang nghiêm, diễu hành quanh kinh thành, ra khỏi Đông môn và tiến tới ngự viên. Khi ấy xe đi quá nhanh, những người hầu cận bảo xe dừng lại nhưng vị tể sư bảo:

– Đừng dừng lại, cứ để nó đi một trăm do-tuần tùy thích!

Xe tiến vào ngự viên, trình trọng đi vòng quanh bệ đá và dừng lại như thể sẵn sàng cho người bước lên. Vị tể sư ngắm bậc Đại sĩ đang nằm đó và bảo các vị đại thần:

– Thưa các ngài, ta thấy có người nằm nơi bệ đá, ta không biết người đó có đủ tài trí xứng đáng với chiếc lọng trắng của hoàng gia không. Nếu vị này là người có phước báu thì sẽ không thềm nhìn ta đâu, nhưng nếu đó là một kẻ hạ tiện thì sẽ giật mình khiếp sợ khi nhìn thấy ta, vậy hãy đánh chiêng trống lên cả nào!

Vì thế họ khua dậy hàng trăm thứ trống kèn chẳng khác nào tiếng gầm thét của biển cả. Bậc Đại sĩ lúc đó thức giấc vì nghe tiếng ồn ào, mở khăn che đầu ra nhìn quanh thấy đám đông rầm rộ. Ngài nghĩ, có lẽ chiếc lọng trắng đã đến tay ngài nên lại che đầu và quay sang nằm phía bên tả. Vị tể sư mở chân ngài ra xem, ngắm các tướng mạo của ngài và bảo:

– Đừng nói một châu thiên hạ mà làm gì, vị này có đủ uy lực cai trị cả bốn châu.

Thế là ông ta ra lệnh đánh chiêng trống lại lần nữa. Bậc Đại sĩ mở khăn trùm mặt ra, quay người sang bên hữu và nhìn đám đông. Vị tể sư trấn an mọi người xong, chấp hai tay lại cúi xuống trước ngài, cung kính nói:

– Xin Đại vương đứng dậy, vương quốc này thuộc quyền ngài rồi.

Bồ-tát trả lời:

– Thế đức vua đâu?

– Vua đã băng hà.

– Ngài không có vương tử, vương đệ gì sao?

– Tâu Đại vương, không.

– Thôi được, thế thì ta nhận ngài vàng.

Rồi ngài đứng dậy, ngồi xếp bằng trên bệ đá. Quân thần làm lễ Quán đánh phong vương cho ngài tại đó và thế là ngài trở thành Vua Mahājanaka. Rồi ngài bước lên xe về thành với vẻ uy nghi lẫm liệt của bậc đế vương. Ngài vào cung, bước lên ngài vàng, ban chức tước cho các vị đại thần và các quan lại khác.

Lúc bấy giờ, công chúa muốn thử tài của ngài qua cách xử sự đầu tiên liền cho gọi một thị vệ đến bảo:

– Người hãy tâu với Đại vương là Công chúa Sīvalī muốn mời ngài đến lập tức.

Vị vua tài trí này làm như không nghe lời gã, cứ tiếp tục phát họa cung điện:

– Phải thế này mới được!

Biết không thể nào làm nhà vua chú ý tới mình, gã trở lại tâu công chúa:

– Tâu Công chúa, Đại vương nghe Công chúa nói vậy mà cứ tiếp tục phát họa sơ đồ hoàng cung thôi, ngài chẳng quan tâm gì đến Công chúa cả.

Công chúa tự nhủ: “Đây phải là người có tâm hồn cao cả lắm.” Và nàng cho một sứ giả thứ hai, rồi thứ ba đến nữa. Sau cùng, vua vào cung với dáng điệu thông dong thư thái, dáng vẻ oai phong như sư tử. Khi ngài đến gần, công chúa không thể nào đứng yên được trước vẻ uy nghi của ngài liền bước lên đưa tay ra cho ngài vịn. Ngài cầm lấy tay nàng đi lên bệ vàng và sau khi ngự trên vương sàng dưới cây lọng trắng, ngài hỏi các đại thần:

– Khi Tiên đế băng hà, ngài có chỉ dạy các người điều gì không?

Họ đáp:

– Vương quốc phải được giao cho kẻ nào có thể làm đẹp lòng Công chúa.

– Thế Công chúa đã đưa tay cho ta vịn khi ta đến gần nàng, như vậy ta đã làm đẹp lòng nàng rồi, còn điều gì khác nữa?

– Tiên đế bảo vương quốc phải được trao lại cho kẻ biết được phía đầu của ngự sàng hình vuông này.

Vua đáp:

– Điều này khó nói thật, nhưng cũng có thể biết được nhờ sáng kiến.

Thế là ngài rút ra một cây kim vàng trên đầu ngài và đưa cho công chúa, bảo:

– Đặt cái này vào cho đúng chỗ.

Nàng cầm lấy kim đặt vào đầu của chiếc ngự sàng. Cũng có chỗ nói rằng chàng đã đưa nàng thanh kiếm. Nhờ dấu hiệu này, ngài biết đâu là phía đầu ngự sàng nhưng cứ vờ làm như ngài không nghe họ nói. Ngài hỏi họ nói gì và khi họ lặp lại câu đó, ngài bảo:

– Biết đâu chiếc ngự sàng cũng không kỳ diệu gì.

Rồi ngài hỏi:

– Còn gì để thử tài nữa.

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, Tiên đế ra lệnh trao ngôi báu cho người nào giường được cây cung cần sức mạnh của cả ngàn người.

Khi họ đem cây cung đến theo lệnh ngài, ngài giường nó lên ngay lúc đang ngồi trên long sàng như thể đó là cái khung xe chỉ của đàn bà.

Ngài bảo:

– Còn gì nữa cứ nói đi!

– Tiên đế ra lệnh trao vương quốc cho kẻ nào tìm ra được mười sáu kho tàng.

– Danh sách đâu?

Các đại thần kể lại danh sách đã nói trên. Trong lúc nghe họ nói, ngài thấy ý nghĩa dần dần sáng tỏ ra như thể trăng hiện lên trên bầu trời.

– Hôm nay chưa phải lúc, để ngày mai ta sẽ đi lấy các kho báu.

Ngày hôm sau, ngài họp quần thần lại và hỏi:

– Tiên đế trước đây có cúng dường các vị Độc Giác Phật không?

Khi nghe họ bảo có, ngài nghĩ thầm: “Mặt trời ở đây không phải là mặt trời thật mà các vị Độc Giác Phật thường được gọi là mặt trời vì hình dáng tương tự như thế. Vậy kho tàng phải ở nơi Tiên đế thường đến gặp các vị này.” Rồi ngài bảo họ:

– Khi các vị Độc Giác Phật đến, Tiên đế thường gặp các Ngài ở đâu?

Họ tâu lại nơi này nơi nọ. Ngài ra lệnh đào chỗ đó lên và tìm ra kho tàng.

– Thế khi Tiên đế tiễn các vị Độc Giác Phật ra về, ngài đứng ở đâu để tạ từ?

Họ tâu lại và ngài ra lệnh đào chỗ đó lên. Quần thần reo hò vang dậy tỏ lòng hân hoan, đồng nói:

– Khi nghe nói chỗ mặt trời mọc, dân chúng trước kia đã quanh quần đảo đất về phía mặt trời mọc thật. Rồi khi nghe phía mặt trời lặn, họ lại đào đất phía đó, nhưng đây mới đúng là kho tàng châu báu, thật là kỳ diệu!

Khi họ bảo:

– Kho tàng bên trong.

Ngài liền cho đào lên kho tàng ở bậc thềm nhà bên trong đại môn của hoàng cung.

– Kho tàng bên ngoài.

Ngài liền cho đào kho tàng ở bên ngoài thềm.

– Không ở trong cũng không ở ngoài.

Ngài cho đào kho tàng ở dưới thềm.

– Ở nơi bước lên.

Ngài cho đào kho tàng ở nơi đặt chiếc thang bằng vàng để nhà vua ngự lên vương tượng.

– Ở nơi bước xuống.

Ngài cho lấy ra kho tàng ở nơi nhà vua ngự xuống từ vương tượng.

– Ở bốn cột trụ lớn bằng gỗ sālā.

Có bốn chân chống lớn dưới vương sàng làm bằng gỗ sālā nơi triều thần phủ phục trên sân châu, từ đó ngài cho lấy ra bốn bình đầy châu báu.

– Khoảng ách xe ngựa khắp vòng.

Lúc bấy giờ, yojana là ách xe ngựa, thế là ngài cho đào quanh long sàng cỡ bằng một ách xe ngựa, rồi lấy ra các bình châu báu.

– Kho tàng ở đầu răng.

Ở nơi vương tượng đứng, ngài lấy ra hai bình châu báu ngay trước hai ngà voi.

– Ở mút đuôi.

Từ nơi vương mã đứng, ngài lấy ra những bình châu báu nằm chỗ đối diện với cái đuôi của vương mã.

– Trong nước kebuka.

Lúc bấy giờ, nước được gọi là kebuka, thế là ngài cho tát hết nước trong hồ của hoàng cung và lấy lên kho báu.

– Kho báu ở ngọn cây.

Ngài lấy ra các bình báu vật chôn trong khoảng tàng cây sālā che bóng trưa giữa vườn ngự uyển. Như vậy, ngài đã lấy ra đủ mười sáu kho báu và hỏi xem còn nữa không, họ đồng đáp:

– Không còn.

Dân chúng vô cùng hoan hỷ. Nhà vua lại bảo:

– Ta sẽ đem châu báu này ra bố thí.

Thế là ngài bảo dựng lên năm sảnh đường bố thí giữa kinh thành và tại các cung môn rồi ban lệnh đại chẩn tế. Sau đó, ngài truyền đi mời mẹ ngài và vị Bà-la-môn từ Kālacampā về tuyên dương, tán thán công đức của hai vị.

Trong những ngày đầu tiên trị nước, Vua Mahājanaka, con trai của Vua Aritthajana, cai trị khắp mọi quốc độ ở Videha. Dân chúng bảo nhau:

– Hoàng đế thật tài đức, chúng ta muốn yết kiến long nhan.

Thế là cả kinh thành xôn xao muốn yết kiến tân vương, đem đến kinh đô đủ lễ vật từ khắp nơi. Họ chuẩn bị đại lễ tại kinh đô, phủ lên hào lũy của hoàng

cung một lớp hồ vữa in dấu tay của họ, treo đầy hương liệu và tràng hoa, tung vãi ngũ cốc rang, hoa, hương trầm mù mịt cả bầu trời và soạn sẵn đủ loại thức ăn nước uống. Khi mang lễ vật vào dâng lên vua, họ đứng vây quanh với đủ loại phẩm vật cứng, mềm, mọi thức uống, trái cây.

Các đại thần ngồi một bên, một bên là các Bà-la-môn, một phía nữa là các thương nhân giàu có, một phía nữa là các vũ nữ xinh đẹp. Các Bà-la-môn danh ca có tài về lễ nhạc, hát vang những khúc hoan ca với hàng trăm nhạc cụ được khua động, vì vậy hoàng cung vang dậy lên âm thanh âm ỉ như giữa lòng đại dương Yugandhara. Khi vua nhìn quanh mọi nơi, hết thấy đều rung động.

Bồ-tát ngồi dưới cây lọng trắng, ngắm cảnh huy hoàng rực rỡ chẳng khác nào cung của Thiên chủ Sakka và ngài hồi tưởng những chiến đấu gian nan của ngài trên đại dương: “Dũng cảm là điều chính đáng cần phải biểu dương, nếu ta không biểu lộ lòng dũng cảm trên đại dương thì làm sao ta được huy hoàng như ngày nay?” Một nỗi hoan hỷ khởi lên trong lòng ngài trong lúc hồi tưởng quá khứ, khiến ngài lập tức bật lên lời cảm hứng:

133. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!
134. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.
135. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!
136. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bạc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.
137. Bạc Trí nhân dù gặp đau thương,
Cũng không tắt ước vọng an khương,
Nhiều lần trải nghiệm lạc, không lạc,
Khi chẳng suy tâm chịu mạng vong.
138. Có việc ta không nghĩ lại sanh,
Việc ta nghĩ đến thì không thành,
Những người nam, nữ được tài sản,
Chẳng phải do suy nghĩ đặc nhanh.

Sau đó, ngài hoàn thành thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân), cai trị rất đúng pháp và thường cúng dường các vị Độc Giác Phật. Cùng với thời gian này, Hoàng hậu Sīvalī hạ sinh một hoàng nam có đầy đủ các tướng tốt lành và được đặt tên là Dīghāvu (Trường Thọ). Khi hoàng tử lớn lên, nhà vua phong con làm phó vương và đã trị vì đất nước bảy ngàn năm.

Một ngày kia, người giữ vườn ngự uyển đem dâng vua đủ loại hoa quả. Vua rất đẹp ý và muốn làm vinh dự cho gã, ngài bảo gã trang hoàng ngôi vườn ngự uyển rồi ngài sẽ đến viếng. Người giữ vườn vâng lời ngài dạy xong liền tâu vua. Ngài liền ngự trên vương tượng có cận thần theo hầu, đi vào cổng ngự viên.

Bấy giờ, gần đó có hai cây xoài xanh tươi, một cây không trái, còn một cây đầy trái rất ngon ngọt. Trước đây, vua chưa nếm trái nào nên không ai dám hái cả. Ngay khi nhà vua đi ngang qua trên mình voi, ngài hái một trái ăn thử. Lúc quả xoài rụng đầu lưỡi ngài, một mùi hương tuyệt diệu xông lên khiến ngài nghĩ thầm: “Khi trở về, ta sẽ hái thêm nhiều trái nữa.” Nhưng khi được biết vua đã nếm trái đầu tiên rồi thì mọi người từ thái tử đến các người quản tượng đều tụ tập lại ăn xoài, còn những người không ăn trái thì lại lấy gậy phá cây, ngắt lá cho đến lúc cây toi tả, xơ xác, trong lúc cây kia vẫn đứng sừng sững tươi đẹp như một ngọn núi ngọc bích. Khi ra khỏi ngự viên, thấy vậy vua liền hỏi các đại thần. Họ tâu:

– Khi dám người này thấy Hoàng thượng đã “ngự” trái đầu tiên rồi thì họ phá cây.

– Nhưng cây kia không mất một ngọn lá nào.

– Nó không thiệt hại gì vì nó không có quả.

Vua vô cùng xúc động liền nghĩ: “Cây này giữ được màu xanh tươi vì nó không có quả, trong lúc cây bạn nó bị tan tành vì có quả. Vương quốc này cũng như cây có quả kia, còn đời người tu hành chẳng khác nào cây không trái. Chính người có của cải mới sợ hãi, chứ kẻ mình trần thân trụi thì chẳng phải sợ gì. Ta sẽ giống như cây không trái kia, chứ chẳng giống cây có trái nọ. Ta quyết sẽ từ bỏ tất cả cảnh huy hoàng lại, từ bỏ thế gian và trở thành vị khổ hạnh.” Quyết định vậy xong, ngài mới vào thành, đứng ở cửa cung, cho mời vị đại tướng vào bảo:

– Nay tướng quân, từ hôm nay đừng cho ai yết kiến ta, trừ một thị giả đem cơm cho ta, một thị giả khác đem nước và bàn chải cho ta súc miệng. Còn khanh hãy cùng các chánh phán quan lão thần trong triều lo cai trị nước. Từ nay, ta sẽ sống đời tu sĩ trên tầng thượng của hoàng cung.

Nói xong, ngài đi lên tầng thượng của hoàng cung một mình và sống đời tu sĩ. Thời gian qua, dân chúng tụ tập trong sân châu mà không yết kiến Bô-tát được, họ bảo nhau:

– Ngài chẳng giống Đại vương của chúng ta ngày trước.

Rồi họ ngâm kệ:

139. Chúa thượng, Đại vương cõi thế gian,
Đổi thay thật khác trước hoàn toàn,
Hoan ca, ngài chẳng lưu tâm đến,
Vũ nữ, ngài không thiết ngó ngang.

140. Hươu nai, ngự uyển, đàn thiên nga,
Chẳng quyến rũ, đôi mắt hững hờ,
Tĩnh tọa, ngài thành tâm lặng quá,
Để bao việc nước cứ trôi qua.

Họ lại hỏi thị giả và người hầu cận của vua:

– Đại vương có bao giờ nói chuyện với quý vị không?

Họ đáp:

– Không bao giờ cả!

Rồi họ kể lại chuyện đức vua với tâm trí luôn luôn trầm mặc, xa rời mọi dục lạc. Ngài nhớ lại các bậc Hiền hữu của ngài, các vị Độc Giác Phật và tự nhủ: “Ai có thể chỉ cho ta biết nơi an trú của các Hiền nhân đã giải thoát mọi tham ái và đầy đủ mọi công đức này?”

Rồi ngài cảm khái ngâm lớn ba vần kệ:

141. Tránh ngoại cảnh, chuyên chú lạc tâm,
Thoát ràng buộc, sợ hãi phạm trần,
Đâu vườn tiên giới, già cùng trẻ,
Đồng trú bao Hiền thánh, Trí nhân?

142. Bỏ lại đằng sau mọi dục tham,
Ta tôn sùng các Thánh vinh quang,
Giữa đời điên đảo vì cuồng vọng,
Chư vị ly tham, bước tịnh an.

143. Các Ngài phá hết lưới Ma thân,
Cạm bẫy kẻ lừa dối đã giăng,
Thoát mọi buộc ràng thanh thân bước,
Ai đưa ta đến chỗ Ngài chẳng?

Ngài sống đời ẩn sĩ tu hành trong cung vua được bốn tháng, cuối cùng ngài quyết tâm từ bỏ đời thế tục. Ngài thấy cung vua chẳng khác nào một tầng địa ngục ở giữa các thế gian và ba cõi sinh hữu (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) đang bốc cháy. Trong tâm trạng ấy, ngài bỗng phát họa cảnh kinh thành Mithilā cùng với ý tưởng: “Bao giờ thì đến lúc ta từ giã kinh thành Mithilā huy hoàng rực rỡ như cung trời Sakka (Đế-thích) này để đi vào dãy Tuyết Sơn khoác áo khổ hạnh?”

144. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Công trình cân đối, chia nhiều cấp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
145. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Công trình rộng lớn, huy hoàng khắp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
146. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi nhiều thành vách, cung môn đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
147. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi đồn lũy, tháp canh bền chắc,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
148. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Phân chia đại lộ thật đều đặn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
149. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Phân chia phố, tiệm, chợ đều đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
150. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi trâu, bò, ngựa, xe đông đúc,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
151. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Có hoa viên thắm, rừng cây quý,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
152. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Có vườn thượng uyển rừng hoa đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
153. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,

- Dãy cung điện với rừng xanh mướt,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
154. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời thành phồn thịnh Mithilā,
 Tường thành ba lớp, có hoàng tộc,
 Được tạo bởi Somanassa,
 Vua xứ Videha danh tiếng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
155. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời quê hưng thịnh Videha,
 Kho tàng đầy ắp, hộ theo pháp,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
156. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời quê hưng thịnh Videha,
 Hùng cường vô địch, hộ theo pháp,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
157. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
 Chia dinh thự khéo, đo cân đối,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
158. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
 Tường tô đất sét, vôi màu trắng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
159. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
 Mùi hương tinh khiết bay thoang thoang,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
160. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các mái tháp gần xa,
 Chia từng phần khéo, đo cân đối,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
161. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các mái tháp gần xa,
 Tường tô đất sét, vôi màu trắng,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
162. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các mái tháp gần xa,

- Mùi hương tinh khiết bay thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 163.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các mái tháp gần xa,
Chiên-đàn tầm ướp, hương thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 164.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời long sàng quý dát bằng vàng,
Phía trên trải thảm lông dài mịn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 165.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời long sàng khảm ma-ni sang,
Phía trên trải thảm lông dài mịn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 166.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời y bông vải, lạnh Khoma,
Gấm Kodumba cùng tơ lụa,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 167.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời hồ nước mát xinh xinh kia,
Thiên nga hồng lượn kêu nhau suốt,
Hồ phủ đầy sen súng như vậy,
Nổi bật sen hồng, hoa súng biếc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 168-69.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ vương tượng cả binh đoàn,
Có đai, cương ánh vàng, trang sức,
Điều tượng sư trên thân tọa an,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 170-71.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ ngựa chiến cả binh đàn,
Giống thuần Sindh hiếm, phi nhanh lẹ,
Tô điểm rất nhiều món phục trang,
Điều mã sư mang cung với kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 172-73.** Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ xa chiến cả binh đoàn,

Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

174-75. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ, rời hẳn các kim xa,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

176-77. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ xa bạc ánh cao sang,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

178-79. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ những chiếc mã xa kia,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

180-81. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ những chiếc lạc đà xa,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

182-83. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ hẳn những chiếc ngưu xa,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

184-85. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ những chiếc xe dê kia,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hổ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

- 186-87. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe cừu kia,
Có giăng cờ hiệu, điếm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 188-89. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe nai kia,
Có giăng cờ hiệu, điếm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
190. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ điều tượng sư hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
191. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ điều mã sư hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay kia giữ kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
192. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ viên quân xa hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
193. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những xạ thủ hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điếm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
194. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những hoàng tử hùng anh,
Họ mang áo giáp nhiều màu đẹp,
Tô điếm trên mình các phục trang,

- Đầu đội vòng hoa vàng óng ánh,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
195. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các giáo sĩ thanh cao,
 Chuyên lo các lễ nghi tôn giáo,
 Phục sức, tẩm chiên-đàn loại vàng,
 Mặc vải Kāsi chất lượng nhất.
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
196. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ các đại thần, thân quan,
 Họ đi phía trước, rất anh dũng,
 Tô điểm trên mình áo giáp vàng,
 Lại có mang thêm trang sức quý,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
197. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
 Điểm tô đủ mọi trang sức đẹp,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
198. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
 Đằm đằm, hiểu biết, vòng eo nhỏ,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
199. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
 Ân cần, niềm nở, lời hiền diệu,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
200. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
 Giã từ bát nặng trăm pala,
 Làm bằng vàng, khắc trăm hình ảnh,
 Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
- 201-02. Biết đến khi nào ta tiến ra,
 Cả đoàn binh tượng không theo ta,
 Có đai, cương ánh vàng, trang sức,
 Điều tượng sư trên thân tọa an,
 Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 203-04. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Cả đoàn ngựa chiến không theo ta,

Giống thuần Sindh hiểm, phi nhanh lẹ,
Tô điểm rất nhiều món phục trang,
Điều mã sư mang cung với kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

205-06. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn xa chiến không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

207-08. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn kim xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

209-10. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn xa bạc không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

211-12. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn xa mã cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

213-14. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Lạc đà xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

215-16. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn ngưu xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hồ trái sàng,
Viên quân xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

- 217-18.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Đoàn xe dê cũng không theo ta,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hồ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 219-20.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Đoàn xe cừu cũng không theo ta,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hồ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 221-22.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Đoàn xe nai cũng không theo ta,
 Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
 Trang bị, da beo hồ trái sàng,
 Viên quân xa mang cung, áo giáp,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 223.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Các viên điều tượng không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,
 Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 224.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Các viên điều mã không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,
 Tay giữ cung, tay kia giữ kiếm,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 225.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Quân xa sư cũng không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,
 Tay giữ cung, tay tên một bó,
 Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
- 226.** Biết đến bao giờ ta tiến ra,
 Những người xạ thủ không theo ta,
 Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
 Tô điểm trên mình các phục trang,

- Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
227. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Những hoàng tử cũng không theo ta,
Họ mang áo giáp nhiều màu đẹp,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Đầu đội vòng hoa vàng óng ánh,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
228. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Mà đoàn giáo sĩ không theo ta,
Họ chuyên các lễ nghi tôn giáo,
Phục sức, tấm chiên-đàn loại vàng,
Mặc vải Kāsi chất lượng nhất.
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
229. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đại thần thân cận không theo ta,
Họ đi phía trước, rất anh dũng,
Tô điểm trên mình áo giáp vàng,
Lại có mang thêm trang sức quý,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?
230. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ mang đủ mọi trang sức đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
231. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ nhiều hiểu biết, vòng eo nhỏ,
Ôi, đến khi nào thỏa nguyện ta?
232. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ luôn niềm nở, lời hiền diệu,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?
233. Biết đến bao giờ có bát rồi,
Đầu ta đã cạo, đắp y đôi,
Ta đi khát thực ở nhiều chỗ,
Biết đến bao giờ thỏa nguyện, ôi!
234. Bao giờ sẽ có y đôi thường,
Từ các mảnh vải bản bên đường,

- Làm y phần tảo ta dùng mặc,
 Ôi, biết khi nào thỏa ước mong?
235. Bao giờ sẽ có trận mưa dai,
 Mưa đổ suốt trong cả bảy ngày,
 Ta khát thực mang y ẩm ướt,
 Ôi, khi nào có việc như này?
236. Khi nào ta sẽ đi muôn phương,
 Qua các cội cây, các cánh rừng,
 Trong dạ không còn những ước vọng,
 Ôi, điều này sẽ xảy ra bao giờ?
237. Biết đến bao giờ ta độc hành,
 Qua đồi núi hiểm trở, loanh quanh,
 Không còn nổi hải kinh, lo lắng,
 Ôi, biết khi nào việc trở thành?
238. Biết lúc nào tu trực hạnh tâm,
 Như người nghệ sĩ thất huyền cầm,
 Đàn hòa tuyệt diệu nghe thanh thoát,
 Ôi, biết khi nào việc trở thành?
239. Đoạn lúc nào thì kiết sử rời,
 Chính đây dục trối cõi người, trời,
 Giống như thợ mộc thật nhuần nhuyễn,
 Gọt láng sạch quanh guốc gỗ rồi?

Lúc bấy giờ, ngài sinh vào thời kỳ con người thọ đến một muôn tuổi. Vì vậy, sau khi trị nước bảy ngàn năm, ngài làm ẩn sĩ, ngài còn ba ngàn năm nữa và lúc bắt đầu sống đời khô hạnh, ngài vẫn còn ở hoàng cung bốn tháng kể từ ngày thấy cây xoài nhưng rồi ngài tự nhủ ở am ẩn sĩ tốt hơn ở hoàng cung.

Thế là ngài bí mật bảo người hầu cận tìm cho ngài vài chiếc y vàng và một bình bát bằng đất bán ở chợ. Ngài cho mời người thợ hớt tóc vào cạo bỏ râu tóc ngài, mặc một y vàng bên trong, một y vàng bên ngoài, đắp một y nữa lên vai. Rồi cầm chiếc gậy, ngài đi lui đi tới nhiều lần trên gác hoàng cung với những bước chân ngắt ngưỡng của một vị Độc Giác Phật. Ngày hôm ấy ngài còn ở đấy, nhưng sáng sớm hôm sau, ngài bắt đầu đi xuống.

Hoàng hậu Sīvalī cho gọi bảy trăm cung nữ được sủng ái vào bảo:

– Đã lâu lắm rồi, cả bốn tháng tròn kể từ khi chúng ta gặp Thánh thượng lần cuối, hôm nay chúng ta sẽ gặp được mặt rồng. Vậy các nàng hãy trang điểm cho mình thật đẹp, làm sao cố mê hoặc Thánh thượng để ngài tham đắm dục lạc không thoát ra nổi!

Được các cung nữ trang sức lộng lẫy hộ tống, hoàng hậu bước lên hoàng cung để yết kiến vua. Nhưng dù thấy ngài đi xuống, bà không nhận ra ngài, cứ

tướng đó là một vị Độc Giác Phật đến giáo hóa vua. Bà đánh lễ và đứng qua một bên, rồi Bồ-tát bước xuống khỏi hoàng cung. Nhưng hoàng hậu khi lên lầu ngắm các lọn tóc của vua màu ong nghệ rớt trên long sàng cùng các vật dụng tắm rửa của ngài liền thét lên:

– Đó không phải vị Độc Giác Phật đâu, có lẽ đó là Thánh thượng tôn quý của ta rồi. Thôi ta phải van xin ngài trở lại!

Thế là từ gác hoàng cung đi xuống sân rồng, hoàng hậu cùng các cung phi xõa tóc rũ rượi trên lưng, đầm ngực đi theo nhà vua than khóc thảm thiết:

– Ôi, Đại vương, sao ngài nữ làm vậy?

Cả kinh thành náo động lên, dân chúng ùa theo đức vua khóc lóc:

– Thánh thượng đã làm ẩn sĩ rồi, ta còn tìm đâu ra một vị anh quân như vậy nữa?

Lúc ấy, bậc Đạo sư tả cảnh các cung phi khóc lóc và nhà vua cứ bỏ mặc họ mà đi, đã ngâm kệ này:

240. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Tô điểm trên người mọi phục trang,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
“Sao ngài nữ bỏ thiếp lên đàng?”

241. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Họ có eo thon, rất đầm đàng,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
“Sao ngài nữ bỏ thiếp lên đàng?”

242. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Niềm nở, ân cần, lời dịu ngoan,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
“Sao ngài nữ bỏ thiếp lên đàng?”

243. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Tô điểm trên người mọi phục trang,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cất ái, ly gia.

244. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Họ có eo thon, rất đầm đàng,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cất ái, ly gia.

245. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Niềm nở, ân cần, lời dịu ngoan,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cất ái, ly gia.

246. Giã từ chén rượu lễ đăng quang,
Dấu xưa vương giả cảnh huy hoàng,
Hôm nay ngài lấy bình bằng đất,
Sự nghiệp mới đang phải khởi đường.¹³

Hoàng hậu Sīvalī thấy khóc than không thể cản bước vua được liền nghĩ một cách khác. Bà cho triệu viên đại tướng quân đến, ra lệnh đốt lửa trước mặt vua, giữa những căn nhà hoang phế nằm trên hướng vua đi tới, chất cao cỏ rác thành từng đống, khói tỏa mịt mù khắp nơi. Vị này tuân lệnh. Rồi bà chạy đến bên chân vua, quỳ xuống dưới chân ngài, râu rắng kinh thành Mithilā đang bốc cháy qua hai vãn kệ này:

247. Thật là khủng khiếp, lửa hoành hành,
Kho báu, kho hàng cháy thật nhanh,
Vàng, bạc, ngọc, sò lẫn lượt cháy,
Thảy đều tiêu hủy đến tan tành.
248. Xiêm y lông lấy, ngà, da, đồng,
Tất cả gặp chung phận phũ phàng,
Tâu Chúa thượng, xin mau trở lại,
Cứu tài sản trước lúc tiêu vong!

Bồ-tát trả lời:

– Ô hay, Hoàng hậu nói gì vậy? Kẻ nào có của cải mới lo bị đốt cháy, chứ ta có gì đâu?

249. Ta chẳng có đâu của cải gì,
Sống không lo lắng hoặc sầu bi,
Mithilā có nguy cơ cháy,
Ta cũng chẳng còn cháy vật chi!¹⁴

Nói xong, ngài đi ra phía Bắc môn, các cung phi cũng theo sau. Hoàng hậu Sīvalī ra lệnh bảo họ chỉ cho ngài xem các làng mạc bị tàn phá, đất bị bỏ hoang và họ lại chỉ cho ngài thấy nhiều người mang khí giới chạy đi cướp bóc khắp nơi, trong khi một số người khác được phết sơn đỏ lên người và khiêng đi trên các tấm ván như thể bị thương hay đã chết rồi. Dân chúng la hét lên:

– Tâu Đại vương, trong khi ngài gìn giữ giang sơn, chúng phá phách giết hại đồng bào như vậy đó.

Thế là hoàng hậu ngâm vãn kệ van xin vua trở về:

¹³ Xem *Thag.* v. 97, 892.

¹⁴ Tham chiếu: *Dh.* v. 200; *S.* I. 113, *Piṇḍasutta* (Kinh Khất thực); *Pháp cú kinh* “An ninh phẩm” 法句經安寧品 (T.04. 0210.23. 0567b17); *Pháp cú thí dụ kinh* “An ninh phẩm” 法句譬喻經安寧品 (T.04. 0211.23. 0594c07); *Xuất diệu kinh* “Lạc phẩm” 出曜經樂品 (T.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

- 250.** Bọn giữ rừng đang bỏ đất hoang,
Xin ngài về cứu độ toàn dân,
Giang sơn đừng để ngài không trị,
Đành sụp đổ vô vọng nát tan.

Nhà vua suy nghĩ: “Khi ta đang cai trị, không có cướp bóc nào nổi lên phá hoại đất nước cả, chắc đây là trò bịa đặt của Hoàng hậu Sīvalī.” Vì vậy, ngài ngâm các vần kệ này như thể ngài không biết bà nói gì:

- 251.** Ta chẳng có đầu của cái gì,
Sống không lo lắng hoặc sầu bi,
Giang sơn có thể nằm hoang vắng,
Nhưng chính ta không thiệt hại chi.
- 252.** Chúng ta không có của gì riêng,
Sống chẳng lo âu, chẳng muộn phiền,
Thọ hưởng niềm vui trong cực lạc,
Khác gì một vị Quang Âm thiên.

Dù ngài nói vậy, dân chúng vẫn đi theo ngài, ngài tự nhủ: “Họ không muốn trở về, vậy ta phải buộc họ trở về.” Rồi khi ngài đi được chừng nửa dặm, ngài quay lui hỏi vị đại thần:

- Đất nước này của ai đây?
- Tâu Đại vương, đất nước của Đại vương.
- Vậy thì hãy trừng phạt kẻ nào vượt khỏi ranh giới này.

Nói xong, ngài vạch một lần ranh bằng cây gậy của ngài. Không một kẻ nào dám vi phạm ranh giới này cho nên dân chúng đứng sau lần ranh la khóc ầm ĩ. Hoàng hậu cũng không thể vượt lần ranh, chỉ biết nhìn theo nhà vua đang đi xa dần, quay lưng về phía bà. Rồi bà không ngăn được sầu khổ, dầm ngực khóc lóc, ngã xuống, cố vượt qua khỏi lần ranh. Dân chúng la to:

- Quân canh giữ đã phá lần ranh rồi.

Thế là họ theo gương hoàng hậu bước qua.

Bậc Đại sĩ đi về phía bắc dãy Himavanta (Tuyết Sơn), hoàng hậu cũng đi theo ngài, kéo theo cả binh sĩ cùng đàn voi ngựa để cưỡi. Vua không ngăn chặn họ được nên cứ tiếp tục cuộc hành trình chừng sáu mươi do-tuần nữa.

Lúc bấy giờ, có một ẩn sĩ tên gọi Nārada ở trong Kim động thuộc dãy Himavanta đã chứng được năm thắng trí. Sau bảy ngày nhập định, vị ấy xuất thiền và đắc thắng reo lên:

- Ôi, cực lạc! Ôi, cực lạc!

Rồi trong khi vị ấy dùng thiên nhãn nhìn xem có ai trong cõi Diêm-phù-đề này đang đi tìm cực lạc như vậy không, chợt vị ấy thấy Bồ-tát Mahājanaka. Vị ấy nghĩ: “Ông vua này đã làm đại sự xuất thế nhưng lại không ngăn được đám

đồng dân chúng do Hoàng hậu Sīvalī dẫn đường, họ có thể gây cản trở cho ngài. Vậy ta phải khích lệ sao cho nhà vua giữ chí nguyện vững vàng hơn nữa.”

Rồi vị ấy dùng thần lực đứng trên không trước mặt vua ngâm kệ để giúp tăng cường quyết tâm của ngài:

253. Do đâu huyền náo ở đằng kia,
Nhu thể là đình đám hội hè,
Sao đám đông này đang tụ tập,
Xin ngài ần sĩ nói cho nghe?

Vua liền đáp:

254. Ta đã vượt ranh giới, xuất gia,
Cho nên dân chúng đến đây mà,
Ta xa đời với lòng an lạc,
Người đã biết rồi, sao hỏi ta?

Vị ần sĩ ngâm vần kệ để xác nhận ý chí của vua:

255. Đừng nghĩ rằng ngài đã vượt ranh,
Vẫn còn dao động ở trong mình,
Vẫn còn chướng ngại ngay đằng trước,
Chiến thắng ngài chưa thể đạt thành.

Bậc Đại sĩ lớn tiếng tuyên bố:

256. Không dục lạc dầu thuộc loại nào,
Làm sòn ý chí vững bền đâu,
Cừu nhân nào cản đường ta được,
Trong lúc ta đang tới đích mau?

Sau đó, ần sĩ ngâm vần kệ nêu rõ các chướng ngại:

257. Hôn trầm, phóng dật theo tham dục,
Mê đắm, tâm bất mãn, hận sân,
Thân đón bọn này như khách quý,
Tất nhiều chướng ngại phải đa mang.

Bậc Đại sĩ liền khen ngợi vị ấy qua vần kệ:

258. Đạo sĩ, lời khuyên đáng bậc Hiền,
Cám ơn người đã nói lời trên,
Trả lời ta hỏi như người muốn,
Xin nói là ai đó, họ tên?

ần sĩ đáp:

259. Ta đây danh hiệu Nārada,
Từ chốn ần cư tiên giới, ta
Vừa đến nói điều này với bạn,
Kết giao bậc Trí tối ưu mà.

260. Thực hành bốn pháp tối cao thay,
Tìm cực lạc trong Thánh đạo này,
Dù thiếu thứ gì ngài cũng mặc,
Sống bằng nhần nhục, tịnh an đây.
261. Ngã tướng dù là thấp hoặc cao,
Đều không xứng với bậc Hiền đầu,
Hãy xem giới luật và tri kiến,
Pháp bảo hộ cho cuộc Thánh cầu.

Rồi Nārada bay về cõi an trú của mình. Sau đó, một ả sĩ khác tên Migājina vừa mới xuất thiền định, đang chiêm ngưỡng bậc Đại sĩ và quyết định khuyến khích ngài bảo dân chúng ra về nên vị này hiện ra trên không trước mặt ngài và ngâm các vần kệ sau:

262. Các đàn ngựa, voi, các cỗ xe,
Thần dân thành thị lẫn thôn quê,
Mahājanaka đã lìa xa chúng,
Bình bát đất làm ngài thỏa thuê.
263. Hãy nói, phải chăng các đại thần,
Chư hầu, quyến thuộc hoặc thân bằng,
Làm ngài thương tổn vì lừa phản,
Ngài chọn đây làm chỗ trú chân?

Bậc Đại sĩ đáp:

264. Hiền nhân, không thể có khi nào,
Bất cứ nơi nào, hoặc có sao,
Ta đã làm sai cho quyến thuộc,
Hoặc là họ khiến ta buồn đau.

Sau khi bác lại câu hỏi như vậy, giờ ngài nói vần kệ này để chỉ rõ nguyên nhân đi tu:

265. Thấy đời bị nghiền nát đau thương,
Tăm tối vì ô nhiễm, bụi bùn,
Thấy nạn nhân gông xiềng, giết chết,
Người đời dính mắc dục phạm trần,
Lấy đây ví dụ cho mình vậy,
Khất sĩ từ đây khởi bước đường.

Vị khổ hạnh muốn nghe thêm nữa liền hỏi ngài:

266. Không ai muốn khổ hạnh lang thang,
Nếu chẳng Đạo sư chỉ lối đường,
Dù cách thực hành hay lý thuyết,
Ai là sư phụ nói cho tường?

Bậc Đại sĩ đáp:

267. Hiền giả, chưa hề trước đến giờ,
Ta nghe lời nói động tâm ta,
Từ môi đạo sĩ hay du sĩ,
Khuyên bảo ta làm khổ hạnh gia.

Bậc Đại sĩ nói cho vị ấy đầy đủ chi tiết lý do ngài xuất thế:

268. Ta đã nhân du chốn ngự viên,
Một ngày mùa hạ đại trang nghiêm,
Vớ bao ca khúc và đàn địch,
Tràn ngập không gian khắp mọi miền.
269. Nơi kia ta thấy một cây xoài,
Đứng cạnh bức tường gốc rễ phơi,
Vì bọn phàm nhân tìm hái trái,
Toàn thân xơ xác, lá tươi rời.
270. Giật mình rời cảnh tượng oai hùng,
Dừng bước ngắm cây, mắt lạ lùng,
So sánh cây xoài này có trái,
Vớ cây không trái mọc kề gần.
271. Cây có trái kia đứng lụi tàn,
Mọi cành trơ trụi lá tan hoang,
Cây không trái đứng xanh, cường tráng,
Tán lá vẫy trong gió nhẹ nhàng.
272. Cây đầy trái cũng giống như vua,
Lăm địch thủ mong giết hại ta,
Và cướp của ta bao trái ngọt,
Trong thời gian ngắn phô bày ra.
273. Voi bị giết vì chính bộ ngà,
Cọp beo bị giết bởi vì da,
Bơ vợ, không cửa nhà, bằng hữu,
Người đại phú sau rốt hiểu ra:
Tài sản chính là tai họa lớn,
Hai cây xoài ấy chính thầy ta,
Từ hai cây ấy ta tìm được
Bài học dạy ta sống xuất gia.

Ân sĩ Migājina nghe vua nói như vậy liền khuyên nhủ ngài nên nhất tâm rồi trở về nơi trú của mình. Khi ân sĩ đi rồi, Hoàng hậu Sīvalī liền quỳ xuống chân vua và tâu:

274. Ở trên vương tượng hoặc vương xa,
Kỵ mã, bộ binh khắp mọi nhà,

Tất cả thần dân đều khóc lớn:
“Đại vương đã xuất thế ly gia!”

- 275.** Xin trấn an lòng chúng trữu buồn,
Hoàng nhi, ngài hãy đợi phong vương,
Rồi xa trần thế như ngài muốn,
Khổ hạnh đơn thân tiến bước đường.

Bồ-tát đáp:

- 276.** Ta bỏ đằng sau những cận thân,
Thân bằng, quyến thuộc khắp non sông,
Nhưng còn vương tộc Vi-đề ấy,
Huân luyện Dīghāvu trị dân,
Hoàng hậu Mithilā chớ sợ,
Quần thần sẽ hỗ trợ kẻ gần!

Hoàng hậu kêu lên:

– Tâu Đại vương, Đại vương đã làm ân sĩ, vậy thần thiếp phải làm gì bây giờ?

Nhà vua liền bảo:

– Ta khuyên Hoàng hậu thế này, hãy gắng thực hiện lời ta!

Rồi ngài nói với bà như sau:

- 277-78.** Nếu dạy hoàng nhi lúc trị dân,
Sai lầm trong ý tưởng, lời, thân,
Sau nàng sẽ gặp nhiều đau khổ,
Vận mạng này đây đã định phần.
Vật bố thí dành cho khát sĩ,
Bạc Hiền bảo đầy chúng ta cần.

Ngài khuyên nhủ hoàng hậu như thế xong rồi cùng đàm đạo với bà trên đường đi cho đến khi mặt trời lặn. Hoàng hậu cho cắm trại vào một nơi thích hợp, còn nhà vua đến một gốc cây ngủ qua đêm. Ngày hôm sau, khi tắm rửa xong, ngài lại tiếp tục ra đi. Hoàng hậu ra lệnh cho binh lính phải đi theo và bà cũng đi theo ngài.

Vào giờ khát thực, họ đến kinh thành Thūṇa. Lúc đó, có một người đàn ông mua một miếng thịt lớn ở hàng thịt xong, đem nướng chín trên vĩ và đặt trên một tấm thớt chờ nguội. Nhưng trong khi gã bận rộn làm việc khác thì một con chó đến tha thịt đi mất. Người ấy đuổi theo đến cửa Nam kinh thành nhưng vì mệt quá phải dừng lại.

Vua và hoàng hậu đang đi đến trước mặt con chó, nó hoảng sợ khi thấy hai vị nên làm rơi miếng thịt và chạy mất. Bạc Đại sĩ thấy vậy liền nghĩ: “Nó đã làm rớt miếng thịt và chạy trốn, không màng đến thịt nữa mà chủ nhân thì không biết là ai, thật không có của bố thí nào tốt hơn cái này, ta phải ăn mới được.”

Thế rồi ngài lấy bình bát đất ra, cầm miếng thịt lên phủi bụi dơ đặt vào bình bát, tìm một nơi dễ chịu mát mẻ có nước chảy rồi ăn thịt.

Hoàng hậu nghĩ thầm: “Nếu đức vua xứng đáng ngồi trên ngai vàng thì ngài đã không ăn vật thừa đầy bụi bặm của chó, thật bây giờ ngài không còn là quân vương của ta nữa.” Rồi bà nói to:

– Đại vương ôi! Ngài ăn miếng thịt ghê tởm như vậy sao?

– Ấy chính sự ngu dại mù quáng của nàng làm cho nàng không thấy được giá trị đặc biệt của vật bỏ thí này.

Rồi ngài thận trọng quan sát chỗ miếng thịt đã rơi xuống và ăn thịt ngon lành như thể cao lương mỹ vị của thần tiên xong rửa miệng và tay chân.

Lúc ấy, hoàng hậu nói giọng khiển trách ngài:

279. Tứ thời ăn cứ đến xoay vần,
 Nếu nhịn ăn, người phải bỏ thân,
 Tuy thế một người dòng quý tộc,
 Sẽ không ném vật bản kinh hồn.
 Ngài đã làm đây việc trái sai,
 Đại vương ôi, đáng thẹn cho ngài,
 Lấy ăn đồ vật thừa từ chó,
 Việc bất xứng kia đã phạm rồi.

Bậc Đại sĩ đáp:

280. Vật thừa từ chó hoặc từ người,
 Ta chắc chẳng là của cấm ai,
 Nếu được vật kia theo đúng pháp,
 Thức ăn hợp lý, sạch mà thôi.

Đang lúc nói chuyện, vua và hoàng hậu đi đến công thành. Trẻ con đang chơi đùa ở đó, một cô bé đang sảy cát trong một cái sần sảy thóc nhỏ. Trên tay cô bé có một chiếc vòng không gây tiếng động nào, còn tay kia có hai chiếc vòng kêu reng reng. Nhà vua thấy vậy nghĩ thầm: “Sīvalī cứ đi theo ta mãi, kẻ khổ hạnh còn có vợ thật là tai hại, người đời sẽ chê trách ta và bảo rằng ngay cả khi ta đã xa lìa thế tục mà ta lại không xa vợ được. Vậy nếu cô gái này khôn ngoan, cô bé có thể nói cho Sīvalī hiểu tại sao nàng phải quay về và xa lìa ta cho rồi. Ta sẽ nghe chuyện cô bé này và bảo Sīvalī phải đi ngay.” Rồi ngài bảo:

281. Cô bé nép mình dưới mẹ hiền,
 Với vòng nho nhỏ ấy đeo trên,
 Vì sao chỉ một tay rung nhạc,
 Trong lúc tay kia mãi lặng yên?

Cô bé đáp:

282. Hai vòng đeo ở cánh tay tôi,
 Chẳng phải một vòng, khát sĩ ôi!

Vì xúc phạm nhau gây tiếng động,
Việc này do chính chiếc vòng đôi.

283. Nhưng chú ý xem tay phía này,
Chiếc vòng độc nhất nó đeo vậy
Đứng yên tại chỗ không lên tiếng,
Im lặng chỉ vì chẳng có hai.

284. Chính chiếc vòng đôi tạo tiếng ồn,
Một vòng độc nhất ấy thì không,
Ngài tìm hạnh phúc nên đơn độc,
Hạnh phúc chỉ người sống độc thân.

Nghe lời cô gái, ngài hiểu ý và bảo hoàng hậu:

285. Hãy nghe lời nói của cô này,
Cô gái làm ta hồ thẹn đây,
Ví thử nghe lời nàng thỉnh nguyện,
Lỗi lầm chính kẻ thứ hai gây.

286-87. Đây hai đường, chọn một cho nàng,
Còn lối kia, ta chọn chính ta,
Đừng gọi ta là chồng vậy nữa,
Nàng không còn vợ, hãy chia xa!

Hoàng hậu nghe ngài nói thế liền xin ngài đi rẽ về phía tay phải tốt hơn, còn bà đi về phía trái. Nhưng chỉ đi được một đoạn, bà không ngăn chặn được sầu khổ liền trở lại với ngài và cùng ngài đi vào thành.

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này và nói như sau:

Cùng với những lời này trên môi,
Hai vị đi vào thành Thūṇa.

Sau khi đã vào thành, Bồ-tát tiếp tục đi khát thực, đến cửa nhà một người làm cung tên, trong khi đó hoàng hậu đứng một bên. Bấy giờ, người thợ đang nung đỏ mũi tên trên một lò than rồi nhúng ướt tên đó trong một ít bột hồ chua, nheo một mắt lại, còn mắt kia nhắm mũi tên cho thẳng. Bồ-tát nghĩ: “Nếu người này khôn ngoan thì có thể giải thích cho ta rõ chuyện này. Để ta hỏi gã thử xem!” Rồi ngài đến gần gã.

Bậc Đạo sư tả cảnh này qua vần kệ:

288. Đến nhà khát thực kẻ làm tên,
Người ấy nheo con mắt đứng lên,
Và với mắt kia nhìn một hướng,
Để làm cho thẳng mũi tên rèn.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ bảo gã:

289. Một mắt sao người cứ nhắm hoài,
Chỉ nhìn một mắt chẳng hề sai,
Xin người giải thích hành vi ấy,
Người nghĩ nó hoàn thiện mắt người?

Gã đáp lại:

290. Tầm mắt hai trông mở rộng ra,
Chỉ làm lạc hướng nhãn quang ta,
Không nhìn thấy được chỗ cong vẹo,
Chẳng tạo được tên nào thẳng ngay.
291. Khi một mắt vừa nhắm lại xong,
Chỉ dùng một mắt ngắm nơi cong,
Mới nhìn thấy rõ chỗ sai khác,
Tạo được chiếc tên thẳng ước mong.
292. Có kẻ thứ hai có cãi tranh,
Một người thì cãi với ai đành?
Nếu ngài muốn côi phúc, thiên giới,
Hãy mền ưa đơn độc, gắng hành!

Sau mấy lời khuyên nhủ này, gã yên lặng. Bậc Đại sĩ lại tiếp tục đi khát thực, khi đã thọ lãnh đủ loại thức ăn, ngài liền đi ra khỏi thành tìm chỗ mát mẻ có nước chảy ngồi xuống. Khi đã ăn uống xong xuôi, ngài cất bình bát vào chiếc bị và bảo Hoàng hậu Sīvalī:

293. Nàng nghe lời gã nhắm tên vầy,
Chẳng khác gì cô gái trước đây,
Gã sẽ làm cho ta rối trí,
Với bao hổ thẹn ngập đầu này,
Nếu ta nhượng bộ nàng cầu thỉnh,
Gây lỗi chính là kẻ thứ hai.

- 294-95. Đây hai đường, chọn một cho nàng,
Còn lối kia, ta chọn chính ta,
Đừng gọi ta là chồng vậy nữa,
Ta không có vợ, già từ nàng!

Dù nghe lời ngài nói vậy, hoàng hậu vẫn đi theo ngài nhưng bà hiểu bà không thể nào thuyết phục vua quay trở về được nữa, còn dân chúng cũng cứ tiếp tục theo sau bà. Lúc bấy giờ, có một khu rừng không xa đó mấy, bậc Đại sĩ thấy bóng cây đổ xuống tối mờ, ngài muốn bảo hoàng hậu quay về nên khi thấy cỏ muñja mọc bên lề đường, ngài ngắt một cọng cỏ, bảo bà:

– Nay Sīvalī, thân cây cỏ này không thể nổi lại được nữa, vậy từ nay mỗi lần lạc giữa ta và nàng cũng không bao giờ nổi lại được nữa đâu.

Rồi ngài ngâm lớn nửa vắn kệ:

Như cỏ muṇja đã lớn này,
Sīvalī, độc trú từ đây.

Khi hoàng hậu nghe thế, bà nói:

– Từ nay ta cũng không liên lạc gì với Vua Mahājanaka nữa.

Rồi không thể ngăn được sầu khổ, bà đắm ngực la khóc và ngất xỉu bên vệ đường. Bậc Đại sĩ thấy bà đã bất tỉnh mê man, lập tức đi sâu vào rừng, cẩn thận xóa mờ dấu chân của ngài. Các quan đại thần chạy đến rảy nước vào thân thể hoàng hậu, xoa bóp tay chân của bà một lát thì bà hồi tỉnh. Bà hỏi:

– Đại vương đâu rồi?

Họ tâu:

– Thế Hoàng hậu không biết sao?

Hoàng hậu bảo họ:

– Đi tìm Hoàng thượng ngay!

Nhưng dù họ đi quanh quẩn khắp nơi, họ cũng không tìm thấy ngài đâu. Vì thế bà than khóc thảm thiết, và sau khi bảo dựng đền thờ nơi ngài đứng trước kia, bà cúng dường hương hoa rồi trở về.

Bậc Đại sĩ ở trong Tuyết Sơn, trong bảy ngày ngài chứng đắc năm thắng trí và tám thiền chứng rồi ngài không trở lại cõi đời này nữa. Hoàng hậu bảo dựng đền thờ ở các nơi ngài đã đến và nói chuyện với người thợ làm tên, với cô bé gái, nơi ngài đã ăn miếng thịt, nơi ngài nói chuyện với hai ẩn sĩ Migājina và Nārada xong, bà làm lễ cúng dường hương hoa.

Rồi được binh lính hộ tống, bà vào thành Mithilā cử hành lễ phong vương cho hoàng tử trong vườn xoài và ra lệnh đem hoàng tử cùng binh lính vào thành. Còn phần bà, sau khi chọn đời khổ hạnh của một nữ ẩn sĩ, bà sống ở trong vườn xoài và hành trì các pháp môn đưa đến thiền định cho đến khi bà chứng đắc thiền định và được sinh vào cảnh giới của Phạm thiên.

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế mà xưa kia Như Lai cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc ấy, vị nữ hải thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Hiền giả Nārada là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Hiền giả Migājina là Moggallāna (Mục-kiền-liên), cô gái là Tỷ-kheo-ni Khemā, người làm tên là Ānanda (A-nan), Hoàng hậu Sīvalī là mẹ của Rāhula, Hoàng tử Dīghāvu là Rāhula (La-hầu-la), cha mẹ của Bô-tát là hai vị trong vương tộc ngày nay và Vua Mahājanaka chính là Ta.

§540. CHUYỆN HIẾU TỬ SĀMA (*Sāmajātaka*)¹⁵ (J. VI. 68)

Ai đó đang mai phục bắt mình...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ.

Chuyện kể rằng có một thương nhân giàu có tại thành Xá-vệ, của cải lên đến một trăm tám mươi triệu, người này có một cậu con trai rất được yêu quý. Một ngày nọ, cậu con trai đi lên lầu, mở cửa nhìn xuống đường, khi thấy đám đông dân chúng đang đi đến Kỳ Viên, tay cầm hương hoa cúng dường để nghe thuyết pháp, cậu bảo rằng cậu cũng muốn đi. Cậu truyền đem hương hoa lại, rồi cậu đi đến tinh xá cúng dường y phục, được phẩm cùng các thức ăn uống cho chúng Tỷ-kheo ở đó, và đánh lễ đức Thế Tôn với hương hoa rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi nghe thuyết pháp, cậu nhận thức được các quả ác do tham dục gây ra và những quả phúc do đời sống tu hành mang lại. Rồi khi hội chúng ra về, cậu xin đức Thế Tôn cho cậu thọ giới. Nhưng đức Như Lai bảo cậu rằng Ngài không truyền giới cho ai khi chưa xin phép cha mẹ. Vì thế cậu ra về, nhịn ăn một tuần, cuối cùng được cha mẹ chấp thuận, cậu trở lại và xin thọ giới. Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho cậu.

Sau đó, vị Tỷ-kheo mới này được tán thán và đạt nhiều công hạnh, được sự ái mộ của các vị Sư trưởng và Giáo thọ sư; và khi đã thọ Đại giới, ông tinh thông giáo pháp trong vòng năm năm. Rồi vị Tỷ-kheo này nghĩ: “Ta sống viễn ly ở chôn này thật không thích hợp với ta.” Và ông nóng lòng đạt cứu cánh của thiền định. Thế là sau khi nghe lời dạy của vị Giáo thọ sư về thiền định, ông đi đến một làng ở biên địa sống trong rừng sâu hành trì thiền định, nhưng không đạt được ý niệm nào đặc biệt dù ông đã tinh cần tu tập trong mười hai năm liền mà tâm vẫn không được định tĩnh.

Cũng trong thời gian này, cha mẹ của Tỷ-kheo này trở nên nghèo túng vì những người thuê đất hay bán hàng cho nhà này thấy trong nhà không có con em gì đến buộc họ trả nợ cho nên đã chiếm đoạt hết những của cải nào rơi vào tay họ và tha hồ chạy trốn, gia nhân tôi tớ trong nhà lại trộm vàng bạc trốn đi. Vì thế cuối cùng hai người lâm vào cảnh khốn cùng, không còn đến cái bình đựng nước, phải bán nhà đi lang thang hết sức cùng cực, phải đi ăn xin, mặc áo rách rưới và mang chiếc bình mẻ trong tay.

Lúc bấy giờ, có một Trưởng lão Tỷ-kheo từ Kỳ Viên đến nơi cư trú của người con trai ấy, ông tiếp đón ân cần vị khách kia xong, ngồi yên lặng hỏi thăm khách từ đâu đến. Khi được biết từ Kỳ Viên, ông hỏi thăm sức khỏe của bậc Đạo sư cùng các vị đại đệ tử của Ngài xong rồi hỏi thăm tin tức cha mẹ mình.

– Thưa Tôn giả, xin Tôn giả cho biết tình cảnh của một gia đình thương nhân ở Xá-vệ!

¹⁵ Xem Cp. 101, *Suvaṇṇasāmacariya* (Hạnh của đức Bồ-tát *Suvaṇṇasāma*).

– Này Hiền hữu, đừng hỏi thăm tin tức gia đình ấy nữa!

– Tại sao thế, thưa Tôn giả?

– Người ta nói gia đình ấy có một cậu con trai nhưng cậu ta đã đi tu theo đạo pháp, và từ khi cậu ấy xuất gia thì gia đình cậu bị sạt nghiệp, lúc này cả hai ông bà lão đang lâm vào tình cảnh rất thê thảm và phải đi ăn xin.

Khi ông nghe khách nói xong, không thể nào cầm lòng được, nước mắt cứ ràn rụa, và khi khách hỏi tại sao lại khóc, ông đáp:

– Thưa Tôn giả, đó chính là cha mẹ tôi, tôi là con của các vị ấy.

– Này Hiền hữu, cha mẹ bạn đã sạt nghiệp vì bạn, vậy hãy về phụng dưỡng các vị!

Ông liền nghĩ: “Trong mười hai năm liền ta tinh cần tu tập mà không thể nào đạt đạo hay đắc quả, có lẽ ta vô tài trí. Vậy ta có làm gì được với đời sống Phạm hạnh này? Chi bằng ta trở về làm một gia chủ phụng dưỡng cha mẹ già và bổ thí của cải. Như vậy, cuối cùng ta cũng sẽ được sinh lên thiên giới.” Quyết định xong, ông nhường chỗ cư trú của mình trong rừng cho vị Trưởng lão kia.

Hôm sau ông ra đi, qua nhiều chặng đường thì tới tinh xá phía sau Kỳ Viên không xa thành Xá-vệ mấy. Tại đó ông thấy hai con đường, một đường dẫn đến Kỳ Viên, một đường dẫn đến Xá-vệ. Khi đứng đó, vị Tỷ-kheo này suy nghĩ: “Ta đến viếng cha mẹ ta trước hay đức Phật trước?” Rồi ông tự nhủ: “Ngày xưa ta gặp cha mẹ ta luôn, từ đây ta sẽ ít có dịp yết kiến đức Phật, vậy ta hãy đến yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác ngày hôm nay và nghe thuyết pháp rồi ngày mai ta sẽ đi thăm cha mẹ.”

Thế là ông bỏ con đường đi Xá-vệ và đi đến Kỳ Viên vào lúc chiều tối. Vào ngày đó, lúc tảng sáng, bậc Đạo sư quan sát thế gian đã thấy được tiềm lực ngộ đạo của vị này nên khi ông đến yết kiến Thế Tôn, Ngài tán thán công đức của cha mẹ theo như trong *Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ*.¹⁶ Trong khi đứng ở cuối hội chúng Tỷ-kheo và nghe thuyết pháp, ông nghĩ: “Nếu ta trở thành người gia chủ, ta có thể phụng dưỡng cha mẹ ta, nhưng bậc Đạo sư cũng dạy: ‘Một người con đi xuất gia vẫn có thể giúp đỡ cha mẹ mình.’ Trước kia, khi ta rời bỏ thế tục mà không đến yết kiến đức Thế Tôn và ta đã thất bại trong sự thọ giới không trọn vẹn như vậy. Bây giờ, ta muốn phụng dưỡng cha mẹ ta mà vẫn duy trì đời sống tu hành chứ không làm một người gia chủ.”

Ông đi đến nơi phát thẻ, nhận thẻ phát vật thực và cháo của mình, cảm thấy như thể mình đã phạm trọng tội đáng bị khai trừ sau mười hai năm làm Tỷ-kheo tu trong rừng. Sáng hôm sau, ông đi đến Xá-vệ và nghĩ thầm: “Ta nên đi lấy cháo trước hay thăm cha mẹ ta trước đây?” Ông nghĩ lại và thấy rằng đi thăm cha mẹ trong lúc cha mẹ nghèo khổ mà không có gì trong tay để biếu thì thật là không phải đạo. Vì thế, ông đi lấy cháo trước rồi đến trước cửa nhà cũ, vừa thấy

¹⁶ Xem J. IV. 90, *Mātiposakajātaka* (Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ), số §455.

cha mẹ ngồi cạnh bức tường đối diện. Sau khi đã đi một vòng khát thực được cháo lỏng, ông đứng không cách xa họ mấy và bỗng thấy nổi sầu thương trỗi lên, mắt đầm lệ. Còn họ thấy ông nhưng không nhận ra, rồi bà mẹ tưởng rằng đó là một kẻ đang chờ của bố thí liền nói:

– Chúng ta không có gì để bố thí cho người cả, người chịu khó đi nơi khác.

Nghe bà mẹ nói vậy, ông cố nén nổi buồn đang trào dâng trong lòng, đứng yên mắt đầm lệ. Và khi được bảo lần thứ hai, lần thứ ba, ông vẫn đứng yên. Cuối cùng, ông cha bảo bà mẹ:

– Bà đến xem thử có phải con trai bà đó không?

Bà vùng dậy chạy đến nhìn ra con, gục xuống chân mà than khóc, người cha cũng khóc theo, bao nổi sầu khổ đều tuôn ra hết. Gặp lại cha mẹ, ông không thể kìm nén được lòng mình cũng bật khóc. Sau cơn xúc động, ông nói:

– Đừng buồn nữa cha mẹ ôi, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ!

Thế là sau khi an ủi cha mẹ và cho họ húp nước cháo rồi ngồi xuống bên đường, ông lại ra đi khát thực đem về cho cha mẹ dùng, sau đó mới đi khát thực cho chính mình. Xong bữa ăn, ông liền đi tìm nơi trú chân không xa đó mấy. Từ ngày ấy về sau, ông chăm sóc cha mẹ bằng cách này, ông đem cho cha mẹ đồ khát thực dành cho mình, luôn cả những vật dụng bố thí mỗi nửa tháng một lần, và ông đi khát thực nhiều lần để thọ dụng. Còn những vật thực dành cho mùa mưa cũng đều đem cho cha mẹ dùng, trong khi ông đem áo quần rách của cha mẹ về đóng kín cửa mà nhuộm lại để mặc. Nhưng rất ít ngày ông đi khát thực được đồ dùng, phần nhiều là chẳng được gì cả nên y trong cũng như y ngoài đều rách tả tơi cả. Trong thời gian chăm sóc cha mẹ như thế, ông dần dần trở nên xanh xao gầy ốm. Bạn hữu thấy vậy, bảo:

– Da dẻ bạn trước đây tươi sáng nhưng nay bạn xanh xao quá, hẳn có bệnh gì?

Ông đáp:

– Ta không có bệnh gì cả, nhưng ta đang gặp một chương ngại.

Rồi ông kể cho họ nghe câu chuyện nhà. Họ đáp:

– Thừa Hiền giả, bậc Đạo sư không cho phép chúng ta phí phạm lễ vật cúng dường của các thí chủ, bạn đã làm việc trái phép khi đem lễ vật cúng dường của thí chủ cho người thế tục.

Nghe nói vậy, ông hổ thẹn cúi gằm mặt xuống, nhưng vẫn chưa thỏa dạ, họ đem chuyện kể với bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, người này đã phí phạm lễ vật cúng dường và đem cho người thế tục.

Bậc Đạo sư cho gọi vị Tỷ-kheo trẻ ấy đến và hỏi:

– Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không?

Ông thú nhận là có. Rồi bậc Đạo sư muốn ngợi khen việc làm của ông và nói về một việc cũ của Ngài liền hỏi:

– Thế ông phụng dưỡng người thế tục nào đó?

Ông đáp:

– Bạch Thế Tôn, chính cha mẹ của con.

Lúc đó, Thế Tôn muốn khuyến khích việc làm của ông hơn nữa, Ngài bảo ba lần:

– Tốt lành thay! Tốt lành thay! Ông đang đi con đường ngày xưa Ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khát thực, Ta cũng phụng dưỡng cha mẹ Ta.

Như thế, vị Tỷ-kheo được Ngài khích lệ vì việc đó. Rồi theo lời thỉnh cầu của chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ để cho biết các nghiệp đời trước của Ngài.

Ngày xưa, không xa thành Ba-la-nại, ở phía bên này sông có một làng thợ săn và một làng nữa ở bên kia sông, mỗi làng có chừng năm trăm gia đình cư trú. Lúc bấy giờ, có hai nhà thiện xạ trong hai làng đó là đôi bạn thân thích, họ giao ước với nhau từ thời trẻ rằng, nếu đôi bên sinh con trai và con gái thì sẽ gả con cho nhau. Theo thời gian trôi, một cậu trai được hạ sinh trong nhà thiện xạ bên này sông và một cô gái được sinh vào nhà thiện xạ kia. Cậu bé được đặt tên là Dukūlaka¹⁷ vì khi sinh ra đời cậu được quấn trong lớp tã lót thật đẹp. Cô gái được đặt tên là Pārikā vì cô sinh ra bên kia sông. Cả hai đều xinh đẹp với làn da óng ả như vàng và mặc dù được sinh ra trong làng săn bắn nhưng chúng không hề sát sinh hại mạng. Khi cậu bé lên mười sáu tuổi, cha mẹ cậu bảo:

– Này con, cha mẹ sẽ cưới vợ cho con.

Nhưng cậu là một người thanh tịnh từ Phạm thiên giới mới xuống đây cho nên cậu bặt tai lại bảo:

– Con không muốn ở trong nhà, đừng nói chuyện ấy với con!

Rồi mặc dù cha mẹ cậu nói chuyện đó đến ba lần, cậu không tỏ ý ham thích chút nào. Còn nàng Pārikā cũng vậy, khi cha mẹ nàng bảo:

– Con trai của ông bạn nhà ta thật khôi ngô với làn da óng ả như vàng, cha mẹ định gả con cho cậu ấy đấy.

Nàng cũng bặt tai lại và trả lời như chàng trai kia vì chính nàng cũng xuống đây từ Phạm thiên giới. Cậu Dukūlaka bí mật gửi cho cô gái một lời nhắn nhủ: “Nếu nàng muốn sống đời vợ chồng thì hãy tìm đến một gia đình khác, vì ta không muốn như vậy.” Và nàng cũng gửi cậu một lời nhắn nhủ tương tự như thế. Nhưng dù họ không đồng ý, cha mẹ họ vẫn cử hành hôn lễ. Thế là cả hai

¹⁷ Bản CST viết Dukūla.

người sống riêng lẻ như các vị Phạm thiên, không hề sa vào bẻ ái dục. Dukūlaka không hề giết cá hay nai hươu cũng không hề bán các thứ cá mà người khác mang đến cho cậu. Cuối cùng, cha mẹ cậu bảo:

– Con sinh ra trong gia đình sẵn bản mà con lại không thích sống trong nhà, cũng không sát sinh hại vật, vậy con muốn gì?

Cậu đáp:

– Nếu cha mẹ cho phép, chúng con xin làm ân sĩ ngay ngày hôm nay.

Cha mẹ họ đều cho phép họ ngay lập tức. Thế là họ từ giả cha mẹ ra đi dọc theo bờ sông Hằng, rồi rời bỏ sông Hằng, họ đi lên núi dọc theo sông Migasammata. Lúc bấy giờ, cung của Thiên chủ Sakka bỗng nóng rực lên. Thiên chủ Sakka sau khi xác định duyên có liền bảo thần Vissakamma:

– Nay Vissakamma, có hai bậc Đại nhân đã xuất thế và đang đi vào Tuyết Sơn, chúng ta phải tìm nơi trú ẩn cho họ. Vậy ông hãy đi dựng am lá và cung cấp mọi vật dụng cần thiết cho cuộc đời tu hành của họ ở một nơi cách sông Migasammata chừng một phần tư dặm đường xong rồi trở lại đây.

Thế là vị này đi chuẩn bị đủ mọi vật dụng giống như được mô tả trong *Chuyện Vương tử què câm*,¹⁸ rồi trở về sau khi đã xua hết mọi súc vật có thể gây ồn ào khó chịu trong rừng và mở một con đường mòn gần đó. Hai vị ân sĩ thấy có đường mòn liền theo đó đến am. Khi Dukūlaka bước vào trong am, thấy đủ mọi vật dụng cần thiết liền kêu lên:

– Đây chính là lễ vật của Thiên chủ Sakka cúng dường ta.

Thế rồi Dukūlaka cởi áo ngoài ra, mặc vào chiếc y màu vỏ dẻ, đắp tấm da hươu qua một bên vai, cột túm tóc lại ra dáng một vị khổ hạnh, rồi cũng làm lễ truyền giới cho Pārikā như vậy; xong rồi họ sống ở đó, tu tập lòng từ thuộc về cõi dục. Nhờ ảnh hưởng lòng từ của họ đối với mọi vật, chim muông và thú rừng cũng khởi lên lòng từ ái đối với nhau, không hề làm hại lẫn nhau.

Pārikā lo kiếm nước và thức ăn, quét dọn am, làm đủ mọi việc cần thiết, rồi cả hai người đi kiếm đủ loại trái cây về ăn. Sau đó, họ vào ở trong thảo am riêng của mình, hành trì đủ mọi giới luật của đời Phạm hạnh. Thiên chủ Sakka cung cấp đủ mọi nhu cầu của họ.

Một ngày kia, ngài tiên tri được một hiểm họa sắp xảy ra cho họ, họ sẽ mất thị giác. Vì thế, ngài tìm đến Dukūlaka, đánh lễ xong, ngồi xuống một bên, ngài bảo:

– Thưa Tôn giả, ta thấy trước một hiểm họa sắp đe dọa các Tôn giả, vậy các Tôn giả phải sinh một đứa con trai để phụng dưỡng các vị sau này, hãy đi theo đường lối của thế gian!

– Thưa Thiên chủ, tại sao ngài lại bảo vậy? Ngay cả khi còn ở chung một

¹⁸ Xem J. VI. 1, *Mūgapakkhajātaka* (Chuyện Vương tử què câm), số §538.

nhà trước kia, chúng ta cũng đã chán ghét ái dục, giờ đây làm sao thực hiện điều ấy được khi chúng ta đã vào rừng sống đời Phạm hạnh của kẻ xuất gia?

– Được rồi, nếu Tôn giả không muốn làm như ta nói thì đợi đến lúc thuận tiện hãy lấy tay sờ rốn của Pārikā.

Dukūlaka ưng thuận làm theo. Thiên chủ Sakka từ giã ra về. Dukūlaka kể chuyện ấy với Pārikā và đến lúc thời cơ thuận lợi, lấy tay sờ vào rốn Pārikā. Ngay lúc ấy, Bồ-tát từ thiên giới xuống nhập vào bụng bà và bà mang thai từ đó. Sau mười tháng, bà hạ sinh một hài nhi da vàng óng, vì thế nên họ đặt tên là Suvannasāma (Hoàng Kim).

Lúc bấy giờ, các nữ thần kinnara¹⁹ ở núi bên kia đến chăm sóc Pārikā lúc bà lâm bồn. Đôi cha mẹ này tắm rửa hài nhi xong, đặt vào chồi lá và đi kiếm đủ loại trái cây. Trong khi họ ra ngoài, các nữ thần kinnara đem hài nhi vào động của họ, tắm rửa và đem lên đỉnh núi, trang hoàng cho hài nhi đủ loại hoa, lấy chất sơn vàng đỏ xanh làm dấu đặc biệt trên thân thể rồi đem về để lại trên giường trong chồi lá, sau đó Pārikā về chồi cho con bú.

Họ yêu quý con, nâng niu chăm sóc con cho đến năm mười sáu tuổi. Họ thường để con ở trong chồi rồi đi vào rừng kiếm củ và trái cây. Bồ-tát suy nghĩ: “Mối hiểm họa một ngày kia sẽ xảy ra.” Ngài thường canh chừng con đường cha mẹ ngài đi ra.

Một ngày kia, họ trở về lúc chiều tối sau khi đã nhặt củ và trái cây. Vừa đến gần chồi thì một đám mây lớn kéo tới. Họ vội ẩn mình dưới gốc cây trên một ổ mối. Trong ổ mối này có một con rắn độc. Lúc bấy giờ, nước trên thân họ nhỏ giọt xuống mang theo mùi mồ hôi xông đến mũi con rắn làm nó tức giận, thổi phả hơi độc lúc họ đứng đó để tấn công họ, khiến cho cả hai đều bị mù, không nhìn thấy nhau được nữa. Dukūlaka gọi lớn Pārikā:

– Mắt ta mù rồi, ta không thấy nàng nữa.

Họ bảo nhau trong khi quờ quạng đi quanh, khóc lóc và không sao tìm được lối về. “Đời trước ta đã phạm tội gì?”, họ nhủ thầm như vậy. Thuở tiền kiếp, họ sinh vào gia đình một y sĩ. Vị y sĩ đó chữa bệnh mắt cho một người giàu có nhưng người này không chịu trả y phí, vị y sĩ tức giận nói với vợ:

– Ta phải làm sao đây?

Bà vợ cũng tức giận bảo:

– Ta không cần tiền của nó, cứ chế ra một thứ thuốc rồi bảo đó là thuốc chữa bệnh và ta làm mù mắt nó đi.

Vị y sĩ đồng ý làm theo lời vợ và chính vì tội này mà giờ đây cả hai đều bị mù lòa.

¹⁹ Khẩn-na-la (P. kinnara, S. kinnara, 緊那羅), một loại phi cầm có đầu giống người (人頭鳥), là ca thần của Thiên chủ Sakka.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Trước đây cha mẹ ta thường về vào giờ này, ta chẳng biết chuyện gì xảy ra cho cha mẹ ta, ta phải đi tìm mới được.” Vì thế, ngài ra đi tìm họ và gây nên một tiếng động. Họ nhận ra tiếng động ấy nên cũng làm một tiếng động đáp lại và vì lòng thương con, họ bảo con:

– Sāma ơi, ở đây nguy hiểm lắm, con đừng tới gần!

Vì thế, ngài đưa cho cha mẹ một cây gậy dài, bảo họ cầm lấy đầu cây gậy rồi đi lần về phía ngài. Ngài bảo với họ:

– Cha mẹ bị mù mắt vì duyên có gì?

– Khi trời mưa chúng ta núp dưới gốc cây trên một ổ mối, thế là chúng ta bị mù mắt.

Nghe thế ngài biết ngay sự việc đã xảy ra. “Có lẽ ở đó có rắn độc, đang lúc nổi giận, nó phun nọc độc ra đấy.” Khi ngài nhìn cha mẹ, ngài bật khóc rồi lại bật cười. Cha mẹ ngài hỏi tại sao, ngài đáp:

– Con khóc vì cha mẹ bị mù lúc còn trẻ nhưng con lại cười vì từ đây con sẽ phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đừng buồn, con sẽ chăm nom cha mẹ chu đáo.

Thế rồi ngài dẫn họ về chòi, buộc dây thừng tứ phía, phân chia các gian để ở ban ngày và ban đêm, các trai phòng và các phòng khác nữa. Từ ngày ấy, ngài bảo cha mẹ ở nhà, còn ngài đi kiếm củ và trái rừng. Buổi sáng, ngài dọn dẹp nhà cửa, đi lấy nước sông Migasammata về nấu thức ăn và nước, rồi lấy nước rửa mặt đánh răng cho cha mẹ, đem đến cho cha mẹ đủ loại trái cây ngon ngọt. Khi cha mẹ súc miệng xong, ngài mới dùng. Ăn xong, ngài chào cha mẹ rồi được một đàn nai hộ tống, ngài vào rừng hái quả.

Sau khi hái quả cùng với các nữ thần kinnara trên núi, ngài trở về lúc chiều tối, nấu nước nóng tắm rửa chân tay cho cha mẹ rồi mang lại một mẻ chấu than hồng hơ ấm tay chân cha mẹ. Ngài đem đủ loại trái cây cho cha mẹ dùng, sau đó ngài mới ăn phần mình và cất dọn các thứ còn lại. Cứ thế, ngài chăm sóc cha mẹ mỗi ngày.

Lúc ấy, có một vị vua tên Piliyakkha²⁰ trị vì Ba-la-nại. Vị này rất thích thịt thú rừng nên đã giao việc triều chính cho mẹ rồi nai nịt năm loại vũ khí đi vào Tuyết Sơn săn bắn hươu nai để ăn thịt, tiến lần đến con sông Migasammata và cuối cùng tới nơi Sāma thường xuống mức nước. Thấy có vết chân hươu nai, vua dựng chỗ trú ẩn dưới các bụi cây màu ngọc bích, lấy tên tấm thuốc độc vào, sẵn sàng giương lên và nằm mai phục.

Buổi chiều, bậc Đại sĩ đã hái trái cây xong, đem về lều, chào hỏi cha mẹ rồi nói:

– Con sẽ đi tắm và múc ít nước.

Ngài cảm bình, cả một đàn nai vây quanh, ngài chỉ chọn ra hai con buộc

²⁰ Bản CST viết Pīliyakkha.

bình vào lưng chúng rồi dẫn chúng đến nơi tắm sông. Nhà vua thấy ngài đến gần tự nhủ: “Suốt thời gian ta đi quanh quần nơi đây, ta chưa hề thấy bóng người nào cả, vậy đó là thiên thần hay rắn thần? Bây giờ nếu ta đến gần hỏi nó ắt nó sẽ bay lên trời nếu đó là thiên thần, hoặc sẽ độn thổ nếu đó là rắn thần. Nhưng ta có ở Tuyết Sơn này mãi đâu, một ngày kia ta sẽ trở về Ba-la-nại. Lúc đó, các quan đại thần sẽ hỏi ta có thấy được việc gì kỳ lạ trong thời gian ta lang bạt ở đây không. Nếu ta bảo họ ta có thấy một người như vậy như vậy thì họ sẽ gạn hỏi ta tên nó là gì, nếu ta trả lời không biết thì họ sẽ chê trách ta. Vậy thì ta cứ bắn nó cho bị thương rồi hỏi nó sau.”

Vừa lúc ấy, bầy nai đi xuống trước để uống nước rồi bước lên khỏi chỗ tắm. Sau đó, Bò-tát chậm chậm bước xuống nước như thể một vị đại Trưởng lão đầy đủ giới luật uy nghi đang chuyên tâm đạt đại định, khoác bộ áo bằng vỏ cây và đắp tấm y bằng da nai qua một bên vai, nhấc bình lên mức đầy nước rồi đặt trên vai trái. Ngay lúc này, vua thấy rằng đã đến thời liền bắn mũi tên tẩm thuốc độc, làm bậc Đại sĩ bị thương ở sườn bên phải rồi mũi tên xuyên qua sườn bên trái.

Bầy nai thấy ngài bị thương, kinh hãi chạy trốn, nhưng Suvannasāma mặc dù bị thương nặng, vẫn hết sức giữ bình nước cho vững và cố định thân, ngài chậm chậm bước ra khỏi nước. Ngài đào cát chát lên một ụ cao, kê đầu lên hướng về phía chòi của cha mẹ và ngài nằm xuống chẳng khác nào một bức tượng vàng trên bãi cát màu sáng bạc. Rồi hồi tưởng lại, ngài suy xét mọi việc đã xảy ra: “Ta không có kẻ thù nào trong vùng Tuyết Sơn này, ta cũng không thù oán ai cả.” Khi ngài nói như vậy, máu từ miệng ngài tuôn ra và vì không nhìn thấy vua, ngài liền ngâm kệ:

296. Ai đó đang mai phục bắn mình,
Khi ta đã mức nước đầy bình,
Bà-la-môn, quý tộc, nô lệ,
Ai ám hại ta chẳng biết danh?

Rồi ngài ngâm thêm một vần kệ cho biết thịt của ngài vô dụng, không làm thức ăn được:

297. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Ngài lại ngâm thêm một vần kệ khác hỏi họ tên của vua:

298. Người là ai, hãy nói con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên người,
Tại sao người lại nằm mai phục,
Thành thật xin người hãy trả lời?

Khi nghe vậy, vua tự nhủ: “Mặc dù kẻ này đã bị ta bắn trọng thương bằng tên độc vẫn không mảy lỵ ta, oán trách ta, lại còn nói năng dịu dàng như thể ru lòng ta vậy. Thôi ta đến xem sao!” Thế là vua đến gần bên ngài và ngâm kệ:

299. Chúa tể Kāsi quốc chính ta,
Đại vương danh hiệu Piliyakkha,
Ta rời ngôi báu vì thềm thịt,
Thơ thân tìm nai rừng núi xa.

300. Tài thiện xạ ta thật khéo thay,
Tâm ta can đảm chẳng lung lay,
Chẳng rùng rấn thoát tên ta được,
Khi nó đã vào tâm bắn đây.

Sau khi tự khen ngợi tài năng mình như vậy, vua hỏi gia thế của ngài:

301. Ngươi là ai đó vậy, con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên ngươi,
Và tên thân phụ cùng gia tộc,
Tên của nhà ngươi, hãy trả lời?

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nếu ta bảo rằng ta là thiên thần hay dòng dõi các nữ thần kinnara, hoặc bảo ta là một Sát-đế-lỵ hay thuộc một quý tộc tương tự, vị này sẽ tin ngay, nhưng ta phải nói sự thật.” Vì thế, ngài nói:

302. Lúc ta sinh được gọi Sāma,
Con thợ săn cùng khố chính ta,
Nay ở đây nằm trên đất lạnh,
Người nhìn ta đã gặp nguy cơ.

303. Tên độc của người bắn trọng thương,
Ta nằm đơn độc tựa linh dương,
Nạn nhân người giết nhờ tài nghệ,
Lăn lóc ta nay nhuộm máu hường.

304. Tên của người xuyên suốt thịt da,
Theo từng hơi thở máu trào ra,
Ngất ngư, ta vẫn còn than hỏi,
Người muốn gì, mai phục bắn ta?

305. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Khi vua nghe vậy, biết rằng không thể nói thật được liền bịa một câu chuyện như sau:

306. Một nai đã đến đúng vừa tầm,
Ta nghĩ rằng ta sắp hưởng phần,

Nhưng thấy người, nai kinh hoảng chạy,
Với người, ta chẳng có lòng sân.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tại sao Đại vương nói như vậy được? Cả vùng Tuyết Sơn này không có con nai nào thấy ta mà bỏ chạy.

307-10. Từ khi ta mới biết suy tư,
Nhớ lại thời xưa mãi đến giờ,
Không thú mồi hay nai chạy trốn,
Kinh hoàng khi gặp bước ta qua.
Từ lúc ta mang áo vỏ cây,
Bỏ đằng sau chuỗi ngày thơ ngây,
Không nai hay thú mồi đào tẩu,
Khi thấy ta qua các lối này.
Các thú hoang kia chính bạn mình,
Cùng ta phiêu bạt khắp rừng xanh,
Nai này sao lại như người nói,
Khi thấy ta liền chạy hãi kinh?

Khi vua nghe nói liền nghĩ thâm: “Ta đã làm trọng thương con người vô tội này và lại còn nói dối, thôi ta phải thú tội mới được.” Nghĩ vậy, vua nói:

311. Chẳng có nai nào thấy Sāma,
Sao ta nói dối quá dư thừa?
Lòng ta tràn ngập niềm tham, hận,
Và bắn đầu tên ấy, chính ta.

Rồi vua nghĩ: “Suvannasāma không thể sống một mình trong rừng được, chắc phải có thân thích ở đây, để ta thử hỏi xem.” Vì thế, vua ngâm kệ:

312. Sáng sớm từ đâu đến, bạn lành,
Ai người bảo bạn phải cầm bình,
Đổ đầy nước mức bờ sông ấy,
Mang gánh nặng lui bước lộ trình?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ cảm thấy một nỗi đau đớn vô cùng và ngâm vãn kệ trong khi máu trào ra từ miệng:

313. Cha mẹ sống rừng vắng phía xa,
Mù lòa chỉ lệ thuộc con thơ,
Vì hai thân, đến bên bờ nước,
Ta đổ đầy bình nước của ta.

Rồi ngài tiếp tục than khóc số phận của cha mẹ:

314. Đời sống chỉ như lửa chập chờn,
Một tuần thực phẩm trữ không hơn,

- Nếu không có nước ta đem lại,
Yếu đuối, mù lòa chết thảm thương.
- 315.** Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân mẫu,
Điều ấy khiến tâm trí hải hùng.
- 316.** Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân phụ,
Điều ấy khiến tâm trí hải hùng.
- 317.** Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Mẹ ta áp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.
- 318.** Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Cha ta áp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.
- 319.** Họ lang thang khắp chốn rừng hoang,
Than vãn con đi quá muộn màng,
Chờ đợi hoài công nghe tiếng bước,
Hay chờ ta vượt tằm thân tàn.
- 320.** Ý tưởng này, tên độc thứ hai,
Đâm sâu hơn trước nữa, than ôi!
Vì ta nằm tại đây chờ chết,
Không thể nhìn cha mẹ nữa rồi!

Nhà vua nghe ngài than khóc, nghĩ thầm: “Người này phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo tận tụy, ngay bây giờ đang lúc đau đớn mà cũng chỉ nghĩ đến cha mẹ, ta thật đã gây tội ác với một Thánh nhân như vậy, làm sao ta an ủi được người đây? Khi ta đọa xuống địa ngục rồi thì ngài vàng có ích gì cho ta? Thôi ta nguyện phụng dưỡng cha mẹ người như người đã phụng dưỡng họ. Như thế cái chết của người không ảnh hưởng mấy đến họ.” Liền sau đó, vua nói lên quyết tâm của mình qua các vần kệ sau:

- 321.** Nay hỡi Sāma đáng cát tường,
Chớ nên tuyệt vọng ngập tâm hồn,
Vì ta phụng dưỡng hai thân lão,
Trong cảnh cô đơn nặng khổ buồn.
- 322.** Ta nay thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,

Ta sẽ thay người và phụng dưỡng,
Mẹ cha người sống ở trong rừng.

323. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ hai thân lão,
Ta chính gia nô của các ngài.

324. Hiện nay hai vị ở rừng nào?
Này hỡi Sāma, hãy nói mau!
Ta thề bảo vệ, nuôi hai vị,
Như chính người làm tợ bấy lâu.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Thế thì tốt quá, xin Đại vương nuôi nâng cha mẹ ta giùm!

Rồi ngài chỉ đường cho vua:

325. Nơi chốn đầu ta đặt ở đây,
Hai trăm tầm chạy giữa rừng cây,
Con đường dẫn đến lều cha mẹ,
Xin đến làm ơn phụng dưỡng thay.

Sau khi chỉ đường và kiên nhẫn chịu đựng sự đau đớn khủng khiếp vì lòng thương yêu cha mẹ, ngài kính cẩn chấp tay lại, thỉnh cầu vua một lần cuối hãy nuôi dưỡng cha mẹ thay mình:

326. Cung kính lễ ngài, bậc Đại vương,
Ngài đi như vậy đúng con đường,
Mù lòa, cha mẹ ta đơn độc,
Xin bảo vệ, nuôi dưỡng, đoái thương!

327. Kính lễ Kāsi Chúa thượng ôi!
Hai tay ta chấp khấn cầu ngài,
Nhân danh ta gửi về cha mẹ,
Lời nhắn nhủ ta đã nói rồi.

Vua nhận lời ủy thác, và bậc Đại sĩ sau khi nói xong lời nhắn nhủ cuối cùng liền bất tỉnh.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

328. Sāma với vẻ mặt hiền lương,
Đã nói lời này với Đại vương,
Rồi ngất lịm dần vì thuốc độc,
Nằm mê man tựa bỏ thân tàn.²¹

²¹ Xem Miln. 198, *Mettānisamsapañha* (Câu hỏi về lợi ích của tâm từ).

Từ trước đến giờ ngài cố gắng thốt ra những lời lẽ trên như thể người bị hụt hơi nhưng đến đây tiếng nói đã đứt quãng vì toàn thân, tim óc, sinh lực của ngài đều lần lượt chịu sự tác động dữ dội của thuốc độc nên miệng và mắt ngài khép lại, tay chân cứng đờ, toàn thân đầm máu. Vua kêu lên:

– Người này đang nói với ta cho đến giờ phút này, bỗng dừng tại sao lại hết thở vô ra rồi kia? Các cơ quan đã ngưng hoạt động, thân thể đã cứng đờ, chắc hẳn Sāma đã chết rồi!

Và không thể nào ngăn được sầu thương, vua đắm vào đau than khóc thảm thiết.

Đến đây, bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

329. Đau đớn nhà vua đã khóc than:

“Trước kia chưa xảy đến tai nạn,
Ta không hề biết già rồi chết,
Trời hỡi, giờ ta biết rõ ràng!

330. Nay thấy mọi người phải chết thôi,
Chính Sāma cũng chết, than ôi!
Chàng vừa khuyên nhủ, lời trần trời,
Khi hấp hối từ già cõi đời.

331. Địa ngục đây, ta đọa hiển nhiên,
Thánh nhân bị giết đó, nằm yên,
Mọi người thôn xóm nào ta gặp,
Sẽ nói đồng thanh tội lỗi trên.

332-33. Sống ở rừng hoang vắng vẻ này,
Họ tên ta có kẻ nào hay?
Đây miền hiu quạnh không người ở,
Ai sẽ nhắc ta mối nhục này?”

Lúc bấy giờ, có một nữ thần tên gọi Bahusodarī ở tại núi Gandhamādana (Hương Sơn) đã là mẹ của Bồ-tát cách đây bảy đời trước, vẫn thường tưởng nhớ đến ngài với tình mẹ thương con, nhưng ngày hôm đó vì ham hưởng lạc thú thiên giới nên bà không nhớ đến ngài như thường lệ. Các bằng hữu của bà lại bảo bà đã đi dự hội trên thiên giới cho nên đã không nói gì.

Bỗng nhiên, bà nghĩ đến ngài đúng lúc ngài đang bất tỉnh. Bà tự nhủ: “Việc gì đã xảy ra cho con ta?” và bà nhìn thấy Vua Piliyakkha đã giết ngài bằng mũi tên tẩm thuốc độc bên bờ sông Migasammata. Ngài đang nằm trên bờ cát, còn nhà vua đang than khóc thảm thiết. Bà nghĩ: “Nếu ta không đến đó thì con ta sẽ chết, vua sẽ đau đớn lắm, còn cha mẹ Sāma sẽ chết đói, chết khát. Nhưng nếu ta đến thì vua sẽ mang bình nước lại cho cha mẹ của con ta. Sau khi nghe họ nói, vua sẽ dẫn họ đến gặp con, rồi ta và họ sẽ cùng thành tâm thực hiện lời nguyện trang nghiêm để đánh tan chất độc trong thân thể Sāma, làm cho con ta sống

lại. Cha mẹ của con ta lại được sáng mắt ra và sau đó khi đã nghe Sāma thuyết giảng, vua sẽ làm bố thí lớn và được tái sinh lên cõi trời, vậy ta phải đi liền!” Thế rồi, bà đến bờ sông Migasammata và ẩn mình đứng trên không, thuyết pháp cho vua nghe.

Đến đây, bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

334. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Rót vài câu kệ vào tai nọ,
Vì bởi xót thương vị chúa công:

335. “Ngài đã tạo ra một ác hành,
Tội kia đè nặng ở trên mình,
Mẹ, cha, con thấy đều vô tội,
Mũi tên ngài giết cả gia đình.”

336. Đến đây ta bảo với ngài nào:
“Tìm chỗ trú an nương tựa vào,
Cấp dưỡng người mù rừng vắng nọ,
Tâm ngài sẽ hạnh phúc đường bao!”

Nghe nữ thần dạy bảo, vua tin lời bà ngay, rằng nếu đi phụng dưỡng hai người mù lòa đó, vua sẽ được lên thiên giới. Vì thế, vua quyết định: “Ta còn cần gì ngai vàng nữa, ta sẽ bỏ đi và hết lòng phụng dưỡng họ.” Sau một hồi tuôn trào lời than khóc, vua cố nén nỗi sầu bi vì cho rằng Sāma đã chết thật rồi. Vua làm lễ cung kính thi thể ngài với đủ loại hoa thơm, rải nước lên thi thể ngài, đi nhiều quanh ba vòng, thân phía bên hữu hướng về thi thể và lễ bái khắp bốn phương. Rồi vua cầm bình nước đã được giao và đi về hướng Nam, lòng nặng trĩu u sầu.

Đến đây, bậc Đạo sư giải thích thêm qua vần kệ:

337. Sau một hồi tuôn lệ khóc than,
Thương chàng xấu số nửa chừng xuân,
Vua liền tiến lại cầm bình nước,
Và hướng mặt đi đến phía Nam.

Nhà vua vốn là người mạnh khỏe nên cầm bình nước, cương quyết băng rừng đến am ẩn sĩ và cuối cùng cũng đến trước cửa am của bậc Hiền giả. Hiền giả Dukūlaka đang ngồi trong am, nghe tiếng chân người đến gần, phân vân không biết là ai liền thốt lên lời kệ:

338. Ta đang nghe các bước chân này,
Một kẻ nào đi đến lối đây,
Không phải tiếng chân Sāma bước,
Này người, cho hỏi người là ai?

339. Sāma con lão đi êm, lặng,
Lúc đặt bàn chân rất nhẹ nhàng,
Tiếng bước chân này không phải nó,
Này người, cho hỏi là ai sang?

Vua nghe nói liền suy nghĩ: “Nếu ta bảo thật cho ông lão biết ta đã giết con ông và không nói rõ ta là vua thì họ sẽ phẫn nộ và mắng chửi ta và lòng sân hận của ta sẽ nổi lên khiến ta xúc phạm đến họ, lại càng gây thêm tội ác. Nhưng thường tình ai gặp vua mà lại không kính sợ, vậy ta phải nói cho họ biết.” Vì thế, vua đặt bình nước vào đúng chỗ rồi đứng trước cửa am nói to:

340. Kāsi Chúa tể chính là ta,
Tên được gọi là Piliyakkha,
Từ già ngời vì thêm món thịt,
Săn nai, phiêu bạt chốn rừng già.
341. Có tài thiện xạ chính ta đây,
Cương quyết lòng ta chẳng chuyên lay,
Chẳng rắn thân nào hòng thoát khỏi,
Một khi đã đến trong tầm tay.

Lão Hiền nhân chào mừng vua với tình thân hữu và đáp lời:

342. Kính mừng vạn tuế, đáng Quân vương!
Hạnh ngộ ngài đi lạc bước đường,
Chúa thượng vinh quang và vĩ đại,
Sứ mạng gì xin được tỏ tường?²²
343. Tinduka, piyāla, các lá cây,
Kāsumārī trái ngọt ngào thay,
Dù còn chỉ ít oi đôi chút,
Chọn thứ thiệt ngon có sẵn đây.²³
344. Nước mát này từ dưới động sâu,
Ăn mình trên một ngọn đồi cao,
Kính mời Chúa thượng, xin ngài ngự,
Cầm lấy uống vào thỏa ước ao.

Vua nghe lời tung hô nọ liền nghĩ: “Nếu ta nói ngay với ông lão rằng ta vừa giết chết con lão thì thật là thất sách. Vậy ta phải khởi đầu câu chuyện như ta chẳng biết gì cả rồi sẽ nói sau.” Vì thế, vua hỏi:

345. Sao người mù lẫn quần rừng hoang,
Các trái này đây, ai đã mang?

²² Xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547.

²³ Hai câu kệ 343-44, xem J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547.

Người ấy phải là người sáng mắt,
Hái nhiều loại tích trữ kho hàng.

Lão Hiền nhân ngâm hai vần kệ sau cho biết hai vợ chồng lão không đi hái trái mà là con trai đã mang về:

346. Sāma con trẻ tuổi hoa niên,
Tâm thước đẹp sao mắt ngắm xem,
Tóc dài đen nhánh quanh đầu nọ,
Cứ cuộn tròn trông thật tự nhiên.

347. Đem trái cây rồi lại bước ra,
Vội đi đổ nước đầy bình ta,
Sẽ quay trở lại tức thì đó,
Đường đến bờ sông cũng chẳng xa.

Vua đáp lời:

348-49. Sāma hiểu tử của hai người,
Người tả đẹp sao, tốt tuyệt vời,
Ta đã giết chàng nằm ở đó,
Tóc đen kia nhuộm máu hồng rồi!

Chòi lá của Pārikā gần đó, trong lúc bà ngồi nghe giọng nói của vua, bà lo ngại không biết việc gì đã xảy ra và khi đi đến gần men theo sợi dây thừng đến trước Hiền giả Dukūlaka, bà kêu lên:

350. Cho biết là ai, Dukūla,
Nói rằng con bị giết, Sāma,
Sāma đã chết, đây tin dữ,
Như xẻ làm đôi tim của ta!

351. Như thể chồi cây sung trẻ non,
Bị cơn gió mạnh xé lìa tan,
Sāma đã chết, nghe tin ấy,
Đau khổ làm ta nát ruột gan.

Lão nhân khuyên nhủ bà:

352. Đây là chúa tể nước Kāsi,
Cung ác của ngài đã giết đi,
Con của chúng ta bên bến nước,
Song ta đừng có rửa nguyên gì.

Pārikā đáp lại:

353. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Sao tâm chứa đủ niềm căm hận,
Vớ kẻ ra tay giết hại người?

Lão nhân nói lớn:

- 354.** Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Nhưng Hiền nhân cảm ta cảm hận,
Vớ kẻ ra tay giết hại người!

Rồi cả hai ông bà đều lớn tiếng than khóc, đầm ngực tán thán công đức của Bồ-tát. Lúc đó, vua cố hết sức an ủi hai vị:

- 355.** Thôi đừng khóc nữa, ta van người,
Vì trẻ Sāma bạc phận rồi,
Ta sẽ phụng thờ hai vị mãi,
Đừng buồn như thể quá đơn côi.

- 356.** Ta đây thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ hầu bên hai vị mãi,
Và nuôi hai vị ở trong rừng.

- 357.** Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ, rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ bên hai vị,
Ta chính gia nô của các người.

Hai ông bà lão liền phản đối vua:

- 358.** Chuyện này chẳng phải đạo, Quân vương,
Chẳng thích hợp đâu, trái lẽ thường,
Ngài chính là quân vương hợp pháp,
Chúng thần xin đánh lễ đôi chân.

Khi nghe vậy, vua rất hoan hỷ nghĩ thầm: “Thật kỳ diệu thay! Họ đã không mở lời hung hăng trách mắng ta là kẻ gây tội lỗi, lại còn tiếp đón ta thật ân cần.” Rồi vua ngâm kệ:

- 359.** Sơn nhân tuyên bố lễ công bằng,
Tiếp đón như vậy thật chí thân,
Ngài chính từ đây cha của trăm,
Và bà là mẹ của thần dân.

Cả hai ông bà đều cung kính giơ tay lên trời thỉnh cầu vua:

– Chúng tôi không dám nhờ Đại vương phụng dưỡng, chỉ mong Đại vương cầm đầu cây gậy dẫn chúng tôi đến chỗ Sāma nằm.

Rồi họ ngâm hai vần kệ:

- 360.** Kāsi chúa tể thật huy hoàng!
Ngài sẽ làm dân tộc phú cường,
Xin hãy đưa ta đi đến chỗ,
Sāma yêu quý của ta nằm.

361. Tại đó, ta quỳ xuống dưới chân,
Chúng ta sờ mắt, mũi, toàn thân,
Chúng ta quyết đợi chờ thần chết,
Kiên nhẫn bên con mả đến cùng.

Trong lúc họ đang nói chuyện thì mặt trời lặn. Vua nghĩ thầm: “Bây giờ nếu ta đưa họ đến đó, họ sẽ tan nát cõi lòng trước cảnh đau thương và nếu ba mạng người chết vì ta thì chắc chắn ta sẽ đọa vào địa ngục. Thôi ta đừng dẫn họ đến đó nữa!” Thế rồi, vua ngâm ba vản kệ này:

362. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Như vàng trắng rụng xuống trần rồi.
363. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Như vàng dương rụng xuống trần rồi.
364. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Bao nhiêu bụi đất phủ lên rồi.
365. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Xin hai vị ở lại am thôi!

Hai ông bà đáp lời chứng tỏ lòng gan dạ của họ:

366. Mặc loài dã thú phá tan hoang,
Hàng vạn triệu con cứ ngập tràn,
Ta chẳng sợ đâu bày dã thú,
Chúng không thể hại đến thân tàn.

Như thế, vua không thể ngăn cản họ được, đành phải cầm tay dắt họ đến đó.

Để làm rõ ý nghĩa này, bậc Đạo sư ngâm [vản kệ]:

367. Để dẫn người mù lòa bước chung,
Đến nơi rừng lớn đầy gian truân,
Vua Kāsi phải cầm tay họ,
Dù tận chỗ Sāma mạng vong.

Khi đến nơi, vua bảo:

– Con trai của hai vị nằm đây rồi.

Ông lão liền áp đầu vào lòng con và bà mẹ gục đầu xuống chân con khóc lóc thảm thiết.

Bậc Đạo sư ngâm kệ này để làm sáng tỏ vấn đề:

368-71. Lắm bụi và tan nát ruột gan,
 Vừa nhìn cảnh tượng Sāma nằm,
 Họ quỳ xuống giống như nhìn thấy,
Vàng nhạt nguyệt rơi rụng xuống trần,
 Cha mẹ giờ cao đôi tay họ,
 Khóc than thật thống thiết muôn phần.

372-76. Phải chăng con ngủ hỡi Sāma,
 Con giận hờn, quên cả mẹ cha,
 Hãy nói việc gì làm mệt trí,
 Khiến con nằm chẳng trả lời ta?

377. Ai sẽ bây giờ kết tóc ta,
 Rồi ai sẽ phủ bụi trong nhà,
 Khi Sāma chẳng còn đây nữa,
 Ở lại chỉ hai kẻ mắt lòa?

378-80. Ai sẽ quét sàn cho chúng ta,
 Ai đem nước nóng, lạnh bây giờ,
 Ai tìm củ, quả rừng về nữa,
 Cô độc, già, mù cả mẹ cha?

Bà mẹ đầm ngực than khóc hồi lâu rồi suy xét kỹ nỗi sầu thương của mình, bà tự nhủ: “Tất cả chuyện đau thương này là do con ta bị hôn mê vì chất độc quá mạnh, vậy ta phải thành khẩn thề nguyện để giải độc cho con.” Nghĩ vậy rồi, bà trang nghiêm tuyên thệ.

Bậc Đạo sư nói rõ về điều này:

381. Khi biết Sāma ngã gục nằm,
 Bao nhiêu bụi đất phủ trên thân,
 Muộn sầu, khốn khổ thương con trẻ,
 Người mẹ bèn tuyên lời thật chân:

382. “Quả thật Sāma con trẻ đây,
 Là người theo pháp, chẳng hề sai,
 Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
 Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

383. Quả thật Sāma con trẻ tôi,
 Thực hành Phạm hạnh, chẳng buông lời,
 Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
 Khiến chất độc kia tiêu mất thôi.

384. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Lời luôn chân chánh, chẳng đơn sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
385. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Chăm lo cha mẹ quá tròn đầy,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
386. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Kính cung bậc trưởng thượng, hay thay!
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
387. Quả thật Sāma con trẻ ngoan,
Mẹ luôn yêu quý hơn sinh mạng,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia lập tức tan.
388. Việc phước thiện nào cha mẹ hay,
Trước giờ tích tạo đến hôm nay,
Cầu mong thiện sự bao nhiêu ấy,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.”

Sau khi bà mẹ trang nghiêm thề nguyện như vậy qua bảy văn kệ, Sāma bỗng nghiêng mình và nằm lại. Rồi người cha nghĩ: “Con trai ta còn sống, ta cũng sẽ trang nghiêm thề nguyện”, và ông thành khẩn thề nguyện tương tự.

Bác Đạo sư nói rõ về điều này:

389. Khi biết Sāma ngã gục nằm,
Bao nhiêu bụi đất phủ trên thân,
Muộn sào, khôn khổ thương con trẻ,
Cha cậu bèn tuyên lời thật chân:
390. “Quả thật Sāma con trẻ đây,
Là người theo pháp, chẳng hề sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
391. Quả thật Sāma con trẻ tôi,
Thực hành Phạm hạnh, chẳng buông lời,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất thôi.

392. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Lời luôn chân chánh, chẳng đơn sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
393. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Chăm lo cha mẹ quá tròn đầy,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
394. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Kính cung bậc trưởng thượng, hay thay!
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.
395. Quả thật Sāma con trẻ ngoan,
Cha luôn yêu quý hơn sinh mạng,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia lập tức tan.
396. Việc phước thiện nào cha mẹ hay,
Trước giờ tích tạo đến hôm nay,
Cầu mong thiện sự bao nhiêu ấy,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.”

Sau khi người cha tuyên bố những lời chân thật này thì Bồ-tát xoay người sang phía bên kia rồi nằm lại. Kế đến, nữ thần cũng thể nguyên trang nghiêm lần thứ ba.

Bậc Đạo sư giải thích rõ về điều này:

397. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Thực hành tuyên bố lời chân thật,
Vì với Sāma dạ xót thương:
398. “Ở lâu trên thượng đỉnh Hương Sơn,
Sāma là người ta quý hơn,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến độc trong Sāma biến tan.
399. Tất cả rừng cây ở Hương Sơn,
Thả đều lan tỏa ngát mùi thơm,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến độc trong Sāma biến tan.”

- 400.** Trong khi thương xót, họ thay phiên,
Chứng thực trang nghiêm, họ phát nguyện,
Kìa thấy Sāma vùng đứng dậy,
Xinh tươi, cường tráng, thật hồn nhiên.

Thế là bậc Đại sĩ đã phục hồi khỏi vết trọng thương, cha mẹ ngài cũng phục hồi lại thị giác vừa lúc bình minh xuất hiện. Các phép lạ ấy xảy ra cùng một lúc tại chốn am tranh nhờ thần lực của nữ thần. Đôi cha mẹ đều vui mừng không sao kể xiết khi thấy mình được sáng mắt ra và con trai đã được hồi sinh. Lúc ấy, Sāma ngâm kệ này:

- 401.** Con chính Sāma được vạn an,
Nhìn con trước mặt, hãy hân hoan,
Hãy lau khô hết đôi dòng lệ,
Và đón chào con, hạnh phúc tràn!
- 402.** Vạn tuế, cầu mong bậc Đại vương,
Phước phần phục vụ lệnh ngài luôn,
Ngài là chúa tể thần dân đó,
Ước nguyện gì xin hãy tỏ tường!
- 403.** Tinduka, piyāla, madhukā tươi,
Trái cây quý hiếm nhất, xin mời,
Dâng lên thượng khách, ngon như mật,
Ngài ngự dùng cho thỏa ý thôi.
- 404.** Nước mát đây từ dưới động sâu,
Ăn mình trên một ngọn đồi cao,
Suối trong làm dịu ngay cơn khát,
Ngài ngự dùng cho thỏa khát khao.

Vua nhìn cảnh tượng kỳ diệu này liền nói to:

- 405.** Ta lạ lòng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể nói hướng phương nào,
Một giờ trước thấy chàng nằm chết,
Nay sống dậy đây, thật nhiệm mầu!

Sāma nghĩ thầm: “Vua tưởng ta đã chết, vậy ta phải giải thích rõ là ta vẫn còn sống”, và ngài nói:

- 406-07.** Một người đầy đủ các công năng,
Tình cảm, tâm tư chẳng thoát thân,
Vì bất tỉnh là ngưng hoạt động,
Người ngoài tưởng kẻ ấy từ trần.

Rồi muốn cho hiểu rõ ý nghĩa thật sự của chuyện này, ngài ngâm kệ thuyết pháp:

408. Các thể nhân theo pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên nhìn thấy lòng con hiếu,
Và đến chữa lành các bệnh luôn.

409. Các thể nhân theo pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên thế giới này ca tụng,
Đời kế cỗi thiên hưởng phước phần.

Vua nghe vậy nghĩ thầm: “Thật kỳ diệu thay, ngay cả các thiên thần cũng xuống trần chữa lành bệnh cho người phụng thờ cha mẹ khi người này bị bệnh hoạn, chàng Sāma này thật vinh quang vượt bậc!”

Rồi vua ngâm kệ:

410. Ta lạ lòng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể thấy hướng phương nào,
Sāma, ta đến nhờ chàng giúp,
Chàng chính là nơi ta trú vào.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương muốn lên thiên giới và hưởng an lạc ở đó thì Đại vương phải thực hành mười phận sự như sau.

Rồi ngài ngâm kệ về vấn đề này:

411. Trước tiên là đối với song thân,
Ngài phải làm tròn phận sự luôn,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên nhân.

412. Đối với vương phi, với các con,
Phải làm tròn phận sự, Quân vương,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên nhân.

413-16. Với thân bằng và các triều thần,
Binh sĩ trong tất cả đạo quân,
Với các thôn làng và thị trấn,
Giang sơn ngài, với mọi tùy tùng.

417-19. Với người thanh tịnh, Bà-la-môn,
Ăn sĩ, thú, chim, hời Chúa công,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên thần.

420. Phận sự tròn đem lại phước ân,
Phạm thiên, Đế-thích, các thiên thần,

Nhờ làm phận sự đầy an lạc,
Vậy phải hoàn thành phận thể nhân.

Sau khi thuyết giảng thập vương pháp cho vua xong, bậc Đại sĩ còn thuyết giảng thêm nhiều pháp nữa và dạy vua giữ năm giới. Vua cúi đầu tín thọ lời thuyết giảng và sau khi cung kính từ tạ ra về liền trở lại Ba-la-nại thực hành đại bố thí cùng nhiều công đức khác rồi sau khi mạng chung đi theo nghiệp của mình, cùng với triều thần gia nhập hội chúng thiên giới. Còn Bồ-tát cùng với cha mẹ ngài đều đạt các thắng trí và nhiều cấp độ thiền chứng khác nhau, rồi đi lên cõi Phạm thiên.

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, người hiền phụng dưỡng cha mẹ là một phong tục tối cổ.

Rồi Ngài tuyên thuyết các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ đắc quả Dự lưu. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vua là Ānanda (A-nan), nữ thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đa), người cha là Mahākassapa (Đại Ca-diếp), người mẹ là Bhaddakāpilānī và Sāma chính là Ta.

§541. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG NIMI (*Nimijātaka*)²⁴ (J. VI. 95)

Quả thật diệu kỳ ở thế gian...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại vườn xoài của Vua Makhādeva²⁵ gần thành Mithilā về một nụ cười.

Một buổi chiều nọ, bậc Đạo sư cùng hội chúng đông đảo Tỷ-kheo đang dạo chơi trong vườn xoài, Ngài chợt thấy một nơi hợp ý. Vì muốn kể lại hành nghiệp của mình ở thời quá khứ, Ngài liền để lộ một nụ cười trên khuôn mặt cho hội chúng chiêm ngưỡng. Khi Tôn giả Ānanda hỏi tại sao, Ngài đáp:

– Nay Ānanda, ở chỗ kia, ngày xưa Ta đã nhập thiền định vào thời Vua Makhādeva.

Rồi theo lời thỉnh cầu của Tôn giả, đức Thế Tôn ngồi xuống nơi Tôn giả mời Ngài và kể câu chuyện quá khứ.

²⁴ Tham chiếu: J. I. 138, *Makhādevajātaka* (Chuyện Vua Makhādeva), số §9; M. II. 74, *Makhādevasutta* (Kinh Makhādeva), số 83; Đại Thiên nại lâm kinh 大天奈林經 (T.01. 0026.67. 0511c21); Tăng. 增 (T.02. 0125.1.1. 0549b09); Tăng. 增 (T.02. 0125.50.4. 0806c21); Ma-điều Vương kinh 摩調王經 (T.03. 152.87. 0048b25); Pháp cú kinh “Đạo-lợi phẩm” 法句經道利品 (T.04. 0210.38. 0574b16); Pháp cú thí dụ kinh “Đạo-lợi phẩm” 法句譬喻經道利品 (T.04. 0211.38. 0606b16); Phật thuyết Trừ khùng tai họa kinh 佛說除恐災患經 (T.17. 744. 0553b01).

²⁵ Bản CST viết *Maghadeva*.

Thuở xưa, ở quốc độ Videha, trong kinh thành Mithilā có một vị vua tên là Makhādeva. Khi còn thanh xuân, vua hưởng thọ dục lạc trong khoảng tám mươi bốn ngàn năm, kế đó ngài làm phó vương trong tám mươi bốn ngàn năm, rồi lên làm vua trong tám mươi bốn ngàn năm nữa.

Lúc bấy giờ, ngài bảo người thợ hớt tóc phải báo cho ngài biết ngay khi gã thấy sợi tóc bạc đầu tiên trên đầu ngài. Thời gian qua, khi người ấy thấy sợi tóc bạc liền tâu với vua, vua bảo gã lấy nhíp nhổ ra để lên tay ngài; ngài thấy như thể thần chết đang bám vào trán ngài vậy. Ngài nghĩ thầm: “Bây giờ đã đến lúc ta phải rời khỏi thế tục.” Vì thế, ngài cho phép người thợ hớt tóc lựa chọn một ngôi làng theo ý muốn, còn ngài cho triệu thái tử đến giao việc triều chính vì ngài sẽ xuất gia.

Thái tử hỏi:

– Tâu Phụ vương, tại sao vậy?

Ngài đáp:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống tháng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.

Cùng với những lời này, ngài phong vương cho con theo nghi lễ Quán đảnh, huấn dạy tân vương phép trị nước rồi ngài rời kinh thành theo đời sống của một ẩn sĩ. Suốt tám mươi bốn ngàn năm ngài tu tập tứ vô lượng tâm, rồi ngài được sinh lên Phạm thiên giới.

Con của ngài cũng theo gương cha. Các hoàng tử về sau cũng vậy, cứ lần lượt tám mươi bốn ngàn vị, khi thấy sợi tóc bạc đầu tiên xuất hiện, họ liền xuất gia, ẩn cư trong vườn xoài, hành trì tứ vô lượng tâm và được sinh lên Phạm thiên giới. Là vị vua đầu tiên trong hoàng tộc được sinh cõi này, Vua Makhādeva đứng trên Phạm thiên giới nhìn xuống hoàng tộc của mình, ngài rất hoan hỷ khi thấy tám mươi bốn ngàn hoàng tử thiêu hai vị đã xuất gia. Ngài suy nghĩ: “Sẽ có Niết-bàn bây giờ hay không?” Ngài thấy là không thể có được nên ngài quyết định chính ngài chứ không ai khác nữa phải kế tục sự nghiệp hoàng gia. Vì thế, ngài từ thiên giới xuống nhập mẫu thai hoàng hậu của vị vua thành Mithilā.

Vào ngày đặt tên, các nhà tiên tri nhìn tướng mạo của hài nhi, đồng tâu:

– Tâu Đại vương, vương tử này ra đời để kế tục sự nghiệp hoàng gia. Từ đây về sau, hoàng tộc của ngài sẽ không còn là hoàng tộc ẩn sĩ nữa.

Nghe vậy, vua bảo:

– Hài nhi này ra đời để nối nghiệp hoàng gia như thể chiếc vành bánh xe vậy.

Vì thế, ngài đặt tên con là Nimi (Xa Luân).

Từ thuở ấu thơ, vương tử này đã chuyên tâm bồ thí, làm các công đức, giữ giới vào ngày trai giới (*Uposatha*). Khi vua cha theo lệ thường, trông thấy sợi tóc bạc đầu tiên liền ban một ngôi làng cho người hót tóc, phong vương cho con rồi trở thành ẩn sĩ trong vườn xoài và được sinh lên Phạm thiên giới.

Còn Vua Nimi chuyên tâm bồ thí nên đã lập năm bồ thí đường tại bốn cổng thành và ngay chính giữa thành để thực hành đại bồ thí. Trong mỗi bồ thí đường, ngài ban phát một trăm ngàn đồng tiền, thế là ngài phát ra năm trăm ngàn đồng tiền mỗi ngày. Ngài thường xuyên giữ ngũ giới, vào các ngày rằm ngài giữ giới hạnh Bố-tát. Ngài khuyến khích dân chúng bồ thí và làm các công đức, chỉ dạy cho họ con đường đi lên thiên giới, khiến họ thấy kinh sợ thần chết rồi ngài thuyết pháp cho họ nghe. Dân chúng tin theo lời thuyết giáo của ngài, bồ thí, làm thiện sự nên khi từ trần đều lần lượt được sinh lên thiên giới, vì thế thiên giới trở nên đông đảo, còn địa ngục như thể trống vắng.

Lúc ấy, ở cõi trời Ba Mươi Ba, chư thiên đang tụ họp tại Thiện Pháp (*Sudhammā*) đường đồng thanh hô to:

– Hoan nghênh bậc Sư trưởng của chúng ta, Đại vương Nimi vạn tuế! Chính nhờ ngài hành thiện nghiệp, nhờ tri kiến Phật của ngài mà chúng ta đã đạt được an lạc vô biên ở thiên giới này.

Như thế họ tán thán công đức của bậc Đại sĩ. Ngay trong cõi nhân gian, tiếng tán thán cũng lan tràn khắp nơi như dầu loang trên mặt biển cả.

Bậc Đạo sư giải thích việc này cho hội chúng Tỷ-kheo qua các vần kệ sau:

421. Quả thật diệu kỳ ở thế gian,
Các Hiền nhân đã được vinh thăng,
Vào thời Minh chúa Nimi ấy,
Thánh giả, Hiền nhân đã ngập tràn.

422. Videha Đại đế ngày xưa,
Bậc chiến thắng bao kẻ địch thù,
Trong lúc ngài thi hành bồ thí,
Vẫn thường sinh khởi mỗi suy tư:
“Điều gì đem lại nhiều thành quả,
Bồ thí, tu hành, ai bảo cho?”

Lúc ấy, cung của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) bỗng nóng rực lên. Thiên chủ tìm hiểu lý do, thấy vua đang suy nghĩ như vậy, ngài nói:

– Ta sẽ giải quyết vấn đề này.

Rồi ngài ra đi, bỗng chốc đã biến hoàng cung thành một vùng sáng lòa, ngài bước vào cung điện, sừng sững tỏa hào quang rực rỡ và theo lời thỉnh cầu của vua, ngài làm sáng tỏ mọi việc.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

423. Đại đế chư thiên, đáng vạn năng,
Là ngài Thiên Nhân²⁶ tòa hào quang,
Nhận ra tư tướng trong vua ấy,
Trước ánh sáng ngài bóng tối tan.
424. Đại đế Nimi rớt thịt da,
Vội tâu Thiên chủ Vāsava:
“Thiên hay càn-thát-bà, cho biết,
Như Đế-thích, Purindada?”
425. Hào quang như vậy ở trên trần,
Tôi chẳng từng nghe thấy một lần,
Tôn giả, xin người hãy nói rõ,
Thế nào? Ta muốn biết nguyên nhân.”
426. Đã thấy đức vua rớt thịt da,
Vị Thiên chủ nói Nimi là:
“Ta đây Đế-thích, vị Thiên chủ,
Đã đến thăm ngài chẳng ngại xa.
Hỏi điều ngài muốn, kìa Hoàng thượng,
Chớ sợ hãi và rớt thịt da!”
427. Sakka Thiên chủ, đáng toàn năng,
Giải quyết cho ta nỗi khó khăn,
Bồ thí hay tu hành Thánh hạnh,
Việc gì đem kết quả nhiều hơn?
428. Rồi Vāsa lại bảo Nimi,
Giải quyết cho vua chính vấn đề,
Nói quả tu hành đời Thánh hạnh,
Cho nhà vua ấy được liễu tri:
429. Người sinh làm một Khattiya,
Kẻ sống đời thanh tịnh bậc ba,
Một vị thiên thần vào bậc giữa,
Thánh hiền bậc nhất đạt tinh hoa.
430. Nhờ bồ thí thôi khó đạt thành,
Như vậy những quả vị an lành,
Những gì bậc Thánh nhân xuất thế,
Chúng đắc nhờ tu tập khổ hạnh.

Qua các vần kệ này, ngài làm sáng tỏ thành quả vĩ đại của đời tu hành rồi ngài đọc các bài kệ khác nêu tên các vị vua trong quá khứ đã không thể vượt qua dục giới nhờ thực hành đại bồ thí, đó là các vị vua:

²⁶ Sahassanetta: Ngàn mắt; còn được viết: Sahassakkha (千眼帝釋), Thiên Nhân Đế-thích, một danh hiệu của vị Thiên chủ cõi trời Tāvātimsa (三十三, Tam Thập Tam, Ba Mươi Ba).

431. Dudīpa, Sāgara, Sela,
Mucalinda, Bhagīrasa,
Usīnara và Aṭṭhaka,
Assaka và Puthujjana.
432. Các vua, giáo sĩ, Khattiya,
Và biết bao nhiêu kẻ đã qua,
Vì chỉ chuyên thi hành tế lễ,
Không ai vượt khỏi cảnh quỷ ma.

Sau khi giải thích thành quả của đời sống tu hành cao hơn hẳn thành quả của bố thí như vậy, ngài nêu rõ những vị ẩn sĩ nhờ sống đời Thánh hạnh đã vượt qua thế giới ma quỷ (*peta*) và được sinh lên Phạm thiên giới, rồi ngài nói:

- 433-34. Và đây bảy ẩn sĩ Hiền nhân,
Những vị đã siêu thoát cõi trần,
Yāmahanu, Somayāga,²⁷
Manojava, Samudda,
Māgha, Bharata, Kālikara.²⁸

[Còn có bốn Hiền nhân khác nữa]:

Angīrasa, Kassapa,
Kisavaccha, Akitti,
Thầy đều lên cõi Phạm thiên thần.

Từ trước đến giờ, ngài theo truyền thuyết mô tả thành quả vĩ đại của đời Thánh hạnh, bây giờ ngài tiếp tục tuyên bố những gì chính ngài đã thấy:

435. Sīdā phương Bắc, một trường giang,
Sâu thẳm, thuyền bè khó vượt ngang,
Quanh nó giống như rừng lửa sậy,
Sáng ngời các dốc núi màu vàng.
436. Cát đằng bao phủ ở quanh vùng,
Thơm ngát cây trên núi, dưới sông,
Ở đó mười ngàn nhà ẩn sĩ,
Một thời đã trú ngụ tu thân.
437. Ta giữ lời nguyện của Thánh nhân,
Chuyên tâm tiết dục, tự điều thân,
Thực hành bố thí, đời đơn độc,
Chăm sóc tâm từng bước vững vàng.
438. Bất cứ ở trong đẳng cấp nào,
Phải tìm bậc Thánh để theo hầu,

²⁷ Bản CST viết Somayāma.

²⁸ Kālikara, viết đủ là Kālikarakkhiya.

Vì con người thấy đều ràng buộc,
Do chính mọi hành nghiệp bấy lâu.

- 439.** Xa chánh đạo tất phải đọa thân,
Vào miền địa ngục mọi giai tầng,
Mọi giai tầng trở thành thanh tịnh,
Nếu tạo thiện hành, sống chánh chân.

Sau đó, ngài bảo:

– Tuy nhiên, này Đại vương, mặc dù đời tu hành đạt kết quả cao hơn Bồ thí nhiều nhưng các bậc đại nhân đều phải lưu tâm đến cả hai việc này: Bồ thí và giữ giới hạnh.

Sau lời nhắn nhủ này, Thiên chủ trở về cảnh giới của ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy rằng:

- 440.** Vừa khi Đế-thích dứt lời này,
Đôi Videha để chỉ bày,
Thiên đế, chồng Sujā cất bước,
Quay về lại cõi chúng thiên ngay.

Lúc ấy, hội chúng chư thiên liền hỏi ngài:

– Tâu Thiên chủ, lâu nay chúng con không được yết kiến Thiên chủ, chẳng hay ngài ở đâu vậy?

– Này các Hiền giả, Vua Nimi ở thành Mithilā đang có mối hoài nghi trong lòng nên ta phải đi giải quyết vấn đề để vua khỏi nghi ngờ nữa.

Rồi ngài tả sự việc qua các vần kệ:

- 441.** Này chư thiên, hãy lắng nghe ta,
Tất cả đây tề tựu này giờ,
Các bậc chánh nhân đều khác hẳn,
Cả về đẳng cấp lẫn tài hoa.
- 442.** Nimi chúa tể ở phạm trần,
Là bậc Trí hiền đức, chánh chân,
Vua nước Vi-đề chuyên Bồ thí,
Là người chiến thắng các cừu nhân.
- 443.** Trong lúc ngài ban phát rộng tay,
Khởi sinh trong trí mỗi nghi này:
“Điều gì kết quả nhiều hơn hẳn,
Bồ thí, tu hành, ai có hay?”

Sau đó, ngài kể lại các đức tính của vua không sót điều gì, khiến chư thiên mong ước được gặp vua liền nói:

– Tâu Thiên chủ, Vua Nimi là bậc Sư trưởng của chúng con, nhờ lời dạy bảo của ngài cùng các phương tiện của ngài, chúng con đã đạt được niềm an lạc

trên thiên giới. Chúng con ao ước được gặp ngài. Vậy xin Thiên chủ hãy cho mời ngài đến để chúng con được bái yết ngài!

Thiên chủ Sakka chấp thuận, truyền gọi thần Mātali đến:

– Này hiền hữu, hãy buộc ngựa vào xa giá của ta, rồi xuống kinh thành Mithilā rước Vua Nimi lên thiên xa và đem ngài về đây!

Thần Mātali vâng lệnh ra đi. Trong khi Thiên chủ Sakka đàm đạo với chư thiên và ra lệnh cho Mātali đem xe xuống trần, tính ra ở hạ giới đã một tháng trôi qua. Lúc đó, đúng ngày trai giới trăng tròn, Vua Nimi mở cửa sổ hướng Đông, ngồi trên lầu cùng các triều thần vây quanh, suy ngẫm đến công hạnh của mình. Vừa lúc trăng lên ở hướng Đông thì thiên xa xuất hiện. Dân chúng đã ăn cơm tối xong, đang cùng nhau trò chuyện vui vẻ trước cửa, họ kêu lên:

– Ô kìa! Sao hôm nay lại có đến hai vàng trắng thế?

Trong lúc họ đang bàn tán thì chiếc xe lộ rõ dần:

– Ô không phải vàng trắng mà là chiếc xe ngựa!

Lúc đó, đoàn tuần mã cả ngàn con của thần Mātali cùng xe của Thiên chủ Sakka xuất hiện, dân chúng tự hỏi: “Xe này dành cho ai đây? Phải rồi, vua của chúng ta thật anh minh, chắc Thiên chủ Sakka dành xe này cho vua của chúng ta rồi, chắc Thiên chủ muốn gặp vua.”

Vì thế, họ hoan hỷ reo hò:

444. Một việc diệu kỳ ở thế gian,
Làm ta rộn gáy bởi hân hoan,
Vì Vi-đề đại vương vinh hiển,
Nên chiếc thiên xa xuống cõi phàm!

Trong lúc dân chúng đang mãi mê bàn tán như vậy thì nhanh như gió, Mātali quay xe lại, dừng xe bên song cửa hoàng cung, mời vua lên xe.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

445-46. Mātali, đại lực thiên thần,
Điều ngự thiên xa của Ngọc hoàng,
Đến thỉnh Videha chúa tể,
Ở Mithilā điện: “Tâu Minh quân,
Chúa công dưới thế lên xa giá,
Thiên chủ Indra với các thần,
Ở cõi Bām Ba, cung Thiện Pháp,
Đang chờ để yết kiến tôn nhan.”

Vua suy nghĩ: “Ta sắp viếng cõi trời mà ta chưa từng biết, vậy ta phải tỏ lòng tri ân đối với thần Mātali.” Thế rồi, ngài bảo các cung phi cùng thân dân:

“Chẳng bao lâu ta sẽ trở về trần thế, vậy các người phải chuyên tâm làm việc thiện và bố thí.” Rồi ngài lên xe.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

447-48. Khi ấy, Videha đại quân,
Vội vàng tiến đến chiếc xe thần,
Bước vào, khi Đại vương an tọa,
Thần lái thiên xa lại hỏi rằng:
“Thánh chúa, đường nào ngài muốn chọn,
Nơi người ác ở hoặc Hiền nhân?”

Nghe nói vậy, vua liền nghĩ: “Cả hai chốn này ta đều chưa hề thấy bao giờ cả, vậy ta muốn xem cả hai.” Ngài đáp lại:

449. Mātali, hỡi quản xa thần!
Hai chỗ ta đều muốn ngắm trông,
Nơi chốn bậc Hiền nhân trú ngụ,
Và nơi kẻ ác đọa đầy thân.

Mātali suy nghĩ: “Không thể đi xem cả hai nơi cùng một lúc được, vậy ta phải hỏi lại vua xem sao.” Rồi thần ngâm kệ:

450. Chỗ nào đi trước, Đại minh quân,
Nơi trước tiên ngài muốn ngắm trông,
Nơi chốn bậc Hiền nhân trú ngụ,
Hay nơi kẻ ác đọa đầy thân?

Vua suy nghĩ thế nào ngài cũng sẽ lên thiên giới và ngài lại ước mong thấy địa ngục nên ngài ngâm kệ:

451. Ta muốn xem nơi của tội nhân,
Hãy đưa ta đến ngục sau cùng,
Nơi người đã phạm hành vi ác,
Nơi kẻ ác nay đang trú thân.

Lúc ấy, Mātali chỉ cho vua thấy dòng sông ở địa ngục tên gọi Vetaraṇī.

Bậc Đạo sư giải thích việc này:

452. Thần lái thiên xa chỉ chúa công,
Dòng sông hôi thối Vetaraṇī,
Chứa đầy chất nước đang thiêu hủy,
Nóng bỏng, phủ toàn lửa cháy bùng.

Vua kinh hoàng khi nhìn thấy những tội nhân bị hành hạ đau đớn trong dòng sông Vetaraṇī, ngài liền hỏi Mātali họ đã mắc những tội gì, Mātali liền kể lại.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

453. Vua Nimi thấy tội nhân sa xuống,
Dòng sông sâu liền hỏi Mātali:
“Ta kinh hoàng thấy cảnh tượng đáng kia,
Những kẻ này phạm tội gì, xin nói,
Mà nay bị sa xuống sông Vetaraṇī.”
454. Vừa được hỏi, thần khiên thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tường minh,
Ác nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trở quả, ai làm thì phải gánh.
455. “Ai trong đời ý sức mạnh riêng mình,
Lại ức hiếp kẻ nghèo hèn, yếu đuối,
Kẻ ác kia đã gây bao tội lỗi,
Bị thả vào dòng nước Vetaraṇī.”

Mātali đáp lời vua như vậy. Khi vua đã thấy địa ngục Vetaraṇī rồi, Mātali liền làm cho cảnh này biến mất rồi lái xe đến xem nơi tội nhân bị các loài chó và ác thú khác xâu xé. Vua kinh sợ, thất lạc và thần Mātali trả lời.

Bậc Đạo sư giải thích việc này:

456. “Bầy chó đen, đàn kên kên cùng quạ,
Đang đợi mỗi kinh khủng, lúc ta trông,
Mātali, ta kinh hãi trong lòng,
Tội lỗi gì họ gây ra, xin nói,
Quạ rình ai? Mātali hãy đáp!”
457. Vừa được hỏi, thần khiên thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tường minh,
Ác nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trở quả, ai làm thì phải gánh.
458. “Những kẻ xan tham, sân hận, nói xàm,
Làm tổn hại Bà-la-môn, ăn sĩ,
Những kẻ ác đã gây bao tội thế,
Nay làm mỗi cho điều quạ, ngài xem!”

Những câu hỏi khác của vua cũng đều được thần Mātali đáp lại tương tự như trên.

459. Minh rực lửa khi họ nằm phủ phục,
Đồng than hồng vui dập lúc ta trông,
Mātali, ta hoảng sợ trong lòng,
Tội lỗi gì các kẻ này phạm phải,
Thần quân xa nói cho ta biết với,
Nay nằm vui dập dưới đồng than hồng?

160. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:
461. Sống ở đời ai có tánh bạo hung,
Gây phiền hại nữ, nam nhân hiền hậu,
Họ thật đúng là người tâm rất xấu,
Tạo ác xong bị khối sắt đập cùng.
462. “Những người khác nằm hổ than vật vĩa,
Gầm thét lên, thân cháy lúc ta trông,
Mātali, ta hoảng sợ trong lòng,
Bọn này phạm tội gì cho ta rõ,
Ai nằm vấy vùng trong hầm lửa đỏ?”
463. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:
464. Kẻ nào vì tài sản thuộc nghiệp đoàn,
Đã làm chứng xong rồi lật lọng nợ,
Họ làm hại số đông, tấu Bệ hạ,
Kẻ xấu xa này phạm tội bất nhân,
Nay nằm đó vấy vùng trong hố lửa.
465. “Ánh lửa rực vạc đồng đang cháy đỏ,
Ta thấy kìa một vạc lớn gồm ghê,
Khi ta nhìn lòng sợ hãi tràn trề,
Mātali nói cho ta biết rõ,
Những kẻ ấy tội gì đã tạo đó,
Nay chúc đầu vào vạc đồng không lỏ?”
466. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:
467. Kẻ làm hại Bà-la-môn, Sa-môn,
Kẻ xấu xa làm hại các thiện nhân,
Những ác nhân mang ác nghiệp vào thân,
Nay phải chúi đầu vào vạc đồng lớn.
468. “Cổ bị tóm quay tròn, nhúng nước nóng,
Nước đang sôi sùng sục thật kinh hồn,

Mātali, ta sợ hãi từng cơn,
Những kẻ ấy tội gì phạm, làm lạc,
Giờ đây đâu bị đứt, nằm chịu phạt?

469. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:

470. Đó là những ác nhân trên hạ giới,
Bắt chim muông rồi sát hại tiêu vong,
Và sát sinh như vậy, hỡi Quân vương,
Kẻ nghiệp xấu đã gây bao tội lỗi,
Nay nằm đó với đau bị chặt khỏi.

471-72. Dòng sông kia sâu thẳm, bờ nông cạn,
Dễ đi qua bờ bên ấy, thế nhân,
Nóng như thiêu liên uống, nhưng vừa dùng,
Nước thành trấu lửa khi ta nhìn thấy,
Mātali, lòng ta đầy kinh hãi,
Nói cho ta tội lỗi của thế nhân,
Sao uống vào, nước hóa trấu cháy bùng?

473-74. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muối và nay mang trái:
Đây những người trộn gạo với trấu tro,
Đem bán gian cho những kẻ đi mua,
Nên giờ phải chịu khát thiêu cổ họng,
Nhưng uống vào nước hóa ra trấu nóng.

475. Bao gươm giáo cung tên đâm xuyên thủng,
Hai bên sườn những kẻ nọ thét gào,
Mātali, ta kinh hãi, nói mau,
Tội lỗi gì các kẻ kia đã tạo,
Nên ngày nay chịu biết bao gươm giáo,
Phải nằm kia hứng lấy mọi cung tên?

476-77. Mātali, thần điều ngự đáp liền,
Tả tội chín muối và nay mang quả:
Kìa những thế nhân lòng đầy gian trá,
Đã lấy của người để sống giàu sang,
Trâu, dê, cừu, ngựa, thóc, lúa, bạc, vàng,
Những ác nhân này gieo trồng tội báo,
Nên giờ đây nằm hứng bao gươm giáo.

478. Những kẻ này bị cột cổ là ai,
Kẻ xé thịt, người chặt xương từng mảnh,
Mātali, lòng ta đầy kinh hoảng,
Nói cho ta tội tạo bởi chúng sinh,
Đang nằm kia thân bị xé tan tành?
- 479-80. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Dân chà, hàng thịt, sẵn bắn hươu nai,
Kẻ giết trâu, dê đem bán ở đời,
Những ác nhân đã gây bao tội ác,
Nay nằm kia với tấm thân tan nát.
481. Hô hô đầy phân bắn ở đằng kia,
Mùi thối xông lên, bao người chết đói,
Ăn đồ dơ, lòng ta đầy kinh hãi,
Khi ta nhìn, hãy nói, Mātali,
Các thế nhân kia mắc tội lỗi gì,
Nay ta thấy ăn toàn đồ dơ thối?
- 482-83. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi nay quả phải mang:
Những kẻ tinh ma ích kỷ hại nhân,
Sống với bạn mà đem lòng hại bạn,
Những ác nhân này đã gây nghiệp chướng,
Nay ăn đồ dơ bắn tội tình thay.
484. Hô đằng kia đầy máu mủ hôi tanh,
Mùi thối xông lên, kia đám sinh linh,
Khát thiếu hòng, uống vào, ta kinh hãi,
Khi ta nhìn, Mātali hãy nói,
Bọn người kia đã tạo lỗi lầm gì,
Nên bây giờ phải uống dòng máu kia?
- 485-86. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Những kẻ này đã giết mẹ hoặc cha,
Chúng phải tôn sùng, tội ngỗ nghịch mà,
Bọn ác này đã tạo ra trọng tội,
Chúng đang uống đằng kia dòng máu thối.
- 487-88. Kia lưỡi xuyên ngang bằng cái móc câu,
Như trăm mũi gai trên gỗ cắm vào,
Ai vấy vùng như cá nằm trên cạn,
Khi thấy người đang thét gào lâm nhâm,

Ta kinh hoàng, hãy nói, Mātali,
Tội lỗi gì phạm bởi đám người kia,
Nay nằm đó nuốt móc câu như vậy?

489-91. Mātali, thần lái xe đáp lại,
Nêu tội chín muôi và quả phải mang:
Những thể nhân kia buôn bán chợ hàng,
Tranh giành mua rẻ vì tham tư lợi,
Tưởng đâu che được bao trò gian dối,
Như người câu cá, những kẻ dối đời,
Phải lâm nguy bởi nghiệp cũ theo hoài,
Bọn gian ác này đã gây tội ấy,
Đang nằm kia nuốt móc câu như vậy.

492-93. Những nữ nhân toi tả, đứng giờ tay,
Gào thét lên, khốn khổ, máu sôi đầy,
Như thú trong lò, thân vùi đến ngực,
Còn nửa người trên lửa thiêu rừng rực,
Ta kinh hoàng, cho biết, Mātali,
Đám nữ nhân kia phạm tội ác gì,
Nay phải đứng chôn vùi trên mặt đất,
Nửa người trên lửa đang thiêu rừng rực,
Phần nằm sâu dưới đất đến nửa người?

494-95. Mātali khi ấy vợ đáp lời,
Nêu tội chín muôi và nay mang trái:
Những kẻ kia cao sang trên thế giới,
Đời sống dâm ô, gây nghiệp bất nhân,
Phản bội, trốn chồng làm việc vô luân,
Để thỏa mãn những tấm lòng tham dục,
Họ phung phí cuộc đời trong trụy lạc,
Giờ đây mình rực lửa đứng chôn thân.

496. Sao những kẻ kia bị người lôi căng,
Và thả vào dòng nước Naraka?
Lòng kinh hoàng, Mātali nói ra,
Tội lỗi gì những thể nhân tạo vậy,
Nên ngày nay trôi vào dòng sông ấy?

497-99. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu nghiệp nhân mang quả đã chín muôi:
Những kẻ kia trên thế gian độc ác,
Trộm báu vật, tư thông vợ người khác,
Nên giờ đây bị thả xuống dòng sông,
Chịu khổ hình trong địa ngục muôn năm,

Không an lạc cho người gây tội lỗi,
 Vì nó luôn bị nghiệp mình theo dõi,
 Những ác nhân này gây tạo lỗi lầm,
 Nên ngày nay bị thả xuống dòng sông.

Nói xong, Mātali làm cho cảnh địa ngục biến mất rồi tiếp tục lái xe tiến lên, chỉ cho vua xem địa ngục hành hình kẻ theo tà giáo. Theo lời vua yêu cầu, thần Mātali giải thích:

500. Ta chứng kiến bao nghiệp nhân gây quả,
 Thật kinh hoàng trong địa ngục, khi trông,
 Mātali, ta sợ hãi trong lòng,
 Tội lỗi gì những thế nhân phạm phải,
 Nên ngày nay bị trầm luân khổ ải,
 Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua?

501-02. Mātali, thần điều ngự đáp vua,
 Nêu tội chín mươi và nay mang trái:
 Bọn ác tà kiến kia trên thế giới,
 Đặt lòng tin vào vọng tưởng hư danh,
 Buộc tha nhân phải tín ngưỡng theo mình,
 Vì tà kiến đã gây bao tội lỗi,
 Nên ngày nay phải chịu bao khổ ải,
 Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua.

Bấy giờ trên thiên giới, chư thiên đang tụ tập tại Thiện Pháp đường chờ đợi nhà vua đến. Thiên chủ Sakka nghĩ thầm: “Mātali đã đi lâu lắm rồi”, và khi xét thấy lý do, ngài bảo:

– Mātali đang đi vòng quanh làm vị hướng dẫn chỉ các cảnh giới địa ngục cho nhà vua xem và giải thích các tội lỗi đã đưa đường đến mỗi địa ngục ấy.

Rồi cho gọi một vị thiên đồng trẻ tuổi nhanh nhẹn, ngài bảo vị này:

– Hãy đi bảo Mātali mang nhà vua đến đây ngay! Vị ấy đang tiêu phí hết cuộc đời của nhà vua đấy, không nên đi quanh các địa ngục quá lâu như vậy!

Lập tức vị thiên đồng ra đi, truyền lệnh của Thiên chủ cho Mātali. Nghe xong, Mātali đáp:

– Chúng tôi không dám chậm trễ nữa.

Rồi trong một thoáng nhanh như chớp, thần Mātali chỉ tất cả mọi cảnh giới địa ngục rộng lớn khắp bốn phương cho vua xem và ngâm kệ sau:

503. Giờ Đại vương đã chứng kiến nhiều nơi,
 Của thế nhân mắc tội lỗi trên đời,
 Nên đọa đày và đây Minh quân hỡi,
 Nhanh lên thăm Đại đế của cõi trời.

Nói xong, thần quay xe lên thiên giới. Khi ấy, vua thấy trên không tòa lâu đài của một thiên nữ tên là Bīraṇī với các đỉnh tháp đầy ngọc vàng, được trang hoàng thật lộng lẫy, có hoa viên và hồ hoa sen, hoa sủng cùng những cây quý bao quanh xứng đáng với cảnh đẹp ấy. Thiên nữ này ngồi trên sàng tọa trong căn phòng có đỉnh tháp hướng ra phía trước và được cả ngàn tiên nữ hầu hạ chung quanh, bà đang nhìn ra cửa sổ. Vua liền hỏi Mātali nữ thần ấy là ai và Mātali giải thích:

504-05. Ngắm lâu đài kia với năm đỉnh tháp,
Đầy tràng hoa tô điểm, ngự tọa sàng,
Một nữ thần thật diễm lệ huy hoàng,
Muôn vẻ uy nghi, muôn phần kỳ lược,
Mātali, lòng ta vui náo nức,
Nói ta nghe những thiện nghiệp của nàng,
Khiến nàng nay hạnh phúc ở thiên đàng?

506-07. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Ngài nghe chẳng ở xứ Bīraṇī,
Một Bà-la-môn có một nô tỳ,
Tiếp một khách đúng thời, lòng niềm nở,
Như mẹ đón con mình nên từ đó,
Cao sang, trong sạch, sống hưởng lâu đài.

Nói xong, Mātali lái xe tiến lên và chỉ vua xem bảy tòa lâu đài bằng vàng của thiên tử Soṇadhinna. Vua thấy cảnh tượng huy hoàng của thiên tử này liền xin Mātali giải thích:

508-09. Kia bảy lâu đài sáng ngời chói lọi,
Một thiên nhân đang ngự trị huy hoàng,
Cùng các vợ tiên trú ngụ thiên đường,
Ta hoan hỷ nhìn, Mātali hỡi,
Thiện nghiệp nào thế nhân kia vun xới,
Mà bây giờ lạc trú cảnh thiên đình?

510-14. Mātali, thần điều ngự lại trình,
Tuyên thiện nghiệp chín muồi và mang quả:
Soṇadhinna trước làm vua đã,
Đem cúng dường với đại lượng quân vương,
Bảy am tu cùng tất cả đồ dùng,
Cung cấp đủ tâm thành và vật thực,
Sàng tọa, đèn, hương cùng nhiều y phục,
Hoan hỷ, tâm thành với các chánh nhân,
Ngài giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,

Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
Nên bây giờ tận hưởng lạc thiên cung.²⁹

Mātali kể rõ các thiện nghiệp của thiên tử Soṇadinnā xong liền lái xe tiến tới nữa. Rồi thân lại chỉ một tòa lâu đài bằng pha lê cao đến hai mươi lăm do-tuần có hàng trăm cột trụ làm bằng thất bảo, hàng trăm đỉnh tháp, rải rác các rèm treo và chuông nhỏ. Một lá cờ bằng bạc và vàng đang phất phới, cạnh đó là một công viên đầy hoa lá tốt tươi, có một hồ thả hoa súng xinh xinh, các nữ thần yêu kiều ca hát muôn điệu nhạc. Khi vua thấy cảnh này liền hỏi các nữ thần này đã tạo những thiện nghiệp gì và Mātali đáp:

515-16. Kìa cung pha lê sáng ngời rực rỡ,
Các đỉnh cao chát ngất đến tầng mây,
Thức uống, đồ ăn la liệt đủ đầy,
Thiên nữ kỳ tài cả đoàn tuyệt sắc,
Đang trình diễn múa ca cùng tiếng hát,
Ta hân hoan, hãy nói, Mātali,
Các nữ nhân này đã tạo nghiệp gì,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc?

517-18. Mātali, thần quản xa liền đáp,
Tả những thiện duyên mang lại quả lành:
Các nữ nhân này Thánh hạnh tu hành,
Tín nữ tại gia giữ ngày trai giới,
Rộng lượng, điều thân, tịnh tâm, tỉnh giác,
Nên giờ đây hạnh phúc ở thiên cung,
Mà Đại vương đã tận mắt ngắm trông.

Rồi thân lái xe tiến lên, chỉ cho vua một tòa lâu đài bằng ngọc bích, sừng sững trên một nơi đất bằng phẳng, hùng vĩ như ngọn núi ngọc bích sáng ngời, các thiên tử đang nô đùa ca hát khúc nhạc thiên đường. Thấy cảnh này, vua liền hỏi về các thiện nghiệp của các thiên tử này và vị kia đáp lại:

519-22. Lâu đài ngọc kia tỏa đầy ánh sáng,
Cảnh nguy nga, tráng lệ, thật huy hoàng,
Nhạc du dương đang trôi khúc thiên đường,
Đàn, ca, trống âm vang theo vũ khúc,
Ta chưa từng nhìn cảnh nào ngoạn mục,
Âm thanh kia êm dịu chẳng hề nghe,
Lòng hân hoan, hãy nói, Mātali,

²⁹ Xem S. I. 209, *Sānusutta* (Kinh Sānu); A. I. 142, *Catumahārājasutta* (Kinh Bốn bậc Đại vương); A. I. 143, *Dutiyacatumahārājasutta* (Kinh thứ hai về bốn bậc Đại vương); Vv. 26, *Bhadditthivimānavatthu* (Chuyện lâu đài của phu nhân Khà Ai); Vv. 28, *Soṇadinnāvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Soṇadinnā); Vv. 29, *Uposathāvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Uposathā); Vv. 30, *Niddāvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Niddā); Vv. 54, *Visālakkhivimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Visālakkhī); Thīg. v. 31, *Mittātherīgāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Mittā).

Nghiệp lành nào những vị này tạo tác,
Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

523-27. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay đem quả chín muồi:
Đây các vị tại gia trong đời trước,
Bổ thí nhiều vườn cây và giếng nước,
Kéo nước và thành tín cúng Thánh nhân,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hoan hỷ cùng chân nhân chính trực,
Cứ mỗi hai tuần giữ ngày trai giới,
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài hoan lạc.

Như vậy, khi đã nêu các thiện nghiệp của các vị thiên tử kia, Mātali liền lái xe đến một tòa lâu đài pha lê khác với nhiều đỉnh tháp, hoa thơm cỏ lạ và cây cối xinh đẹp mọc khắp nơi, vang dội muôn tiếng chim ca hát bên cạnh một dòng sông trong vắt. Đó là nơi cư ngụ của một vị hữu phước có cả một đoàn tiên nữ hầu hạ quanh mình. Thấy cảnh tượng này, nhà vua lại hỏi về các nghiệp quả của vị ấy và được Mātali giải thích:

528-30. Kia cung pha lê chói ngời ánh sáng,
Các đỉnh cao chất ngất đến từng mây,
Thức uống đồ ăn la liệt, cả đoàn
Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
Bao hoa lá viên đồi bờ sông mát,
Ta hân hoan, hãy nói, Mātali,
Nam nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
Nay thọ hưởng lâu đài đầy thiên lạc?

531-35. Mātali, thần lái xe liền đáp,
Nêu nghiệp lành nay quả tốt sinh ra:
Một chủ nhà ở tại Kimbilā,
Hào phóng cúng các vườn cây, giếng nước,
Kéo nước dâng Thánh nhân lòng thành thực,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hân hoan cùng các bậc chánh nhân,
Ngày trai giới giữ hai lần nửa tháng,
Mùng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Điều thân, rộng lượng, theo bước Thánh hành,
Nay trú an trong lạc thú thiên đình.

Như vậy, sau khi tả nghiệp lành của vị này xong, thần lái xe đi nữa, rồi thần chỉ cho vua một tòa lâu đài pha lê khác. Lâu đài này lại còn nhiều cỏ cây hoa

trái muôn màu bao quanh hơn các lâu đài trước nữa. Thấy vậy, vua liền hỏi các thiện nghiệp của vị thiên thần đầy diễm phúc kia và Mātali đáp:

536-39. Kia ngọc cung đang tỏa đầy ánh sáng,
 Các đỉnh cao chát ngất đến từng mây,
 Thức uống, đồ ăn la liệt, các nàng
 Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
 Bao hoa lá viền đôi bờ sông mát,
 Sāla, xoài, mà-ca, táo rừng cao,
 Piyāla, cườm thị, đào đỏ ngọt ngào,
 Vườn cây trái mọi nơi sinh quả quý,
 Mātali nói đi, ta hoan hỷ,
 Thiên nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
 Nay hưởng lâu đài thiên lạc tràn trề?

540-44. Mātali, thần lái xe đáp lại,
 Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang trái:
 Một chủ nhà ở tại Mithilā,
 Hào phóng đem cho giếng nước, vườn hoa,
 Kéo nước cúng Thánh nhân lòng ngưỡng mộ,
 Y phục, thức uống ăn và tọa cụ,
 Mọi nhu cầu, hòa hợp với chánh nhân,
 Người giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
 Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
 Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
 Nên giờ đây an trú lạc thiên cung.

Tả xong thiện nghiệp của vị này như vậy, thần tiếp tục lái xe đi đến một lâu đài bằng ngọc giống lâu đài đầu tiên, và vua lại yêu cầu thần kể các hành nghiệp của vị thiên thần đang hưởng lạc tại đây:

545-48. Kia ngọc cung đang chiếu đầy ánh sáng,
 Cảnh nguy nga tráng lệ thật huy hoàng,
 Nhạc du dương đang trỗi khúc thiên đường,
 Đàn ca trống âm vang theo vũ khúc,
 Ta chưa từng thấy cảnh nào ngoạn mục,
 Âm thanh êm dịu quá chẳng hề nghe.
 Lòng hân hoan, hãy nói, Mātali,
 Các nghiệp lành những vị này tạo tác,
 Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

549-53. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
 Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi,
 Một vị tại gia ở thành Ba-la-nại,
 Bô thí nhiều vườn cây cùng giếng nước,

Kéo nước và dâng cúng Thánh nhân,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hòa hợp cùng thiện nhân chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày trai giới,
Mồng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài an lạc.

Vừa lái thiên xa tiến lên, thần vừa chỉ một lâu đài bằng vàng như mặt trời đang tỏa ánh sáng và theo lời thỉnh cầu của nhà vua, thần kể các thiện nghiệp của vị thiên nhân đang an trú ở đây:

554-55. Ngắm lâu đài kia sáng ngời ánh lửa,
Đỏ như mặt trời đang lúc lên cao,
Mātali, lòng hoan hỷ nói mau,
Thiện nghiệp gì thế nhân này vun xới,
Nay an trú hưởng lâu đài trên thiên giới?

556-60. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi,
Một chủ nhà xưa ở thành Xá-vệ,
Giếng nước, vườn cây, rộng lòng bố thí,
Kéo nước dâng các Thánh với tín tâm,
Thức uống ăn và y phục, tọa sàng,
Vật cần thiết, tâm hòa, người chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày trai giới,
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc.

Trong khi thần Mātali tả cảnh tám lâu đài này, Thiên chủ Sakka, Đại đế của chư thiên nghĩ rằng Mātali còn lâu lắm mới trở về nên đã phái một thiên tử nhanh chân khác đi đưa tin triệu hồi. Mātali nghe lệnh, thấy không thể nào trì hoãn được nữa liền trong một thoáng nhanh như chớp, thần chỉ một lượt nhiều lâu đài và nêu cho vua thấy những thiện nghiệp của các thiên nhân ở trong đó:

561-62. Nhìn những lâu đài rực sáng trên không,
Như tia chớp xuyên qua đám mây hồng.
Lòng hoan hỷ, Mātali, hãy nói,
Thiện nghiệp gì các vị này vun xới,
Nên bây giờ an hưởng cảnh thiên đường?

563-64. Mātali đáp lại đấng quân vương,
Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang quả,
Sống hướng thiện, tín thành và thức giả,
Thi hành những lời dạy của Đạo sư,

Nhờ sống như Phật Đại Giác dạy cho,
Nay lên các thiên cung ngài đang ngắm.

Sau khi đã chỉ cho nhà vua các lầu đài trên không, thần lên đường trở về yết kiến Thiên chủ Sakka với những lời này:

565. Ngài đã thấy cảnh người lành, kẻ dữ,
Giờ ta mau bái yết đấng Thiên Hoàng.

Nói xong, thần tiếp tục lái xe đi và chỉ cho nhà vua xem bảy ngọn đồi bao quanh núi Sineru (Tu-di) làm thành một vòng tròn, rồi để giải thích cách vua hỏi Mātali khi thấy cảnh này, bậc Đạo sư nói:

566. Khi Đại vương du hành lên thiên giới,
Ngự thiên xa ngàn thiên mã kéo đi,
Thấy những đỉnh non cao ngất đàng kia,
Trên biên cả Sīdā, ngài liền hỏi:
“Núi đồi này là gì xin hãy nói?”

567. Vừa được hỏi, thần khiển thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tận tường,
Thiện nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trở quả, ai làm thì được hưởng.

568. Nhiều núi hùng vĩ Sudassana,
Karavīka, Īsadhara,
Yugandhaka, Nemindhara,
Vinataka, Assakaṇṇa.

569. Những núi này giữa biển cả Sīdā,
Theo lớp hàng sừng sững núi dần cao,
Là nơi chốn các Đại vương đang trú,
Ngài tận mắt đang ngắm nhìn tuần tự.

Rồi thần chỉ thiên giới của Tứ Đại Thiên Vương và tiếp tục đi cho đến lúc thấy các tượng thần Inda đứng sừng sững quanh đại thiên môn Cittakūṭa ở cõi trời Ba Mươi Ba. Thấy cảnh tượng này, vua liền hỏi và Mātali đáp lại.

570-71. Cảnh đẹp tinh vi, tráng lệ, huy hoàng,
Tượng thần Inda sừng sững thiên môn,
Như thần hổ đứng canh, ta nhìn kỹ,
Mātali, lòng ta đầy hoan hỷ,
Nói cho ta tên cảnh đẹp tuyệt vời?

572-74. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Cittakūṭa, nơi ngài chiêm bái,
Công đi vào cung Đại đế Thiên Hoàng,
Đây đại môn quan của ngọn Mỹ Sơn,

Diễm lệ, huy hoàng, bao quanh sừng sững,
Với tượng Inda như bầy hổ đứng.
Mời Hiền vương vào chôn thanh tịnh này!

Nói xong, Mātali dẫn vua vào trong và việc ấy được tả lại như sau:

575. Khi Đại vương ngự giá chiếc thiên xa,
Được cả ngàn tuần mã kéo đi qua,
Nhà vua ngắm nơi chư thiên hội họp.

Trong khi ngài đi ngang qua, ngắm nơi chư thiên hội họp tại Thiện Pháp đường, ngài liền hỏi và Mātali đáp lại.

576-77. Như mùa thu, trời cả một màu xanh,
Tòa lâu đài ngọc bích hiện nguyên hình,
Lòng hoan hỷ, Mātali, hãy nói,
Tên lâu đài mà ta đang chiêm bái?

578-81. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên đem quả tốt chín muồi:
Đây Thiện Pháp đường chư thiên tụ tập,
Trụ đứng nguy nga, công trình mỹ thuật,
Tám bề xây bằng ngọc bích, bảo trân,
Tam Thập Tam thiên với đấng Ngọc hoàng,
Đại đế Inda cầu mong lạc phước,
Cho trời, người mời Đại vương hãy bước,
Chôn diễm kiều, nơi trú ngụ chư thiên!

Các vị thiên lúc ấy đang ngồi đợi vua đến. Khi nghe tin, họ bước ra đón ngài với hoa hương cõi trời thơm tỏa ngào ngạt đến tận cổng Cittakūṭa ấy và mời ngài vào Thiện Pháp đường. Vua xuống xe vào sảnh đường, chư thiên mời ngài ngồi và Thiên chủ Sakka cũng ban tặng ngài đủ mọi hoan lạc của thiên giới.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

582. Chư thiên ngắm đức Vua vừa mới đến,
Đồng chào mừng vị khách quý Minh quân:
Cung nghênh ngài! Thiên chủ rất hân hoan,
Được diện kiến, bên Sakka Thiên chủ,
Chúng thiên đồng kính mời Minh quân ngự.

583. Thiên chủ mời Đại đế Videha,
Vị Minh quân ngự trị Mithilā,
Vāsava liền tặng ngài tất cả,
Thiên lạc và thỉnh Minh quân an tọa.

584. Giữa các quân vương cai trị cõi đời,
Xin cung nghênh Chúa tể đến cung trời,

An trú với chư thiên, này Chúa tể,
Ngài sẽ được mọi ước nguyện như ý,
Hưởng trường xuân nơi Tam Thập Tam thiên.

Như vậy, Thiên chủ Sakka ban ngài các thiên lạc nhưng vua từ chối khéo và đáp lại:

- 585.** Như khi ta được ngự giá xe tiên,
Được tặng thêm bao của báu, bạc tiền,
Những vật ấy đều như đồ vay mượn,
Do người khác ban cho mình thọ hưởng.
- 586.** Ta không màng những phúc lạc đặc ân,
Nhận từ tay do kẻ khác phát phân,
Các thiện nghiệp đều của ta duy nhất,
Trên các nghiệp riêng, ta luôn vững chắc.
- 587.** Ta sẽ đi làm thiện nghiệp cho người,
Bồ thí cúng dường ở khắp mọi nơi,
Ta sẽ bước theo con đường giới đức,
Tập phòng hộ và tự thân điều phục,
Người thực hành như vậy sẽ hân hoan,
Không còn lo phải gặp lúc ăn năn.³⁰

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp cho chư thiên với âm thanh ngọt như mật. Ngài ở lại đó bảy ngày theo ước tính của loài người, đem đến niềm hân hoan cho thiên chúng. Rồi đứng giữa các vị thiên thần, ngài nêu rõ công đức của Mātali:

- 588.** Mātali, thần quản xa thiên giới,
Là vị thần đặc biệt đã ban ân,
Vị ấy chỉ cho ta thấy rõ ràng,
Nơi kẻ dữ, người lành đang cư trú.

Rồi vua từ giả Thiên chủ Sakka, nói rằng ngài muốn trở về hạ giới. Sau đó, Thiên chủ bảo:

– Này hiền hữu Mātali, hãy rước Đại vương Nimi về thành Mithilā ngay lập tức!

Xa giá đã sẵn sàng và vua đáp lại những lời chúc tụng thân hữu của chư thiên rồi từ tạ lên xe. Mātali lái xe về hướng Đông, đến thành Mithilā. Dân chúng thấy thiên xa, hoan hỷ biết vua đã trở về. Nhiều người vây quanh vua và hỏi ngài cảnh thiên giới. Ngài tả cho họ nghe cảnh an lạc của chư thiên và Thiên chủ Sakka, rồi khuyên dụ họ làm lành, bồ thí để được tái sinh lên cõi trời.

³⁰ Xem J. IV. 355, *Sādhinajātaka* (Chuyện Đại vương Sādhina), số §494; Vv. 77. *Revatīvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Revatī); Pv. 83, *Revatīpetavatthu* (Chuyện ngạ quỷ Revatī).

Sau đó, khi người thợ hớt tóc thấy sợi tóc bạc đầu tiên và bảo cho ngài hay, ngài liền bảo gã cắt sợi tóc bạc ấy, rồi ban cho gã một ngôi làng. Ngài muốn rời thế tục nên phong vương cho con ngài. Khi được hỏi tại sao ngài muốn xuất thế, ngài đọc câu kệ:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống tháng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.

Và cũng như các vua trước, ngài xuất gia, vào sống trong vườn xoài, tu tập tứ vô lượng tâm rồi khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Việc xuất gia của ngài được bậc Đạo sư tả trong vần kệ cuối cùng:

589. Nimi, chúa tể Mithilā,
Khi đã làm đại sự xuất gia,
Ngài bước vào con đường Thánh hạnh.
Bản thân chế ngự với thiên-na.

Và con ngài, Vua Kālārajanaka cũng xuất gia, chấm dứt triều đại của ngài.

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài nói:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai xuất thế mà Như Lai đã xuất thế trong đời trước.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Mātali là Ānanda (A-nan), tám mươi bốn vị vua là đệ tử đức Như Lai và Vua Nimi chính là Ta vậy.

§542. CHUYỆN ĐƯỜNG HÀM VĨ ĐẠI

(*Mahāummaggajātaka*)³¹ (J. VI. 329)

Vua Brahmadatta đến từ xa...

Trong khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể chuyện này liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ.³²

Một ngày kia, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, tán dương sự viên mãn trí tuệ của đức Phật:

– Nay các Hiền giả, đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ thật quảng bác, thâm thúy, tinh tế, linh lợi, sắc sảo, đánh tan mọi tà thuyết. Chính nhờ thần lực đại trí của Ngài, sau khi quy phục Bà-la-môn Kūṭadanta và nhiều Bà-la-môn

³¹ Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản PTS viết *Mahāummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umagajātaka*, số 542.

³² *Paññāpārami* (智慧波羅蜜, trí tuệ ba-la-mật): Trí tuệ viên mãn.

khác, ân sĩ Sabhiya và nhiều ân sĩ khác, cường đạo Āṅgulimāla cùng nhiều cường đạo khác, dạ-xoa Ālavaka cùng nhiều dạ-xoa khác, Thiên chủ Sakka cùng nhiều Thiên chủ khác, Bà-la-môn Baka cùng nhiều Bà-la-môn khác, v.v... khiến họ trở nên thuận hòa, không kiêu mạn. Ngài lại truyền Đại giới cho một số đông ân sĩ và an trú họ vào Đạo và Quả.

Bậc Đạo sư đi đến hỏi các Tỷ-kheo đang bàn luận gì, khi các vị nói cho Ngài biết, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải bây giờ Như Lai mới có trí tuệ viên mãn mà ngày xưa, trước khi có được trí tuệ viên mãn, Như Lai cũng đã có đủ đại trí vào thời kỳ còn đang đi tìm tuệ giác.

Sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, có vị vua danh hiệu Videha trị vì Mithilā trong quốc độ Videha. Ngài được bốn vị Hiền trí dạy về sự và lý, đó là Senaka, Pukkusa, Kāvinda và Devinda.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát còn ở trong mẫu thai, vào một buổi sáng sớm, vua chiêm bao thấy mộng như sau: Bốn cột lửa bùng sáng ở bốn góc hoàng cung cao như bức tường thành, ở giữa nổi lên một tia lửa bằng con đom đóm, bỗng chốc nó vượt cao quá bốn ngọn lửa kia và bùng lên đến tận Phạm thiên giới, soi sáng toàn cõi thế gian, ngay đến một hạt cải cũng được thấy rõ. Nhân giới và thiên giới liền đưa hương hoa ra cung kính cúng dường ngọn lửa ấy, rồi một đám đông đi xuyên qua ngọn lửa nhưng không bị cháy sợi tóc nào. Vua thấy cảnh tượng ấy, giật mình kinh hãi ngồi dậy, suy đoán những điềm sắp xảy ra và đợi trời sáng.

Bốn vị Hiền trí sáng hôm sau đến vấn an vua, hỏi ngài có được an giấc chăng. Ngài bảo:

– Làm sao mà trẫm an giấc được khi trẫm chiêm bao như vậy!

Trí giả Senaka tâu:

– Xin Đại vương đừng ngại, đó là mộng lành, Đại vương sẽ được vinh quang.

Rồi khi được yêu cầu giải thích rõ, ông nói:

– Tâu Đại vương, một vị Hiền trí thứ năm sắp ra đời sẽ vượt hẳn chúng thần. Chúng thần nay như bốn cột lửa, nhưng ở giữa chúng thần sẽ phát ra cột lửa thứ năm là bậc Vô Thượng Sĩ, chiếm vị trí tối cao trong cõi nhân thiên.

– Thế vị ấy bây giờ ở đâu?

– Tâu Đại vương, vị ấy hoặc sẽ xuất hiện hoặc sẽ sinh ra từ mẫu thai.

Vị này nói như vậy dựa vào tài nghệ của mình, y như đã thấy bằng Thiên nhãn thông nên từ đó vua nhớ kỹ những lời ấy.

Lúc bấy giờ, ở bốn cổng thành Mithilā có bốn thị trấn gọi là Đông trấn, Nam trấn, Tây trấn và Bắc trấn. Ở Đông trấn có một phú thương tên gọi Sirivaḍḍhaka³³ và bà vợ tên là Sumanādevī.³⁴ Vào ngày vua nằm mộng ấy, bậc Đại sĩ từ cõi trời Ba Mươi Ba xuống nhập thai mẹ và một ngàn vị thiên tử cũng từ thiên giới xuống đầu thai vào gia đình các phú thương ở trong làng ấy.

Sau mười tháng, bà Sumanādevī sinh một người con trai có màu da như vàng ròng. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka phóng tầm mắt nhìn xuống thế gian, thấy bậc Đại sĩ ra đời, ngài nghĩ rằng phải thông báo cho khắp cõi nhân thiên biết vị Phật tương lai đã ra đời. Ngài liền xuất hiện khi hài nhi vừa sinh ra, đặt một nhánh cỏ thuốc vào tay hài nhi rồi trở về thiên giới. Bậc Đại sĩ nắm chặt nhánh cỏ trong tay và khi ngài ra đời từ bụng mẹ, mẹ ngài không thấy đau đớn chút nào cả, ngài ra đời nhẹ nhàng như nước tuôn ra từ bình thánh lễ. Khi mẹ ngài trông thấy nhánh cỏ thuốc trong tay ngài, bà liền nói:

– Này con, con cầm vật gì thế?

Ngài đáp:

– Thừa mẹ, đó là cỏ thuốc.

Ngài đặt nó vào tay mẹ và bảo bà cắt lấy để dành cho bất cứ người nào bị bệnh, dù đó là bệnh gì. Lòng đầy hoan hỷ, bà mẹ liền nói chuyện này với phú thương Sirivaḍḍhaka vốn đã bị bệnh nhức đầu trong bảy năm qua. Ông sung sướng tự nhủ: “Hài nhi này sinh ra từ bụng mẹ đã cầm cây thuốc và vừa ra đời đã trò chuyện cùng mẹ. Cây thuốc do một bậc tài trí siêu phàm như vậy trao cho chắc phải có đại công lực.”

Thế là ông chà cây thuốc vào hòn đá mài rồi thoa một ít lên trán, lập tức chứng nhức đầu đeo đẳng ông trong bảy năm qua liền tiêu tan như nước lã khỏi lá sen. Vô cùng sung sướng, ông kêu to:

– Đây là cây thuốc thần!

Tin tức lan truyền khắp nơi rằng bậc Đại sĩ ra đời với cây thuốc thần trong tay, khiến bệnh nhân kéo đến tấp nập tại nhà vị phú thương xin thuốc. Họ lấy một ít đem cho các bệnh nhân, chà lên đá mài, trộn với nước, hể thân của bệnh nhân nào đụng đến thuốc thần đều lành bệnh cả nên các bệnh nhân hân hoan ra đi loan truyền tin về công lực kỳ diệu của thần dược trong nhà phú thương Sirivaḍḍhaka.

Vào ngày đặt tên hài nhi, vị phú thương nghĩ thầm: “Con ta không cần phải được đặt tên theo dòng họ tổ tiên mà lúc được sanh ra đã cầm cây thuốc, vậy phải để con ta mang tên cây thuốc mới được”, và ông liền đặt tên con là Mahosadha (Đại Dược Thảo). Rồi ông lại nghĩ thầm: “Con ta có được đại công đức như thế, chắc không ra đời một mình đâu, chắc còn có nhiều hài nhi khác

³³ Bản CST viết Sirivaḍḍhana.

³⁴ Bản CST viết Sumanadevī.

cũng ra đời cùng một lượt.” Khi hỏi thăm, phú ông nghe được cả ngàn hài nhi khác cùng ra đời một lượt với con mình, ông liền gọi cho chúng y phục đẹp, gởi chúng cho nhũ mẫu và quyết định rằng những hài nhi kia sẽ là người hầu cận của con ông. Ông cử hành một đại lễ dành cho bậc Đại sĩ cùng các hài nhi kia, điểm trang cho chúng thật đẹp và ngày ngày đến chơi đùa với ngài. Bậc Đại sĩ vui đùa và lớn lên cùng với các trẻ kia.

Khi được bảy tuổi, ngài xinh đẹp như một pho tượng bằng vàng. Những lúc ngài chơi đùa với đám trẻ trong làng, các bầy voi, ngựa thường đi ngang qua cản trở trò chơi, hoặc đôi khi đám trẻ bị mệt nhọc vì mưa nắng. Một ngày kia khi họ đang vui chơi, thỉnh linh một cơn bão trái mùa chợt đến, bậc Đại sĩ lúc ấy mạnh như voi, thấy vậy vội chạy vào nhà, đám trẻ kia chạy theo vào, va vấp chân nhau, té ngã sưng trầy đầu gối, v.v... Ngài liền nghĩ thầm: “Ta phải xây một giải trí trường tại đây, ta không thể chơi kiểu này mãi được.” Ngài liền bảo đám trẻ kia:

– Ta hãy xây một giải trí trường tại đây để có thể vào đó đứng, nằm, ngồi những lúc mưa gió, oi nồng. Vậy các bạn hãy đem mỗi người một đồng tiền lại đây!

Đám trẻ kia vâng lời và bậc Đại sĩ mời một thợ cả đến trao số tiền một ngàn đồng và nhờ ông ta xây một sảnh đường tại đó. Người thợ cả nhận lời, lấy một ngàn đồng, đốn cây, dặm nền, san bằng mặt đất, dựng cột và giăng dây đo. Bậc Đại sĩ không hài lòng với cách giăng dây này nên ngài phải dặn người thợ cả giăng dây thế nào cho phù hợp ý ngài. Người ấy nói:

– Lão giăng dây theo kinh nghiệm hành nghề của lão thôi, chứ lão không biết làm cách khác.

– Nếu lão không biết nhiều như vậy thì làm sao lão nhận tiền của ta mà xây nhà cho được? Vậy lão hãy mang dây lại đây, ta sẽ giăng và chỉ cho lão thấy!

Ngài bảo ông mang dây lại rồi chính ngài tự giăng lấy như thể thiên tử Vissakamma đã thực hiện trước đây vậy. Xong ngài hỏi người thợ mộc:

– Thế lão có biết giăng cách này không?

– Thưa ngài, lão không biết.

– Thế lão có thể làm theo lời ta chỉ dẫn không?

– Thưa ngài, được.

Bậc Đại sĩ liền sắp đặt sảnh đường có một phần là nơi cư trú cho những người không chốn nương thân, một phần là nơi cư trú cho các phụ nữ nghèo khổ sanh con, một phần là nơi cư trú cho các khách là Sa-môn, Bà-la-môn, một phần khác dành cho các khách nam nhân, một phần khác dành cho các khách thương buôn đến sắp xếp hàng hóa. Mỗi phòng đều có cửa lớn thông ra ngoài. Bậc Đại sĩ cho làm sân chơi tròn dành cho các trò giải trí, một nơi phân xử và một phòng lớn để làm thánh lễ.

Khi công việc đã hoàn tất, ngài triệu tập các họa sĩ lại và chính ngài xem họ họa hình thật đẹp để trang hoàng sảnh đường chẳng khác nào thiên cung Sudhammā [của Thiên chủ Sakka]. Ngài vẫn nghĩ rằng cung điện ấy chưa hoàn hảo: “Ta phải cho xây một hồ nước mới được.” Ngài liền ra lệnh đào đất và bàn luận việc này với một kiến trúc sư. Sau đó, ngài trao tiền bảo ông ta xây một hồ nước có một ngàn lối đi và một trăm bến tắm. Mặt hồ phủ đầy năm loại hoa sen rực rỡ chẳng khác nào hồ Nanda. Trên bờ, ngài trồng nhiều loại cây đang đơm hoa kết trái và hoa viên trông chẳng khác nào vườn thiên lạc Nandana. Gần sảnh đường, ngài dựng lên một nơi để cúng dường các bậc tu hành dù là Sa-môn hay Bà-la-môn cùng các lễ khách hay dân chúng từ các làng lân cận.

Những việc làm của ngài gây tiếng vang khắp nơi, khiến dân chúng tụ tập tại sảnh đường. Bậc Đại sĩ thường ngồi đó bàn luận chánh tà trong các việc thiện ác của các đoàn người đến xin ở lại đây. Ngài phán xét từng trường hợp và thời kỳ ấy chẳng khác nào thời một đức Phật xuất hiện tại thế gian.

Lúc bấy giờ, khi mãn hạn bảy năm, Vua Vedeha nhớ lại bốn vị Hiền trí đã bảo rằng một vị Hiền trí thứ năm sẽ ra đời vượt lên hẳn bốn vị ấy về tài trí, và tự nhủ: “Thế vị này hiện nay ở đâu?” Vua liền phái bốn vị cận thần ra bốn công thành, ban lệnh cho họ đi tìm vị Hiền trí ấy. Khi họ ra ba công thành kia, họ không tìm thấy bậc Đại sĩ; nhưng khi ra phía Đông môn, vị cận thần thấy sảnh đường ấy cùng nhiều tòa nhà khác nên tin chắc rằng chỉ có bậc Hiền trí mới xây dựng lâu đài này hoặc bảo dân chúng xây dựng lên như vậy liền hỏi công chúng:

– Vị kiến trúc sư nào đã xây lên sảnh đường này?

Dân chúng đáp:

– Sảnh đường này không phải do một kiến trúc sư nào xây mà do sự hướng dẫn bằng tuệ lực của bản thân bậc Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaḍḍhaka.

– Bậc Trí giả ấy bao nhiêu tuổi?

– Cậu ấy vừa tròn bảy tuổi.

Vị cận thần suy xét lại mọi biến cố xảy ra từ ngày vua chiêm bao đến nay và tự nhủ: “Chuyện này ứng với chiêm bao của vua rồi, đây quả là bậc Trí giả ấy” liền sai sứ giả dâng sớ trình vua:

– Tâu Bệ hạ, bậc Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaḍḍhaka ở ngôi làng Yavamajjhaka phía Đông, nay lên bảy tuổi, đã thiết kế, bảo xây một sảnh đường cùng hoa viên và hồ nước như vậy; tiểu thần đem cậu bé ấy đến yết kiến Đại vương được chẳng?

Khi nghe vậy, vua vô cùng hoan hỷ, truyền mời Senaka đến. Sau khi kể lại sự việc, vua hỏi ông xem có nên triệu vị Trí giả ấy đến chẳng. Nhưng ông ganh tị với vị Trí giả ấy liền đáp:

– Tâu Đại vương, ta không nên gọi một người nào là “trí giả” chỉ vì người ấy ra lệnh bảo xây những sảnh đường, v.v... Ai cũng có thể ra lệnh xây như vậy cả. Đó chỉ là việc nhỏ!

Khi vua nghe vậy, nhủ thầm: “Chắc phải có lý do nào đây”, rồi ngài im lặng. Ngài gửi tin dặn vị cận thần phải ở lại nơi ấy một thời gian và quan sát vị Trí giả ấy thật kỹ lưỡng. Vị cận thần ở lại đó thăm dò mọi hành vi của vị Trí giả.

Và sau đây là một loạt các cách thử tài hay cuộc thăm dò.

I. ĐỘ TÀI CẬU BÉ BẢY TUỔI

1. MIẾNG THỊT

Một ngày kia, khi bậc Đại sĩ đi đến giải trí trường, một con điều hâu tha đi một miếng thịt từ chiếc bàn đồ tế bay vụt lên không, vài người thấy vậy định bắt nó thả miếng thịt xuống nên đuổi theo nó. Con điều hâu bay đủ hướng, khiến họ nhìn lên đuổi theo nó, vấp vào đá, v.v... trượt ngã, mệt nhoài. Bậc Trí giả liền bảo họ:

– Ta sẽ làm cho nó thả miếng thịt xuống.

Họ liền yêu cầu ngài làm ngay. Ngài bảo họ nhìn lên rồi chính ngài cũng nhìn lên và chạy nhanh như gió giẫm lên bóng con điều hâu, vỗ tay thật lớn. Nhờ uy lực của ngài, âm thanh ấy dường như xuyên thủng bụng điều hâu khiến nó kinh hoàng thả miếng thịt xuống. Bậc Đại sĩ canh chừng theo cái bóng nó rớt xuống, chụp lấy miếng thịt ở trên không trước khi nó chạm đất. Dân chúng thấy việc hy hữu như vậy, reo hò vỗ tay vang dội.

Vị cận thần nghe tin ấy liền gởi sớ về dâng vua, kể chuyện vị Trí giả dùng phương tiện bắt con điều hâu thả miếng thịt. Vua được tin, hỏi Senaka có nên triệu hồi bậc Trí giả về triều không. Senaka suy nghĩ: “Nếu nó về đây, ta sẽ mất hết vinh quang và đức vua sẽ quên ta mất. Thôi, ta không thể để đức vua mang nó về đây được!” Thế là vì ganh tị, ông bảo:

– Không thể gọi là “trí giả” chỉ vì một việc như vậy, đó chỉ là việc nhỏ.

Vua muốn thật chí công vô tư liền ra lệnh nhắn vị cận thần phải thử thách ngài thêm nữa.

2. ĐÀN BÒ

Một người dân ở làng Yavamajjhaka phía Đông mua một số con bò từ làng bên cạnh đem về nhà. Hôm sau, người ấy đem đàn bò ra đồng cho ăn cỏ rồi cười một con dạo chơi. Khi mệt mỏi, anh ta ngồi xuống đất ngủ say, một tên trộm xuất hiện mang đàn bò đi mất. Khi thức dậy chẳng thấy đàn bò đâu, nhưng khi nhìn quanh, người ấy thấy tên trộm đang chạy trốn. Anh ta nhảy tới kêu gào:

– Người đem đàn bò của ta đi đâu?

– Đây là đàn bò của ta, ta muốn đem đi đâu mặc ta.

Một đám người xúm lại nghe đấu khẩu. Bậc Trí giả nghe tiếng ồn ào lúc bọn họ đi ngang qua cửa sảnh đường, ngài cho mời họ vào. Khi ngài thấy dáng điệu của họ, ngài biết ngay ai là tên trộm còn ai là chủ nhân thật sự của đàn bò. Nhưng dù ngài biết chắc như vậy, ngài vẫn hỏi họ đang tranh cãi điều gì. Chủ nhân đàn bò bảo:

– Tôi mua đàn bò của người kia ở một làng nọ, tôi đem chúng về nhà rồi cho ra đồng ăn cỏ. Tên trộm này thấy tôi không canh chừng kỹ liền đến dắt nó đi. Nhìn quanh tôi thấy gã liền chạy theo bắt lấy. Dân ở làng kia biết tôi mua bò và mang về.

Tên trộm đáp:

– Người này nói dối, đàn bò sinh ra trong nhà tôi.

Bậc Trí giả nói:

– Ta sẽ xử vụ này công bình, các anh có nghe ta xử chẳng?

Họ đều hứa sẽ tuân theo. Thế là tự nhủ rằng ngài sẽ chiếm được lòng dân chúng, ngài hỏi tên trộm trước tiên:

– Anh cho đàn bò ăn thức gì?

– Chúng uống nước cháo cùng ăn bột mè và đậu.

Ngài lại hỏi chủ nhân thật sự, người này đáp:

– Thưa Tôn ông, nhà nghèo như kẻ hèn đây, làm gì có cháo cùng các thức kia, kẻ hèn chỉ cho bò ăn cỏ.

Bậc Trí giả liền triệu tập một đám người lại, bảo họ đem lá kê vàng đến, nghiền nát trong cối, trộn với nước rồi cho bò ăn, chúng liền nôn ra toàn cỏ. Ngài chỉ cho đám đông thấy rồi hỏi tên trộm:

– Anh có phải kẻ trộm hay không?

Gã liền thú nhận mình chính là tên trộm. Ngài bảo gã:

– Thôi, từ nay đừng phạm tội như thế nữa!

Nhưng quân hầu của Bồ-tát mang gã ra ngoài và đập tay chân, làm cho gã kiệt sức. Ngài liền khuyên răn thêm:

– Nỗi khổ đau này đến với anh trong đời hiện tại nhưng đời sau anh sẽ chịu cực hình ở nhiều địa ngục nữa. Vậy từ nay, anh phải từ bỏ ác hạnh như vậy đi!

Rồi ngài dạy gã ngũ giới.

Vị cận thân dâng số tâu việc này, vua lại hỏi ý Senaka nhưng ông khuyên vua nên chờ đợi:

– Đây chỉ là việc nhỏ về việc đàn bò, ai cũng có thể xử được.

Vì muốn công bình, vua ban lệnh như trước.

Các trường hợp sau đây cũng được hiểu như vậy, ta cứ theo thứ tự từng chuyện một.

3. DÂY ĐEO BẰNG CHỈ

Một người đàn bà nghèo buộc nhiều sợi chỉ màu lại làm thành sợi dây phục sức đeo cổ. Bà cời nó ra để trên áo quần khi xuống tắm trong hồ mà bậc Trí giả đã cho đào. Một cô gái thấy vậy đem lòng thèm muốn, cầm sợi dây lên bảo:

– Mẹ ơi, dây đeo cổ này đẹp quá, giá bao nhiêu, con muốn làm cho con một sợi. Mẹ cho con đeo thử ở cổ để biết chắc cỡ nào nha mẹ?

Bà kia cho phép cô gái, cô liền đeo vào và chạy mất. Bà già vội nhảy ra khỏi nước, mặc áo quần đuổi theo cô gái, chụp lấy áo cô ta, thét lên:

– Cô lấy sợi dây phục sức của ta mà chạy đi đâu?

Cô kia đáp:

– Tôi không lấy cái gì của bà cả, dây này tôi vẫn đeo trên cổ lâu nay.

Một đám đông tụ lại xem khi nghe chuyện cãi cọ. Bậc Trí giả đang nô đùa cùng lũ trẻ, nghe họ cãi nhau khi đi ngang qua sảnh đường liền hỏi chuyện gì gây ồn ào. Khi biết nguyên nhân vụ cãi cọ, ngài cho gọi cả hai vào, nhìn đáng điệu ngài biết ngay ai là kẻ cắp liền hỏi họ có chịu nghe theo ngài xét xử không. Cả hai đều bằng lòng, ngài hỏi kẻ cắp:

– Cô dùng hương gì để tẩm vào sợi dây đeo cổ này?

Cô gái đáp:

– Tiện nữ luôn luôn dùng hương tổng hợp gồm nhiều thứ hương pha trộn (*sabbasamhāraka*) để tẩm vào nó.

Rồi ngài lại hỏi bà kia, bà liền đáp:

– Một người nghèo như lão làm gì có hương tổng hợp đó? Lão chỉ tẩm nó với hương hoa piyaṅgu (cây kê vàng) mà thôi.

Bậc Trí giả bảo đem đến một bình nước và thả dây vào trong, rồi ngài cho gọi một người bán nước hoa đến ngửi bình nước để nhận ra mùi gì, gã liền nhận ra ngay mùi hoa piyaṅgu và đọc bài kệ đã từng đưa ra trong chương I, *Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương*:³⁵

Chẳng có mùi hương của bá hoa,
Chỉ kaṅgu cứ thoảng bay ra,
Nữ nhân ác độc kia gian dối,
Bà lão nhà quê nói thật thà.

Bậc Đại sĩ nhờ người công bố cho dân chúng biết sự việc như thế xong hỏi: “Chị là kẻ cắp phải không?” Rồi ngài bắt cô gái kia phải nhận tội. Từ đó, ngài nổi tiếng là khôn ngoan, tài trí.

³⁵ Xem J. I. 424, *Sabbasamhārakapañha* (Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương), số §110.

4. SỢI CHỈ

Một người đàn bà kia thường đứng canh ruộng bông vải. Một bữa nọ, chị ta lấy một ít sợi đẹp cuộn thành quả cầu, dệt trên vạt áo. Lúc đi về làng, chị ta nghĩ thầm: “Ta xuống tắm trong hồ của bậc Trí giả mới được”, rồi chị ta đặt quả cầu trên áo, bước xuống hồ tắm. Một người đàn bà khác thấy vậy sinh lòng thèm muốn, bảo:

– Quả cầu chỉ này đẹp quá, chị cuộn lấy phải không?

Chị ta bật nhẹ ngón tay, đặt quả cầu trên vạt áo như thể muốn xem thật kỹ rồi bỏ đi. Phần còn lại [của chuyện này] cũng theo cách thức như các chuyện trước đây.

Bậc Trí giả hỏi kẻ cắp:

– Khi cuộn quả cầu này, chị bỏ gì vào trong đó?

Chị ta trả lời:

– Thưa ngài, một hột bông vải.

Rồi ngài hỏi người kia, chị ta đáp:

– Thưa ngài, một hột timbaru (cây cườm thị).

Khi đám đông đã nghe hai người nói xong, ngài tháo quả cầu, lấy ra một hột timbaru bên trong, khiến cho kẻ cắp phải thú nhận tội. Đám đông vui vẻ reo hò trước cảnh xử kiện của bậc Trí giả.

5. ĐƯA CON TRAI

Một người đàn bà kia đem con trai đi xuống hồ của bậc Trí giả tắm rửa. Khi tắm xong, chị đặt con nằm trên áo mình rồi đi tắm. Lúc ấy, một nữ quỷ dạ-xoa thấy đứa bé nên muốn ăn thịt liền nắm áo người đàn bà và hỏi:

– Đây chị bạn, cháu xinh quá, con trai chị đây phải không?

Rồi nó hỏi xem nó có thể cho đứa bé bú không. Khi người mẹ bằng lòng, nó liền ẵm đứa bé lên chơi đùa một lát rồi chạy mất. Bà mẹ rượt theo chụp lấy nó, la lên:

– Đây chị, chị mang con tôi đi đâu?

Con quỷ cái đáp:

– Sao chị dám đụng vào đứa bé này? Nó là con tôi mà.

Họ vừa cãi cọ vừa đi ngang qua cửa sảnh đường, bậc Trí giả nghe tiếng ồn ào liền cho gọi họ và hỏi chuyện. Nghe xong, mặc dù nhìn thấy đôi mắt đỏ không chớp của nữ yêu tinh, bậc Trí giả biết ngay ai là con quỷ cái, ngài cũng hỏi họ có chịu nghe theo lời ngài xét xử chẳng. Khi họ đồng ý nghe theo, ngài liền vẽ một đường thẳng, đặt đứa bé lên, bảo con quỷ nắm tay đứa bé và người mẹ nắm chân nó. Rồi ngài bảo:

– Nắm lấy nó mà lôi đi, kẻ nào lôi được nó về phía mình là con của mình.

Cả hai đều lôi kéo, đứa bé bị đau òa khóc to. Người mẹ đau lòng như cắt đành để đứa bé bị lôi đi và đứng khóc. Bậc Trí giả hỏi đám đông:

– Nay, chính lòng mẹ mới thương yêu con mình hay lòng của kẻ không phải là mẹ?

Họ đáp:

– Chính lòng mẹ mới yêu thương con mình.

– Thế người nắm chặt đứa bé là mẹ nó hay người để cho nó bị lôi đi là mẹ nó?

Họ đáp:

– Người để cho nó bị lôi đi, thưa bậc Trí giả.

– Các người có biết kẻ trộm đứa bé là ai chẳng?

– Thưa bậc Trí giả, chúng tôi không được biết.

– Nó là con quỷ cái bắt trẻ con để ăn thịt.

Họ hỏi làm thế nào ngài biết được như vậy, ngài đáp:

– Ta nhìn thấy đôi mắt đỏ của nó, nó lại không đổ bóng xuống đường, tính tình táo tợn và tàn nhẫn nữa.

Rồi ngài hỏi nó là ai, nó thú nhận chính là quỷ cái.

– Tại sao người bắt đứa bé?

– Thưa ngài, để ăn thịt.

– Người thật ngu muội quá, đời trước người đã phạm tội nên phải sinh làm yêu quỷ, nay lại vẫn tiếp tục gây tội, thật mê mờ quá!

Rồi ngài dạy nó giữ ngũ giới và khuyên: “Từ nay trở đi, người đừng tạo nghiệp ác nữa” xong thả cho nó đi, còn người mẹ nhận được đứa con thì chúc tụng ngài:

– Xin cầu chúc ngài trường thọ!

Rồi chị ẵm con về.

6. NGƯỜI LÙN

Có một người đàn ông tên gọi Golakāla³⁶ (người lùn đen). “Goḷa” nghĩa là người lùn bé bởi vì thân hình lùn tịt và “kāla” vì màu da đen bóng. Người ấy làm việc trong nhà kia bảy năm liền, cưới được cô vợ tên là Dīghatālā (cây cối cao).

Một ngày kia, anh ta bảo vợ:

– Nay hiền thê, nàng hãy làm bánh, thức ăn rồi chúng ta về thăm cha mẹ.

Lúc đầu, người vợ phản đối dự định này, bảo chồng:

– Cha mẹ chàng bị làm sao à?

³⁶ Bản CST viết Gotakāla.

Nhưng sau khi người chồng nài nỉ ba lần, cũng bảo được vợ làm bánh, thức ăn, đem thêm một số thực phẩm đi đường và quà biếu rồi cùng vợ lên đường. Trên đường đi, anh ta đến một dòng sông không sâu lắm nhưng cả hai đều sợ nước nên không dám lội qua, chỉ đứng trên bờ.

Bấy giờ, có một người nghèo khổ tên Dīghapittī (lưng dài) đi dọc bờ sông đến nơi này, họ liền hỏi người ấy sông sâu hay cạn. Thấy họ sợ nước, anh ta bảo:

- Sông lắm và đầy loài cá ăn thịt.
- Thế làm sao ông qua sông được?
- Ta đã kết bạn với cá sấu và thủy quái ở đây nên chúng không hại ta.

Họ bảo:

- Vậy xin Tôn ông đem chúng tôi qua sông với.

Khi người ấy bằng lòng, họ cho anh ta bữa cơm. Xong bữa, anh ta hỏi họ sẽ đem ai qua trước. Goḷakāḷa bảo:

- Xin đem tiểu muội qua trước rồi tiểu đệ sẽ qua sau.

Người ấy nhận lời, đặt nàng ngồi trên vai, cầm lấy thực phẩm đi đường, quà biếu và bước xuống dòng sông. Khi đã đi được một lát, anh ta cúi người ngồi xụp xuống và lom khom đi. Goḷakāḷa đứng trên bờ thấy vậy, nghĩ thầm: “Dòng sông này chắc phải sâu lắm, một người cao như anh ta mà còn khó khăn vậy thay, huống gì ta chắc không thể nào qua được.” Khi người kia đem người đàn bà ra đến giữa dòng, anh ta bảo nàng:

– Nương tử ơi, ta sẽ yêu quý nàng, nàng sẽ sống đời cao sang, mặc gấm vóc lụa là, đeo nữ trang ngọc vàng, có kẻ hầu người hạ, chứ gã lùn tịt kia làm gì cho nàng được? Xin nàng hãy nghe ta!

Nàng nghe anh ta nói êm tai nên không còn yêu chồng nữa mà mê mẩn ngay kẻ xa lạ này, nàng bằng lòng và bảo:

- Nếu chàng không bỏ thiếp, thiếp xin vâng lời chàng.
- Nương tử ơi, dù nàng có nói gì ta cũng sẽ yêu thương nàng.

Thế là khi họ sang bờ bên kia, họ vui thú cùng nhau, bỏ rơi Goḷakāḷa bên bờ. Trong lúc anh ta đứng trông chừng thì họ ăn hết lương thực và ra đi. Anh ta thấy vậy liền nghĩ:

- Chúng đã kết bạn với nhau và bỏ ta mà chạy trốn!

Trong khi chạy lui chạy tới, anh ta mới bước xuống nước một khoảng liền thối lui vì sợ hãi, nhưng vì lòng căm giận cách ăn ở của bọn kia, anh ta tuyệt vọng nhảy ùm xuống nước và bảo:

- Một là sống, hai là chết!

Và khi xuống nước rồi anh ta mới biết nước quá cạn. Thế là anh ta lội qua, vừa đuối theo chúng vừa la to:

- Tên trộm khốn nạn kia, người đem vợ ta đi đâu?

Người kia đáp:

– Này gã lùn khốn nạn, sao lại vợ người? Vợ ta chứ!

Rồi nắm cổ người lùn ném ra xa. Người lùn chụp tay Dīghatālā hét to:

– Ngừng lại, nàg đi đâu đấy! Nàg là vợ ta, ta cưới được nàg sau bảy năm làm lụng tại nhà kia mà.

Họ đang cãi cọ như vậy thì vừa đến sảnh đường, một đám đông tụ lại xem. Bậc Trí giả hỏi chuyện gì gây ồn ào, ngài hỏi họ có chịu nghe ngài xử kiện chẳng. Khi họ đều bằng lòng, ngài gọi Dīghapitthi lại hỏi tên xong hỏi tên vợ nhưng người này không biết nên nói một tên khác. Rồi ngài hỏi tên cha mẹ, anh ta đáp được nhưng khi ngài hỏi tên cha mẹ vợ thì anh ta cũng không biết nên đã nói một tên khác.

Ngài sắp đặt câu chuyện của người này xong và cho lui ra. Rồi ngài cho gọi người lùn vào và cũng hỏi tên họ như vậy. Người này biết hết nên trả lời đúng cả. Ngài lại bảo anh ta lui ra rồi cho gọi Dīghatālā vào hỏi tên nàg, nàg đáp được nhưng khi hỏi tên chồng, nàg không biết nên nói sai. Khi hỏi tên cha nàg, nàg đáp đúng nhưng khi được hỏi tên cha mẹ chồng, nàg đáp bừa và nói sai. Sau đó, bậc Trí giả cho gọi hai người vào và hỏi đám đông:

– Câu chuyện của người đàn bà này hợp với Dīghapitthi hay Golakāḷa?

Họ đáp:

– Hợp với Golakāḷa, thưa bậc Trí giả.

Rồi ngài tuyên án:

– Người này là chồng chị ta, người kia là kẻ trộm.

Khi ngài hỏi lại gã: “Người là kẻ trộm phải không?” Gã thú nhận: “Dạ phải, thưa ngài, con là kẻ trộm.” Sau khi nhận được người vợ của mình nhờ sự phân xử của bậc Trí giả, Golakāḷa ca ngợi bậc Đại sĩ rồi đem vợ đi. Bậc Trí giả bảo Dīghapitthi đừng làm như vậy nữa.

7. CỎ XE

Một ngày nọ, một người đàn ông đang ngồi trên xe ngựa bước xuống đất để rửa mặt. Vừa lúc ấy, Thiên chủ Sakka đang xem xét thế gian, khi ngài thấy bậc Trí giả liền quyết định làm cho thế nhân biết được uy lực và tài trí của Mahosadha, đức Phật trong thời vị lai. Vì thế, ngài giáng thế, giả dạng đàn ông theo sau chiếc xe, giữ phần đuôi xe. Người ngồi trên xe hỏi:

– Anh đến đây làm gì?

Ngài đáp:

– Thưa Tôn ông, để hầu hạ Tôn ông.

Người ấy bằng lòng ngay và xuống xe, qua bên đường đi tiểu tiện. Lập tức Thiên chủ Sakka lên xe phóng đi mất. Người chủ xe xong việc trở lại, thấy Thiên chủ Sakka phóng xe chạy trốn liền đuổi theo và la to:

– Ngừng lại, ngừng lại, anh đem xe của ta đi đâu?

Thiên chủ đáp:

– Xe của ông là cái nào kia chứ, đây là xe của ta mà!

Vừa cãi cọ, họ vừa chạy ngang qua cửa sảnh đường. Bậc Trí giả hỏi:

– Chuyện gì thế?

Và ngài cho mời Thiên chủ vào. Khi Thiên chủ vào, nhìn dáng điệu oai vệ và đôi mắt không chớp của ngài, bậc Trí giả biết ngay là Thiên chủ Sakka và kẻ kia là chủ xe. Tuy thế, ngài vẫn hỏi nguyên do cuộc cãi vã và bảo họ:

– Các vị có chịu nghe ta xét xử chẳng?

Họ đồng đáp:

– Thưa vâng.

Ngài tiếp tục nói:

– Ta sẽ làm cho xe chạy, cả hai vị đều phải giữ phần sau xe và chạy theo, người nào là chủ chiếc xe sẽ không buông ra, còn người kia sẽ buông.

Xong ngài bảo một người lái xe, còn hai người kia giữ phần sau xe và chạy theo. Chủ xe chạy được một quãng thì buông ra và dừng lại, còn Thiên chủ Sakka vẫn tiếp tục chạy theo xe và còn quay về cùng xe. Bậc Trí giả bảo với đám đông:

– Người này mới chạy một lát đã buông ra và dừng lại, còn người kia chạy đến cùng với chiếc xe rồi còn quay về cùng xe nữa mà lại chẳng đổ một giọt mồ hôi nào trên thân, không thở dốc, không sợ sệt gì cả, đôi mắt lại không chớp. Đây chính là Thiên chủ Sakka, Đại đế của chư thiên.

Rồi ngài hỏi:

– Thưa ngài, có phải ngài là Thiên chủ chẳng?

– Chính phải, thưa bậc Trí giả.

– Thế ngài đến đây làm gì?

– Để làm rạng danh tài trí của ngài, thưa bậc Trí giả.

Ngài khuyên:

– Vậy thì xin Thiên chủ chớ làm như vậy nữa!

Bấy giờ, Thiên chủ Sakka xuất lộ oai thần bằng cách đứng lơ lửng trên không, tán thán bậc Trí giả:

– Thật là một lối xét xử đầy tài trí!

Rồi ngài trở về thiên giới. Lúc ấy, vị cận thân không đợi lệnh vua triệu tập, vội trở về triều đình:

– Tâu Đại vương, việc cỗ xe ấy đã quyết định được rồi. Ngay đến Thiên chủ Sakka còn chịu khuất phục trước ngài ấy nữa, có sao Đại vương không chịu thừa nhận tính siêu phàm ở thế nhân?

Nhà vua hỏi Senaka:

– Khanh nghĩ sao Senaka, ta có nên đem bậc Trí giả về triều chẳng?

Senaka tâu:

– Việc đó cũng chưa hẳn quyết định một bậc Trí giả, tâu Đại vương, ta cứ đi thử tài vị này rồi sẽ biết.

Châm dứt phần *Đọ tài cậu bé bảy tuổi*.

II. VẤN ĐỀ VỀ CON LỬA

8. KHÚC CÂY

Thế rồi một ngày kia, với mục đích thử tài bậc Trí giả, họ bảo người mang đến khúc cây keo cao, cắt độ một gang tay, cho gọi thợ tiện đều thật láng rồi đưa về làng Yavamajjhaka phía Đông với lời rao:

– Dân làng Yavamajjhaka phía Đông này nổi danh tài trí, vậy hãy tìm cho ra phía nào là đầu ngọn, phía nào là gốc của cành cây này. Nếu không biết sẽ bị phạt một ngàn đồng tiền.

Dân chúng tụ tập lại nhưng không ai tìm ra được liền nói với chủ của họ:

– Có lẽ Trí giả Mahosadha sẽ biết, ta mời ngài hỏi xem.

Người chủ cho mời bậc Trí giả đang ở ngoài sân chơi, kể chuyện đó xong rồi hỏi: “Con à, chúng ta không thể biết nhưng con thì có thể, đúng không?” Nghe xong, bậc Trí giả nghĩ thầm: “Đức vua chẳng lợi gì khi biết gốc ngọn cây ấy, chắc chắn ngài đưa nó đến đây để thử tài ta.” Ngài bảo:

– Xin hãy mang nó lại đây, con sẽ biết, thưa cha!

Khi cầm trong tay, ngài biết đâu là ngọn, đâu là gốc. Tuy nhiên, để làm vui lòng mọi người, ngài cho đem đến một chậu nước, buộc một sợi dây ở giữa khúc cây keo cao rồi cầm đầu dây, thả khúc cây vào mặt nước. Phía gốc nặng hơn nên chìm trước. Ngài hỏi dân chúng:

– Gốc cây nặng hơn hay ngọn cây nặng hơn?

– Thưa Trí giả, gốc cây nặng hơn.

– Vậy hãy nhìn đây, phần này chìm trước vậy là gốc.

Nhờ dấu hiệu này, ngài đã phân biệt được gốc ngọn. Dân chúng trình khúc cây lên vua đã phân biệt phía nào gốc, phía nào ngọn. Vua hoan hỷ hỏi:

– Ai đã tìm ra?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chính Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaddhaka.

– Này Senaka, thế ta triệu vị ấy về triều được chẳng?

– Tâu Đại vương, xin cứ chờ đợi để chúng thần thử tài vị ấy bằng cách khác nữa.

9. CHIẾC ĐÀU NGƯỜI

Một ngày kia, hai chiếc đầu người được mang đến để phân biệt chiếc nào là đầu đàn bà, chiếc nào là đầu đàn ông. Nếu không tìm ra được, họ phải chịu phạt một ngàn đồng tiền. Dân chúng không đoán được liền mời Trí giả. Ngài nhận ra vì người ta thường nói đường khớp trên xương đầu đàn ông thì thẳng, còn đường khớp trên xương đầu đàn bà thì cong. Nhờ dấu hiệu này, ngài phân biệt được ngay và dân chúng trình lên vua. Phần cuối như các chuyện trên.

10. CON RẮN

Một ngày nọ, một con rắn đực và một con rắn cái được đưa đến cho dân làng đoán thử, họ không biết nên hỏi Trí giả. Ngài biết ngay khi thấy rắn, vì đuôi rắn đực dày, đuôi rắn cái mỏng; đầu rắn đực rộng, đầu rắn cái hẹp; mắt rắn đực lớn, mắt rắn cái nhỏ; vảy rắn đực khít, liên tiếp nhau, vảy rắn cái không khít, bị đứt quãng. Nhờ những dấu hiệu này mà ngài phân biệt con đực với con cái. Phần cuối như các chuyện trên.

11. CON GÀ TRỐNG

Ngày nọ, vua ban lệnh xuống: “Dân chúng ở làng Yavamajjhaka phía Đông hãy đưa về triều một con bò đực, có sừng trên chân, cục bướu trên đầu, rống lên không quá ba thời [một ngày], nếu không sẽ phải bị phạt một ngàn đồng tiền!”

Dân chúng không biết làm sao liền hỏi Trí giả. Ngài đáp:

– Nhà vua đòi các ông gửi dâng ngài con gà trống đấy. Con gà trống có sừng trên chân đó là cái cựa, cục bướu trên đầu đó là mào và rống lên không quá ba thời là cất giọng gáy đúng ba lần. Do đó, hãy dâng vua con gà trống như vậy!

Họ liền gửi dâng vua.

12. VIÊN NGỌC

Viên ngọc này do Thiên chủ Sakka tặng Vua Kusa có hình bát giác. Sợi dây đeo ngọc bị đứt nhưng không ai lấy được sợi dây cũ ra để khâu dây mới vào.

Một ngày kia, họ đem viên ngọc đến bảo dân làng lấy sợi dây cũ ra để khâu dây mới vào. Dân làng không làm gì được đành đem chuyện khó khăn này kể lại với bậc Trí giả. Ngài bảo họ đừng lo sợ gì cả, bảo đem đến một cục mật. Ngài thoa mật vào hai lỗ của hạt ngọc, rồi se một sợi len, thoa mật vào một đầu dây, đẩy đầu dây vào một chút trong lỗ của hạt ngọc xong đặt viên ngọc vào nơi kiên thường đi qua. Bầy kiến nghe mùi mật bò ra, cắn hết sợi dây cũ rồi cắn sợi dây len kéo qua tận lỗ bên kia.

Khi ngài thấy lỗ đã thông, ngài bảo dân làng trình lên vua, khiến vua rất đẹp lòng khi nghe câu chuyện sợi dây được khâu như vậy.

13. BÒ ĐỰC ĐỂ CON

Một ngày kia, con bò đực của nhà vua được cho ăn quá nhiều trong vòng

mấy tháng nên bụng nó trương lên, sừng nó phờ phạc, nó phải được thoa dầu, tắm nghệ, rồi họ đem nó đến dân làng với lệnh vua ban:

– Nghe các khanh thật tài trí, vậy đây là con bò đực của đức vua đang có chữa, hãy giúp nó sinh con rồi dẫn về triều có cả bò con. Nếu không sẽ chịu phạt vạ một ngàn đồng tiền!

Dân làng chẳng biết làm sao liền vấn kế bậc Trí giả, ngài nghĩ nên đặt một câu hỏi trùng hợp với câu kia và hỏi:

– Các ông có thể tìm ra một người bạo gan dám đối đáp với đức vua chẳng?

Họ đáp chuyện ấy không khó gì, rồi họ đem một người đến. Bậc Đại sĩ bảo:

– Này anh bạn, anh hãy xõa tóc xuống vai đi đến hoàng môn khóc lóc kêu than thật thống thiết. Ai hỏi gì cũng không trả lời mà chỉ kêu khóc, trừ khi đức vua hỏi. Nếu đức vua bảo đem anh vào để hỏi tại sao than khóc, anh cứ tâu: “Bảy ngày nay cha của thần [đang lâm bồn] nhưng không thể nào sinh con được, xin cứu thần với. Xin nói cho thần biết làm cách nào giúp cha thần sinh con?” Đức vua sẽ bảo: “Người nói nhảm gì vậy? Điều này thật là vô lý! Làm sao đàn ông có thể sinh con được?” Lúc ấy, anh sẽ đáp: “Nếu quả thật như thế thì làm sao dân làng Yavamajjhaka phía Đông có thể giúp bò đực của Đại vương sinh bò con được?”

Người ấy nhận lời và cứ thế mà thi hành. Vua hỏi ai nghĩ ra cách trả lời phản công lại như vậy và khi nghe nói chính là Trí giả Mahosadha, ngài rất đẹp lòng.

14. NẤU CƠM

Một ngày kia, để thử tài bậc Trí giả, lệnh vua phán ra:

– Dân làng Yavamajjhaka phía Đông phải dâng về kinh một thứ cơm nấu theo tám điều kiện sau: Không gạo, không nước, không nồi, không lò, không lửa, không củi, không nhờ đàn ông hay đàn bà, không đi bằng đường cái. Nếu không làm được phải chịu phạt một ngàn đồng tiền!

Dân làng bối rối không biết làm sao nên vấn kế bậc Trí giả. Ngài bảo:

– Đừng lo gì, hãy đem một ít tấm lại đây vì nó không phải gạo, đem tuyết vì nó không phải nước, đem đến một cái bát đất vì nó không phải nồi, chặt lấy các khúc gỗ kê quanh vì đó không phải là cái lò, nhóm lửa bằng cách cọ xát chứ không dùng môi lửa thật, đốt lá thay vì gỗ. Nấu cơm xong để vào một chậu khác, niêm phong lại, đặt trên đầu của một người bị hoạn vì người này phi nam phi nữ, bỏ đường cái mà đi theo đường mòn đem lên dâng vua.

Dân chúng làm như vậy và vua rất đẹp lòng khi nghe chuyện nhờ bậc Trí giả Mahosadha mà vấn đề đã được giải quyết.

15. CÁT

Một ngày kia, để thử tài của bậc Trí giả, lệnh vua ban xuống cho dân làng này:

– Đức vua rất thích nằm võng mà võng cũ đã bị đứt. Vậy các người hãy làm một chiếc võng bằng cát. Nếu không phải chịu phạt vạ một ngàn đồng tiền!

Dân làng phải cầu cứu bậc Trí giả. Ngài thấy đây cũng là chuyện đặt vấn đề phản công lại. Ngài trấn an dân chúng rồi đi tìm hai ba người đối đáp thật thông minh lanh lợi đến và ngài bảo họ đến trình lên vua: “Tâu Đại vương, dân làng chúng thần không biết chiếc võng cát phải dày hay mỏng, vậy xin cho chúng thần một mảnh chiếc võng cũ, dài độ một gang tay hay chừng bốn ngón tay, chúng thần sẽ nhìn theo đó mà bện đúng cỡ đó.” Nếu đức vua đáp: “Trẫm chẳng hề có chiếc võng cát trong cung” thì họ phải tâu ngay: “Nếu Đại vương không thể làm võng bằng cát thì làm sao dân làng Yavamajjhaka phía Đông có thể làm được!”

Dân làng vâng theo lời nói như vậy và vua rất hài lòng khi nghe bậc Trí giả Mahosadha đã nghĩ ra cách đối đáp phản công lại như trên.

16. HỒ NƯỚC

Một ngày kia, để thử tài của bậc Trí giả, lệnh vua ban xuống cho dân làng này:

– Đức vua muốn vui chơi dưới nước, các người phải đem dâng ngài một hồ nước có đủ năm loại sen súng, nếu không phải chịu phạt một ngàn đồng tiền!

Dân làng kể chuyện với bậc Trí giả, ngài thấy đây cũng cần đối đáp phản công lại. Ngài cho gọi nhiều người đối đáp lanh lợi đến rồi bảo họ:

– Hãy lội xuống nước chơi đùa cho đỏ cả mắt, rồi đi đến hoàng môn với tóc tai, áo quần lấm bê bết, tay cầm dây thừng, gậy gộc, đất đá, nhờ người tâu trình với đức vua rằng các ông đã đến châu, và khi các ông được phép vào cung, hãy tâu với ngài: “Tâu Đại vương, vì Đại vương ban lệnh cho dân làng Yavamajjhaka phía Đông dâng ngài một hồ nước, chúng thần đã mang đến đây một hồ nước thật lớn để đẹp ý Đại vương nhưng hồ này quen sống ở rừng nên vừa thấy thị thành với cổng, tường, hào lũy, tháp canh thì nó sợ hãi bức tung dây thừng chạy trốn vào rừng. Chúng thần đã ném đất đá vào nó, lấy gậy gộc đánh đập nó nhưng cũng không bắt nó trở lại được. Vậy xin cho chúng thần cái hồ cũ mà chúng thần nghe nói Đại vương đã mang từ rừng về, chúng thần sẽ buộc chúng chung với nhau để mang cái hồ kia trở lại đây.” Đức vua sẽ bảo: “Trẫm không hề bảo ai đem hồ từ rừng về đây cả và cũng không hề bảo buộc hồ lại rồi đem hồ kia về đây.” Khi ấy các ông sẽ phải tâu: “Tâu Đại vương, nếu vậy thì làm sao dân làng Yavamajjhaka phía Đông dâng Đại vương một hồ nước được?”

Họ y theo vậy mà làm khiến đức vua rất đẹp lòng khi nghe nói bậc Trí giả đã nghĩ ra chuyện ấy.

17. HOA VIÊN

Lại một ngày kia, vua ban lệnh:

– Trẫm muốn giải trí trong hoa viên và hoa viên của trẫm đã xưa cũ gãy đổ.

Dân làng Yavamajjhaka phía Đông phải dâng trăm một hoa viên mới đầy đủ kỳ hoa dị thảo!

Dân làng kể chuyện với bậc Trí giả, ngài thấy đây cũng cần đối đáp phản công lại nên trấn an dân chúng, rồi cho người đi đối đáp với vua như trên.

18. YẾT KIẾN VUA VỚI CON LỬA

Lúc ấy, vua rất hoan hỷ bảo Senaka:

– Này Senaka, thế ta triệu vị Trí giả này về triều được chăng?

Nhưng ông ta ganh ghét khi thấy kẻ khác được vinh hiển liền tâu:

– Tâu Đại vương, như thế chẳng có gì phải gọi là “trí giả” cả, ta hãy chờ xem!

Nghe vậy, vua nghĩ thầm: “Bậc Trí giả Mahosadha khiến ta rất ái mộ qua các lần đọ tài cậu bé bảy tuổi. Trong những cuộc thử thách đầy bí hiểm và những lần đối đáp phản công vừa qua, vị này đã ứng đối như một vị Phật. Tuy nhiên, một người tài trí như vậy thì Senaka lại không muốn ta triệu về triều. Vậy ta cần gì Senaka nữa chứ? Ta cứ triệu vị ấy về đây.”

Thế là vua cùng với một đám đông tùy tùng khởi hành đến ngôi làng ấy và vua ngự trên vương mã. Nhưng lúc đang đi con ngựa sụp hố gãy chân, vua phải trở về cung. Senaka liền vào cung yết kiến vua và nói:

– Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã đi đến làng Yavamajjhaka phía Đông để đem bậc Trí giả vào triều?

– Chính phải, hiền khanh.

Senaka lại tâu:

– Đại vương xem tiểu thần chẳng vào đâu cả. Tiểu thần xin Đại vương chờ đợi một ít lâu, nhưng Đại vương cứ vội ra đi và do đi trước mà vương mã đã bị gãy chân.

Vua không nói gì với ông ta nữa. Một ngày kia, vua lại hỏi Senaka:

– Này Senaka, thế ta triệu vị Trí giả này về triều được chăng?

– Tâu Đại vương, nếu vậy xin Đại vương đừng tự thân hành ngự đi mà chỉ cần cho sứ giả đến báo: “Này Trí giả, trăm đã thân hành đi triệu hồi ngài và con ngựa của trăm bị gãy chân. Vậy hãy tiến cung một con ngựa tốt hơn và một đại tuần mã.” Nếu vị ấy chọn tiến con ngựa tốt hơn, vị ấy sẽ đích thân về triều; nếu chọn tiến đại tuần mã, vị ấy sẽ nhờ thân phụ đi thế. Như vậy cũng là việc để thử thách vị ấy nữa.

Vua bằng lòng, rồi cho sứ giả đem lệnh ấy ra đi. Bậc Trí giả khi nghe vậy, hiểu ngay rằng vua mong muốn gặp ngài và phụ thân ngài. Ngài liền đi tìm phụ thân và chào hỏi:

– Thừa phụ thân, đức vua muốn gặp cha con ta. Xin phụ thân lên đường trước cùng đoàn tùy tùng gồm cả ngàn thương nhân. Khi đi đường, phụ thân đừng đi tay không mà đem theo một hộp bằng gỗ đàn hương đựng đầy bơ tươi.

Đức vua sẽ ân cần chào hỏi phụ thân và mời phụ thân ngồi ghé gia chủ, xin phụ thân cứ ngồi xuống. Khi ấy con sẽ đến, đức vua cũng lại ân cần chào đón con và mời con ngồi một ghé như vậy. Rồi con sẽ nhìn phụ thân, phụ thân biết ý và đứng lên bảo: “Nam tử Mahosadha, hãy ngồi xuống ghé này đi!” Vấn đề lúc ấy sẽ chín muồi để con giải quyết.

Thân phụ ngài làm theo như vậy. Khi đến cung, ông xin trình vua là họ đã đến, rồi được vua cho vào. Ông đến thi lễ, tung hô chúc tụng vua xong và đứng sang một bên. Vua ân cần chào đón ông và hỏi thăm Trí giả Mahosadha, nam tử của ông đâu.

– Tâu Đại vương, hiền nhi sẽ đến sau.

Vua hài lòng khi nghe Trí giả sắp đến liền mời thân phụ ngài ngồi xuống một nơi thích hợp. Ông ngồi xuống. Trong lúc ấy, bậc Đại sĩ được trang sức xiêm y lộng lẫy cùng với một ngàn nhi đồng theo hầu, ngồi trên chiếc xe trang hoàng đẹp đẽ. Khi đến kinh thành, ngài thấy một con lừa đứng cạnh một cái hồ liền bảo mấy người bạo dạn buộc miệng con lừa lại để cho nó khỏi kêu xong lấy chiếu bó, lấy tấm trải bọc nó lại và vác lên vai. Họ làm như vậy, rồi Bò-tát vào cung với đoàn tùy tùng đông đảo của ngài. Dân chúng nhìn theo, không ngớt tán thán ngài:

– Nghe nói đây là Trí giả Mahosadha, con của phú thương Sirivaddhaka. Người ta bảo ngài sinh ra có cây thuốc chữa bệnh trong tay, chính ngài đã biết cách giải đáp mọi vấn đề được đặt ra để thử tài ngài.

Khi đến trước cung, ngài bảo trình vua ngài đã đến. Vua rất đẹp ý liền bảo:

– Hãy mời Trí giả Mahosadha của trăm mau vào châu!

Vì thế, ngài liền vào cung cùng một ngàn tùy tùng. Thi lễ, tung hô vua xong, ngài đứng sang một bên. Vua rất hoan hỷ khi trông thấy ngài nên nói giọng rất ngọt ngào, ban lệnh cho ngài tìm một nơi thích hợp mà ngồi. Ngài liền nhìn cha, ông thấy ám hiệu liền đứng dậy mời con ngồi chỗ ấy, ngài liền ngồi ngay. Thế là các kẻ ngu si đẳng kia như Senaka, Pukkusa, Kāvinda, Devinda cùng nhiều kẻ khác nữa, thấy ngài ngồi như vậy liền vỗ tay cười rộ lên và bảo:

– Đây là thằng ngốc đui mù mà chúng bảo là bậc Trí giả. Nó bảo cha nó đứng dậy để nó ngồi vào chỗ ấy. Chắc chắn không thể gọi nó là bậc Trí giả được.

Vua cũng bất bình, mặt mày tiu nghỉu. Bậc Trí giả liền hỏi:

– Tâu Đại vương, Đại vương không đẹp ý chăng?

– Đúng vậy, này Trí giả, trăm buồn lắm. Trước đây trăm rất hoan hỷ khi nghe nói về khanh, nhưng nay gặp khanh trăm lại không được vừa lòng.

– Tại sao như vậy, thưa Đại vương?

– Chỉ vì khanh bảo thân phụ khanh đứng dậy để khanh ngồi vào chỗ ấy.

– Tâu Đại vương, ngài cho rằng lúc nào cha ông cũng hơn con cái cả hay sao?

– Đúng vậy, này Trí giả!

Bồ-tát nói:

– Thế không phải Đại vương đã ban lệnh cho tiểu thần tiến dâng một tuần mã tốt hơn nữa hoặc một đại tuần mã ưu tú nhất đó sao?

Nói xong, ngài đứng dậy nhìn các nhi đồng theo hầu ngài và bảo:

– Đem con lừa của các bạn vào đây.

Đặt con lừa trước mặt vua, ngài tiếp tục hỏi:

– Tâu Đại vương, con lừa này đáng giá bao nhiêu?

Vua đáp:

– Nếu dùng được thì nó đáng giá tám đồng tiền.

– Nhưng nếu nó tạo được một con la con với một ngựa cái thuần giống Sinh thì giá con la sẽ bao nhiêu?

– Thế thì nó vô giá.

– Tâu Đại vương, tại sao ngài lại nói vậy? Ngài chẳng vừa bảo là bất cứ lúc nào ông cha cũng hơn con cái cả hay sao? Theo như ngài nói thì con lừa phải đáng giá hơn con la chứ! Các trí giả của ngài lại vỗ tay cười chế nhạo tiểu thần chỉ vì họ không biết điều ấy sao? Vậy tài trí của các trí giả ấy ở đâu chứ? Đại vương đã tìm họ ở đâu ra vậy?

Rồi tỏ vẻ khinh thường cả bốn vị kia, ngài đọc bài kệ này trong chương I, *Câu hỏi về con lừa*,³⁷ trình vua:

Tâu Đại vương, ngài vẫn nghĩ rằng,
Con luôn thua kém bậc cha ông?
Thế thì lừa phải hơn la chứ,
Lừa ấy với la chính phụ thân!

Sau đó, ngài tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, nếu ông cha phải hơn con cái thì xin Đại vương hãy sử dụng thân phụ của tiểu thần, còn nếu con cái hơn ông cha thì xin sử dụng tiểu thần.

Vua rất đẹp ý và tất cả quần thần reo hò nhiệt liệt tán thán cả ngàn lần:

– Bậc Trí giả giải quyết vấn đề thật vi diệu thay!

Tiếng vỗ tay vang dậy và cả ngàn chiếc khăn quàng giơ lên vẫy tung bừng khiến bốn vị kia tiu nghỉu.

Thật sự không ai hiểu rõ hơn Bồ-tát về giá trị của phụ mẫu mình. Nếu ai hỏi lúc ấy tại sao ngài lại làm như vậy thì đó không phải là vì ngài xem thường thân phụ ngài, nhưng chỉ vì khi vua ban lệnh tiến dâng một tuần mã tốt hơn hoặc một tuần mã ưu tú đệ nhất, ngài phải làm như thế để giải quyết vấn đề vua đặt ra, để làm hiển lộ tài trí của ngài vượt hẳn bốn vị trí giả kia.

Chấm dứt *Vấn đề về con lừa*.

³⁷ Xem J. I. 424, *Gadrahapanha* (*Câu hỏi về con lừa*), số §111.

III. VẤN ĐỀ THỨ MƯỜI CHÍN

Vua rất hoan hỷ, cầm chiếc bình vàng đựng nước hương, rót nước lên bàn tay của vị phú thương kia và phán:

– Khanh hãy thọ hưởng làng Yavamajjhaka phía Đông là tặng vật trăm ban thưởng cho khanh. Các phú thương trong vùng phải phục vụ vị này!

Sau đó, vua lại ban thưởng mẫu thân của Bô-tát đầy đủ các loại nữ trang. Vì đẹp ý trước cách Bô-tát giải quyết vấn đề con lừa, vua ước mong nhận Bô-tát làm con mình liền nói với cha của ngài:

– Nay hiền khanh, hãy để bậc Đại trí làm con trăm!

Ông đáp:

– Tâu Đại vương, nay con của tiểu thần còn quá thơ dại, miệng còn hôi sữa; nhưng khi lớn khôn, tiểu nhi sẽ đến hầu hạ Đại vương.

Tuy thế, vua vẫn phán:

– Nay hiền khanh, từ nay đừng lưu luyến cậu bé này nữa, từ hôm nay nó là con của trăm. Trăm có thể nuôi nấng con của trăm, vậy khanh hãy đi về!

Rồi vua ban lệnh cho ông ra về. Ông tuân lệnh vua, ôm con vào lòng vỗ về, hôn lên đầu và nhấn nhủ con tiết chế, điều độ. Cậu bé già biệt phụ thân, khuyên cha chớ lo âu rồi để cha ra đi.

Sau đó, vua hỏi bậc Trí giả muốn dùng cơm bên trong cung hay ở ngoài. Ngài nghĩ rằng với đoàn tùy tùng đông đảo như vậy, tốt nhất nên ăn uống bên ngoài cung điện nên tâu trình vua mục đích ấy. Vua liền ban cho ngài một ngôi nhà thích hợp, cung cấp vật dụng đầy đủ cho một ngàn nhi đồng ăn ở tại chỗ. Từ đó, bậc Trí giả phụng sự cho vua.

19. VIÊN BẢO NGỌC

Lúc bấy giờ, vua lại muốn thử tài ngài. Thời đó, có một viên bảo châu nằm trong tổ quạ trên cây thốt nốt (tāla) bên bờ hồ cạnh Nam môn và ảnh của viên bảo ngọc thường phản chiếu trên mặt hồ. Dân chúng trình vua rằng có viên bảo ngọc dưới hồ. Vua liền triệu Senaka đến bảo:

– Dân chúng bảo có viên bảo ngọc dưới hồ, làm thế nào để lấy lên được?

Senaka tâu:

– Cách tốt nhất là tát cạn nước.

Vua bảo ông thi hành, ông liền tập hợp một đám người tát nước và lấy bùn ra, rồi đào đất dưới đáy hồ, nhưng chẳng thấy ngọc đâu. Thế mà khi hồ đầy nước lại, ánh ngọc vẫn phản chiếu trên hồ như cũ. Senaka lại cho tát nước nữa và cũng không tìm thấy ngọc. Sau đó, vua triệu bậc Trí giả và bảo:

– Dân chúng có thấy viên ngọc trong hồ, Senaka đã cho tát nước bùn ra và đào đất lên mà chẳng thấy ngọc đâu, nhưng vừa khi nước hồ đầy thì ngọc lại hiện lên, hiền nhi có thể lấy ngọc lên chăng?

– Tâu Phụ vương, chuyện đó không khó gì, thần nhi xin đi lấy ngọc về dâng Phụ vương.

Vua rất đẹp ý khi nghe ngài hứa, rồi cùng một đám đông cận thần theo hầu, vua ngự ra hồ, sẵn sàng chứng kiến oai lực đại trí của bậc Trí giả. Bậc Đại sĩ đứng trên hồ quan sát, ngài biết rằng ngọc không ở trong hồ mà ở trong tổ quạ trên cây thốt nốt nên ngài nói to:

– Tâu Phụ vương, ngọc không có trong hồ.

– Thấy ngọc dưới nước mà, không phải sao?

Thế là ngài bảo đem đến một thùng nước và nói:

– Tâu Phụ vương, đây chẳng phải là ta thấy ngọc trong thùng nước và cả trong hồ sao?

– Thế thì ngọc ở đâu?

– Tâu Phụ vương, đây chỉ là ánh ngọc phản chiếu trong hồ nước lẫn trong thùng chứ không phải ngọc, còn ngọc ở trong tổ quạ ở trên cây thốt nốt kia. Xin Phụ vương cho người lên lấy ngọc và đem xuống đây.

Vua y lời, cho người đem ngọc xuống và bậc Trí giả đặt viên ngọc vào tay vua. Mọi người tán dương bậc Trí giả và nhạo báng Senaka:

– Viên bảo ngọc nằm trong tổ quạ trên cây, thế mà Senaka ngốc lại bảo đám người đào hồ. Chắc chắn một bậc Trí giả phải như Mahosadha này!

Họ cứ ca ngợi bậc Đại sĩ như vậy, còn vua thì rất đẹp ý, ban cho ngài sáu chuỗi ngọc trai mà vua đang đeo trên cổ và ban đủ chuỗi ngọc trai cho cả ngàn nhi đồng kia, lại cho phép từ nay, ngài và đoàn tùy tùng của ngài vào châu vua được miễn lễ.

Chấm dứt *Ván đề thứ mười chín*.

IV. VÁN ĐỀ CON TẮC KÈ

Một ngày kia, vua cùng bậc Trí giả bước vào ngự viên thì một con tắc kè ở trên chiếc cổng vòng cung trông thấy vua liền bò xuống nằm sát đất. Vua thấy vậy, hỏi:

– Nay bậc Trí giả, con tắc kè này làm gì vậy?

– Tâu Phụ vương, nó tỏ lòng cung kính đối với Phụ vương.

– Nếu vậy, ta chẳng nên bỏ qua việc nó cung kính mà không thưởng nó, hãy cho nó thật nhiều tặng vật!

– Tâu Phụ vương, tặng vật chẳng ích lợi gì cho nó, cái nó cần là thức ăn.

– Vậy nó ăn gì?

– Tâu Phụ vương, thịt.

– Nó cần ăn độ bao nhiêu?

– Chẳng một xu, tâu Phụ vương.

Vua bảo:

– Chỉ đáng một xu thì chẳng xứng quà thưởng của vua ban.

Rồi ngài truyền cho một người đến, ban lệnh đem cho con tắc kè đều đều mỗi ngày năm xu thịt. Việc này được thi hành sau đó. Nhưng vào ngày trai giới không có sát sinh, người đó không kiếm ra thịt nên gã đục một lỗ qua đồng nửa hào và buộc vào cổ con tắc kè bằng sợi dây. Việc ấy làm con tắc kè sinh lòng kiêu mạn.

Một ngày kia, vua lại vào ngự viên cùng với Mahosadha, nhưng con tắc kè thấy vua đến gần, mà nó đang kiêu mạn vì cho rằng nó cũng nhiều của cải như vua, nó nghĩ thầm: “Này Đại vương Vedeha, Đại vương giàu có lắm, nhưng ta đây cũng vậy.” Thế là nó không bò xuống mà cứ nằm yên trên công vòng cung gõ nhịp chiếc đầu. Vua thấy vậy liền hỏi:

– Này bậc Trí giả, hôm nay con vật kia không xuống đây như lệ thường, có sao vậy?

Rồi ngài ngâm vãn kệ đầu tiên:

Tắc kè thuở trước chẳng bò lên
Khung cửa vòng cung, bậc Trí hiền,
Hãy giải thích ngay cho trẫm rõ,
Tắc kè sao cứng cổ như trên?

Bậc Trí giả nhận thấy rằng có lẽ gã kia không kiếm đâu ra thịt vào ngày trai giới cấm sát sinh nên con vật này sinh lòng kiêu mạn vì đồng tiền buộc vào cổ nó. Bởi thế, ngài ngâm kệ này:

Con tắc kè kia được thưởng cho,
Món tiền nó chẳng có bao giờ,
Nửa hào nên nó không tôn trọng,
Đại đế trị vì Mithilā.

Vua truyền triệu gã kia đến hỏi chuyện và gã kể mọi sự đúng như vậy. Vua lại càng đẹp ý về bậc Trí giả hơn nữa vì hình như ngài biết được ý con tắc kè mà chẳng cần hỏi han gì, thật tài trí chẳng khác nào trí tuệ tối thắng của một vị Phật. Vì thế, vua cho phép ngài thu lợi tức cả bốn cửa thành. Vua giận con tắc kè, muốn gián đoạn việc ban thưởng cho nó, nhưng bậc Trí giả bảo đó là việc không nên làm và khuyên can vua.

Chấm dứt *Vấn đề con tắc kè*.

V. VẤN ĐỀ ĐẠI PHƯỚC VÀ BÁT HẠNH

Thời bấy giờ, một thiếu sinh tên gọi Pīṅguttara ở thành Mithilā đến Takkasilā học với một danh sư. Sau thời kỳ tinh cần học tập đã viên mãn, chàng tạ từ sư phụ ra về. Nhưng trong gia tộc của danh sư này có tục lệ nếu con gái đến tuổi lấy chồng thì phải gả cho môn đồ lớn tuổi nhất. Vị danh sư này có cô con gái đẹp như tiên, do đó bảo môn đồ:

– Nay đệ tử, ta sẽ gả con gái ta cho đệ tử, vậy con hãy đem con ta cùng đi về với con!

Lúc ấy, cậu thiếu sinh thật là kẻ bất hạnh, thiếu may mắn, còn cô gái kia thật có phước lớn. Khi chàng ta thấy nàng, chàng chẳng hề quan tâm đến nàng, nhưng nghe thầy bảo vậy, chàng cũng đồng ý vì không muốn xem thường lời dạy của thầy. Thế là vị Bà-la-môn này gả con gái cho chàng. Đêm động phòng hoa chúc, chàng lên giường nằm, nàng vừa mới leo lên giường thì chàng càu nhàu leo xuống đất, nàng cũng bước xuống nằm cạnh chàng. Chàng liền đứng dậy leo lên giường lại, nàng cũng bước lên giường, chàng lại bước xuống, vì kẻ bất hạnh không đi đôi với người đại phước được. Thế là cô gái nằm trên giường, cậu trai nằm dưới đất. Cứ thế bảy ngày trôi qua.

Sau đó, chàng trai tạ từ sư phụ và ra đi với vợ chàng. Trên đường đi, chẳng có gì hơn ngoài vài câu chuyện trao đổi giữa hai vợ chồng. Cả hai đều buồn khổ đi đến thành Mithilā. Không xa thành mấy, Piṅguttara thấy một cây sung đầy trái và đang lúc đói bụng, chàng trèo lên cây hái vài quả ăn. Cô gái cũng đói bụng đến gốc cây gọi lên:

– Xin chàng ném xuống cho thiếp vài quả.

Chàng bảo:

– Ô hay, nàng không có tay chân sao? Trèo lên mà tự hái lấy.

Nàng đành trèo lên hái sung ăn. Chàng vừa thấy nàng trèo lên liền nhanh chân trèo xuống, chắt gai góc quanh gốc cây và bỏ đi, tự nhủ thầm: “Nay ta đã thoát được người đàn bà tồi tệ này rồi.” Nàng không leo xuống được đành ngồi trên cây.

Lúc bấy giờ, vua đang vui chơi trong rừng đến chiều rồi ngự lên vương tượng trở về thành. Khi thấy nàng, vua đem lòng yêu ngay, vì thế vua cho người hỏi nàng có chồng chưa, nàng đáp:

– Tiện thiếp đã có chồng do gia đình gả cho, nhưng người ấy đã ra đi và bỏ tiện thiếp lại đây một mình.

Vị cận thần trình chuyện với vua, ngài bảo:

– Thật là bảo vật vô chủ đưa về tay vua.

Nàng liền được mang xuống, đặt lên voi chở về triều. Tại đây, nàng được rảy nước phong chúc Hoàng hậu. Nàng được vua rất sủng ái và được mệnh danh là Udumbarādevī (Hoàng hậu Cây Sung) vì vua thấy nàng trên cây sung lần đầu tiên.

Một ngày nọ, dân chúng ở cạnh cổng kinh thành phải dọn đường cho vua ngự du vào hoa viên và Piṅguttara phải đi kiểm ăn nên cũng xắn áo quần lên và dùng cái cào dọn đường. Trước khi đường sá dọn dẹp xong, vua cùng Hoàng hậu Udumbarā đã ngự đến trên vương xa, hoàng hậu trông thấy kẻ khốn khổ ấy

đang dọn đường, không giữ được vẻ đắc thắng, nàng nhìn chàng ta mỉm cười. Vua nổi giận khi nàng mỉm cười liền hỏi tại sao.

Nàng đáp:

– Tâu Đại vương, kẻ dọn đường kia là chồng cũ của thần thiếp, người đã bắt thần thiếp trèo lên cây sung rồi chặt gai quanh gốc cây xong lại bỏ đi. Bây giờ gặp lại gã, thần thiếp không sao khỏi thấy đắc thắng về số phận may mắn của thần thiếp và mỉm cười khi gặp gã đàng kia.

Vua bảo:

– Người nói láo, người cười với một kẻ khác, ta sẽ giết người!

Và vua rút kiếm ra. Nàng hoảng hốt kêu lên:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương vãn ý các vị hiền thần của Đại vương.

Vua hỏi Senaka xem ông có tin lời nàng hay chẳng. Ông đáp:

– Tâu Đại vương, thần không tin được vì ai có thể bỏ một mỹ nhân đẹp thế kia mà đi?

Nàng nghe vậy càng run sợ hơn nữa. Nhưng vua nghĩ thầm: “Senaka làm sao biết được chuyện này, để ta hỏi bậc Trí giả xem sao.” Rồi vua ngâm kệ hỏi ngài:

Một nữ nhi đức hạnh, diễm kiều,
Nhưng nam nhân ấy chẳng thương yêu,
Hiền khanh có thể tin không chứ?
Mahosadha hãy nói nào!

Bậc Trí giả đáp:

Thần vẫn tin điều ấy, Đại vương,
Kẻ kia thật bất hạnh bản cùng,
Người nhiều ân phước và vô phước,
Chẳng có bao giờ kết bạn chung.

Những lời này làm dịu cơn thịnh nộ của vua, lòng ngài bình tĩnh lại và rất hân hoan, ngài bảo:

– Nay bậc Trí giả, nếu khanh không ở đây, ắt hẳn trăm đã nghe lời kẻ ngu si Senaka kia và mất nữ báu này, khanh đã cứu hoàng hậu cho trăm.

Vua liền ban thưởng bậc Trí giả một ngàn đồng tiền. Rồi hoàng hậu kính cẩn tâu với vua:

– Tâu Đại vương, chính nhờ bậc Hiền trí này mà thần thiếp được cứu sống. Vậy xin Đại vương ban cho thần thiếp một ân huệ: Đó là cho phép thần thiếp đối xử với bậc Trí giả như một tiểu đệ.

– Được, này Ái khanh, trăm chấp thuận ban ân huệ ấy.

– Tâu Đại vương, nếu được như vậy, bắt đầu từ hôm nay thần thiếp không thể dùng cao lương mỹ vị mà không có tiểu đệ. Từ nay, đúng mùa hay trái mùa,

thiếp đều mở cửa cung đem bánh trái cho tiểu đệ, thần thiếp tha thiết ước ao như vậy.

Vua bảo:

– Ái khanh cũng được toại nguyện nữa.

Châm dứt *Vấn đề đại phước và bất hạnh*.

VI. VẤN ĐỀ CON DÊ

Một ngày kia, sau bữa điểm tâm, vua dạo chơi trên lối đi bộ, chợt thấy qua bậc cửa một con dê và một con chó đang kết bạn với nhau. Lúc bấy giờ, con dê có thói quen ăn cỏ ném cho bầy voi cạnh chuồng voi trước khi voi ăn, cho nên những người quản tượng đánh đuổi con dê đi. Trong khi nó vừa chạy vừa kêu be be thì một người rượt theo lấy gậy đánh vào lưng nó. Con dê oằn lưng lại vì đau đớn, chạy đến nằm cạnh bức tường lớn của hoàng cung.

Lúc bấy giờ, có một con chó đã ăn hết xương, da và vật thừa trong nhà bếp của hoàng cung. Cùng ngày hôm ấy, người đầu bếp đã nấu nướng thức ăn xong, để vào đĩa hẵn hoi. Trong khi gã đang lau mồ hôi trên mình thì con chó nghe mùi thơm của cá thịt, chịu không nổi liền vào bếp giờ nắp đập ra và bắt đầu ăn thịt. Người đầu bếp nghe tiếng bát đĩa ròn rảng liền chạy vào thấy chó đang ăn thịt, gã đóng cửa lại, lấy đá và gậy đánh nó. Con chó thả miếng thịt vừa chạy vừa la ăng ăng. Người đầu bếp thấy nó chạy còn rượt theo đánh một gậy đích đáng vào lưng. Con chó cong lưng lại co rút một chân lên, chạy đến nơi con dê đang nằm. Con dê hỏi:

– Nay bạn, tại sao bạn cong lưng lại, bạn đau bụng chẳng?

Con chó đáp:

– Bạn cũng đang cong lưng lại đấy chứ, bạn cũng đau bụng chẳng?

Con chó liền kể chuyện của nó xong, con dê hỏi thêm:

– Thế bạn có vào nhà bếp được nữa không?

– Không, chuyện này cũng đáng đời ta lắm rồi, thế bạn có đến chuồng voi được nữa chẳng?

– Cũng chẳng hơn gì bạn, chuyện đó cũng đáng đời ta lắm rồi.

Thế rồi, chúng bắt đầu bàn khoản không biết làm cách nào để sống. Dê nói:

– Hay là ta cùng chung sống được chẳng? Tôi có ý kiến này.

– Xin cho ta biết ngay!

– Nay bạn, bạn hãy đi đến chuồng voi, những người quản tượng sẽ không để ý đến bạn vì họ nghĩ rằng chó không ăn cỏ đâu, thế là bạn mang cỏ về cho tôi. Tôi sẽ đến nhà bếp và người đầu bếp sẽ không chú ý đến tôi vì nghĩ rằng tôi không ăn cá thịt được đâu. Thế là tôi sẽ đem thịt về cho bạn.

Con chó đáp:

– Thật là diệu kế!

Rồi chúng giao hẹn, con chó đến chuồng voi tha về một nắm cỏ trong mồm, đặt cạnh bức tường lớn, và con dê vào nhà bếp mang ra một miếng thịt lớn đặt vào cùng chỗ ấy. Con chó ăn thịt và con dê ăn cỏ. Theo cách này, chúng sống chung hòa hợp cạnh bức tường lớn.

Khi vua thấy tình bằng hữu của chúng, ngài suy nghĩ: “Trước kia, ta chưa từng thấy một việc kỳ lạ như thế. Hai kẻ thù truyền kiếp lại sống chung đầy thân tình với nhau. Ta sẽ đưa câu chuyện này thành một vấn đề bàn cãi cho các hiền thần của ta. Nếu họ không hiểu nổi, ta sẽ đuổi họ ra khỏi triều, còn nếu ai đoán được, ta sẽ tuyên dương là bậc Trí giả vô thượng và sẽ tỏ lòng tôn kính vị ấy. Hiện nay không có việc, nhưng ngày mai khi họ đến châu ta, ta sẽ đem vấn đề ra hỏi.” Thế là hôm sau, khi các hiền thần vào châu vua, ngài liền đặt vấn đề qua vắn kệ:

Hai kẻ thù theo lẽ tự nhiên,
Chưa từng bảy bước đứng kề bên,
Trở thành bạn thiết không rời nữa,
Duyên có là đâu, các bậc Hiền?

Sau đó, vua ngâm thêm một vắn kệ:

Nếu không giải đáp trước trưa nay,
Trẫm sẽ đuổi luôn nhóm người này,
Trẫm không cần những người ngu nữa,
Vậy hãy tìm lời giải đáp ngay!

Lúc bảy giờ, Senaka ngồi trên chiếc cũi đơn hàng đầu. Bậc Trí giả ngồi trên chiếc cũi đơn cuối cùng, ngài tự nhủ thầm: “Đức vua chậm hiểu không tự nghĩ ra cách giải quyết vấn đề này, chắc ngài phải thấy một chuyện gì đấy. Nếu ta được gia hạn một ngày, ta sẽ giải quyết xong việc này. Senaka chắc chắn sẽ tìm kế hoãn lại một ngày. Còn bốn vị kia chẳng thấy việc gì cả, chẳng khác nào như ở trong phòng tối.” Senaka nhìn Bô-tát xem ngài sẽ làm gì, Bô-tát liền nhìn lại Senaka. Nhìn vẻ mặt bậc Trí giả Mahosadha, Senaka hiểu được tâm trạng ngài. Ông thấy rằng ngay cả bậc Trí giả cũng không hiểu vấn đề, ngài chưa giải đáp được hôm nay mà cần gia hạn thêm một ngày nữa ngài sẽ hoàn thành việc giao ước này. Thế là ông cười to để trấn an và nói:

– Tâu Đại vương, Đại vương sẽ đuổi chúng thần nếu chúng thần không giải đáp được vấn đề này chẳng?

– Chính phải, hiền khanh.

– Đại vương biết đây là một vấn đề rắc rối, chúng thần không thể giải đáp nổi, vậy xin Đại vương đợi một thời gian. Một vấn đề rắc rối không thể giải quyết giữa đám đông. Xin cho chúng thần suy nghĩ thật kỹ rồi sẽ giải đáp sau. Xin hãy cho chúng thần một cơ hội!

Ông nói vậy vì tin tưởng bậc Đại sĩ, rồi ngâm hai vắn kệ:

Giữa đám đông, nhiều người tập trung,
Thật ồn ào quá, trí mông lung,
Không sao tập hợp tư duy được,
Để giải đáp ngay, tâu Đại vương.
Nhưng hễ khi nào được độc cư,
Bình tâm tĩnh trí để suy tư,
Vấn đề xem xét cho tường tận,
Sẽ giải đáp ngay, hãy đợi chờ!

Mặc dù nổi giận khi nghe lời này, vua vẫn đáp lại giọng đe dọa:

– Được lắm, các khanh cứ suy nghĩ cho kỹ rồi trả lời trẫm, nếu không được, trẫm sẽ đuổi hết đi!

Bốn vị hiền thần rời triều ra về, Senaka bảo ba vị kia:

– Chư hiền, đức vua đặt một vấn đề gay go, nếu chúng ta không giải quyết nổi thì thật đại họa cho chúng ta. Vì vậy, ta hãy ăn uống no say rồi suy nghĩ cho kỹ.

Sau đó mỗi vị về tư dinh, còn bậc Trí giả đi tìm Hoàng hậu Udumbarā và thưa bà:

– Tâu Hoàng hậu, hôm qua và hôm nay Thánh thượng thường ở đâu?

– Nay bậc Trí giả, ngài dạo chơi trên lối đi và nhìn ra cửa sổ.

Bồ-tát liền nghĩ: “Ồ, thế thì phải thấy chuyện gì đó.” Bồ-tát liền đến nơi ấy nhìn ra và thấy việc làm của con chó và con dê. “Vấn đề của đức vua đã được giải quyết rồi”, ngài kết luận và đi về nhà.

Ba vị hiền thần kia chẳng tìm thấy gì liền đi đến Senaka, ông hỏi:

– Các vị đã tìm ra vấn đề ấy chưa?

– Thưa ngài, chưa.

– Nếu vậy, đức vua sẽ đuổi chúng ta, các vị tính sao đây?

– Còn ngài đã nghĩ ra chưa?

– Cũng chưa nghĩ ra.

– Ngài còn chưa tìm ra, huống hồ chúng tôi. Chúng ta đã rống lên như sư tử trước mặt đức vua là xin để chúng ta suy nghĩ rồi sẽ giải quyết, nay ta làm không được ắt vua sẽ tức giận. Vậy ta phải làm thế nào đây?

– Vấn đề này chúng ta giải quyết không được đâu. Chắc chắn bậc Trí giả đã giải quyết cả trăm cách rồi.

– Thế thì ta đi đến ngài xem sao.

Cả bốn vị kéo nhau đến trước cửa nhà Bồ-tát, nhờ thông báo việc họ đến gặp ngài rồi bước vào kính cẩn chào ngài xong, họ đứng sang một bên hỏi bậc Đại sĩ:

- Thừa ngài, ngài đã nhìn ra vấn đề ấy chưa?
- Nếu ta chưa nghĩ ra thì còn ai nghĩ ra đó chứ. Dĩ nhiên ta đã nghĩ ra rồi.
- Vậy xin ngài cho chúng tôi biết với.

Ngài nghĩ thầm: “Nếu ta không nói cho họ biết, đức vua sẽ đuổi họ và ban thưởng cho ta bảy báu vật, nhưng thôi, chớ để những tên ngu si kia tàn đời, ta sẽ cho họ biết.” Rồi ngài bảo họ ngồi xuống ghế thấp, đưa tay lên chào ngài. Sau đó, không nói thẳng cho họ biết những gì vua đã thấy tận mắt, ngài chỉ làm bốn vần kệ, dạy cho mỗi vị một vần bằng tiếng Pāli để đọc lên trình vua khi được hỏi đến rồi cho họ ra về.

Ngày hôm sau, khi họ vào châu vua rồi ngồi xuống chỗ được vua cho phép, vua liền hỏi Senaka:

- Hiền khanh đã giải đáp vấn đề được chưa Senaka?
- Tâu Đại vương, nếu thần không giải đáp được thì còn ai nữa chứ?
- Vậy nói cho trẫm biết.
- Xin Đại vương nghe đây.

Rồi vị này đọc bài kệ đã học được:

Bọn hành khát trẻ, các ông hoàng,
Rất thích thịt dê đực ngọt ngon,
Thịt chó, họ đều không thọ dụng,
Nhưng dê, chó giữ mỗi thân bằng.

Mặc dù Senaka đọc kệ, ông vẫn chẳng hiểu ý nghĩ gì, còn phần vua lại hiểu, vì ngài đã chứng kiến sự việc ấy. Ngài nghĩ: “Senaka đã tìm ra rồi.” Ngài liền quay sang hỏi Pukkusa, và ông ta hỏi lại: “Tại sao thể tâu Đại vương, tiêu thân không phải là người có trí chẳng?” rồi đọc bài kệ đã học được:

Họ lấy da dê phía núi rừng,
Phủ che ngựa quý ở trên lưng,
Còn da của chó không dùng được,
Nhưng chó, dê cùng kết bạn thân.

Ông này cũng chẳng hiểu chuyện gì, nhưng vua tưởng ông hiểu vì chính ngài đã chứng kiến sự việc. Rồi ngài lại hỏi Kāminda và ông cũng đọc vần kệ:

Cặp sừng cong xoắn, chú dê rừng,
Nhưng chó lại không có cặp sừng,
Một con ăn cỏ, con ăn thịt,
Tuy thế chó, dê kết bạn thân.

“Vị này cũng tìm ra rồi.” Vua nghĩ thầm rồi hỏi đến Devinda, ông ta cũng như các vị kia, đọc lên bài kệ đã học được:

Cừu dê ăn cỏ, lá cây luôn,
Cỏ, lá thì con chó chẳng ăn,

Chó thích ăn mèo hay thịt thỏ,
Nhưng dê, chó giữ mỗi thân bằng.

Kể đó, vua hỏi bậc Trí giả.

– Này vương nhi, con có hiểu vấn đề này chăng?

– Tâu Đại vương, từ địa ngục Avīci³⁸ cho đến tầng trời Bhavagga,³⁹ còn ai khác ngoài con hiểu được vấn đề này?

– Vậy thì hãy nói cho trẫm!

– Xin Phụ vương nghe đây.

Rồi ngài nói rõ sự hiểu biết vấn đề của ngài qua hai bài kệ này:

Con dê cao tám tác dùng chân,
Tám móng, không ai thấy vội mang,
Món thịt về cho con chó ấy,
Chó đem cỏ đến chú dê rừng.
Vedeha, chúa toàn dân chúng,
Đứng tại thượng lầu tận mắt trông,
Việc lấy thức ăn trao đổi ấy,
Giữ dê, chó kết mỗi thân bằng.

Vua không hiểu các vị kia đã biết câu chuyện nhờ Bồ-tát nên rất hoan hỷ cho rằng cả năm vị đều tìm ra câu giải đáp vấn đề nhờ tài trí riêng của mình, và ngài cũng ngâm kệ:

Trẫm có các bậc Hiền giả tại triều,
Thật là ích lợi biết bao nhiêu,
Vấn đề tế nhị và uyên áo,
Họ thấu triệt, lời lẽ tối ưu.

Rồi ngài bảo họ rằng kẻ có công sẽ được đền đáp xứng đáng. Và ngài ân thưởng qua câu kệ:

Cứ mỗi hiền khanh, trẫm thưởng ban,
Một xe, la cái, một ngôi làng,
Giàu sang thượng hạng cho người trí,
Trẫm thích thú lời lẽ ngọc vàng!

Rồi ngài ban thưởng tất cả các thứ ấy cho họ.

Chấm dứt *Vấn đề con dê* trong chương XII.

³⁸ Avīci, phiên âm là A-tỳ (阿鼻), dịch nghĩa là Vô Gian (無間): Liên miên, không đứt đoạn. Ở đây chỉ cho địa ngục Vô Gian, người bị đọa trong địa ngục này chịu khổ hạnh hạ khóc liệt, triền miên, không ngơi nghỉ. Địa ngục Avīci là cõi thấp nhất trong 31 cõi dục giới và sắc giới.

³⁹ Bhavagga (有頂天, Hữu Đảnh thiên) còn gọi là Atthakathā (色究竟天, Sắc Cứu Cánh thiên) là cõi trời cao nhất trong 31 cõi dục giới và sắc giới. Tham khảo: *Vbh.* 426; *Mil.* 132, 336; *J.* IV. 182; VI. 354.

Nhưng Hoàng hậu Udumbarā biết rõ các kẻ kia hiểu được vấn đề nhờ bậc Trí giả, bà nghĩ thầm: “Đức vua ban thưởng giống nhau cho cả năm vị, chẳng khác nào một kẻ không phân biệt được đậu nhỏ và đậu lớn, chắc chắn hiền đệ của ta phải được phần thưởng đặc biệt hơn.”

Rồi bà đến hỏi vua:

– Tâu Đại vương, ai đã giải đáp câu đố ấy cho Đại vương?

– Này Ái khanh, cả năm hiền giả.

– Nhưng tâu Đại vương, nhờ ai mà bốn vị kia biết được?

– Ái khanh, trẫm không rõ.

– Tâu Đại vương, các vị kia biết gì? Chính bậc Trí giả muốn các vị ấy khỏi bị suy tàn vì ngài nên cho họ biết vấn đề ấy. Thế mà Đại vương ban thưởng cho cả năm vị giống nhau. Như vậy không công bằng, Đại vương nên có phần thưởng đặc biệt cho bậc Trí giả.

Vua rất đẹp ý vì bậc Trí giả không tiết lộ chuyện các vị kia biết được là nhờ ngài và muốn ân thưởng thật trọng hậu cho ngài, vua nghĩ: “Không hề gì, ta sẽ hỏi con ta một vấn đề nữa, nếu con ta đáp đúng ta sẽ hậu thưởng.” Nghĩ vậy xong, vua đặt ra vấn đề giàu nghèo.

VII. GIÀU VÀ NGHÈO

Một ngày kia, năm vị hiền thần vào châu vua và khi họ đã an tọa, vua hỏi:

– Senaka, ta sẽ hỏi hiền khanh một chuyện.

– Tâu Đại vương, xin cứ hỏi!

Vua liền đọc văn kệ đầu trong vấn đề giàu nghèo:

Có trí khôn nhưng thiếu bạc vàng,
Hoặc giàu tiền lại kém khôn ngoan,
Senaka, trẫm hỏi khanh nhé,
Bậc Trí gọi ai tốt đẹp hơn?

Lúc bấy giờ, vấn đề này được truyền lại từ đời này sang đời khác trong gia tộc Senaka nên ông đáp ngay:

Quả thật, kẻ ngu hoặc Trí nhân,
Vô văn phạm tục hoặc đa văn,
Đều hầu hạ những người giàu có,
Dù họ cao sang hoặc hạ tầng,
Nhìn thấy điều này, thần mới nói,
Trí nhân thua kém kẻ giàu sang.

Vua nghe đáp xong, không nói gì thêm với ba vị kia mà nói với bậc Trí giả Mahosadha ngồi bên cạnh:

Ta cũng hỏi con, Đại Trí nhân,
Bậc tinh thông vạn pháp trên trần,

Kẻ ngu lắm của, người khôn khó,
Bậc Trí gọi ai tốt bội phần?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Xin Đại vương nghe đây!

Người ngu phạm tội, nghĩ suy rằng:
Trên cõi đời, ta thắng thế hơn,
Họ thấy đời này không cõi kè,
Nên mang tai họa cả hai đường.
Điều này con thấy nên con nói,
Bậc Trí hơn xa trọc phú đàn.

Nghe nói vậy, vua nhìn Senaka và nói:

– Nay hiền khanh, có thấy Mahosadha bảo bậc Trí nhân là cao hơn cả
đấy chăng?

Senaka đáp:

– Tâu Đại vương, Mahosadha chỉ là một trẻ thơ miệng còn hôi sữa đã biết gì?

Và ông ngâm kệ:

Kiến thức không đem lại bạc vàng,
Cũng không gia thế hoặc dung nhan,
Hãy nhìn Goravinda ngốc,
Đang hưởng vinh hoa, đại phú cường,
Vì đại vận chiều người hạ tiện,
Điều này thần thấy mới thừa rằng:
Bậc Hiền trí chịu phần hèn mọn,
Còn kẻ giàu tiền thắng thế hơn.

Nghe vậy, vua bảo:

– Nay Vương nhi Mahosadha, bây giờ con nghĩ sao?

Ngài đáp:

– Tâu Phụ vương, Senaka có biết gì! Lão chỉ như con quạ thấy nơi nào có
thóc vãi, hay như con chó cổ liềm cho hết sữa, chỉ thấy mình mà không thấy
chiếc gậy đang sẵn sàng giáng xuống đầu. Xin Phụ vương hãy nghe đây!

Một người tiểu trí hóa mê man,
Bị nhiễm độc khi hưởng bạc vàng,
Nếu gặp tai ương thành ngổ ngân,
Rủi may số phận đến không lường,
Nó vùng như cá phơi ngoài nắng,
Khi thấy điều trên trẻ nói rằng:
Người trí hơn xa người có của,
Giàu tiền nhưng trí óc ngu đàn.

– Này Senaka, thế thì sao?

Vua bảo khi nghe ngài nói vậy, Senaka liền đáp:

– Tâu Đại vương, cậu ấy nào biết gì! Chẳng nói gì đến người mà ngay cả chim chóc cũng bay đến đậu trên các cây tốt tươi trong rừng, mang đầy quả ngọt.

Rồi ông ngâm kệ:

Trong rừng, chim chóc tự mười phương,
Tụ tập trên cây có trái ngon,
Cũng vậy người nhiều tiền lắm của,
Đám đông hám lợi đến quây quần.
Thấy vậy thần nói, người Hiền trí,
Hèn kém, kẻ giàu thắng thế hơn.

Vua hỏi:

– Này vương nhi, bây giờ con nghĩ sao?

Bậc Trí giả đáp:

– Lão bụng bự ấy nào có biết gì, xin Phụ vương nghe đây!

Rồi ngài ngâm kệ:

Kẻ ngu quyền thế, chẳng hiền lương,
Dùng bạo lực khi chiếm bạc vàng,
Nó rống thật to tùy ý thích,
Quý nhân kéo nó xuống âm cung.
Thấy điều này, tiểu nhi xin nói,
Bậc Trí hơn xa trội phú đàn.

Vua lại bảo:

– Này Senaka, thế nào?

Senaka liền đáp:

Mọi dòng nước đổ xuống sông Hằng,
Đều mất tánh danh với giống dòng,
Đổ xuống biển, sông Hằng cũng sẽ,
Không còn phân biệt được thành phần.
Vậy đời phục vụ người giàu của,
Nhìn thấy điều trên thần nói rằng:
Người có trí chịu phần thấp kém,
Còn người giàu của chiếm phần hơn.

Vua lại bảo:

– Này bậc Trí giả nghĩ sao?

Ngài liền đáp:

– Xin Phụ vương nghe đây!

Rồi ngài ngâm vãn kệ:

Biển cả, người kia nói lệ thường,
Muôn sông đổ xuống, đập không ngừng,
Vào bờ nhưng chẳng bao giờ vượt
Bờ nọ, dù hùng vĩ đại dương.
Cũng vậy lời người ngu nhảm nhí,
Phồn vinh không thể vượt Hiền nhân,
Thấy điều này tiểu nhi xin nói,
Người trí hơn xa trọc phú đàn.

Vua hỏi:

- Khanh nghĩ sao, Senaka?
- Xin Đại vương nghe đây!

Ông đáp và ngâm vãn kệ:

Người giàu ở địa vị cao sang,
Có thể thiếu phòng hộ bản thân,
Nhưng nếu nói gì cùng kẻ khác,
Lời kia giá trị giữa nhân quần.
Trí khôn không thể gây uy tín,
Cho kẻ nào không có bạc vàng,
Thấy vậy thần nói, người Hiền trí,
Thấp kém, người giàu thắng thế hơn.

Vua hỏi:

- Con nghĩ sao?
- Tâu Phụ vương, xin nghe đây. Kẻ ngu si Senaka ấy nào có biết gì!

Rồi ngài ngâm vãn kệ:

Vì kẻ khác hay chính bản thân,
Kẻ ngu thường chẳng nói chân ngôn,
Chịu ô nhục giữa nơi quần chúng,
Đời kẻ nó rơi cảnh khổ buồn.
Vì thấy điều này, con trẻ nói,
Trí nhân hơn trọc phú ngu đàn.

Sau đó, Senaka lại ngâm vãn kệ:

Cho dù người đại trí khôn ngoan,
Thiếu gạo thóc lâm cảnh khốn nạn,
Nếu có nói điều gì phải trái,
Cũng không giá trị giữa thân nhân,
Phồn vinh không đến nhờ tri kiến,
Nhìn thấy điều trên, thần nói rằng:

Người trí phải chịu phần thấp kém,
Còn người giàu của thắng phần hơn.

Vua lại hỏi:

– Vương nhi nói sao về việc này?

Bậc Trí đáp:

– Senaka nào có biết gì! Lão chỉ nhìn đời này, chứ không thấy đời sau.

Và ngài ngâm vần kệ:

Chẳng vì mình cũng chẳng vì người,
Bậc Đại Trí nhân phải dối lời,
Người được tôn sùng trong hội chúng,
Đời sau hưởng hạnh phúc an vui,
Thấy điều này trẻ thơ xin nói,
Bậc Trí hơn người trọc phú thôi.

Kể đó, Senaka lại ngâm vần kệ:

Voi, ngựa, bò, vòng ngọc, nữ nhân,
Thấy nhiều trong các hộ giàu sang,
Đề dành cho các người giàu hưởng,
Mà chẳng cần uy lực thánh thần,
Nhìn thấy điều này thần dám nói,
Bậc Hiền thấp kém, phú gia hơn.

Bậc Trí giả đáp:

– Lão ấy nào có biết gì!

Rồi ngài ngâm kệ, tiếp tục giải thích vấn đề:

Người ngu hành động thiếu suy tư,
Nói những lời ngu xuẩn, đại rồ,
Vô trí bị quăng vì đại vận,
Như con rắn bỏ lớp da khô,
Thấy điều này, trẻ thơ xin nói,
Bậc Trí hơn xa phú hộ ngu.

Vua hỏi:

– Khanh nghĩ sao?

Senaka liền đáp:

– Tâu Đại vương, trẻ thơ này nào biết gì, xin Đại vương nghe đây!

Rồi lão ngâm kệ vì tưởng rằng sẽ làm cho bậc Trí giả không nói thêm gì được nữa:

Năm Trí nhân là bọn chúng thần,
Thấy đều hầu cận đáng Tôn quân,

Hết lòng kính trọng ngài là chúa,
 Là chủ nhân ông của thứ dân,
 Như Đế-thích là vua vạn vật,
 Chính là chúa tể của thiên nhân,
 Thấy vậy thần nói, người Hiền trí,
 Thấp kém, người giàu thắng thế hơn.

Khi vua nghe vậy liền nghĩ thầm: “Điều ấy đã được Senaka nói thẳng ra, ta không biết con ta có bác bỏ được và nói gì thêm không đây.” Vì thế, vua hỏi:

– Này, bậc Trí giả nghĩ sao đây?

Tuy nhiên, lý luận này của Senaka không ai bác bỏ được ngoại trừ Bồ-tát, thế là bậc Đại sĩ liền bác bỏ ngay, ngài đáp:

– Tâu Phụ vương, kẻ ngu ngốc kia nào biết gì! Lão chỉ nhìn thấy mình mà không biết đến tính siêu việt của trí tuệ, xin Phụ vương hãy nghe đây!

Rồi ngài ngâm kệ:

Người ngu nô lệ của người hiền,
 Khi vấn đề này phát khởi lên,
 Bậc Trí giải đề khôn khéo lắm,
 Kẻ ngu rồi trí tựa cuồng điên.
 Thấy điều này, trẻ thơ xin nói,
 Bậc Trí hơn xa kẻ lắm tiền.

Bậc Đại sĩ đưa ra lý luận này biểu lộ đại trí của ngài, chẳng khác nào ngài đào được cát vàng dưới chân núi Tu-di hay đem vàng trắng tròn sáng tỏ lên bầu trời.

– Này Senaka, nếu được thì khanh cứ đối đáp lại đi!

Nhưng Senaka đã tiêu hoang hết những kiến thức như kẻ dùng hết thóc gạo đã được đặt trong kho, ông ngồi yên, rầu rĩ, lòng phiền muộn không nói năng gì được nữa. Nếu ông tìm ra được một lý luận khác, chắc cả ngàn câu kệ nữa cũng chưa hết chuyện tiền thân này. Nhưng khi ông ấy không trả lời được nữa, bậc Đại sĩ lại tiếp tục ngâm kệ tán thán trí tuệ, chẳng khác nào ngài để dòng hồng thủy tuôn tràn:

Trí tuệ được sùng bửi thiện nhân,
 Bạc vàng được chuộng bởi người trần,
 Đắm say hưởng thụ bao tham dục,
 Tri kiến Phật đà thật tuyệt luân,
 Vàng bạc chẳng bao giờ vượt quá
 Trí cao siêu việt, tấu Vương quân.

Nghe xong vua rất hoan hỷ với cách giải đáp vấn đề của bậc Đại sĩ đến độ vua ban thưởng ngài vô số tài sản và ngâm kệ:

Con đáp mọi câu hỏi của ta,
 Vị thầy toàn pháp, Mahosadha,
 Ngàn bò cái, một voi, bò đực,
 Tuần mã kéo mười cỗ đại xa,
 Mười sáu ngôi làng giàu đẹp nhất,
 Hân hoan ta tặng thưởng con thơ.

Chấm dứt *Vấn đề Giàu và nghèo* trong chương XX.

VIII. CON ĐƯỜNG BÍ MẬT

Từ ngày ấy, vinh quang của Bô-tát thật lẫy lừng và Hoàng hậu Udumbarā điều hành mọi việc cho ngài. Khi ngài được mười sáu tuổi, bà nghĩ thầm: “Tiểu đệ đã lớn, danh vọng thật lẫy lừng, vậy ta phải tìm nơi se duyên cho tiểu đệ.” Bà liền tâm chuyện này với vua và vua rất hài lòng:

– Tốt lắm, Ái khanh cứ nói chuyện cho vương nhi biết.

Bà nói với ngài chuyện ấy, ngài ưng thuận và bà nói:

– Vậy đề ta tìm tân nương cho em.

Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Có lẽ ta sẽ không vừa ý nếu họ chọn vợ cho ta, thà ta tự chọn lấy.” Ngài liền đáp:

– Tâu Hoàng hậu, khoan nói chuyện này với Thánh thượng trong vài ngày nữa. Xin để tiểu đệ tự đi tìm vợ cho hợp ý mình rồi tiểu đệ sẽ tâu trình sau!

– Được rồi, em cứ làm như vậy.

Ngài từ giả hoàng hậu, đi về nhà thông báo cho các thân hữu. Rồi ngài tìm cách kiếm được bộ đồ của người thợ may, cải trang và một mình đi ra cửa Bắc, tiến vào làng Yavamajjhaka ở phía Bắc.

Lúc bấy giờ, ở đó có một gia đình thương nhân lâu đời bị suy sụp, là gia đình của cô gái tên là Amarā (Bát Tử) rất xinh đẹp, khả ái, thanh tú, có phước lành, có đủ mọi tướng tốt. Sáng sớm hôm ấy, cô gái đi đến nơi cha nàng đang cày ruộng để đem cháo nàng nấu cho cha, tình cờ nàng cũng đi trên con đường ấy. Khi Bô-tát thấy nàng đi đến, ngài tự nhủ: “Một nữ nhân đủ mọi tướng tốt lành thay! Nếu nàng chưa có gia thất, nàng làm vợ ta là hợp đây.” Còn nàng khi vừa trông thấy ngài cũng tự nhủ: “Nếu ta được sống với một nam nhân như vậy, ta có thể khôi phục gia sản.”

Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Ta không biết nàng có gia thất chưa, vậy ta sẽ hỏi nàng bằng cách ra dấu tay và nếu nàng thông minh, nàng sẽ hiểu; nếu không, nàng sẽ không hiểu và ta sẽ rời đi.” Thế là đứng đằng xa, ngài nắm chặt tay lại. Nàng hiểu rằng ngài hỏi nàng có chồng chưa liền xòe tay ra. Thế rồi ngài vội đi đến hỏi tên nàng. Nàng đáp:

– Tên thiếp là cái hiện nay không có, trước đã không có và sau này cũng sẽ không có được.

– Thừa ái nương, trên đời này không có cái gọi là bất tử, vậy chắc hẳn tên nàng là Amarā phải chăng?

– Đúng vậy, thừa công tử.

– Ái nương đem cháo cho ai?

– Cho vị thần ngày xưa.

– Các thần ngày xưa là cha mẹ. Vậy chắc ái nương đem cháo cho phụ thân?

– Đúng vậy, thừa công tử.

– Quý thân phụ hiện đang làm gì?

– Người đang làm một thành hai.

– Làm một thành hai gọi là cày ruộng. Phụ thân cày ruộng chăng, hỡi ái nương?

– Thừa công tử, phải.

– Thế ruộng người cày ở đâu?

– Ở nơi người ra đi nhưng không trở lại nữa.

– Nơi người ra đi không trở lại là nghĩa địa, vậy người đang cày ruộng gần nghĩa địa?

– Đúng thế, thừa công tử.

– Ái nương có trở lại đây nữa chăng?

– Nếu nó đến thì thiếp không đến, còn nếu nó không đến thì thiếp sẽ đến, thừa công tử.

– Có lẽ quý thân phụ cày ruộng cạnh bờ sông nên nếu nước dâng thì ái nương không trở lại được, còn nước không dâng thì nàng sẽ trở lại phải không?

Sau cuộc trò chuyện trao đổi này, nàng Amarā mời ngài uống nước cháo. Bậc Đại sĩ nghĩ, nếu từ chối thì khiếm nhã nên ngài nhã nhặn xin nàng một ít. Khi nàng đổ bình nước cháo xuống đất, ngài nghĩ thầm: “Nếu nàng mời ta mà không rửa cái hũ và cho ta nước rửa tay, ta sẽ từ giã nàng ra đi.”

Nhưng nàng lấy nước trong hũ đưa ngài rửa tay rồi đặt chiếc hũ không xuống đất chứ không đưa ngài cầm, khuấy nước cháo trong bình xong, nàng đổ đầy vào hũ. Nhưng thấy rất nhiều gạo nấu trong nước cháo, ngài bảo:

– Này ái nương, cháo đặc quá!

– Thừa công tử, trước đây chúng tôi không có nước.

– Ái nương muốn bảo là không có nước nơi cánh đồng chăng?

– Đúng vậy, thừa công tử.

Rồi nàng để lại một ít nước cháo cho cha và mời Bồ-tát một ít. Ngài uống xong, súc miệng và hỏi:

– Thừa ái nương, ta muốn đến thăm nhà nàng, xin nàng làm ơn chỉ đường.

Nàng chỉ đường cho ngài bằng cách đọc bài kệ đã được đưa ra trong chương I:

Nhờ món bánh và cháo nấu nhừ,
Cùng cây song điệp trở muôn hoa,
Hương bàn tay thiếp dùng dâng cúng,
Chẳng phải bàn tay thiếp bỏ qua,
Đó chính là đường đi thị trấn,
Con đường bí mật phải tìm ra.

Châm dứt *Vấn đề con đường bí mật*.

IX. VIỆC THĂM DÒ NÀNG AMARĀ

Ngài đến nhà nàng theo con đường đã chỉ dẫn, mẹ nàng Amarā thấy ngài liền mời ngài ngồi:

- Ta muốn mời công tử dùng cháo, được chăng?
- Xin cảm ơn hiền mẫu, hiền muội Amarā đã cho tiểu sinh ăn cháo rồi.

Bà mẹ liền nhận ra ngay là chắc hẳn ngài đến đây vì ái nữ của bà. Bậc Đại sĩ thấy cảnh nghèo túng của họ, lại nói:

- Thưa hiền mẫu, tiểu sinh làm nghề thợ may, hiền mẫu cần may vá gì không?
- Thưa công tử, có chứ, nhưng không có tiền để trả công.

– Thưa hiền mẫu, không cần phải trả công, hiền mẫu cứ đem các thứ ra đây cho tiểu sinh may vá.

Bà liền đem áo quần cũ ra, Bô-tát vá từng thứ, công việc của người có trí bao giờ cũng trôi chảy, và ngài lại bảo bà:

- Hiền mẫu đi báo cho dân chúng ngoài đường biết nhé.

Bà liền thông báo khắp làng, chỉ một ngày nhờ công việc may vá, bậc Đại sĩ kiếm được một ngàn đồng tiền. Bà lão nấu cơm trưa cho ngài ăn và buổi chiều bà hỏi cần nấu bao nhiêu nữa.

- Thưa hiền mẫu, nấu đủ cho mọi người trong nhà thôi.

Bà liền đi nấu nhiều cơm với cà-ri và các món ăn.

Buổi xế chiều, Amarā từ khu rừng trở về nhà, mang theo một bó củi trên đầu và bó lá quanh hông. Nàng để củi xuống ở cửa trước và đi vào cửa sau. Cha nàng cũng về sau đó. Bậc Đại sĩ ăn một bữa cơm thật ngon miệng. Cô gái hầu cơm cha mẹ trước khi ăn rồi rửa chân cho cha mẹ cùng Bô-tát. Ngài ở đó vài ngày thăm dò nàng. Rồi một ngày kia, để thử nàng, ngài bảo:

– Ái nương ơi, đem nửa đấu thóc ra làm cho ta một cái bánh, một nồi cháo và một nồi cơm.

Nàng bằng lòng ngay, đi sàng gạo sạch trấu, lấy hột lớn nấu cơm, hột vừa nấu cháo, hột nhỏ gầy làm bánh, nấu thêm các món ăn kèm. Nàng đem cháo đã nêm gia vị mời bậc Đại sĩ. Ngài vừa để một miếng vào miệng đã cảm thấy vị ngon lan khắp bảy ngàn tế bào vị giác và đọng lại. Tuy nhiên để thử nàng, ngài bảo:

– Ái nương ơi, nếu nàng không biết nấu, sao nàng lại làm hồng gạo của ta? Rồi ngài nhỏ cháo, đổ xuống đất như đang bực bội, nhưng nàng không hề giận, chỉ trao bánh cho ngài và bảo:

– Thừa công tử, nếu cháo không ngon thì xin hãy ăn bánh!

Với các bánh kia ngài cũng làm như thế. Nàng đưa cơm và nói:

– Thừa công tử, nếu bánh không ngon thì xin hãy ăn cơm!

Với món cơm, ngài cũng làm như thế và bảo:

– Nếu nàng không biết nấu nướng sao lại phí phạm của cải của ta?

Rồi như thể giận dữ lắm, ngài trộn cả ba thứ với nhau bôi khắp người nàng từ đầu đến chân, bảo nàng đi ra ngồi xuống bậc cửa.

– Hay lắm, thừa công tử.

Nàng vâng lời ngồi xuống, không tỏ vẻ giận dữ gì. Thấy nàng không có vẻ cao ngạo, ngài bảo:

– Ái nương ơi, đến đây.

Vừa nghe ngài gọi tiếng đầu, nàng đã đến ngay. Khi Đại sĩ đến đây, ngài có đem theo một ngàn đồng tiền vàng và một bộ trang phục trong giỏ cau trâu. Bấy giờ, ngài lấy nó ra đưa cho nàng và bảo:

– Ái nương ơi, hãy cùng bạn hữu đi tắm, mặc trang phục này vào và đến đây với ta.

Nàng vâng lời. Bạc Trí giả trao cho cha mẹ nàng tất cả số tiền ngài đem theo và vừa kiếm được, khuyên họ an lòng, rồi xin phép đem nàng lên kinh thành.

Tại đây, ngài muốn thử nàng liền bảo nàng ngồi trong nhà người canh công, nói cho bà vợ người canh công biết mưu kế của ngài rồi về nhà ngài. Tại đó, ngài cho gọi các quân hầu của ngài đến và bảo:

– Ta có để lại một nữ nhân ở nhà kia, hãy đem một ngàn đồng tiền đến thử nàng xem!

Ngài đưa tiền và bảo họ đi. Họ làm theo lời ngài dặn. Nàng từ chối, bảo:

– Số tiền này không đáng giá bằng đất bụi bám trên chân của chồng ta.

Các quân hầu trở về kể lại cho ngài nghe kết quả cuộc thử. Ngài lại bảo họ đi lần nữa, đến lần thứ ba, thứ tư, rồi bảo họ nắm tay kéo nàng đi. Họ vâng theo và khi nàng nhìn thấy bậc Đại sĩ uy nghi rực rỡ, nàng không nhận ra ngài mà chỉ cười rồi khóc khi nhìn ngài. Thấy thế, ngài hỏi có sao, nàng đáp:

– Thừa công tử, thiếp mỉm cười khi ngắm vẻ huy hoàng của công tử và nghĩ rằng công tử được hưởng cảnh huy hoàng này không phải là không có nhân duyên mà là do thiện nghiệp của công tử đã làm trong đời trước. Ồ, thật đúng là quả phước báu! Thiếp nghĩ vậy và mỉm cười. Nhưng rồi thiếp khóc khi nghĩ rằng công tử sẽ gây tội ác phá hại tài sản mà kẻ khác trông nom, chăm sóc và sẽ xuống địa ngục nên vì thương cảm, thiếp phải khóc.

Sau lần thử này, ngài biết nàng rất tiết hạnh nên bảo họ đem nàng về chỗ cũ. Ngài giả dạng người thợ may, trở về với nàng và ở lại đêm đó.

Sáng hôm sau, ngài trở về cung, kể mọi chuyện với Hoàng hậu Udumbarā. Bà báo cho vua biết, sau đó trang điểm cho Amarā với đủ loại trang sức, đặt nàng ngồi trên một cỗ xe sang trọng, đẩy về uy nghi, vinh hiển rước nàng về cung của bậc Đại sĩ và làm lễ cưới.

Vua ban thưởng Bồ-tát món quà đáng giá một ngàn đồng tiền, dân chúng trong thành đem quà đến dâng, từ người giữ cửa trở đi. Nàng Amarā chia quà vua ban làm hai phần, gửi lại một phần dâng lên vua. Các món quà dân chúng tặng, nàng cũng chia như vậy, trả về cho họ một nửa, vì thế rất được lòng dân. Từ ngày ấy, bậc Đại sĩ cùng nàng sống rất hạnh phúc và chỉ bảo cho vua mọi thế sự cũng như thánh sự.

Chấm dứt *Việc thăm dò nàng Amarā*.

X. VIỆC TRỘM CÁC BẢO VẬT

Một ngày kia, Senaka bảo ba người kia nhân lúc họ đến thăm:

– Nay các hiền hữu, chúng ta chưa đầu trí nổi với Mahosadha, con nhà nông này. Nay nó tìm được vợ khôn lanh hơn cả nó nữa, làm sao chúng ta kiếm kế ly gián nó với đức vua đây?

– Thưa Tôn sư, làm sao chúng tiểu đệ biết được? Chuyện đó tùy ngài định đoạt.

– Được rồi đừng lo gì, ta đã có cách. Ta sẽ trộm hạt bảo châu trên vương miện của đức vua, hiền hữu Pukkusa trộm chuỗi đeo cổ bằng vàng, hiền hữu Kāvinda trộm chiếc áo lông và hiền hữu Devinda lấy đôi hài bằng vàng của ngài. Ngay sau khi đem về nhà mình thì chúng ta gửi sang nhà của con trai anh nhà nông này.

Cả bốn người ấy cùng làm như vậy. Senaka để hạt bảo châu vào bình sữa bơ, bảo một tỳ nữ:

– Nếu ai mua bình sữa bơ này, người đầu từ chối, chỉ bán cho người nhà Mahosadha mà thôi đưa luôn cái bình.

Người tỳ nữ đến cửa nhà vị Trí giả đi lên đi xuống và rao:

– Mua sữa bơ đi! Mua sữa bơ đi!

Nhưng nàng Amarā đứng bên cửa nhìn thấy rõ, nàng nhận xét cô nữ tỳ nọ không đi nơi nào khác ngoài nhà nàng, chắc phải có điều gì bên trong chuyện này. Nàng liền ra dấu cho tỳ nữ của nàng lại gần, còn chính nàng kêu to gọi cô gái:

– Đến đây cô bé, ta muốn mua sữa bơ.

Khi cô gái đến, nàng gọi các nữ tỳ ra, nhưng không có ai trả lời cả nên phải nhờ cô gái đi kiếm hộ. Khi cô gái đi rồi, nàng thọc tay vào bình tìm ra hạt bảo châu. Khi cô gái trở lại, nàng liền hỏi:

– Cô là tỳ nữ nhà ai?

- Thừa phu nhân, là tỳ nữ của Trí giả Senaka.
- Nàng liền hỏi tên họ tỳ nữ cùng tên mẹ cô gái rồi bảo:
- Sữa bơ này bao nhiêu?
- Thừa phu nhân, bốn ống.
- Vậy thì hãy đưa ta sữa bơ này.
- Thừa phu nhân, nếu bà cần thì cứ lấy cả bình, con không lấy tiền đâu.
- Vậy thì cô về đi!

Amarā bảo người tỳ nữ ra về rồi nàng viết trên một chiếc lá: Vào ngày ấy tháng ấy, đại sư Senaka gửi đến một hạt bảo châu trên vương miện của đức vua để làm quà tặng do một nữ tỳ tên họ ấy đem đến.

Pukkusa gửi đến chuỗi đeo cổ bằng vàng giấu trong giỏ hoa lài, Kāvinda gửi đến chiếc áo lông giấu trong giỏ rau, Devinda gửi đến đôi hài bằng vàng để trong bó lúa mạch. Nàng nhận tất cả và viết tên họ vào các chiếc lá, cất đi rồi kể lại cho bậc Đại sĩ nghe mọi chuyện.

Khi bốn vị trí giả kia vào cung liền hỏi vua:

- Tâu Đại vương, sao Đại vương không đội vương miện có bảo châu?

Vua bảo:

- Được, đem nó ra đây cho trẫm đội vào!

Nhưng họ không kiếm ra viên bảo châu và các thứ kia. Thế là cả bốn vị bảo:

- Tâu Đại vương, các vật trang sức của Đại vương đều nằm trong nhà Mahosadha, gã ấy đang dùng chúng đấy, gã con trai nhà nông ấy chính là kẻ thù của Đại vương.

Họ vu cáo cho ngài như vậy. Sau đó, những người tốt bụng đi tìm Mahosadha kể chuyện cho ngài, ngài bảo:

- Ta đến yết kiến đức vua rồi ắt sẽ biết.

Ngài đến châu vua. Đang con thịnh nộ, vua phán:

- Ai mà biết tiểu tử kia sẽ trở thành gì nữa, sẽ làm gì nữa?

Vua không cho phép ngài vào trần tình. Khi Trí giả biết vua đang cơn thịnh nộ, ngài trở về nhà. Vua ban lệnh bắt ngài và ngài biết được nhờ những người tốt bụng nên bảo cho Amarā biết đã đến lúc ngài phải ra đi, rồi ngài bí mật trốn ra khỏi kinh thành, đến làng Yavamajjhaka phía Nam, làm công việc của thợ gốm. Cả kinh thành loan tin ngài bỏ trốn.

Khi Senaka và ba vị kia hay tin ấy, mỗi người liền gửi cho phu nhân Amarā một bức thư mà không cho ba vị kia biết, nhắn tin với nàng: “Xin phu nhân đừng ngại gì, chúng ta không phải là những trí giả hay sao?”

Nàng cất cả bốn bức thư rồi trả lời cho mỗi vị đến gặp nàng vào một ngày giờ nào đó. Rồi nàng cho đào một cái hố, đổ đầy vô đó phân và nước, đập phía trên bằng các tấm ván bẫy, che phủ lại hoàn chỉnh.

Vào buổi chiều, Senaka tắm gội, trang sức đẹp đẽ, ăn các loại cao lương mỹ vị xong, đi đến nhà của Bồ-tát. Khi tới cửa, vị này báo cho biết là mình đã đến. Nàng liền nói: “Mời vào, thưa Đại sư.” Vị này đến đứng gần nàng. Nàng nói rằng: “Thưa ngài, giờ đây thiếp vâng theo sự định đoạt của ngài, nếu chưa tắm rửa mình mẩy mà đi ngủ thì không hay cho lắm!” Vị ấy nghe nàng nói như vậy liền bằng lòng. Nàng đi ra, lấy cái bình đầy nước mà vừa rắc nước vừa gọi: “Hãy đến đây Đại sư! Hãy bước lên các tấm ván mà tắm!” Vị ấy đi vô nhà, ngay lúc bước lên trên tấm ván để đứng đó thì té xuống hố phân.

Pukkusa cũng vậy, vào buổi chiều, sau khi tắm gội, trang sức đẹp đẽ, ăn các loại cao lương mỹ vị xong, đi đến nhà của Bồ-tát. Khi tới cửa, vị này báo cho biết là mình đã đến. Các cô hầu gái liền trình cho Amarā. Nghe xong, nàng nói: “Mời vào, thưa Đại sư, nếu chưa tắm rửa mình mẩy mà đi ngủ thì không hay cho lắm!” Vị ấy nghe nàng nói như vậy liền bằng lòng. Nàng đi ra, lấy cái bình đầy nước mà vừa rắc nước vừa gọi: “Hãy đến đây Đại sư, hãy bước lên các tấm ván mà tắm!” Vị ấy đi vô nhà, ngay lúc bước lên trên tấm ván để đứng đó thì té ngay xuống hố phân.

Senaka hỏi Pukkusa:

- Ai đây?
- Tôi là Pukkusa.
- Ông tên là gì?
- Tôi là Senaka.

Họ đứng hỏi nhau như vậy. Và hai người kia cũng bị té xuống đó. Tất cả bọn họ đứng dưới hố phân nhồm gớm. Sáng ra, nàng cho người lấy dao cạo râu tóc bốn người sạch nhẵn, lấy gạo trộn nước đem giã, nấu thành cháo đặc thêm bột tẩm thơm, quét lại, đắp cả người lên đến đầu họ, lấy len rắc lên, hành hạ họ thật khổ sở, rồi lấy chiếu quấn bên trong, đặt họ nằm xuống bọc lại và thông báo cho vua biết. Nàng đem họ cùng bốn bảo vật đến cung đình, thi lễ, tung hô vua xong, ngồi xuống một bên, nàng nói:

- Tâu Đại vương, xin hãy nạp thọ món quà lớn gọi là khi trắng!

Nói rồi, nàng cho người đặt dưới chân vua bốn bó chiếu. Vua cho người mở ra thì nhận thấy bốn phần giống con khi trắng ấy là bốn con người. Tất cả mọi người đều thốt:

- Ôi, chưa từng thấy! Ôi, khi trắng lớn!

Họ cười phá lên. Bốn người kia vô cùng hổ thẹn. Lúc này, nàng Amarā tâu vua về sự vô tội của chồng mình:

– Tâu Đại vương, Trí giả Mahosadha không phải là kẻ trộm mà chính đây là các kẻ trộm: Senaka trộm bảo châu, Pukkusa trộm dây chuyền vàng, Kāvinda trộm chiếc áo lông, Devinda trộm đôi giày mạ bằng vàng. Các vụ trộm này vào những ngày ấy, tháng ấy, do tay của những nữ tỳ ấy, các vật này được gửi đến

làm quà tặng. Xin Đại vương nhìn chiếc lá này và nhận lại các bảo vật rồi thả các kẻ trộm ra.

Làm cho các vị kia chịu muôn phần sỉ nhục như thế xong, nàng lễ vua rồi ra về. Tuy nhiên, vua lại bối rối trước chuyện này, vì lúc đó Bồ-tát đã ra đi, bốn hiền thần kia thì không có mặt, ngài không nói gì với họ, chỉ truyền bảo họ tắm rửa rồi ra về. Bốn vị ấy chịu nhục nhã ê chề, lễ vua và ra về.

Chấm dứt *Việc trộm các bảo vật*.

XI. CÂU HỎI VỀ CON ĐOM ĐÓM

Lúc bấy giờ, vị thiên ở trong chiếc lọng hoàng gia không được nghe giọng Bồ-tát thuyết pháp, không hiểu nguyên nhân gì và khi vị ấy biết được liền quyết định đem bậc Trí giả trở về.

Vì thế ban đêm, vị ấy hiện ra từ một cái lỗ quanh lọng, hỏi vua bốn vấn đề được tìm thấy trong chương IV, *Chuyện vấn đề của vị thiên* với các vấn đề bắt đầu: “Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay.” Vua không trả lời được, nhưng hứa sẽ hỏi các vị hiền thần và xin gia hạn một ngày.

Hôm sau, vua ban lệnh triệu hỏi họ, nhưng họ đều đáp:

– Chúng thần hổ thẹn nếu xuất hiện trước công chúng, vì chúng thần bị cạo râu tóc sạch nhẵn.

Thế là ngài gửi cho họ bốn chiếc mũ đội đầu (dân chúng cho rằng đó là nguồn gốc các chiếc mũ). Khi họ đến, họ được mời ngồi xong, vua bảo:

– Nay Senaka, đem qua vị thiên ở trong chiếc lọng của trẫm hỏi trẫm bốn vấn đề mà trẫm không giải đáp được nên phải bảo là trẫm sẽ hỏi các hiền thần. Vậy các khanh hãy giải đáp cho trẫm!

Và ngài đọc bài kệ thứ nhất:

Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay,
Đánh luôn cả mặt, mũi, tai, mày,
Tuy nhiên kẻ ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ thay!

Senaka lặp bập các chữ đầu:

– Đánh làm sao, đánh ai đã chứ?

Rồi ông chẳng tìm ra đầu đuôi gì cả. Ba vị kia đều im lặng. Vua hết sức túng thế. Đêm đến, vị thiên lại hỏi ngài đã giải đáp câu hỏi được chưa, ngài bảo:

– Trẫm đã hỏi bốn hiền thần mà không ai nói được cả.

Vị thiên đáp:

– Họ có biết gì chứ, trừ Trí giả Mahosadha, chẳng ai giải đáp được cả. Nếu Đại vương không triệu ngài về giải đáp các vấn đề này, ta sẽ chặt đầu Đại vương với lưỡi dao oan nghiệt này.

Sau khi dọa vua như vậy, vị ấy nói tiếp:

– Tâu Đại vương, khi Đại vương cân lửa dùng thổi con đom đóm, khi cân sữa dùng vắt cái sừng bò.

Rồi vị thiên lập lại *Chuyện con con đom đóm* trong chương V:

Người nào trong lúc có cây đèn,
Đang muốn đi tìm lửa để nhen,
Trông thấy giữa đêm đom đóm nhỏ,
Nghĩ rằng ắt hẳn lửa đây chẳng?

Người này bèn lấy vụn phân bò,
Cùng với cỏ khô vò để vô,
Nghĩ suy chẳng đúng nên không thể,
Làm cháy cỏ, phân, thành lửa to.

Tương tự, ta dùng cách thức sai,
Sẽ không đạt lợi ích gì đây,
Con bò ta vắt từ sừng nó,
Chẳng được sữa chi, chỉ phí hoài!

Người trẻ đang thu lợi ích thêm,
Từ nhiều cách thức hình thành nên,
Người không thân thiện thì rày trách,
Bạn hữu chờ che, nâng đỡ lên.

Nhờ thu phục được tướng, ba quân,
Nhờ diêu kế từ các cận thân,
Mà những vị vua trên thế giới,
Ngự toàn cõi hưởng báu châu tràn.

Các vị vua ấy chẳng giống Đại vương đang thổi con đom đóm và tưởng đó là lửa. Đại vương giống như người thổi con đom đóm khi ngọn lửa đang sẵn sàng bên cạnh, như người ném cái cân xuống và đo lường bằng tay, như người cân sữa vắt sừng bò khi ngài đem các vấn đề sâu xa như vậy mà hỏi Senaka và những kẻ tương tự lão ấy, chúng có biết gì đâu chứ? Chúng chỉ là những con đom đóm, còn Mahosadha sáng ngời trí tuệ mới là ngọn lửa vĩ đại đang cháy bùng rực rỡ. Nếu Đại vương không tìm ra lời giải đáp vấn đề này, Đại vương sẽ là cái xác không hồn.

Sau khi dọa cho vua khiếp sợ như thế, vị ấy biến mất.

Chấm dứt *Câu hỏi về con đom đóm*.

XII. CÂU HỎI TRÍ TUỆ

Khi ấy, vua kinh hoàng vì sợ chết. Sáng hôm sau, vua ra lệnh bốn cận thần lên bốn cỗ xe đi ra bốn cửa thành và bất kỳ nơi nào họ tìm được vương tử, Trí giả Mahosadha, đều phải đón chào ngài thật trọng thể rồi lập tức rước ngài về

hoàng cung. Bốn vị ấy mỗi vị ra một cửa thành. Ba vị trong số này không tìm được Trí giả, nhưng vị thứ tư đi ra phía Nam môn tìm thấy bậc Đại sĩ ở làng Yavamajjhaka phía Nam, lúc ấy đang ngồi trên bó rom lấm lem bùn đất, ăn những vắt cơm và ít thức ăn sau khi đã kiếm xong đất sét và quay bánh xe cho chủ lò gốm. Ngài làm như vậy là vì ngài nghĩ rằng vua có thể nghi ngờ ngài muốn lên cầm vương quyền, nhưng nếu vua hay tin ngài đang sống bằng nghề thợ gốm thì mối nghi kỵ sẽ tan ngay. Khi ngài trông thấy vị cận thần, ngài hiểu ông đi đến tìm ngài, ngài hiểu rằng vinh quang của ngài đã được phục hồi, ngài sẽ được thưởng thức mọi cao lương mỹ vị do phu nhân Amarādevī dọn ra thiết đãi, vì thế ngài thả vắt cơm đang cầm và đứng dậy súc miệng. Vừa lúc ấy, vị cận thần đi đến, đây là một người trong vây cánh của Senaka, nói với ngài một cách thô lỗ như sau:

– Này Trí giả, những lời mà hiền giả Senaka nói đều là những điều báo trước rất hữu ích cho ngài. Vinh quang của ngài đã mất, tài trí của ngài chả ích lợi gì. Bây giờ đây, ngài ngồi trên đồng rom bê bết bùn đất mà ăn cơm như vậy đó.

Rồi gã này đọc bài kệ trong chương X, *Chuyện vấn đề trí tuệ*:

Có thật ngài là bậc Trí nhân,
N như người đồn có trí uyên thâm,
Vậ tài trí, đại vinh quang ấy,
Chẳng phục vụ ngài đúng nghĩa chăng,
Và đã trở thành không ý nghĩa,
Trong khi ngài nuốt chút cơm hăm?

Bậc Đại sĩ liền đáp lại:

– Tên ngu si mê muội kia, nhờ tài trí của ta, khi nào ta muốn phục hồi vinh quang đều được cả.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

Vinh quang ta tạo bởi gian truân,
Đúng lúc, trái thời, ta biệt phân,
Đề ần nấu mình theo ý muốn,
Mở toang các cửa lợi vô ngần,
Cho nên ta biết điều tri túc,
Vớ chút cơm hăm vẫn muốn ăn.
Khi ta nhận thấy đúng thời cơ,
Nỗ lực tạo thành mối lợi to,
Theo kế hoạch, ta liền chịu đựng,
Giống như sư tử, khí anh hào,
Và nhờ năng lực oai hùng ấy,
Ông sẽ thấy ta trở lại mà.

Lúc ấy, vị cận thân đáp:

– Thưa bậc Trí giả, vị thiên ở trong chiếc lọng hoàng gia đặt một câu hỏi cho đức vua, ngài liền hỏi cả bốn vị trí giả nhưng không ai giải đáp nổi, vì thế đức vua ra lệnh tiểu thần đi rước ngài về.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Trong trường hợp như thế mà ông chưa thấy được uy lực của trí tuệ hay sao? Những lúc như vậy của cải nào có ích gì, chỉ có trí tuệ là hữu ích.

Ngài tán thán năng lực của trí tuệ như vậy. Sau đó, vị cận thân trao cho bậc Đại sĩ một ngàn đồng tiền để hậu tạ nơi ngài đang ở và giả tử. Người chủ lò gốm kinh hãi vì đã thật sự sai khiến bậc Trí giả Mahosadha như người giúp việc của lão. Tuy nhiên, bậc Đại sĩ đã trấn an lão:

– Tôn ông đừng sợ, ông đã cứu giúp ta, thật quý giá vô cùng!

Rồi ngài tặng lão một ngàn đồng tiền và với thân mình còn lấm lem bùn đất, ngài đã leo lên xe về kinh thành ngay. Viên cận thần báo tin cho vua biết ngài đã về.

– Nay hiền khanh, khanh đã tìm ra Trí giả ở đâu?

– Tâu Đại vương, vương tử đang sống bằng nghề làm đồ gốm ở làng Yavamajjhaka phía Nam, nhưng vừa được tin Đại vương triệu ngài về là ngài về ngay chẳng đợi tắm rửa gì, đất còn lấm lem cả người.

Vua nghĩ thầm: “Nếu nó là kẻ thù của ta thì nó đã trở về trong cảnh xa hoa long trọng, có tùy tùng hầu hạ kia chứ. Như vậy, nó chẳng phải là đối thủ của ta rồi.” Vua liền ban lệnh đưa ngài về tư thất tắm rửa, trang sức cho ngài rồi trở lại châu vua với lễ nghi rực rỡ long trọng mà vua đã ban. Khi mọi việc xong xuôi, ngài trở vào triều, thi lễ, tung hô vua xong liền đứng sang một bên. Vua nói năng ôn tồn chào đón ngài, rồi muốn thử ngài, ông ngâm kệ này:

Lắm kẻ không gây tạo lỗi lầm,
Bởi vì họ đã được giàu sang,
Nhưng nhiều người chẳng gây lầm lỗi,
Vì sợ bùn nhơ cấu uế tâm,
Con đủ tài năng làm sự nghiệp,
Sao con không hãm hại vương quân?

Bồ-tát đáp lại:

Bậc Trí giả không tạo lỗi lầm,
Chỉ vì lạc thú hưởng giàu sang,
Thiện nhân dù gặp cơn tai họa,
Và bị lâm vào cảnh khốn nạn,
Chẳng vì thân hữu hay thù hận,
Mà phải khước từ đạo chánh chân.

Vua lại đọc bài kệ này, là những lời đầy ý nghĩa, kinh nghiệm của một vị Sát-đế-ly:

Người nào vì bất cứ nguyên nhân,
Dù nhỏ, dù to với bản thân,
Đưa chính mình lên từ chỗ thấp,
Về sau tiến bước đạo như chân.

Bậc Đại sĩ đọc kệ này, lấy ví dụ cái cây để minh họa:

Dưới một gốc cây bóng mát lành,
Nếu ta ngồi xuống nghỉ thân mình,
Chặt cành lá ấy là làm phản,
Bọn giả dối, ta phải ghét khinh.

Rồi ngài tiếp tục:

– Tâu Đại vương, nếu chặt cành của một cây mà ta đã hưởng lợi lạc là chuyện phản bội thì còn nói gì đến kẻ sát nhân? Đại vương đã ban cho phụ thân tiểu thần hưởng đại phú quý và sủng ái tiểu thần phúc lộc tràn trề, làm sao tiểu thần có thể phản trắc làm hại Đại vương được?

Sau khi bày tỏ lòng trung thành của mình, ngài lại khiển trách vua về làm lỗi ấy:

Nếu một người khai đạo chánh chân,
Đánh tan nghi hoặc của tha nhân,
Người này thành một nơi nương tựa,
Và bảo hộ cho chính bản thân,
Bậc Trí không bao giờ hủy diệt,
Mối dây này kết hợp thân bằng.

Bấy giờ, để khuyến giáo vua, ngài ngâm hai vần kệ:

Ta ghét thế nhân đắm dục tình,
Giả tu là dối gạt rành rành,
Hôn quân xử án không nghe thấy,
Sân hận người hiền chẳng biện minh.
Vị vua thận trọng suy tư kỹ,
Xử án đây suy xét tận tình,
Vua chúa suy tư phân xử đúng,
Đời đời danh vọng mãi quang vinh.

Chấm dứt *Câu hỏi trí tuệ*.

XIII. CÂU HỎI CỦA VỊ THIÊN

Khi vua nghe xong liền mời bậc Đại sĩ ngồi lên ngai vàng dưới chiếc lọng hoàng gia màu trắng mở rộng, còn chính vua ngồi xuống một ghế thấp và nói:

– Thưa Trí giả, vị thiên ở trong chiếc lọng trắng này hỏi trăm bốn câu. Trăm đã hỏi ý bốn vị trí giả mà không ai tìm ra lời giải đáp. Vậy xin vương nhi giải đáp cho trăm.

– Tàu Đại vương, dù là vị thiên trong chiếc lọng, hay Bốn Đại Thiên Vương, hoặc dù ai đi nữa, xin cứ hỏi, tiểu thần sẽ giải đáp.

Vua liền đưa câu hỏi vị thiên đã đọc ra và nói:

Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay,
Đánh luôn cả mặt, mũi, tai, mày,
Tuy nhiên kẻ ấy, tàu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ thay!

Khi bậc Đại sĩ nghe câu hỏi xong, ngài thấy ý nghĩa rõ ràng chẳng khác nào trắng rằm giữa trời. Ngài nói:

– Xin Đại vương nghe đây! Khi đứa bé ngồi trong lòng mẹ sung sướng chơi đùa lấy tay đánh mẹ nó, kéo tóc mẹ nó, nắm tay lại đâm mẹ nó, mẹ nó bảo: “Này ranh con, sao dám đánh mẹ?” Rồi bà âu yếm ôm sát con vào ngực và không nén được lòng thương yêu con, bà mẹ hôn hít con, vào lúc đó đứa con thân thiết với bà còn hơn là cha nó nữa.

Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề như thể vàng nhật đang hiện lên giữa bầu trời. Nghe xong, vị thiên hiện nửa thân qua kẽ hở của chiếc lọng và tán thành một giọng dịu dàng:

– Câu hỏi đã được Trí giả giải đáp thỏa đáng.

Sau đó, vị ấy tặng bậc Đại sĩ một giỏ đầy hoa tiên và hương thần rồi biến mất. Vua cũng ban thưởng ngài các loại hương hoa như vậy rồi đọc câu kệ thứ hai, hỏi vấn đề thứ hai:

Bà mắng kẻ kia thật tệ tàn,
Nhưng bà muốn nó ở kề gần,
Kẻ kia, tuy vậy, tàu Hoàng thượng,
Còn thiết thân hơn chính cả chồng.

Bậc Đại sĩ:

– Tàu Đại vương, đứa bé lên bảy, có thể làm theo lời mẹ dặn. Khi bà bảo nó ra đồng hay đến tiệm tạp hóa, nó đáp: “Nếu mẹ cho con bánh kẹo con sẽ đi.” Bà mẹ bảo: “Bánh kẹo đây con”, rồi đưa bánh kẹo cho nó. Nó ăn xong lại nói: “Này mẹ, mẹ ngồi trong nhà im mát mà con lại phải đi ra ngoài làm công việc cho mẹ.” Nó nhăn mặt làm bộ điệu chế nhạo mẹ nó rồi không chịu đi. Bà nổi giận chụp lấy chiếc gậy la lên: “Mày ăn các thứ ta cho mày rồi lại không chịu ra đồng làm việc cho ta.” Bà dọa nó, nó vụt chạy thật nhanh, bà theo không kịp liền la lên: “Đi đi cho kẻ trộm xé xác mày ra.” Thế là bà mắng nhiếc nó thật thậm tệ, nhưng dù miệng nói gì đi nữa, bà cũng không muốn thế chút nào, bà chỉ muốn nó ở gần bà. Nó đi chơi lang thang suốt ngày, đến tối không dám trở

về nhà, nó đến nhà bà con. Bà mẹ trông ra đường chờ nó về mà không thấy, nghĩ rằng nó không dám về, lòng bà đau đớn, nước mắt giàn giụa, bà đi đến nhà các quyền thuộc tìm nó. Khi thấy con, bà ôm nó hôn hít, kéo nó sát vào lòng và thấy thương yêu nó hơn bao giờ hết, bà kêu lên: “Con tưởng mẹ nói thật sao?” Thế là, tâu Đại vương, lúc giận người mẹ lại thương con hơn trước nữa.

Ngài giải đáp vấn đề thứ hai như vậy. Vị thiên lại tặng thưởng ngài như lần trước và vua cũng thế. Sau đó, vua hỏi ngài vấn đề thứ ba qua một vần kệ khác:

Nàng mắng nhiếc chàng chẳng lý do,
Và nàng trách móc thật vu vơ,
Tuy nhiên, chàng ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ chưa!

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, khi một đôi uyên ương lén lút hưởng lạc thú ái tình, người nọ bảo người kia: “Người chẳng hề để ý đến ta, ta biết tâm hồn người để tận đâu đâu.” Tất cả đều nguỵ tạo và không có lý do gì cả, họ la mắng trách móc lẫn nhau rồi họ càng thân thiết nhau hơn. Đó là ý nghĩa câu hỏi trên.

Vị thiên lại tặng quà cho ngài và vua cũng vậy. Sau đó, vua lại hỏi câu nữa qua vần kệ thứ tư:

Lấy đồ uống ăn, y, tọa sàng,
Thiện nhân mang mọi vật lên đàn,
Tuy nhiên, các vị, tâu Hoàng thượng,
Còn thiết thân hơn chính cả chồng.

Ngài đáp:

– Tâu Đại vương, vấn đề này liên hệ đến các khát sĩ Bà-la-môn chân chính. Các gia đình sùng đạo tin tưởng vào đời này và đời sau thường cúng dường các vị này và hoan hỷ lúc cúng dường. Khi họ thấy các Bà-la-môn nhận vật cúng dường và ăn uống liền nghĩ thầm: “Chính các vị này đến nhà ta khát thực để thọ dụng” nên họ càng tăng mối cảm tình đối với các vị này. Thật vậy, các vị này nhận phẩm vật, đặt lên vai mọi vật cúng dường và trở thành thân thiết với gia chủ.

Khi ngài giải đáp xong vấn đề này, vị thiên bày tỏ sự tán thán bằng tặng vật như trước và đặt dưới chân bậc Đại sĩ một giỏ quý đựng đầy bảy báu vật, xin ngài nhận lấy. Vua cũng hoan hỷ phong ngài làm Đại tướng. Từ đó, vinh quang của bậc Đại sĩ càng chói lọi, huy hoàng hơn nữa.

Chấm dứt *Câu hỏi của vị thiên*.

XIV. VẤN ĐỀ CỦA NĂM VỊ TRÍ GIẢ

Bốn vị trí giả lại bảo nhau:

– Này, con trai của gã thường dân lại càng cao danh vọng hơn nữa, ta phải làm sao đây?

Senaka bảo họ:

– Được rồi, ta đã có kế! Ta cứ đến gặp con trai của gã thường dân ấy và hỏi: “Ta nên nói chuyện bí mật với ai?” Nếu gã bảo: “Không nên nói với ai cả”, ta sẽ nói xấu với đức vua để hại gã và bảo gã là tên phản bội.

Cả bốn vị liền kéo đến nhà bậc Trí giả và chào ngài xong liền bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ta muốn hỏi ngài một chuyện.

Ngài bảo:

– Xin cứ nói ngay.

Senaka nói:

– Thưa bậc Trí giả, con người phải an trú vững chắc ở đâu?

– Ở chân lý.

– Xong rồi còn phải làm gì nữa?

– Phải tạo sự nghiệp.

– Rồi phải làm gì nữa?

– Phải học hỏi các lời khuyên thiện.

– Và sau đó nữa?

– Đừng nói với ai chuyện bí mật của mình.

– Hay thay, bậc Trí giả!

Họ nói xong, sung sướng ra về và nghĩ: “Hôm nay, ta sẽ tống cổ con trai của gã thường dân đi khuất mắt.” Rồi họ vào yết kiến vua và tâu:

– Tâu Đại vương, con trai của gã thường dân ấy là tên phản bội Đại vương.

Vua đáp:

– Trẫm không tin các khanh đâu, bậc Trí giả không bao giờ phản bội trẫm.

– Tâu Đại vương, xin hãy tin chúng thần vì đó là sự thật. Nếu Đại vương không tin, xin cứ hỏi gã: “Ta nên nói điều bí mật với ai?” Nếu gã không phản bội, gã sẽ bảo nói với người này người nọ, còn nếu gã phản bội, gã sẽ bảo: “Không nên nói điều bí mật với ai cả. Khi nguyện ước đã thành tựu rồi mới được nói.” Xin Đại vương hãy tin chúng thần, đừng nghi ngờ gì nữa!

Vua đồng ý. Thế là một ngày kia, khi cùng ngồi với các cận thần, vua đọc bài kệ đầu trong chương XV, *Vấn đề của năm vị Trí giả*:

Năm vị Trí nhân họp buổi nay,

Vấn đề trẫm chợt nghĩ, nghe đây:

Cùng ai, bí mật nên bày tỏ,

Dù tốt xấu, hay dở, nói ngay!

Senaka muốn kéo vua về phe mình liền ngâm kệ:

Xin Đại vương cho biết ý trời,

Muôn tâu Chúa thượng ở trên đời,

Là người bảo hộ, cứu mang nặng,
 Năm trí giả mong hiểu ý ngài,
 Cùng sở thích ngài, xin hãy nói,
 Muôn tâu Chúa tể cõi trần ai!

Vua vốn bản chất yếu đuối liền ngâm kệ:

Nếu nữ nhân đức hạnh phục tùng,
 Tuân theo ý nguyện của phu quân,
 Đầy tình thân ái thì nên nói,
 Điều bí mật, hay dở mặc lòng!

“Nhà vua theo phe ta rồi”, Senaka nghĩ thầm, sung sướng đọc câu kệ nói rõ
 lối xử thế của mình:

Ai bảo vệ người bệnh khôn cùng,
 Là nguồn cấp dưỡng, chốn nương thân,
 Thì nên bày tỏ cùng thân hữu,
 Điều bí mật, hay dở mặc lòng.

Rồi vua lại hỏi Pukkusa:

– Hiền khanh nghĩ sao, Pukkusa? Phải nói chuyện bí mật với ai?

Pukkusa liền ngâm kệ:

Dù già hay trẻ, hoặc trung niên,
 Nếu chú em đức hạnh đáng khen,
 Với chú em này, điều bí mật,
 Dù là tốt xấu, hãy nêu lên.

Kể đó, vua hỏi Kāvinda và ông ngâm kệ:

Khi đưa con vâng phục ý cha,
 Con trai thành thật, trí cao xa,
 Với con như vậy thì nên nói,
 Điều bí mật, dù tốt xấu mà.

Sau đó, vua hỏi Devinda và ông ngâm kệ:

Muôn tâu Chúa tể của quân sinh,
 Nếu mẹ yêu con thật tận tình,
 Đối với mẹ này, điều bí mật,
 Dở hay có thể nói cho rành.

Sau khi hỏi bọn họ xong, vua hỏi Trí giả:

– Này Trí giả, con nghĩ sao, có nên nói bí mật với ai không?

– Tâu Đại vương, bản thân người không muốn tiết lộ thì bậc Trí giả sẽ thuận
 theo, sẽ không nói với một ai.

Và ngài ngâm kệ:

Giữ gìn bí mật chính là hay,
Chẳng đáng khen cơ mật tỏ bày,
Người khôn phải giữ điều thâm kín,
Khi việc chưa thành tựu, khéo thay!
Sau lúc thực hành điều bí mật,
Khi muốn có thể nêu ngay.

Khi bậc Trí giả nói xong, vua phạt ý nên nhìn Senaka và Senaka cũng nhìn lại vua. Bỏ-tát thấy ngay điều này và nhận rõ sự thật là trước kia bốn kẻ này đã vu cáo ngài với vua, còn vấn đề này ắt hẳn cũng được đặt ra để thử ngài.

Lúc bấy giờ, trong lúc họ đang đàm luận thì mặt trời đã lặn, đèn đã được thắp sáng. Ngài nghĩ thầm: “Cung cách vua chúa thật khó lắm thay, chẳng ai còn biết sẽ xảy ra chuyện gì nữa, thôi ta phải lo nhanh chân tẩu thoát mới được.”

Thế là ngài liền đứng dậy, vái chào vua rồi ra về và nghĩ thầm: “Trong bốn vị này, người thì bảo phải nói với bạn, người thì bảo nói với anh em, người thì bảo với con trai, người thì bảo nói với mẹ, chắc hẳn họ đã làm hay thấy cái gì rồi, hoặc ta chắc chắn rằng họ đã nghe các kẻ kia kể những điều đã trông thấy. Thôi được rồi, ta phải tìm ra nội trong hôm nay.”

Lúc bấy giờ, vào các ngày khác, khi bốn vị này ra khỏi cung, thường ngồi trên ống dẫn nước ở cửa cung, bàn bạc mưu kế trước khi về nhà, vì thế bậc Trí giả nghĩ rằng ngài phải núp dưới ống dẫn nước đó mới có thể biết được những chuyện bí mật của họ. Do vậy, ngài giờ ống dẫn nước lên, trải một tấm nệm phía dưới và bò vào, ra lệnh cho quân hầu của ngài tìm ngài khi bốn vị kia ra về sau cuộc bàn bạc.

Đám quân hầu tuân lệnh ra đi. Trong lúc ấy, Senaka tâu với vua:

– Tâu Đại vương, ngài không tin chúng thần, bây giờ Đại vương tính sao?

Vua liền công nhận lời của các kẻ gây hận thù này mà không cần tìm hiểu điều tra gì cả, hốt hoảng hỏi:

– Hiền khanh Senaka, bây giờ phải làm sao đây?

– Tâu Đại vương, phải giết con trai của gia chủ ấy đi, không được trì hoãn, không được tiết lộ với ai.

– Nay Senaka, không ai lưu tâm đến quyền lợi của trăm ngoài hiền khanh. Vậy hiền khanh hãy đem thân hữu đến đợi ở cửa, sáng mai con trai của gia chủ đến châu trầm, hãy lấy kiếm chặt đầu gã đi!

Nói xong, vua trao cho họ thanh bảo kiếm của mình.

– Tâu Đại vương, tuyệt quá! Đại vương chớ sợ gì, chúng thần quyết giết nó cho được.

Họ đồng bước ra và nói:

– Chúng ta đã tống cổ được kẻ thù đi rồi.

Và họ ngồi trên ống dẫn nước. Rồi Senaka hỏi:

– Này các hiền hữu, ai sẽ hạ thủ thằng con trai của gia chủ đó?

Các vị kia đáp:

– Thưa Đại sư, chính ngài, hãy hạ thủ!

Họ giao trách nhiệm cho lão. Senaka lại hỏi:

– Này các hiền hữu, các vị đã nói rằng nên tiết lộ bí mật với người nọ người kia, vậy các vị đã làm hay nghe thấy chuyện đó chẳng?

– Thưa Đại sư, đừng ngại gì, khi ngài bảo nên tiết lộ bí mật với một thân hữu, vậy chính ngài đã làm điều đó chẳng?

Lão hỏi:

– Điều ấy có liên quan gì đến các vị đâu?

Họ đồng đáp:

– Xin Đại sư cho chúng tiểu đệ biết với!

Lão đáp:

– Giá như đức vua biết chuyện này thì đời ta phải tiêu ma.

– Xin Đại sư đừng sợ, không ai ở đây tiết lộ bí mật của ngài đâu, xin Đại sư cho chúng tiểu đệ biết với!

Senaka liền dùng móng tay gõ vào ống dẫn nước và bảo:

– Nếu thằng nhà quê ấy núp dưới này thì sao?

– Thưa Đại sư, thằng nhãi ấy đang hưởng vinh hoa, đời nào lại bò xuống dưới chỗ này làm gì? Chắc nó đang mê mẩn trong cảnh phú quý rồi, xin Đại sư nói đi!

Senaka liền kể bí mật của mình ra:

– Các vị có biết cô ả bán phấn nọ trong kinh thành này chẳng?

– Thưa Đại sư, chúng đệ có biết.

– Giờ đây có ai thấy ả chẳng?

– Thưa Đại sư, không.

– Trong khóm sālā kia, ta đã ân ái cùng ả, sau đó giết ả đi để lấy nữ trang, ta đã buộc thành một gói đem về nhà treo trên chiếc ngà voi để trong phòng kia của tầng lầu nọ, nhưng ta chưa dùng chúng được cho đến khi câu chuyện chìm đi, ta đã tiết lộ tội ác này với một người bạn. Người này không nói với ai nữa nên ta mới bảo là có thể tiết lộ bí mật với bạn.

Bậc Trí giả nghe chuyện bí mật của Senaka liền ghi nhớ thật kỹ. Sau đó, Pukkusa kể bí mật của lão:

– Trên đùi đệ có một vết hủi lở. Buổi sáng, em trai của đệ rửa ráy nó xong, bôi thuốc rồi băng lại mà chẳng hề nói với ai. Những khi đức vua yếu lòng, ngài kêu lên: “Này Pukkusa đến đây!” Và ngài thường đặt đầu lên đùi của đệ, nhưng

nếu ngài biết, chắc ngài giết đệ mất. Chẳng ai biết trừ em trai của đệ, vì thế đệ nói: “Có thể kể chuyện bí mật với anh em.”

Kāvinda lại kể chuyện bí mật của lão:

– Về phần đệ, trong nửa tháng tới trời vào ngày trai giới, một con yêu quý tên Naradeva cứ cắn lấy đệ và đệ sữa như chó dại. Đệ kể chuyện với con trai đệ nên con trai đệ mỗi khi thấy đệ bị quỷ ám liền trói đệ trong nhà rồi đóng cửa lại, tổ chức đám hội đông đảo để che lấp tiếng sữa ồn ào của đệ. Vì thế, đệ mới nói là có thể tiết lộ bí mật với con trai.

Sau đó, cả ba vị hỏi Devinda và ông tiết lộ bí mật:

– Đệ là viên tuần tra các đồ trang sức của đức vua và đệ đã trộm một viên ngọc thần ban phúc lộc, đó là tặng vật của Thiên chủ Sakka ban cho Vua Kusa và đệ đã đem về cho mẹ. Mỗi khi đệ vào cung, mẹ của đệ lại trao cho đệ mà không nói với ai. Nhờ có viên ngọc ấy, đệ tràn đầy phúc phận mỗi khi vào cung. Đức vua ban phát cho đệ trước các vị, mỗi ngày cho đệ tiêu dùng tám, hoặc mười sáu, hoặc ba mươi hai, hoặc sáu mươi bốn đồng tiền. Nếu đức vua biết đệ lấy viên ngọc ấy, chắc đệ phải chết mất! Vì lẽ đó, đệ bảo chuyện bí mật có thể nói với mẹ.

Bậc Đại sĩ ghi nhớ cẩn thận mọi chuyện bí mật của họ. Còn bọn họ, sau khi tiết lộ bí mật như thể mổ bụng phơi bày gan ruột rồi liền đứng dậy đi về, bảo nhau:

– Chắc chắn chúng ta phải đến sớm mà giết thằng khốn đó mới được!

Khi họ đi rồi, quân hầu của bậc Trí giả đến lật ống dẫn nước lên đưa bậc Đại sĩ về nhà. Ngài tắm rửa thay áo quần, ăn uống xong xuôi và ngài biết rằng chị ngài, Hoàng hậu Udumbarā ngày hôm ấy sẽ gửi cho ngài một thông điệp từ hoàng cung nên ngài cử người thân tín ra canh chừng, bảo người ấy thấy ai từ hoàng cung đến phải đưa vào trong lập tức. Rồi ngài nằm ngủ trên giường.

Lúc ấy, vua cũng nằm trên vương sàng nhớ lại công đức của bậc Trí giả: “Trí giả Mahosadha đã phụng sự ta từ khi mới bảy tuổi, chưa bao giờ làm gì sai trái cả. Khi vị thiên nam hỏi ta, giá như không có Trí giả thì ta đã chết rồi. Nay ta tin theo lời các kẻ báo thù, trao kiếm cho chúng rồi ra lệnh giết bậc Trí giả vô thượng, thật là chuyện ta chẳng nên làm, từ ngày mai ta chẳng còn thấy bậc Trí giả nữa.” Ngài buồn bã, mồ hôi đổ ra như tắm, lòng nặng trĩu ưu phiền, ngài cảm thấy bất an. Hoàng hậu Udumbarā ở bên cạnh ngài trên vương sàng, thấy tâm trạng ngài như vậy liền hỏi:

– Tâu Đại vương, thần thiếp có làm gì xúc phạm đến Đại vương chăng? Chẳng hay việc gì khiến Đại vương sầu muộn?

Rồi bà ngâm kệ:

Vì sao lo lắng, tâu Quân vương?

Thần thiếp chẳng nghe giọng Chúa công,

Hoàng thượng nghĩ gì sinh khổ não,
Có gì làm lỗi, thiếp làm chăng?

Vua liền ngâm kệ:

Lệnh mai, Trí giả Mahosadha,
Phải bị giết ngay vì đức vua,
Đệ nhất Hiền nhân, ta xử trảm,
Khi ta nghĩ vậy, trí buồn lo,
Không gì làm lỗi từ khanh cả,
Hỡi Ái hậu yêu dấu của ta!

– Nghĩ đến việc này, trẫm buồn phiền lắm, ái khanh không có lỗi gì!

Nghe xong, nỗi sầu muộn âu lo vì bậc Đại sĩ đề lên nặng bà như đá tảng, bà nghĩ thầm: “Ta biết kế an ủi đức vua rồi, khi ngài ngủ ta sẽ gửi thông điệp cho em ta.” Bà liền thưa:

– Tâu Đại vương, chính nhờ Đại vương trọng dụng mà gã thường dân ấy được lên đài vinh quang, Đại vương phong gã làm Tổng tư lệnh. Bây giờ, họ bảo gã đã trở thành kẻ thù của Đại vương. Không có kẻ thù nào không đáng kể đâu, phải giết gã đi, vậy xin Đại vương đừng ưu phiền!

Nàng cứ thế an ủi vua, khiến nỗi buồn của vua vơi dần và ngài ngủ thiếp đi, Hoàng hậu Udumbarā liền trở dậy về phòng, bà viết thư báo tin như sau: “Mahosadha, bốn vị trí giả đã vu cáo hiền đệ khiến đức vua phẫn nộ, ngày mai ra lệnh giết hiền đệ tại cửa cung. Vậy đừng vào cung sáng mai, hoặc hiền đệ có đến thì phải đặt toàn kinh thành dưới quyền điều khiển của hiền đệ.” Bà đặt thư trong gói kẹ, buộc dây, bỏ vào một cái bình mới, gói xong dán kín lại, trao cho một nữ tỳ và dặn:

– Đem gói kẹ này cho em ta.

Nàng ấy tuân lệnh. Không có gì đáng nghi chuyện nàng ấy ra khỏi cung ban đêm, vì vua đã ban đặc ân này cho hoàng hậu nên không ai cản trở nàng. Bò-tát nhận được quà tặng ấy rồi bảo tỳ nữ ra về. Nàng này về tường trình việc đã giao xong, lúc ấy hoàng hậu trở lại nằm cạnh vua. Bò-tát mở gói kẹ, đọc thư xong hiểu rõ mọi chuyện. Sau khi tính toán mọi việc phải làm, ngài đi nghỉ.

Sáng hôm sau, bốn vị trí giả cầm kiếm đứng ở cung môn, nhưng không thấy bậc Trí giả, họ thất vọng buồn bã đi vào yết kiến vua. Vua hỏi:

– Nay, tên khốn kiếp ấy đã bị giết chưa?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chúng thần không thấy gã đâu cả.

Còn bậc Đại sĩ, lúc tảng sáng, nắm toàn binh lực trong tay, cử quân bảo vệ khắp nơi, rồi ngài lên xe cùng đoàn tùy tùng rầm rộ uy nghi tiến vào cung môn. Vua đứng nhìn ra từ cửa sổ. Khi ấy, bậc Đại sĩ xuống xe liền vái chào vua và vua nghĩ thầm: “Nếu gã là kẻ thù của ta thì gã đã không vái chào ta.” Rồi vua

cho mời ngài vào xong ngồi trên ngai. Bậc Đại sĩ bước vào, ngồi qua một bên, bốn vị hiền thần cũng ngồi xuống đó. Vua làm như thể không biết chuyện gì cả, ngài bảo:

– Nay vương nhi, hôm qua vương nhi bỏ ra về, hôm nay lại đến đây, tại sao vương nhi thờ ơ đối với ta như vậy?

Rồi vua ngâm kệ:

Chiều tối hôm qua, con đã đi,
Bây giờ lại đến, hỡi vương nhi!
Điều gì lo sợ trong tâm trí,
Hoặc giả con nghe nói những gì?
Ai bảo con làm, này Trí giả,
Nào ta lắng đợi, nói ngay đi!

Bậc Đại sĩ bảo:

– Tâu Đại vương, Đại vương đã nghe lời bốn vị trí giả này, ra lệnh giết tiểu thần vì thế tiểu thần không đến.

Rồi ngài ngâm kệ trách vua:

Bậc Hiền trí Mahosadha,
Phải bị giết ngay, nếu tối qua,
Ngài kể chuyện này cho chánh hậu,
Thì điều bí mật bị phơi ra!

Vua nghe vậy giận dữ nhìn hoàng hậu, cho rằng có lẽ bà đã nhấn tin này cho ngài. Thấy vậy, bậc Đại sĩ bảo:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương nổi thịnh nộ với hoàng hậu? Tiểu thần biết việc quá khứ, hiện tại và vị lai mà. Giả sử hoàng hậu tiết lộ bí mật của Đại vương thì ai tiết lộ bí mật của các vị Senaka, Pukkusa và đồng bọn? Nhưng tiểu thần đều biết hết cả.

Rồi ngài kể chuyện bí mật của Senaka qua câu kệ:

Tội ác bạo tàn Senaka,
Đã làm trong bụi rậm sāla,
Lão cho bạn biết nơi thâm kín,
Thần đã nghe cơ mật lộ ra.

Nhìn Senaka, vua hỏi:

– Có thật không Senaka?

– Tâu Đại vương, có thật.

Vua ra lệnh bắt giam lão lại. Rồi bậc Trí giả kể chuyện bí mật của Pukkusa qua vần kệ:

Trong người này, lão Pukkusa,
Có một bệnh không thích hợp cho,

Một đấng quân vương nào đặng chạm,
 Lão đem bí mật nói riêng tư,
 Cho em mình biết điều thâm kín,
 Thần đã nghe được tiết lộ ra.

Vua nhìn lão và hỏi:

– Có đúng không Pukkusa?

– Tâu Đại vương, đúng.

Vua lại bắt giam lão. Rồi bậc Trí giả kể bí mật của Kāvinda qua vần kệ:

Kẻ kia bệnh hoạn, tính tà gian,
 Bị quý Nara ám ảnh tâm,
 Lão nói cho con điều bí mật,
 Thần nghe bí mật bị phơi trần.

Vua hỏi:

– Có đúng không Kāvinda?

Lão đáp:

– Tâu Đại vương, đúng.

Vua lại bắt giam lão. Bây giờ, bậc Trí giả nói chuyện bí mật của Devinda qua vần kệ:

Bát giác ngọc thần ấy thuở xưa,
 Thượng hoàng được tặng bởi Sakka,
 Devinda giữ trong tay lão,
 Lão kể chuyện kia với mẹ già,
 Trong chỗ kín thần nghe thấy được,
 Điều cơ mật ấy được phơi ra.

Vua hỏi:

– Có đúng không Devinda?

Lão đáp:

– Tâu Đại vương, đúng.

Thế là vua bắt giam lão. Như vậy, những kẻ âm mưu giết Bồ-tát đều bị giam cầm. Bồ-tát lại nói:

– Tâu Đại vương, vì thế tiểu thần bảo là ta không nên tiết lộ bí mật với ai cả. Kẻ nào bảo phải tiết lộ bí mật, kẻ đó sẽ bị tổn thất nghiêm trọng.

Rồi ngài ngâm các vần kệ tuyên thuyết đạo lý cao siêu hơn:

Giữ điều bí mật mới là hay,
 Bí mật không nên được tỏ bày,
 Người trí phải duy trì bí mật,
 Khi người thành tựu mục tiêu này,

Thì người hãy nói như mình muốn,
Vây chớ phơi ra bí mật vầy,
Phải giữ nó như kho bảo vật,
Người khôn chẳng lộ việc riêng tư,
Người trí chẳng nên nói lộ ra,
Một điều bí mật với đàn bà,
Vớ cừu địch, người ham tư lợi,
Hoặc bởi tình thân ái thiết tha.
Người tiết lộ ra điều bí mật,
Vì lo sợ bạn chẳng tin ta,
Về sau phải chịu làm nô lệ,
Cho chính kẻ kia, thật đại khờ!
Càng nhiều người biết chuyện riêng tư,
Càng có thêm nhiều mối sợ lo,
Vây chẳng nên phơi bày bí mật,
Ban ngày hãy đến một nơi xa,
Nói điều bí mật, còn đêm tối,
Hãy nói giọng nhỏ nhỏ ấy mà,
Vì lắm người nghe lời nói ấy,
Nên lời ấy thoáng chốc tuôn ra.

Khi vua nghe bậc Đại sĩ nói xong liền nổi trận lôi đình và nghĩ thầm: “Các tên kia phản bội quân vương mà lại bảo bậc Trí giả phản bội ta.” Vua liền bảo:

– Đem chúng ra khỏi thành đóng cọc qua thân chúng hay chặt đầu đi!

Bậc Trí giả thưa:

– Tâu Đại vương, họ là những cự đại thần của Đại vương, xin tha tội cho họ!

Vua chấp thuận, cho họ làm nô lệ, rồi phóng thích họ ra. Vua lại bảo:

– Thôi, chúng không được sống trong quốc độ ta nữa!

Rồi vua ban lệnh đuổi họ đi. Nhưng bậc Trí giả van xin vua tha tội lỗi mù quáng của họ, ngài xoa dịu vua và thuyết phục vua cho họ phục hồi chức vị cũ. Vua rất đẹp ý vì bậc Trí giả đối với các kẻ thù ngài mà ngài từ bi như vậy, huống gì đối với các người khác. Từ đó, bốn vị trí giả kia như rắn mất răng, nọc độc đã hết nên không còn nói gì được nữa.

Chấm dứt *Vấn đề của năm vị Trí giả và Chuyện chia rẽ*.

XV. THUA TRẬN

Sau thời kỳ này, bậc Trí giả thường khuyên cáo vua về thế sự cũng như thánh sự, ngài nghĩ thầm: “Ta thật đúng là chiếc lọng trắng của đức vua, chính ta điều khiển việc nước. Vậy ta phải cảnh giác mới được.”

Ngài truyền xây thành lũy quanh kinh thành. Dọc theo tường thành là các tháp canh. Tại cửa thành giữa các tháp canh, ngài cho đào ba hào, một hào nước,

một hào đất sét và một hào khô. Bên trong kinh thành ngài bảo trùng tu các ngôi nhà xưa cũ, đắp bờ đê thật lớn, làm hồ chứa nước, kho vừa chứa đầy thóc. Các bậc khổ hạnh thân tín phải đem đất sét và hột giống sen ăn được từ vùng Tuyết Sơn về. Các ống nước được chui rửa sạch sẽ, nhà cửa cũ ở ngoài thành cũng được trùng tu. Mọi việc đó được làm để đề phòng hiểm họa trong tương lai. Các thương nhân từ mọi nơi đến đây đều được hỏi họ từ đâu lại, khi họ nói xong, họ được hỏi vua của họ thích gì, họ lại được ân cần tiếp đãi trước khi ra đi.

Rồi ngài cho triệu một trăm lẻ một quân sĩ đến bảo họ:

– Hỡi các binh sĩ của ta, các bạn hãy đem các tặng vật này đến một trăm lẻ một kinh thành, dâng lên các vị vua ở đó để làm đẹp lòng các ngài. Hãy ở lại đó hầu hạ các ngài, làm theo công việc và kế hoạch của các ngài, và nhấn tin về cho ta rõ. Ta sẽ chăm sóc vợ con các bạn!

Ngài trao cho người này các hoa tai, người nọ đôi hài bằng vàng, vòng đeo cổ bằng vàng có khắc chữ lên đó mà ngài định sẽ cho chúng lộ ra khi cần phù hợp với mục đích của ngài. Đám quân sĩ ra đi mọi nơi, đem tặng vật dâng các quốc vương và tâu rằng họ đến để phụng sự các ngài. Khi được hỏi họ từ đâu đến, họ nói tên của các kinh thành khác với nơi họ đã thực sự ra đi. Lễ vật được nhận xong xuôi, họ ở lại đó phục dịch và cố gây dựng lòng tin.

Lúc bấy giờ, tại quốc độ Ekabala⁴⁰ có vị vua danh hiệu Saṃkhaṇḍa⁴¹ đang chiêu mộ binh khí và tập hợp binh chủng. Người đi sứ đến yết kiến vua này liền gửi thông điệp về cho bậc Trí giả, nói: “Ở đây hiện có tin loan như vậy, nhưng vị vua này dự mưu gì thì tiểu thần chưa rõ, xin ngài phái người đến tìm hiểu sự thật của vấn đề này.”

Bậc Đại sĩ liền gọi một con kút và bảo:

– Hiền hữu hãy đi tìm xem Vua Saṃkhaṇḍa đang làm gì ở Ekabala rồi chu du qua khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) và đem tin về cho ta.

Ngài cho nó ăn mật ong và hạt đậu, uống nước ngọt, thoa dầu vào các khớp xương cánh bằng một loại dầu thơm đã lọc cả trăm ngàn lần rồi ngài đứng bên cửa sổ hướng Đông thả nó đi. Con kút đi đến nơi ấy và tìm ra sự thật. Khi nó bay về, nó bay ngang qua toàn cõi Diêm-phù-đề đến kinh thành Uttarapañcāla thuộc quốc độ Kampilla.

Vị vua cai trị xứ này danh hiệu là Cūṇanibrahmadatta có một quân sư về thể sự và thánh sự là một Bà-la-môn tên Kevatta, một bậc Trí giả thông thái. Vị Bà-la-môn ấy, một buổi sáng sớm thức dậy nhìn quanh tư thất tráng lệ của mình dưới ánh sáng ngọn hoa đăng và trong khi nhìn vẻ nguy nga của tư thất, ông nghĩ thầm: “Cảnh huy hoàng này thuộc quyền ai? Chẳng ai hết ngoại trừ Vua Cūṇanibrahmadatta. Một vị vua ban cảnh huy hoàng như thế này phải làm Đại Hoàng đế toàn cõi Diêm-phù-đề và ta sẽ là Đại Sư trưởng của ngài.”

⁴⁰ Bản CST viết Kapila.

⁴¹ Bản CST viết Saṃkhabalaka.

Thế là ông đi châu vua thật sớm, sau khi vấn an vua có được ngon giấc chẳng, ông thưa:

– Tâu Đại vương, tiểu thần có điều này xin tâu trình Đại vương.

– Đại sư cứ nói đi.

– Tâu Đại vương, chuyện bí mật không nên tiết lộ giữa kinh thành, xin hãy vào ngự viên!

– Được rồi, Đại sư.

Vua đi đến ngự viên cùng ông, để quân hầu ở ngoài, vào hoa viên xong, ngài ngồi xuống vương tọa. Con kén trông thấy vậy, nghĩ chắc phải có điều gì dưới kia: “Hôm nay, ta sẽ nghe được câu chuyện để nhấn tin về bậc Trí giả, chủ nhân của ta.” Thế là nó bay vào hoa viên đậu giữa đám lá sālā của hoàng cung. Vua vừa bảo:

– Nói đi, Đại sư.

Ông đáp:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương cúi xuống đây, kẻ này chỉ vừa cho bốn tai nghe thôi. Nếu Đại vương chịu nghe lời tiểu thần khuyên nhủ, tiểu thần sẽ tôn Đại vương lên làm Đại Hoàng đế toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vua nôn nóng nghe nên hoan hỷ đáp:

– Đại sư nói đi, trẫm sẽ làm theo ngay.

– Tâu Đại vương, ta hãy khởi binh, trước tiên tấn công một kinh thành bằng cửa hậu và bảo vua ở đó: “Này Đại vương, Đại vương có chiến đấu cũng chẳng ích gì, hãy về phe tiểu thần, quốc độ của Đại vương xin cứ giữ lấy, còn nếu Đại vương chống lại binh hùng tướng mạnh của tiểu thần thì Đại vương sẽ đại bại.” Nếu vị vua đó làm theo lời khuyên của tiểu thần, ta sẽ thu nhận vị ấy. Nếu không ta sẽ đánh và giết đi, rồi với hai đạo binh ta sẽ đi đánh chiếm một kinh thành khác, rồi một kinh thành khác nữa. Cứ thế ta sẽ thu nhập giang sơn toàn cõi Diêm-phù-đề và nâng chén rượu khải hoàn. Rồi ta sẽ đem cả trăm lẻ một vị vua về thành của ta, xây từa điểm trong ngự viên, bắt các vua ấy vào đó uống độc dược, giết toàn thể và quăng thân xuống sông Hằng. Ta sẽ nắm được cả trăm lẻ một kinh thành trong tay và Đại vương sẽ là chúa tể của toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vua đáp:

– Này Đại sư, thật là diệu kế, ta sẽ làm như vậy.

– Tâu Đại vương, kẻ này chỉ cho bốn tai nghe mà thôi, không ai được biết đến, không nên trì hoãn mà phải tiến hành ngay lập tức.

Vua rất đẹp ý về lời khuyên này nên quyết định làm ngay. Nghe xong câu chuyện này, con kén làm rớt cục phân trên đầu Kevatta như thể từ trên cành cây.

– Cái gì thế này?

Lão vừa kêu vừa nhìn lên, há hốc mồm, con két lại thả thêm một cục phân vào mồm lão vừa bay vụt đi vừa kêu:

– Két két, này Kevaṭṭa, ông tưởng kẻ của ông chỉ có bốn tai nghe thôi ư, nhưng bây giờ là sáu tai nghe rồi, dần dần sẽ đến tám tai và còn cả trăm tai nữa.

– Bắt lấy nó, bắt lấy nó!

Họ la lên, nhưng nhanh như gió, két đã bay về kinh thành Mithilā và vào cung thất của bậc Trí giả. Lúc bấy giờ, két có thói quen như vậy: Nếu là tin riêng từ bất cứ nơi nào chỉ dành cho bậc Trí giả mà thôi thì nó sẽ đậu trên vai ngài, nếu phu nhân Amarā cũng nghe được thì nó đậu trên lòng ngài, nếu cả hội chúng nghe được thì nó đậu dưới đất. Lần này, nó đậu trên vai ngài, thấy dấu hiệu ấy, hội chúng của ngài đều rút lui, biết là chuyện bí mật.

Bậc Trí giả đem nó lên thượng lầu và hỏi:

– Này két yêu quý, bạn đã nghe thấy gì?

Nó đáp:

– Thưa Chúa công, tiểu thần không thấy hiểm họa từ vị vua nào trên toàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng chỉ có Kevaṭṭa, quân sư của Vua Cūlanibrahmadatta tại kinh thành Uttarapañcāla, đem vua vào ngự viên bàn mưu tính kế riêng giữa hai người. Tiểu thần đậu trên cành cây thả cục phân vào mồm lão và bay về đây!

Rồi nó kể cho bậc Trí giả mọi điều nó đã nghe thấy. Ngài hỏi:

– Thế vua có chấp thuận chẳng?

Con két đáp:

– Thưa có.

Sau đó, bậc Trí giả chăm sóc con két thật chu đáo, đặt nó vào cái lồng vàng trải thảm thật êm. Ngài nghĩ thầm: “Chắc Kevaṭṭa không hề biết ta là Trí giả Mahosadha, ta không để cho lão hoàn tất mưu kế được đâu.” Ngài liền đưa đám người nghèo khó ra khỏi kinh thành và đem về từ khắp nơi trong nước, từ thôn quê, ngoại thành đến kinh đô, định cư cho những gia đình giàu có thể lực và thu góp thật nhiều thóc lúa.

Còn Vua Cūlanibrahmadatta làm theo mưu kế của Kevaṭṭa, đem binh đi tấn công một kinh thành. Như lão đã đưa ý kiến, lão vào thành giải thích sự việc cho vua tại đó và chinh phục vị vua ấy. Rồi nhập hai đạo binh lại, Vua Cūlanibrahmadatta theo lời quân sư Kevaṭṭa tiến vào một quốc độ khác, cho đến khi tiêu diệt hết các vua chúa trên toàn cõi Diêm-phù-đề dưới quyền mình, trừ Vua Videha. Quân hầu của Bồ-tát vẫn tiếp tục thông báo tin cho ngài rõ: “Vua Cūlanibrahmadatta đã chiếm các kinh thành kia, xin canh phòng nghiêm mật.” Ngài đáp lại: “Ta vẫn canh phòng ở đây, các người hãy cẩn thận, giữ mình đừng vô tâm, xao lãng.” Trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, Vua Cūlanibrahmadatta xâm chiếm toàn cõi Diêm-phù-đề, trừ quốc độ Videha. Lúc ấy, vua bảo Kevaṭṭa:

– Nay Đại sư, chúng ta hãy đánh chiếm quốc độ Videha ngay chỗ thành Mithilā.

Lão đáp:

– Tâu Đại vương, chúng ta sẽ chẳng bao giờ chiếm được kinh thành bậc Trí giả Mahosadha đang ở, vị ấy đầy tài trí và rất mưu lược.

Rồi lão kể dông dài về tài đức của bậc Đại sĩ như thể vẽ vòng trên mặt trăng. Lúc bấy giờ, chính lão ta cũng đầy mưu trí nên lão nói:

– Kinh thành Mithilā quá nhỏ bé, toàn cõi Diêm-phù-đề cũng đủ cho ta lắm rồi.

Lão an ủi như vậy. Nhưng các vương hầu kia bảo:

– Không, ta sẽ đánh chiếm thành Mithilā rồi hãy nâng chén rượu khai hoàn!

Kevatta lại phải ngăn cản họ, lão bảo:

– Chiếm quốc độ Videha nào có ích gì? Vua đó là chư hầu của ta rồi, trở lui đi!

Lão khuyên cáo họ như vậy. Họ đành nghe theo và rút lui. Quân hầu của bậc Đại sĩ báo cho ngài biết Vua Brahmadatta cùng một trăm lẻ một vị vua khác đang tiến tới Mithilā đã rút lui về kinh thành của họ. Ngài trả lời, bảo họ phải quan sát kỹ những việc mà vua này làm.

Lúc bấy giờ, Vua Brahmadatta bàn tính với Kevatta những việc làm kế tiếp. Đây hy vọng sẽ nâng chén rượu khai hoàn, họ trang hoàng ngự viên, cho thị vệ đem rượu cả ngàn bình bày yến tiệc linh đình đầy sơn hào hải vị. Quân của bậc Trí giả cũng báo tin này cho ngài biết mưu kế đầu độc các vua bại trận, nhưng bậc Đại sĩ đã biết nhờ con kết kế lại với ngài. Ngài liền gửi lệnh bảo họ phải báo cho ngài biết ngày tổ chức đại lễ. Họ tuân lệnh. Lúc ấy, ngài nghĩ thầm: “Nhiều vị vua phải chết như vậy trong lúc một kẻ có trí như ta còn sống là điều không hợp lý. Ta phải cứu giúp họ mới được.” Ngài cho một ngàn chiến sĩ cùng quê với ngài đến và bảo họ:

– Nay các hiền hữu, có người cho ta biết vào ngày kia Vua Cūḷanibrahmadatta muốn trang hoàng ngự viên để đối ẩm cùng một trăm lẻ một vị vua khác. Các hiền hữu hãy đến đó và trước khi có người nào ngồi xuống bảo tọa dành cho các vị vua, các vị hãy chiếm lấy chỗ danh dự kế Vua Cūḷanibrahmadatta, bảo: “Chỗ này dành cho Đại vương của chúng thần.” Khi họ hỏi các bạn là người của ai, xin cứ bảo với họ là người của Vua Videha. Họ sẽ la lớn lên: “Sao, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, chúng ta đã chinh phục mọi quốc độ mà chưa lần nào chúng ta thấy Đại vương Videha của các người. Vị vua ấy ra sao? Hãy đi tìm chỗ vua ấy ở cuối bàn tiệc!” Các bạn phải la ầm ồ lên và bảo: “Trừ Vua Brahmadatta ra, không vị vua nào cao hơn Đại vương của chúng ta cả. Nếu chúng ta không tìm được bảo tọa cho Đại vương của chúng ta thì chúng ta sẽ không đề yên cho quý Đại vương hưởng yến tiệc đâu!” Rồi cứ thế la hét nhảy

nhót khắp nơi, lầy gầy lớn đập các bình rượu, làm vung vãi thức ăn ra để không thể nào ăn được nữa, cứ chạy vùn vụt qua lại đám tiệc ấy gây náo loạn như thể các thần asura đánh chiếm kinh thành của chư thiên và gọi to lên: “Chúng ta là người của bậc Trí giả Mahosadha ở thành Mithilā, có giỏi thì cứ bắt chúng ta đi.” Như thế cho họ biết các hiền hữu đã đến đó, rồi trở về đây.

Họ tuân lệnh ra đi, đem đủ năm loại vũ khí và khởi hành. Họ vào ngự viên đã được trang hoàng chẳng khác nào vườn Nandana trên thiên giới, ngắm mọi cảnh nguy nga lộng lẫy, các bảo tọa dành cho một trăm lẻ một vị vua, các lọng trắng được giương lên cùng nhiều bảo vật khác. Họ làm theo lời dặn của bậc Đại sĩ, sau khi gây náo loạn giữa đám tiệc xong, họ trở về Mithilā.

Thị vệ của nhà vua tâu trình mọi sự việc xảy ra, Vua Cūlanibrahmadatta nổi trận lôi đình vì mưu kế đầu độc các quốc vương kia đã hỏng, trong khi các quốc vương kia lại thịnh nộ vì không được uống chén rượu khải hoàn, quân sĩ cũng thịnh nộ vì lỡ dịp chèn chén thỏa thích. Vì vậy, Vua Brahmadatta bảo các quốc vương kia:

– Nay các hiền hữu, ta hãy cùng đến thành Mithilā chém đầu vua xứ Videha, đập chân lên đầu nó rồi trở về nâng chén khải hoàn, bảo ba quân hãy sẵn sàng!

Rồi vị vua này đi nói riêng với Kevatta:

– Nay, ta sẽ bắt lấy kẻ thù đã phá hoại diệu kế này với một trăm lẻ một quốc vương và mười tám đạo binh hùng hậu, ta sẽ đánh chiếm kinh thành đó. Mau lên Đại sư!

Nhưng lão Bà-la-môn này đủ trí khôn để hiểu rằng họ sẽ không bao giờ bắt được bậc Trí giả Mahosadha mà chỉ chuốc lấy nhục nhã thôi, phải can gián vua mới được. Vì thế, lão nói:

– Tâu Đại vương, vua xứ Videha này không tài hùng trí dũng đâu, mọi việc trị dân đều ở trong tay bậc Trí giả Mahosadha, vị này rất thế lực. Thành Mithilā được vị này bảo vệ chẳng khác nào con sư tử bảo vệ hang động của nó, không ai chiếm được đâu. Chúng ta sẽ chuốc lấy nhục nhã mà thôi. Đại vương đừng suy nghĩ đến việc đi đánh nữa!

Nhưng vua này đang bị kích động do tánh kiêu ngạo của Sát-đế-ly liền nói:

– Gã ấy làm gì được?

Rồi vua tiến lên cùng với một trăm lẻ một vị quốc vương và mười tám đạo binh hùng hậu. Kevatta không thể nào thuyết phục được vua nghe theo mình và cho rằng cản trở vua cũng hoài công nên đành đi theo.

Nhưng một đêm kia, các chiến sĩ về đến thành Mithilā tường trình với bậc Trí giả mọi việc đã xảy ra. Và các quân hầu mà ngài đã gửi đi phục dịch trước kia cũng nhắn tin rằng: “Vua Cūlanibrahmadatta đang cùng một trăm lẻ một vị quốc vương tiến lên đánh bắt vua xứ Videha, Trí giả phải đề phòng cẩn mật!” Hôm nay vua đang ở chốn này, hôm nay họ đã đến chỗ kia, hôm nay họ sẽ đến

kinh thành. Các thông điệp gửi về cho Trí giả tới tập. Nghe vậy, bậc Đại sĩ tăng cường phòng vệ gấp đôi. Vua xứ Videha nghe tin đồn đãi khắp nơi rằng Vua Brahmadatta đang tiến quân đến chiếm kinh thành.

Bấy giờ, trời mới sẩm tối, Vua Brahmadatta bao vây kinh thành bằng ánh sáng cả trăm ngàn ngọn đuốc. Vua này lại xiết chặt vòng vây bằng những hàng rào voi ngựa, chiến xa và sắp đặt từng đoàn quân sĩ vào những khoảng cách đều nhau. Họ đứng đó la hét, búng tay, reo hò, nhảy múa, kêu gào dưới ánh sáng của ngọn đuốc và ánh phản chiếu của vũ khí. Toàn kinh thành Mithilā như một đám lửa bùng sáng suốt bảy do-tuần, tiếng voi ngựa, xe pháo và người ta ầm ĩ làm mặt đất cũng muốn nứt ra. Bốn vị trí giả nghe những tiếng âm thanh vang dội như thế, không biết phải xử trí ra sao liền yết kiến vua:

– Tâu Đại vương, có cảnh tượng đại náo loạn mà chúng thần không biết chuyện gì, xin Đại vương hỏi xem sao?

Nghe vậy, vua nghĩ: “Chắc chắn Cūlanibrahmadatta đã đến.” Ngài mở cửa sổ nhìn ra, khi ngài thấy vị vua kia đã đến thật thì hốt hoảng bảo họ:

– Chúng ta sắp chết rồi, ngày mai, chắc chắn chúng sẽ giết sạch chúng ta!

Vua quan cứ ngồi bàn bạc như vậy. Còn bậc Đại sĩ khi thấy vua kia đã đến, ngài oai dũng như con sư tử, sắp đặt quân phòng vệ khắp kinh thành rồi đi lên cung điện trấn an vua. Vái chào vua xong, ngài đứng sang một bên. Vua phấn khởi khi thấy ngài, nghĩ thầm: “Không ai có thể cứu ta được ngoại trừ bậc Trí giả Mahosadha.” Rồi vua nói với ngài như sau:

590. Vua Brahmadatta đến từ xa,
Cùng với đạo binh xứ Pañcāla,
Tất cả họ, lượng nhiều vô số kể,
Hãy nhìn xem, này Mahosadha!

591. Bộ binh đông đúc sắp thành hàng,
Thiện chiến dày công các chiến trường,
Hò hét, xông pha, hùng hực khí,
Tù và, tiếng trống, giục rền vang.

592. Áo giáp và binh khí sáng ngời,
Tả thì có tượng, kỵ binh, kỳ,
Họ rành tài nghệ nơi chinh chiến,
Dũng sĩ đông nhiều, bổ trận hay.

593. Trí giả có mười vị ở đây,
Uyên thâm, mưu lược thật sâu dày,
Có thêm thái hậu, vị mười một,
Có văn đạo quân Pañcāla.

594. Một trăm lẻ một Khattiya,
Là các vương hầu vang tiếng xa,

Nước bị chiếm và bị thống trị,
Dưới quyền lực của Pañcāla.

595. Họ theo phò trợ cho quân vương,
Miễn cưỡng dù lời ngài dễ thương,
Bị buộc theo hầu vua nước ấy,
Vì giờ họ dưới trướng, đơn phương.

596. Đạo quân ấy đến Mithilā,
Các phía sắp bày ba đợt vây,
Thành của Videha thất thủ,
Đạo quân tiến đánh khắp thành đây.

597. Các hướng bị vây phủ tấn công,
Tựa muôn sao sáng ở trên không,
Này Mahosadha, khanh nghĩ,
Xem có cách nào giải cho xong?

Khi bậc Đại sĩ nghe vậy, ngài nghĩ thầm: “Vua này quá lo sợ cho mạng sống của mình. Lương y là nơi an trú của bệnh nhân, thức ăn là nơi an trú của người đói, thức uống là nơi an trú của người khát, nhưng chỉ mình ta là nơi an trú của vua này, ta phải trấn an ngài mới được.” Rồi chẳng khác nào con sư tử gầm thét trên cao nguyên Hồng Thổ (Manosīlata) ở Tuyết Sơn, ngài la to:

– Xin Đại vương chớ sợ, xin cứ an hưởng cảnh cung đình. Như tiểu thần thường ném hòn đất dọa con quạ, lấy cung dọa con khỉ, thần sẽ giải tán đạo quân ấy, cho chúng không còn một manh giáp nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

598 Đại vương hãy đuổi thẳng đôi chân,
Mở hội vui chơi, tiệc uống ăn,
Chốc lát Brahma, vua địch ấy,
Sẽ đào tẩu bỏ mặc binh hùng.

Sau khi trấn an vua, bậc Trí giả ra ngoài ban lệnh đánh trống hội khắp kinh thành cùng với lời huấn dụ:

– Nghe đây, toàn dân chớ kinh sợ. Hãy sắm sửa tràng hoa, hương trầm, nước hoa, thức ăn uống mở hội trong bảy ngày. Dân chúng muốn ở đâu tùy ý, uống rượu thật say sưa, ca múa vui chơi, gào thét, nô đùa, búng tay tùy thích, mọi phí tổn ta sẽ chịu hết. Ta là Trí giả Mahosadha, hãy xem oai lực của ta đây!

Cứ thế ngài khích lệ toàn dân. Họ vâng lệnh ngài, người bên ngoài nghe tiếng ca nhạc tung bừng, người ta ra vào bằng cửa hậu. Lúc bảy giờ, họ không có tục lệ bắt kẻ lạ mặt trừ ra kẻ thù địch cho nên lối ra vào mở ngỏ. Do đó, những kẻ này thấy dân chúng đang mải mê vui đùa ca hát, còn Vua Cūlanibrahmadatta nghe tiếng ồn ào trong kinh thành liền bảo quần thần:

– Nay các khanh, xem đây quân ta bao vây kinh thành này với mười tám đạo binh hùng hậu, thế mà dân chúng không tỏ vẻ lo âu sợ hãi, lại còn vui chơi thỏa thích, ca hát, búng tay, nhảy nhót tung bừng, thế là nghĩa lý gì?

Lúc ấy, các quân hầu được ngài gửi đi phục dịch ở nước ngoài trước đây liền nói dối như sau:

– Tâu Đại vương, chúng thần có việc vào thành bằng cửa hậu, thấy dân chúng đang mãi mê vui chơi đã hỏi: “Tại sao các người quá vô tâm chảnh mảng trong khi tất cả quân vương toàn cõi Diêm-phù-đề đang bao vây kinh thành của các người?” Họ liền đáp: “Khi quốc vương của chúng ta còn bé, ngài có ước nguyện tổ chức hội hè khi nào tất cả quốc vương toàn cõi Diêm-phù-đề đến bao vây kinh thành. Bây giờ ước nguyện đã thành nên ngài liền ban lệnh khắp nơi và chính ngài cũng tổ chức hội hè ở trong cung.”

Nghe vậy, vị vua này nổi trận lôi đình, gọi một đoàn quân ra ban lệnh:

– Hãy phân tán ra khắp kinh thành, lấp hào phá thành, san bằng tháp canh, vào thành chặt đầu vua xứ Videha đem đến đây cho ta!

Thế là các chiến sĩ dũng cảm trang bị đủ loại vũ khí, rầm rộ tiến vào cổng thành, nhưng bị đàn áp phải lui lại vì quân của bậc Trí giả với vũ khí nóng đỏ rực, ném bùn, đá như mưa rào. Khi họ đứng dưới hào phá tường, quân lính trên tháp canh chống trả bằng cung tên, lao, giáo bắn xuống. Quân của bậc Trí giả vừa chế nhạo quân của Vua Brahmadata bằng bộ điệu tay chân vừa la lớn:

– Nếu các người không bắt được ta thì hãy ăn uống một tí nào!

Họ giờ ra những chén rượu nồng và xiên cá thịt mà họ đang ăn uống dạo chơi quanh tường. Quân địch không làm gì được, đành trở về trình với Vua Cūḷani:

– Tâu Đại vương, chẳng ai vào thành được trừ khi kẻ có thần thông.

Vua kia đợi bốn, năm ngày không tìm được kế gì chiếm thành như ý muốn, lại hỏi Kevatta:

– Nay Đại sư, ta không thể chiếm thành này, không ai có thể đến gần thành được cả, làm sao bây giờ?

– Tâu Chúa thượng, đừng ngại gì, kinh thành này lấy nước từ bên ngoài, ta sẽ cắt nguồn nước và chiếm được thành. Chúng sẽ kiệt quệ vì thiếu nước và sẽ mở cửa thành.

Vua đáp:

– Thật là diệu kế!

Sau đó, họ cản trở dân chúng đến gần nguồn nước. Quân do thám của bậc Trí giả viết tin trên một ngọn lá buộc vào mũi tên bắn đi nhấn cùng ngài rõ. Lúc bấy giờ, ngài đã ra lệnh hễ ai thấy ngọn lá buộc vào mũi tên phải đem dâng ngài. Một người thấy vật này liền đem trình bậc Trí giả. Ngài đọc tin xong, nghĩ

thăm: “Vua ấy không biết ta là bậc Trí.” Ngài cho lấy những thanh tre dài chừng sáu mươi *cubit*⁴² chẻ đôi ra, bỏ hết các mắt, làm sạch sẽ trắng trẻo rồi cột lại, bọc da bên ngoài và trét bùn lên.

Ngài lại cho lấy đất và hột sen do các ẩn sĩ đem về từ Tuyết Sơn trồng trong bùn bên cạnh hồ nước, đặt tre lên và đổ đầy nước vào. Qua một đêm sen mọc và trổ hoa, cao hơn đợt tre chừng ba tấc. Ngài nhờ lên đưa cho quân hầu mang đến dâng Vua Cūlanibrahmadatta. Họ cuộn tròn cọng sen lại ném qua thành, kêu to:

– Nay quân hầu của Vua Brahmadatta, đừng để chết đói vì thiếu lương thực. Đây ta cho các người mang hoa lên và ăn ngó sen vào cho đầy bụng.

Một người trong đám quân do thám của bậc Trí giả lượm cọng sen mang vào dâng vua:

– Tâu Đại vương, đây là cọng sen, chưa bao giờ có cọng sen dài như thế này cả.

Vua bảo:

– Đo thử xem.

Những người của bậc Trí giả đo cọng sen sáu mươi *cubit* thành tám mươi *cubit*. Vua hỏi:

– Sen này mọc ở đâu?

Một người bịa chuyện đáp:

– Tâu Đại vương, một ngày nọ vì thèm rượu, tiểu thần vào thành bằng cửa hậu và thấy các hồ nước lớn được đào cho dân chúng vui chơi. Có một đám người trên thuyền đang hái sen. Cây sen này mọc cạnh bờ hồ, chứ còn những cây mọc dưới nước sâu chắc phải cao cả trăm *cubit*.

Nghe vậy, vua bảo Kevatta:

– Nay Đại sư, ta không thể chiếm thành bằng cách cắt nguồn nước đâu, thôi đừng cố đánh chiếm thành này nữa.

Lão đáp:

– Thôi được, ta sẽ chiếm thành bằng cách cắt nguồn lương thực vì kinh thành này lấy lương thực từ ngoài vào.

– Nay Đại sư, cứ như vậy!

Bậc Trí giả đã biết trước việc này nên nghĩ thầm: “Bà-la-môn Kevatta ấy không biết ta là bậc Trí.” Dọc theo tường thành, ngài đổ đất bùn và trồng lúa. Ước nguyện của Bồ-tát bao giờ cũng đạt thành nên qua một đêm lúa mọc vượt lên cả tường thành. Vua Cūlanibrahmadatta thấy vậy liền hỏi:

– Nay hiền hữu, cây gì mọc xanh um trên cả tường thành vậy?

⁴² 60 *cubit* tức gần 30m.

Quân do thám của bậc Trí giả đáp lại ngay như thể chụp lấy lời nói của vị vua này:

– Tâu Đại vương, bậc Trí giả Mahosadha là con nhà nông, đã thấy trước tai họa sắp đến nên đã thu góp thóc khắp nơi về chứa đầy kho vựa, ném đồ dư thừa trên tường thành, chắc chắn lúa này gặp đủ nắng mưa nên mọc cây rất nhanh. Một bữa nọ, chính tiểu thần có việc vào thành bằng cửa hậu, lượm một nắm thóc trong đồng thóc trên thành vãi ra đường liền bị dân chúng chế nhạo, la lên: “Chắc anh đói lắm, vậy hãy lấy một ít thóc buộc vào chéo vạt áo mà đem về nhà nấu ăn!” Nghe vậy, vua bảo Kevatta:

– Nay Đại sư, cắt nguồn lương thực ta cũng không chiếm được thành này đâu, việc đó không đúng cách.

– Tâu Đại vương, thế thì ta sẽ chiếm thành bằng cách cắt nguồn cung cấp than củi từ bên ngoài.

– Được rồi, Đại sư.

Trí giả cũng đã biết trước chuyện này nên ngài cho chặt củi thành đống, cao hơn cả lúa nơi tường thành. Người của Trí giả lại chế nhạo quân lính của Vua Cūlanibrahmadatta, bảo:

– Nếu các anh đói thì lấy củi này mà nấu nướng thức ăn.

Vừa nói, họ vừa ném những thanh củi lớn xuống. Vua hỏi:

– Củi nào chất cao hơn cả tường thành vậy?

Các thám tử đáp:

– Vị này con nhà nông thấy được hiểm họa sắp đến nên thu góp than củi chất đống trước mọi nhà, còn thừa ngài chất bên lề thành đó.

Vua bảo Kevatta:

– Nay Đại sư, ta cũng không thể chiếm thành bằng cắt nguồn than củi đâu, kế này chẳng cần thiết nữa.

– Tâu Đại vương chớ ngại, tiểu thần đã có cách khác.

– Kế gì vậy Đại sư? Trẫm thấy các mưu kế của khanh đều không có kết quả gì, ta không thể chiếm được thành Videha đâu. Thôi ta hãy rút quân về!

– Tâu Đại vương, nếu có ai bảo Vua Cūlanibrahmadatta cùng một trăm lẻ một vị quốc vương không chiếm nổi thành Videha thì chúng ta sẽ mang nhục mà thôi. Mahosadha không phải là một trí giả duy nhất trên đời vì tiểu thần cũng là trí giả, tiểu thần sẽ dùng mưu lược.

– Mưu gì vậy, Đại sư?

– Chúng ta sẽ bày trận pháp chiến.

– Thế nào gọi là pháp chiến?

– Tâu Đại vương, là không cần đánh trận nào cả, chỉ có hai trí giả của hai vị vua đến một nơi nào đó, và kẻ nào cúi chào người kia sẽ bị bại trận. Mahosadha

không biết ý định này, tiểu thần già hơn, gã ấy trẻ tuổi hơn nên khi gã thấy tiểu thần, gã sẽ chào trước, khi ấy nước Videha sẽ thua. Sau khi chinh phục được nước Videha, ta sẽ hồi hương và như vậy ta mới khỏi bị nhục. Đó là pháp chiến mà tiểu thần muốn tâu trình.

Nhưng Trí giả đã biết trước chuyện bí mật này rồi: “Nếu ta để cho Kevatta thắng ta như vậy thì ta đâu phải là người có trí.” Còn Vua Cūlanibrahmadatta bảo:

– Thật là đại diệu kế!

Rồi vua viết thông điệp gửi cho Vua Videha bằng cửa hậu, báo tin: “Ngày mai sẽ có trận pháp chiến giữa hai vị trí giả, vị nào không chịu tham chiến được xem như bại trận.”

Nhận được thông điệp này, Vua Videha cho triệu bậc Trí giả đến kể chuyện, ngài đáp:

– Hay lắm, tâu Đại vương, xin Đại vương truyền sứ giả đưa tin chuẩn bị sẵn sàng nơi chốn dành cho trận pháp chiến bên cổng Tây, sáng sớm mai sẽ dàn binh ở đó!

Rồi ngài trao bức thông điệp cho sứ giả và hôm sau chuẩn bị nơi dành cho trận pháp chiến ở cổng Tây để chứng kiến cảnh thảm bại của Kevatta. Nhưng cả một trăm lẻ một vị quốc vương không biết chuyện sẽ xảy ra nên vây quanh Kevatta để bảo vệ lão. Một trăm lẻ một vua này đến nơi chiến địa, đứng nhìn về phía Đông, nơi Trí giả Kevatta đã đến. Sáng hôm đó, Bò-tát đã tắm rửa nước thơm, mặc cẩm bào Kāsi trị giá cả trăm ngàn đồng tiền, trang sức lộng lẫy và sau bữa điểm tâm thịnh soạn, ngài cùng đoàn tùy tùng đông đảo đi đến cửa cung. Khi được triệu vào, ngài vái chào vua xong, rồi ngồi sang một bên.

Vua hỏi:

– Vương nhi định đi đâu?

Ngài đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu thần sắp ra chỗ lâm chiến.

– Thế có cần gì không?

– Tâu Đại vương, tiểu thần muốn dụ Kevatta bằng viên bảo ngọc nên tiểu thần cần có viên bảo ngọc bát giác ấy.

– Vương nhi cứ lấy đi.

Ngài nhận lấy bảo ngọc, tạ từ vua ra đi, có cả một ngàn chiến sĩ vây quanh, đó là các thân hữu từ thuở bé của ngài. Ngài ngồi vào chiếc bảo xa do đàn bạch mã thuần giống kéo. Vào giờ điểm tâm, ngài đến trước cổng thành.

Kevatta đứng chờ ngài đến và bảo:

– Kia gã đến, kia gã đến!

Lão vừa nghênh cổ dài ra, ướt mồ hôi dưới ánh nắng gay gắt. Bậc Đại sĩ cùng đoàn tùy tùng như biển dậy sóng, như sư tử vượn mình khiến người khiếp

sợ nổi gai ốc, oai nghi trầm tĩnh, ngài ban lệnh mở cửa thành. Ra khỏi kinh thành xong, ngài xuống xe như con sư tử vùng dậy rảo bước. Cả trăm lẻ một vị quốc vương chiêm ngưỡng vẻ uy nghi của ngài liền reo hò tung hô vang dậy:

– Đây bậc Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaddhaka, người có trí tuệ vô song trong toàn cõi Diêm-phù-đề!

Chẳng khác nào Thiên chủ Sakka được chư thiên vây quanh, trong vẻ huy hoàng cao cả, ngài cầm viên bảo ngọc trong tay đứng trước Kevatta. Còn Kevatta vừa trông thấy ngài đã không thể nào đứng yên được mà tiến lên đón ngài và bảo:

– Này bậc Trí giả Mahosadha, hai ta đều là trí giả và dù xưa nay ta ở gần ngài, ngài chưa hề gửi tặng ta vật nào cả, vì có gì vậy?

Bậc Đại sĩ bảo:

– Thưa bậc Trí giả, tiểu đệ đã cố công kiếm một tặng vật thật xứng đáng với ngài và hôm nay tiểu đệ tìm ra viên ngọc bảo châu này, xin bậc Trí giả nhận lấy vì không có viên ngọc thứ hai như vậy trên đời.

Vị kia thấy viên bảo ngọc sáng ngời trong tay ngài, tưởng rằng ngài muốn đưa ra tặng liền bảo:

– Vậy thì xin trao ngọc cho ta!

Rồi lão đưa tay ra xin nhận lấy. Bậc Đại sĩ vừa nói: “Hãy cầm lấy, Đại sư!” vừa hất rớt viên ngọc trên các ngón tay của bàn tay lão đang dang ra. Bà-la-môn không giữ được viên ngọc nặng trong các ngón tay nên nó tuột xuống và lăn tới chân bậc Đại sĩ. Lão lại quá thèm viên ngọc nên cúi xuống chân ngài để nhặt lấy. Lúc ấy, bậc Đại sĩ không để cho lão ngẩng lên, dùng một tay ấn vai lão xuống và tay kia chộp đai lưng lão, kêu to:

– Này Đại sư, ngẩng lên chứ, ngẩng lên chứ, ta trẻ hơn ngài nhiều, chỉ đáng cháu chắt ngài, đừng cúi chào ta chứ!

Ngài vừa nói vậy mãi vừa chà mặt mũi lão xuống đất đến chảy máu rồi lại bảo:

– Này tên ngu si mê muội kia, người tưởng sẽ được ta cúi đầu chào người hay sao?

Ngài chụp lấy cổ áo lão ném thật xa. Lão văng ra xa cả một trăm bốn mươi *cubit*⁴³ mới bò dậy chạy trốn mất. Lúc ấy, quân hầu của bậc Đại sĩ lượm viên bảo ngọc lên, nhưng âm thanh của lời Bô-tát: “Ngẩng lên đi, đừng cúi đầu chào ta như vậy”, vang dội át cả tiếng reo hò của đám đông. Dân chúng reo hò nhất loạt:

– Bà-la-môn Kevatta cúi chào chân của Mahosadha!

Tất cả các vua, từ Brahmadata đến các vị vua kia đều thấy Kevatta cúi đầu xuống chân bậc Đại sĩ. Họ đều nghĩ thầm: “Bậc Trí giả của chúng ta đã cúi đầu

⁴³ 140 *cubit* tức khoảng 64m.

chào Mahosadha, chúng ta thua trận rồi. Ngài sẽ giết hết bọn ta bây giờ.” Ai nấy đều lên ngựa chạy trốn về đến thành Uttarapañcāla. Quân của Bò-tát thấy họ chạy trốn, lại la hét vang trời:

– Vua Cūlanibrahmadatta đang tâu thoát cùng một trăm lẻ một vị vương hầu.

Nghe vậy, các vương hầu càng hoảng hốt chạy dài, tan rã cả đại đạo binh trong khi quân của Bò-tát reo hò mỗi lúc càng vang dậy hơn. Bậc Đại sĩ cùng đoàn tùy tùng trở về kinh thành trong khi đạo binh của Vua Cūlanibrahmadatta tháo chạy tán loạn suốt ba do-tuần.

Kevatta lên ngựa gặp đạo binh liền chùi vết máu trên trán, la lên:

– Này đừng chạy, ta có cúi đầu chào thẳng khốn kiếp đó đâu. Dừng lại, dừng lại!

Nhưng đạo binh không nghe còn chế nhạo, phỉ báng lão:

– Này lão Bà-la-môn khốn nạn kia, lão là kẻ có tội, lão bày ra trận pháp chiến rồi lại cúi đầu chào thẳng trẻ ranh chỉ đáng chấu chắt lão, chuyện ấy chẳng đáng đời lão hay sao?

Họ không còn nghe lão nữa và cứ tiếp tục đi về. Lão chạy vụt vào đám quân lính, kêu lên:

– Này các người phải nghe ta, ta có cúi chào nó đâu, nó lấy viên ngọc lừa ta mà.

Rồi lão dùng đủ mọi cách thuyết phục các vị vương hầu tin lời lão và thu thập đám tàn quân. Lúc bấy giờ, đám quân này quá đông đảo, ví thử mỗi người trong đó lượm được một hòn đá hay nắm đất ném vào hào cũng đủ lấp đầy hào và còn chất đống cao lên bằng tường thành. Nhưng hễ là ý nguyện của Bò-tát thì bao giờ cũng sẽ đạt thành nên không có ai ném đất đó vào kinh thành cả. Họ rút lui về vị trí cũ, rồi vua hỏi Kevatta:

– Này Đại sư, ta phải làm gì bây giờ?

– Tâu Đại vương, ta đừng cho ai ra cửa hậu nữa và cắt mọi mối giao thông. Dân chúng không ra vào được sẽ sinh chán nản và mở cửa thành. Lúc ấy, ta sẽ bắt được quân thù.

Bậc Trí giả cũng được báo tin về vấn đề này như trước nên ngài nghĩ thầm: “Nếu họ đóng quân ở đây lâu thì chúng ta không sống yên ổn được, vậy ta hãy tìm cách tổng họ đi, ta sẽ sắp đặt chiến lược để đuổi họ về.”

Thế là ngài đi tìm một người thông thạo các việc này và kiếm được một Bà-la-môn tên là Anukevatta. Ngài bảo ông này:

– Này Đại sư, ta có một việc muốn nhờ ông thi hành.

– Thừa Trí giả, tiểu thần phải làm gì, xin cho biết?

– Ông hãy đứng trên tường thành, thừa lúc quân ta vô ý, hãy lập tức ném kẹo bánh, cá thịt và các thức ăn khác xuống cho quân của Brahmadatta rồi bảo:

“Này ăn đi, đừng ngã lòng, gắng ở đây thêm ít hôm nữa, chẳng mấy chốc dân chúng như gà mái trong rọ sẽ tự mở cổng thành, rồi các người vào mà bắt lấy Vua Vedeha và gã con trai nông dân khốn kiếp kia!” Quân ta nghe vậy sẽ mừng rỡ, ông tàn tệt rồi trói tay chân ông lại trước quân của Brahmadata và giả bộ lấy gậy tre đập ông, kéo ông xuống, buộc tóc ông thành năm chòm, phết đất bùn lên người ông, đeo chùm hoa trúc đào (kaṇavīra) dành cho tử tội vào cổ ông, quát ông vun vút cho đến khi nổi lằn roi trên lưng ông rồi lại đem ông lên tường thành trói ông lại, thông dây thừng thả ông xuống chỗ đóng quân của Cūḷanibrahmadatta, thét to: “Cút đi, quân phản bội!”

Lúc ấy, ông sẽ được dẫn đến trước vua ấy. Vua này sẽ hỏi ông về việc sỉ nhục kia, ông phải trình bày với vua ấy: “Tâu Đại vương, ngày xưa tiểu thần đã được nhiều vinh hiển nhưng gã con trai nhà nông ấy đã vu cáo tiểu thần phản bội đức vua nên tiểu thần bị tước đoạt tất cả giàu sang danh vọng. Tiểu thần sẽ lấy đầu gã con trai nhà nông đã phá hoại thanh danh của mình và vì thương tưởng quân của Đại vương đang thối chí nản lòng nên đem cho họ thức ăn uống. Đã tạo mối thù hận cũ trong lòng tiểu thần nhiều như vậy mà gã còn làm tiểu thần thân tàn ma dại như thế này. Tâu Đại vương, quân của Đại vương đều biết rõ chuyện này.” Như vậy, bằng mọi cách ông phải chiếm được lòng tin của vua rồi lại tâu với vua ấy: “Tâu Đại vương, bây giờ đã có tiểu thần, xin Đại vương chớ lo âu nữa. Vua Vedeha và gã con trai nông dân kia phải chết thôi! Thần biết rõ mọi yếu điểm cùng nhược điểm của bức tường thành này. Tiểu thần biết nơi nào dưới hào có cá sấu, nơi nào không. Chẳng mấy chốc, tiểu thần xin dâng trọn kinh thành này vào tay Đại vương.”

Vua ấy sẽ tin tưởng và quý trọng ông, giao cho ông thống lãnh đạo binh. Sau đó, ông phải đưa đạo binh xuống nơi đầy rắn rít, cá sấu, chúng sợ hãi sẽ không chịu xuống. Lúc ấy, ông phải trình vua: “Tâu Đại vương, quân sĩ của Đại vương đã bị gã con trai nhà nông ấy làm tan rã mất rồi, không còn người nào, thậm chí cả Đại sư Kevatta và các vương hầu đều bị mua chuộc. Họ chỉ rảo quanh quần rình rập Đại vương thôi, chứ họ thành người tay chân của gã nông dân ấy cả rồi, chỉ còn một mình tiểu thần là tôi trung của Đại vương, nếu Đại vương không tin tiểu thần, xin Đại vương ban lệnh cho các vương hầu mặc triều phục đến chầu Đại vương. Sau đó, Đại vương quan sát y phục của họ, đồ trang sức, cung kiếm của họ xem, thấy đều do gã con trai nhà nông dân ấy tặng và khắc tên gã vào rồi ngài sẽ biết chắc mọi việc.”

Vua ấy sẽ y lời và tin chắc như vậy nên lo sợ, phải đuổi các vương hầu về xứ. Rồi vua ấy sẽ hỏi: “Kế đó phải làm gì?” Ông phải đáp: “Tâu Đại vương, gã nông dân ấy đầy mưu lược tài trí, nếu Đại vương còn ở đây vài ngày nữa, gã sẽ chiếm cả đạo quân và bắt lấy Đại vương. Vậy xin Đại vương chớ chậm trễ, ngay đêm nay vào canh giữa, ta hãy lấy ngựa lên đường, đừng để phải chết trong tay kẻ thù.” Vua ấy sẽ nghe theo lời khuyên của ông và trong khi vua ấy đào tẩu, ông hãy trở lui báo cho dân chúng ta rõ.

Nghe vậy, Anukevatta đáp:

- Thưa bậc Trí giả, được lắm, tiểu thần xin nghe theo lời của ngài!
- Vậy thì xin ông ráng chịu vài cái đâm đá.
- Thưa bậc Trí giả, ngài muốn làm gì tâm thân hèn này cũng được, chỉ xin tha mạng và toàn gia được an lành.

Thế là sau khi tỏ lòng ân cần quý trọng gia quyến Anukevatta, ngài ban lệnh đem ông ấy ra hành hạ tàn tệ như trên rồi mang giao cho quân của Vua Brahmadatta. Vua này thử lòng ông xong lại tin dùng, quý trọng và giao cho ông việc điều khiển đạo binh. Ông liền mang quân sĩ đến những nơi đầy rắn rít, cá sấu, khiến họ kinh hoàng, rồi lại bị tên, giáo, lao trên pháo đài bắn xuống bị thương nên sau đó không còn ai dám cả gan đến gần nữa.

Lúc ấy, Anukevatta yết kiến vua và nói:

- Tâu Đại vương, không còn ai chiến đấu cho Đại vương nữa rồi, tất cả đều bị mua chuộc. Nếu Đại vương không tin tiểu thần, xin Đại vương triệu các vương hầu đến châu rồi xem chữ khắc trên quân phục và quân trang của họ.

Vua y lời và khi thấy những chữ khắc trên quân phục và quân trang của họ, ông tin chắc họ đều bị mua chuộc cả nên ông hỏi:

- Đại sư, vậy phải làm gì bây giờ?
- Tâu Đại vương, không còn làm gì được nữa cả. Nếu Đại vương chậm trễ, gã nông dân ấy sẽ bắt lấy Đại vương mất thôi. Tâu Đại vương, nếu Đại sư Kevatta phải ra đường với vết thương trên trán, đại sư cũng đã lấy của đứt lót, đại sư đã nhận viên bảo ngọc ấy khiến Đại vương phải tìm đường tẩu thoát suốt cả ba do-tuần, rồi lại được Đại vương tin cậy và rước Đại vương trở về. Đó là một phản thần! Tiểu thần không thể tuân lệnh lão ấy dù chỉ một đêm, vậy ngay đêm nay vào canh giữa, Đại vương phải tẩu thoát. Đại vương không còn ai là thân hữu trừ tiểu thần cả.

- Nay Đại sư, vậy thì khanh phải đem ngựa và xe của trẫm đến đây sẵn sàng.

Thấy vua đã quyết tâm đào tẩu, ông liền trấn an vua bảo đừng lo sợ gì rồi đi tìm các thám tử bảo rằng vua sẽ đào tẩu đêm nay, họ đừng tính chuyện ngủ nghỉ nữa. Kế đó, ông lại chuẩn bị vương mã, sắp đặt dây cương sẵn sàng để cho vua càng kéo dây thì ngựa càng chạy nhanh hơn. Vào nửa đêm, ông tâu:

- Tâu Đại vương, vương mã đã sẵn sàng, đã đến giờ khởi hành rồi!

Vua liền lên ngựa tẩu thoát. Anukevatta cũng lên ngựa như thể tháp tùng vua, nhưng chỉ được một khoảng ông trở lui và vương mã theo sự sắp xếp dây cương sẵn sàng, đã phi thật nhanh khi vua kéo dây thúc ngựa. Sau đó, Anukevatta đến giữa ba quân thét vang:

- Vua Cūlanibrahmadatta đã tẩu thoát!

Các thám tử và tùy tùng đều thét lên như vậy. Các vương hầu kia nghe tiếng

ồn ào, hoảng hốt nghĩ thầm: “Bậc Trí giả Mahosadha ắt hẳn đã mở cổng thành, chúng ta sẽ chết mất thôi.”

Họ chỉ còn nhìn thoáng các vật dụng cùng các món giải trí rồi chạy trốn. Đám người kia lại la to hơn:

– Các vương hầu đã tẩu thoát!

Nghe tiếng ồn ào, các quân sĩ đang ở cổng thành và các tháp canh la hét, vỗ tay ầm ĩ. Rồi toàn thể nội thành cũng như ngoại thành đều hô vang dậy như thể quả đất nứt nẻ ra hay đại dương tan tành, trong khi vô số quân sĩ của đạo binh hùng mạnh kia kinh hoảng vì sợ chết, lại không nơi nương tựa hay ẩn náu liền thét vang:

– Vua Brahmadatta đã bị bậc Trí giả Mahosadha bắt đi cùng với một trăm lẻ một vị vương hầu rồi!

Họ liền tháo chạy tán loạn, ném bỏ cả tấm khố quanh lưng. Chiến trường bị bỏ hoang, Vua Cūḷanibrahmadatta về kinh thành của mình cùng với một trăm lẻ một vị tướng lãnh vương hầu kia.

Sáng hôm sau, quân sĩ mở cửa thành đi vào, thấy đủ các chiến lợi phẩm liên trình với bậc Đại sĩ và hỏi ý những việc phải làm. Ngài bảo:

– Các vật dụng họ để lại đều là của ta. Các người hãy dâng đức vua những vật dụng của các vương hầu, đem cho ta những vật dụng của Kevatta và của những tướng lãnh khác, còn lại bao nhiêu để cho dân chúng lấy đi.

Cả nửa tháng ròng mới lấy hết các châu báu và vật dụng quý giá, bốn tháng sau mới thu dọn hết mọi đồ vật khác. Bậc Đại sĩ ban tặng đại vinh hiển cho Anukevatta. Từ đó, dân chúng Mithilā có vô số vàng ngọc. Còn Vua Brahmadatta cùng các vương hầu ấy sống một năm ở kinh thành Uttarapañcāla.

Chấm dứt phần *Thua trận của Brahmadatta*.

XVI. CON KẾT

Một ngày kia, Kevatta nhìn bóng mình trong gương, thấy vết sẹo trên trán, nghĩ thầm: “Cái này là do gã con trai người nông dân ấy gây ra, gã khiến ta bị nhục nhã trước các vương hầu ấy.” Lão thấy uất hận tràn ngập trong lòng, lão nghĩ thầm: “Làm sao trừ khử nó? Ồ mưu kế này đây. Công chúa của vua ta là Pañcālacandī có nhan sắc tuyệt thế, chẳng khác nào tiên nữ trên trời. Ta sẽ cho Vua Vedeha thấy nàng. Vua ấy sẽ say mê nàng như thể cá mắc câu. Ta sẽ bắt lấy vua cùng gã Mahosadha và giết trọn cả hai, rồi nâng chén rượu mừng chiến thắng.” Quyết định như thế xong, lão đến chầu vua:

– Tâu Đại vương, thần xin dâng kế sách này.

– Này Đại sư, kế sách của khanh đã làm trăm không còn mảnh vải che thân. Bây giờ khanh còn muốn gì nữa đây? Hãy bình tâm lại!

– Tâu Đại vương, chưa bao giờ có mưu kế nào sánh với kế này được.

– Vậy khanh hãy nói đi!

– Tâu Đại vương, xin chỉ nói riêng giữa Đại vương và tiểu thần.

– Thì hẳn là vậy.

Lão Bà-la-môn liền đưa vua lên thượng lầu và nói:

– Tâu Đại vương, thần sẽ lôi cuốn vua xứ Videha bằng tham dục để đem cho được vua ấy về đây và giết đi.

– Nay Đại sư, thật là diệu kế, nhưng phải làm sao để gợi tham dục của vua ấy được?

– Tâu Đại vương, Công chúa Pañcālacaṇḍī có nhan sắc tuyệt thế. Ta sẽ bảo các thi sĩ ca tụng nhan sắc và đức hạnh của nàng bằng thi ca rồi phổ biến các bài ca đó tại thành Mithilā. Khi nào biết vua ấy đã nghe, bị lôi cuốn và nghĩ rằng: “Nếu vị Anh quân Videha không chiếm được nữ báu này thì ngai vàng và quốc độ này còn nghĩa lý gì nữa!” Khi vua ấy đã bị lôi cuốn vào tư tưởng kia, thần sẽ đi định ngày sinh lễ, vào ngày đã định, vua ấy sẽ đến. Như cá nuốt câu, gã nông dân kia cũng đến với vua, thế là ta sẽ nuốt trọn.

Vua nghe vậy đẹp ý và chấp nhận ngay.

– Nay Đại sư, thật là diệu kế, ta sẽ làm như vậy.

Nhưng có một con chim nhồng đứng bên cạnh vương sàng đã ghi nhận sự việc trên. Sau đó, vua cho gọi các thi sĩ tài hoa, ban tiền bạc rất hậu hĩ, cho họ được chiêm ngưỡng công chúa rồi bảo họ làm thơ ca tụng nhan sắc của nàng nên họ làm những bài ca vô cùng du dương rồi ngâm thơ cho vua nghe. Vua lại ban thưởng họ rất trọng hậu. Các nhạc sĩ học các bài ca này từ các thi sĩ kia, đem ra hát giữa dân chúng, nhờ vậy chúng được truyền bá rất nhanh ra ngoại thành. Khi chúng đã lan rộng khắp nơi, vua cho triệu các ca sĩ vào và phán:

– Nay các con, ban đêm hãy trèo lên cây cùng với chim chóc và ca hát, rồi sáng mai, buộc chuông lục lạc vào cổ chúng, thả chúng bay đi xong, trèo xuống.

Vua cho thi hành việc này để thế nhân có thể bảo chính chư thiên ca tụng sắc đẹp của công chúa con vua xứ Pañcālā. Vua lại triệu các thi sĩ kia vào và phán:

– Nay các con, hãy làm thơ đưa tin này: “Công chúa diễm lệ kia không dành cho vua nào ở cõi Diêm-phù-đề trừ Vua Videha ở thành Mithilā.” Các con hãy ca tụng oai danh của vua ấy cùng nhan sắc của công chúa.

Họ vâng theo rồi tường trình công việc ấy, vua ban thưởng họ rất hậu, sau đó bảo họ đi Mithilā, ca hát trên đường và tán tụng như trên. Họ liền đến Mithilā. Dân chúng tụ tập lại nghe hát rất đông và hoan hô nhiệt liệt. Ban đêm họ trèo lên cây ca hát, buổi sáng họ lại buộc chuông lục lạc vào cổ chim rồi mới trèo xuống.

Dân chúng nghe tiếng lục lạc trên không, rồi khắp kinh thành vang dậy tin đồn rằng chính các thiên thần đang tán tụng nhan sắc diễm kiều của công chúa

con vua xứ Pañcāla. Vua hay tin cho triệu các ca sĩ vào và mở hội ngay trong cung điện. Vua tưởng rằng họ muốn dâng công chúa diễm lệ vô song của Vua Cūlani cho ngài nên ngài ban thưởng họ rất hậu. Sau đó về nước, họ trình Vua Brahmadata, Kevaṭṭa liền thưa:

- Tâu Đại vương, đã đến lúc thần đi định ngày sinh lễ.
- Nay Đại sư, thật là tuyệt diệu, khanh muốn đem theo vật gì?
- Xin cho thần một tặng vật nhỏ!

Vua liền ban nó ngay. Lão đem quà đi cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo hộ tống đến xứ Videha. Khi lão cho báo tin lão đã đến, cả thành chấn động:

– Nghe nói hai Vua Cūlani và Videha sẽ kết tình thân hữu. Vua Cūlani sẽ gả công chúa cho Đại vương của chúng ta và Kevaṭṭa đến đây định ngày sinh lễ.

Vua Videha nghe tin này và bậc Đại sĩ cũng nghe tin liền nghĩ thầm: “Ta không thích lão ấy đến đây, ta phải tìm hiểu xem chuyện này hư thực thế nào.” Thế là ngài thông tin với các thám tử đang ở tại nước của Vua Cūlani. Họ trả lời:

– Chúng thần không hiểu rõ việc này. Vua cùng Kevaṭṭa ngồi đàm đạo riêng trong vương thất, nhưng có con chim nhồng đứng cạnh bên vương sàng hiểu rõ việc này.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Muốn cho kẻ thù ta không đắc thắng, ta phải ngăn chia kinh thành ra từng phần và trang hoàng cho đẹp, nhưng đừng cho Kevaṭṭa thấy được.” Thế là từ cổng thành đến cung điện và từ cung điện đến tư dinh của ngài, hai bên đường ngài cho dựng hàng rào lưới, phủ thảm lên trên, treo đầy tranh ảnh, rải hoa khắp mặt đường, đặt bình nước khắp nơi, cờ xí rợp trời. Khi Kevaṭṭa vào thành, lão không thể thấy mọi việc sắp đặt như trên, lão tưởng vua trang hoàng kinh thành để đón lão, chứ không hiểu người ta làm vậy để che mắt lão. Khi lão yết kiến vua, lão dâng tặng vật, cung kính chúc tụng rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi được đón tiếp trọng thể, lão đọc hai vắn kệ tuyên bố lý do xin yết kiến:

599. Một vị vua muốn kết thân bằng,
Tặng bảo vật này đến Đại vương,
Mong các sứ thần lời êm dịu,
Từ nơi chốn nọ chóng lên đường.

600. Ước mong lời lẽ họ ôn hòa,
Đem lại hân hoan cho chúng ta,
Mong ước dân Videha quốc,
Hòa đồng với tộc Pañcāla.

Lão lại tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, đáng lẽ quốc vương của thần sai kẻ khác đi thay thần nhưng ngài đã phái thần đi vì tin chắc rằng không ai nói chuyện này dễ nghe

cho bằng thần. Ngài bảo: “Này Đại sư, Đại sư hãy đi thuyết phục đức vua ấy xem xét chuyện này thật thuận lợi và rước đức vua ấy về đây!” Vậy tâu Đại vương, xin Đại vương ngự lên xa giá, Đại vương sẽ đón về một công chúa tuyệt trần diễm lệ và tình thân hữu sẽ được tạo lập giữa Đại vương và quốc vương của thần!

Vua rất đẹp ý khi nghe lời tâu trình này, ông say sưa vì ý tưởng sắp đón về một công chúa diễm lệ vô song liền phán:

– Này Đại sư, trước kia có mối bất hòa giữa Đại sư và bậc Trí giả Mahosadha tại trận pháp chiến. Nay Đại sư hãy đi gặp vương tử của trăm, hai vị trí giả hãy hòa giải và sau khi đàm đạo cùng nhau, xin trở lại đây!

Lão Kevatta hứa đi hội kiến bậc Trí giả rồi lui ra. Ngày ấy, bậc Đại sĩ quyết định tránh mọi việc đàm luận với con người độc ác kia nên buổi sáng ngài uống một chút bơ tươi rồi bảo quân hầu bôi phân bò ướt trên sàn nhà, bôi dầu vào cột nhà, dẹp hết mọi ghế ngồi, sàng tọa trừ một sàng tọa nhỏ hẹp vừa cho ngài nằm. Ngài ra lệnh cho quân hầu:

– Khi lão Bà-la-môn ấy bắt đầu nói, các người hãy bảo: “Thưa Tôn sư Bà-la-môn, xin ngài đừng trò chuyện với bậc Trí giả, hôm nay bậc Trí giả đã dùng một liều bơ tươi.” Và khi ta làm như thế muốn trò chuyện với lão thì phải ngăn lại và bảo: “Tâu Chúa công, ngài đã dùng một liều bơ tươi, xin đừng nói chuyện nữa!”

Sau khi căn dặn họ, bậc Đại sĩ khoác hông y nằm trên sàng tọa, cùng sắp đặt quân hầu ở bảy tháp canh xung quanh. Khi Kevatta đến cổng thành thứ nhất liền hỏi bậc Đại sĩ ở đâu, các quân hầu trả lời:

– Thưa Tôn giả Bà-la-môn, xin đừng gây tiếng ồn ào, nếu ngài muốn vào thành, xin giữ yên lặng! Hôm nay bậc Trí giả dùng bơ tươi nên cử tiếng ồn.

Khi đến các cổng thành kia, họ cũng bảo như vậy. Đến cổng thứ bảy, lão hội kiến bậc Đại sĩ và ngài ra về muốn nói chuyện, quân hầu liền thưa:

– Thưa Chúa công, ngài vừa uống một liều bơ tươi thật mạnh, có sao ngài lại trò chuyện với lão Bà-la-môn khốn nạn này?

Thế là họ ngăn ngài lại. Khi lão kia bước vào, lão không tìm được chỗ ngồi cũng không có chỗ nào đứng bên sàng tọa của ngài được, lão liền bước qua lớp phân bò ẩm ướt rồi đứng lại. Lúc ấy, một kẻ nhìn thấy lão liền dụi mắt, một kẻ nhướn mày và một kẻ gãi cùi chỏ. Lão thấy vậy, bực mình bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ta đi đây.

Một kẻ khác đáp:

– Ô hay, tên Bà-la-môn khốn nạn kia, đừng làm ồn ào, nếu không ta sẽ bẻ gãy xương của ngươi ra!

Lão hoảng hốt nhìn lui thì một kẻ lấy gậy đánh lưng lão, kẻ khác nắm cổ lão đẩy ra, kẻ khác đâm vào lưng lão cho đến lúc lão kinh hoàng bỏ chạy như con hươu trong miệng hồ báo và trở về cung.

Lúc bấy giờ, vua nghĩ thầm: “Hôm nay vương nhi sẽ hài lòng khi được tin này. Hai bậc Trí giả sẽ đàm đạo tương đắc biết bao về đạo pháp. Hôm nay họ sẽ giải hòa và ta sẽ là người thắng cuộc.” Vì thế, khi vua thấy Kevatta, ông liền ngâm kệ hỏi về cuộc đàm đạo ấy:

601. Việc ngài hội kiến Mahosadha,
Diễn tiến ra sao, Kevatta,
Xin hãy nói ngay cho trầm biết,
Mahosadha có muốn cầu hòa?

Kevatta đáp lại:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ đó là bậc Trí giả, nhưng thật chẳng có kẻ nào tồi tệ hơn nữa.

Và lão ngâm kệ:

602. Kẻ kia bản chất thật gian tà,
Tâu Đại vương, ngoan cố, xấu xa,
Khó chịu, tính tình đầy độc ác,
Như người cầm điếu, chẳng lời ra.

Lời này không làm vừa lòng vua, nhưng vua cũng không bắt bẻ gì được. Vua liền ban cho Kevatta cùng các người hầu cận mọi thứ cần dùng và một ngôi nhà để ở rồi bảo lão lui về an nghỉ. Sau khi lão đi rồi, vua nghĩ thầm: “Vương nhi là bậc Trí, biết rõ cách cư xử nhã nhặn, tuy thế vương nhi lại không muốn nói chuyện lịch sự với lão này cũng không muốn thấy lão, chắc hẳn vương nhi đã thấy nguyên cơ bất an sau này rồi.” Và ông ngâm kệ:

603. Quyết định này sao khó hiểu vậy,
Một nguyên nhân thật rõ ràng thay,
Được người dừng cảm này tiên đoán,
Vì vậy thân ta rung động đây,
Ai sẽ là người mất tính mạng,
Và rơi vào địch thủ cao tay?

Chắc hẳn vương nhi đã thấy mối nguy hại nào đó trong cuộc viếng thăm của lão Bà-la-môn này. Lão chẳng đến đây vì mục đích thân hữu đâu. Ất hẳn lão muốn lôi kéo ta bằng sắc dục, khiến ta phải đến kinh thành của lão rồi bắt lấy ta. Bậc Trí giả chắc thấy trước nguy cơ nào đó sắp xảy ra?

Trong lúc vua đang quay cuồng lo lắng với những ý nghĩ trong đầu thì bốn hiền thần bước vào. Ông bảo Senaka:

– Nay Senaka, khanh nghĩ trăm có nên đến thành Uttarapañcāla và cầu hôn công chúa của Vua Cūlani chăng?

Senaka đáp:

– Tâu Đại vương, sao Đại vương lại nói vậy? Khi duyên lành đến với Đại vương, ai dám xua đuổi nó được? Nếu Đại vương đến đó và cầu hôn công chúa

thì chẳng có vị vua nào sánh bằng Đại vương trong toàn cõi Diêm-phù-đề trừ Vua Cūḷanibrahmadatta vì Đại vương đã kết duyên được với công chúa của vị Đại đế đệ nhất. Đại đế kia biết các vương tử khác đều chỉ là chư hầu của ngài, chỉ duy nhất Vua Vedeha có thể sánh bằng ngài thôi nên mới mong gả công chúa diễm lệ vô song ấy. Xin Đại vương cứ làm theo lời ngài và chúng thần cũng sẽ được ban tặng y phục cùng các vật trang hoàng!

Khi vua hỏi các vị kia, họ cũng đều trả lời như vậy. Trong lúc họ đang đàm đạo thì lão Bà-la-môn Kevaṭṭa từ tư dinh đến tạ từ vua để ra về, lão nói:

– Tâu Đại vương, thần không thể ở lại đây được nữa, xin cho phép thần ra về!

Vua trọng đãi lão, rồi cho lão ra về. Khi bậc Đại sĩ hay tin lão đi rồi, ngài tắm rửa, thay quần áo và vào chào vua, cung kính bái vua rồi ngồi qua một bên. Vua nghĩ thầm: “Vương nhi Mahosadha là bậc Trí giả vĩ đại, đầy tài ứng biến, thông hiểu quá khứ hiện tại và vị lai, vậy sẽ biết được ta nên đi hay không.” Tuy thế, do bị mê mờ vì tham dục, vua không giữ được quyết định đầu tiên và ngâm kệ:

604. Sáu người một ý thật hòa đồng,
Là các bậc Hiền trí thượng nhân,
Đi, hoặc không đi và ở lại,
Mahosadha hãy nói ta cùng!

Lúc ấy, bậc Trí giả nghĩ thầm: “Vua này ham đắm sắc dục quá độ nên mù quáng điên rồ nghe theo lời bốn vị hiền thần kia. Ta sẽ bảo cho vua biết việc ra đi tai hại dường nào và can gián ngài.” Thế là ngài ngâm bốn vần kệ sau:

605. Ngài có biết chăng, tâu Đại vương,
Cūḷani thế lực hùng cường,
Vua kia muốn giết ngài như thế,
Lập hộ bắt nai với lúa hương!

606. Như cá tham ăn không nhận thấy,
Lưỡi câu giấu kín dưới mồi ngon,
Một người đời chẳng hề trông thấy,
Bóng dáng đâu đây của tử thần.

607. Cũng vậy đầy tham dục, Đại vương,
Không sao nhận thấy vị công nương,
Con Cūḷa đế là thần chết,
Vì chính ngài là một thế nhân.

608. Đại vương cứ đến Pañcāla,
Và tự diệt vong chốc lát mà,
Như chú nai kia lâm đại nạn,
Trên con đường nọ bị sa cơ.

Nghe lời quở trách nặng nề như thế, vua nổi cơn thịnh nộ: “Gã này tưởng ta là nô lệ của gã.” Ông nghĩ thầm: “Gã quên rằng ta là vị chúa tể, gã biết rằng vị Đại đế kia nhả gả công chúa cho ta mà không nói ra được một lời chúc tụng tốt lành nào, lại dám tiên đoán ta sẽ bị bắt rồi bị giết như con nai ngu xuẩn hay con cá mắc câu hoặc con hươu bị bắt trên đường.” Lập tức, vua ngâm kệ:

609. Trẫm thật điếc, câm, ngu dại thay,
Hỏi người những việc tối cao vậy,
Làm sao người hiểu như người khác,
Khi đã lớn lên bám lười cày?

Cùng với những lời thóa mạ này, vua phán:

– Gã con trai người nông dân này đang cản trở duyên may của trẫm, hãy cắt đi!

Rồi ông ngâm kệ để tống ngài ra:

610. Bắt lấy gã này, tóm cổ mau,
Tống ra khỏi xứ sở ta nào,
Con người dám nói hòng ngăn cản,
Việc trẫm sắp đi lấy bảo châu!

Nhưng ngài thấy vua thịnh nộ liền nghĩ thầm: “Nếu có kẻ nào tuân lệnh vua lời cô, nắm tay ta hay đập vào thân ta, ta sẽ bị ô nhục đến ngày tàn, vậy ta muốn tự mình ra đi mà thôi.” Thế là ngài từ tạ vua về tư dinh.

Lúc bấy giờ, vua chỉ nói thế trong cơn thịnh nộ, nhưng vì kính nể bậc Đại sĩ nên ông không ra lệnh cho ai thi hành điều ấy cả. Bậc Đại sĩ lại nghĩ thầm: “Vua này thật ngu muội, không biết chuyện lợi hại cho mình. Vua lại đang si tình nên định đi đón công chúa về mà không thấy hiểm họa đang kề gần sẽ đi đến chỗ diệt vong. Ta không nên bận tâm đến lời lẽ của vua. Đó là Đại ân nhân của ta, đã hậu đãi ta lâu nay. Ta phải tỏ lòng trung thành với vua, nhưng trước hết ta phải cho gọi chim kết vào và tìm hiểu sự thật rồi ta sẽ đích thân đi việc này.” Thế là ngài cho gọi chim kết.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

611. Sau đó ngài đi khuất mắt vua,
Nói cùng chim kết Māthara:
“Đến đây, anh vũ màu xanh lục,
Bạn hãy làm công việc giúp ta!

612. Pañcā Đại đế có chim nhồng,
Nó giữ canh sàng của đại vương,
Hỏi nó ngọn nguồn điều cơ mật,
Về Kosiya nó am tường.”

- 613-15.** Māthara trí điều nghe rồi,
 Kết lục bay đi đến tận nơi,
 Trú ngụ chim nhồng kia quý tộc,
 Māthara trí điều trao lời,
 Với chim nhồng giọng du dương ấy,
 Trong chiếc lồng son đẹp tuyệt vời.
- 616.** “Bạn ơi, bạn có được khang an,
 Trong chiếc lồng vàng của bạn chẳng?
 Hạnh phúc có tràn đầy, Vệ-xá,
 Họ cho bạn đủ mật, ngô rang?”
- 617-18.** “Em đây an lạc, hỡi Tôn ông,
 Quả thật nơi đây hạnh phúc tròn,
 Họ tặng em ngô rang, mật ngọt,
 Hỡi anh vũ có trí tinh thông,
 Sao ngài đến vậy, ai sai đến,
 Em chẳng hề nghe thấy quý ông?”

Khi nghe vậy, kết nghĩ thầm: “Nếu ta bảo ta từ Mithilā đến, chắc nó chẳng bao giờ tin cậy ta vì lo bảo vệ sinh mạng mình. Trên đường đi ta có thấy kinh thành Aritthapura trong quốc độ Sivi. Vậy ta sẽ bịa chuyện nói là Vua Sivi phái ta đến đây.” Kết bảo:

- 619.** Ta là thị giả Chúa Sivi,
 Ở chính trong cung điện xứ kia,
 Từ đó vị minh quân giải thoát,
 Các tù nhân được tự do đi.

Chim nhồng liền cho kết bấp rang tẩm mật cùng nước mật để sẵn cho nó trên đĩa vàng rồi bảo:

– Thưa Tôn ông, ngài từ phương xa đến, ngài mang theo những vật gì?

Kết bịa chuyện vì muốn biết điều bí mật và đáp:

- 620.** Một thuở chim nhồng là vợ ta,
 Du dương tiếng hót rất ngân nga,
 Rồi chim ưng nọ vô năng chết,
 Mang xác nàng đi trước mắt ta.

Chim nhồng hỏi:

– Làm thế nào điều hâu giết hại hiền tỷ được?

Kết liền kể câu chuyện này:

– Cô nương hãy nghe đây. Một ngày nọ, vua ta cho phép ta dự tiệc nước của ngài. Ta và hiền thê cùng đến nô đùa. Buổi chiều tối, chúng ta cùng vua trở về cung, muốn cho lông khô ráo, ta cùng hiền thê bay ra đậu trên nóc cung điện. Lúc ấy, một con điều hâu sà xuống chụp lấy chúng ta khi chúng ta vừa rời

nóc hoàng cung. Ta kinh hoảng bay nhanh để bảo vệ tính mạng, còn hiền thê ta đang thai nghén nên không bay nhanh được, thế là nó giết hại nàng ngay trước mắt ta và tha đi. Đức vua thấy ta thương khóc vì mất nàng nên hỏi nguyên do. Khi nghe sự việc xảy ra, ngài phán: “Thôi hiền hữu, thế là đủ rồi đừng khóc nữa, hiền hữu hãy đi tìm vợ khác!” Ta đáp: “Tâu Chúa công, tiểu thần đâu cần cưới một vợ khác độc ác xấu xa. Tiểu thần sống một mình tốt hơn.” Ngài bảo: “Này hiền hữu, trăm biết một con chim đức hạnh như vợ bạn, cận thần của Vua Cūḷani, cũng là một chim nhồng như vợ bạn vậy. Hãy đi cầu hôn nàng, xin nàng đáp lại. Nếu nàng ưng thuận, hãy đến nói cho trăm rõ, trăm hoặc hoàng hậu sẽ đi cưới nàng về thật trọng thể!” Nói xong, ngài phái ta đi, vì thế ta đến đây.

Kết lại nói:

621. Yêu quý vợ hiền, ta đến đây,
Nếu nàng cho phép, tự hôm nay,
Chúng ta có thể cùng nhau hưởng,
Cuộc sống lứa đôi hạnh phúc thay.

Lời này khiến chim nhồng vô cùng đẹp ý nhưng không muốn lộ ra, nàng đáp như thể không ưng thuận:

622. Anh vũ phải yêu anh vũ thôi,
Chim nhồng kết hợp chim nhồng hoài,
Làm sao có thể đem hòa hợp,
Anh vũ, chim nhồng cho đẹp đôi?

Kết nghe vậy nghĩ thầm: “Nàng đâu khước từ ta, nàng chỉ làm ra vẻ quan trọng thể thôi, chắc chắn nàng yêu ta thật tình rồi. Ta sẽ tìm lời ví von cho nàng tin tưởng ta.” Vì thế, kết bảo:

623. Khi kẻ si tình yêu quý ai,
Dù Chiên-đà hạ liệt mà thôi,
Họ đều đồng đẳng bên nhau cả,
Trong ái tình không có khác sai.

Nói xong, kết lại tiếp tục nói về mức độ khác nhau trong dòng giống loài người:

624. Mẫu thân của Chúa thượng Sivi,
Tên gọi là Jambāvatī,
Bà đã được lên ngôi chánh hậu,
Vāsu Hắc đế vẫn yêu vì.

Lúc bấy giờ, mẫu hậu của Vua Sivi, bà Jambāvatī thuộc dòng Chiên-đà-la, là ái hậu của Vua Vāsudeva, một vị vua trong bộ tộc Kanhāyana, vị thái tử trong số mười hoàng tử. Chuyện kể rằng, một ngày nọ ngài từ cung Dvāravatī đi vào ngự viên, trên đường ngài gặp một kiều nữ đứng bên vệ đường trong lúc nàng đi công việc từ làng Chiên-đà-la của nàng đến thị trấn, vua yêu nàng ngay rồi hỏi gốc gác nàng. Khi nghe nàng là một người Chiên-đà-la, vua rất buồn phiền, song khi biết nàng chưa có chồng, ngài liền mang nàng về cung và trang điểm

cho nàng với đủ loại trân bảo rồi phong nàng làm chánh hậu. Nàng sinh hạ được một hoàng nam là Sivi sau đó cai trị thân dân Dvāravatī khi vua cha mất.

Sau khi nêu gương ấy xong, kết lại tiếp tục:

– Như vậy, ngay một vương tử như vua kia còn sánh duyên với một thiếu nữ Chiên-đà-la, huống hồ chúng ta chỉ ở thế giới loài vật? Nếu chúng ta muốn sánh duyên với nhau thì chẳng có gì phải nói thêm nữa.

Và kết đưa ra một gương khác như sau:

625. Rathavatī nọ, một tiên nga,
Cũng đã từng yêu quý Vaccha,
Người ấy đã yêu loài thú vật,
Trong tình yêu chẳng khác nhau mà.

Vaccha là một ản sĩ và cách chàng yêu nàng như sau: Ngày xưa, một Bà-la-môn thấy rõ những tội lỗi của tham dục nên từ bỏ cảnh phú quý xuất gia tu hành, sống trong vùng Tuyết Sơn dưới túp lều lá tự xây. Không xa lều này có nhiều nàng tiên (nửa người nửa thú) sống trong hang đá, cùng nơi ấy lại có một con nhện. Con nhện này thường giăng tơ dằm thủng đầu các tiên nữ này để hút máu. Lúc bấy giờ, các tiên nữ thì yêu đuổi và nhút nhát, còn con nhện thì hung bạo độc ác nên họ không làm gì chống lại nó được liền đến gặp vị ản sĩ. Đánh lễ xong, họ kể cho ông nghe câu chuyện con nhện đang tàn phá họ như thế nào và họ bơ vơ không ai giúp đỡ nên họ xin ông giết con nhện để cứu họ. Nhưng vị ản sĩ đuổi họ ra và la lên:

– Người như ta không sát sinh!

Một tiên nữ trong số này tên là Rathavatī chưa chồng và họ trang điểm cho nàng thật diễm lệ rồi đem đến vị ản sĩ, bảo:

– Xin cho nàng này làm thị nữ của ngài và xin ngài giết kẻ thù của chúng tiện nữ!

Khi vị ản sĩ thấy nàng, đem lòng yêu ngay và giữ nàng ở lại với mình rồi nằm đợi con nhện ở miệng hang, khi nó bò ra kiếm mồi liền lấy gậy giết nó. Sau đó, vị này sống với nàng tiên nữ, sinh con đẻ cái với nàng rồi qua đời, như vậy tiên nữ đã yêu vị này.

Con kết kể gương này xong liền bảo:

– ản sĩ Vaccha dù là người vẫn sống với một tiên nữ thuộc nòi giống loài vật. Thế thì sao chúng ta lại không làm như vậy khi chúng ta đều là loài chim?

Nghe xong, nàng đáp lại:

– Thưa Tôn ông, con tim không phải lúc nào cũng chung thủy, em rất sợ cảnh chia ly với bạn tình.

Nhưng kết ta là con vật khôn ngoan hiểu rõ mọi trò quyền rũ của nữ giới nên ngâm kệ này thử nàng thêm nữa:

626. Quả thật ta gần cất cánh xa,
Hỡi nàng thánh thót giọng ngân nga,
Đây là lời chối từ ta đấy,
Chắc chắn nàng đang khinh bỉ ta.

Nghe vậy, nàng thấy tim dường như muốn vỡ ra, nhưng trước mắt chàng, nàng làm như thể đang bùng cháy lên một tình yêu mới mẻ đối với chàng liên ngâm một vần kệ rười như sau:

627. Không phước lành cho kẻ vội vàng,
Māthara, kết lục khôn ngoan,
Ở đây cho đến khi triều kiến,
Chúa thượng và nghe tiếng dậy vang,
Của các trống chiêng khua đủ loại,
Và nhìn Đại đế đẹp huy hoàng.

Thế rồi lúc hoàng hôn xuống, chúng hưởng niềm vui đôi lứa, hòa hợp, hân hoan thích thú. Lúc ấy, kết nghĩ thầm: “Nay nàng không giấu bí mật với ta nữa, ta phải hỏi nàng rồi ra đi.”

Chàng bảo:

- Này nàng nhõng hỡi!
- Thưa chàng, có việc gì?
- Ta muốn hỏi nàng một vài chuyện, có nên nói chẳng?
- Xin chàng cứ nói!
- Thôi được, không hề gì, hôm nay là ngày hội, để ngày kia sẽ xem lại sao.
- Nếu thuận tiện trong ngày hội xin chàng cứ nói, còn nếu không thì thôi đừng nói nữa, thưa chàng.

– Đúng ra chuyện này thuận tiện trong ngày hội.

– Vậy xin chàng nói đi!

– Nếu nàng muốn nghe, ta mới nói.

Rồi kết hỏi chuyện bí mật trong một vần kệ rười như sau:

628. Tiếng đồn này thật lớn truyền ra,
Khắp cả miền đất nước của ta,
Công chúa Pañcāla Đại đế,
Như sao rực sáng, được vua cha,
Gả cho vua xứ Videha,
Lễ thành hôn sắp đến đây mà.

Nghe vậy, nàng bảo:

- Này chàng ơi, trong ngày hội này mà chàng nói chuyện xui xẻo quá!
- Ta cho đó là chuyện may mắn, sao nàng lại bảo xui xẻo, thế là nghĩa gì?

– Thưa chàng, em không nói được đâu!

– Cô nương ơi, từ giờ phút nàng từ chối cho ta rõ bí mật mà nàng biết thì cuộc sống hòa hợp của đôi ta chắc phải đứt đoạn.

Nghe chàng nài nỉ, nàng liền đáp:

– Vậy thì chàng hãy nghe đây:

629. Đừng để cho ai, dẫu kẻ thù,
Tác thành hôn lễ, Māṭhara,
Giống như cách của hai vua ấy,
Pañcāla và Vedeha.

Kết hỏi:

– Cô nương ôi, tại sao nàng bảo như vậy?

Nàng đáp:

– Xin hãy nghe đây, em sẽ nói mọi tai hại của việc này!

Rồi nàng ngâm kệ:

630. Vua hùng của xứ Pañcāla,
Sẽ quyến rũ Vua Vedeha,
Và sẽ giết vua kia lập tức,
Nàng đây chẳng phải bạn đâu mà.

Nàng kể mọi chuyện bí mật cho kết khôn ngoan và con kết khôn ngoan nghe vậy cứ khen ngợi Kevaṭṭa hết lời:

– Vị Đại sư thật là đa mưu túc kế, giết vua kia như vậy thật là diệu kế. Nhưng việc rủi ro nào sẽ xảy ra cho ta đây?

– Vậy giữ yên lặng là thượng sách.

Thế là cuộc hành trình của kết đã đạt kết quả. Sau khi ở lại đó một đêm với nàng, kết bảo:

– Cô nương ơi, ta phải về xứ Vua Sivi và tân trình vua là ta đã tìm được một ái thiếp!

Rồi kết từ giã nàng qua câu kệ:

631. Nay xin từ giã bảy đêm trường,
Ta sẽ tân trình với Đại vương,
Của xứ Sivi, ta đã gặp,
Nàng nhông và lập tổ uyên ương.

Lúc bấy giờ, chim nhông dù không muốn xa kết cũng không thể nào từ chối được liền ngâm kệ sau:

632. Em để chàng đi trong bảy đêm,
Sau nếu chàng không trở lại em,
Em sẽ tự mình tìm nắm mộ,
Chàng về em cũng sẽ quy tiên!

Kết đáp lại:

– Cô nương ơi, sao nàng lại nói thế, nếu sau bảy ngày ta không gặp nàng, làm sao ta sống được?

Miệng nói thế nhưng trong lòng kết nghĩ thầm: “Nàng sống hay chết ta đâu có quan tâm đến làm gì!” Kết vươn cao đôi cánh, sau khi bay một khoảng ngắn về phía xứ Sivi, nó quay lại về hướng thành Mithilā rồi đứng trên vai của bậc Trí giả. Khi bậc Đại sĩ đem nó lên thượng lầu và hỏi tin tức, nó kể với ngài tất cả. Ngài ban thưởng nó trọng thể như trước kia.

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này như sau:

633. Rồi Māthara kết khôn ngoan,
Từ đó bay về kẻ ngọn nguồn,
Trình rõ Mahosadha biết,
Những lời đã được tỏ từ nhòng.

Chấm dứt phần *Con kết*.

XVII. ĐƯỜNG HÀM VĨ ĐẠI

Nghe xong, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Nhà vua sẽ đi dù ta không muốn, và nếu ngài đi, ngài sẽ bị tiêu diệt ngay. Còn nếu ta cứ oán hận một vị vua đã ban cho ta nhiều phú quý vinh hoa như vậy mà không giúp ích ngài thì thật đáng hổ thẹn. Khi tìm được một người tài trí như ta, làm sao người bị tàn hại được? Ta sẽ khởi hành trước vua và sẽ gặp Vua Cūlani, ta sẽ sắp đặt mọi việc chu đáo. Ta sẽ xây một kinh thành cho Vua Vedeha ngự với một lối đi nhỏ hơn dài một dặm⁴⁴ và một đường hầm lớn dài nửa do-tuần.⁴⁵ Ta sẽ làm lễ sắc phong công chúa của Vua Cūlani làm vương hậu của vua ta, rồi ngay khi kinh thành bị một trăm lẻ một vương hầu cùng đạo binh mười tám đạo quân bao vây, ta sẽ cứu chúa như thể mặt trăng được cứu khỏi móng vuốt của thần Rāhu rồi đưa ngài về nước. Việc ngài hồi cung chỉ ở trong tay ta.”

Khi ngài nghĩ như vậy, nỗi hân hoan tràn ngập khắp châu thân, rồi do niềm hân hoan thúc đẩy, ngài thốt lên ước nguyện này:

634. Con người luôn phải thực hành,
Vì quyền lợi của người mình thọ ân.

Sau đó, ngài tắm rửa, phục sức sang trọng đi vào cung, kính lễ vua rồi đứng sang một bên, tâu:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng sắp đến kinh thành Uttarapañcāla chẳng?

– Phải đấy vương nhi, nếu trăm không chiếm được công chúa Pañcālacaṇḍī thì vương quốc này có nghĩa gì đối với trăm? Vương nhi đừng rời trăm nữa, hãy

⁴⁴ 1 gāvuta = 5,12km.

⁴⁵ 1 aḍḍhayojana = ½ yojana = 2 gāvuta = 10,24km.

cùng đi với trăm! Đến đó, trăm sẽ được hai mối lợi lớn, trăm sẽ được đệ nhất nữ báu và kết thân với vị vua kia.

Bậc Đại trí liền đáp:

– Tâu Chúa thượng, tiểu thần sẽ đi trước xây cung điện cho Chúa thượng ngự, Chúa thượng sẽ đến khi nào tiểu thần tâu trình về.

Nói xong, ngài ngâm hai vần kệ:

Thần sẽ ra đi trước Đại vương,
Đến kinh thành tráng lệ huy hoàng,
Pañcāla để xây cung điện,
Dâng Chúa Vedeha vẻ vang.

635. Khi nào thần đã dựng xây xong,
Dâng Chúa Vedeha mỹ lệ cung,
Thần sẽ tâu trình ngài đến ngự,
Hồi vị Chúa tể đại anh hùng!

Vua nghe vậy rất đẹp lòng vì thấy ngài không bỏ mặc ông nên bảo:

– Này vương nhi, nếu con đi trước, con có cần gì chẳng?

– Tâu Đại vương, tiểu thần cần một đạo binh.

– Vương nhi muốn đem bao nhiêu cứ tùy ý.

Bậc Trí giả nói tiếp:

– Tâu Chúa thượng, xin cho mở bốn ngục thất, phá xiềng xích cho các kẻ cướp bóc và cho họ cùng đi với tiểu thần.

Vua bảo:

– Vương nhi cứ làm như ý muốn.

Bậc Đại sĩ cho mở các cửa ngục, đem ra những kẻ anh hùng, dũng mãnh có thể làm phạm sự khi được giao và bảo họ phụng sự ngài. Ngài trọng đãi những người này và đem theo mười tám đoàn thợ hồ, thợ rèn, thợ mộc, thợ sơn, những người có tài thủ xảo, mỹ thuật, trang bị đầy đủ lưỡi dao, rìu, xẻng cuốc và nhiều dụng cụ khác. Với đoàn tùy tùng rầm rộ như vậy, ngài rời khỏi kinh thành.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ sau:

636. Bậc Đại trí liền cất bước ra,
Đến thành hoa lệ Pañcāla,
Để xây dựng được nhiều cung điện,
Dâng chúa vinh quang Vedeha.

Trên đường đi, bậc Đại sĩ xây làng ở mỗi dặm đường, giao cho một viên quan ở lại đảm trách mỗi ngôi làng với lời căn dặn:

– Đề dự phòng việc vua hồi cung cùng Công chúa Pañcālacaṇḍī, các ông phải chuẩn bị voi ngựa, chiến xa để đánh đuổi quân thù rồi tức tốc đưa đức vua về thành Mithilā.

Khi đến bờ sông Hằng, ngài gọi nam tử Ānanda đến và bảo:

– Này Ānanda, hãy đem ba trăm thợ mộc đến thượng lưu sông Hằng tìm loại gỗ thật tốt đóng ba trăm chiếc thuyền, bảo họ chặt thật nhiều gỗ tích trữ cho kinh thành, chở gỗ nhẹ cho đầy thuyền và mang về đây.

Ngài cũng đích thân đi thuyền vượt qua sông Hằng, từ chỗ ngài cập bến, ngài tính khoảng cách và nghĩ thầm: “Khoảng cách này chừng nửa do-tuần phải có một đường hầm lớn. Chỗ này phải xây thành cho vua ngự, từ chỗ này về cung xa chừng một do-tuần phải có lối đi nhỏ.” Ngài đánh dấu chỗ đó xong rồi vào thành.

Khi Vua Cūḷani nghe tin Bò-tát đến, ông rất hài lòng vì ông nghĩ: “Bây giờ tâm nguyện của ta đã thỏa mãn, gã ấy đã đến, chẳng bao lâu Vua Vedeha cũng đến. Thế là ta giết trọn cả hai và biến toàn cõi Diêm-phù-đề thành một quốc độ.” Cả kinh thành sôi động lên: “Nghe nói đây là bậc Trí giả Mahosadha, người đã đánh đuổi một trăm lê một vị vương hầu như thể con quạ bị ném hòn đá cho hoảng sợ bay đi.”

Bậc Đại sĩ tiến vào cổng thành trong lúc dân chúng chiêm ngưỡng dung mạo tuyệt đẹp của ngài, rồi ngài xuống xe, nhờ người trình vua. Vua bảo:

– Đưa vị ấy vào!

Và ngài vào cung triều bái vua rồi ngồi xuống một bên. Vua chào đón ngài ân cần rồi hỏi:

– Này Vương tử, khi nào Đại vương đến?

– Tâu Chúa thượng, khi nào tiểu thần thỉnh cầu ngài.

– Nhưng có sao Vương tử đến đây?

– Thần đến để xây cung điện cho Đại vương của thần ngự, tâu Chúa thượng.

– Này Vương tử, thế thì tốt lắm!

Vua liền cho đãi đãi binh sĩ, trọng đãi bậc Đại sĩ rất hậu hĩ, ban cho ngài một tư thất rồi phán:

– Này Vương tử, cứ ở đây cho đến khi Đại vương ngự đến, nhưng đừng ăn không ngồi rồi mà phải làm những việc đáng làm.

Ngay khi ngài vào cung, đứng ở bậc thang gác, ngài quan sát và nghĩ thầm: “Ở đây phải làm cửa hầm nhỏ ấy.” Ngài lại nghĩ đến điều này: “Nhà vua này bảo ta phải làm những việc cần làm, vậy ta phải cẩn thận để thang gác này khỏi sập trong khi ta đang đào hầm.” Rồi ngài tâu vua:

– Tâu Chúa thượng, khi tiểu thần bước vào đứng bên chân cầu thang nhìn vào công trình mới xây này, tiểu thần thấy một khuyết điểm trong cầu thang

lớn này. Nếu Chúa thượng ưng thuận, xin phán bảo cho phép tiêu thân lấy gỗ về sửa sang lại cho đẹp.

– Này bậc Trí giả, tốt lắm, cứ làm đi!

Ngài quan sát chỗ ấy cẩn thận, định nơi làm lối ra của đường hầm rồi ngài dời cầu thang đi nơi khác và để cho đất chỗ ấy khỏi sụp, ngài đặt một sàn gỗ giữ cầu thang thật chắc chắn cho nó khỏi sụp. Nhà vua vô tình tưởng ngài làm việc này vì thiện ý cho mình. Bậc Đại sĩ ở đó một ngày xem xét việc sửa chữa rồi hôm sau trình vua:

– Tâu Chúa thượng, nếu tiêu thân được biết Đại vương của tiêu thân sẽ phải ngự ở đâu, tiêu thân sẽ xin thu xếp chu đáo việc đó.

– Này bậc Trí giả, tốt lắm, ngài cứ chọn nơi nào ngài muốn trong kinh thành này trừ cung điện trầm ra thôi.

– Tâu Đại vương, chúng thần là ngoại nhân, Đại vương có nhiều binh sĩ, nếu chúng thần chiếm tư dinh của họ, họ sẽ gây chiến với chúng thần. Vậy chúng thần phải làm sao đây?

– Này bậc Trí giả, đừng nghe họ, cứ chọn nơi nào vừa ý ngài là được!

– Tâu Đại vương, họ sẽ đến kêu nài với Đại vương mãi, việc ấy sẽ không làm Đại vương hài lòng. Song nếu Đại vương ban phép, chúng thần sẽ đến canh giữ cho đến khi chiếm xong các tư thất ấy, họ sẽ không đi ra cửa được rồi phải bỏ đi thôi. Như vậy, cả Đại vương lẫn chúng thần đều được toại ý.

Vua chấp thuận. Bậc Đại sĩ liền cho quân hầu canh ở chân và đầu cầu thang, ở đại hoàng môn và khắp nơi, rồi ra lệnh không cho ai qua lại. Ngài lại ra lệnh cho quân hầu đến cung của thái hậu, làm như thể sắp phá cung. Khi họ bắt đầu gõ ngói, gạch, đất sét khỏi cổng và tường, thái hậu nghe tin vội hỏi:

– Này các người, sao lại phá sập cung của ta?

– Bậc Trí giả Mahosadha muốn phá cung này để xây cung khác cho đức vua của ngài ngự.

– Nếu vậy thì các người cứ ở cung này cũng được.

– Đoàn tùy tùng của Đại vương chúng thần rất đông đảo, cung này không đủ, chúng thần phải xây cung rộng hơn cho ngài.

– Các người không biết ta ư, ta là Thái hậu, ta sẽ đi báo cho vương nhi biết.

– Chúng thần đang thi hành lệnh vua, nếu Lệnh bà ngăn cản được thì cứ làm.

Thái hậu nổi giận bảo:

– Để ta xem cách gì trị các người đây.

Rồi bà đến cung môn, nhưng họ không để bà đi vào.

– Này các khanh, ta là Thái hậu mà.

– Chúng thần không biết điều ấy, đức Vua ra lệnh không cho ai vào cả. Xin Lệnh bà lui ra.

Bà không vào cung được đành quay về đứng nhìn cung của mình. Một tên quân hầu bảo:

– Lệnh bà làm gì ở đây, xin lui ra!

Gã nắm lấy cổ bà ném xuống đất. Bà nghĩ thầm: “Chắc hẳn phải có lệnh vua, nếu không chúng không dám làm vậy đâu. Ta phải tìm gặp bậc Trí giả mới được.” Bà hỏi ngài:

– Này Vương tử Mahosadha, tại sao Vương tử phá sập cung của ta?

Song ngài không nói chuyện với bà. Một người đứng cạnh đó hỏi:

– Tàu Lệnh bà nói gì?

– Này nam tử, tại sao bậc Trí giả phá sập cung của ta?

– Để xây cung cho Vua Vedeha ngự.

– Cớ sao vậy này nam tử, trong kinh thành rộng lớn này ngài không tìm được một cung thất nào để vua ngự sao? Hãy nhận lễ vật mọn này, một trăm ngàn đồng tiền và thừa với ngài đi xây dựng cung khác!

– Tàu Lệnh bà, thế thì tốt lắm, chúng thần sẽ để yên cung của Lệnh bà, nhưng xin Lệnh bà chớ cho ai biết việc nhận lễ vật này để họ khỏi lo lót cho chúng thần để yên nhà của họ.

– Này nam tử, nếu họ kháo nhau rằng thái hậu phải cần lo lót thì nhục nhã cho ta biết bao! Ta không cho ai hay đâu.

Người kia bằng lòng nhận một trăm ngàn đồng tiền rồi rời cung. Sau đó, gã đến cung của Kevatta. Lão này vừa đến cửa cung đã bị cây tre quất vào lưng tét cả da thịt mà cũng không vào cung được nên cũng lo lót một trăm ngàn đồng tiền. Cứ bằng cách này, họ chiếm nhà khắp kinh thành để đòi của đút lót, họ thu được chín mươi triệu đồng tiền vàng. Sau đó, bậc Đại sĩ đi khắp kinh thành, rồi trở về cung. Vua hỏi ngài đã tìm ra chỗ chưa. Ngài bảo:

– Tàu Đại vương, dân chúng đều muốn dâng nhà cửa, nhưng khi chúng thần đến nhận gia sản, họ hết sức âu sầu, chúng thần không muốn gây nên sự bất mãn. Ngoài kinh thành khoảng một dặm, giữa kinh thành và sông Hằng có một nơi chúng thần có thể xây cung điện cho Đại vương của chúng thần.

Vua nghe vậy liền đẹp ý, rồi ông nghĩ thầm: “Đánh nhau trong kinh thành thật nguy hiểm vì khó phân biệt bạn thù, chứ ngoại thành thì dễ đánh, vậy ta sẽ đánh giết chúng ở ngoại thành.” Thế là vua bảo:

– Được lắm, bậc Trí giả, cứ xây cung ở chỗ đã tìm được!

– Tàu Đại vương, xin vâng lệnh. Nhưng dân chúng không được đến nơi chúng thần xây cất để kiểm củi hay cây thuốc, nếu không chắc hẳn sẽ có tranh chấp cãi cọ không hay gì cho Đại vương lẫn chúng thần.

– Tốt lắm, bậc Trí giả, cứ cầm hết lối ra vào phía ấy.

– Tâu Đại vương, bầy voi của chúng thần thích vui đùa dưới nước, nếu nước sông bị khuấy đục bẩn bùn và dân chúng than phiền vì Trí giả Mahosadha đến đây mà họ không có nước sạch để uống thì xin Đại vương lượng thứ việc ấy.

Vua đáp:

– Được, cứ cho voi xuống vui chơi!

Rồi vua truyền đánh trống ra lệnh:

– Kẻ nào đến chỗ bậc Trí giả Mahosadha đang xây cung điện sẽ bị phạt một ngàn đồng tiền.

Sau đó, bậc Đại sĩ tạ từ vua cùng đoàn tùy tùng ra ngoài thành bắt đầu xây một thành trì ở nơi đã được dành riêng ra. Bên kia sông Hằng, ngài đã xây một ngôi làng đặt tên là Gaggali, nơi đó ngài dự trữ voi ngựa, xe pháo, trâu, bò. Chính ngài đích thân thiết kế thành ấy và giao cho mỗi người một phận sự. Khi đã phân chia nhiệm vụ xong, ngài bắt đầu xây đường hầm lớn, miệng hầm ở trên bờ sông Hằng, có sáu ngàn quân sĩ đào hầm. Họ bỏ đất mới đào vào các bao da vớt xuống sông, hễ nơi nào đất được thả xuống thì bầy voi đến giẫm lên, khiến sông Hằng vẫn đục cả bùn. Dân chúng than phiền rằng từ khi ngài Mahosadha đến đây, họ không có nước sạch để uống, dòng chảy của sông Hằng bị khuấy động, vấy bùn, chuyện này là sao đây? Quân thám tử của bậc Đại sĩ báo họ rằng bầy voi của ngài đang chơi đùa dưới nước làm khuấy bùn lên cho nên nước mới đục.

Lúc bấy giờ, mọi dự định của Bồ-tát đều được thành tựu, vì thế trong hầm mới, các rễ cây, khúc cây, sỏi đá đều chìm xuống đất. Lối vào đường hầm nhỏ ở bên trong kinh thành. Có ba trăm quân đang đào đường hầm, họ mang đất bằng bao da đổ vào thành, mỗi lần mang đến một đồng, họ lại trộn với nước để xây tường thành hoặc dùng vào việc khác.

Còn lối vào đường hầm lớn nằm trong kinh thành có cửa vào, cao mười tám khuỷu tay, có máy móc để khi bấm một nút thì cửa ấy đóng chặt, bấm một nút thì cửa ấy mở ra. Hai bên hầm được xây bằng gạch và hồ vữa, mái lợp ván, trét hồ vữa và sơn trắng. Bên trong có tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, tất cả đều được đóng lại hoặc mở ra bằng một nút bấm. Hai bên có hàng trăm ổ đèn trang bị máy móc, để khi một đèn được bật sáng thì tất cả đều bật, khi một đèn được tắt thì tất cả đều tắt.

Mỗi phía có một trăm lẻ một gian phòng cho một trăm lẻ một chiến vương (Khattiya). Trong mỗi phòng đặt một sàng tọa đủ màu, trong đó lại có một trường kỷ lớn được che bằng lông trắng, mỗi phòng lại có một chiếc ngai đặt gần trường kỷ lớn ấy một tượng mỹ nhân, nếu không sờ tay vào thì không ai có thể biết các tượng đó không phải người thật.

Ngoài ra, trong mọi phía hầm, các họa sĩ tinh xảo đã vẽ đủ loại tranh: Cảnh huy hoàng của Thiên chủ Sakka, các miền núi Sineru, vũ trụ, các biển cả cùng

đại dương bốn châu, dãy Tuyết Sơn, hồ Anotatta, núi Hồng Thổ, mặt trăng, mặt trời, cõi Tứ Thiên Vương với sáu tầng trời cõi dục và các thành phần trong đó. Tất cả đều hiện ra trong đường hầm này, nền đất rải cát trắng như một phiến bạc, nổi bật các hoa sen tươi thắm ở phía trên. Hai bên có lều quán đủ loại, rải rác các rèm hoa lơ lửng tỏa mùi thơm ngát. Như vậy, họ trang hoàng đường hầm rực rỡ chẳng khác nào thiên đình Sudhammā.⁴⁶

Lúc bảy giờ, sau khi ba trăm thợ đóng ba trăm chiếc thuyền xong, họ liền chắt đầy thuyền mọi dụng cụ sẵn sàng lúc cần đến rồi đem xuống sông Hằng và trình với bậc Trí giả. Ngài hướng dẫn họ cách sử dụng ở kinh thành, bảo họ giấu chúng ở một nơi bí mật để đưa chúng ra khi có lệnh ngài.

Trong kinh thành ngài cho đào ba hào, đó là hào nước, hào bùn và hào khô. Tường thành cao mười tám *cubit*, hoàng môn, tháp canh, cung thất cho vương tử và nhà dân chúng, chuồng voi, hồ nước đều đã xong xuôi. Như vậy, đường hầm lớn và đường hầm nhỏ cùng toàn kinh thành được xây xong trong bốn tháng. Sau đó, bậc Đại sĩ gửi sớ trình xin vua đến ngự.

Để giải thích điều này, bậc Đạo sư đã ngâm vãn kệ:

637. Vương cung hoàn tất dựng xây nhanh,
Cho Vedeha rất nổi danh,
Đại sĩ cho người dâng sớ thỉnh,
Vua đang ở Mithilā thành:
“Đại vương, đã dựng xong cung thất,
Kính thỉnh giờ này, xin khởi hành!”

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

638. Vị Đại vương cùng bốn đạo binh,
Bấy giờ liền ngự giá du hành,
Cùng vô số cỗ xe hầu cận,
Đến viếng Kampilla hiển vinh.

Vào giờ đã định, vua đến sông Hằng, bậc Đại sĩ ra lệnh đón vua vào kinh thành ngài vừa xây xong. Vua vào cung hưởng một bữa tiệc cao lương mỹ vị và sau khi nghỉ ngơi một lát xong, vào buổi chiều, vua gửi thông điệp báo cho Vua Cūlani biết ông đã đến.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

639-40. Khi đến nơi, vua nhắn gửi lời,
Với Brahma: “Kính lễ chân ngài,
Xin ban công chúa làm vương hậu,
Nữ báu dung nhan thật tuyệt vời,

⁴⁶ Sudhammā, còn gọi là Sudhammāsālā (善法堂, Thiệp Pháp đường), một cung điện lớn ở cõi trời Tāvātimsa (Tam Thập Tam), nơi hội họp của chư thiên, thảo luận về các việc thiện ác ở cõi người và cõi trời. Tham khảo: *VvA*. 258.

Trang sức bằng vàng, trọn khả ái,
Được đoàn thị nữ hộ lên ngôi.”

Vua Cūḷani hoan hỷ nhận được thông điệp, nghĩ thầm: “Các quốc thù của ta sẽ đến đây. Ta sẽ chặt đầu chúng ra và nâng chén khải hoàn.” Nhưng ông chỉ làm ra vẻ hân hoan tiếp đón sứ giả rất trọng thể rồi ngâm kệ sau:

641. Cung nghênh Đại chúa Vedeha,
Hạnh ngộ ngày nay quả thật là,
Hãy chọn giờ lành mang hạnh phúc,
Trẫm đem công chúa tặng vương gia,
Nàng đầy vẻ đẹp yêu kiều ấy,
Được các cung tần hộ tống ra.

Sứ giả liền đi về trình Vua Vedeha:

– Tâu Chúa công, Đại vương truyền: “Hãy chọn giờ lành cho mỗi lương duyên này và trẫm sẽ kết duyên công chúa cho ngài.”

Vua gửi sứ giả trở lại tâu:

– Hôm nay chính là giờ lành!

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

642-43. Vedeha chọn giờ lành xong,
Trình Brahmadata Đại vương:
“Xin gả công nương làm ái hậu,
Nữ nhân điểm lệ tuyệt trần gian,
Phục trang vàng, trọn yêu kiều ấy,
Được các cung phi hộ tống nàng.”

Đại đế Cūḷani đáp lại:

644. Ta ban ngài nữ báu siêu phàm,
Tô điểm nhiều trang sức rực vàng,
Mọi vẻ yêu kiều, đầy khả ái,
Được đoàn thị nữ hộ cho nàng.

Nhưng khi vua bảo: “Trẫm sẽ đưa công chúa vu quy ngay bây giờ”, vua đã nói dối và ông ra lệnh cho một trăm lẻ một vị vương hầu kia: “Hãy chuẩn bị sẵn sàng ra trận với mười tám đạo binh của các vị và tiến lên, ta sẽ chặt đầu hai kẻ thù của ta và nâng chén khải hoàn!” Vua để Thái hậu Calākā ở lại trong cung cùng Hoàng hậu Nandā, Hoàng tử Pañcālacaṇḍa, Công chúa Pañcālacaṇḍī rồi ra đi.

Bồ-tát tiếp đãi rất nồng hậu đoàn đại binh cùng đến với Vua Vedeha, kẻ uống rượu, người ăn thịt, có kẻ nằm nghỉ mệt vì đường xa. Còn Vua Vedeha cùng với Senaka và các vị kia ngồi trên bảo tọa cùng với các cận thần. Nhưng Vua Cūḷani đã bao vây thành bốn vòng trong ba khoảng cách, thấp hàng trăm ngàn ngọn đuốc rực trời sẵn sàng chiếm lấy kinh thành ấy khi mặt trời mọc. Hay tin này, bậc Đại sĩ ra lệnh cho ba trăm chiến sĩ của ngài:

– Các người hãy đi theo đường hầm nhỏ đưa thái hậu, hoàng hậu, hoàng tử và công chúa về đây qua đường hầm lớn, nhưng đừng để cho các vị ấy ra ngoài bằng cửa hầm lớn, mà phải bảo vệ các vị ấy an toàn trong đường hầm cho đến khi ta tới, rồi hãy đem các vị ấy ra khỏi hầm và dẫn các vị ấy vào đại sảnh!

Khi họ nhận chỉ thị xong, họ đi dọc đường hầm nhỏ, đẩy tấm sàng dưới cầu thang, bắt lấy quân canh ở đầu và chân cầu thang, trên thượng lầu, những tên gù cùng nhiều người khác, trói tay chân lại, nhét giẻ vào mồm họ rồi giấu họ rải rác đây đó xong ăn một số thức ăn được chuẩn bị cho vua, phá hủy số thức ăn còn lại rồi lên thượng lầu.

Lúc ấy, Thái hậu Calākā không biết việc gì sẽ xảy ra nên đã bảo Hoàng hậu Nandā cùng hoàng tử, công chúa đến nằm với bà trên giường. Ba chiến sĩ đứng ở cửa phòng gọi họ. Bà bước ra bảo:

– Việc gì thế các con?

Họ đáp:

– Tâu Lệnh bà, Đại vương đã giết Vua Vedeha và Mahosadha, rồi biến toàn cõi Diêm-phù-đề thành một đế quốc. Ngài đang được một trăm lẻ một vị vương hầu vây quanh nâng chén đại khái hoàn. Vì thế, ngài phái chúng thần đến đây rước Lệnh bà cùng các vị kia đến cùng ngài.

Các vị ấy đi xuống tới chân cầu thang. Khi quân sĩ đem họ vào hầm, họ bảo:

– Suốt đời ta sống ở đây, chưa từng đi đường này bao giờ.

Quân sĩ đáp:

– Người ta thường ít đi đường hầm này, đây là con đường hướng lạc, vì hôm nay là ngày hội vui chơi nên Đại vương bảo chúng thần đưa các vị về lối này.

Họ tin lời ngay. Sau đó, vài quân sĩ dẫn bốn người đi, còn các người khác trở lại cung vua, phá cửa kho tàng mang đi hết mọi báu vật họ muốn lấy. Bốn vị kia đi vào đường hầm lớn, thấy chẳng khác nào sảnh đường huy hoàng của chư thiên nên cứ tưởng nơi này dành cho vua. Rồi họ được đưa đến một nơi không xa dòng sông, vào một cung thất đẹp trong đường hầm. Vài quân sĩ canh chừng họ, còn các kẻ khác đi tâu trình với Bồ-tát rằng họ đã đến.

Ngài nghĩ thầm: “Nay tâm nguyện của ta sẽ được viên mãn.” Lòng đầy hoan hỷ, ngài bước vào yết kiến vua rồi đứng qua một bên. Vua đang nôn nao khát vọng, nghĩ thầm: “Ngay bây giờ ngài sẽ đưa công chúa của ta đến, ngay bây giờ ngài sẽ đưa công chúa của ta đến!” Rồi vua đứng dậy nhìn qua cửa sổ. Lúc bấy giờ, cả kinh thành đang rực sáng trong hàng ngàn bó đuốc và bị bao vây trong đạo binh rầm rộ ghê hồn. Đây kinh hãi và nghi hoặc, vua kêu lên:

– Cái gì thế?

Và ông ngâm kệ với các Trí giả:

645. Voi, ngựa, cỗ xe, các đạo quân,
Mang bảo giáp đứng cả đoàn đông,

Rực trời ánh đuốc đang bùng cháy,
Ý nghĩa gì chẳng, các Trí nhân?

Senaka đáp:

– Xin Đại vương chớ sợ! Đám đuốc cháy rực, thần đoán là đức vua đang đem công chúa đến cho Đại vương.

Pukkusa lại nói:

– Chắc chắn vua ấy muốn đón Đại vương thật trọng thể nên đã đến đây với đoàn hộ tống.

Họ mặc tình tâu vua những điều họ thích. Nhưng vua nghe các hiệu lệnh:

– Để một chi đội ở đây, một đội phòng vệ đằng kia, hãy canh phòng cẩn mật!

Vua lại thấy quân sĩ cầm khí giới nên ông sợ mất hồn, mong nghe được một lời gì của bậc Đại sĩ liền ngâm kệ lần nữa:

646. Voi, ngựa, cỗ xe, các đạo quân,
Mang bào giáp đứng cả đoàn đông,
Rực trời ánh đuốc đang bùng cháy,
Họ định làm gì, các Trí nhân?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Trước hết ta phải làm cho hôn quân si ám này khiếp đảm một hồi đã rồi ta sẽ tỏ oai lực của ta và trấn an sau.” Ngài liền nói:

647. Hoàng đế Cūlani đại cường,
Đang vây ngài chặt, tấu Minh quân,
Brahmadatta chính người gian trá,
Vua ấy sẽ tàn sát Đại vương!

Nghĩ thế, mọi người đều kinh hoảng đến mất vía, cổ họng của vua khô cứng lại không còn nước bọt nữa, cơ thể ông như đang bị thiêu đốt, hoảng hồn như sắp chết, ông rên rỉ ngâm hai vần kệ sau:

648. Tim ta hồi hộp, miệng khô rang,
Lòng dạ ta nay thật bất an,
Ta giống một người bị đốt lửa,
Rồi đem phơi dưới nắng chang chang.

649. Như cháy bên trong lửa thợ rèn,
Bên ngoài chẳng có thể nào xem,
Lòng ta cũng vậy đang bùng cháy,
Nhưng chẳng một ai có thể nhìn.

Khi bậc Đại sĩ nghe lời than thở ấy, ngài nghĩ thầm: “Hôn quân ngu muội này thường chẳng nghe lời ta lúc trước, nay ta phải trừng phạt thêm nữa mới được.” Ngài liền nói:

650. Ngài bị đắm say, hỡi Đại vương!
Không theo khuyên cáo, thiếu khôn ngoan,

- Giờ đây xin các quân sư giúp,
Tài trí hộ ngài thoát hiểm luôn.
- 651.** Ngài chẳng theo lời của đại thần,
Một người vì nghĩa, lợi Anh quân,
Vị vua thích thú theo bản ngã,
Cũng giống như nai dính bẫy rừng.
- 652.** Như cá lúc nhìn thấy lưỡi câu,
Bọc ngoài miếng thịt, có ngờ đâu,
Cá kia ham muốn thịt tươi mới,
Chẳng biết là mồi, phải chết mau.
- 653.** Cũng y như thế, tâu Đại vương,
Ngài chẳng biết rằng công chúa nương,
Con của Vua Cūḷanīya,
Khiến ngài chết tựa cá đau thương!
- 654.** Nếu ngài đến xứ Pañcāla,
Sẽ bỏ mạng này, phút chốc sa,
Cũng tựa chú nai rong ruổi mãi,
Bên đường gặp đại nạn, nguy cơ.
- 655.** Người nào có vẻ không hiền lành,
Như rắn bên hông, sẽ cắn mình,
Bậc Trí không làm bạn kẻ ấy,
Nếu thân kẻ xấu, khổ đau nhanh.
- 656.** Đại vương dò xem, biết người nào,
Có đức hạnh đầy, trí rộng sâu,
Bậc Trí nên làm bạn với họ,
Nếu thân người tốt, an vui mau.

Rồi để nhấn mạnh sự khiển trách một người không nên đối xử với kẻ khác như thế, ngài nhắc lại những lời lẽ mà vua đã nói trước kia và nói tiếp:

- 657.** Ngài điếc câm, ngu muội, Đại vương,
Khinh lời khuyên tối thượng từ thần,
Hỏi sao thần hiền như người khác,
Khi lớn lên cày cấy ruộng đồng?
- 658.** “Bắt lấy gã kia, tóm cổ mau,
Tống ra khỏi xứ sở ta nào,
Con người dám nói hòng ngăn cản,
Việc trăm sắp đi lấy bảo châu!”

Sau khi ngâm hai vần kệ xong, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, làm sao một kẻ nông dân như thần lại biết được chuyện gì là tốt là hay như Senaka và các trí giả kia được? Chuyện đó không phải là tài

nghệ của thần, thần chỉ biết nghề cày sâu cuốc bẫm, còn chuyện này thì Senaka và phe nhóm của lão biết rõ lắm, họ là những trí giả. Vậy hôm nay xin để họ giải thoát ngài khỏi trùng vây của mười tám đạo quân hùng mạnh kia đang bao quanh ngài và xin ra lệnh cho họ tóm cổ thần vứt đi, tại có sao Đại vương lại hỏi han đến thần?

Ngài trách móc vua không tiếc lời như vậy. Vua nghe xong nghĩ thầm: “Bậc Trí giả đang kể lại những việc sai trái mà ta đã làm. Trước kia, ngài đã biết trước tai họa sắp đến nên nay ngài mới trách cứ ta gay gắt như vậy. Nhưng chắc ngài không bỏ phí thời giờ một cách phù phiếm đâu, chắc hẳn ngài đã sắp xếp cho ta được an toàn.” Vì thế, vua ngâm kệ khiển trách ngài:

- 659.** Bậc Trí không nhai chuyện đã qua,
Giữa hàm răng, hỡi Mahosadha,
Cớ sao khanh cứ rầy rà trầm,
Như ngựa bị dây trói chặt à?
- 660.** Nếu thấy được đường lối giải vây,
Cách an toàn thoát nạn giờ này,
Hãy mau làm trầm yên lòng nhé,
Sao trút chuyện xưa xuống trầm đây?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Vua này rất mê muội mù quáng, chẳng phân biệt được các hạng người trên đời. Vậy ta phải hành hạ một hồi rồi sẽ giải cứu vua.” Và ngài đáp:

- 661.** Hành động giờ đây quá muộn màng,
Vô cùng nguy hiểm lại gian nan,
Thần không giải cứu Quân vương được,
Ngài phải tự lo liệu số phần.
- 662.** Có giống voi bay giữa cõi không,
Lực thần đầy đủ thật vinh quang,
Người nào có được loài voi ấy,
Có thể bay cùng chúng thoát thân.
- 663.** Có giống ngựa bay giữa cõi không,
Lực thần đầy đủ thật vinh quang,
Người nào có được loài phi mã,
Có thể bay cùng chúng thoát nạn.
- 664-66.** Có các loài chim hoặc quý thần,
Đủ tài bay bổng giữa không gian,
Còn nay quá muộn nên người tục,
Không thể làm vì quá khó khăn,
Thần chẳng thể nào cứu Đại vương,
Ngài cần quyết định việc riêng phần.

Nghe vậy, vua ngồi yên lặng không thốt một lời, nhưng Senaka nghĩ thầm: “Không ai cứu giúp được vua và bọn ta trừ bậc Trí giả. Tuy thế, vua lại quá kinh sợ nên không đáp lời ngài được. Vậy ta sẽ hỏi ngài xem.” Rồi lão cầu xin ngài qua hai vần kệ:

667. Một người không thể thấy bờ xa,
Ở giữa đại dương rộng lớn mà,
Khi nó tìm ra nơi trú ngụ,
Đủ đầy hạnh phúc với hoan ca.

668. Cũng vậy với quân sĩ, Đại vương,
Ngài là đất trú ngụ an toàn,
Ngài là tối thượng quân sư báu,
Xin giải cứu toàn thể thoát nạn!

Bậc Đại sĩ quả trách lão qua vần kệ:

669. Hành động giờ đây quá muộn màng,
Vô cùng nguy hiểm lại gian nan,
Ta không giải cứu cho ngài được,
Ngài phải tự lo liệu số phần.

Vua không tìm được lối thoát và quá khiếp sợ cho mạng sống của mình nên không thể nói được lời gì với bậc Đại sĩ cả mà chỉ nghĩ rằng chắc lão Senaka có mưu kế liên ngâm kệ này:

670. Hãy lắng nghe lời trầm nói vậy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Senaka, trầm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

Senaka nghĩ thầm: “Nhà vua hỏi mưu kế, thôi dù hay dù dở, ta cũng phải nói ra một kế cho ngài.” Lão liền ngâm kệ:

671. Ta hãy đốt lên ngọn lửa cao,
Ở bên cửa lớn lấy gươm dao,
Chúng ta cùng đả thương nhau chết,
Chóc lát ta không sống nữa nào,
Đừng để Brahmadatta ấy,
Giết ta bằng cái chết dài lâu!

Vua nghe vậy nổi cơn thịnh nộ, nghĩ thầm: “Cái đó thật xứng làm giàn hỏa cho người cùng con cháu người.” Ngài lại hỏi Pukkusa và các người kia, kẻ nào cũng đều thưa trình theo kiểu ngu ngốc của mình, và đây là câu chuyện của họ. Vua hỏi:

672. Hãy lắng nghe lời trầm nói vậy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,

Pukkusa, trầm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

[Pukkusa đáp:]

673. Chúng ta uống thuốc độc từ trần,
Chóc lát ta không phải sống còn,
Đừng để Brahmadatta ấy,
Giết ta bằng cái chết dần mòn!

[Vua hỏi:]

674. Hãy lắng nghe lời trầm nói vậy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Kāvinda, trầm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

[Kāvinda đáp:]

675. Chúng ta thất cở hòng lìa đời,
Chóc lát ta không sống nữa rồi,
Đừng để Brahmadatta ấy,
Giết ta bằng cái chết lần hồi!

[Vua hỏi:]

676. Hãy lắng nghe lời trầm nói vậy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Devinda, trầm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

[Devinda đáp:]

677. Ta hãy đốt lên ngọn lửa cao,
Ở bên cửa lớn lấy gươm dao,
Chúng ta cùng đả thương nhau chết,
Chóc lát ta không sống nữa nào,
Thần không thể cứu nguy chư vị,
Chi Đại Trí nhân có phép mầu!

Devinda nghĩ thầm: “Nhà vua đang làm gì thế? Ngọn lửa đây mà ngài lại đi thổi con đom đóm! Trừ Mahosadha ra, không ai giải cứu được chúng ta. Thế mà nhà vua lại bỏ ngài và hỏi kể chúng ta, làm sao chúng ta biết được?”

Nghĩ thế xong, lão không thấy ai có mưu kế gì, lão liền lặp lại mưu kế Senaka đã đưa ra, rồi ca ngợi bậc Đại sĩ qua hai câu. Trong đó, thể hiện mong muốn này:

– Tâu Đại vương, thần muốn tất cả chúng ta hỏi bậc Trí giả. Nếu như trong lúc hỏi mà Mahosadha không thể giải vây an toàn cho chúng ta thì khi ấy chúng ta sẽ làm theo lời của Senaka vậy.

Nghe vậy, vua nhớ lại mình đã bạc đãi Bồ-tát trước kia nên không thể nói gì thêm với ngài nữa, chỉ than thở khi lão nói vậy thôi:

- 678-79.** Giống kẻ đi tìm chất nhựa thông,
Ở trong cây chuối hoặc cây bông,
Nên không thấy nhựa, như ta vậy,
Không thể tìm lời giải khó khăn.
- 680.** Chỗ trú ta đây thật hải hùng,
Như bầy voi ở chốn khô cằn,
Vớ người vô dụng và ngu xuẩn,
Chẳng biết làm gì để thoát thân.
- 681.** Tim ta hồi hộp, miệng khô rang,
Lòng dạ ta nay thật bất an,
Ta giống một người bị đốt lửa,
Rồi đem phơi dưới nắng chang chang.
- 682.** Như cháy bên trong, lửa thợ rèn,
Bên ngoài chẳng có thể nào xem,
Lòng ta cũng vậy đang bùng cháy,
Nhưng chẳng một ai có thể nhìn!

Nghe vậy, bậc Trí giả nghĩ thầm: “Nhà vua đã vô cùng lo sợ, nếu ta không trấn an ngài, chắc ngài sẽ vỡ tim ra mà chết.” Thế là ngài trấn an vua.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này qua các vần kệ:

- 683.** Rồi Trí giả Mahosadha,
Bậc can đảm, thiện hướng bao la,
Khi ngài thấy mặt vua sầu thảm,
Ngài nói như vậy với đức vua:
- 684.** “Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như trắng ra khỏi miệng La thần.
- 685.** Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như vàng dương khỏi miệng La thần.
- 686.** Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như voi khỏi lún chốn nhơ bùn.

687. Xin đừng sợ hãi, tầu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Giống như giải rấn khỏi nơi thùng.
688. Xin đừng sợ hãi, tầu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như chim được thoát khỏi nơi lồng.
689. Xin đừng sợ hãi, tầu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Giống như cá thoát lưới nơi sông.
690. Xin đừng sợ hãi, tầu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Cùng đoàn xa, tượng, mã, đoàn quân.
691. Xin đừng sợ hãi, tầu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ đuổi Vua Pañcāla,
Như cầm đất ném quạ, chim ưng.
692. Có ích lợi gì tuệ thế kia,
Hoặc quân sư thuộc hạng tầm thường,
Không tài giải cứu, phò Minh chúa,
Ra khỏi khổ nguy, bước cuối đường?

Vua nghe vậy an lòng ngay: “Thế là ta được bình an rồi”, ông nghĩ thầm. Mọi người đều hoan hỷ khi Bồ-tát nói lớn như sư tử rống. Lúc ấy, Senaka hỏi:

– Thưa bậc Trí giả, làm thế nào ngài thoát ra cùng chúng thần đây?

Ngài bảo:

– Bằng một đường hầm được trang hoàng thật đẹp. Hãy chuẩn bị sẵn sàng!

Nói xong, ngài ra lệnh cho quân hầu mở đường hầm này. Có kệ rằng:

693. Hỡi các chàng trai, đến, khởi công!
Làm cho hầm tối được khai thông,
Vua Vedeha, quần thần thoát,
Bằng lối hầm này, vượt trọn xong.

Họ đứng lên mở cửa hầm, toàn đường hầm sáng ngời như cung điện được trang hoàng của chư thiên.

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này như sau:

694. Lắng nghe lời ấy của Trí nhân,
Tất cả quân hầu vội nhanh chân,
Đi đến cửa hầm tìm cách mở,
Bật tung chốt cổ máy gài ngang.

Họ trình bậc Đại sĩ rằng cửa đã mở và ngài bảo vua:

– Tâu Đại vương, đã đến thời, xin bước xuống khỏi thượng lầu!

Vua liền bước xuống và Senaka cởi khăn trùm đầu, buông áo ra. Bậc Đại sĩ hỏi lão làm gì, lão đáp:

– Thưa bậc Trí giả, khi đi qua đường hầm, ta phải cởi khăn trùm đầu và buông áo quần quanh mình cho chặt.

Ngài đáp:

– Nay Senaka, đừng tưởng là ông phải bò lết suốt đường hầm, nếu ông muốn cưỡi voi thì cứ cưỡi, hầm của ta cao ngất mười tám khuỷu tay, cửa rộng rãi, cứ mặc xiêm y tốt đẹp vào như ông muốn rồi đi trước đức vua.

Nói xong, Bồ-tát bảo Senaka đi trước, vua đi giữa, ngài đi cuối cùng. Lý do là gì? Vì nếu vua lo ngắm nhìn đường hầm được trang hoàng rất đẹp thì sẽ không đến nơi nhanh được. Trong hầm là cả một thế giới đồ ẩm thực, người ta vừa ăn uống vừa ngắm đường hầm. Nhưng bậc Đại sĩ đi sau vua, thúc giục ông bước nhanh, trong lúc ông chiêm ngưỡng đường hầm được trang hoàng đẹp như cung điện của chư thiên.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

695. Vị trước tiên là Senaka,
Sau cùng là Mahosadha,
Vua Vedeha ngự nơi giữa,
Các đại thần thì quanh đức vua.

Bấy giờ, khi được biết vua đã đến nơi, quân hầu đem thái hậu, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa của vua kia ra khỏi đường hầm, để họ ở trước sân châu rộng lớn. Vừa lúc ấy, vua cùng Bồ-tát bước ra khỏi hầm. Khi bốn vị kia trông thấy vua và bậc Trí giả, họ kinh hoàng đến chết cứng, hoảng sợ thét lên:

– Chắc chắn ta đã ở trong tay địch rồi, chắc chắn quân sĩ của bậc Trí giả đến bắt ta đây!

Còn Vua Cūḷani sợ Vua Vedeha trốn thoát, lúc bấy giờ, Vua Cūḷani đang ở cách sông Hằng khoảng một dặm, nghe tiếng họ thét to trong đêm vắng, ông muốn bảo: “Hình như giọng của Hoàng hậu Nandā.” Nhưng ông sợ bị cười nhạo vì nghĩ quẩn như thế nên không nói gì.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ đặt Công chúa Pañcālacaṇḍī trên một khối trân bảo và ra lệnh rảy nước thánh lễ trong khi ngài nói:

– Tâu Đại vương, vì nữ nhân này, Đại vương đến đây. Vậy xin sắc phong nàng làm vương hậu!

Họ mang đến ba trăm chiếc thuyền, vua bước ra khỏi sân châu rộng lớn, ngự lên một chiếc thuyền được trang hoàng long lẫy và bốn vị kia cùng bước lên với vua.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 696.** Vừa khỏi đường hầm, theo lối riêng,
Vua Vedeha ngự lên thuyền,
Sau khi biết được vua an vị,
Mahosadha mới nhủ khuyển.
- 697.** “Tâu Chúa thượng! Đây là quốc công,
Đây là quốc mẫu, tâu Quân vương!
Thế nào mẫu hậu được tôn quý,
Thế ấy đáp đền quốc mẫu nương.
- 698.** Xin tâu Chúa tể đoàn binh xa,
Hãy quý Pañcālacaṇḍa,
Như thể em trai của Chúa thượng,
Người em cùng một mẹ và cha.
- 699.** Đây là Pañcālacaṇḍī,
Công chúa mà ngài ước mọi khi,
Vương hậu là nàng, xin ái kính,
Xa binh Chúa tể, hãy luôn ghi!”

Vua chấp thuận ngay, nhưng tại sao bậc Đại sĩ không nói gì đến thái hậu? Chỉ vì bà ấy cũng đã già. Bỏ-tát nầy giờ đứng trên bờ nói đủ mọi việc như thế. Vua vừa thoát khỏi đại nạn chỉ muốn ra khỏi ngay liền nói:

– Vương nhi nói chuyện mà vẫn đứng trên bờ thế?

Rồi vua ngâm kệ:

- 700.** Nào hãy nhanh chân bước xuống đò,
Sao vương nhi mãi đứng trên bờ,
Ta vừa thoát được nơi nguy hiểm,
Ta hãy đi mau, Mahosadha!

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, thân đi cùng Đại vương thì chẳng thuận tiện.

Rồi ngài ngâm kệ:

- 701-02.** Việc này không đúng, tâu Quân vương,
Thần thủ lãnh toàn thể đạo quân,
Nếu bỏ đoàn quân và tâu thoát,
Vậy toàn quân lính ở trong làng,

Rồi đây thần sẽ đem về cả,
Nếu được lệnh Brahma thượng hoàng.

– Trong đám quân sĩ đi đường xa đến này, có kẻ mệt quá nên ngủ thiếp, có kẻ đang ăn uống, không biết ta khởi hành và có kẻ bị bệnh. Nhiều người ở đây đã làm việc cùng thần bốn tháng nay, họ giúp đỡ thần. Thần không thể bỏ lại một tên lính nào mà đi cả nên thần sẽ trở lui. Thần sẽ mang đi toàn quân sĩ ấy theo lệnh của Vua Brahmadata mà không cần một trận đánh nào, xin Đại vương hãy lên đường thật nhanh, không được trì hoãn ở nơi nào! Thần đã sắp đặt những trạm voi và xe ngựa trên lộ trình nên Đại vương có thể để lại những con vật nào mỗi một, còn những voi, ngựa mạnh khỏe sẽ trở về Mithilā nhanh chóng.

Lúc ấy, vua ngâm kệ:

703. Một đoàn quân quá nhỏ nhoi,
Làm sao thắng nổi đoàn người đông hơn?
Đoàn quân yếu bị diệt vong,
Bởi đoàn quân mạnh, Trí nhân hỡi ngài!

Bồ-tát ngâm kệ tiếp:

704. Một đoàn quân quá ít ỏi,
Có minh sư vẫn thắng người đông hơn,
Họ không có vị dẫn đường,
Một vua thắng lắm quốc vương lẽ thường,
Khác gì với ánh triều dương,
Đánh tan bóng tối, vinh quang mọi nhà.

Nói lời này xong, bậc Đại sĩ vái chào vua và tiễn ngài lên đường. Vua nhớ lại mình đã được giải cứu khỏi bàn tay kẻ thù như thế nào và chiếm được công chúa là đã đạt được tâm nguyện. Suy xét kỹ đến công đức của Bồ-tát, vua hân hoan diễn tả cho Senaka nghe những công đức ấy của bậc Trí giả qua vần kệ sau:

705. Quốc sư hỡi, Senaka,
Sống cùng người trí thật là lạc hoan!
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Mahosadha cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Senaka ngâm kệ khác vừa đáp lời vua vừa tán dương bậc Trí giả:

706. Muôn tâu Chúa thượng, chúng ta,
Sống cùng người trí thật lạc hoan!
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Mahosadha cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Lúc ấy, Vua Vedeha đã qua sông cách chừng một do-tuần. Ông thấy ngôi làng mà Bô-tát đã dựng sẵn, quân hầu do Bô-tát giao nhiệm vụ tại đó cung cấp voi, ngựa và các phương tiện chuyên chở khác rồi dâng thức ăn uống. Vua giao lại những voi, ngựa chuyên chở nào đã mệt mỏi rồi nhận các thứ khác và đi đến làng kế cận, cứ thế ông vượt qua cuộc hành trình dài hàng trăm do-tuần và sáng hôm sau về đến Mithilā.

Còn Bô-tát khi đi đến cổng đường hầm, rút kiếm đeo trên vai ra đem giấu trong cát rồi ngài trở vào đường hầm đi đến kinh thành, tắm gội nước thơm, ăn uống cao lương mỹ vị xong, nghỉ ngơi trên bảo tọa, sung sướng nghĩ rằng tâm nguyện của ngài đã đạt thành. Khi đêm tàn, Vua Cūlani ra lệnh quân sĩ vào kinh thành.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

707. Hoàng đế Cūlani đại cường,
Đã canh giữ kỹ suốt đêm trường,
Rạng đông vừa đến thành Upakā,
Đang ngự trên lưng của tượng vương.

708-09. Mãnh tượng sáu mươi tuổi đã già,
Đại vương hùng dũng Pañcāla,
Quân trang vũ khí toàn châu báu,
Cung nắm trong tay cất tiếng ra.

Sau đó, vua miêu tả chúng đủ loại:

710. Truyền lệnh đại quân tề tựu ngay,
Lên voi vệ sĩ chiến xa này,
Các người thiện xạ và cung thủ,
Tất cả cùng nhau tụ họp đây.

Bấy giờ, vua ra lệnh họ bắt sống Vua Vedeha:

711. Đưa hết các voi chiến có ngà,
Sáu mươi tuổi thọ, giẫm tan ra,
Kinh thành mới dựng cao sang ấy,
Do chính Đại vương Vedeha.

712. Hãy bắn tên ra mọi phía này,
Từ bao cung nỏ đám tên bay,
Như răng bò ghé đầu tên nhọn,
Đâm thủng tận xương bọn chúng ngay.

713. Anh hùng tiến tới, giáp bào mang,
Vũ khí cầm tay khéo điềm trang,
Dũng mãnh, can trường và tự nguyện,
Sẵn sàng đối diện với voi đàn.

714. Các gươm giáo được tẩm dầu trong,
Đầu nhọn lung linh tựa lửa hồng,
Lấp lánh như chùm sao hội tụ,
Cả trăm tinh tú giữa hư không.
715. Khi các anh hùng ấy tấn công,
Mang bào giáp, vũ khí hiên ngang,
Không hề tháo chạy bao giờ cả,
Làm sao Vedeha vương ấy,
Có thể tìm con đường tẩu thoát,
Cho dù bay lượn tựa chim muông?
716. Ba vạn chín ngàn chiến sĩ ta,
Ta chưa từng thấy thế bao giờ,
Toàn quân được chọn rất tinh nhuệ,
Tất cả hùng quân của nước nhà.
- 717-18. Hãy nhìn voi mạnh đủ đôi ngà,
Tô điểm cân đai đẹp mắt ta,
Tuổi thọ sáu mươi, lưng ngất ngưỡng,
Các vương tử rực rỡ, xa hoa,
Trang hoàng lộng lẫy bao xiêm áo,
Như các thiên thần Nandana.
719. Gươm màu cá bạc tẩm dầu trơn,
Lấp lánh, anh hùng nắm vững vàng,
Bén nhọn, sáng ngời, hoàn hảo quá,
Được làm bằng thép luyện nhiều lần.
- 720-21. Gươm mạnh do bao dũng sĩ cầm,
Những người chiến đấu mãi không ngừng,
Kim hoàn vàng ánh, bao màu đỏ,
Gươm sáng lung linh lúc vẫy vùng,
722. Như chớp lòe trong mây xám ngất,
Anh hùng mang giáp vẩy cò tung,
Có tài dùng kiếm và khiên mộc,
Nắm chặt chuôi gươm, thiện chiến quân.
723. Bị vây bởi chiến sĩ anh hùng,
Như vậy trên lưng voi tấn công,
Người chẳng có nơi nào tẩu thoát,
Ta không thấy một lực oai thần,
Giúp người trở lại kinh thành cũ,
Ở Mithilā, người biết chăng?

Vua này hăm dọa Vua Vedeha như vậy, nghĩ rằng sẽ bắt được vua kia lúc ấy ngay tại chỗ nên thúc voi đi nhanh hơn, ban lệnh quân sĩ bắt được là đánh và giết đi. Vua Cūḷani tiến vào thành Upakāri như dòng thác lũ.

Lúc ấy, các thám tử của bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra?” và những người hầu cận xúm xít quanh ngài. Ngay lúc này, Bồ-tát đứng dậy khỏi sàng tọa, quân hầu giúp ngài tắm rửa xong, ngài dùng điểm tâm rồi mặc xiêm y Kāsi trị giá cả trăm ngàn đồng, hồng y khoác lên một bên vai, mang gậy biểu thị tước vị của ngài có gắn bảy bảo vật. Đôi hài vàng mang ở chân, phe phẩy quạt sơn ngưu như một thiên thần được phục trang rực rỡ, bước lên thượng lầu được trang hoàng đẹp đẽ, mở cửa sổ xuất hiện trước Vua Cūḷani, đi đi lại lại với dáng điệu uy nghi của một vị Thiên chủ.

Còn Vua Cūḷani trông thấy dung sắc của ngài, không thể nào giữ được lòng bình thản mà vội lao lên mình voi, tưởng rằng có thể bắt được ngài ngay lúc đó. Bậc Trí giả nghĩ thầm: “Vua ấy vội đến chỗ kia vì tưởng Vua Vedeha sẽ bị bắt, mà không biết rằng chính các hoàng tử, công chúa đã bị bắt, còn Đại vương ta đã đi rồi. Ta sẽ xuất hiện như một tấm gương vàng chói và trực diện nói chuyện với vua này.” Thế là đứng ở cửa sổ, ngài thốt lên những lời này với giọng ngọt ngào như mật:

724-25. Sao ngài thúc giục mãi con voi,
Ngài đến với khuôn mặt thật tươi,
Ngài nghĩ là ngài tròn ước muốn,
Ném cung ấy xuống, ném tên thôi,
Cởi ngay bào giáp kia ngời sáng,
Cùng với san hô, các ngọc trai.

Khi vua nghe lời ấy của ngài, ông nghĩ thầm: “Tên nông dân kia đang chế nhạo ta, hôm nay ta sẽ chứng kiến điều cần làm cho gã ấy.” Rồi ông nói giọng hăm dọa:

726. Trông ngươi có dáng điệu vui tươi,
Ngươi nói lời ra với nụ cười,
Giờ chết của ngươi nay sắp đến,
Cho nên vẽ đẹp hiện ra ngoài!

Khi hai vị đang nói chuyện như trên, các quân sĩ chú ý đến tướng hảo của bậc Đại sĩ liền bảo nhau:

– Đại vương đang đàm đạo với bậc Trí giả Mahosadha. Các ngài đang bàn luận gì đây? Ta thử nghe xem sao.

Rồi họ đến gần vua, nhưng bậc Trí giả khi nghe vua nói xong liền đáp lại:

– Đại vương không biết ta là Trí giả Mahosadha, ta không để Đại vương giết ta đâu. Mưu kế Đại vương đã hỏng, những điều Đại vương cùng Kevatta đã nghĩ trong tâm không xảy ra đâu mà chỉ được nói đầu môi chót lưỡi.

Rồi ngài giải thích sự việc như sau:

- 727.** Sấm sét của ngài thật uổng công,
Âm mưu đã hỏng, hỡi Quân vương!
Vua ta khó bắt cho ngài quá,
Như tuần mã so với ngựa thường.
- 728.** Vua ta đã vượt quá sông Hằng,
Vào tối qua cùng các cận thần,
Ngài sẽ giống như con quạ nọ,
Cổ công săn bắt thiên nga vương!

Một lần nữa, như con sư tử giương bờm dũng mãnh, ngài phát họa một ảnh dụ qua các lời sau:

- 729.** Chó rừng đang ở giữa đêm trường,
Nhìn thấy hoa cây phượng đỏ hồng,
Cứ tưởng hoa kia là miếng thịt,
Súc sinh hạ liệt hợp từng đàn.
- 730.** Khi các canh khuya ấy đã qua,
Mặt trời đã xuất hiện dần ra,
Chó nhìn cây phượng đầy hoa nở,
Thất vọng, súc sinh thật xấu xa!
- 731.** Hỡi Đại vương, cũng giống các vua,
Đã bao vây Chúa Vedeha,
Sẽ tan hy vọng và đi mất,
Như lũ chó rừng tránh phượng hoa.

Khi vua nghe những lời lẽ can trường như vậy, nghĩ thầm: “Tên nông dân này nói năng thật bạo dạn, chắc chắn Vua Vedeha đã trốn thoát.” Vua liền nổi cơn thịnh nộ, nghĩ thầm: “Xưa kia vì tên nông dân này mà ta chẳng còn mảnh vải che thân, nay cũng vì gã mà kẻ thù đã làm hại ta quá nhiều, ta phải trả thù gã cả hai chuyện mới được.” Vua liền ban lệnh như sau:

- 732-33.** Cắt hết tay chân, tai mũi ra,
Vì tên kia thả Vedeha,
Kẻ thù đã thoát tay ta đó,
Xẻo thịt đem chiên nấu chín mà,
Vì tên kia thả Vedeha,
Kẻ thù đã thoát khỏi tay ta!
- 734-35.** Như tám da trâu trải đất bằng,
Hoặc da sư, hổ được đem căng,
Bằng cây cọc, vậy ta mong muốn,
Căng nọc nó và lấy giáo đâm,
Vì thả Vedeha Chúa tể,
Kẻ thù ta thoát khỏi giam cầm!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ mỉm cười nghĩ thầm: “Vua này không biết là hoàng hậu và hoàng gia đã được ta chở về Mithilā rồi nên mới ra lệnh bắt ta như vậy. Nhưng trong cơn thịnh nộ, vua ấy có thể lấy cung tên đâm xuyên thân ta, hay làm một chuyện gì đó cho hả dạ. Vậy ta phải làm cho vua ấy hoảng hốt đau buồn rồi ngất xỉu trên lưng voi khi ta kể chuyện cho vua nghe mới được.” Ngài liền nói:

736-39. Nếu chặt tay chân, tai mũi ta,
Vedeha sẽ chặt Caṇḍa,
Caṇḍī, Hoàng hậu Nandā nữa,
Công chúa cùng hoàng tử cả nhà!

740-43. Nếu xẻo ta rồi xiên thịt ta,
Vedeha sẽ xẻo Caṇḍa,
Caṇḍī, Hoàng hậu Nandā nữa,
Công chúa và hoàng tử cả nhà!

744-47. Nếu đóng cọc ta, đâm giáo ta,
Vedeha đóng cọc Caṇḍa,
Caṇḍī, Hoàng hậu Nandā nữa,
Công chúa và hoàng tử cả nhà!
Vì việc kia đã được mật bàn,
Giữa ta và chính Vedeha.

748. Giống như tấm chắn bằng da thuộc,
Dày một trăm tầng được khéo làm,
Bởi các thợ da, là vật dụng,
Đề phòng tên nọ bắn xuyên ngang.

749. Ta mang hạnh phúc tránh đau buồn,
Cho Chúa Vedeha vẻ vang,
Ta thoát âm mưu ngài dự tính,
Như khiên tránh khỏi mũi tên đâm.

Nghe thế, vua nghĩ thầm: “Tên nông dân này nói gì thế, nếu ta làm gì gã thì Vua Vedeha cũng sẽ làm thế cho gia quyến ta ư? Gã chẳng biết ta đã cho canh phòng thê tử ta rất cẩn mật nên cứ dọa ta như thế vì sợ chết ngay đây, ta không tin lời gã nói đâu.” Bậc Đại sĩ đoán biết rằng vua tưởng ngài nói thế vì sợ chết nên ngài quyết định giải thích rõ. Ngài nói:

750. Đại vương xin hãy bước vào trong,
Các nội cung đều đã trống không,
Hoàng hậu, hoàng nhi cùng thái hậu,
Thầy đều được dẫn xuống đường hầm,
Chiến vương hỡi, họ được giao phó,
Vedeha giám sát hộ phòng!

Lúc ấy, vua nghĩ thầm: “Bậc Trí giả này nói có vẻ chắc chắn, ta đã nghe đêm qua bên sông Hằng có giọng của Hoàng hậu Nandā, bậc Trí giả này thật là tài tình, chắc đang nói sự thật đây.” Vua thốt nhiên đau khổ ghê gớm, nhưng cố thu hết can đảm giấu nỗi buồn phiền, phán bảo thị vệ đi điều tra tin tức và ngâm bài kệ này:

751. Mau bước vào trong các nội cung,
Xem lời tên nọ đúng hay không?

Tên thị giả cùng quân hầu đi ra mở cửa cung bước vào, ở đó toàn kẻ tay chân bị trói, nhét giẻ vào mồm, treo trên cọc. Gã thấy quân canh hậu cung, những tên lùn, gù lưng đều bị như thế, chén bát đồ vỡ vung vãi khắp nơi cùng với thức ăn uống, cửa kho tàng đều bị mở tung, kho đã bị cướp phá sạch, các phòng ngủ mở toang cửa, bày quạ bay qua cửa sổ mở vào trong chẳng khác nào một làng bỏ hoang hay bãi tha ma.

Gã thấy cung điện trong cảnh tiêu điều ấy liền báo tin cho vua:

752. Mahosadha đứng, Minh quân,
Nội điện hoàng cung đã trống không,
Như một làng bên bờ bến nước,
Được bày quạ trú ẩn nương thân.

Vua run rẩy, buồn rầu sợ mất những người thân yêu liền nói:

– Ta gặp nỗi đau buồn này cũng do gã nông dân kia.

Rồi giống như con rắn bị đánh một gậy, ông hết sức phẫn nộ với Bồ-tát. Khi bậc Đại sĩ thấy dáng điệu của vua như vậy, ngài nghĩ thầm: “Nhà vua này đang được đại vinh hiển, nếu trong cơn thịnh nộ liền nói: ‘Ta phải làm gì trước những việc như thế?’ Vì lòng kiêu mạn của chiến sĩ, vua ấy có thể làm hại ta. Giả sử ta tả sắc đẹp của Hoàng hậu Nandā cho vua nghe, làm như thể ông chưa từng gặp được hoàng hậu, ông sẽ thương nhớ bà và hiểu rằng ông sẽ không bao giờ thấy lại được nữ báu ấy nếu giết ta đi. Như vậy, vì thương yêu hoàng hậu, vua sẽ không làm hại ta nữa.”

Như được đứng trên thượng lầu để giữ mình được an toàn, ngài khoát cánh tay sắc vàng óng từ dưới vạt hông y của ngài lên và chỉ về hướng hoàng hậu đã ra đi, ngài tả dung sắc của hoàng hậu như vậy:

753. Giai nhân có sắc đẹp toàn thân,
Đã bước lối này, hỡi Đại vương,
Giọng nói bà thiên nga trời nhạc,
Mông đầy tựa tấm kosambha (gỗ dẫu dầu).

754. Giai nhân có sắc đẹp toàn thân,
Được dẫn lối này, hỡi Đại vương,
Đã khoác y hoàng kim lụa sẫm,
Đai lưng sáng rực kết vàng ròng.

755. Đôi chân hồng đỏ trông kiều diễm,
Đai kết vàng ròng với bảo trân,
Đôi mắt bồ câu, hình yểu điệu,
Đôi môi như trái bimba rừng.
756. Lưng eo thon nhỏ, dáng cao sang,
Như một cây leo giống cát đằng,
Hoặc cột trụ vàng cao, giữa hẹp,
Tóc dài đen nhánh, dưới cong cong.
757. Như nai tơ thuộc dòng cao quý,
Như ngọn lửa hồng giữa tiết đông,
Sông ẩn mình bên sườn núi đá,
Trong tre rừng, bé nhỏ xanh non.
758. Tuyệt sắc giai nhân hoàn hảo quá,
Ngực đầy như trái tinduka (cườm thị),
Cũng không ngắn quá, không dài quá,
Cũng chẳng nhiều lông, chẳng trụi lông.

Trong lúc bậc Đại sĩ ca tụng dung sắc diễm kiều của bà như vậy, vua cảm thấy như thể mình chưa gặp bà bao giờ cả, một tình yêu thương mãnh liệt khởi lên trong lòng ông. Bậc Đại sĩ nhận thấy thế, lại ngâm kệ sau:

759. Vây ngài, Đại đế vinh quang,
Thấy Nandā chết, hân hoan trong lòng,
Thì Nandā sẽ cùng thân,
Đến trình diện trước Diêm vương bây giờ!

Bậc Đại sĩ ca tụng Hoàng hậu Nandā như vậy, chứ không ca tụng ba người kia, lý do là người ta không thương yêu ai bằng ái ân của mình. Ngài chỉ ca tụng bà, vì ngài nghĩ nếu vua nhớ đến bà, ông cũng sẽ nhớ đến mẫu hậu hoặc các con. Trong lúc bậc Đại sĩ đầy trí tuệ ca tụng bà bằng giọng ngọt như mật, Hoàng hậu Nandā như thể hiển hiện toàn thân ra trước mắt vua. Lúc ấy, ông nghĩ thầm: “Không ai ngoài Mahosadha có thể đem Ái hậu về cho ta.” Nhớ đến bà, nỗi đau buồn lại dâng lên trong lòng ông. Bậc Đại sĩ nói:

– Tâu Đại vương, xin đừng sầu khổ, hoàng hậu, hoàng tử và thái hậu sẽ trở về đây với điều kiện duy nhất là thân được trở về trước, xin Đại vương hãy an lòng!

Ngài trấn an vua, và vua nói:

– Ta canh phòng kinh thành của ta thật cẩn mật, ta đã bao vây thành Upakāri này với đoàn quân sĩ thật đông đảo, thế mà kẻ tài trí này vẫn đem ra khỏi thành được canh giữ kỹ kia toàn thể hoàng hậu, công chúa, hoàng tử, thái hậu và đưa họ đến thành của Vua Vedeha. Trong lúc ta đang vây hãm thành này mà không một ai hay biết kẻ này lại đưa Vua Vedeha thoát đi cùng quân sĩ

và voi ngựa chuyên chở. Có thể rằng kẻ này có thần thông hay là có cách làm mờ mắt ta chăng?

Và ông hỏi ngài như sau:

760. Nhà người có pháp thuật ư,
Hay là người đã làm mờ mắt ta,
Nên người cứu Vedeha,
Kẻ thù ta thoát tay ta giam cầm?

Nghe thế, bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu thần có thần thông biến hóa, vì các trí giả học được phép thần thông sẽ giải cứu luôn bản thân cùng các người khác khi tai họa đến.

761. Tâu Đại vương, các Trí nhân,
Vẫn thường học phép thần thông ở đời,
Trí nhân đầy đủ kế tài,
Bản thân giải thoát ra ngoài gian lao.

762. Tiểu thần có các quân hầu,
Khéo tài phá vỡ các hào lũy ra,
Họ làm cách ấy giúp vua,
Vedeha đến Mithilā thành.

Câu này ám chỉ vua kia đã ra đi bằng đường hầm được trang hoàng như trên, vì thế vua hỏi:

– Đường hầm ấy ra sao?

Và vua muốn xem nó. Bậc Đại sĩ thấy vẻ mặt vua, biết rằng đây là chuyện vua muốn biết nên ngài sẵn sàng chỉ nó cho vua xem:

763. Đường hầm xây thật tài tình,
Ngự du, xin hãy thân hành, Đại vương!
Hầm to đủ chứa voi đàn,
Đoàn xe, bày ngựa, hàng hàng lục quân,
Bên trong đèn thấp sáng trung,
Một đường hầm quả kỳ công thực là!

Rồi ngài tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, xin ngự lãm đường hầm do trí tuệ thần xây dựng nên, sáng ngời như thể đôi vàng nhật nguyệt mọc lên trong đó, được trang hoàng thật lộng lẫy với tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, một trăm lẻ một loan phòng, hằng trăm ổ đèn. Xin Đại vương hoan hỷ ngự giá cùng tiểu thần và quân cận vệ đi vào kinh thành Upakāri!

Nói xong, ngài bảo mở toang cổng thành và vua cùng một trăm lẻ một vị vương hầu ngự vào. Bậc Đại sĩ bước xuống khỏi thượng lầu, triều bái vua và đưa ngài cùng đoàn tùy tùng vào trong đường hầm. Khi vua thấy đường hầm đẹp như kinh thành được trang hoàng của chư thiên, vua liền ca tụng Bồ-tát:

764. Lợi thay Chúa Vedeha,
Có nhiều người trí trong nhà như khanh,
Hoặc trong đất nước của mình,
Mahosadha thông minh tuyệt trần!

Sau đó, bậc Đại sĩ chỉ cho vua thấy một trăm lẻ một loan phòng, hễ mở một cửa thì tất cả đều mở và một cửa đóng thì tất cả đều đóng lại. Vua bước vào trước, chiêm ngưỡng đường hầm, bậc Đại sĩ theo sau, rồi tất cả quân sĩ đều vào trong hầm. Nhưng khi bậc Trí giả biết vua đã ra khỏi đường hầm, ngài liền ngăn đám người kia bước ra bằng cách đi đến một nút bấm và đóng cửa hầm lại. Thế là tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, các cửa của cả trăm lẻ một loan phòng và cửa của hàng trăm ổ đèn đều đóng chặt lại, toàn thể đường hầm tối đen như địa ngục. Tất cả đám người đông đảo ấy đều kinh hoàng.

Bây giờ, bậc Đại sĩ tuốt kiếm ra, cây kiếm mà ngài đã giấu dưới cát hôm qua khi ngài vào đường hầm. Từ dưới đất, ngài phóng mình lên không chừng mười tám *cubit*⁴⁷ rồi hạ xuống chụp lấy cánh tay của vua, vung kiếm ra và thét lên hăm dọa:

- Này Đại vương, tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề thuộc về ai?
- Thừa bậc Trí giả, của khanh tất cả, xin tha mạng trăm!

Ngài đáp:

– Xin Đại vương chớ sợ, thần không có ý gì lấy kiếm ra sát hại Đại vương đâu mà chỉ để bày tỏ trí khôn của thần đó thôi.

Rồi ngài trao kiếm cho vua, khi vua đã cầm kiếm xong, ngài lại nói:

– Tâu Đại vương, nếu ngài muốn giết thần xin hãy lấy kiếm này giết đi, còn nếu muốn tha cho thần, xin hãy tha cho!

Vua đáp:

- Này bậc Trí giả đừng sợ, trăm hứa bảo toàn tánh mạng của khanh.

Thế là khi vua gơ kiếm lên, cả hai đều kết tình bằng hữu rất chân thật. Rồi vua bảo Bô-tát:

– Này bậc Trí giả, hiền khanh thật nhiều tài trí, tại sao khanh không chiếm lấy vương quốc này?

– Tâu Đại vương, nếu thần muốn, chỉ nội hôm nay thần có thể thu trọn tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề này và giết hại tất cả vị vua, nhưng một Hiền nhân không đạt vinh quang bằng cách giết hại kẻ khác.

– Này bậc Trí giả, đám đông đang khổ sở vì không đi ra được, vậy khanh hãy mở cửa đường hầm và tha mạng cho hết thảy.

Ngài mở cửa, cả đường hầm sáng lòà, mọi người đều bình tâm trở lại, vua

⁴⁷ 18 *cubit* tức khoảng 8m.

chúa cùng các đoàn tùy tùng bước ra đến gần bậc Trí giả đang đứng giữa sân châu rộng lớn với vua, rồi các vua này bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ngài đã tha mạng cho tất cả chúng ta, nếu cửa đường hầm đóng lâu hơn chốc nữa, chắc cả đám chết hết rồi.

– Tâu các vị Chúa công, đây không phải lần đầu tiên các ngài được thần cứu giá đâu.

– Thế thì khi nào nữa, thưa bậc Trí giả?

– Các ngài còn nhớ khi tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề đều bị chinh phục trừ kinh thành của tiểu thần và khi các vị đến thành Uttarapañcāla sẵn sàng nâng chén khải hoàn trong vườn thượng uyển chăng?

– Thưa bậc Trí giả, còn nhớ.

– Lúc ấy, chính vua này cùng lão Kevatta đã dùng độc kế đầu độc thức ăn, thức uống và mưu toan sát hại các vị, nhưng tiểu thần lại không muốn để các vị chịu một cái chết ngu si như vậy trước mắt thần nên thần cho người vào đánh vỡ hết chén bát nồi niêu, phá hỏng kế hoạch của họ, cứu mạng các vị đấy!

Các vua đều kinh hãi hỏi lại Vua Cūlani:

– Tâu Đại vương, có thật vậy chăng?

– Thật vậy, các việc ta làm đều do lời bàn của Kevatta. Bậc Trí giả nói đúng thật đấy.

Thế là các vua đều ôm lấy bậc Đại sĩ và bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ngài là vị cứu tinh của chúng ta, ngài đã giải cứu chúng ta.

Các vua ấy ban tặng vật trang sức cho ngài để tỏ lòng quý trọng.

Bậc Đại sĩ nói với Vua Cūlani:

– Xin Đại vương chớ sợ, lỗi lầm này do kết giao với một kẻ ác! Xin Đại vương yêu cầu các vua kia lượng thứ cho!

Vua bảo:

– Ta đã làm như vậy vì một kẻ ác, đó là lỗi lầm của ta, xin các vị hãy khoan dung, ta không bao giờ tái phạm điều ấy nữa!

Vua này liền được các vua kia tha thứ, tất cả đều thú tội cho nhau nghe và trở thành thân hữu. Sau đó, vua truyền đem đến đủ thứ sơn hào hải vị, hương thơm, tràng hoa và suốt bảy ngày liền, họ liên hoan trong đường hầm, rồi vào kinh thành ban đại vinh hiển cho bậc Đại sĩ. Vua ngự trên ngai vàng, có cả một trăm lẻ một vị vương hầu vây quanh. Và ước mong giữ bậc Trí giả ở lại triều đình này, vua liền bảo:

765. Trẫm ban thể lực vinh quang,
Gấp đôi thực phẩm tiền lương công thần,
Và thêm nhiều thứ đặc ân,
Mong khanh hưởng thụ toàn phần tự do,

Đừng về với Vedeha,
 Vua kia làm được gì cho khanh à?
 Nhưng bậc Trí giả tìm lời lẽ chối từ:
766-67. Đại vương, rời bỏ chủ ta,
 Chỉ vì lợi lộc thật là nhục thay,
 Cho người kia lẫn ta đây,
 Trong đời Vedeha này trị dân,
 Thần không hầu hạ tha nhân,
 Thần không thể sống giang sơn người ngoài.

Lúc ấy, vua bảo ngài:

– Nay bậc Trí giả, được rồi, khi nào Đại vương của khanh lên châu trời, xin
 hiên khanh hãy hứa đến đây với trẫm!

– Tâu Đại vương, nếu thần còn sống, thần xin đến đây.

Thế là vua tiếp đãi ngài trọng thể trong bảy ngày. Sau đó, khi ngài tạ từ, vua
 ngâm kệ hứa hẹn ban tặng ngài thứ nọ thứ kia:

768. Ban khanh ngàn nén vàng thoi,
 Ở Kāsi đủ tám mươi ngôi làng,
 Bốn trăm tỳ nữ gia nhân,
 Một trăm thê thiếp, trăm ban trọn phần,
 Rồi đem tất cả đoàn quân,
 Mahosadha lên đường bình an!

– Khi đức vua của thần trở về bốn quốc, thần có tâu ngài phải tiếp đãi Mẫu
 hậu Nandā như mẹ ngài, Hoàng tử Pañcālacaṇḍa như vương đệ của ngài và thần
 đã kết duyên công chúa cho ngài bằng nghi lễ rảy nước thánh. Chẳng bao lâu
 nữa thần xin đưa thái hậu cùng hoàng hậu, hoàng tử trở về.

– Tốt lắm!

Vua phán truyền ban hồi môn cho công chúa cùng thị vệ, nữ tỳ, xiêm y, nữ
 trang, ngọc vàng trân bảo, voi ngựa, vương xa trang hoàng rực rỡ. Rồi vua ra
 lệnh cho quân sĩ thi hành:

769. Hãy cho bảy ngựa, voi đàn,
 Gấp đôi số thực phẩm ban ngày,
 Toàn quân mở tiệc liên hoan,
 Quân xa, lính bộ uống ăn thỏa lòng!

Nói vậy xong, vua truyền bậc Trí giả ra về với những lời này:

770. Lên đường, hỡi bậc Trí nhân,
 Đoàn xe, voi ngựa, lục quân ra về,
 Để cho Chúa Vedeha,
 Thấy khanh trở lại Mithilā thành.

Vua tiền đưa bậc Trí giả vô cùng trọng thể như thế. Cả một trăm lễ một vị vương hầu cùng đưa tiền ngài linh đình và trao quà tặng vô số.

Các thám tử theo phụng sự các vương hầu kia cũng đến vây quanh bậc Trí giả. Ngài rầm rộ lên đường, trên lộ trình ngài gửi người hầu đi thu lợi tức ở các ngôi làng mà Vua Cūḷani đã ban cho ngài rồi ngài trở về vương quốc Videha.

Bấy giờ, Senaka đã phái một người hầu lên đường để rình xem Vua Cūḷani có đến hay không và phi báo cho lão biết bất kỳ ai đến. Gã kia trông thấy bậc Đại sĩ cách ba do-tuần liền trở về báo cho lão biết bậc Trí giả đang cùng đoàn tùy tùng đông đảo rầm rộ trở về. Được tin ấy, lão liền đến hoàng cung. Vua cũng nhìn ra cửa sổ trên thượng lầu thấy một đám đông rầm rộ thì đâm hoảng sợ: “Đoàn tùy tùng của Trí giả Mahosadha ít lắm, còn đám này lại quá đông, phải chăng đích thân Vua Cūḷani đến đây?” Ngài liền hỏi như sau:

771. Ngựa voi, xe pháo, bộ binh,
Đạo quân rầm rộ hiện hình trước ta,
Bốn đoàn khủng khiếp lộ ra,
Việc này có ý nghĩa là sao đây?

Senaka đáp:

772. Hân hoan lớn nhất đời này,
Đại vương còn thấy vui vầy nào hơn?
Mahosadha bình an,
Trở về cùng cả đoàn quân của ngài.

Vua bảo:

– Nay Senaka, quân sĩ của bậc Trí giả ít lắm mà đám này lại quá đông?
– Tâu Đại vương, ắt hẳn Vua Cūḷani đẹp ý vì ngài ấy lắm nên đã ban cho ngài ấy đoàn tùy tùng đông như vậy.

Vua liền cho lệnh truyền đi khắp nơi trong kinh thành bằng tiếng trống:

– Cả kinh thành hãy trang hoàng để nghênh đón bậc Trí giả trở về!

Dân chúng tuân lệnh, bậc Trí giả về thành liền vào cung vua. Lúc ấy, vua đứng dậy ôm hôn ngài rồi lui về ngại và hoan hỷ bảo ngài:

773-74. Giống như có bốn người trai,
Quảng thi thể nọ ở ngoài nghĩa trang,
Chúng ta để bậc Trí nhân,
Tại Kampilla ấy, nhanh chân trở về,
Nhưng khanh có đặc tính gì,
Lập mưu, phương tiện, cứu nguy an toàn?

Bậc Đại sĩ đáp:

775. Vedeha, tâu Đại vương,
Thần nhờ một đích phá tan địch thù,
Dùng quân cơ thắng quân cơ,

Và thần vây hãm vị vua đại cường,
 Như là biển lớn, chiến vương,
 Bao vây khắp cả giang sơn Diêm-phù.

Nghe thế vua rất đẹp lòng. Rồi bậc Đại sĩ kể cho vua nghe những tặng vật mà Vua Cūḷani đã ban:

776. Được ban ngàn nén vàng thoi,
 Ở Kāsi đủ tám mươi ngôi làng,
 Bốn trăm tỳ nữ gia nhân,
 Một trăm thê thiếp được ban cho thần,
 Rồi cùng tất cả đoàn quân,
 Tiểu thần trở lại quê hương an toàn.

Lúc ấy, vua hết sức vui mừng, hoan hỷ thốt lời ca ngợi tán thán đầy cung kính trước tài đức của bậc Đại sĩ:

777. Thật là hạnh phúc muôn vàn,
 Khi ta được sống cùng hàng Trí nhân,
 Như chim thoát khỏi lồng giam,
 Như cá thoát lưới lòng càng vui thay,
 Mahosadha giải vây,
 Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Senaka đáp lại như sau:

778. Muôn tâu Chúa thượng, chúng ta,
 Sống cùng bậc Trí thật là lạc quan,
 Như chim thoát khỏi lồng giam,
 Như con cá thoát lưới càng vui thay,
 Mahosadha giải vây,
 Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Sau đó, vua cho trống hội đánh khắp kinh thành:

– Hãy làm hội hè trong bảy ngày, những kẻ nào có thiện ý với trăm thì hãy phụng sự cung kính bậc Trí giả!

779. Hãy trỗi lên đi mọi sáo đàn,
 Cùng bao trống lớn, nhỏ, rền vang,
 Thổi tù và xứ Magadha,
 Thêm trống định âm, tấu nhịp nhàng!

Dân chúng từ thành thị đến thôn quê đều ước ao tỏ lòng tôn kính bậc Đại sĩ, khi nghe công bố như vậy liền mở hội liên hoan cho thỏa thích.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

780. Công nương, hoàng tử mọi nhà,
 Thương gia cùng vợ, các Bà-la-môn,

Dem đầy đủ thức uống ăn,
Đến dâng lên bậc Trí nhân làm quà.

781-83. Quân tượng, vệ sĩ, quân xa,
Bộ binh, tất cả đem quà đến dâng,
Toàn dân làng xã hợp quần,
Người người vui thấy Trí nhân khai hoàn,
Trong khi tiếp đón chào mừng,
Trên không phát phối khăn quàng vẩy tung.

Khi tan hội hè, bậc Đại sĩ vào cung và thưa:

– Tâu Đại vương, mẫu hậu, hoàng hậu và hoàng nam của Vua Cūḷani phải được đưa về nước ngay lập tức.

– Vương nhi, tốt lắm, con hãy đưa họ trở về!

Ngài liền cư xử rất cung kính với ba người kia và tiếp đãi ân cần những tùy tùng đã đi theo ngài. Rồi ngài đưa ba vị ấy về nước với đầy đủ đoàn hầu cận của ngài cùng một trăm thê thiếp và bốn trăm nữ tỳ mà vua kia đã ban cho ngài, ngài đều đưa về theo Hoàng hậu Nandā, và đoàn quân sĩ đã đến đây với ngài, ngài cũng cho về luôn.

Khi đoàn đại binh này đến thành Uttarapañcāla, vua hỏi mẫu hậu:

– Tâu Mẫu hậu, Vua Vedeha có tiếp đãi Mẫu hậu nồng nhiệt chăng?

– Này Hoàng nhi, con hỏi sao vậy? Ngài đã tiếp đãi ta vinh dự chẳng khác nào đón tiên nữ trên trời.

Rồi bà lại kể Hoàng hậu Nandā được tiếp đãi như bà mẹ ra sao và Pañcālacaṇḍī như một vương đệ thế nào. Việc này khiến vua rất hài lòng và truyền gửi nhiều tặng vật rất hậu hĩ. Từ đó, hai nước sống trong tình thân hữu mật thiết.

Chấm dứt phần *Đường hầm vĩ đại*.

XVIII. THỦY THẦN

Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Pañcālacaṇḍī rất được vua xứ Videha yêu quý. Năm sau nàng hạ sinh được một vương tử. Mười năm sau, Vua Vedeha từ trần. Bỏ-tát giương chiếc lọng hoàng gia lên cho vương tử rồi xin giã từ ra về để đi đến với tổ phụ của vương tử là Vua Cūḷani. Vương tử bảo:

– Thưa bậc Trí giả, xin đừng bỏ trăm lúc còn thơ ấu, trăm sẽ tôn trọng ngài như cha trăm vậy!

Hoàng hậu Pañcālacaṇḍī lại bảo:

– Thưa bậc Trí giả, xin đừng đi, không có ai bảo vệ mẹ con ta nếu ngài ra đi!

Nhưng ngài đáp:

– Thần đã hứa lời với vua của thần, vậy thần phải ra đi.

Thế là giữa đám đông kêu than thảm thiết, ngài ra đi cùng những người hầu cận đến thành Uttarapañcāla. Vua này hay tin ngài đến liền ra đón tiếp, đưa ngài vào thành rất trọng thể, ban cho ngài dinh cơ rộng lớn, ngoài tám mươi làng đã ban trước kia, lại ban thêm tặng vật khác và từ đó ngài phụng sự vua này.

Thời ấy, có một nữ tu sĩ tên là Bherī vẫn thường dùng cơm trong cung. Bà này thông thái tài trí và chưa hề tiếp kiến bậc Đại sĩ, nay nghe báo tin bậc Trí giả Mahosadha đang phụng sự vua. Ngài cũng chưa hề thấy bà bao giờ cả, nhưng ngài nghe rằng một nữ tu sĩ tên là Bherī thường ăn cơm cùng vua.

Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Nandā không hài lòng Bồ-tát vì ngài đã làm bà mất tình yêu của vua khiến bà sinh lòng phiền muộn nên bà cho gọi năm tỷ nữ thân tín đến và dặn:

– Các người rình tìm cho được lỗi lầm của bậc Trí giả, rồi ta cố làm cho gã bị thất sủng.

Thế là họ đi tìm cơ hội chống phá ngài. Một hôm, vị nữ tu sĩ ấy sau buổi ăn, đang đi ra ngoài thì gặp Bồ-tát trên sân châu đến yết kiến vua. Ngài vái chào bà rồi đứng yên. Bà nghĩ thầm: “Họ bảo đây là một trí giả, vậy ta thử xem ngài có thật là một trí giả hay không.” Bà liền hỏi ngài bằng cách ra dấu nắm tay lại rồi bà nhìn về phía Bồ-tát và mở bàn tay ra. Ý bà muốn hỏi vua có ân cần chu đáo với bậc Trí giả mà vua đã đưa về từ ngoại quốc chẳng. Khi Bồ-tát thấy bà hỏi ngài bằng cách ra dấu, ngài đáp bằng cách nắm tay lại, ý ngài muốn nói: “Thưa hiền tỷ, nhà vua đem ta về đây để làm tròn một lời hứa, nay ngài nắm chặt tay lại, chẳng cho ta gì cả.” Bà hiểu ý, giơ tay ra xoa đầu như muốn nói: “Hiền giả, nếu ngài không toại ý, có sao ngài không đi làm tu sĩ như ta.” Thấy thế, bậc Đại sĩ vỗ bụng như muốn bảo: “Hiền tỷ, ta còn phải cấp dưỡng nhiều người nên ta chưa làm tu sĩ được.” Sau lần chất vấn không lời ấy, bà trở về nơi ẩn cư. Bậc Đại sĩ chào bà và đến yết kiến vua.

Lúc bấy giờ, các kẻ tâm phúc của Hoàng hậu Nandā thấy rõ cảnh trên từ cửa sổ nên đến trình vua:

– Tâu Hoàng thượng, ngài Mahosadha đang âm mưu với nữ tu sĩ Bherī để chiếm vương quốc này, đó chính là kẻ thù của ngài.

Rồi họ vu khống cho ngài. Vua hỏi:

– Các người đã nghe thấy gì?

Họ đáp:

– Tâu Hoàng thượng, khi nữ tu sĩ ra về sau buổi ăn, thấy bậc Đại sĩ, bà mở bàn tay ra như muốn bảo: “Ngài không thể đè bẹp nhà vua như lòng bàn tay này hay cái sàn đập lúa rồi chiếm lấy vương quốc này cho ngài sao?” Và ngài Mahosadha nắm tay lại như thể cầm thanh kiếm và bảo: “Vài ngày nữa ta sẽ chém đầu vua và cầm quyền.” Bà ra dấu: “Hãy chém đầu vua!”, bằng cách lấy tay xoa đầu. Bậc Đại sĩ lại ra dấu: “Ta sẽ chặt vua làm đôi!”, bằng cách xoa bụng. Xin Hoàng thượng hãy đề phòng, phải giết Mahosadha ngay mới được!

Vua nghe vậy, nghĩ thầm: “Ta không thể làm hại bậc Trí giả được, ta phải hỏi lại nữ tu sĩ kia.” Vì thế ngày hôm sau, lúc bà đang dùng cơm, vua liền đến hỏi:

– Này, hiền tỷ có gặp Trí giả Mahosadha chẳng?

– Tâu Đại vương, hôm qua sau khi dùng cơm xong, thần có gặp.

– Thế các vị có đàm luận gì với nhau chẳng?

– Đàm luận ư? Thưa không, nhưng vì thần nghe nói về tài trí của ngài nên để thử tài ngài, thần đã ra dấu hỏi ngài bằng cách nắm tay lại, xem thử đức vua có rộng rãi hay hẹp hòi đối với ngài, đức vua có ân cần đối với ngài chẳng? Ngài nắm tay lại, ám chỉ rằng đức vua đã bảo ngài đến đây để làm tròn một lời hứa, nay chẳng ban cho ngài gì cả. Sau đó, thần xoa đầu để hỏi tại sao ngài không xuất gia tu hành nếu ngài không toại ý. Ngài vỗ bụng muốn bảo là ngài còn phải cấp dưỡng nhiều người và nuôi họ ăn uống đầy đủ nên chưa xuất gia được.

– Thế Mahosadha có phải là bậc Trí giả chẳng?

– Quả thật vậy, tâu Đại vương, khắp thế gian này chẳng có ai tài trí như ngài ấy cả.

Sau khi nghe bà tường thuật, vua cho bà lui ra. Sau khi bà đi về, bậc Trí giả vào châu. Vua hỏi:

– Này bậc Trí giả, khanh đã gặp nữ tu sĩ Bherī chưa?

– Tâu Đại vương, thần gặp bà ấy hôm qua trên đường về, bà hỏi thần bằng cách ra dấu, thần trả lời bà ấy ngay.

Rồi ngài kể lại câu chuyện như bà ấy đã kể trước đây. Vua đẹp lòng, ngay hôm ấy phong cho ngài chức Đại tướng quân và giao một mình ngài đảm trách chức vụ ấy. Vinh quang của ngài thật lừng lẫy, chỉ đứng sau vua mà thôi.

Ngài nghĩ thầm: “Nhà vua bỗng dung ban cho ta vinh quang tốt bậc lừng lẫy, đây là chuyện vua chúa thường làm ngay cả khi họ muốn sát hại ai. Để ta thử xem nhà vua có thiện ý với ta hay không. Không ai có thể làm việc này trừ nữ tu sĩ Bherī đây tài trí ấy và bà ấy sẽ có cách.”

Thế là ngài đem hương hoa đến thăm nữ tu sĩ, sau khi vái chào bà liền bảo:

– Thưa hiền tỷ, từ khi hiền tỷ khen ngợi tài năng của ta với đức vua, ngài liền ban tặng ta nhiều bảo vật, nhưng ngài có thực tâm không thì ta chưa rõ. Vậy nếu hiền tỷ chịu khó tìm hiểu giùm cho ta về tâm ý đức vua thì hay quá.

Bà hứa sẽ làm thế và hôm sau bà vào cung, bà chợt nghĩ đến câu chuyện thủy thần Dakarakkhasa. Lúc ấy, bà suy nghĩ: “Ta không nên làm như một thám tử, ta phải tìm cơ hội hỏi chuyện này xem đức vua có thiện ý với bậc Trí giả chẳng?” Rồi bà đi vào, sau buổi ăn bà ngồi yên. Vua vái chào bà và ngồi sang một bên, bà nghĩ thầm: “Nếu đức vua có ác ý với bậc Trí giả và khi ngài được hỏi vấn đề kia, ngài bày tỏ ác ý của ngài trước mặt nhiều người, điều ấy không có lợi gì, vậy ta phải hỏi riêng mới được.” Bà liền bảo:

– Tâu Hoàng thượng, thần ao ước được đàm luận riêng với ngài.

Vua liền bảo cận thần lui ra, bà nói:

– Thần mong muốn hỏi Hoàng thượng một điều.

– Hiền tỷ cứ hỏi, nếu ta biết, ta sẽ đáp ngay.

Bà liền đọc văn kệ thứ nhất về chuyện thủy thần Dakarakkhasa:

Bảy người thân của hoàng cung,
Ngự du trên chón ngàn trùng đại dương,
Quý thần đòi hỏi tể đàn,
Khi vừa chụp lấy thuyền vàng của vua,
Những ai ngài sẽ đưa ra,
Dẫn theo thứ tự để mà cứu nguy?

Vua liền đáp kệ hết sức chân thành:

Trước tiên mẫu hậu tức thì,
Kể là Hoàng hậu chánh phi Nandā,
Tiếp theo tiêu đệ hoàng gia,
Thứ tư thân hữu, năm Bà-la-môn,
Chính ta thứ sáu bản thân,
Nhưng ta không hiển Trí nhân của mình!

Như thế, nữ tu sĩ đã thấy rõ thiện tâm của vua đối với bậc Đại sĩ, nhưng tài trí của ngài chưa được công bố cho mọi người rõ nên bà liền nghĩ đến một chuyện khác nữa: “Trước công chúng, ta sẽ ca ngợi tài đức của nhiều người khác và để đức vua tán dương tài trí của bậc Trí giả, như vậy tài trí của ngài sẽ sáng tỏ như mặt trăng trên trời.” Bà liền tập hợp tất cả mọi người ở trong hậu cung, trước mặt họ, bà cũng hỏi câu trên và được đáp lại như thế, rồi bà nói:

– Tâu Hoàng thượng, ngài bảo sẽ đem thái hậu ra tế lễ trước tiên, nhưng một bà mẹ có thật nhiều công đức. Hơn nữa, thái hậu lại chẳng giống các bà mẹ khác, thái hậu thật đặc dụng.

Rồi bà kể công đức của thái hậu trong hai văn kệ sau:

Lệnh bà dưỡng dục sinh thành,
Bao năm tận tụy nhiệt tình với con,
Khi Chambhī hại hoàng nam,
Khôn ngoan bà thấy việc làm lợi vua,
Đem người thế chỗ vương gia,
Nên ngài đã được chính bà cứu nguy,
Mẹ cho đời sống từ bi,
Chính bà mang nặng hoàng nhi trong lòng,
Vì đâu là các lỗi lầm,
Ngài đem hiền mẫu hiển dâng thủy thần?

Nghe vậy, vua liền đáp:

– Mẫu hậu rất nhiều tài đức, trăm thừa nhận mẫu hậu có nhiều công đức với trăm nhưng lỗi lầm của bà còn nhiều hơn nữa.

Rồi vua tả các lỗi lầm của mẹ trong hai vắn kệ:

Giống như thiếu nữ còn xuân,
Bà đeo các món bội hoàn nữ trang,
Mà bà già chẳng nên mang,
Phi thời bà chế nhạo quân canh phòng,
Lại thường gửi điệp địch vương,
Mà không được lệnh của hoàng gia đây,
Chính vì các lỗi lầm này,
Nên ta đem hiến bà ngay thủy thần!

– Tâu Hoàng thượng, đã đành vậy, nhưng hoàng hậu cũng có nhiều tài đức.

Và bà kể tài đức của hoàng hậu:

Lệnh bà đệ nhất hồng quân,
Cực kỳ diễm lệ, nói năng ân cần,
Tràn đầy đức hạnh, nhiệt tâm,
Kề bên hoàng hậu uyên ương bóng hình,
Chẳng hề giận dỗi bất bình,
Khôn ngoan, thận trọng, chân thành lợi vua,
Vậy vì lầm lỗi đâu mà,
Ngài đem hoàng hậu hiến dâng thủy thần?

Vua liền kể các lỗi lầm của bà:

Nhờ bao vẻ đẹp mê hồn,
Bà hoàng đã khiến vương quân phục tòng,
Chịu nhiều ảnh hưởng bất nhân,
Và đòi những thứ bà không nên đòi,
Dành cho con của bà thôi,
Vì ta say đắm ban hoài đặc ân,
Ta ban những vật khó ban,
Về sau hối hận muôn vàn đắng cay,
Chính vì các lỗi lầm này,
Ta đem hoàng hậu tế ngay thủy thần!

Nữ tu sĩ đáp:

– Đã đành vậy, nhưng còn Hoàng đệ Tikhiṇamantī rất lợi ích cho Hoàng thượng. Vì lỗi gì ngài đem chàng cho thủy quái?

Và bà ngâm kệ:

Chàng đem phồn thịnh cho dân,
Khi ngài đang ở tha phương xứ người,
Chàng đưa Hoàng thượng tái hồi,

Chàng không hề bị cuốn lôi bạc vàng,
 Anh hùng thiện xạ vô song,
 Tikhiṇamantī tinh thông muôn phần,
 Vậy đâu là các lỗi lầm,
 Ngài đem hoàng đệ tế dâng thủy thần?

Vua kể lỗi lầm của chàng:

“Ta đem phồn thịnh cho dân,
 Khi ngài đang ở tha phương xứ người,
 Ta đưa hoàng thượng tái hồi,
 Ta không hề bị cuốn lôi bạc vàng,
 Ta là thiện xạ vô song,
 Anh hùng vô địch tinh thông trí tài,
 Ta tôn hoàng thượng lên ngôi.”
 Chàng suy nghĩ vậy, thế rồi về sau,
 Chàng không đi đến cung châu,
 Như thường thuở trước chàng hầu bên ta,
 Chính vì lầm lỗi kia mà,
 Ta đem hoàng đệ tế dâng thủy tề!

Nữ tu sĩ bảo:

– Hoàng đệ nhiều lỗi lầm như thế, nhưng còn Hoàng tử Dhanusekha thương yêu ngài, rất tận tụy lại rất hữu ích.

Bà tả tài đức của chàng:

Ngài và Dhanusekha,
 Cùng mang tên tộc Pañcāla mà,
 Một đêm hai vị sinh ra,
 Vừa là thân hữu vừa là đồng môn,
 Suốt đời hầu cận minh quân,
 Đồng cam cộng khổ vui buồn bên nhau.
 Nhiệt tình, thận trọng bấy lâu,
 Hết lòng phục vụ kể đâu đêm ngày,
 Vậy thì lầm lỗi nào đây,
 Ngài đem thân hữu tế dâng thủy thần?

Vua liền tả lỗi lầm của chàng:

Suốt đời, thừa nữ đạo nhân,
 Chàng thường vui thú chung cùng bên ta,
 Chính vì duyên có ấy mà,
 Nay chàng hành động quá là tự do,
 Nếu ta nói chuyện riêng tư,
 Cùng hoàng hậu, cứ xông vô phi thời,

Mà không có lệnh ta đòi,
Cũng không thông báo cho người nào hay.
Nếu cho chàng một dịp may,
Làm điều bất kính, nhục đầy xấu xa,
Chính vì làm lỗi ấy mà,
Ta đem thân hữu hiến cho thủy thần!

Nữ tu sĩ đáp:

– Lỗi lầm của chàng thật nhiều đấy, song còn vị tể sư rất hữu dụng cho Hoàng thượng.

Bà liền tả tài đức của vị này:

Tể sư quả thật tinh khôn,
Biết nhiều điềm triệu, thanh âm ở đời,
Chuyên môn đoán mộng vãng lai,
Am tường dấu hiệu đất trời, trăng sao,
Vậy thì do lỗi lầm nào,
Đại vương đem đạo sĩ trao thủy thần?

Vua giải thích lỗi lầm của vị ấy:

Dù ngay ở giữa quần thần,
Lão thường mở mắt trừng trừng nhìn ta,
Nên ta muốn hiến lão già,
Nhấn mảy quý quái ấy cho thủy thần!

Lúc ấy, vị nữ tu sĩ nói:

– Tâu Hoàng thượng, ngài phán rằng ngài sẽ đem năm người này cho thủy quái và sẽ hy sinh thân mình cho bậc Trí giả Mahosadha mà không nghĩ gì đến ngài vàng vinh hiển của mình. Vậy Hoàng thượng thấy vị ấy có tài đức gì?

Và bà ngâm các vần kệ này:

Đại vương ở giữa triều thần,
Trong châu lục lớn, ngàn trùng biển xanh,
Thay vì thành lũy bao quanh,
Ngự trên đế quốc hùng anh đại cường,
Độc tôn Hoàng đế trần gian,
Thật là vĩ đại vinh quang vô vãn!
Nữ nhi một vạn sáu ngàn,
Điểm tô châu ngọc, nữ trang sáng ngời,
Giai nhân từ khắp mọi nơi,
Khác nào tiên nữ cao vời thiên cung.
Được dâng mọi thứ cần dùng,
Mọi điều ước nguyện cầu mong vẹn toàn,

Đại vương đã sống trường tồn,
 Trong niềm hạnh phúc hân hoan tột cùng.
 Đâu là duyên cớ nguyên nhân,
 Hy sinh ngọc thể hộ phòng Trí nhân?

Nghe vậy, vua ngâm các vần kệ này ca tụng đức hạnh của bậc Trí giả:

Thưa bà, Trí giả đại thần,
 Từ khi đến ở kề gần bên ta,
 Ta không hề thấy bao giờ,
 Con người khí phách tạo ra lỗi lầm,
 Dù là một mảy con con,
 Nếu ta chết trước Trí nhân lúc nào,
 Người đem hạnh phúc biết bao,
 Cho đàn con cháu mai sau lâu dài,
 Người thông minh mọi việc trên đời,
 Dù là quá khứ, tương lai xa gần,
 Người này không có lỗi lầm,
 Ta không muốn tể thủy thần, quý ma.

Như vậy, chuyện tiền thân này đã đến hồi kết thúc tốt đẹp. Lúc ấy, vị nữ tu sĩ suy nghĩ: “Chuyện này vẫn chưa đủ để bày tỏ đức độ của bậc Trí giả, ta sẽ cho dân chúng khắp kinh thành biết rõ công đức của ngài như người ta rải dầu thơm trên mặt biển.” Thế là bà mời vua cùng bà đi xuống khỏi cung, soạn bảo tọa trên sân châu, mời vua ngự lên rồi triệu tập dân chúng lại, bà hỏi vua một lần nữa về chuyện thủy thần từ đâu, và khi vua trả lời như ở trên, bà liền bảo dân chúng:

Thần dân xứ Pañcāla,
 Nghe lời này của Vua Cūḷani,
 Bảo toàn bậc Trí giả kia,
 Đức vua nào có kẻ chi mình vàng.
 Cuộc đời của chính mẫu hoàng,
 Em trai, hoàng hậu, thân bằng, bản thân,
 Vua Pañcā thấy sẵn lòng,
 Hy sinh tất cả hiến dâng thủy thần.
 Diệu kỳ thay trí lực hùng,
 Thông minh tài giỏi vô song như vậy,
 Chỉ vì ích lợi đời này,
 Cùng là hạnh phúc lâu dài đời sau!

Như vậy, bà đã đạt đỉnh cao trong sự chứng minh tài đức của bậc Đại sĩ, chẳng khác nào người ta đặt ngọn tháp cao chót vót lên một đồng bảo vật.

Chấm dứt phần *Câu hỏi về thủy thần*.

Sau khi giảng xong pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải bây giờ Như Lai mới có đại trí mà trước đây Ta cũng đã có đại trí.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân: Uppalavaṇṇā là nữ tu sĩ Bherī, Suddhodana trước đây là người cha, Mahāmāyā là người mẹ, Bimbisundarī (tức Yasodharā) là Amarā, Ānanda là con kết, Sāriputta là Cūḷani, Devadatta là Kevatta, Thullanandinī là Calākā, Sundarī là Pañcālacaṇḍī, Mallikā là chim nhồng, Ambaṭṭha là Kāminḍa, Pottapāda là Pukkusa, Pilotika là Devinda, Kassapa là Senaka, Maṅgalikā là Hoàng hậu Udumbarā và Lāḷudāyī là Vedeḥa, Mahosadha là Ta. Tiền thân này được hiểu như vậy.

§543. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ BHŪRIDATTA

(*Bhūridattajātaka*)⁴⁸ (J. VI. 157)

Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc Ngài trú tại thành Xá-vệ về việc các cư sĩ hành trì trai giới. Vào ngày trai giới, họ thức dậy thật sớm, phát nguyện hành trì giới luật, bố thí và sau khi thọ trai, họ đem hương hoa đến tịnh xá Kỳ Viên, gặp thời thuyết pháp, họ đều ngồi xuống một bên nghe giảng.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường, ngồi xuống sàng tọa được trang hoàng dành cho Ngài xong liền quan sát hội chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, đức Như Lai thường muốn đàm đạo với một vài vị này hay vị kia trong hội chúng khi bài thuyết giảng có liên quan đến họ. Vì thế, vào dịp này, Ngài biết rằng bài pháp thoại liên quan đến các bậc Đạo sư ngày xưa sắp được thuyết giảng cho các cư sĩ nên trong khi đàm đạo với họ, Ngài hỏi:

– Này các cư sĩ, các ông có hành trì trai giới chăng?

Khi các cư sĩ đồng thanh đáp có, Ngài bảo:

– Tốt lành thay! Này các cư sĩ, các ông đã làm rất tốt! Tuy nhiên, việc các ông có một vị Phật làm Đạo sư như Ta và hành trì trai giới thì không phải là chuyện lạ gì, vì các bậc Hiền trí ngày xưa chưa có bậc Đạo sư nào cũng đã từ bỏ mọi vinh quang của thế tục và giữ gìn ngày trai giới.

Nói xong, theo lời thỉnh cầu của các cư sĩ, Ngài kể một chuyện quá khứ.

I. THÁI TỬ BRAHMADATTA VÀ LONG NỮ

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, ngài phong cho con trai làm phó vương. Nhưng khi ngài thấy thái tử đạt vinh quang lừng lẫy, ngài lại đâm ra hoài nghi một ngày kia thái tử sẽ chiếm trọn giang sơn. Vì thế, ngài bảo con:

⁴⁸ Xem Cp. 85, *Bhūridattacarīya* (Hạnh của đức Bồ-tát Bhūridatta).

– Vương nhi hãy ra đi tìm chỗ cư trú nào mà thấy hợp ý trong lúc này, đến khi ta băng hà hãy về đây kế thừa vương nghiệp!

Thái tử vâng lệnh, giã từ vương phụ ra đi đến vùng núi Yamunā, dựng một cái chòi lá gần chỗ dòng sông giáp bờ biển và sống bằng rau quả qua ngày.

Lúc bấy giờ, có một long nữ dòng giống nāga ở dưới biển, mới mất chồng, lòng khao khát dục tình khi nhìn thấy các long nữ khác an vui cảnh chồng con nên bỏ lên địa giới, đi lang thang trên bờ biển, chợt thấy dấu chân của thái tử liền theo lối mòn đi đến chòi lá. Lúc ấy, thái tử đã đi ra ngoài kiếm trái cây. Long nữ bước vào chòi, thấy chiếc giường gỗ và đồ đạc trong chòi, nhủ thầm: “Đây là nơi cư trú của một ân sĩ, để ta thử xem vị này có thật là một vị chân tu không. Nếu vị đó là bậc chân tu, sống khắc kỷ, vị ấy sẽ không chịu nhận chiếc giường trang hoàng lộng lẫy của ta. Còn nếu đó là người với tâm tư mê đắm dục lạc, không phải là bậc chân tu tịnh tín thì vị đó sẽ nằm trên chiếc giường của ta rồi ta sẽ lấy vị đó làm chồng và ở lại đây.”

Vì thế, long nữ vội trở về cõi của mình, góp nhặt hương hoa thần tiên, trang hoàng một sàng tọa toàn bằng hoa. Sau khi làm lễ cúng hương hoa, rắc phân hương khắp chòi và trang hoàng cái chòi thật đẹp, nàng đi về cõi mình trú ngụ. Buổi chiều, khi thái tử trở về, chàng vào chòi thấy mọi vật như thế liền nói:

– Ai đã sắm sửa sàng tọa này?

Khi chàng ăn đủ loại trái cây xong, chàng lại kêu lên:

– Ôi, hoa thơm ngào ngạt, sàng tọa này êm ái quá!

Lòng chàng đầy hân hoan vì thật tâm chàng không phải là bậc chân tu khổ hạnh, chàng liền nằm xuống giường hoa và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, chàng thức dậy và cũng đi kiếm trái cây, chẳng nhớ quét dọn chòi lá. Vào lúc ấy, long nữ xuất hiện, thấy hoa héo úa liền hiểu ngay: “Kẻ này còn tham dục lạc, không phải là bậc chân tu, ta có thể bắt lấy được rồi.” Thế là nàng lượm hết hoa cũ, đem hoa khác đến trải lên sàng tọa thật đẹp, trang hoàng cái chòi lá, rải hương hoa như trước trên thềm nhà rồi trở về cõi mình cư ngụ.

Thái tử lại ngủ một đêm nữa trên giường hoa và sáng hôm sau chàng tự nghĩ: “Ai đã trang hoàng chiếc chòi này?” Vì thế, chàng không đi hái trái nữa, đứng ẩn mình không xa túp lều. Long nữ thu lượm hoa xong đi đến lều của chàng. Thái tử chiêm ngưỡng dung nhan cực kỳ lộng lẫy của long nữ liền say mê nàng ngay và chàng lẳng lặng đi vào chòi trong khi nàng đang trang hoàng sàng tọa, và hỏi nàng là ai.

– Tâu đức ông, tiện thiếp là long nữ.

– Chẳng hay nàng đã có gia thất chưa?

– Tâu đức ông, trước đây tiện thiếp đã có gia thất, hiện giờ tiện thiếp là sương phụ không có chồng, chẳng hay chàng ở đâu?

– Ta là Thái tử Brahmadata, con vua tại thành Ba-la-nại, nhưng còn nàng, tại sao lại đi phiêu bạt rời bỏ xứ sở của dòng giống nāga?

– Tâu đức ông, chỉ vì tiện thiếp trông thấy hạnh phúc của các nàng long nữ đã yên bề gia thất nên lòng chưa thỏa mãn về đường tình duyên đứt gánh, phải lang bạt đó đây tìm bóng tùng quân để nương tựa tâm thân bồ liễu.

– Ta cũng không phải là vị chân tu mà ta đến trú ngụ nơi đây chỉ vì cha ta đuổi ta đi. Vậy nếu nàng không chê ta, ta xin nguyện cùng nàng làm đôi vợ chồng sống hòa hợp ở nơi đây.

Tức thì long nữ bằng lòng và từ đó họ chung sống hòa hợp ở nơi ấy. Nhờ thần lực của long nữ, nàng biến hóa ra một ngôi nhà sang trọng có sàng tọa quý giá trong khuê phòng lộng lẫy. Từ đó, chàng không còn phải ăn hoa quả nữa mà được hưởng toàn cao lương mỹ vị của thần tiên. Sau một thời gian, nàng thụ thai và sinh được một con trai, họ đặt tên là Sāgara Brahmadata. Khi ấu nhi đã chập chững biết đi, nàng lại hạ sinh được một con gái trên bờ biển nên được đặt tên là Samuddajā.

Lúc bấy giờ, một sơn nhân trú tại thành Ba-la-nại tình cờ đến nơi đây, gặp thái tử, chào hỏi xong thì nhận ra chàng nên sau khi ở lại đó vài ngày, gã nói:

– Tâu Thái tử, tiểu thần xin về thông báo với vương tộc biết ngài đang cư trú nơi đây.

Thế rồi gã ra về kinh thành. Lúc ấy, vua vừa băng hà, các đại thần làm lễ tang cho vua xong liền hội họp nhau lại sau đó bảy ngày, rồi họ quyết định:

– Đất nước không thể một ngày không có vua, nay chúng ta chẳng biết thái tử trú ngụ phương nào, còn sống hay chẳng, để chúng ta đưa vương xa đến đón ngài về làm vua.

Vừa khi ấy, gã sơn nhân về thành, hay tin đó vội đến tìm các đại thần, báo cho họ biết trước khi đến đây, gã đã ở gần thái tử mấy ngày. Các đại thần rất trọng đãi gã rồi đi theo lời gã chỉ dẫn đến gặp thái tử. Sau khi chào hỏi thân tình xong, họ báo cho thái tử biết đức vua vừa băng hà và mời chàng về kế vị, chàng nghĩ thầm: “Ta muốn biết long nữ tính sao đây?” Chàng liền bảo vợ:

– Nay hiền thê, vua cha ta vừa băng hà, các đại thần đã đến giương chiếc lọng hoàng gia lên cho ta, vậy đôi ta cùng đi về trị vì Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần, nàng sẽ thành chánh hậu trong số mười sáu ngàn cung phi ấy.

– Phu quân ôi, thiếp không thể nào đi theo chàng được.

– Tại sao vậy?

– Dòng giống của thiếp có thứ độc được giết người và tánh khí lại dễ nóng giận vì chuyện không đâu, huống chi là việc hờn ghen trong cung cấm là chuyện hệ trọng, nếu thiếp gặp việc gì bất bình và chỉ cần đưa mắt giận dữ nhìn, tức thì tia mắt bắn ra như nắm trấu, vì thế thiếp không thể nào đi theo chàng được.

Ngày hôm sau, thái tử lại bảo nàng cùng đi, nàng đáp:

– Thiếp không thể nào đi được, nhưng các con của thiếp lại không phải thuộc nòi giống nāga, chúng là con của chàng, thuộc giống người, nếu chàng còn thương thiếp xin hãy chăm sóc lấy chúng! Nhưng vì chúng quen thói ở nước, rất yếu đuối, chúng sẽ chết nếu đi đường chịu dãi dầu nắng gió, vì vậy thiếp xin làm một con thuyền đổ nước vào để chúng chơi đùa trong nước và khi đến kinh thành, xin chàng cho lệnh đào một hồ nước cạnh hoàng cung cho chúng, như thế chúng mới khỏi khổ được.

Nói xong, nàng cung kính chào già từ thái tử, đi vòng quanh chàng một cách kính cẩn, ôm các con vào lòng, hôn đầu chúng và giao con lại cho chàng, khóc lóc một hồi và biến đi về cảnh giới của nāga. Thái tử cũng nặng trĩu u sầu, giàn giụa nước mắt liền đến gặp các đại thần. Tức thì họ rảy nước thánh lên đầu chàng làm lễ phong vương và thưa:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương trở về thành.

Chàng ra lệnh cho họ đóng thuyền xong đặt lên xe và đổ nước vào:

– Hãy rảy hương hoa đủ màu sắc trên mặt nước vì các con ta tính ưa nước, thích vui đùa trong nước.

Các đại thần tuân lệnh. Khi tân vương về đến thành Ba-la-nại, ngài vào thấy kinh thành trang hoàng rực rỡ liền bước lên lầu an nghỉ, có mười sáu ngàn mỹ nữ ca múa vây quanh cùng các cận thần. Ngài cho mở đại yến trong bảy ngày xong, ra lệnh đào hồ nước cho các vương nhi để các vương nhi chơi đùa suốt ngày.

Nhưng một ngày kia, khi nước được dẫn vào hồ, một con rùa trôi vào theo, rồi không tìm thấy lối ra, nó lội trên mặt nước. Trong khi các vương nhi nô đùa, rùa hiện ra, thò đầu nhìn đám trẻ rồi lại lặn xuống nước. Đám trẻ thấy rùa, sợ hãi chạy đi báo với vua cha:

– Phụ vương ôi, một con dạ-xoa trong hồ làm chúng con sợ quá.

Vua ra lệnh bắt con rùa và một người thả lưới xuống bắt được rùa đem lại trình vua. Khi các vương nhi trông thấy rùa liền la to:

– Phụ vương ôi, nó là con quý.

Vì vua thương yêu con nên nổi giận với con rùa, ra lệnh cho quân hầu trừng trị nó. Một người bảo:

– Nó là quân thù của Đại vương, vậy phải bỏ nó vào cối mà giã nát ra thành cám.

Kẻ khác nói:

– Đem nấu nhừ ra mà ăn.

Kẻ khác nữa lại bảo:

– Đem nó nướng than đi.

Và kẻ khác nói:

– Bỏ nó vào nồi và đốt lò.

Nhưng có một đại thần rất sợ nước, bảo:

– Ném nó xuống vực xoáy của sông Yamunā, nó sẽ bị tiêu hủy hoàn toàn, không còn hình phạt nào nặng hơn nữa.

Rùa nghe thế liền rút cổ lại bảo:

– Này hiền hữu, ta đã phạm tội gì khiến ông nói đến một hình phạt nặng nề như vậy dành cho ta? Các hình phạt kia ta còn chịu được, chứ hình phạt này thật vô cùng tàn bạo, xin ông đừng nhắc đến nữa.

Khi vua nghe được, ngài bảo:

– Phải hành hình nó như thế.

Và ngài ra lệnh ném nó vào vực xoáy của sông Yamunā, nơi đây nó tìm ra dòng nước đưa nó đến động nāga. Lúc bấy giờ, có vài tiểu long thuộc dòng vua rồng Dhatarattha đang nô đùa trên dòng nước, thấy rùa liền bảo nhau:

– Bắt lấy tên tiểu nô kia!

Rùa nghĩ thầm: “Ta vừa thoát khỏi tay vua xứ Ba-la-nại lại rơi vào tay bọn quỷ nāga hung ác này, làm sao thoát được đây?” Nó liền nghĩ ra một kế, bịa ra một chuyện và bảo chúng:

– Tại sao các long tử thuộc dòng dõi triều đình Vua Dhatarattha lại nói năng như vậy? Ta là linh quy tên Cittacūḷa, sứ giả của vua xứ Ba-la-nại đến yết kiến Vua Dhatarattha, đức vua của ta muốn gả công chúa của ngài cho long vương Dhatarattha, vậy hãy cho ta được bái yết ngài!

Chúng bằng lòng dẫn rùa đến, nhưng khi thấy rùa, vua không đẹp ý, bảo:

– Những kẻ có hình thù tồi tàn như vậy không thể nào làm sứ giả được.

Rùa nghe vậy liền đáp lại, nêu rõ các đức tính của nó cho vua biết:

– Tại sao Đại vương lại cần sứ giả cao như cây dừa làm gì? Hình dạng nhỏ bé hay cao lớn đâu có gì quan trọng? Điều quan trọng là khả năng hoàn thành sứ mạng được giao phó. Tâu Đại vương, vua của chúng thần có rất nhiều sứ giả. Con người thì làm việc trên đất liền, chim chóc thì làm việc trên không, tiểu thần thì ở dưới nước. Vì tiểu thần là kẻ được đức vua sùng ái tên gọi là Cittacūḷa, tiểu thần giữ một chức vụ đặc biệt, xin đừng nhạo báng tiểu thần.

Sau đó, Vua Dhatarattha hỏi rùa tại sao được vua bảo đến đây, nó liền đáp:

– Đức vua của tiểu thần muốn bày tỏ tình thân hữu với mọi đức vua trên cõi Diêm-phù-đề và nay ngài muốn gả Công chúa Samuddajā để tỏ tình thân hữu với long vương Dhatarattha, vậy xin Đại vương chớ chậm trễ, hãy lập tức gửi sứ giả đi cùng tiểu thần định ngày hôn lễ và đón công chúa về!

Vua rồng vô cùng đẹp ý, tán tụng rùa hết lời và ra lệnh cho bốn long tử cùng đi với rùa định ngày hôn lễ sau khi gặp vua kia rồi trở về xứ. Bốn chàng long tử cùng rùa từ giả động chúa rồng nāga. Rùa trông thấy một hồ sen giữa sông Yamunā và kinh thành Ba-la-nại nên muốn trốn đi liền bày kế nói:

– Nay các long tử, đức vua cùng vương hậu, vương tử của ta đã thấy ta xuất hiện trên mặt nước khi ta đến cung vua nên các ngài bảo ta dâng lên vài hoa sen và củ sen, vậy ta phải đi hái đấy. Các long tử hãy để ta đi một lát, hễ không thấy ta về thì cứ đi thẳng vào xin yết kiến đức vua, ta sẽ đến đó để gặp các chàng sau.

Họ tin lời để rùa ra đi, nó liền trốn biệt. Các chàng tiểu long không thấy rùa trở lại tưởng rằng nó đã đến châu vua liền đi đến hoàng cung giả dạng các thanh niên. Đức vua tiếp đãi ân cần và hỏi họ từ đâu đến. Họ bảo:

– Tâu Chúa thượng, từ Dhatarattha.

– Các công tử đến đây có việc gì chăng?

– Tâu Chúa thượng, chúng thần là sứ giả của long vương Dhatarattha, xin kính chúc Chúa thượng ngọc thể an khang và đức vua của chúng thần xin kính tặng Chúa thượng bất cứ bảo vật nào Chúa thượng đẹp ý. Đức vua của chúng thần cũng cầu xin Chúa thượng gả Công chúa Samuddajā để làm vương hậu của ngài.

Rồi họ ngâm vãn kệ thứ nhất để giải thích việc này:

784. Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân,
Tích trữ trong cung điện chúng thần,
Đều của Đại vương, tùy thánh ý,
Xin trao công chúa đến long quân.

Vua nghe vậy liền đáp vãn kệ thứ hai:

785. Từ trước chẳng hề có thể nhân,
Kết duyên con gái với long quân,
Sánh đôi vậy thật không tương xứng,
Sao trầm nghĩ ra chuyện lạ lùng?

Các chàng tiểu long bảo:

– Nếu như việc kết giao với long vương Dhatarattha không xứng đáng thì tại sao Chúa thượng lại sai sứ thần linh quy Cittacūla đến yết kiến Đại vương của chúng thần và ngỏ lời muốn gả Công chúa Samuddajā? Sau khi đã gửi sứ thần đi như vậy, Chúa thượng lại tỏ ra khinh mạn Đại vương của chúng thần. Nay chúng thần sẽ biết cách đối phó xứng đáng với thái độ khinh mạn ấy.

Nói xong, họ ngâm hai vãn kệ để hăm dọa:

786. Ngài sẽ bỏ thân, hỡi Đại vương,
Ngài và đất nước nghĩa gì chẳng?
Trước cơn thịnh nộ từ long chúa,
Vinh hiển thế nhân sẽ úa tàn.

787. Ngài kẻ yếu hèn, một thể nhân,
Phải suy tàn bởi tính kiêu căng,
Dám khinh Thái tử Yāmuna,
Con của Varuṇa Đại vương.

Vua liền đáp hai vắn kệ:

- 788.** Ta chẳng hề khinh bỉ Đại vương
Dhatarattha hiền hách danh lòng,
Là vua bộ tộc nāga ấy,
Thừa hưởng vương quyền đứng lẽ chân.
- 789.** Song dù ngài vĩ đại cao sang,
Sát-đế-ly dòng dõi xuất thân,
Chính thống Videha quý tộc,
Ngài đừng mơ tưởng đến công nưong.

Mặc dầu các chàng tiểu long muốn giết vua ngay lập tức bằng một luồng khí độc, họ kịp suy nghĩ lại rằng họ được phái đi đến đây định ngày hôn lễ, cho nên giết vua rồi bỏ đi thì thật không phải lẽ, vì thế họ bảo:

– Chúng thần xin từ tạ để về tâu lại Đại vương của chúng thần rồi!

Rồi họ biến mất. Khi về, vua hỏi xem họ đã rước được công chúa chưa, họ giận dữ đáp:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại phái chúng thần đến đó mà chẳng có duyên cớ gì cả. Ví dụ Đại vương muốn giết chúng thần, xin giết ngay tại đây cho thỏa dạ. Vua nước ấy mạ lỵ, phỉ báng Đại vương, tôn con gái mình lên tột đỉnh và kiêu mạn về dòng dõi vương gia.

Cứ thế, họ thêm dệt thêm câu chuyện khiến vua nổi giận, ban lệnh họp quần thần binh lính lại, bảo:

- 790.** Này Kambalassatarā,
Đứng lên báo cho chúng măng xà,
Tiến đến Ba-la-nại khuấy động,
Song đừng làm hại trẻ hay già.

Các nāga hỏi:

– Nếu không cần phải hại ai cả thì chúng thần đến đó để làm gì?

Vua liền ngâm kệ bảo họ phải làm như sau:

- 791.** Ở trên hồ nước, các hoàng thành,
Đường xá và trên các ngọn cành,
Trên các cung môn cần kết dải,
Đong đưa theo gió nhẹ, treo mình.
- 792.** Mào trắng và thân trắng măng xà,
Bao quanh thành thị của nhà vua,
Vòng vây ta xiết dần dần chặt,
Dân xứ Kāsi sẽ sợ ta.

Binh lính nāga tuân lệnh.

Bậc Đạo sư diễn tả quang cảnh xảy ra:

- 793.** Nghe xong mệnh lệnh của long vương,
Các rắn đủ màu đã khấn tụng,
Hiện đến Ba-la-nại khuấy động,
Và không giết hại một dân thường.
- 794.** Chúng treo mình khắp các ngôi nhà,
Hồ nước, lối đi, các ngã ba,
Bò tới ngọn cây thông lưng lẳng,
Trườn lên vòm cổng, rướn mình ra.
- 795.** Thấy bao nhiêu rắn hiện buông lơi,
Những phụ nữ la khóc khắp nơi,
Nhìn các rắn giương mào trối dậy,
Hoảng kinh, họ thở dập dòn hơi.
- 796.** Thành Ba-la-nại rối thê lương,
Đã bị bủa vây rất thảm thương,
Dân chúng giơ tay lên khóc thét,
“Xin ban công chúa cho long vương!”

Trong lúc vua đang ngự trên long sàng, ngài nghe tiếng kêu khóc của các vương phi cùng nhiều thần dân khác và chính ngài cũng sợ chết vì những lời hăm dọa của bốn tiểu long kia nên ngài kêu to ba lần:

– Ta sẽ gả Công chúa Samuddajā cho Vua Dhatarattha!

Khi các chúa nāga nghe được lời ấy liền rút quân lùi lại cách khoảng ba dặm đường và cắm trại tại đó, xây dựng lên một kinh thành giống cảnh của chư thiên rồi cho người mang lễ vật cầu hôn đến nhà vua:

– Xin Hoàng thượng gả công chúa như đã hứa!

Vua nhận lễ vật xong, ra lệnh cho các người đem lễ vật ấy lui về và ngài bảo:

– Các người hãy ra về, trăm sẽ cho các đại thần đưa công chúa đến!

Rồi ngài triệu công chúa lại, đưa nàng lên thượng lầu, mở cửa sổ ra bảo nàng:

– Này Công chúa, con hãy ngắm kinh thành tráng lệ kia, vua nọ cầu hôn con về làm chánh hậu tại đó. Kinh thành ấy không xa mấy, bao giờ con thấy nhớ nhà cứ về thăm cha, nhưng bây giờ con phải vu quy.

Sau đó, vua ra lệnh các cung nữ gọi đầu, trang điểm cho công chúa đủ ngọc ngà trân bảo rồi đưa nàng lên loan xa che kín, có các đại thần hộ tống. Các chúa nāga ngự ra đón nàng theo lễ nghi rất trọng thể. Các đại thần vào thành, tiễn biệt công chúa và ra về được tặng vô số ngọc vàng. Công chúa được đưa vào hoàng cung, đặt nằm trên sàng tọa tráng lệ như cảnh tiên, và các thiếu nữ nāga cải dạng có lưng gù cùng những dị tật khác hầu hạ quanh nàng như thể thị nữ ở cõi nhân gian vậy. Khi công chúa vừa đặt lưng xuống sàng tọa thần tiên này,

nàng cảm thấy êm dịu lạ lùng và ngủ thiếp đi. Vua Dhatarattha mang nàng biến khỏi chỗ đó cùng với hội chúng rồng về hiện nơi cảnh giới của loài nāga.

Khi công chúa thức dậy và thấy sàng tọa thần tiên trong cung điện xây bằng ngọc vàng châu báu cùng các hoa viên và hồ nước trong cảnh giới nāga chẳng khác nào kinh thành tráng lệ của thiên giới, nàng hỏi các thị nữ gù lưng quanh nàng:

– Kinh thành này thật tuyệt diệu, chẳng giống kinh thành của ta, vậy nó là của ai thế?

– Tâu Lệnh bà, đó là kinh thành thuộc quyền Chúa thượng của Lệnh bà, những kẻ thiếu đức không thể nào hưởng được cảnh vinh quang như thế này. Lệnh bà đã được vinh quang như vậy là nhờ công đức cao trọng của Lệnh bà.

Sau đó, Vua Dhatarattha ra lệnh đánh chuông trống khắp hoàng thành rộng năm trăm do-tuần, bố cáo với thần dân rằng kẻ nào để lộ tướng rồng tinh cho Công chúa Samuddajā thấy sẽ bị trừng trị ngay. Vì thế, không ai dám xuất hiện nguyên hình trước mặt nàng. Cho nên nàng hưởng cuộc sống rất êm ấm hòa hợp với nhà vua vì tưởng rằng đây là cảnh giới nhân gian.

II. BẠC ĐẠI TRÍ DATTA

Theo thời gian, Vương hậu Dhatarattha thụ thai và sinh hạ một vương tử có dung mạo khôi ngô nên được đặt tên là Sudassana. Sau đó, bà lại sinh hạ vương tử thứ hai đặt tên là Datta, đó chính là Bồ-tát. Rồi bà lại sinh hạ vương tử thứ ba đặt tên là Subhaga và vương tử thứ tư tên Arittha. Dù đã sinh hạ bốn vương tử, bà vẫn chưa hề biết đây là cảnh giới của nāga. Nhưng một ngày kia, có người bảo Arittha:

– Vương hậu là giống người chứ không phải giống nāga.

Arittha tự nhủ: “Đề ta thử mẹ xem sao.” Một ngày kia, trong lúc đang bú sữa mẹ, vương tử xuất lộ nguyên hình rắn ròng, lấy đuôi ve lưng bàn chân mẹ. Khi hoàng hậu thấy rùng, kinh hãi thét lên ném con xuống đất, lấy móng tay cào vào mắt con đến chảy máu ra. Vua nghe tiếng thét hỏi lý do và khi vua nghe chuyện Arittha làm ra, ngài bước đến hăm dọa:

– Đem tên tiểu nô này giết đi!

Công chúa biết bản tính nóng nảy của vua liền lên tiếng bênh vực con:

– Tâu Chúa thượng, thần thiếp đã đánh vào mắt vương nhi rồi, xin Chúa thượng tha tội cho nó.

Vua nghe vương hậu nói vậy liền tha:

– Thôi, trăm còn làm sao được nữa!

Rồi vua tha thứ cho con. Từ ngày đó, hoàng hậu mới biết đây là xứ rồng nāga và cũng từ đó Arittha được gọi là Kāṇārittha (Độc Nhân Arittha).

Bảy giờ, các vương tử đã đến tuổi trưởng thành. Vua cha giao cho mỗi vị một vương quốc rộng chừng một trăm do-tuần vuông, vinh quang lừng lẫy và mỗi vị có mười sáu ngàn long nữ hầu hạ trong cung đình. Vương quốc của vua cha cũng chỉ một trăm do-tuần vuông. Các vương tử hằng tháng đều đến vấn an đức vua cùng hoàng hậu. Nhưng Bồ-tát cứ nửa tháng lại yết kiến cha mẹ một lần, ngài vẫn thường đưa ra một số vấn đề xảy ra ở cảnh giới nāga và vẫn thường cùng vua cha đến yết kiến Đại Thiên vương Virukkha⁴⁹ (Quảng Mục Thiên vương) để đàm đạo các vấn đề ấy.

Một ngày kia, Đại Thiên vương Virukkha cùng với hội chúng nāga lên cảnh giới chư thiên để châu Thiên chủ Sakka, một vấn đề được đưa ra đàm đạo nhưng không có ai trong chư thiên giải đáp được trừ bậc Đại sĩ lúc ấy đang ngồi trên bảo tọa. Thế rồi, Thiên chủ tỏ lòng hâm mộ ngài, đem tặng hoa quả của cõi trời và bảo ngài:

– Này Hiền giả Datta, ngài có đại trí lớn như quả địa cầu, từ nay ta xin gọi ngài là Bhūridatta (Đại trí Datta).

Và Thiên chủ ban cho ngài danh hiệu ấy. Sau đó, bậc Đại sĩ bái yết Thiên chủ Sakka để tỏ lòng sùng kính và khi ngài ngắm vẻ huy hoàng tột đỉnh của thiên triều cùng các thiên nữ, ngài mơ ước được lên thiên giới: “Ta còn làm gì được với tướng nāga chuyên ăn ếch nhái này nữa? Thôi ta nguyện trở về thế giới nāga hành trì trai giới, tu tập công hạnh để được sinh lên cõi chư thiên.”

Suy nghĩ như vậy xong, khi trở về xứ nāga, ngài liền xin cha mẹ:

– Tâu Phụ vương cùng Mẫu hậu, con nguyện hành trì trai giới.

– Này Vương nhi, con hãy hành trì, nhưng trong lúc hành trì con chớ ra ngoài, chỉ ở trong cung điện trống vắng trong xứ rồng ở đây thôi, vì khi ra ngoài loài rồng sẽ gặp sự kinh sợ.

Ngài tuân lệnh, từ đó ngài chỉ trì giới trong hoa viên của cung nāga vắng vẻ. Nhưng các long nữ vẫn cứ châu chực quanh ngài, đàn ca múa hát mãi, khiến ngài nghĩ thầm: “Nếu ta ở đây, việc trì giới của ta sẽ không bao giờ thành tựu, vậy ta sẽ đến cõi nhân gian mà trì giới mới được.” Rồi ngài sợ bị can ngăn nếu đem việc đó tâu với vua cha nên ngài bảo vương phi:

– Này Vương phi, nếu ta lên cõi nhân gian sẽ đến một cây đa trên bờ sông Yamunā, ta sẽ cuộn mình trên gò mồi gần đó mà hành trì giới luật đủ bốn phép,⁵⁰ rồi ta sẽ nằm đó tu tập, trì giới suốt đêm. Sau đó, Vương phi hãy phái thị nữ cứ mỗi buổi sáng, lúc rạng đông, đến trang hoàng hương hoa cho ta rồi đàn ca múa hát rước ta về lại cảnh giới nāga.

Nói xong, ngài cuộn mình trên gò mồi và nói to:

– Kẻ nào muốn cứ đến lấy máu thịt, xương da ta đi.

⁴⁹ Bản CST ghi Virūpakka.

⁵⁰ Giới luật đủ bốn phép gồm có không đồ kỵ, không uống rượu, không tham dục và không sân hận.

Rồi ngài trì giới gồm bốn phép, nằm đó với thân tướng chỉ gồm có đầu đuôi mà thôi. Đến rạng sáng ngày hôm sau, các long nữ đến và làm theo lệnh ngài đã ban, đưa ngài về lại cảnh giới nāga như cũ và cứ thế, ngài trì giới trong suốt một thời gian dài.

III. HAI CHA CON BÀ-LA-MÔN SĂN THÚ

Lúc bấy giờ, có một người Bà-la-môn sống ở một làng gần cổng thành Ba-la-nại, thường cùng con trai tên gọi Somadatta vào rừng đặt bẫy chông bắt thú rừng rồi gánh thịt đi bán để sinh nhai. Một ngày kia, gã chẳng bắt được con thú nào dù chỉ là một con tắc kè nhỏ, gã bảo con trai:

– Nếu ta về nhà tay không, mẹ con sẽ giận dữ, vậy ta cứ bắt lấy con gì cũng được.

Thế là gã đi về phía gò mồi nơi Bồ-tát đang tĩnh tọa và quan sát dấu chân nai thường xuống dòng sông Yamunā để uống nước, gã bảo:

– Nay con, đây là hang nai, con hãy đợi trong lúc cha bắt nai đến uống nước.

Và gã giương cung đứng dưới gốc cây chờ nai đến. Vào buổi chiều, một con nai đến uống nước liền bị bắn trọng thương, tuy nhiên nó chưa ngã xuống ngay nhưng vì mũi tên làm máu tuôn xối xả, nó liền chạy trốn. Hai cha con đuổi theo đến tận nơi nó ngã xuống, bắt lấy nó rồi ra khỏi rừng đến gốc cây đa thì mặt trời vừa lặn.

– Lúc này đi xa thì bất tiện lắm, thôi ta ở lại đây.

Nói xong, họ đặt con nai qua một bên rồi trèo lên cây, nằm trên cành. Gã Bà-la-môn thức giấc lúc rạng đông, cổ nghe ngóng tiếng động của nai, vừa lúc đó các long nữ đến dâng sàng tọa hương hoa cho Bồ-tát. Ngài đã bỏ xác rồng và hiện hình thiên thần mang đủ bảo vật trang nghiêm ngồi trên sàng tọa sức nức hương hoa trong dáng điệu uy nghi của Thiên chủ Sakka.

Các long nữ thành kính cúng dường ngài vô số hương hoa rồi trỗi khúc nhạc thiên đường, đồng thanh ca múa. Khi gã Bà-la-môn nghe tiếng nhạc, gã tự hỏi: “Ai đây, ta phải xem sao mới được!” Gã liền gọi con trai nhưng cậu bé vẫn cứ ngủ say. Gã tự nhủ: “Thôi để nó ngủ. Nó còn mệt thì ta đi một mình vậy.” Gã leo xuống đất tiến đến gần ngài. Các long nữ thấy gã liền động thổ ngay cùng các nhạc khí, trở về cảnh giới nāga, chỉ còn Bồ-tát ngồi lại một mình. Gã Bà-la-môn đứng gần ngài ngâm hai vắn kệ hỏi ngài:

797. Hong nhân thiếu sinh được thấy đây,
 Là ai, tòa rộng đôi bờ vai,
 Mười ngàn xuân nữ vây quanh nọ,
 Đeo xuyên vàng, xiêm áo đẹp thay?

798. Chàng là ai ở giữa rừng xanh,
 Như lửa thêm dầu mỡ mới tinh,
 Có phải Sakka, thần đại lực,
 Hay là rồng chúa đại oai danh?

Bậc Đại sĩ nghe vậy thâm nghĩ: “Nếu ta bảo là một vị Đế-thích, gã sẽ tin ngay vì gã là một Bà-la-môn, nhưng ta phải nói sự thật. Thế là ngài nói về nòi giống nāga của ngài:

799. Ta chúa nāga, lực đại hùng,
 Với luồng khí độc mạnh vô song,
 Đất nước phồn vinh, dân lớn bé,
 Ta đây nổi giận giết tiêu vong.

800. Mẫu thân ta chính Samuddajā,
 Chúa tể Dhatarattha, thân phụ ta,
 Em của Sudassana thái tử,
 Tên ta là Bhūridatta.

Nhưng khi bậc Đại sĩ nói xong, ngài liền nghĩ: “Bà-la-môn này hung ác, gã có thể phản ta, tiết lộ ta với người bắt răn và thế là cản trở việc trì giới của ta. Vậy ta đưa gã về vương quốc nāga, tiếp đãi gã trọng thể tại đó, như thế ta vẫn không gián đoạn việc hành trì giới luật.” Thế là ngài bảo gã:

– Nay hiền hữu Bà-la-môn, ta muốn tiếp đãi ông thật trọng thể, vậy bây giờ hãy theo ta đến xứ sở nāga đầy lạc thú!

– Tâu Chúa thượng, hạ thần còn một con trai, nếu hạ thần có đi, xin cho con trẻ đi cùng!

Bồ-tát đáp:

– Hiền hữu cứ đi tìm hiền điệt lại đây!

Rồi ngài tả nơi cư ngụ của ngài cho gã biết:

801. Hồ kia u tối thật kinh hoàng,
 Sóng nước không ngừng, bão tố dâng,
 Nhà của ta, thần dân trú ngụ,
 Còn ai dám trái lệnh ta ban.

802. Hãy lặn chìm trong làn sóng xanh,
 Đàn công, đàn hạc gọi đồng thanh,
 Xuống đây tận hưởng niềm hoan lạc,
 Dành sẵn cho ai giữ giới hành.

Gã Bà-la-môn đi tìm con, kể chuyện cho con nghe rồi đem con trở lại và bậc Đại sĩ liền đưa họ đến bên bờ sông Yamunā. Khi đứng đó, ngài bảo:

803. Hiền hữu cùng con chớ ngại ngần,
 Theo lời ta bảo, sống ung dung,

Vinh quang hạnh phúc trong cung điện,
Lạc thú ta ban đủ mọi phần.

Nói xong, bậc Đại sĩ dùng thần lực đưa hai cha con đến cảnh giới nāga, nơi đây họ hưởng cuộc sống thần tiên. Ngài ban cho họ phúc lạc của tiên giới, mỗi người có đến bốn trăm thiếu nữ nāga hầu hạ, vinh hoa phú quý thật không sao kể xiết. Bồ-tát vẫn tinh tấn hành trì giới luật, cứ nửa tháng ngài đi bái yết phụ vương, mẫu hậu và thuyết pháp; còn khi đến thăm gã Bà-la-môn, ngài thường vấn an gã và bảo:

– Hiền hữu cần gì cứ nói cho ta biết, xin cứ hưởng lạc thú, đừng để bất toại điều gì!

Rồi sau khi chào hỏi Somadatta ân cần, ngài trở về tu thất của ngài. Gã Bà-la-môn sau khi sống trong cảnh giới nāga được một năm, do trước đây thiếu tu tập công đức, dần dần cảm thấy không toại ý, chỉ muốn trở về nhân gian. Cảnh giới nāga đối với gã chẳng khác nào địa ngục. Cung điện được trang hoàng lộng lẫy chỉ giống như nhà tù, các cung nữ nāga được điểm trang vàng ngọc cũng tựa như bày quý cái. Gã nghĩ thầm: “Ta chán lắm rồi, để ta hỏi thử xem Somadatta nghĩ sao.” Gã tìm con trai và hỏi:

– Con có được toại nguyện chẳng?

– Làm sao con lại bất mãn được? Cha con ta không nên nghĩ như vậy. Còn thân phụ không toại nguyện chẳng?

– Đúng vậy!

– Tại sao thế?

– Vì ta không gặp được mẹ con cùng anh em con, thôi ta cùng đi về xứ.

Người con bảo không muốn đi về, nhưng vì bị cha nài mãi nên cuối cùng cũng thuận. Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Con ta đã ưng thuận ra đi, nhưng nếu ta bảo với Hoàng tử Bhūridatta rằng ta không toại nguyện, hoàng tử sẽ ban cho ta thật nhiều ân huệ khác nữa và thế là ta không thể đi về. Mục đích của ta chỉ đạt được bằng một cách này thôi: Ta sẽ tả cảnh huy hoàng của ngài rồi hỏi ngài: ‘Tại sao ngài rời bỏ mọi vinh quang để lên nhân thế hành trì trai giới?’ Khi ngài đáp: ‘Để được lên thiên giới’, ta sẽ bảo ngài: ‘Chúng thần lại càng phải nên tu tập như thế hơn nữa vì chúng thần đã sống bằng nghề sát sinh hại mạng. Thần cũng muốn trở lại trần thế để thăm quyền thuộc xong rồi sẽ xuất gia sống đời khổ hạnh.’ Thế là ngài sẽ phải đi!”

Sau khi quyết định xong, một ngày kia, Bồ-tát đến hỏi thăm gã xem có gì chưa toại ý chẳng, gã liền vội trấn an ngài rằng không có điều gì gã mơ ước mà ngài không ban cho gã, rồi không hề nói gì đến ý định ra đi, trước tiên gã chỉ ngâm kệ tả cảnh phồn vinh thịnh vượng của xứ ngài:

804. Đất bằng trải rộng khắp nơi,
Hoa trắng tagara nở rợp trời,

- Tỏ bộ yên chi màu đỏ thắm,
Rừng xanh rực rỡ phủ nền tươi.
- 805.** Đèn đài linh hiển khắp trong rừng,
Hồ lấm thiên nga đắm mắt trần,
Tô điểm lá sen tàn rải rác,
Khác nào các tấm thảm đang nằm.
- 806.** Cung đình ngàn cột trụ nguy nga,
Tiên nữ bao nàng rộn múa ca,
Cột trụ dát toàn châu ngọc quý,
Tứ bề phản chiếu ánh trời xa.
- 807.** Ngài có cung đình thật hiển vinh,
Chính nhờ công đức đã hoàn thành,
Mọi niềm ước nguyện đều viên mãn,
Ngay khi nguyện ước mới thành hình.
- 808.** Ngài chẳng ước mơ điện Ngọc hoàng,
Thiên triều tráng lệ sánh sao ngang,
Cung ngài vinh hiển còn hơn thế,
Với cảnh huy hoàng chiếu ánh quang.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Nay hiền hữu Bà-la-môn, đừng nói thế, cảnh vinh quang của ta so với Thiên chủ Sakka chỉ như hạt cải bên cạnh núi Sineru (Tu-di). Chúng ta không bằng được quần thần của ngài nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

- 809.** Ý dẫu tới cao chẳng dám mơ,
Vinh quang ngôi vị của Sakka,
Bốn Thiên vương ở trong triều đại,
Mỗi vị một miền được định ra.

Khi ngài nghe gã lặp lại: “Cung điện của ngài chẳng khác nào cung Thiên chủ Sakka”, ngài đáp:

– Ta đã nghĩ đến chuyện này từ lâu, chính vì ta muốn lên điện Vejayanta (Tối Thắng) mà ta thực hành sự tu tập trai giới.

Rồi ngài ngâm kệ nói rõ tâm nguyện mình:

- 810.** Ta mong tha thiết cảnh cao đường,
Của các bậc tiên thánh vĩnh hằng,
Vì thế ta ngồi trên ổ mối,
Hành trì giới hạnh mãi không ngừng.

Gã Bà-la-môn nghe vậy thâm nghĩ: “Nay ta đã có cơ hội rồi đây”, và với lòng hân hoan, gã ngâm kệ xin phép ngài ra đi:

811. Thần đã cùng con trẻ bắt hươu,
Ngày xưa bôn tẩu chốn rừng sâu,
Bạn bè để lại nhà không biết,
Sống chết thần nay hiện ở đâu.
812. Bhūridatta, thần muốn đi,
Hỡi ngài minh chúa tộc Kāsi,
Chúng thần cất bước thăm lần nữa,
Quyền thuộc thân bằng ở chốn quê.

Bồ-tát đáp:

813. Ta muốn các ngài ở chốn đây,
Cùng ta hưởng hạnh phúc bao ngày,
Nơi nào trên chốn nhân gian ấy,
Ngài thấy bình an giống cảnh này?
814. Nhưng nếu ngài mong ở chốn kia,
Thì ngài hãy hưởng lạc tràn trề,
Rồi sau sẽ già từ đi nhé,
Hạnh phúc ngài mong gặp bạn bè.

Rồi ngài suy nghĩ: “Nếu gã nhờ ta mà có được hạnh phúc chắc gã sẽ không tiết lộ ta với ai đâu, ta sẽ cho gã viên ngọc như ý (ban mọi điều ước).” Ngài liền tặng gã viên ngọc rồi bảo:

815. Kẻ được mang viên bảo ngọc thần,
Ngắm đàn con cháu với gia trang,
La-môn lấy ngọc và đi nhé,
Chẳng có bao giờ gặp bất an.

Gã Bà-la-môn đáp:

816. Hạ thần hiểu rõ những lời ngài,
Ngài thấy thần nay đã lão lai,
Thần sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Nghĩa gì lạc thú ở trên đời?

Bồ-tát nói:

817. Nếu ngài chẳng giữ trọn lời thề,
Tìm thú thế nhân lần nữa kia,
Thì hãy đến tìm ta lại nhé,
Ta ban ngài lạc thú tràn trề.

Gã Bà-la-môn đáp:

818. Bhūridatta, cảm tạ muôn vàn,
Ân huệ mà ngài đã phát ban,
Ví thử thần tìm cơ hội tốt,
Sẽ về mong được hưởng hồng ân.

Bậc Đại sĩ thấy rằng gã không còn muốn ở lại đây nữa nên ngài ra lệnh bốn đồng tử nāga dẫn gã trở lại cõi trần.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 819.** Bhūridatta lệnh truyền ban:
 Bốn tiểu long thần, hãy bước chân,
 Dem vị La-môn ta ủy thác,
 Dẫn người trở lại chốn người mong.
- 820.** Nghe lời xong, các vị long thần,
 Lập tức lệnh ngài được phục tuân,
 Họ dẫn Bà-la-môn đến chốn,
 Rồi đi để lại gã đơn thân.

Trên đường về, lão Bà-la-môn bảo con:

– Nay Somadatta, ta sẽ giết được con nai chỗ này và con lợn chỗ kia.

Rồi thấy một hồ nước, gã kêu lên:

– Nay Somadatta, xuống tắm đi!

Thế là cả hai cha con cởi hết áo quần thần tiên ra cuộn thành một bó đặt trên bờ, xuống hồ tắm. Lập tức, áo quần biến mất về cảnh giới nāga, chỉ còn bộ áo quần nghèo khổ màu vàng xưa kia của họ mang lên người cùng với cung, tên, giáo hiện ra như ngày xưa ấy.

– Cha ơi, cơ nghiệp tiêu tan hết rồi!

Somadatta kêu gào lên thế. Nhưng cha cậu vội an ủi:

– Đừng lo gì, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn có kế sinh nhai.

Mẹ Somadatta nghe họ về, vội chạy ra đón vào nhà, thiết đãi cơm rượu thỏa thuê. Khi gã Bà-la-môn đã ăn xong và đi ngủ, người mẹ hỏi con:

– Lâu nay hai cha con đi đâu thế?

– Thừa mẹ, cha con và con được vua nāga là Bhūridatta mang đến xứ nāga thần tiên, nhưng vẫn không toại nguyện nên nay lại trở về.

– Thế con có mang về được món châu báu nào không?

– Thừa mẹ, không.

– Thế vị vua đó không cho con món châu báu nào sao?

– Thừa mẹ, Vua Bhūridatta đã tặng cho cha con một viên ngọc ban mọi điều ước, nhưng cha con từ chối.

– Vì có sao?

– Cha con bảo là muốn làm ẩn sĩ tu hành.

– Sao lâu nay đã vớt lại cho ta cả một gánh nặng con cái và đi ở xứ nāga, bây giờ lão đòi làm ẩn sĩ à?

Thế là bà nôi con thịnh nộ, đập vào lưng gã bằng chiếc thìa lâu nay vẫn dùng nó chiên cơm rồi mắng gã xối xả:

– Ông thật là thứ Bà-la-môn ác độc, tại sao ông bảo là sắp đi tu làm ả sĩ và từ chối báu vật? Rồi tại sao ông còn vác mặt về nhà mà không thực hiện nguyện ước tu hành? Hãy cắt ra khỏi nhà ta ngay!

Nhưng gã bảo vợ:

– Nay hiền thê, xin nàng chớ vội thịnh nộ, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn cấp dưỡng mẹ con nàng.

Thế là ngày hôm sau, gã cùng con trai vào rừng tiếp tục tìm kẻ sinh nhai bằng nghề cũ.

IV. VIÊN NGỌC THẦN VÀ GÃ BẮT RỒNG

Lúc bấy giờ, có một con chim Garuḷa⁵¹ sống trong cây bông vải ở vùng Tuyết Sơn gần đại dương miền Nam, bay lượn trên mặt nước rồi sà xuống vùng Tuyết Sơn chụp lấy đầu của một chúa rồng. Đây là thời kỳ chim Garuḷa chưa biết cách bắt rồng. [Chúng biết cách bắt này trong *Chuyện long vương Paṇḍara*⁵²]. Vì thế, dù đã chụp được đầu rồng mà không làm bắn nước tung tóe, nó lại mang rồng toòng teng đến đỉnh núi Tuyết.

Một Bà-la-môn trước đây là dân xứ Kāśi, sống ẩn dật trên núi này trong một chòi lá, cuối lối đi có mái che là một cây đa lớn nên ban ngày ông vẫn cư ngụ dưới gốc cây. Chim Garuḷa mang rồng đến ngọn cây đa, con rồng cố thoát ra nên cuộn đuôi quanh một cành. Chim Garuḷa không biết việc này, lấy toàn lực bay vút lên trời mang theo cây đa bật gốc. Chim thần mang rồng đến cây bông vải, dùng mỏ phanh bụng rồng ra, ăn hết mỡ rồi ném xác xuống biển.

Cây đa rớt xuống đánh ầm, chim thần không biết vì sao có tiếng động lớn như vậy liền nhìn xuống thấy cây đa, nó tự hỏi: “Cây này ta mang từ đâu lại?” Rồi nhận ra đó là cây đa ở cuối lối đi có mái che của ả sĩ kia, nó suy nghĩ: “Cây đa rất ích lợi cho vị ấy, không biết có tai họa gì giáng xuống cho ta chăng? Ta thử đi hỏi ông xem sao!”

Rồi nó giả dạng làm một tiểu sinh đến gặp ả sĩ trong lúc ông đang đập đất cho bằng phẳng lại. Thế là vương điều đánh lễ ả sĩ xong, ngồi qua một bên, hỏi thăm sự tình như thể nó không biết gì những việc đã xảy ra:

– Cây gì đã mọc ở chỗ ấy?

Vị ả sĩ đáp:

– Một con chim Garuḷa mang một con rồng đi ăn thịt, con rồng quấn đuôi quanh một cành cây để cố trốn thoát, nhưng con chim mạnh quá bay vút lên không làm cây bật gốc theo và đây là nơi cây đã bật lên.

⁵¹ Garuḷa (金翅鳥, Kim Sī điểu): Chim thần Cánh Vàng.

⁵² Xem J. V. 75, *Paṇḍarajātaka* (*Chuyện long vương Paṇḍara*), số §518.

- Thế con chim mắc phải tội gì?
- Nếu nó không biết việc nó làm thì đó chỉ là vô ý thức, không phải tội lỗi.
- Thế còn trường hợp của rồng thì sao?
- Nó không cuộn vào cây với ý định làm hư hại cây, cho nên nó cũng không có tội.

Chim chúa Garuḷa hài lòng với lời giải thích của ả sĩ liền nói:

– Nay hiền hữu, ta chính là vương điều Garuḷa, ta rất hài lòng với lời giải thích vấn đề của ông. Nay ông sống trong rừng này và ta lại biết thần chú Ālambāyana (thần chú bắt rồng rắn) quý vô giá. Ta sẽ tặng nó cho ông để đền đáp công ơn ông đã giải thích cho ta, mong ông nhận nó.

– Ta cũng đã biết nhiều thần chú lắm, hiền hữu cứ an tâm ra đi.

Nhưng chim chúa cứ nài ép mãi cuối cùng cũng nản nỉ được vị ả sĩ nhận lời nên nó trao bùa và chỉ những dược thảo cần thiết rồi tạ từ.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một Bà-la-môn nghèo khổ nợ nần tứ tung và bị các chủ nợ giày vò mãi, gã tự nhủ: “Sao ta lại cứ sống mãi như thế này? Ta thả vào rừng mà chết còn hơn!” Thế là gã bỏ nhà đi vào rừng, cứ đi như vậy cho đến khi gã đến lều ả sĩ. Gã vào xin ở lại và được ả sĩ vui lòng nhận vì gã siêng năng làm mọi phận sự. Vị ả sĩ tự nhủ: “Gã Bà-la-môn này giúp đỡ ta rất nhiều, vậy ta sẽ cho gã thần chú thiêng mà chim chúa đã cho ta.”

Vì thế, ông bảo gã:

– Nay hiền hữu Bà-la-môn, ta biết thần chú Ālambāyana, ta sẽ cho ông, mong ông nhận lấy.

Gã đáp:

– Hiền hữu hãy an tâm, ta chẳng cần bùa chú gì cả.

Nhưng vị ả sĩ nài ép mãi, cuối cùng cũng thuyết phục gã kia lấy bùa rồi chỉ bảo cho gã những loại cây thuốc cần thiết và cách sử dụng bùa. Gã Bà-la-môn tự nhủ: “Ta đã có kế sinh nhai rồi!” Thế là sau khi ở lại thêm vài ngày, gã lấy có bị chứng phong thấp và sau khi xin vị ả sĩ thứ lỗi, gã kính cẩn từ giã và đi khỏi khu rừng. Qua nhiều chận đường, gã đến bờ sông Yamunā, đi dọc theo đường cái, miệng lầm thầm câu thần chú.

Ngay lúc bấy giờ, cả ngàn tiểu đồng nāga, vốn là thị giả của Bhūridatta đang mang viên bảo châu như ý ấy. Họ đã ra khỏi cảnh giới nāga, ngồi nghỉ chân và đặt bảo ngọc trên một đụn cát, rồi sau khi nô đùa suốt đêm dưới làn nước nhờ ánh sáng tỏa ra từ viên bảo châu ấy, họ mang hết mọi món trang sức lên mình lúc trời mới tảng sáng, thâu hào quang của bảo châu lại và ngồi canh chừng.

Gã Bà-la-môn đến đó ngay lúc gã đang lầm thầm câu thần chú, đám tiểu đồng nghe thần chú hoảng sợ vì tưởng đó là vương điều Garuḷa liền độn thổ về cảnh giới nāga mà quên lấy viên bảo ngọc. Gã Bà-la-môn thấy bảo ngọc liền kêu to:

– Thần chú của ta đã linh nghiệm tức thì.

Gã vui mừng lượm bảo ngọc ra đi. Ngay lúc ấy, gã thợ săn Bà-la-môn đang cùng với Somadatta đi săn nai, chợt thấy viên bảo ngọc trong tay gã kia liền bảo con:

– Đó phải chăng chính là viên bảo ngọc mà Bhūridatta cho ta?

Người con đáp:

– Vâng, chính phải.

– Được, thế thì ta sẽ nói cho gã kia biết những tính tai hại của viên ngọc rồi đánh lừa gã để dành viên ngọc cho ta.

– Thưa cha, trước kia cha đã không lấy viên bảo ngọc khi Bhūridatta tặng cha, nay vị Bà-la-môn này chắc chắn sẽ dối gạt được cha cho mà xem. Cha nên yên lặng thì hơn.

– Cứ thế, con sẽ thấy ai dối gạt được ai hay nhất, gã ấy hay cha.

Rồi gã tiến đến gần Ālambāyana và bảo gã kia:

821. Từ đâu ông có bảo châu này,
Của báu tốt lành, như ý đây,
Viên đá có nhiều đặc tính quý,
Mà ông nắm giữ ở trên tay?

Ālambāyana đáp vắn kệ sau:

822. Sáng nay ta rảo bước trên đường,
Ta thấy ngọc ngay chỗ nó nằm,
Vệ sĩ mắt hồng ngàn đũa chạy,
Để cho ta được miếng ngon.

Gã thợ săn Bà-la-môn muốn đánh lừa gã kia liền nói thêm ba vắn kệ kể những tai hại của viên bảo ngọc vì muốn giành phần cho mình:

823. Nếu được nâng niu, quý trọng nhiều,
Để dành cẩn thận, hoặc thường đeo,
Ngọc làm toại nguyện cho người chủ,
Dù lớn bao nhiêu đủ mọi điều.

824. Với người bất cẩn, chẳng lưu tâm,
Lúc bảo quản hay đeo ở thân,
Khi ấy bảo châu thành đá cuội,
Và mang tổn thất bởi sai lầm.

825. Nay ông chẳng có việc cần dùng,
Cũng chẳng có tài giữ bảo châu,
Vậy hãy đưa ta và đổi lấy,
Vàng ròng đây chẵn một trăm cân.

Ālambāyana liền đáp kệ:

- 826.** Ta sẽ không đem bán bảo châu,
Dù bò hay ngọc quý ông trao,
Các điền của nó ta tường tận,
Nó chẳng bao giờ bán được đâu.

Gã Bà-la-môn nói:

- 827.** Nếu ngọc hay bò chẳng thể mua,
Ngọc kia ông có được bấy giờ,
Giá nào ông bán ra viên ngọc,
Hãy nói ta nghe rõ thật thà.

Ālambāyana đáp:

- 828.** Ai bảo cho ta biết chốn nào,
Tìm ra rồng chúa đại anh hào,
Ta cho người ấy ngay viên ngọc,
Tỏa sáng bốn bề rực rỡ sao.

Gã Bà-la-môn hỏi:

- 829.** Có lẽ nào đây chính điều vương,
Hôm nay giả dạng Bà-la-môn,
Đi tìm dấu vết săn môi thịt,
Để bắt long vương lấy món ngon?

Ālambāyana đáp:

- 830.** Ta quả thật không phải điều vương,
Mắt ta chẳng thấy bóng chim thần,
Danh y, đạo sĩ là ta đấy,
Nọc rắn rồng là việc sở trường.

Gã Bà-la-môn nói:

- 831.** Phải chăng ông có lực thần nào,
Hay đã học hành kỹ thuật cao,
Việc ấy khiến ông không nhiễm độc,
Khi cầm nọc rắn giết người sao?

Gã miêu tả năng lực của mình như sau:

- 832.** Kosiya ẩn sĩ chốn rừng hoang,
Khổ hạnh dài lâu giữ vững vàng,
Chim chúa sau cùng đem tiết lộ,
Cho ngài bùa chú bắt long thần.
- 833.** Bạc Thánh tối cao sống ẩn thân,
Trên sườn núi nọ thật cô đơn,
Nhiệt tình hầu hạ ngài, ta đã
Phụng sự ngày đêm chẳng nhọc nhằn.

834. Vì vậy, cuối cùng để thưởng công,
Cho ta hầu hạ những năm ròng,
Đạo sư khả kính ta tôn quý,
Tiết lộ cho ta mật chú thần.

835. Tin vào chú thuật vạn quyền năng,
Ta chẳng sợ rỗng rần cực hung,
Những nọc giết người, ta giải hết,
Ta là Trí giả Ālambāyana.

Trong khi nghe gã này nói, gã thợ săn Bà-la-môn nghĩ thầm: “Gã Ālambāyana này sẵn sàng trao bảo ngọc cho kẻ nào chỉ chỗ chúa rồng, vậy ta chỉ chỗ của long vương Bhūridatta cho gã rồi lấy bảo ngọc.” Thế là gã ngâm kệ hỏi ý kiến con trai:

836. Con hỡi, ta tranh lấy bảo châu,
Soma, ta hãy vội đi mau,
Đừng làm lỡ vận như người đại,
Đập đĩa cơm bằng gậy bấy lâu.

Somadatta đáp:

837. Mọi hiển vinh ngài đã phát ban,
Khi cha đi đến ở tha phương,
Nay cha trở mặt và ăn cướp,
Như vậy là đền nghĩa đáp ân?

838. Ví dù cha muốn được giàu sang,
Đi tìm như trước ở long vương,
Xin ngài, ngài sẽ vui lòng tặng,
Mọi thứ cha mong ước thỏa lòng.

Gã Bà-la-môn đáp:

839. Những thứ được do bởi vận may,
Chén cơm nằm sẵn ở trong tay,
Ăn ngay đừng hỏi gì thêm nữa,
Con sẽ mất phần tặng thưởng này.

Somadatta nói:

840. Đất này đang há miệng chờ trông,
Lửa địa ngục nung nấu cực nồng,
Chờ đợi sau cùng người phản bội,
Hay cơn đói lửa xé tan lòng,
Sống tàn, chết dở, con người ấy,
Kẻ dối lừa ngay bạn chí thân.

841. Hãy đi cầu Bhūridatta,
Nếu muốn giàu sang, ngài sẽ cho,

Điều nguyện ước hằng mong thỏa mãn,
 Song cha gây tội lỗi này ra,
 Con e tội ấy không lâu sẽ
 Phát lộ cha ngay, thật đấy mà!

Gã Bà-la-môn đáp:

842. Song nhờ tể lễ thật cao sang,
 Tội ác La-môn có thể mang,
 Tuy thế về sau đều rửa sạch,
 Chúng ta dăng đại lễ đấng đàn,
 Như vậy sẽ được làm thanh tịnh,
 Giải thoát tội kia thật dễ dàng!

Somadatta nói:

843. Cha hãy ngưng lời nói xấu xa,
 Con không ở lại nữa bây giờ,
 Lúc này chính lúc con từ biệt,
 Con chẳng cùng cha bước nữa mà,
 Vì sự đề hèn này cầu xé,
 Đang làm thối nát trái tim cha.

Nói xong, chàng trai hiền đức kia bác bỏ lời cha dụ dỗ, hét vang lên bằng giọng sang sảng làm chấn động cả chư thần quanh vùng ấy:

– Ta không thể đồng hành với một kẻ tội lỗi như thế được!

Rồi chàng bỏ đi ngay trong khi người cha đứng lặng nhìn theo, sau đó chàng đi sâu vào rừng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ, tu tập rồi chứng đắc các thắng trí cùng các thiền chứng, sau được sinh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua các vần kệ sau:

844. Chàng trai cao thượng ấy Soma,
 Khiến trách cha đang đứng phía xa,
 Làm rung động chư thần chôn ấu,
 Rồi nhanh chân bước khỏi rừng già.

Gã thợ săn Bà-la-môn nghĩ thầm: “Soma đi đâu nếu không phải là về nhà?”
 Rồi khi thấy Ālambāyana hơi phật ý, gã vội báo:

– Này Ālambāyana đừng ngại gì, ta sẽ đưa ông đến chỗ long vương Bhūridatta.

Thế là gã đem Ālambāyana đến nơi chúa rồng đang trì giới và khi thấy ngài đang nằm cuộn tròn trên gò mối, đầu thu lại, gã đứng tránh sang một bên, đưa tay chỉ ngài và đọc kệ sau:

845. Bắt chúa rồng nơi chốn nó nằm,
Chụp ngay viên ngọc quý muôn vàn,
Hào quang đỏ rực màu tươi sáng,
Như mào miệng trên chóp phượng hoàng.

846. Hãy nhìn gò mối ở đằng xa,
Rồng chúa nằm kia, trải rộng ra,
Không có ý gì lo sợ cả,
Giăng mình như một đồng bông tơ,
Nơi kia bắt lấy ngay rồng ấy,
Trước lúc nó hay bạn đến mà.

Bậc Đại sĩ mở mắt ra nhìn gã thợ săn Bà-la-môn kia, ngài suy nghĩ: “Việc này sẽ gây tai hại cho ngày trai giới của ta, ta đã đem gã ấy đến cung thất nāga rồi cho gã hưởng vinh hoa tột bậc. Gã không nhận viên bảo ngọc ta ban cho, thế mà giờ đây gã trở lại với người bắt rắn. Tuy nhiên, nếu ta phẫn nộ với gã vì việc làm phản trắc này thì công đức của ta bị suy giảm. Giờ đây bốn phận tội cao của ta là giữ ngày trai giới đủ bốn phép không được vi phạm, cho nên, ví dụ gã Ālambāyana kia có phân thân ta ra từng mảnh hay đem ta nấu chín hoặc lấy xiên đâm ta và nướng đi, ta cũng không được căm hận gã về những việc ấy.”

Thế rồi, ngài nhắm mắt lại, quyết giữ nhất tâm cao độ, ngài đặt đầu giữa đám mào rồi nằm hoàn toàn bất động.

V. BẬC ĐẠI TRÍ DATTA BỊ BẮT

Lúc ấy, gã thợ săn Bà-la-môn kêu lên:

– Này Ālambāyana, ông hãy bắt rồng này ngay rồi trao viên ngọc cho ta!

Gã Ālambāyana quá sung sướng khi nhìn thấy rồng chúa nên không chút lưu tâm đến viên bảo ngọc nữa, gã ném ngọc vào tay gã thợ săn bảo:

– Này hiền hữu Bà-la-môn, lấy ngọc đi!

Nhưng viên ngọc tuột ra khỏi tay gã và khi vừa rớt xuống đất liền biến mất vào cảnh giới nāga. Gã Bà-la-môn thấy mình mất hết cả ba thứ: Viên bảo châu, tình thân hữu với Bhūridatta và cả con trai nữa. Gã vừa đi về nhà vừa lớn tiếng khóc than:

– Ta mất hết cả rồi, ta đã không nghe lời con ta.

Còn gã Ālambāyana trước hết bôi khắp thân mình các loại thuốc thần, nhai một chút thuốc rồi phun lên mình, vừa đọc thần chú vừa đến cạnh Bò-tát, nắm lấy đuôi kéo đầu ghì thật chặt, mở miệng ngài ra, phun vào nước miếng sau khi nhai thuốc. Rồng chúa nāga bản tính thuần tịnh không để cho mình nổi sân hận vì sợ vi phạm giới luật công hạnh, ngài cũng không trừng to mắt.

Sau khi gã dùng thuốc và đọc thần chú, gã nắm đuôi rồng, đầu dốc ngược, lắc mạnh cho rồng phun những thức ăn đã nuốt vào. Gã căng rồng nằm dài trên mặt đất rồi lấy tay đè mạnh thân rồng như thể đè chiếc gối. Gã chà xát cả bộ xương ngài, nắm đuôi, nện ngài như thể đập tấm vải. Bạc Đại sĩ không phẫn nộ mặc dù ngài đang chịu đau đớn như vậy.

Bạc Đạo sư diễn tả việc này qua kệ sau:

847. Nhờ các thuốc men đủ lực thần,
Đọc thần chú có ác công năng,
Gã cầm rồng chúa không kinh hãi,
Và bắt buộc ngài phải phục tuân.

Sau khi làm bạc Đại sĩ tơi tả như vậy, gã sửa soạn một cái giỏ đựng cây leo bỏ ngài vào, lúc đầu thân mình đồ sộ của ngài không vào lọt trong giỏ, nhưng sau khi đá vài cái, gã cố nhét ngài vào. Rồi đến một làng kia, gã đặt giỏ giữa làng rao to:

– Ai muốn xem rồng chúa thì ra mà xem!

Cả làng đổ xô ra vây quanh. Gã liền gọi chúa rồng ra. Bạc Đại sĩ suy nghĩ: “Tốt hơn hết là hôm nay ta nên múa để làm hài lòng dân chúng, có lẽ gã kiếm được nhiều tiền sẽ thả ta ra, thôi gã bảo ta làm gì ta cũng làm cả.” Thế là khi gã Ālambāyana đem ngài ra khỏi giỏ, bảo ngài phình ra, ngài liền phình lớn thân, khi gã bảo ngài thu nhỏ hay cuộn tròn hiện giáp sắt, hoặc hiện ra một mào, hai mào, ba mào, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi mào, một trăm mào, hoặc hiện mình cao thấp, hữu hình, vô hình, hoặc biến thành xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, hoặc phun nước hay phun khói cùng nước, ngài đều hiện đủ mọi hình dáng như gã ra lệnh và biểu diễn đủ tài nhảy múa. Người đứng xem không ai cầm được nước mắt và dân chúng đem tiền, vàng bạc, áo quần, đồ trang sức đủ loại nên chỉ trong làng ấy gã đã kiếm được cả một ngàn đồng tiền.

Lúc bấy giờ, thoát đầu mới bắt được bạc Đại sĩ, gã có ý định thả ngài ra sau khi đã kiếm được một ngàn đồng tiền, nhưng khi đã kiếm được nhiều như thế, gã lại nói:

– Chỉ trong một ngôi làng nhỏ mà ta đã kiếm được chừng này, huống hồ đến kinh thành ta còn kiếm được bao nhiêu nữa.

Thế là sau khi để gia quyến ở lại đó, gã trang hoàng một cái giỏ bằng ngọc vàng thật đẹp, ném bạc Đại sĩ vào trong, gã lên một chiếc xe ngựa sang trọng cùng một đoàn tùy tùng rầm rộ. Cứ đến mỗi làng mạc, thị trấn, gã đều bắt ngài nhảy múa, sau cùng họ đến thành Ba-la-nại. Gã cho rồng chúa ăn mật và hạt ngũ cốc rang, lại giết ếch nhái cho ngài ăn, nhưng ngài không ăn vì sợ gã không chịu thả ngài ra. Nhưng dù ngài không ăn gì, gã vẫn bắt ngài diễn trò, bắt đầu tại bốn làng gần cổng thành, họ ở lại đó cả tháng rồng.

Rồi vào ngày rằm trai giới, gã tâu trình với vua rằng gã sẽ cho biểu diễn tài múa rồng hầu vua ngự lãm. Vì thế, vua ban lệnh bằng một hời trống cho dân chúng tụ tập lại đông đủ và những tầng ghé sân khấu được dựng lên trước sân châu.

VI. BẠC ĐẠI TRÍ DATTA ĐƯỢC GIẢI CỨU

Nhưng vào ngày Bò-tát bị Ālambāyana bắt, mẹ của Bò-tát nằm mơ thấy một người da đen mắt đỏ vung kiếm cắt tay bà mang đi, máu chảy ròng ròng. Bà kinh hoàng tỉnh giấc, sờ tay phải mới biết mình nằm mơ. Rồi bà suy nghĩ: “Ta đã thấy một giấc mơ hãi hùng, nó báo trước một tai họa nào đó sắp xảy ra hoặc cho bốn con ta, hoặc cho Đại vương Dhātaraṭṭha, hoặc cho chính ta.”

Nhưng lập tức bà liên tưởng ngay đến Bò-tát: “Hiện nay tất cả các con ta đều ở cảnh giới nāga trừ Bhūridatta lên cõi nhân gian quyết tâm hành trì giới luật với lời nguyện giữ ngày trai giới nên ta lo lắng không biết có kẻ bắt rắn hay chim Garuḷa nào bắt con ta chăng.”

Bà cứ băn khoăn mãi về ngài như thế, nửa tháng trôi qua, bà rất u sầu, tự nghĩ: “Con ta không thể nào sống xa ta trong nửa tháng được, chắc có tai nạn gì xảy ra cho con ta rồi.” Một tháng trôi qua không biết bao nhiêu lệ sầu đã tuôn ra từ mắt bà trong cơn đau buồn ấy, bà cứ ngồi nhìn con đường ngài thường trở về nhà, nói không ngớt:

– Chắc chắn bây giờ con ta phải trở về nhà, chắc chắn bây giờ con ta phải trở về nhà!

Lúc ấy, Thái tử Sudassana cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đến yết kiến phụ vương và mẫu hậu sau một tháng xa cách. Sau khi để đoàn tùy tùng đứng ngoài điện, chàng bước lên nội cung đánh lễ mẹ xong, đứng sang một bên, nhưng vì đang lo buồn chuyện Bhūridatta, bà không nói với chàng một lời nào cả. Chàng nghĩ thầm: “Trước kia, bất cứ khi nào ta về thăm mẹ, mẹ ta đều vui mừng tiếp đón ân cần niềm nở, thế sao hôm nay mẹ ta lại buồn thảm quá như vậy, vì có gì?” Thế là chàng hỏi mẹ:

848. Mẹ thấy con về đủ chiến công,
Mọi điều ước nguyện đã vuông tròn,
Tuy nhiên chẳng tỏ bày vui vẻ,
Khuôn mặt mẹ đầy vẻ tối sầm.

849. Như hoa sen được hái thô sơ,
Rũ xuống trong tay, chóng héo khô,
Có phải đây là cách mẹ đón,
Khi con trở lại tự phương xa?

Nghe hỏi vậy mà bà không nói gì. Sudassana nghĩ: “Không biết có ai làm cho mẹ giận hay đau lòng gì không?” Chàng ngâm kệ khác hỏi mẹ thêm:

850. Có kẻ nào la mắng mẹ không,
Hay là mẹ khổ não trong lòng,
Khiến cho mẹ mặt mày u ám,
Khi mẹ thấy con trở lại chẳng?

Bà mẹ đáp như sau:

851. Mẹ đã thấy con ác mộng vậy,
Cách đây một tháng đúng hôm nay,
Một người đến cắt lia tay phải,
Khi mẹ nằm sàng tọa ngủ say,
Rồi nó kéo đi tay vấy máu,
Lệ ta chẳng cản được người này.

852. Tràn ngập lòng ta nỗi hãi hùng,
Từ khi thấy cảnh tượng hung tàn,
Đêm ngày ta chẳng hề hay biết,
Một phút mừng vui hoặc lạc an.

Nói xong, bà lớn tiếng khóc than:

– Ta không biết con yêu quý của ta giờ đây ở đâu, chắc lại có tai họa gì xảy ra cho em con rồi.

Và bà nói to lên:

853. Vương nhi, bao mỹ nữ thanh xuân,
Ngày trước thường kiêu hãnh kẻ gần,
Trang điểm lười vàng, tóc óng ả,
Datta con hỡi, vắng long quân!

854. Quanh chàng bao chiến sĩ oai hùng,
Lẫm liệt tuốt gươm, các hạ thần,
Như khóm *kaṇikāra* hoa chói sáng,
Ôi! Ta tìm kiếm đã hoài công!

855. Ta phải đi theo dấu vết chân,
Tìm nơi chàng đã định nương thân,
Hoàn thành nguyện ước đời tu sĩ,
Và tự biết chàng có vạ an.

Nói xong, bà cùng các thị vệ của chàng và các cung nữ của bà đi ra ngoài. Lúc bấy giờ, các vương phi của *Bhūridatta* không thấy ngài trên gò mối liền nghĩ rằng ngài về thăm mẹ nên họ không lo lắng, nhưng khi được tin bà đang khóc lóc vì không thấy con đâu, họ đều chạy ra đón bà và quỳ xuống chân bà đồng lớn tiếng kêu than:

– Ôi Mẫu hậu, cả tháng nay chúng thần thiếp chưa gặp đức phu quân.

Bậc Đạo sư diễn tả lại cảnh ấy như sau:

- 856.** Các vương phi của vị long vương,
Nhìn mẫu hậu đang bước đến gần,
Họ khóc than vô cùng thảm thiết,
Và dang tay trước mặt bà hoàng.
- 857.** “Long quân danh tiếng Bhūridatta,
Đi vắng nơi đâu một tháng qua,
Sống thác, chúng thần không thể biết,
Trong lòng tuyệt vọng, nói sao giờ.”

Mẹ của Bhūridatta cùng các vương phi than khóc ở giữa đường rồi cùng nhau bước vào cung, nỗi sầu khổ của bà tuôn ra không nguôi khi bà nhìn thấy sảng tọa của con.

- 858.** Giống như chim mẹ quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta bật tấm hơi.
- 859.** Giống chim ó biển quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta bật tấm hơi.
- 860.** Và giống như con ngỗng sắc hung,
Nơi hồ nhỏ cạn nước khô khan,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta vẫn bật tấm.
- 861.** Thảm nơi dạ mẹ nỗi bi thương,
Thieu đốt lửa đang nóng đỏ bùng,
Như thể lò rèn của chú thợ,
Ngoài không thấy cháy, trong hừng hừng.

Trong lúc bà than khóc như vậy, cung thất của Bhūridatta vang dội lên một âm thanh như tiếng biển cả đang động. Không một ai có thể đứng yên. Cả cung thất như rừng cây sālā bị rung chuyển trong cơn bão thổi từ dãy núi Yugandhara.

Bậc Đạo sư diễn tả quang cảnh như sau:

- 862.** Như sālā ngã dưới cơn dông,
Cành lá gãy lìa, rễ bật tung,
Cũng vậy vợ con và mẹ nữa,
Nằm trong nhà vắng vẻ tan hoang.

Cả hai hoàng đệ Aritṭha và Subhaga đến phụng dưỡng cha mẹ, nghe tiếng động này vội chạy vào cung của Bhūridatta và trấn an mẫu thân.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh ấy như sau:

863. Aritṭha với Subhaga,
Nôn nóng đến an ủi mẹ già,
Nghe tiếng khóc than rên thảm thiết,
Tại nhà của Bhūridatta.

864. Xin mẹ an lòng, dứt khóc than,
Đây là số phận của trần gian,
Mọi loài đều phải qua sinh tử,
Quy luật vô thường vạn vật mang.

Samuddajā đáp:

865. Con ơi, mẹ biết luật rành rành,
Đây số phận muôn loại chúng sinh,
Nhưng mẹ muộn sâu, tâm chán động,
Khi không nhìn thấy Bhūridatta.

866. Quả thật, nếu không thấy được con,
Bảo châu đem hỷ lạc tâm hồn,
Bhūridatta Đại trí thì ta sẽ,
Kết liễu đêm nay cuộc sống buồn!

Các vương tử vội bảo:

867. Đừng quá sầu bi, hỡi mẹ hiền,
Hãy làm dịu bớt nỗi u phiền,
Chúng con sẽ đón về vương đệ,
Xuyên suốt qua toàn cõi đất liền,
Ở khắp mọi nơi và mọi hướng,
Chúng con theo dõi vết chân em.

868. Băng qua đồi núi hoặc đồng bằng,
Thị trấn và khắp các xóm làng,
Cho đến khi tìm ra tiểu đệ,
Chỉ trong độ khoảng mười ngày đàng,
Chúng con xin hứa cùng hiền mẫu,
Đem tiểu đệ về được vạn an.

Lúc đó, Sudassana suy nghĩ: “Nếu cả ba anh em ta cùng đi về một hướng e rằng chậm trễ mất, vậy chúng ta phải đi về ba xứ khác nhau: Một lên cõi thiên thần, một đến Tuyết Sơn, một lên cõi nhân gian. Nhưng nếu Kāṇaritṭha lên cõi nhân gian, em ta sẽ đốt hết làng xóm, thị trấn nào mà em ta tìm ra được Bhūridatta vì em ta bản tính độc ác, không nên để em ta lên đó.”

Thế là chàng bảo em:

– Vương đệ Aritṭha, hãy lên cõi trời, xem có phải chăng Thiên chủ triệu vương đệ Bhūridatta để thuyết pháp cho các ngài thì hãy đưa vương đệ trở về.

Chàng lại bảo Subhaga:

– Vương đệ, hãy lên Tuyết Sơn tìm Bhūridatta trong cả năm con sông và đem về đây.

Còn chàng quyết định phần mình lên cõi nhân gian. Chàng suy nghĩ: “Nếu ta giả dạng kim đồng, dân chúng sẽ phỉ báng ta, thôi ta phải giả dạng một ả sĩ vì các vị khổ hạnh thường được người đời quý trọng, niềm nở chào đón.” Thế là chàng cải trang làm một vị ả sĩ khổ hạnh, từ giả mẹ ra đi.

Lúc bấy giờ, Bò-tát có một cô em gái khác mẹ, tên gọi Accimukhī, rất yêu thương Bò-tát. Khi nàng thấy Sudassana ra đi, nàng bảo:

– Vương huynh ôi, em rất lo ngại, cho em đi với!

Chàng đáp:

– Hiền muội, hiền muội không thể đi với ta được vì ta đã cải trang làm ả sĩ rồi.

– Thế thì tiểu muội xin biến thành con ếch nhỏ nằm trong mớ tóc bện lại của vương huynh.

Chàng ưng thuận, thế là nàng biến thành ếch con nằm trong mớ tóc bện lại của chàng. Sudassana quyết đi tìm em ngay từ manh mối đầu cho nên chàng hỏi vương phi xem vương đệ hành trì trai giới ở đâu để đi ngay đến đó. Khi chàng thấy vết máu ở nơi Bò-tát bị Ālambāyana bắt và nơi Ālambāyana đã làm giỏ cây leo để đựng ngài, chàng chắc chắn rằng Bò-tát đã bị người bắt rắn mang đi nên lòng chàng nặng trĩu u sầu, mắt nhắm lệ đi theo dấu chân Ālambāyana.

Khi chàng đến ngôi làng đầu tiên Bò-tát biểu diễn tài múa, chàng hỏi dân chúng xem có phải một người bắt rắn đã diễn trò với một con rồng như vậy chăng.

– Đúng vậy, cách đây một tháng, Ālambāyana đã diễn trò như vậy.

– Thế gã có kiếm được gì lợi chăng?

– Gã kiếm được một ngàn đồng tiền chi nội nơi này.

– Thế bây giờ gã đi đâu?

– Gã đã đi đến làng nọ rồi.

Chàng lại ra đi, vừa đi vừa hỏi đường, cuối cùng chàng đến cung môn. Ngay lúc ấy, Ālambāyana đã đến nơi, tắm rửa, xức dầu thơm xong, mặc áo dài sang trọng rồi bảo người cung môn mang giỏ đựng rồng được trang hoàng vàng ngọc ấy ra. Dân chúng tụ tập rất đông, một chiếc cũi đặt sẵn dành cho vua và trong khi còn ở trong cung, vua đã truyền lệnh:

– Trẫm sắp giá áo, hãy bảo long vương diễn trò đi!

Lúc ấy, gã Ālambāyana đặt cái giỏ dính châu ngọc ấy trên một tấm thảm sắc sỡ đủ màu, ra dấu hiệu bảo:

– Ròng chúa, ra đây!

Sudassana đang đứng trong đám đông lúc bậc Đại sĩ ngẩng đầu lên nhìn quanh dân chúng. Thời bấy giờ, loài nāga nhìn đám người vây quanh vì hai lý do: Một là để xem có chim Garuḷa nguy hại nào, hay là có người thân nào không. Nếu thấy chim Garuḷa thì chúng sẽ không múa vì sợ hãi, còn nếu có người thân nào thì chúng cũng không múa vì hổ thẹn.

Trong lúc nhìn quanh như thế, bậc Đại sĩ thấy anh mình trong đám đông liền cố ngăn dòng lệ đang tràn mi và bò ra khỏi giỏ, tiến đến anh mình. Đám đông thấy ngài đến gần, hoảng sợ bỏ chạy, chỉ còn lại một mình Sudassana, vì thế ngài đến gần anh, đặt đầu lên chân anh và khóc, Sudassana cũng khóc theo. Khóc xong, bậc Đại sĩ trở về chỗ và bò vào giỏ như cũ.

Ālambāyana nhủ thầm: “Chắc rồng này đã cắn ả sĩ kia, vậy ta phải an ủi vị đó mới được.” Gã đến gần chàng và bảo:

869. Ròng vừa tuột khỏi bàn tay,
Chụp lấy chân ngài thật mạnh thay,
Nó cắn ngài chưa? Xin chớ sợ,
Không gì độc hại nọc rồng này.

Sudassana muốn nói chuyện với gã, vì vậy chàng đáp:

870. Ròng của ngài không thể hại ta,
Ta đây xứng hợp với rồng mà,
Hãy tìm khắp chốn, ngài không thấy,
Một kẻ như rồng rắn giống ta.

Ālambāyana không biết chàng là ai, vì vậy gã nổi giận nói:

871. Gã này giả dạng Bà-la-môn,
Thử thách lão đòi chuyện thiệt hơn,
Tất cả đám đông nghe lão nói,
Xử cho hai phía thật công bằng.

Sudassana liền đáp kệ:

872. Vô địch của ta chính nhái con,
Ròng kia vô địch của Tôn ông,
Hãy đem đánh cuộc năm ngàn chắn,
Để bọn chúng ta trợ lực hùng.

Ālambāyana bắt bẻ:

873. Ta giàu phương tiện thật cao sang,
Mạt vận ông quê kệch xó làng,
Ai người làm chứng phe ông đó,
Và số tiền đâu đặt xuống bàn?

874. Có phần bảo đảm của ta đây,
Tiền cuộc, nếu ta mất vận may,

Năm ngàn đồng sẽ nêu uy lực,
Việc thử thách kia, đáp ứng ngay.

Sudassana nghe vậy liền bảo:

– Nào ta thử trở tài để được năm ngàn đồng tiền!

Và chàng không nao núng bước vào cung vua, yết kiến đức vua chính là cửu phụ (cậu) của chàng và ngâm kệ:

875. Muôn tâu Chúa thượng, nghe lời thần,
Đừng bỏ dịp may hưởng phước phần,
Mong Chúa thượng vì thần bảo chứng,
Đem ra đánh cuộc giá năm ngàn!

Vua nghĩ thầm: “Ăn sĩ này đòi một số tiền quá lớn, thế là nghĩa gì?” Vì thế, ngài liền đáp:

876. Thân phụ ngài trao lại nợ đời,
Hay là món nợ của riêng ngài,
Khiến ngài phải đến đây đòi trả,
Một món nợ nghe thật lạ tai?

Sudassana ngâm hai vần kệ:

877. Ālam muốn cuộc với long vương,
Đánh bại hạ thần lập chiến công,
Thần chỉ có đây con nhái bén,
Phá tan kiêu mạn Bà-la-môn.

878. Chúa thượng, xin ngài hãy giáng lâm,
Ngự du cùng với đoàn tùy tùng,
Và nhìn chiến cuộc nơi này nhé,
Đang đợi gã kia đấu với thần.

Vua ưng thuận ra đi cùng với vị ăn sĩ. Khi Ālambāyana nhìn thấy vua, gã liền nghĩ: “Ăn sĩ này kéo được nhà vua vào phe mình, chắc phải là thân hữu của vương gia rồi.” Gã bỗng sinh ra sợ hãi, vội chạy theo chàng và nói:

879. Ta chẳng muốn đâu hạ nhục ngài,
Ta không một chút muốn khoe tài,
Nhưng ngài khinh thị rỗng này quá,
Kiêu mạn sẽ làm thất bại thôi.

Sudassana đáp hai vần kệ:

880. Ta chẳng cầu mong hạ nhục người,
Cũng không khinh kẻ muốn khoe tài,
Nhưng sao người phỉnh phờ dân chúng,
Bằng loại rỗng không giết hại ai?

881. Ví thử người ta biết tướng chân,
Như ta thấy nó rõ ràng ràng,

Nói gì đến chuyện vàng hay bạc,
 Ngươi chỉ được ăn một bữa xoàng!

Ālambāyana nổi giận đáp:

882. Nhà ngươi khát thực khoác da lừa,
 Dơ bẩn và trông vẻ xác xơ,
 Ngươi dám khinh khi rỗng của lão,
 Nói rỗng không biết cần bao giờ!

883. Đến đây và thử việc rỗng làm,
 Học hỏi bằng kinh nghiệm nếu cần,
 Ta bảo đảm dù không độc hại,
 Nọc rỗng sẽ biến bạn thành than!

Sudassana liền ngâm kệ chế nhạo gã:

884. Chuột hay rắn nước cắn người nào,
 Chọc giận nó phun nọc độc sao,
 Rỗng đồ đầu này không có hại,
 Nó không cắn, đâu biết phun cao.

Ālambāyana đáp hai vần kệ:

885. Ta đã được bao vị Thánh nhân,
 Thực hành pháp khổ hạnh không ngừng,
 Bảo người bỏ thí trong đời sống,
 Sẽ đến cõi thiên lúc mạng chung.

886. Ta khuyên ngươi bỏ thí ngay liền,
 Nếu thực ngươi còn chút của tiền,
 Rỗng sẽ biến ngươi thành cát bụi,
 Ngươi không có thể sống lâu bền.

Sudassana lại nói:

887. Ta cũng nghe từ các Thánh nhân,
 Những người bỏ thí đến thiên cung,
 Vậy mau bỏ thí khi còn sống,
 Nếu có vật gì để phát phân.

888-89. Nhái của ta không phải loại thường,
 Sẽ làm ngươi hạ giọng kiêu căng,
 Là công chúa của long vương đó,
 Nàng ấy là bào muội chính tông,
 Mồm của Acci phun ngọn lửa,
 Hơi nàng cực độc, tiếng vang lừng.

Rồi chàng đứng giữa đám đông gọi to:

– Nay hiền muội Accimukhī, em hãy ra khỏi tóc ta và ở trên tay ta!

Chàng đưa tay ra và khi nàng nghe chàng bảo liền thốt lên tiếng kêu ba lần như loài ếch lúc còn nằm trong tóc chàng, rồi nàng nhảy ra vai chàng, phun ra ba giọt nọc độc trên lòng bàn tay chàng rồi trở lại mái tóc chàng như cũ. Sudassana đứng cầm nọc rắn ấy nói lớn ba lần:

– Xứ này sẽ bị tiêu hủy!

Âm vang rền khắp Ba-la-nại đến mười hai do-tuần. Vua nghe tiếng ấy bèn hỏi:

– Tại sao xứ này sẽ bị tiêu hủy?

– Tâu Đại vương, thần chẳng thấy chỗ nào có thể thả nọc này xuống được.

– Đất này rộng lắm, cứ thả xuống đất đi!

– Tâu Đại vương, không thể thả xuống đất này được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

890. Nếu thần thả nó xuống đồng bằng,
Tâu Đại vương, nghe kỹ hạ thần,
Đám cỏ, cây leo và dược thảo,
Thầy đều tiêu diệt cháy khô căn.

– Vậy thì hãy ném lên trời!

– Cũng không được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

891. Nếu hạ thần nghe lệnh Đại vương,
Ném tung nọc độc giữa không gian,
Trời không còn đổ mưa, rơi tuyết,
Trong khoảng thời gian đến bảy năm.

– Vậy thì hãy ném xuống nước!

– Cũng không được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

892. Nếu vào trong nước, nọc này rơi,
Tâu Đại vương, nghe kỹ mấy lời,
Tất cả cá, rùa đều phải chết,
Muôn loài thủy tộc sống ngoài khơi.

Vua kêu lên:

– Trẫm cũng chẳng biết làm sao nữa! Ngài hãy chỉ cho trẫm cách nào để đất nước khỏi bị tiêu diệt.

– Tâu Đại vương, xin cho đào ba hố liền nhau.

Vua ra lệnh làm ngay. Sudassana đổ đầy thuốc độc vào hố giữa, phân bò vào hố thứ hai và thần dược vào hố thứ ba, rồi chàng thả nọc độc vào hố giữa, một ngọn lửa đầy khói bùng lên lan qua hố phân bò, bùng lên lần nữa rồi lan qua hố thuốc độc, thiêu rụi hết thuốc rồi mới tắt. Ālambāyana đứng gần hố ấy,

bị hơi nóng của nọc độc bắt phải, màu da liền biến dạng và gã thành tên hủi trắng. Gã kinh hoàng la lên ba lần:

– Ta sẽ thả rồng chúa ra!

Nghe thế, Bô-tát liền bước ra khỏi giỏ dát ngọc vàng ấy, hiện hình sáng lòa mang đầy châu ngọc, sừng sững uy nghi trong dáng điệu của Thiên chủ Indra. Sudassana và Accimukhī cũng đứng nơi ấy.

Lúc đó, Sudassana hỏi vua:

– Đại vương có biết đây là các con của ai chẳng?

– Trẫm không được biết.

– Đại vương không biết chúng thần, nhưng Đại vương biết chuyện vua xứ Kāsi gả Công chúa Samuddajā cho rồng chúa Dhataratṭha chứ?

– Trẫm biết rõ lắm, đó là tiểu vương muội của trẫm.

– Chúng thần là các con của công chúa ấy, Đại vương là cữu phụ của chúng thần.

Thế rồi, vua ôm lấy các cháu, hôn lên đầu và khóc xong lại đưa các cháu vào cung tiếp đãi rất trọng thể. Trong khi vua ân cần đón tiếp Bhūridatta, vua hỏi Bô-tát bằng cách nào Ālambāyana đã bắt được ngài trong khi ngài có nọc thần vô địch như vậy. Sudassana liền kể hết đầu đuôi câu chuyện rồi bảo:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải trị vì quốc độ như thế này.

Chàng liền thuyết pháp cho vua rồi chàng bảo:

– Tâu cữu phụ, mẫu hậu đang héo mòn vì vắng bóng Bhūridatta, chúng tiểu diệt không dám ở lâu hơn nữa.

– Phải lắm, các hiền diệt cứ ra về, nhưng trẫm cũng muốn gặp vương muội, vậy làm cách nào?

– Tâu cữu phụ, thế tổ phụ, Đại vương Kāsi đâu rồi?

– Ngài không thể sống thiếu vương muội nên ngài đã rời ngôi báu, đi làm ần sĩ, hiện đang sống trong rừng kia.

– Tâu cữu phụ, mẫu hậu cũng đang ao ước được gặp tổ phụ cùng cữu phụ. Chúng tiểu diệt xin đưa mẫu hậu đến lầu ần sĩ của tổ phụ, lúc ấy cữu phụ sẽ gặp luôn mẫu hậu tại đó.

Thế là họ định ngày xong và rời khỏi cung. Sau khi từ giã các cháu trai, vua khóc lóc trở vào, còn họ liền độn thổ ra đi về cảnh giới nãga.

VII. GÃ THỢ SẴN BỊ TRỪNG PHẠT

Khi bậc Đại sĩ trở về với dân chúng như vậy, cả kinh thành đang rền vang những lời than khóc khắp nơi. Chính ngài cũng mệt mỏi vì cả tháng trời ở trong

giỏ nên đi nằm dưỡng bệnh và thân dân nāga tập nập đến viếng thăm ngài đông vô số, khiến ngài lại mệt thêm vì phải chuyện trò cùng họ.

Trong lúc ấy, Kāṇarītṭha lên thiên giới tìm không gặp bậc Đại sĩ, là người trở về đầu tiên nên chàng được phân công làm thần canh cửa của bậc Đại sĩ, vì chàng được xem là người có tính tình nóng nảy, có thể xua tan hết đám đông nāga ấy.

Phân Subhaga, sau khi tìm khắp vùng Tuyết Sơn, cả đại dương cùng các sông ngòi mà cũng không gặp liền phiêu bạt đến vùng sông Yamunā để tìm kiếm. Lúc bấy giờ, gã thợ săn Bà-la-môn thấy Ālambāyana đã hóa thành người hủi, nghĩ thầm: “Gã ấy hóa hủi chỉ vì quấy phá Bhūridatta; nay ta cũng vậy, chỉ vì tham ngọc báu mà phản bội ngài dù ngài là ân nhân của ta, tội này ta sẽ phải mang. Vậy trước khi họa đến, ta phải xuống dòng sông Yamunā rửa sạch tội trong chỗ tẩy uế linh thiêng này.”

Thế rồi gã xuống sông, tự cho là sẽ rửa sạch tội phản bội kia. Vừa lúc ấy, Subhaga đến nơi, nghe gã nói liền nghĩ thầm: “Gã khốn nạn tội tệ này chỉ vì tham bảo ngọc mà phản bội anh ta, ngài đã ban cho gã mọi phú quý vinh hoa, ta không thể nào tha mạng gã được.” Vì vậy, chàng cuộn đuôi quanh chân gã, kéo gã chìm xuống nước đến khi gã ngạt thở, chàng để yên gã một lát, gã ngẩng đầu lên, chàng lại chìm xuống, nhiều lần như thế cho đến cuối cùng gã thợ săn Bà-la-môn kia ngẩng đầu lên nói:

893. Ta đang tẩy tịnh chốn thiêng này,
Bãi Payāga linh hiển thay,
Hỡi kẻ nào lôi ta kéo xuống,
Chìm vào sóng nước Yamunā?

Subhaga đáp lời gã qua vắn kệ sau:

894. Chuyện kể ngày xưa có vị thần,
Đến Kāsi đất nước kiêu căng,
Long vương thật hiển vinh danh vọng,
Hùng dũng cuộn tròn khắp núi sông,
Ta chính con ngài đang chụp lão,
Tên Subha, hỡi Bà-la-môn!

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Em trai của rồng chúa Bhūridatta không muốn tha chết cho ta, nhưng ta thử làm động từ tâm của vị này bằng cách tán tụng phụ mẫu của họ rồi xin tha mạng xem sao!” Thế là gã ngâm kệ sau:

895. Kāsi vương tử thật oai linh,
Mẫu hậu sinh dòng giống hiển linh,
Ngài chớ để nô tài hạ đẳng,
Chết chìm trong sóng nước vô tình.

Subhaga nghĩ thầm: “Gã Bà-la-môn độc ác này cố đánh lừa ta để ta xiêu lòng mà tha nó, nhưng ta chẳng tha nó đâu.” Thế là chàng đáp, nhắc lại các hành động của gã:

896. Một nai khát nước đến dòng sông,
 Từ bụi cây, người núp bắn cung,
 Kinh hãi, đau thương nai chạy trốn,
 Bỗng dưng tai họa giáng vào thân.
897. Người thấy trong rừng nai ngã ra,
 Người đem đòn gánh vác nai qua,
 Đến cây đa mọc đầy cành lá,
 Chẳng chịt bao quanh gốc rễ cha.
898. Sơn ca trỗi khúc nhạc du dương,
 Anh vũ trên cây nhảy rộn ràng,
 Đất trải cỏ xanh như thảm lót,
 Hoàng hôn mời nghỉ bước an nhàn.
899. Mắt người độc ác thấy anh ta,
 Đang ẩn mình trong đám lá đa,
 Mang sắc áo hè tươi rực rỡ,
 Vui đùa cùng với các cung nga.
- 900-01. Hoan hỷ, anh ta chẳng hại ai,
 Sao người độc ác giết oan ngài,
 Nạn nhân vô tội, nhìn đây nhé,
 Tội ấy trên đầu người tái lại,
 Ta chẳng tha người dù phút chốc,
 Người đành trả hận tối cao này.

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Vị này quyết không tha mạng ta, song ta phải tìm mọi cách thoát đi mới được.” Rồi gã ngâm kệ sau:

902. Học hành, cầu nguyện để cúng dâng,
 Làm tế lễ trong ngọn lửa thần,
 Ba việc khiến La-môn được sống,
 Không ai xúc phạm đầu hờn cấm.

Subhaga nghe gã nói đâm ra do dự, chàng nghĩ thầm: “Ta sẽ mang nó về cảnh giới nāga hỏi các vương huynh ra sao.” Và chàng ngâm hai vần kệ:

903. Dưới dòng sông thánh Yamunā,
 Trãi tận chân đèo núi Tuyết xa,
 Thủ phủ nāga chìm đáy nước,
 Là nơi ngự trị chúa Dhatta.

904. Cũng là cung thất các vương huynh,
Ta sẽ đưa lời nguoi biện minh,
Tùy các vương huynh quyền định đoạt,
Xử nguoi tối hậu thật công bình.

Chàng liền lôi cổ gã đi xênh xệch cùng lớn tiếng lăng mạ, phi báng gã cho đến cung môn của bậc Đại sĩ.

VIII. BẬC ĐẠI TRÍ BÁC BỎ VỆ-ĐÀ

Kāṇarīttha đã trở thành thân giữ cửa đang ngồi đó, thấy gã kia bị kéo lôi đi một cách thô bạo như thế liền ra gặp họ và bảo:

– Nay Subhaga, đừng làm gã bị thương, tất cả Bà-la-môn đều là con của đấng Đại Phạm thiên. Nếu ngài biết ta làm con ngài bị thương, ngài sẽ nổi giận và tiêu diệt thế giới nāga của ta. Trên thế gian này các Bà-la-môn có địa vị cao nhất và thụ hưởng đại vinh danh, vương huynh chưa biết uy danh của họ, nhưng tiêu đề đã biết rõ lắm.

Vì chuyện kể rằng Kāṇarīttha trong tiền kiếp ngay trước đời này đã sinh ra làm một Bà-la-môn tể tự nên chàng mới nói quả quyết như vậy. Hơn nữa, nhờ kinh nghiệm của đời trước, chàng rất thông thạo việc tể tự cho nên chàng bảo Subhaga cùng hội chúng nāga:

– Đến đây nào các bạn, ta sẽ giải thích cho các bạn biết đặc tính cao quý của các vị thực hiện tể lễ.

Rồi chàng bắt đầu ca ngợi việc tể lễ:

905. Các Vệ-đà và lễ tế đàn,
Những uy lực lớn ở trần gian,
Thuộc về số ít La-môn ấy,
Người chẳng thể cười họ, nhạo khinh.
Và nếu kẻ nào chê trách họ,
Sẽ tiêu tài, phạm luật, không an.

Rồi Kāṇarīttha hỏi Subhaga có biết ai tạo ra thế giới này không, khi Subhaga bảo không biết, chàng liền ngâm kệ bảo rằng thế giới được tạo ra bởi đấng Phạm thiên, là vị tổ của các Bà-la-môn:

906. Ngài tạo La-môn để học hành,
Tạo dòng Sát-đế-ly điều binh,
Cày bừa Vệ-xá, và ngài tạo,
Nô lệ Thủ-đà phụng mệnh trên.
Như vậy, Chúa trời ban thượng lệnh,
Từ thời nguyên thủy đã hình thành.

Kể đó, chàng bảo:

– Các Bà-la-môn này có rất nhiều uy lực, ai thân cận với họ và cúng dường họ nhiều lễ vật thì sẽ được ngài định số phận cho khỏi tái sinh mà được lên ngay thiên giới.

Rồi chàng đọc kệ sau:

907. Kuvera, Soma, Varuṇa các thần,
Dhātā, Vidhātā cùng trời, trăng,
Bao phen đã cử hành đàn tế,
Ban các La-môn mọi phước ân.

908. Ajjuna vĩ đại giáng tai ương,
Chỉ chít ngàn tay mọc khắp thân,
Mỗi cặp tay cầm cung dọa nạt,
Dâng thần lửa lễ vật đầy tràn.

Chàng tiếp tục tả, ca ngợi các vị Bà-la-môn qua vần kệ:

909. Có vị vua xưa đã cúng dâng,
Lâu đài, đầy đủ vật uống ăn,
Với tâm tịnh tín và tùy hỷ,
Nên đã trở thành một vị thần.

Rồi chàng lại đọc vần kệ diễn tả việc thực hiện cúng dâng của vị vua này:

910. Vua Muja cúng thần lửa bơ,
Thần hảo sắc dung, nhận lượng to,
Nhờ việc dâng thần kính quý ấy,
Vua này đạt cõi thiên cao vời.

Rồi chàng ngâm các vần kệ này để chứng minh bài thuyết giáo của chàng:

911. Dujīpa sống trọn ngàn năm,
Xe ngựa, quân hầu thủy phục tuân,
Ngài chọn cuối cùng đời ân sĩ,
Từ am tranh đã đến thiên cung.

912. Sāgara chiến thắng khắp trần gian,
Dựng trụ vàng dâng lễ tế đàn,
Không ai thờ lửa hơn ngài cả,
Ngài cũng thăng thiên hóa vị thần.

913. Sūra, lạc, Aṅga chúa Kāsi,
Cúng dâng liên tục tưới tràn trề,
Làm ngập sông Hằng thành biển cả,
Cuối cùng triều Đế-thích ngài về.

914. Đại đế Sakka có tướng quân,
Dâng Soma tửu được vinh thăng,

Nay ngài nắm giữ bao thần lực,
Từ số phận như mọi thể nhân.

915. Phạm thiên, đại tạo hóa thành hình,
Ranh giới núi non tại tế đình,
Tuân lệnh ngài, sông Hằng chảy xuống,
Vinh quang ngài đạt bởi hy sinh.

916. Người đời đã nói rõ nguyên nhân,
Mālāgiri và Tuyết Sơn,
Linh Thửu cùng Sudassana,
Nisabha với Kākaneru,
Cộng các núi cao hùng vĩ khác,
Là nhờ các tế sư hình thành.

Rồi chàng hỏi anh:

– Nay vương huynh, anh có biết tại sao biển cả thành muối mặn không uống được chẳng?

– Hiền đệ Aritṭha, ta không được biết.

– Vương huynh chỉ biết làm tổn hại các Bà-la-môn thôi, này hãy nghe đây!

Rồi chàng ngâm vãn kệ:

917. Chuyện kể một Hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!

Tất cả các Bà-la-môn đều như thế đấy. Rồi chàng đọc kệ khác:

918. Đê-thích xưa thành đất Ngọc hoàng,
Đặc ân chiếu xuống Bà-la-môn,
Đông, Tây, Nam, Bắc đồng dâng lễ,
Nên được Vệ-đà, họ hưởng phần.

Cứ thế Aritṭha miêu tả các Bà-la-môn cùng các tế lễ hy sinh và kinh Vệ-đà cho hội chúng nāga. Nghe vậy, nhiều nāga tìm đến thăm Bồ-tát bên giường bệnh và bảo nhau:

– Vương tử đang kể chuyện cổ tích.

Rồi dường như có nguy cơ là họ chấp nhận tà thuyết ấy.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đang nằm trên giường bệnh nghe hết câu chuyện xong, hội chúng nāga lại kể cho ngài nghe, ngài suy nghĩ: “Aritṭha đang kể một chuyện cổ sai lạc, ta phải ngắt lời thuyết giảng của em ta và đem chánh kiến lại cho hội chúng này.” Rồi ngài trở dậy tắm rửa, trang hoàng châu báu xong liền ngồi trên bảo tọa, tụ tập hội chúng nāga lại. Ngài cho gọi Aritṭha đến bảo:

– Này Aritṭha, hiền đệ đã nói lời sai lầm khi diễn tả các Bà-la-môn và kinh Vệ-đà, vì các tế lễ hy sinh theo nghi thức của kinh Vệ-đà không phải là điều đáng mơ tưởng và nó không thể đưa lối đến thiên giới. Hãy nhìn kỹ đây những gì hư vọng trong lời nói của hiền đệ!

Thế rồi ngài ngâm các vần kệ này miêu tả các loại tế lễ hy sinh khác nhau:

- 919.** Vệ-đà là bầy kẻ khôn ngoan,
Lôi cuốn làm hư hỏng nạn nhân,
Ảo ảnh tạo mê lầm mắt tục,
Song bao bậc Trí vượt an toàn.
- 920.** Kinh Vệ-đà không bí lực thần,
Cứu người hèn, phản bội, vô luân,
Lửa kia dù thấp bao năm tháng,
Vô vọng cuối cùng tên chủ nhân.
- 921.** Dù cây toàn cõi đất chồng cao,
Để thỏa nguyện thần lửa khát khao,
Nó vẫn thèm thường, khao khát mãi,
Nāga mong đáp ứng làm sao.
- 922.** Sữa thường cứ thế biến dần lên,
Bơ, sữa đông là chuyện tự nhiên,
Khao khát đổi thay vậy ngọn lửa,
Càng khơi động, nó mãi cao lên.
- 923-24.** Lửa không cháy tự gỗ tươi, khô,
Lửa cần nhen nhúm mới bùng to,
Gỗ tươi, khô nếu đều bùng cháy,
Ắt hẳn rừng xanh hóa hỏa lò!
- 925.** Kẻ chất củi, rơm đốt lửa cao,
Đạt nhiều công đức, khác đâu nào,
Đầu bếp nhen lò, hay thợ nguội,
Hoặc người thiêu xác chết kia sao.
- 926.** Chẳng ai cầu nguyện, dẫn thành tâm,
Hoặc chất môi lên đốt lửa hồng,
Được phước đức gì nhờ tế lễ,
Lửa cao ngất khói cũng tàn dần.
- 927.** Lửa mà bạn nghĩ đáng tôn vinh,
Vậy phải ở cùng rác thối tanh,
Ăn xác chết, hân hoan độc ác,
Mọi người kinh tởm vội quay nhanh.
- 928.** Có người tôn kính lửa như thần,
Giống bọn man di trợn nước sông,

Bọn chúng lạc ra ngoài chánh đạo,
Đều không xứng được gọi thần nhân.

- 929.** Thờ lửa, tôi đòi của thế nhân,
Vô tình, mù điếc trước lời than,
Sống đời ích kỷ đầy lầm lỗi,
Mơ tưởng thiên đường có được chăng?
- 930.** Bà-la-môn ấy muốn làm ăn,
Nên bảo Phạm thiên cúng lửa thần,
Sao tạo hóa làm ra vạn vật,
Lại thờ tạo vật chính tay làm?
- 931.** Vì muốn được tôn kính, cao ngai,
Nên xua họ thuyết lý khôi hài,
Hảo huyền, khó hiểu về giai cấp,
Trước khi họ đạt lợi danh hoài.
- 932.** “La-môn cao quý học hành chuyên,
Sát-lý làm vua nắm lực quyền,
Vệ-xá lo cày bừa ruộng đất,
Thủ-đà phục vụ cho người siêng,
Tầng nào phụ trách nơi tầng ấy,
Đáng tối cao từng tạo vậy nên.”
- 933.** Và thuyết này xem là lý chân,
Như điều đã nói bởi La-môn,
Chẳng sanh hoàng tộc, ngai không được,
Chẳng phải La-môn, chú chẳng rành,
Người khác không cày, chỉ Vệ-xá,
Thủ-đà phục dịch người luôn tuân.
- 934.** Vọng ngữ, tham lam thuyết đảo điên,
Kẻ ngu tin tưởng chuyện hư huyền,
Ai người có mắt nhìn toàn cảnh,
Sao chẳng công bình, hỏi Phạm thiên?
- 935-36.** Nếu quyền vô hạn khắp nơi nơi,
Sao chính tay ban phúc hiểm hoi,
Sao vật ngài sinh đều chịu khổ,
Sao không ban phúc đến muôn loài?
- 937-38.** Lừa dối, ngu si ở khắp nơi,
Tràn đầy hư vọng, chánh chân vơi,
Phạm thiên là vị bất công quá,
Đã tạo thế gian lắm trái sai.

939. Những kẻ được xem là trắng trong,
Tha hồ giết nhái, rắn, trùng, ong,
Tục này man rợ, ta khinh ghét,
Như thể Kambo, bộ lạc rừng.
940. Nếu kẻ giết kia được trắng trong,
Nạn nhân cũng được đến thiên đàng,
La-môn hãy giết La-môn sạch,
Như vậy bọn này được lạc an,
Và cả những ai nghe thật kỹ,
Những lời chúng nói thật tà gian.
941. Chẳng thấy bò, dê muốn thiệt thân,
Đề mong có cuộc sống cao hơn,
Chúng miễn cưỡng đi vào chỗ chết,
Vẫy vùng tuyệt vọng trút hơi tàn.
942. Bao phủ tế đàn chuyện sát sinh,
Tuôn lời bóng bẩy tuyệt tài tình,
“Tế đàn như thể con bò mập,
Bảo đảm bao tâm nguyện đạt thành.”
- 943-44. Nếu củi chất quanh vật tế thần,
Chứa đầy kho báu, họ ca vang,
Bạc, vàng, châu, ngọc cho ta hưởng,
Cùng lạc thiên cung sẽ ngập tràn,
Hắn họ tế đàn riêng họ hưởng,
Giữ cho mình sản nghiệp giàu sang.
945. Bọn dối lừa, ngu xuẩn, ác gian,
Chuyện dài thêu dệt phỉnh ngu dân,
“Dâng tiền, cắt móng và râu tóc,
Người sẽ được như nguyện thỏa lòng.”
- 946-47. Thí chủ ngây ngô sẵn nhiệt tình,
Vội hầu bao đến, chúng vây nhanh,
Như bày quạ xúm quanh chim cú,
Tâm hướng về bao chuyện ác hành,
Khiến nạn nhân kia thành sạt nghiệp,
Cuối cùng bị lột sạch sành sanh,
Đồng tiền chắc chắn người kia có,
Đổi lấy hứa suông chẳng thực hành.
- 948-49. Như bọn lạ tham được lệnh vua,
Tịch thu tài sản của nông gia,

Bọn này cướp chỗ nào rình rập,
Tìm của với con mắt ác tà,
Không luật lệ nào lên án chúng,
Tuy nhiên chúng phải chết là vừa!

- 950-51.** Tể sư phải nắm gậy palāsa,
Làm lễ tể đàn tự trước kia,
Nó được gọi thay Thiên chủ đây,
Thế nhưng nếu thật vậy từ xưa,
Phải chăng Thiên chủ Inda đã,
Chiến thắng được yêu quý địch thù,
Tay của trời cho ngài ích lợi,
Có đâu làm quý sợ vu vơ?
- 952.** Người đời đã nói rõ nguyên nhân,
Mālāgiri và Tuyết Sơn,
Linh Thửu cùng Sudassana,
Nisabha với Kākaneru,
Cộng các núi cao hùng vĩ khác,
Là nhờ các tể sư hình thành.
- 953.** Mỗi rặng núi trong quốc độ kia,
Chính là lễ vật tự ngàn xưa,
Đặt lên đàn tể thành từng đồng,
Tín chủ đưa tay nhả nài ra,
Chất lễ vật lên cao tựa núi,
Tuân theo lệnh Đại Phạm thiên mà.
- 954.** Núi được chất cao với lễ dâng,
Nói như vậy đó các La-môn,
Khoe khoang huyễn hoặc, ôi ô nhục!
Đồng gạch kia dù kiếm hết lòng,
Cũng chẳng chứa đâu nguồn mạch sắt,
Để người thợ mỏ phải hoài công.
- 955.** Chuyện kể một Hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!
- 956.** Sông đã nhận chìm các Thánh hiền,
Hằng trăm, mà nước vẫn bình yên,
Xuôi dòng chảy mãi không hề thối,
Sao chi biển xanh giữ hận hiềm?

957. Giếng nước người đào ở thế gian,
Theo dòng, có nước mặn tuôn tràn,
Phải đâu kéo xuống vào trong ấy,
Những vị La-môn, bởi lời đồn,
Thế mà loài rắn kia đã nói,
Nước này không thể uống vào đâu.
958. Trước tiên chẳng có nữ, nam nhân,
Trí óc làm nhân loại sáng dần,
Dòng giống ban đầu bình đẳng cả,
Nhưng vì thành bại đã bao lần,
Làm con người đổi thay ngôi thứ,
Chẳng phải vì xưa thiếu phước ân,
Những lỗi lầm ngày nay đã khiến,
Họ thành ưu thắng hoặc cùng bản.
959. Kẻ hạ đẳng kia dùng trí khôn,
Độc kinh này, trí chẳng cao hơn,
La-môn tạo Vệ-đà làm hại,
Khi các tha nhân đạt trí thông.
960. Như vệt, câu ca được thuộc lòng,
Khó quên vì nhịp điệu du dương,
Tối tăm ý nghĩa làm mê mẩn,
Ngu trí nuốt trôi thật bốc đồng.
961. Bà-la-môn chẳng giống thú hoang,
Sư tử, cọp, beo của núi ngàn,
Chúng với trâu, bò đồng một loại,
Khác loài nhưng trí vẫn ngu đần.
962. Nếu vua thắng trận dứt đao binh,
Và sống bình an với bạn mình,
Chế ngự dục tham, theo chánh đạo,
Muôn dân hạnh phúc sống phồn vinh.
963. Vệ-đà, Sát-đế-ly cầm quyền,
Độc đoán cả hai, lại hão huyền,
Mù quáng, chúng lần mò tiên bước,
Trên đường hồng thủy ngập liên miên.
964. Vệ-đà, Sát-ly nắm quyền năng,
Thâm nghĩa, chúng ta thấy nhận chân,
Rốt cuộc nhục vinh hay được mất,
Cùng chung số phận bốn giai tầng.

965. Như các chủ nhà muốn kiếm ăn,
 Tính bao nghề tốt đẹp, an toàn,
 La-môn nay gặp ngày tàn mạt,
 Tìm kẻ sinh nhai đủ mọi ngành.
966. Chủ nhà lắm lạc bởi tham vàng,
 Mù quáng đi theo dục dẫn đường,
 Bày đủ mọi trò lừa đảo ấy,
 Kẻ ngu phải đọa, khác người khôn.

Bậc Đại sĩ đánh tan mọi luận thuyết của họ như vậy và chứng tỏ luận thuyết của mình. Khi hội chúng nāga nghe ngài thuyết giảng, tâm họ tràn đầy hoan hỷ. Bậc Đại sĩ cho thả tên thợ săn Bà-la-môn ra khỏi cảnh giới nāga mà không hề đá động gì đến gã, dù chỉ bằng một lời nói khinh miệt.

Vua Sāgara Brahmadata cũng không lỗi hẹn, vội ngự du cùng binh lính đến nơi trú ngụ của vua cha.

Sau khi đánh trống báo cho thần dân biết ngài sẽ đi thăm ngoại tổ phụ và quốc cữu, bậc Đại sĩ du hành qua sông Yamunā với vẻ long trọng huy hoàng. Trước tiên, ngài ngự đến am ẩn sĩ của tổ phụ, theo sau ngài có đầy đủ các vương tử cùng phụ vương, mẫu hậu của ngài.

Lúc ấy, Vua Sāgara Brahmadata chưa nhận ra bậc Đại sĩ khi ngài tiến đến cùng đoàn tùy tùng liền hỏi vua cha:

967. Chiêng trống nào đây, tiếng nói vang,
 Trầm hùng hòa điệu giữa không gian,
 Làm tâm Thánh thượng đầy hoan hỷ,
 Đàn sáo, tù và, tiếng trống con?⁵³
968. Ai là nam tử bước hiên ngang,
 Nai nịt cung tên được điểm trang,
 Vương miện quanh đầu đang chiếu sáng,
 Khác nào ánh chớp tỏa hào quang?
969. Ai đó uy nghi bước đến gần,
 Sáng ngời tướng mạo đáng thanh xuân,
 Như cảnh phượng vĩ đang hồng đỏ,
 Lò thợ rèn kia cháy sáng bừng?
970. Chiếc lọng của ai sáng sắc vàng,
 Có khung sườn đẹp xinh cao sang,
 Che tia ngọ nhật đang soi chiếu,
 Ai đến hào quang tỏa rõ ràng?

⁵³ Các câu kệ từ 967-71, xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532.

971. Ai người đầy phước báu dày sâu,
Có cả hai bên những kẻ hầu,
Cầm quạt đuôi trâu rừng mịn tốt,
Che ai đôi phía ở trên đầu?
- 972-74. Gậy vàng vung vẫy các đuôi công,
Hòa đủ màu bên cạnh mặt rồng,
Rực rỡ vòng tai tô điểm tóc,
Khác nào tia chớp lóe không trung?
- 975-76. Hào kiệt nào đây mắt sáng trong,
Mão long đội giữa đôi mày cong,
Răng trắng như chồi hoa, vỏ ốc,
Hoàn toàn đều đặn, thẳng ngay hàng?
- 977-78. Bàn tay hồng đỏ tựa sơn son,
Nhuế óa bimba thắm nở tròn,
Chàng trẻ sáng ngời như mặt nhật,
Nhuế sālā nở rộ đầu non,
Inda Thiên chủ mang bào giáp,
Chiến thắng kẻ thù, thấy đẹp tan.
979. Ai vừa hiện trước nhãn quang ta,
Mở ví bên sườn, tuốt kiếm ra,
Chuôi nạm ngọc vàng đầy kỹ xảo,
Huy hoàng chiếu sáng dưới tay ngà?
980. Ai cười hài vàng khỏi gót chân,
Hài thêu dệt gấm thật cao sang,
Cúi đầu trịnh trọng trang nghiêm lễ,
Bày tỏ lòng tôn kính Trí nhân?

Khi nghe con của ngài là Vua Sāgara Brahmadaṭṭa hỏi như vậy, vị ẩn sĩ xuất gia đã chứng đắc thắng trí cùng các thần thông liền trả lời:

– Nay Vương nhi, đó là các vương tử của Vua Dhataratṭha, các nāga con của bào muội con đó.

Rồi ngài ngâm kệ sau:

981. Dhataratṭha vương tử các chàng đây,
Uy lực, vinh quang vĩ đại thay,
Tất cả đều tôn sùng chấp nhận,
Samuddajā mẫu hậu chung này.

Trong lúc các vị đang đàm đạo, hội chúng nāga đến nơi, đánh lễ dưới chân vị ẩn sĩ rồi ngồi xuống một bên. Công chúa Samuddajā cũng đánh lễ cha xong, khóc lóc một hồi rồi từ tạ, cùng hội chúng nāga trở lại thế giới của mình. Quốc

vương Sāgara ở lại đó vài hôm rồi trở về thành Ba-la-nại. Còn Công chúa Samuddajā về sau qua đời tại thế giới nāga.

Phần Bồ-tát vẫn giữ giới suốt đời và tu tập đủ mọi công hạnh trong ngày trai giới nên khi mạng chung, ngài cùng với hội chúng nāga đi lên thiên giới thật đông đảo.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư dạy:

– Như vậy các vị thiện nam, các bậc Hiền nhân ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã từ bỏ mọi vinh quang của quốc độ nāga và trang nghiêm hành trì các công hạnh trong ngày trai giới.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, gia tộc của Đại vương là cha mẹ Ta, gã thợ săn Bà-la-môn là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Somadatta là Ānanda (A-nan), Accimukhī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Sudassana là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Subhaga là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Kāṇāritṭha là Sunakkhatta và Bhūridatta chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

§544. CHUYỆN CANDAKUMĀRA (*Candakumārajātaka*)⁵⁴ (J. VI. 129)

Ngày xưa có một vị hôn quân...

Trong lúc trú tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), bậc Đạo sư đã kể câu chuyện này liên quan đến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Nội dung câu chuyện có trong *Chương kể phá hòa hợp Tăng chúng* [thuộc Tạng luật]. Chuyện được Như Lai nói rõ kể từ khi vị này xuất gia đến khi mưu sát Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la). Ngay sau khi Devadatta đã lập mưu sát hại vua này, ông liền đi tìm Vua Ajātasattu (A-xà-thế) và nói:

– Tâu Đại vương, ý nguyện của ngài đã thành, nhưng ý nguyện của ta chưa thành.

Vua trả lời:

– Ngài muốn gì?

– Thật sự ta muốn cho người giết đấng Thập Lực và ta sẽ trở thành đức Phật.

– Vậy thì ta phải làm sao đây?

– Ta phải tập hợp các tay thiện xạ lại.

Vua chấp thuận, truyền triệu tập năm trăm người thiện xạ có thể bắn cung nhanh như chớp, trong số đó chỉ lựa ra ba mươi một người, đưa họ đến gặp Devadatta và bảo họ phải tuân lệnh ông. Ông gọi người trưởng đoàn ra dặn:

⁵⁴ Câu chuyện này trong bản Tích Lan và PTS: *Khaṇḍahālajātaka*, số 542; trong bản CST: *Candakumārajātaka*, số 544. Tham khảo: Cp. 77, *Candakumārācariya* (Hạnh của Hoàng tử Canda).

– Nay hiền hữu, Sa-môn Gotama đang sống trên núi Linh Thứu, hằng ngày Ngài thường kinh hành trong tịnh thất vào một thời điểm nào đó. Vậy bạn hãy đến đó bắn Ngài với tên tâm thuốc độc, khi đã giết hại Ngài xong, hãy trở về bằng con đường này!

Rồi ông lại cho hai người thiện xạ đi theo con đường kia, bảo họ:

– Các vị sẽ gặp một người trên đường đi, hãy giết người ấy và trở về bằng con đường này!

Ông lại cho bốn người thiện xạ đi đường kia với lời dặn dò như vậy. Sau đó, ông lại dặn thêm tám người, rồi mười sáu người thiện xạ như trên. Tại sao ông làm như vậy? Chính là để che giấu sự thâm độc của mình.

Thế rồi, người trưởng đoàn thiện xạ buộc kiếm bên sườn trái, bao đựng tên bên lưng, cầm lấy chiếc cung làm bằng sừng dê và đi đến chỗ đức Như Lai trú ngụ. Nhưng sau khi ông giương cung lên và nhắm mũi tên để bắn Ngài, lại không thể thả dây cung được, toàn thân cứng đờ như thể bị đè bẹp. Ông cứ đứng đó kinh hoàng với nỗi sợ chết.

Khi bậc Đạo sư nhìn thấy ông, Ngài liền nói với giọng dịu dàng:

– Đừng sợ, hãy đến đây!

Ông lập tức ném vũ khí và vừa nói vừa sụp người xuống đánh lễ chân Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, tội lỗi đã trấn áp con như một đứa trẻ, như một tên khùng hoặc một tên tội nhân. Trước đây con không biết công hạnh của Ngài, con đã đến theo lệnh của lão già điên rồ mù quáng Devadatta để lấy mạng của Ngài, con xin Ngài tha mạng cho!

Ông lay cầu xin tha tội và ngồi qua một bên. Lúc ấy, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật cho ông nghe, khiến ông chứng quả Dự lưu. Ngài bảo ông trở về bằng con đường khác với con đường mà Devadatta đã dặn. Còn Ngài bước ra khỏi lối đi có mái che và ngồi xuống một gốc cây.

Trong khi người bắn cung thứ nhất chưa trở về, hai người kia đi trên con đường dự định gặp người này và bắn khoả không hiểu tại sao ông lại chậm trễ như vậy, cuối cùng họ nhìn thấy đức Phật. Khi đến đánh lễ đức Phật xong, họ ngồi xuống bên Ngài. Ngài lại tuyên thuyết các sự thật cho họ nghe khiến cả hai người cùng chứng quả Dự lưu. Rồi Ngài bảo họ trở về bằng con đường khác với con đường mà Devadatta đã ra lệnh. Cứ như thế những tay thiện xạ kia lần lượt đi đến, ngồi xuống nghe Ngài thuyết pháp, được an trú vào quả Dự lưu và được Ngài bảo đi về bằng một con đường khác.

Rồi khi người thiện xạ đầu tiên trở về gặp Devadatta, ông nói:

– Bạch Sư trưởng, tôi không thể nào giết bậc Toàn Giác được, Ngài là đáng Toàn Năng, đức Thế Tôn đầy đủ mọi uy lực siêu phàm.

Như vậy, cả toán thiện xạ nhận ra là họ đã thoát chết nhờ bậc Toàn Giác nên họ xuất gia sống đời tu hành theo Ngài và trở thành các bậc A-la-hán. Sự kiện

này được cả hội chúng Tỷ-kheo biết và một ngày kia họ bắt đầu nói đến chuyện này trong pháp đường:

– Nay các Tỷ-kheo, các vị có nghe chuyện Devadatta, vì thù ghét một người là đức Thế Tôn mà đã quyết tâm làm thiệt mạng nhiều người và rồi những người này lại được chính đức Thế Tôn cứu mạng như thế nào không?

Lúc ấy, bậc Đạo sư bước vào hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi nói chuyện gì đấy?

Khi chúng Tỷ-kheo đáp lại, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên mà trước đây kẻ ấy cũng đã quyết hại nhiều mạng người chỉ vì thù ghét Ta.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, thành Bà-la-nại có tên là Pupphavatī. Thái tử của Vua Vasavatti lên ngôi trị vì tại đó tên là Ekarāja và con của vua là Vương tử Canda làm phó vương. Một Bà-la-môn tên gọi Khandahāla là vị tế sư của vương tộc. Ông làm cố vấn cho vua trong mọi vấn đề thế sự cũng như thánh sự và vua rất tôn trọng tài trí của ông nên để ông làm phán quan. Nhưng ông lại thích hối lộ, thường nhận của đút lót và tước đoạt tài sản của nhiều người trao cho người khác làm chủ.

Một ngày kia, có người thua kiện, bước ra khỏi tòa án lớn tiếng than phiền, khi thấy Vương tử Canda đi ngang qua để bái yết vua cha, gã liền quỳ xuống. Vương tử hỏi sự tình, gã đáp:

– Tâu Chúa công, Khandahāla bóc lột các kẻ thua kiện khi ông ta xử án, thần đã thua kiện mặc dù thần đã hối lộ ông ta rồi.

Vương tử bảo gã đừng sợ, rồi khi dẫn gã đến tòa án, chàng trả lại quyền sở hữu về các tài sản bị tranh tụng cho gã. Dân chúng reo hò hoan nghênh vang dội. Khi vua nghe được, hỏi lý do, họ đáp:

– Vương tử đã xử án phân minh một vụ kiện mà Khandahāla đã xử sai, vì thế có tiếng reo hò như vậy.

Khi vương tử đến chúc tụng, vua bảo:

– Nay Vương nhi, dân chúng bảo con vừa xử án phân minh?

– Tâu Phụ vương, chính phải.

Vua liền trao tòa án cho vương tử và dặn vương tử từ nay được quyền xử án. Lợi lộc của Khandahāla giảm sút dần, từ đó ông ta sinh lòng thù ghét vương tử và rình rập cố tìm lỗi của chàng.

Lúc bấy giờ, vua rất ít tu tập nội tâm. Một buổi sáng kia, khi gần thức dậy, vua mơ thấy cõi trời Ba Mươi Ba với mái đình trang hoàng long lẫy, đường

sá lót vàng, cao cả ngàn do-tuần, được điểm tô bằng cung Vejayanta và nhiều cung khác cùng với tất cả vẻ huy hoàng của lạc viên Nandana và nhiều cánh rừng khác với hồ Nanda và nhiều hồ khác nữa, khắp nơi đông đảo chư thiên. Vua muốn lên cõi trời và nghĩ thầm: “Khi Sư trưởng Khandahāla đến, ta sẽ hỏi ngài con đường lên thiên giới và ta sẽ lên đó nhờ con đường ngài chỉ dẫn.”

Sáng sớm hôm ấy, Khandahāla vào cung và vâng an vua xem ngài có được hưởng một đêm đầy mộng đẹp chẳng. Vua liền truyền đem cấm đôn cho ông ta ngồi rồi hỏi ngay vấn đề ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 982.** Ngày xưa có một vị hôn quân,
Ở xứ Puppha, gặp lúc cần,
Liên hỏi tể sư hèn hạ ấy,
Nghiep tà, danh chánh Bà-la-môn.
- 983.** “Ngài là bậc Trí, mọi người đồn,
Thánh điển am tường đủ mọi môn,
Hãy nói công năng gì dẫn lối,
Đưa đường hành giả đến thiên cung?”

Đây là câu hỏi mà trừ đức Phật Đại Giác hoặc các đệ tử của Ngài ra, phải hỏi một vị Bồ-tát; nhưng ở đây, vua đã đem ra hỏi Khandahāla, chẳng khác nào một người lạc đường bảy ngày lại đi hỏi đường một kẻ đã đi lạc nửa tháng. Ông tự nhủ: “Đã đến lúc ta trừ khử được kẻ thù của ta rồi, ta sẽ giết Vương tử Canda, thế là toại nguyện.” Ông liền nói với vua:

- 984.** Hãy dâng nhiều lễ vật đầy tràn,
Giết những ai không đáng chết oan,
Nhờ vậy đạt công đức vĩ đại,
Người ta sẽ hưởng lạc thiên đàng.

Vua lại hỏi:

- 985.** Những gì là lễ vật đầy tràn,
Những kẻ nào không đáng chết oan?
Ta sẽ giết người, dâng tế lễ,
Nếu ngài nói ý nghĩa cho tường.

Sau đó, ông giải thích ý nghĩa này:

- 986.** Đem vợ con làm vật tế thần,
Phú thương quý tộc cũng tiêu vong.
Ngựa trâu tuyệt hảo, nòi cao quý,
Bốn loại tội đồ phải cúng dâng.

Như vậy, khi vua hỏi đường lên thiên giới, ông lại chỉ đường xuống địa ngục. Ông tự nhủ: “Nếu ta chỉ chọn một mình Vương tử Canda, mọi người sẽ nghĩ rằng ta làm thế vì thù ghét nó.” Cho nên ông đặt chàng vào chung với một

số người khác. Khi vấn đề này được đem ra bàn tán, các vương phi nghe tin lòng đầy kinh hãi, đồng cất tiếng khóc than.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

987. Cung phi mỹ nữ biết tin này:
“Vương tử, vương phi phải đọa đày”,
Khóc thét bỗng nhiên vì sợ hãi,
Vang rền mọi phía tận trời mây.

Cả vương cung náo loạn như thể rừng cây sālā bị gió bão rung chuyển vào giờ tận thế, khiến lão Bà-la-môn phải hỏi vua xem ngài có thể thực hiện được việc tế lễ ấy không.

– Sao ngài lại hỏi thế, này Sư trưởng? Nếu ta dâng tế lễ, ta sẽ được lên thiên giới mà.

– Tâu Đại vương, những kẻ nào yếu hèn, không quyết chí thì không thể nào tế lễ kiểu này được. Xin Đại vương triệu họ về đây cả rồi bản đạo sẽ dâng lễ vật ở huyệt tế thần.

Thế rồi, ông ta đem đủ lực lượng cần thiết ra khỏi thành, bảo họ đào huyệt tế lễ với đáy bằng, có hàng rào bao quanh vì các Bà-la-môn từ thời xưa đã ra lệnh phải làm hàng rào quanh đàn tế, sợ rằng các vị chân tu có thể đến ngăn cản buổi lễ. Vua cũng ban lệnh cho quần thần:

– Ta sẽ được lên thiên giới bằng cách đem hết vợ con ra cúng tế, vậy các khanh hãy đi báo tin cho chúng rõ rồi mang chúng về đây!

Lập tức, vua ra lệnh đem các vương tử đến:

988. Báo Canda, kẻ Suriya,
Lần lượt Bhaddasena, biết ý ta,
Rời đến Sūra, Vāmagotta,⁵⁵
Chúng đều phải chết, ý vua cha!

Trước hết, bọn họ đi tìm Vương tử Canda và nói:

– Tâu Điện hạ, đức vua muốn đem tế ngài để được lên thiên giới nên ra lệnh cho chúng thần đi triệu ngài về.

– Phụ vương ra lệnh bắt ta theo lời khuyến dụ của ai thế?

– Tâu Điện hạ, theo lệnh của Khaṇḍahāla.

– Ngài muốn bắt một mình ta hay còn ai khác nữa?

– Tâu Điện hạ, còn nhiều người khác vì ngài muốn dâng lễ tế đủ bốn loại lễ vật.

⁵⁵ Theo *Chú giải*, hai vị Hoàng tử Canda và Suriya là con của Chánh hậu Gotamidevī, còn ba vị Hoàng tử Bhaddasena, Sūra, Vāmagotta là những anh em cùng cha khác mẹ với hai vị hoàng tử ấy.

Vương tử nghĩ thầm: “Lão ấy không thù oán với những người kia, nhưng lão định cho họ chết chỉ vì thù oán ta đã ngăn chặn lão phạm tội ăn hối lộ qua việc xử án bất công của lão. Vậy ta có phận sự phải đi yết kiến vua cha xin ngài thả các người kia ra mới được.” Rồi chàng bảo họ:

– Các người cứ thi hành lệnh của phụ vương!

Họ liền đem chàng đến sân châu ngồi một mình tại đó xong lại đem các người kia đến để gần chàng rồi tâu với vua. Sau đó, vua ra lệnh đem các công chúa đặt bên các người kia:

989. Upasenī, Kokilā,
Lần lượt Muditā, Nandā,
Bảo các công nương đều phải chết,
Thật là kiên định, ý vua cha!

Vì thế, họ liền đi đem các công chúa đang kêu gào đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngẫm kẹ ra lệnh bắt các vương phi:

990. Trước tiên Vương hậu Vijayā,
Erāvatī, Kesinī, Sunandā,
Với mọi sắc hương đầy diễm lệ,
Chúng đều phải chết, ý nguyện ta!

Họ liền đem các vương phi đang gào khóc đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngẫm kẹ ra lệnh bắt bốn phú thương của hoàng gia:

991. Puṇṇamukha, Bhaddiya,
Lần lượt Siṅgāla, Vaddha,
Bảo các phú thương nghe thượng lệnh,
Chúng đều phải chết, ý nguyện ta!

Đám thị vệ tuân lệnh ra đi. Khi các vương tử và vương phi bị bắt, dân chúng không nói gì. Nhưng các phú thương có rất nhiều quyền thuộc nên cả kinh thành náo động khi họ bị bắt và dân chúng la ó phản kháng việc đem họ ra tế lễ. Vì thế, họ cùng quyền thuộc kéo đến yết kiến vua. Lúc ấy, các phú thương được quyền thuộc vây quanh xin nhà vua tha mạng.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

992. Các phú thương kêu khóc náo nùng,
Được vây quanh bởi các thân nhân:
“Đầu này xin cạo làm nô lệ,
Nhưng hãy tha cho mạng chúng thần!”

Nhưng dù họ van xin đến mức nào đi nữa, họ cũng không được vua thương xót. Các thị vệ của vua bắt những người quyền thuộc lui ra để kéo các phú thương đến cạnh các vương tử. Sau đó, vua ra lệnh đem voi ngựa và trâu dê đến:

993-94. Dem cả đàn vương tượng đến đây,
Sức voi vô địch, quý cao thay,
Ngựa, lừa chọn giống nòi ưu thắng,
Tất cả cùng dâng tế lễ này!

995. Hãy chọn ngư vương loại đứng đầu,
Chúng là tặng vật quý dường bao,
Các thầy tế tự sắp hành lễ,
Sẽ có vật dâng cúng tối cao!

996-97. Hãy chuẩn bị cho tế lễ này,
Sẵn sàng ngay trước rạng ngày mai,
Bảo vương nhi đãi đằng như ý,
Thọ hưởng cuộc đời buổi tối nay!

Lúc bấy giờ, thái thượng hoàng và hoàng thái hậu vẫn còn sống nên dân chúng kéo đến tâu cho hai vị biết việc dự định tế lễ của vua. Hai vị xiết bao kinh hoàng vội đến khóc lóc với vua:

– Vương nhi hỡi, có thật con định làm một cuộc tế lễ như vậy chăng?

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

998. Mẫu hậu vội rời khỏi nội cung,
Việc kỳ quái vậy nghĩa gì chẳng?
Bốn vương tôn thầy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn.

Vua đáp lại:

999. Khi mất Canda, mất hết rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.

Mẫu hậu bảo:

1000. Dem cúng tế vương tử, hỡi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối gian như vậy,
Đây chính đường vào địa ngục môn.

1001. Con nên chọn đúng đạo minh quân,
Dem bố thí, dâng cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.

Vua đáp lại:

1002. Con phải vâng lời vị tế sư,
Giết con Canda, Suriya,

Chia lia chúng thật đầy đau đớn,
Song được cõi trời, lợi lạc to!

Thế là hoàng thái hậu đành bỏ đi về, không thuyết phục được vua. Lúc ấy, thái thượng hoàng hay tin vội đến phản đối vua.

Bậc Đạo sư diễn tả việc xảy ra như sau:

1003. Đến lượt Vasavattī phụ vương,
“Hung tin làm hoảng hốt tâm can!
Bốn vương tôn thấy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn?”

Vua đáp:

1004. Mất Canda và vương tử rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.

Thái thượng hoàng bảo:

1005. Đem cúng tế vương tử, hồi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối gian như vậy,
Đây chính đường vào địa ngục môn.

1006. Con nên chọn đúng đạo minh quân,
Đem bố thí, dâng cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.

Vua đáp:

1007. Con phải vâng lời vị tế sư,
Giết con Canda, Suriya,
Chia lia chúng thật đầy đau đớn,
Song được cõi trời, lợi lạc to!

Cuộc đối thoại lại diễn ra như trên và cuối cùng vua cha không lay chuyển nổi con đành bỏ đi với lời từ biệt:

1008. Nên đem cho hết khả năng mình,
Đừng cố ý tàn hại hữu tình,
Để các vương tôn làm bảo vệ,
Hộ phòng đất nước khỏi điêu linh.

Lúc ấy, Vương tử Canda nghĩ thầm: “Thảm họa xảy đến cho nhiều người cũng chỉ vì ta, vậy ta hãy van xin phụ vương cho họ khỏi tội chết mới được.” Vì thế chàng tâu với vua cha:

1009. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,

Con sẽ canh bảy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1010. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1011. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1012. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đầy tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

Vua nghe chàng than khóc lòng đau đớn vô cùng, nước mắt chứa chan nên vua ra lệnh tha hết vợ con. Vua bảo:

– Không ai được giết các con ta, ta không cần thiên giới nữa!

1013. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì ta!

Khi nghe vua nói vậy, thị vệ liền thả hết tội nhân ra, khởi đầu là các vương tử và sau cùng là bảy chim chóc. Lão Khaṇḍahāla đang bận rộn chuẩn bị việc đào huyệt tế lễ, có người đến mách lão:

– Nay lão Khaṇḍahāla hung dữ kia, đức vua đã thả hết tất cả các vương tử rồi, vậy lão hãy đi giết hết lũ con lão mà lấy máu đem ra tế thần.

– Sao nhà vua làm gì vậy kia?

Lão kêu lên và vội chạy đến tâu vua:

1014. Trước đây thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ có gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1015. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tế đàn,
Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Vua mù quáng nghe lời của lão Bà-la-môn đầy sân hận kia và tâm trí vua đã bị ám ảnh bởi vấn đề đạo giáo liền ra lệnh bắt vợ con lại. Lúc ấy, Vương tử Canda đem hết lễ phải trái tâu với vua cha:

1016. Sao lúc sinh ra lũ chúng con,
Hảo huyền chúc tụng Bà-la-môn,
Khi phân con trẻ là đành chết,
Vô tội nạn nhân của oán hờn?
1017. Sao cha tha mạng thuở thơ ngây,
Nhỏ dại biết đâu bất hạnh này?
Con trẻ hôm nay đành phải chết,
Giờ đang vui hưởng tuổi xuân đây?
1018. Nghĩ lúc chúng con mặc giáp bào,
Trên voi ngựa, chiến trận xông vào,
Nay làm lễ vật dâng đàn tế,
Chẳng lẽ việc này hợp lý sao?
1019. Ở trong chiến địa hoặc rừng hoang,
Chống lại loạn thần, lũ chúng con,
Phục vụ thường xuyên, nay bảo giết,
Mà không lý lẽ hoặc nguyên nhân.
1020. Nhìn chim xây tổ ấm trên cây,
Ca hát líu lo suốt cả ngày,
Yêu dấu chim non chăm sóc kỹ,
Còn cha đem giết lũ con vậy?
1021. Cha đừng tưởng lão Bà-la-môn,
Phản bạn tha cha lúc vắng con,
Đến lượt cha theo con kế tiếp,
Chúng con không chỉ chết cô đơn!
1022. Vua thường ban đạo sĩ thôn làng,
Thành thị tối ưu chính đặc ân,
Trên mọi gia đình đều hưởng lợi,
Tạo nên tài sản thật cao sang.
1023. Chính bọn này đây, tâu phụ thân,
Sẵn sàng phản bội các ân nhân,
Bà-la-môn tộc, cha nên nhớ,
Là giống bất trung, lũ bội ân.
1024. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1025. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1026. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1027. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đầy tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

Vua nghe lời con oán trách liền kêu to:

1028. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tể lễ nữa vì ta!

Vua nói xong kệ này cũng thấy người nhẹ nhõm. Tể sư Khaṇḍahāla lại đến nói:

1029. Trước đây, thần đã có râu rắng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ có gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1030. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tể đàn,
Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Nói xong, tể sư lại cố thực hiện. Vương tử bèn dùng lời thuyết phục vua cha:

1031. Nếu kẻ đem con trẻ tể đàn,
Thăng lên thiên giới lúc lìa trần,
Để Bà-la-môn dâng con trước,
Sau đến lượt mình, tâu Phụ vương!

1032. Nếu kẻ đem con trẻ tể thần,
Thăng lên thiên giới lúc lìa trần,
Tể sư sao chẳng hy sinh trước,
Đem chính các con của lão dâng?

1033. Khandahāla biết như vậy,
Sao chẳng giết con của lão đi?
Giết hết những người thân quyến ấy,
Và luôn cả lão, để làm chi?

1034. Ai té lễ, hay khiến sai người,
Hoặc xem té lễ dạ thích vui,
Việc hành cuộc lễ lớn như thế,
Họ sẽ đi vào địa ngục thôi!

1035. Nếu kẻ giết người được sạch trong,
Giết xong lại được lên tiên bồng,
Bà-la-môn hãy tương tàn giết,
Để tin vào điều họ mong!

Vương tử nói xong, thấy rằng không thể thuyết phục nổi cha liền quay qua dân chúng đang vây quanh vua và bảo họ:

1036-37. Làm sao các bậc mẹ cha này,
Đứng lặng yên nhìn, chẳng có ai,
Dù quý yêu con mình đến thế,
Cản ngăn vua giết các con ngài.

1038. Ta ao ước vương phụ vạn an,
Ta mong tâm các bạn hân hoan,
Nhưng không tìm được người nào để,
Phản đối nên lời trước phụ vương?

Nhưng vẫn không ai thốt một lời nào. Vương tử liền bảo các vương phi đến van xin vua tỏ lòng thương xót con:

1039. Đây các vương phi hãy nguyện cầu,
Van xin sư trưởng, phụ vương mau,
Để tha vương tử này vô tội,
Khéo trở tài chinh chiến biết bao.

1040. Hãy xin sư trưởng với mình quân,
Tha mạng vương nhi chẳng lỗi lầm,
Danh tánh đã vang lừng thế giới,
Là niềm vinh dự của non sông.

Bọn họ liền đến van xin vua tỏ lòng thương xót con nhưng vua chẳng chút quan tâm. Lúc ấy, vương tử quá tuyệt vọng nên bắt đầu than khóc:

1041. Nếu không sinh trưởng chốn triều đường,
Ở dưới mái tranh kẻ khốn cùng,
Hoặc thợ giày hay người quét rác,
Thì ta sẽ sống thật an toàn,

Đến tròn tuổi thọ không vong mạng,
Làm nạn nhân vua chúa bất thường!

Rồi chàng nói to:

1042-43. Đi mau tất cả các vương phi,
Đến trước Khandā, hãy lạy quỳ,
Bảo các nàng không làm hại lão,
Các nàng chẳng có tội tình gì!

Và em gái nhỏ nhất của Vương tử Canda tên là Selā cũng không thể chịu đựng được nỗi sầu khổ sau khi quỳ lạy dưới chân phụ vương nên đã than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này như sau:

1044. Selā khóc, thấy các anh nàng,
Bị kết tội oan bởi phụ vương,
“Người bảo đây là đàn tể lễ,
Vì cha ta muốn đến thiên đàng.”

Nhưng vua cũng không quan tâm đến nàng. Đến lượt Vāsula, con của vương tử, thấy cha quá sầu thảm liền nói:

– Con sẽ cầu xin Thái thượng hoàng tha mạng cho cha.

Cậu bé quỳ xuống chân vua than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc như sau:

1045. Chập chững Vāsula bước chân,
Trên đường đi đến chiếc ngai vàng,
Xin tha mạng của cha con trẻ,
Đừng để chúng con mất phụ thân.

Vua nghe cậu bé than khóc, lòng đau như cắt liền ôm cháu vào lòng, giàn giụa nước mắt và bảo:

– Vương tôn hãy an tâm, ta sẽ trả phụ thân lại cho cháu đó.

Rồi vua ra lệnh:

1046. Này cha con đó, Vāsula,
Lời của trẻ thơ cảm hóa ta,
Tha các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tể lễ nữa vì cha!

Một lần nữa, lão Khandahāla vội đến phản đối vua:

1047. Trước đây thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ có gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1048. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tể đàn,

Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Vị vua mù quáng lại nhượng bộ lão, ra lệnh bắt các vương tử như cũ. Lúc ấy, Khandahāla tự nhủ: “Nhà vua này lòng quá mềm yếu, khi thì đòi bắt các con, khi thì lại thả ra hết, bây giờ lại nghe theo lời trẻ con đòi thả chúng ra; thôi ta phải dẫn vua đến huyết tể thần mới được.”

Lão liền ngâm kệ thúc giục vua:

1049. Đàn tể lễ nay đã sẵn sàng,
Kho tàng lễ vật tuyệt cao sang,
Đại vương mau hãy đi dâng lễ,
Rồi hưởng thiên cung cực lạc tràn!

Khi họ đem Bồ-tát đi đến huyết tể thần, các cung phi theo sau thành một đoàn dài.

Bạc Đạo sư diễn tả cảnh ấy như sau:

1050. Bảy trăm cung nữ của Canda,
Rực rỡ yêu kiều giữa tuổi hoa,
Tóc xõa tơ bời, mắt đắm lệ,
Theo anh hùng tận số đi xa.

1051. Nhiều phu nhân nhập bọn tùy tùng,
Trông dáng như tiên nữ giáng trần,
Vớ tóc tơ bời, mắt đắm lệ,
Đi theo nối gót vị anh hùng.

Thế rồi, bọn họ đồng cất tiếng khóc than:

1052. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tể đàn.

1053. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1054. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

1055. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,

- Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.
- 1056.** Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.
- 1057.** Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.
- 1058.** Xưa ngự trên mình các thớt voi,
Oai phong lắm liệt trước muôn người,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang bước lê chân cỗi chết rồi.
- 1059.** Xưa trên tuần mã thật hiên ngang,
Theo kế là đàn mã hàng hàng,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang chịu khổ hình lê bước chân.
- 1060.** Xưa trên xe quý thật oai phong,
Các cỗ xe theo cũng rất đông,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang phải lê chân bước nhọc lòng.
- 1061.** Xưa lúc rời cung cười ngựa sang,
Yên, cương, nai nịt điểm nhiều vàng,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang chịu khổ hình lê bước chân.

Trong lúc các vương phi đang khóc như vậy, thị vệ đem Bò-tát ra khỏi kinh thành. Dân chúng cả kinh thành đều đi theo ngài trong cảnh đại hỗn loạn. Nhưng vì đám người quá đông đảo, cổng thành không đủ rộng cho họ đi ra nên lão Bà-la-môn sợ chuyện bất trắc có thể xảy ra liền ra lệnh đóng cửa thành lại. Vì thế, đám đông không thể đi ra được, nhưng có một khu vườn hoa gần cổng phía nội thành, họ tụ tập tại đó lớn tiếng khóc than số phận thảm thương của các vương tử, khiến một bầy chim nghe tiếng liền bay đến tụ tập trên trời rất đông. Dân chúng cùng cất tiếng kêu gào với đàn chim:

- 1062.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn vương nhi bởi ám mê.

- 1063.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn công nương bởi ám mê.
- 1064.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn vương phi bởi ám mê.
- 1065.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn chủ gia bởi ám mê.
- 1066.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn con voi bởi ám mê.
- 1067.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn ngựa kia bởi ám mê.
- 1068.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Bò đực bốn con bởi ám mê.
- 1069.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Bộ bốn mỗi loài bởi ám mê.

Cứ thế, dân chúng than khóc mãi trong hoa viên. Rồi họ đi đến nơi ở của Bò-tát, vừa trang nghiêm đi nhiều quanh lâu đài nhiều vòng vừa cất tiếng khóc than qua các vãn kệ trong khi họ ngắm các ngôi tháp, hoa viên trong nội cung, v.v. ...

- 1070.** Lâu đài tráng lệ vẫn còn đây,
 Điện ngọc, cung son vẫn thế này,
 Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
 Đưa đi thọ án, hành hình ngay.
- 1071.** Ngôi nhà nóc nhọn dát vàng ròng,
 Bày trí đồ đây đủ loại bông,

- Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, mạng đời vong.
- 1072.** Khu vườn thượng uyển rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1073.** Vườn Vô Ưu⁵⁶ (Asoka) cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1074.** Vườn muồng hoàng yễn thật xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1075.** Vườn hoa chuông⁵⁷ cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1076.** Khu vườn xoài cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1077.** Hồ đầy sen sắc trắng và hồng,
Rực rỡ thuyền vàng, điểm chuỗi bông,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, mạng đời vong.
- Họ cứ rên rỉ ở đó rồi đến gần chuông voi,...
- 1078.** Voi báu của chàng vẫn ở đây,
Đôi ngà thiên tượng vẫn uy nghi,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án hành hình ngay.
- 1079.** Ngựa báu của chàng vẫn ở đây,
Móng nguyên, vút gió chạy như bay,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án hành hình ngay.

⁵⁶ Asoka (無憂, Saracaindica): Cây Vô Ưu.

⁵⁷ Pāṭali (喇叭花, Bignonia Suaveolens): Hoa loa kèn hay hoa chuông.

- 1080.** Xe ngựa của chàng vẫn ở đây,
Đi như chim sáo hót thanh hay,
Điểm tô châu ngọc, xe rực rỡ,
Chàng ngự tựa thiên Nandana,
Bốn chàng hoàng tử nay phải chịu,
Bị bắt đưa đi hành quyết ngay.
- 1081.** Hoàng tử như vàng, tướng đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở,
Đem cả bốn chàng tế lễ dâng.
- 1082.** Công chúa như vàng, vẻ đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở,
Đem cả bốn nàng tế lễ dâng.
- 1083.** Hoàng hậu, vương phi, vẻ đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở
Đem cả bốn nàng tế lễ dâng.
- 1084.** Gia chủ như vàng, tướng đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở
Đem cả bốn người tế lễ dâng.
- 1085.** Phố thị, làng quê chẳng bóng người,
Như khu vườn rộng, vắng tanh thôi,
Thành Pupphavatī như thế,
Từ lúc Canda, Suriya bị tế rồi!

Vì không có cách nào ra khỏi thành được, dân chúng đành lang thang quanh quần trong thành khóc lóc tỉ tê. Trong lúc ấy, Bồ-tát được đưa đến đàn tế. Mẹ ngài, Hoàng hậu Gotamī, lăn lộn dưới chân vua, khóc lóc van xin vua tha mạng cho con:

- 1086.** Thiếp sẽ khổ đau hóa đại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Nếu Canda bị dâng thần chết,
Thiếp thờ nghẹn ngào, Bệ hạ ơi!
- 1087.** Thiếp sẽ khổ đau hóa đại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Suriya bị dâng thần chết,
Thiếp thờ nghẹn ngào, Bệ hạ ơi!

Bà than van như vậy nhưng vua không trả lời, bà ôm lấy bốn vương phi của vương tử, vừa khóc vừa bảo họ:

– Vương nhi phải đau đớn chia lìa các nàng. Sao các nàng không năn nỉ vương nhi ở lại?

1088. Sao chẳng nói năng, hỡi các dâu,
Oparakkhī, Ghaṭṭiyā,
Pokkharakkhī, Gāyikā,⁵⁸
Bày tỏ đôi lời yêu mến nhau,
Múa quanh Canda, Suriya,
Cho đến khi chàng được hỷ hoan,
Vì các nàng đây giỏi hát múa,
Khắp nơi tài nghệ chẳng ai bằng.

Rồi thấy rằng không làm gì hơn được nữa, bà ngừng than khóc với các vương phi và bắt đầu nguyên rủa lão Khaṇḍahāla:

1089. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Canda yêu quý chết hôm nay.

1090. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Suriya yêu quý chết hôm nay.

1091. Ta mong vợ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Canda yêu quý chết hôm nay.

1092. Ta mong vợ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Suriya yêu quý chết hôm nay.

1093. Ta mong mẹ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử, những anh tài.

1094. Ta mong mẹ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử của muôn nhà.

⁵⁸ Bản CST viết là Bhārika.

1095. Ta mong vợ của ác Khandā,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử, những anh tài.
1096. Ta mong vợ của ác Khandā,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử của muôn nhà.
- Sau đó, Bồ-tát van xin vua cha trong đàn tế:
1097. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
1098. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
1099. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
1100. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đầy tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.
1101. Dù nghèo mong có được con trai,
Khao khát kia, người nữ nguyện hoài,
Với họ có người thôi phải bỏ,
Bởi vì không được đưa con trai.
1102. Họ nghĩ điều an ủi chính mình,
Con trai sinh cháu nối đời đời,
Giờ đây vô có, vì đàn tế,
Bệ hạ phán lời giết các con.
1103. Con trai có được bởi cầu xin,
Cha chó giết đi con của mình,
Xin chó đem con dâng lễ tế,
Đưa con cầu tự được trời ban.

- 1104.** Con trai có được bởi cầu xin,
Cha chớ giết đi con của mình,
Xin chớ chia lìa tình mẫu tử,
Mẹ sinh con trẻ khổ vô cùng.

Khi chàng không thấy vua trả lời, chàng liền quỳ xuống than khóc dưới chân mẹ:

- 1105.** Khó khăn mẹ nuôi nấng Canda,
Giờ đây con mẹ phải lìa xa,
Con xin đánh lễ đôi chân mẹ,
Mong ước cha già đạt kiếp sau.

- 1106.** Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chôn xa xăm ấy,
Làm vật tế đàn cho đức vua.

- 1107.** Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chôn xa xăm ấy,
Để mẹ vương sầu ngập trái tim.

- 1108.** Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chôn xa xăm ấy,
Để mọi người sầu ngập trái tim.

Rồi mẫu hậu ngâm bốn vần kệ khóc than:

- 1109.** Quý tử trên đầu hãy buộc lên,
Vòng vương miện kết lá hoa sen,
Và hoa campaka này tương xứng,
Vẻ đẹp oai hùng tuổi tráng niên.

- 1110.** Lần cuối cùng con hãy tắm hương,
Loại chiên-đàn ngát thật cao sang,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Con đẹp tươi và hương tỏa lan.

- 1111.** Lần cuối cùng con khoác cẩm bào,
Lụa Kāsi mềm mịn đường nào,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Con khéo chỉnh trang, thật đẹp sao!

- 1112.** Vòng chuỗi tay này con hãy mang,
Điểm trang ngọc báu, trân châu, vàng,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Với chuỗi vòng này, con quý sang.

Đến lượt chánh phi của chàng tên là Candā, quỳ xuống chân chàng than khóc thảm thiết:

1113. Đại vương, chúa tể của giang sơn,
Ý của ngài ban khắp nước non,
Ngài chẳng còn tình yêu phụ tử,
Vớ người duy nhất kế ngài vàng.

Vua nghe vậy liền đáp:

1114. Ta thương mến tất cả ông hoàng,
Ta cũng quý yêu chính bản thân,
Vương hậu các nàng thân thiết cả,
Ta đem con tể lễ dâng đàn,
Bởi vì ta muốn lên thiên giới,
Chẳng muốn đi vào địa ngục môn!

Nàng Candā kêu to:

1115. Chúa thượng giết con trước, đoái thương,
Kẻo niềm thống khổ xé tâm can,
Vương nhi được kết vòng hoa ấy,
Mọi vẻ chàng nay thật vẹn toàn.

1116. Giết chúng con trong hổ tể đàn,
Nơi Canda đến, thiếp theo chàng,
Đại vương sẽ được công vô lượng,
Hồn trẻ lên thiên giới trú an.

Vua đáp lời:

1117. Nàng chớ ước mong chết trước thời,
Các vương đệ đừng cảm bao người,
Sẽ an ủi đầy, hồng nhan hỡi,
Khi mất chồng yêu quý ấy rồi!

Nàng nghe vậy đầm ngực than khóc, hăm dọa sẽ uống độc được tự vẫn và cuối cùng nàng lại kêu gào thảm thiết. Bậc Đạo sư ngâm kệ sau:

1118-20. Cổ vắn, thân bằng cạnh quốc vương,
Không ai dám nói để can ngăn,
Triều thần trung tín không ai cả,
Dám thuyết phục vua chớ giết con.

1121. Còn có các vương tử khác kia,
Thấy đều đầy đủ mọi oai nghi,
Hãy đem các vị lên đàn tế,
Và để Canda được thoát đi.

1122. Đem con xẻ thịt thành trăm mảnh,
Mang cúng bảy nơi, thỏa nguyện mình,

Xin chớ giết đi hoàng tử cả,
Vị kiêu hùng, tựa chúa sơn lâm.

- 1123.** Đem con xẻ thịt thành trăm mảnh,
Mang cúng bảy nơi, thỏa nguyện mình,
Xin chớ giết đi hoàng tử cả,
Người mà toàn bộ thế gian mong.

Sau khi đã than khóc giải bày mọi nỗi niềm đoạn trường mà vẫn không có gì an ủi được, nàng liền bước lên cạnh Bồ-tát, đứng khóc lóc mãi cho đến khi Bồ-tát bảo nàng:

– Này Candā, suốt đời ta đã biết bao lần tặng nàng ngọc ngà trân bảo trong các dịp yến tiệc hội hè, nay ta chỉ còn món báu vật cuối cùng trên mình ta để tặng nàng, xin nàng hãy nhận lấy!

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này như sau:

- 1124.** Trang sức bảo châu đủ sắc màu,
Ngọc trai, ngọc bích, quý dường bao,
Tặng nàng những lúc tâm vui vẻ,
Nay vật cuối cùng ta gửi trao.

Nàng Candā lại bật khóc và ngâm các vần kệ sau:

- 1125.** Chuỗi hoa rực rỡ nở xinh tươi,
Quàng ở trên vai của những người,
Nay đôi hoa kia bằng kiếm sắc,
Trên vai vị ấy phủ phàng rơi.

- 1126.** Chuỗi hoa rực rỡ nở xinh tươi,
Quàng ở trên vai của những người,
Nay đôi hoa kia bằng kiếm sắc,
Trên vai vị ấy phủ phàng rơi.

- 1127.** Phút chốc kiếm kia đến tận nơi,
Cổ chàng vô tội lướt qua rồi,
Ôi, đem dây sắt mau ràng buộc,
Kéo trái tim ta sắp vỡ đôi!

- 1128.** Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.

- 1129.** Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1130. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.
1131. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.
1132. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.
1133. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

Trong khi nàng than khóc như vậy, mọi người đã chuẩn bị nghi lễ xong xuôi trên huyết tể thân. Họ đưa vương tử đến đặt vào một chỗ ngồi thích hợp với chiếc cõ vươn ra phía trước. Lão Khandahāla cầm chén vàng lại gần chàng, đưa kiếm lên, đứng thẳng người và nói:

– Ta sẽ cắt cổ nó!

Khi vương phi thấy vậy, nàng nghĩ thầm: “Ta không còn nơi nào để nương tựa, vậy ta sẽ cầu xin phước lành cho phu quân bằng sức mạnh của chân lý.” Rồi nàng chấp tay lên đi giữa những người hành lễ, trang nghiêm thực hiện lời nguyện cầu chân lý.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này như sau:

1134. Khi sửa soạn xong lễ tế đàn,
Canda ngồi đó đợi tại nàn,
Pañca công chúa đi vào giữa,
Quần chúng khắp nơi phát nguyện vang.
1135. “Quả nhiên đây vị Bà-la-môn,
Làm độc kế do tính dối gian,
Mong ước phu quân yêu dấu ấy,
Chẳng bao lâu nữa được an toàn!
1136. Mong các thần tiên, quý chôn đây,
Hãy nghe lời nói của con vậy,

Thực hành nhiệm vụ con giao phó,
Tái hợp con cùng thái tử này!

- 1137.** Tất cả thần tiên ở chốn này,
Con xin quỳ xuống dưới chân ngài,
Hộ phù con trẻ không người giúp,
Thương xót nghe con cầu cứu đây!”

Thiên chủ Sakka nghe lời cầu xin của nàng và xem thấy sự tình xảy ra như vậy liền cầm một khối sắt sáng lòe hăm dọa nhà vua và đuổi tan đám đông dự lễ ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này như sau:

- 1138.** Thiên thần nghe tiếng nọ kêu than,
Muốn giúp chánh nhân, vội giáng phàm,
Vung khối sắt lên lòe ánh sáng,
Làm tâm bạo chúa phải kinh hoàng.

- 1139.** “Bạo chúa biết ta, Thiên đế chẳng?
Hãy nhìn xem vũ khí ta mang,
Đừng làm hại trưởng nam vô tội,
Sư tử chúa trong bãi chiến trường!”

- 1140.** Tội ác này ai thấy chốn nào,
Vợ con bị giết cả nhà sao,
Cùng thân dân quý nhất thiên hạ,
Xứng đáng lên thiên giới tối cao?”

- 1141-42.** Bạo chúa vội cùng vị tể sư,
Thả người vô tội nạn nhân ra,
Đám đông lấy đá và cây gậy,
Cuồng nhiệt say sưa, họ hét la,
Đánh chết Khandā ngay tại chỗ,
Đền bù bao tội ác gian tà.

Khi họ đã giết lão quốc sư xong, họ tìm cách bắt vua phải chết, nhưng Thiên chủ Sakka ôm vua lại không cho dân chúng giết vua. Khi ấy, đám đông mới tha mạng vua, nhưng họ nghĩ: “Ta không thể để vua này cai trị hay ở tại kinh thành nữa, ta phải bắt vua ra khỏi thành và ở một nơi do ta định đoạt.”

Thế là họ lột hết cẩm bào của vua, bắt vua mặc áo vàng, trùm khăn vàng lên đầu làm một kẻ khốn cùng và bắt vua phải ở khu vực dành cho hạng khốn cùng. Còn tất cả những kẻ nào nhúng tay vào việc tế lễ này hay đồng tình ủng hộ đều bị trừng trị đích đáng và khi chết phải đọa địa ngục đúng theo số phận của họ.

Bậc Đạo sư ngâm kệ sau:

- 1143.** Ai đã tạo nên tội ác vậy,
Thẳng đường vào địa ngục kia ngay,
Không ai được tái sinh thiên giới,
Khi đã mang lầm lỗi thế này.

Sau khi đã trừ bỏ được hai quái vật độc ác ấy, dân chúng liền mang lễ vật đến làm lễ dâng quang, rảy nước thánh lên đầu Thái tử Canda để chàng lên ngôi vua.

- 1144.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Các vua họp lại cùng nơi ấy
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1145.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Công nương họp lại cùng nơi ấy,
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1146.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Chư thiên họp lại cùng nơi ấy,
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1147.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Thiên nữ họp lại cùng nơi ấy,
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1148.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Các vua họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.
- 1149.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Công nương họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.
- 1150.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Chư thiên họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.
- 1151.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Thiên nữ họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.

1152. Khi các tù nhân đã được tha,
Mọi người mừng rỡ, hát hoan ca,
Phổ phưởng tràn ngập trong chiêm trống,
Hạnh phúc, tự do đến mọi nhà.

Bồ-tát ra lệnh cung cấp mọi nhu cầu cho cha được đầy đủ, nhưng phế vương không được phép vào kinh thành và khi nào tiền cấp dưỡng đã cạn, ông thường tìm gặp Bồ-tát vào những dịp ngài dự hội hè ở công viên hay những nơi công cộng khác. Vào những lúc ấy, phế vương không chấp tay kính chào con mình vì ông nghĩ: “Ta mới thật là Đại vương” nên ông chào ngài:

– Vạn tuế Chúa công!

Và khi Bồ-tát hỏi ông cần gì, ông nói rõ vật ấy, rồi Bồ-tát ra lệnh đem tiền bạc lại cho cha.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta tìm cách giết hại nhiều người chỉ vì Ta mà trước kia kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là Khandahāla, Mẫu hậu Mahāmāyā là Hoàng hậu Gotamī, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là Candā, Rāhula là Vāsula, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Selā, Kassapa (Ca-diếp) thuộc dòng họ Vāma là Sūra, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Bhaddasena, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Vương tử Suriya và Vua Canda chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

§545. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ NĀRADA KASSAPA **(*Mahānāradakassapajātaka*)**⁵⁹ (J. VI. 219)

Một vì vua xứ Videha...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể khi Ngài trú ngụ tại lạc viên Latthivana (Rừng Mía) về việc quy y của Tôn giả Uruvela Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp).

Lúc bấy giờ, uy danh của bậc Đạo sư về việc hoằng dương Chánh pháp đã bắt đầu lừng lẫy. Sau khi Ngài giáo hóa các vị tu khổ hạnh khác cùng Tôn giả Uruvela Kassapa, Ngài liền đi đến lạc viên Latthivana với cả ngàn Tỷ-kheo vây quanh, các vị này trước đây là những đạo sĩ khổ hạnh. Ngài muốn thuyết phục vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà) giữ lời hứa cúng dường tinh xá Veluvana (Trúc Lâm). Và lúc ấy, vua nước Magadha cùng đến với đoàn triều thần đông đến mười hai vạn người.

Sau khi đánh lễ đức Phật xong, vua ngồi xuống, rồi một vấn đề được đưa

⁵⁹ Chuyện này trong bản PTS và Tích Lan là số 544, trong bản CST là số 545.

ra tranh luận giữa các Bà-la-môn và các gia chủ trong đoàn tùy tùng của vua: “Phải chăng Tôn giả Uruvela Kassapa phục tùng sự giáo hóa của bậc Đại Sa-môn, hay là bậc Đại Sa-môn phục tùng sự hướng đạo tu hành của Tôn giả Uruvela Kassapa?” Lúc ấy, đức Thế Tôn nghĩ thầm: “Ta sẽ cho hội chúng thấy rằng Kassapa đã phục tùng sự giáo hóa của Ta.” Rồi Ngài ngâm kệ này:

Thấy gì Hiền giả Kassapa,
Người ở rừng Uruvela,
Lùng lẩy tiếng tăm về khổ hạnh,⁶⁰
Sao ông từ bỏ lửa thiêng xưa?
Kassapa hỡi, nghe Ta hỏi,
Sao bỏ tế đàn với lửa kia?

Lúc ấy, vị Trưởng lão đã hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của đức Phật liền đáp kệ này:

Tế lễ nói lên ngũ dục trần,
Sắc, thanh, hương, vị với giai nhân,
Và khi biết những điều như thế,
Chỉ thấy trong đời sống thế gian,
Đều bất tịnh, con không thích thú,
Tế đàn dâng lễ cúng thiên thần.

Rồi để tỏ ra mình là đệ tử Phật, vị Tỷ-kheo này đặt đầu lên chân đức Phật và nói:

– Đức Thế Tôn là Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Nói xong ông bay lên không bảy lần đến ngọn một cây cọ dừa (tāla), hai cây cọ dừa cho đến bảy cây cọ dừa rồi trở xuống đánh lễ đức Thế Tôn và ngồi qua một bên. Hội chúng trông thấy việc hy hữu như thế liền tán thán uy danh của bậc Đạo sư, đồng nói to:

– Cao cả thay thân lực của đức Phật! Nên mặc dù đã tin tưởng vững chắc vào uy lực của mình, mặc dù tự cho mình là Thánh nhân, Tôn giả Uruvela Kassapa cũng đã phá bỏ mọi vọng chấp sai lầm và xin quy y với đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đáp:

– Việc ấy cũng không kỳ diệu gì khi ngày nay Ta đã đạt thắng trí viên mãn và giáo hóa vị này, vì ngày xưa, khi Ta còn là một Bà-la-môn tên gọi Nārada và còn tham đắm dục lạc, Ta cũng đã phá tan mọi vọng chấp sai lạc của ông ấy và khiến ông ấy phải quy phục.

Rồi theo lời thỉnh cầu của thánh chúng. Ngài kể câu chuyện sau đây.

⁶⁰ Xem *J. I. 83; Vin. I. 36.*

Ngày xưa, ở thành Mithilā trong quốc độ Videha có một vị minh quân trị vì rất đúng pháp tên là Aṅgati.⁶¹ Lúc bấy giờ, chánh hậu của ngài đang mang thai một công chúa xinh đẹp đầy ân phúc tên gọi Rujā,⁶² có công hạnh rất lớn và là người đã phát đại nguyện suốt một trăm ngàn kiếp. Mười sáu ngàn phi tần kia của ngài đều không có con. Vì thế, công chúa này rất được yêu quý nâng niu.

Hằng ngày, ngài thường ra lệnh ban cho nàng hai mươi lăm giỏ đầy hoa các loại và xiêm y lộng lẫy để nàng trang sức, lại ban cho nàng một ngàn đồng tiền để nàng bố thí các thức ăn uống tràn trề, mỗi tháng hai lần.

Lúc bấy giờ, ngài có ba vị cận thần tên gọi Vijaya, Sunāma và Alāta. Vào một ngày rằm tháng tư, cả kinh thành và cung điện được trang hoàng lộng lẫy như cảnh thiên giới. Sau khi đức vua đã tắm gội, xức dầu thơm và trang sức đủ loại ngọc ngà trân bảo, ngài cùng các cận thần ngự lên thượng lầu, mở cửa sổ nhìn mặt trăng tròn đang lên cao dần trên bầu trời quang đãng. Ngài bảo các cận thần:

– Đêm trăng này thật thú vị quá, các khanh muốn cùng ta hưởng lạc thú gì chăng?

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1153.** Một vị vua xứ Videha,
Tên gọi Aṅgati, thuở xưa,
Có lắm cỗ xe, tài sản quý,
Binh hùng tướng mạnh kể sao vừa.
- 1154.** Một đêm trăng sáng ngày mười lăm,
Canh một sắp qua, ánh nguyệt rằm,
Tháng thứ tư mùa mưa mới đến,
Vua liền tụ họp các quần thần.
- 1155.** Vijaya, tướng Alāta,
Cùng với đại thần Sunāma,
Là các Trí nhân, tươi nét mặt,
Thông minh, kinh nghiệm đủ phò vua.
- 1156.** Videha hỏi chúng triều đình:
“Hãy nói ý mình muốn, mỗi khanh,
Nay đúng tháng tư, đêm mãn nguyệt,
Mây mờ không phủ ánh trăng thanh,
Đêm nay ta có gì vui thú,
Tiêu khiển thời giờ ấy thật nhanh?”

⁶¹ Bản CST viết Aṅgati.

⁶² Bản CST viết Rucā.

Cứ thế khi được vua hỏi đến, mỗi vị cận thân nói lên nguyện ước của lòng mình.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1157.** Tướng Alāta vội tâu liền:
 “Bệ hạ! Xin cho tập hợp binh,
 Tất cả vui tươi thêm khí thế,
 Binh hùng, tướng mạnh, đấu tài tình.
- 1158.** Theo ý hạ thần, ta chiến chinh,
 Lượng đông vô số chàng hùng binh,
 Ta đi thu phục người chưa phục,
 Và xứ nào chưa phụ thuộc mình.”
- 1159.** Vừa nghe lời của Alāta,
 Sunāma bèn vội nói là:
 “Bệ hạ! Kẻ thù tất cả đã,
 Quy hàng, dưới trướng của ngài mà.
- 1160.** Kẻ thù đã bỏ hết gươm đao,
 Họ đã chịu theo, chịu cúi đầu,
 Đại lễ hôm nay rất đặc biệt,
 Hạ thần không thích đánh binh nhau.
- 1161.** Xin hãy làm liền, khẩn cấp mang,
 Thật nhiều ẩm thực, món cao sang,
 Đại vương, xin hãy vui say dục,
 Vũ điệu, hát ca, các loại đàn.”
- 1162.** Nghe xong lời của Sunāma,
 Vijaya bèn vội nói là:
 “Tất cả dục thường luôn đủ sẵn,
 Khi cần là phục vụ nhà vua.
- 1163.** Bệ hạ thích vui các dục nào,
 Thì ngài đạt được dễ làm sao!
 Tuy rằng có chúng luôn không khó,
 Nhưng ý đó thần nghĩ chẳng cao.
- 1164.** Chúng ta nên hầu cận Sa-môn,
 Hay vị Bà-la-môn hiểu thông,
 Thánh điển am tường, rõ nghĩa lý,
 Dẹp ngay nghi hoặc của ta xong.”
- 1165.** Nghe xong lời của Vijaya,
 Vua Amgati mới phán là:
 “Theo ý Vijaya khẩn tấu,
 Trẫm nay cũng thấy hỷ hoan ngay!

1166. Chúng ta nên hầu cận Sa-môn,
Hay vị Bà-la-môn hiểu thông,
Thánh điển am tường, rõ nghĩa lý,
Đẹp ngay nghi hoặc của ta xong.
1167. Tất cả thực thi ý kiến này,
Vậy hầu cận trí giả nào đây?
Vị mà thánh điển đầy thông hiểu,
Nghĩa lý am tường, đẹp mỗi nghi.”
1168. Nghe lời Vua Videha khuyên,
Tướng Alāta bèn tâu liền:
“Vườn Lộc Uyển kia có đạo sĩ,
Được xem là bậc Trí tinh chuyên.
1169. Vị Guṇa dòng Kassapa,
Học cao, thuyết pháp thật tài ba,
Đông nhiều đệ tử, ngài nên đến,
Vị ấy phá tan nghi của ta.”
1170. Nghe qua lời của Alāta,
Vua thúc giục liền quan thủ xa:
“Ngươi hãy đưa xa giá thẳng sẵn,
Chúng ta đi Migadāya.”
1171. Xa giá của vua được thẳng nhanh,
Bằng ngà voi đẹp, bạc viền quanh,
Nhiều đồ bóng láng và tinh sạch,
Xa giá trắng xinh tựa mặt trăng.
1172. Tứ mã thẳng đây là giống Sindh,
Sắc màu hoa súng trắng xinh xinh,
Chúng phi như gió và thuần thực,
Lại có đeo đai, lục lạc vàng.
1173. Sắc màu xa giá trắng tinh anh,
Lọng, mã, quạt cùng trắng bạch thanh,
Vua với đại thần cùng khởi tiến,
Ngài trông rực rỡ tựa vàng trắng.
1174. Nhiều kẻ theo hầu cho anh quân,
Đế vương vĩ đại thật oai hùng!
Bao nhiêu dũng sĩ trên lưng ngựa,
Mạnh mẽ bên mình mang giáo gươm.
1175. Đi trong chốc lát đến nơi kia,
Vị Khattiya bước xuống xe,

Vua Videha cùng các tướng,
Bộ hành tới lửa thề Guṇa.

1176. Lúc ấy tại đây tỵ rất đông,
Có nhiều gia chủ, Bà-la-môn,
Nhưng vua cũng vẫn không ra lệnh,
Bảo họ lui ra khỏi đất vườn.

Ngài ngồi qua một bên, được vây quanh bởi thính chúng gồm đủ hạng người như vậy, rồi ngài làm lễ yết kiến vị ẩn sĩ kia.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề này như sau:

1177. Sau đó vua ngồi ở một bên,
Dưới là một chiếc gối êm êm,
Đặt trên chiếc thảm nhiều màu sắc,
Nhẹ trái ra mời ngài ngự lên.
1178. Khi đã ngự an chỗ ấy xong,
Đức vua thân thiện hỏi thăm ông:
“Thưa ngài, nuôi sống ra sao vậy?
Thân được điều hay gió mạnh không?”
1179. Nếp sống của ngài có khó khăn?
Việc đi khát thực đủ ngài ăn?
Bệnh đau ít ỏi phải không ạ?
Đôi mắt có suy giảm, yếu chẳng?”
1180. Đạo sĩ Guṇa đáp hỷ hoan,
Khi Videha rất quan tâm,
“Đại vương, bản đạo mạng nuôi đủ,
Hai việc kia đều được ổn an.
1181. Xin hỏi Đại vương Videha,
Những vùng biên giới giương oai ra?
Các con vật kéo xe không bệnh?
Các cỗ xe đều nhanh, chạy xa?
Thân ngài không bệnh nào trầm trọng,
Mà khiến cho ngài khổ, thán ca?”
1182. Được hoan hỷ đáp, vua anh minh,
Thủ lãnh xa binh, yêu lý kinh,
Liên tục hỏi về nghĩa, giáo pháp,
Và phương cách áp dụng cho mình.
1183. “Kính thưa Tôn giả Kassapa,
Khi một con người đối mẹ cha,
Đối với vợ con, thầy dạy học,
Thế nào là đúng pháp, hài hòa?

- 1184.** Cư xử thế nào với trưởng tôn,
Với Sa-môn, các Bà-la-môn,
Và quân binh với cả dân chúng,
Xin hỏi làm sao mới chánh chân?
- 1185.** Thế nào người đứng pháp lâm chung,
Họ được đi về chốn phúc cung?
Còn những người tà pháp lúc chết,
Lại rơi địa ngục lúc sau cùng?”

Vì lúc ấy không có một vị Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện, cũng không có một vị Độc Giác Phật, một vị Thánh đệ tử của chư Phật hay một bậc đại trí nào nên vua hỏi liên tiếp các vấn đề đáng được nêu ra của một vị quốc vương cho một đạo sĩ lỡ thề không hiểu biết gì và lại mù quáng tựa trẻ thơ. Vừa khi được hỏi như vậy, ông đã không trả lời phù hợp câu hỏi mà nhân cơ hội tâu ngay:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương nghe đây!

Rồi ông tuyên thuyết tà pháp của mình như kẻ dùng cây đánh con bò trong khi nó đang đi, hay giống kẻ đang ném rác rưởi vào bát cơm.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề như sau:

- 1186.** Nghe xong lời của Videha,
Đạo sĩ Kassapa nói là:
“Bệ hạ, xin nghe bản đạo đáp,
Đây điều chân thật, chẳng sai ngoa.
- 1187.** Không hề có quả ác hay lành,
Cho những ai theo pháp thực hành,
Không có đời sau, tâu Bệ hạ!
Bởi ai từ đây đến đây sanh?
- 1188.** Tâu Bệ hạ! Không có tổ tông,
Từ đâu có mẹ, cha, hay ông?
Không người được gọi là thầy dạy,
Vì có ai thuần được kẻ nông?
- 1189.** Chúng sinh bình đẳng và tương đương,
Nên chẳng có người kính trọng tôn,
Không có sức cường hoặc nỗ lực,
Từ đâu nhân loại khởi sinh, vượn?
Các chúng sinh thì theo định mệnh,
Như thuyền theo bánh lái mà nương.
- 1190.** Con người được nhận phần nên nhận,
Như thế từ đâu quả thí sanh?

Bệ hạ! Không hề có quả thí,
Sự tinh tấn trở thành vô năng.

- 1191.** Vật thí được người ngu phát ban,
Được người có trí nhận thu phần.
Những người bất lực, thực hành thí,
Kẻ ngốc nghĩ rằng mình Trí nhân.

Sau khi diễn giảng sự vô ích của bố thí, ông lại tiếp tục giải thích tội chướng không có công năng tạo nghiệp quả:

- 1192.** Bảy uẩn thân bền, không vỡ, động,
Đó là hỏa, địa, thủy và phong,
Cộng thêm lạc, khô, cùng đời sống,
Chẳng thấy điều làm chúng vỡ tung.
- 1193.** Nếu dùng gươm chặt, xuyên bằng đao,
Giữa bảy uẩn thân cũng chẳng sao,
Không một thân nào bị sát hại,
Không điều làm chúng chết, rời nhau.
- 1194.** Ai nắm đầu người rồi xuống tay,
Dùng thanh gươm bén chặt đầu ngay,
Cũng không phải chặt thân người ấy,
Quả ác từ đâu sanh khởi đây?
- 1195.** Tám mươi bốn đại kiếp luân hồi,
Qua hết, chúng sanh sẽ sạch thôi,
Chưa đến thời gian đặng đặng ấy,
Sạch trong chẳng được, dù rèn tôi.
- 1196.** Dù đã làm nhiều điều tốt hay,
Thời chưa đến, họ chẳng trong ngay,
Dù cho làm ác nhiều đi nữa,
Họ cũng không qua thời hạn này.
- 1197.** Tám mươi bốn đại kiếp trôi qua,
Lần lượt có trong sạch của ta,
Không thể nào ta vượt định mệnh,
Giống như biển chẳng vượt bờ xa.

Cứ thế, kẻ theo “thuyết Đoạn kiến” ấy đã dốc lòng bám quanh, củng cố lý lẽ riêng của chính mình.

- 1198.** Nghe lời đạo sĩ nói vừa xong,
Alāta bèn vội mở lòng:
“Theo những lời mà Đại đức thuyết,
Thì tôi cũng thỏa niềm trông mong.

1199. Tôi nhớ kiếp vừa sống trước đây,
Trong luân hồi của bản thân này,
Tôi là một thợ săn thành phố,
Kẻ giết bò, tên Pīṅgala.
1200. Tại thành Bārāṇasī giàu,
Tội ác tôi gây tạo biết bao,
Tôi đã giết đi nhiều mạng sống,
Các loài súc vật heo, dê, trâu.
1201. Chết từ nơi ấy, đến đây sinh,
Vào một gia đình tướng phú vinh,
Quả ác rõ ràng là chẳng có,
Tôi không đến địa ngục hành hình.”
1202. Bảy giờ, nô lệ Bījaka,
Là gã nghèo hèn, rách rưới qua,
Đến chỗ của Guṇa đạo sĩ,
Gã này giữ Bồ-tát ngày trai.
1203. Nghe xong lời của Kassapa,
Cả đáp lời từ Alāta,
Gã vội thở dài và bức xúc,
Khóc liền, nước mắt tuôn trào ra.
1204. Vua Vedeha hỏi gã nô:
“Vì sao ngươi khóc, nói nguyên do,
Điều chi ngươi đã nghe hay thấy,
Cảm thọ thế nào? Hãy đáp cho!”
1205. Nghe xong lời của Vedeha,
Nô lệ Bījaka đáp là:
“Cảm thọ khổ đau con chẳng có,
Đại vương! Xin hãy lắng nghe qua.
1206. Con nhớ kiếp rồi con được sanh,
Bản thân thọ sung sướng, vui an,
Con là triệu phú tên Bhāva,
Ở Sāketa, thích đức lành.
1207. Tâm thuần, con thích phát ban ra,
Đại phú, Bà-la-môn ngợi ca,
Con nhớ bản thân con rất rõ,
Chưa từng tạo nghiệp ác, điều tà.
1208. Tâu đức vua, từ đó chết đi,
Con vào trong bụng một nô tỳ,

- Người này nghèo khổ, đội khuôn nước,
Con lúc sanh ra đã khổ nguy.
- 1209.** Dù phải lâm vào cảnh khó khăn,
Con đây nguyện sống cho công bằng,
Ai mà thiếu thốn, đang mong mỏi,
Con sót chia liền nửa bữa ăn.
- 1210.** Vào mừng mười bốn và mười lăm,
Luôn giữ gìn trai giới tịnh thanh,
Cũng chẳng giết sinh linh, hại chúng,
Cử kiêng trộm cắp, gắng tu tâm.
- 1211.** Có lẽ là toàn hạnh nghiệp trồng,
Tích công bồi đức, quả bằng không,
Con cho là giới kia vô ích,
Như tướng Alāta nói xong.
- 1212.** Có lẽ con đây vận xấu chê,
Như người lừa bịp chưa lành nghề,
Còn Alāta thì may mắn,
Bãi bạc khéo chơi đã vững nghề.
- 1213.** Con chẳng nhìn đâu thấy cửa đi,
Đến nơi cõi phúc, cảnh vui vầy,
Đại vương! Chính bởi nguyên do đó,
Nghe đạo sĩ xong, khóc lệ đầy.”
- 1214.** Nghe Bījaka trình tâu xong,
Vua Aṃgati liền phán rằng,
“Không có cửa vào cõi lạc phúc,
Bījaka chờ định mệnh mà mong!
- 1215.** Dẫu là hạnh phúc hoặc bi ai,
Thật sự là do định mệnh bày,
Tất cả nhờ luân hồi được tịnh,
Thời chưa đến, chớ vội người ơi!
- 1216.** Trầm bận việc lành mãi, trước đây,
Bà-la-môn, phú gia trình hoài,
Trầm còn chỉ phán xử nhiều việc,
Nên lãng quên bao dục lạc đây.”

Nói vậy xong, vua tạ từ ẩn sĩ:

– Thừa Tôn giả Kassapa, từ lâu nay trầm thật là xao lãng, nhưng bây giờ trầm đã tìm ra được một vị sư trưởng. Vậy từ nay trầm sẽ tuân theo lời dạy của Tôn giả, trầm sẽ an hưởng dục lạc mà thôi, dù có nghe thuyết pháp cũng không ngăn cản được trầm đâu. Xin Tôn giả ở lại, trầm đi đây!

Và vua nói:

- 1217.** “Thưa Tôn giả, hẹn gặp ngài sau,
Nếu có dịp nào hội ngộ nhau.”
Vua nói xong rồi liền cất bước,
Trở về cung điện Videha.

Thoạt tiên, khi vua đến viếng Guṇa, ngài chào vị này rất cung kính rồi nêu câu hỏi ra, nhưng khi ngài già từ, ngài chẳng chào hỏi gì nữa. Vì Guṇa không đúng như danh truyền, vì bất xứng nên chẳng được đánh lễ, vả lại càng ít được cúng dường thức ăn, v.v... Qua đêm đó, rạng sáng ngày hôm sau, vua triệu tập quần thần lại và bảo:

– Các khanh hãy chuẩn bị đủ mọi thứ dục lạc, từ nay trẫm sẽ chỉ theo đuổi dục lạc, các khanh đừng nói việc gì khác trước mặt trẫm, hãy để những vị này vị kia ra chấp chánh trị dân!

Và từ đó vua chìm đắm trong việc hưởng lạc.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1218.** Sau khi đêm ấy đã dần tan,
Vua Aṃgati lại vội vàng,
Cho triệu đại thần đến điện họp,
Và rồi vua khởi phán lời rằng:
- 1219.** “Truyền bày biện tại Candaka,
Dục lạc luôn đầy cung điện ta,
Chớ để ai vào yết kiến, hỏi,
Dù là vì việc công hay tư.
- 1220.** Vijaya với Sunāma,
Thêm một tướng tài Alāta,
Ba vị đều rành việc phán xử,
Nên ngồi giải quyết mọi kêu ca.”
- 1221.** Vedeha phán điều này xong,
Tràn ngập biết bao dục ở lòng,
Không phải bận phiền việc chấp chánh,
Không tìm gia phú, Bà-la-môn.
- 1222.** Sau đó vào đêm mười bốn kia,
Có nàng công chúa tên Rujā,
Được Vua Vedeha yêu quý,
Công chúa bèn thưa nhũ mẫu là:
- 1223.** “Xin hãy mau trang điểm giúp con!
Nô tỳ làm đẹp nhanh cho con!

- Mai là thiên nhật, rằm, trăng sáng,
Con sẽ vào cung gặp phụ hoàng.”
- 1224.** Các nô tỳ đến, mang tràng hoa,
Lại có chiên-đàn quý giá thoa,
Ma-ni, xà cừ, trân bảo đẹp,
Và thêm tấm vải thắm nhiều màu.
- 1225.** Công chúa ngồi trên chiếc ghế vàng,
Bao nhiêu tỳ nữ vây quanh nàng,
Điểm trang, phục sức cho công chúa,
Tôn dáng nàng thêm rực rỡ, sang.
- 1226.** Rujā đầy đủ mọi tư trang,
Đi giữa các nô tỳ của nàng,
Khi tiến vào cung Candaka,
Tựa như ánh chớp giữa mây ngàn.
- 1227.** Khi đến gần vua, nàng Rujā,
Là người chuộng luật, lễ vua cha,
Sau rồi an tọa kê bên ấy,
Trên một ghế xinh có khảm vàng.
- 1228.** Và Vedeha thấy con ngoan,
Ở giữa các nô tỳ một đoàn,
Công chúa tựa thần tiên rạng rỡ,
Vua cha bèn nói những lời rằng:
- 1229.** “Con thích cái hồ ở nội cung,
Có hay xuống giỡn vui, vừa lòng?
Họ thường đem đến con đầy đủ,
Các loại cao lương mỹ vị không?”
- 1230.** Thiếu nữ thường hay hái các bông,
Rồi khâu chúng lại thành từng vòng,
Tự làm nhà nhỏ, khu riêng biệt,
Thích thú vui đùa, giỡn chạy rong?
- 1231.** Còn thứ gì con thiếu thốn chẳng?
Bảo người lập tức mang cho con,
Này con, công chúa mặt thuần sáng,
Hãy nghĩ, dù cho tựa hái trăng!”
- 1232.** Nghe xong lời nói Vedeha,
Công chúa Rujā mới đáp là:
“Toàn bộ thứ này đều đủ cả,
Vì con ở cạnh đức vua cha!

1233. Ngài mai thiên nhật, ngày mười lăm,
Xin bảo đem cho con một ngàn,
Có số tiền vua cha tặng ấy,
Con đây thí mọi kẻ bần hàn.”
1234. Nghe xong lời nói của Rujā,
Vua Aṃgati vội bảo là:
“Lợi ích, quả sanh đâu chẳng thấy,
Vì con, bao của cải tiêu pha.
1235. Vào ngày trai giới, con hành trì,
Giữ giới, thường không ăn uống chi,
Việc chẳng uống ăn là luật định,
Kẻ không ăn uống, phước sanh gì?
1236. Thật sự, bản thân Bījaka,
Nghe xong lời của Kassapa,
Thở dài, bức xúc liền than khóc,
Nước mắt không ngừng lăn chã sa.
1237. Rujā đang sống thì con ngoan,
Đừng bỏ thọ dùng các bữa ăn!
Con quý yêu, đời sau chẳng có!
Điều vô ích mà cực chi con?”
1238. Nghe Vedeha nói xong rồi,
Rujā, nàng công chúa rạng ngời,
Người biết việc nào sau hoặc trước,
Bèn trình lên phụ vương đôi lời:
1239. “Trước kia con có nghe điều này,
Con cũng đã từng chứng kiến đây,
‘Ai hễ gần thân với kẻ dốt,
Trở thành như kẻ dốt, ngu si.’
1240. Đã ngu mà đến với người ngu,
Thì sẽ thêm ngu xuẩn, chẳng vui,
Alāta và Bījaka,
Họ ngu là phải, Phụ vương ơi!”

Sau khi cả hai trách nhau như vậy, nàng giải thích để vua cha thoát khỏi tà kiến:

1241. Phụ vương, người có trí tuệ hơn,
Thông suốt, rõ ràng về lý chơn,
Sao lại theo tà kiến kém cỏi,
Như là đứa trẻ, rất ngây thơ?

1242. Nếu trong sạch được qua luân hồi,
Thì Guṇa tu vô nghĩa rồi!
Kẻ muội ngu hành kiêu lỗa thể,
Như thiêu thân thấy lửa vào thôi.
1243. Khi trước theo tà kiến nói rằng:
“Qua luân hồi sẽ được trong thanh”
Nhiều người vô trí làm không đúng,
Tai hại trời vầy, tội đã làm.
Bây giờ muốn thoát, quả là khó!
Tựa cá mắc câu dính chặt hàm.

Nàng đưa thêm ví dụ:

1244. Con sẽ nêu thêm ví dụ vào,
Phụ vương đạt lợi ích lớn lao,
Vì nhờ ví dụ mà người trí,
Hiểu được rõ ràng ý nghĩa sâu.
1245. Như con tàu của các thương buôn,
Chuyên chở nặng nề, vô lượng luôn,
Quá tải trọng tàu nên bị khiến,
Tàu chìm xuống đáy biển tan hoang.
1246. Và cũng vậy khi có một người,
Tích dần điều ác, chẳng buông lời,
Đến khi điều ác kia nhiều quá,
Địa ngục phải vào, khổ chẳng nguôi.
1247. Xin tâu Chúa tể địa cầu này,
Tội ác Alāta chứa đầy,
Ông chất chứa thêm nhiều ác nữa,
Theo đây ông dọa cảnh bị ai.
1248. Xin tâu Chúa tể địa cầu này,
Phước báu ông làm lúc trước đây,
Có quả sanh cho ông ấy hưởng,
Chính là ông được sướng vui vậy.
1249. Phước báu của ông cạn kiệt dần,
Do vui trong những việc vô lương,
Sau khi từ bỏ con đường chánh,
Ông đuổi theo sai hướng, trái đường.
1250. Như đòn cân ở thế thăng bằng,
Khi chẳng có gì trên đĩa cân,
Nhưng lúc đặt vào một vật nặng,
Đầu cân lập tức được nâng lên.

- 1251.** Và cũng vậy khi có một người,
Tích dần điều thiện, chẳng buông lời,
Như Bījaka hướng thiên giới,
Thích thú nhiều nơi quả tốt vui.

Việc hiện nay phải chịu thân phận nô lệ không phải từ quả của thiện nghiệp kia. Ở đây nên hiểu là việc ác đã làm trong quá khứ của người này dẫn đến thân phận nô lệ. Nàng giải thích ý nghĩa này như sau:

- 1252.** Hiện nay nô lệ Bījaka,
Nhận thấy đau khổ của gã ta,
Là bởi ác hành trong quá khứ,
Đến giờ gã thọ quả sanh ra.
- 1253.** Tội ác gã kia cạn kiệt đi,
Do vui vì giữ giới thường khi,
Đã đi đến chỗ Kassapa,
Cha hỡi, đừng theo tà đạo chi!

Rồi nàng lại tiếp tục phô bày tội chướng của việc gây ác nghiệp cùng lợi ích của việc thân cận bạn lành.⁶³

- 1254.** Khi ta thân cận một người nào,
Người tốt hay là xấu dấu sao,
Có giới hay là không có giới,
Ta theo ảnh hưởng ấy dần sau.⁶⁴
- 1255.** Dấu người bạn của ta như nào,
Và mức độ thân cận cận, sâu,
Ta cũng trở thành người thế ấy,
Đồng hành, chung sống sẽ như nhau.
- 1256.** Kẻ nào thân thiết những tha nhân,
Hay kẻ mà đang tiếp xúc gần,
Như mũi tên kia đã tẩm độc,
Làm lan cả bó trong bao tên.
Vì sợ nhiễm lây mà bậc Trí,
Không làm bạn với ác, tà gian.
- 1257.** Nếu người bọc xác cá hôi ươn,
Vớ dải kusa, cỏ cát tường,
Cỏ sẽ có mùi hôi thúi ấy,
Cũng vậy kết giao kẻ đại cuồng.

⁶³ Xem Cp. 75, *Mahāsudassanacariyā* (Hạnh của đức Bồ-tát Mahāsudassana).

⁶⁴ Các câu kệ 1254-59, xem J. IV. 430, *Sattigumbajātaka* (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; It. 67, *Sukhapatthanāsutta* (Kinh Hy vọng được lạc).

1258. Nhưng nếu người ta bọc cỏ hương,
Vào trong một chiếc lá thông thường,
Lá thơm mùi nhẹ nhàng êm dịu,
Cũng vậy kết giao bậc Trí nhân.

1259. Hiểu về cách lá bọc đồ hàng,
Biết ảnh hưởng nào cho bản thân,
Người trí chẳng đi theo kẻ ác,
Chỉ theo thân cận bậc Hiền lành.
Kẻ ác dẫn ta vào địa ngục,
Người hiền giúp đạt cõi vui an.

Sau khi thuyết pháp cho phụ vương qua sáu bài kệ ấy xong, công chúa bày tỏ nỗi khổ đau mà nàng phải chịu đựng trong các tiền thân xa xưa:

1260. Nhớ về chính bản thân luân hồi,
Bảy kiếp mà con đã nổi trôi,
Và vị lai, đi thêm bảy kiếp,
Khi nào con chết ở đây rồi.

1261. Đời thứ bảy xưa, tâu Phụ vương,
Con đây nam tử thợ rèn thường,
Sinh ra ở Rājagaha,
Thành phố thuộc vùng Magadha.

1262. Con đến bạn bè xấu, ác tâm,
Nên con làm việc ác nhiều lần,
Lại xâm phạm vợ người khác,
Cứ sống như là bất tử nhân.

1263. Nghiệp này được trừ và vùi yên,
Giống lửa dưới tro cháy dở dang,
Rồi cộng thêm vào bao nghiệp khác,
Con sanh ra tại nước Varṇsa.

1264. Trong phú gia, thành Kosambī,
Nhà giàu, nhiều của, ít ai bì,
Con là nam tử độc duy ấy,
Thường được cưng chiều, rất quý yêu.

1265. Nơi đó con thân cận bạn lành,
Người này thích quả thiện lai sanh,
Đa văn túc trí, hay tương trợ,
Người đã giúp con có lạc an.

1266. Vào ngày mười bốn và mười lăm,
Trai giới nhiều đêm con trọn hành,

Nghiệp ấy được tàng lưu, tích trữ,
Như kho báu dưới nước, yên nằm.

1267. Rồi nhiều quả xấu ác sanh ra,
Từ nghiệp tạo nơi Magadha,
Quả dần xoay chuyển giờ con gặp,
Như đã uống ăn trúng độc tà.

1268. Chết đi từ đó, tâu vua cha,
Con đọa địa ngục Roruva,
Bị nấu nung lâu vì sở nghiệp,
Mỗi khi nhớ lại, tâm không an.

1269. Ngục kia con ở rất nhiều năm,
Phải chịu biết bao nỗi khổ nàn,
Con lại sanh làm dê đực thiện,
Tại Bheṇṇākata,⁶⁵ Phụ hoàng!

Con dê đực nhỏ ấy có sức mạnh, bị người leo lên lưng và phải chở họ đi, nó cũng phải mang ách kéo cỗ xe nhỏ. Nàng nói rõ ý nghĩa này như sau:

1270. Con chở quý nam tử được cung,
Bằng xe kéo với cả trên lưng,
Đó là bởi quả nghiệp không thiện,
Theo đuổi vợ người, con đã từng.

Sau khi chết ở đó, con đầu thai vào bụng một con khỉ trong rừng. Ngày con sinh ra đời, con được đem đến trình cho con khỉ đầu đàn, nó nắm lấy chặt và bảo: “Đưa cho ta, con trai!” Rồi nó cắn hạ căn của con cho đứt lia dù con kêu thét lên.

Nàng diễn tả sự việc này qua vần kệ sau:

1271. Từ đó chết đi, con đến nơi,
Đầu thai làm khỉ rừng xa xôi,
Khi đầu đàn cắn hạ căn đứt,
Hậu quả do sẵn đuổi vợ người.

Kể đó, nàng thuật tiếp các tiền thân khác:

1272. Từ đó chết qua Dasañña,
Con làm bò đực, tâu vua cha,
Hiền lành, nhanh nhẹn, hạ căn thiện,
Chịu đựng lâu dài kéo cỗ xa.
Đây là quả của nghiệp khi trước,
Thân cận vợ người kiếp đã qua.

⁶⁵ Bản CST viết Bhinnāgata. Bản PTS và Tích Lan ghi Bheṇṇākata

1273. Từ đó chết qua xứ Vajjī,
 Làm con trong một danh gia kia,
 Không là nam cũng chẳng là nữ,
 Có được thân người chẳng dễ chi!
 Đó là bởi quả nghiệp không thiện,
 Theo đuổi vợ người, con xá chi.
1274. Rồi sanh ở Nandana viên,
 Nơi đẹp tươi của Đạo-lợi thiên,
 Là một nữ thần xinh tuyệt thế,
 Mỹ miều dung sắc như tâm nguyên.
1275. Xiêm áo của con rực đủ màu,
 Bông tai ngọc báu điểm tô vào,
 Con đây múa hát rất điêu luyện,
 Theo Đế-thích làm một nữ hầu.
1276. Lúc con ở tại cung trời ấy,
 Con nhớ rõ thông những kiếp này,
 Và vị lai đi thêm bảy kiếp,
 Khi nào con chết từ nơi đây.
1277. Điều tốt làm nơi Kosambī,
 Chuyển xoay dần đến đúng thời kỳ,
 Từ đây mà chết con sanh tới,
 Thiên giới và nhân giới thường khi.
1278. Trong suốt bảy kiếp, thừa Phụ vương,
 Con luôn được quý trọng, yêu thương,
 Tuy trong kiếp thứ sáu con vẫn,
 Không thoát khỏi thân phận nữ nương.
1279. Kiếp thứ bảy này như ước mong,
 Trở thành thiên tử đại thần thông,
 Con là thiên nam ở nơi ấy,
 Uy thế tối cao, thiên chúng đông.
1280. Thiên nữ vẫn còn đang kết hoa,
 Tại vườn thượng uyển Nandana,
 Và rồi thiên tử tên Java,
 Là vị nhận cho con chuỗi hoa.
1281. Thời gian một buổi trên trời bằng,
 Mười sáu năm tròn cõi thế nhân,
 Và một ngày đêm thiên giới ấy,
 Bằng trăm năm chẵn của nhân gian.

1282. Nghiệp cứ đi như vậy với ta,
Cho dù vô số kiếp kinh qua,
Nghiệp kia dẫn thiện hay là ác,
Cũng vẫn không bị hủy hoại ra.

Rồi kẻ đó, nàng tuyên pháp tối thượng:

1283. Nam nhân muốn sẽ được thành người,
Mỗi kiếp sanh thân, mỗi một đời,
Nên tránh xa vợ của kẻ khác,
Tựa người chân sạch tránh bùn dơ.

1284. Nữ nhân muốn sẽ được thành người,
Mỗi kiếp sanh thân, mỗi một đời,
Nên kính trọng chồng cho đúng mực,
Nhu tỳ thiếp đối với thiên vương.

1285. Người ham của cải ở thiên đàng,
Hạnh phúc, thọ lâu, danh tiếng vang,
Thì phải lánh xa các việc ác,
Nên hành ba loại pháp đàng hoàng.

1286. Đó là thông qua ý, khẩu, thân,
Không phóng dật và hiểu rõ ràng,
Lợi lạc bản thân, sống ý nghĩa,
Cho dù là nữ hay là nam.

1287. Bất cứ một ai ở cõi này,
Có danh, mọi của cải tràn đầy,
Do hành ba pháp tốt khi trước,
Dù mỗi chúng sanh nghiệp khác sai.

1288. Thừa Phụ vương, xin tự gẫm suy,
Sao cha có những nữ nhân đây?
Trông như thần nữ khéo trang điểm,
Lại có áo choàng vàng thể này.

Nàng khuyên bảo vua cha như vậy.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

1289. Như vậy, Rujā công chúa ngoan,
Đã làm cho phụ vương hài lòng,
Vì nàng giải thích đạo hay rõ,
Và pháp cho vua cha bất thông.

Sau khi đã giảng pháp cho vua cha nghe suốt đêm đến rạng sáng ngày hôm sau, nàng bảo:

– Tâu Phụ vương, xin đừng nghe lời kẻ tà thuyết lừa thế kia mà hãy theo lời bạn lành như con đây đang tâu với Phụ vương rằng có đời này và đời sau, có nghiệp quả thiện, ác! Xin Phụ vương đừng lạc vào tà đạo!

Tuy nhiên, nàng vẫn chưa đủ khả năng giải thoát vua cha khỏi tà thuyết của ngài. Ngài chỉ đẹp ý khi nghe những lời lẽ êm dịu của con, vì các bậc cha mẹ tự nhiên yêu thích lời lẽ của con cái họ, nhưng họ lại không chịu bỏ những ý kiến riêng của mình. Thế là trong kinh thành vang lên lời đồn đãi: “Công chúa Rujā đang cố đánh tan các tà kiến bằng cách giảng Chánh pháp.” Và dân chúng rất hoan hỷ: “Công chúa hiền đức sẽ giải thoát vua cha khỏi tà thuyết và sẽ đem lại phồn vinh cho dân chúng.”

Tuy nhiên, dù công chúa chưa đủ khả năng làm vua cha tỉnh ngộ, nàng vẫn không ngã lòng, thoái chí mà vẫn quyết tâm tìm phương tiện đem lại chân hạnh phúc cho vua cha. Nàng chấp tay lên đỉnh đầu lễ bái khắp mười phương, nàng nguyện cầu:

– Trong thế gian này có vị Sa-môn và Bà-la-môn chân chính phù hộ người đời, có chư thiên ngự trị khắp nơi, lại có các vị Đại Phạm thiên, kính xin các vị đến giúp cho vua cha của tiện nữ từ bỏ tà kiến hoặc nếu quý vị không có đủ tự lực, xin quý vị đến đây theo uy lực và công đức của tiện nữ để xua tan tà thuyết này và đem lại hạnh phúc cho toàn thể thế gian!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị Đại Phạm thiên tên gọi Nārada. Các vị Bồ-tát đầy lòng từ bi, lân mẫn và uy lực thính thoảng hay phóng nhãn quang nhìn người thiện, kẻ ác trên thế gian. Ngày hôm ấy, ngài nhìn xuống thế gian thấy công chúa đang cầu nguyện chư thiên ngự trị khắp nơi đến giải thoát vua cha khỏi tà thuyết, ngài nghĩ thầm: “Trừ ta ra không ai có thể xua tan tà thuyết được, ta phải đến ngay hôm nay tỏ lòng từ ái với công chúa và mang lại hạnh phúc cho đức vua cùng dân chúng. Ta sẽ khoác bộ áo nào đây? Các ẩn sĩ tu hành thường được người đời yêu kính, lời lẽ của các vị ấy thường được xem là đáng tin thọ, vậy ta sẽ khoác áo ẩn sĩ.”

Thế là ngài hóa ra hình tượng thể nhân rất khả ái với làn da như vàng ròng, mái tóc bện lại được ghim bằng cây kim vàng. Sau khi mặc y trong bằng vải nhuộm và y ngoài bằng vải thô từ sợi vỏ cây nhuộm, ngài lại khoác lên vai tấm da nai đen làm bằng bạc lấp lánh điểm sao vàng ánh, cầm bình bát khát thực bằng vàng đeo lưng bằng một chuỗi ngọc, trên vai ngài đặt chiếc đòn gánh bằng vàng có ba mấu, cầm bình nước bằng san hô được buộc bằng chuỗi ngọc trai. Với bộ trang phục ấy, ngài liền phi thân qua bầu trời chẳng khác nào vầng trăng sáng rực giữa không gian rồi bước vào thượng lầu của cung Candaka, đứng sừng sững trước mặt vua.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

1290. Rồi Bồ-tát Nārada này,
Từ cõi Phạm thiên đến cõi người,
Quan sát xứ Jambudīpa,
Ngài nhìn thấy rõ Aṃgati.

1291. Ngài ngừng lại chỗ tòa lâu đài,
Phía trước nhà Vua Vedeha,
Khi thấy vị này đã đến chỗ,
Rujā lễ ẩn sĩ nơi đây.

Vua choáng váng trước vẻ huy hoàng của vị Phạm thiên nên không thể ngồi yên trên ngai vàng mà vội bước xuống đất, hỏi lý do ngài giáng lâm cùng danh hiệu, gia tộc của ngài.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

1292. Rồi vua liền xuống khỏi ngai mình,
Tâm trí ngạc nhiên đến thất kinh,
Đề hỏi vị Nārada ấy,
Vua dùng lời lẽ sau thưa trình.

1293. Ngài đến từ đâu, đáng thánh thần,
Như vàng trắng chiếu sáng đêm trường,
Nói cho ta biết tên, gia tộc,
Người gọi là gì giữa thế nhân?

Nārada nghĩ thầm: “Vị vua này không tin tưởng có đời sau, vậy ta phải nói cho vua biết về đời sau.” Rồi ngài ngâm kệ:

1294. Ta đến đây từ hội chúng thiên,
Như vàng trắng chiếu sáng đêm đen,
Ta nêu danh tánh cùng gia tộc,
Kassapa, Nārada, họ tên.

Vua nghĩ thầm: “Lát nữa ta sẽ hỏi ngài về đời sau, bây giờ ta hãy hỏi ngài về mục đích việc giáng trần vì diệu này.”

1295. Điều như thế thật diệu kỳ thay,
Giữa khoảng không, ngài đi đứng tài!
Ta muốn hỏi ngài đây một việc,
Lý do ngài có thần thông này?

Nārada đáp:

1296. Chân thật, công bằng, chế ngự mình,
Rộng lòng bố thí đã lừng danh,
Nhờ công đức thực hành tinh tấn,
Như ý nguyện mình, ta lướt nhanh.

Ngay cả lúc ngài nói như vậy, vua cũng không thể tin vào đời sau bởi vì tà kiến đã ăn sâu, vua liền hỏi: “Có quả của phước thiện sao?” rồi ngâm kệ:

1297. Ngài đã nói điều kỳ diệu này
Là do phước thiện tựu thành đây,
Nếu điều này đúng như ngài nói,
Xin trả lời cho trăm thẳng ngay!

Nārada đáp:

1298. Đây việc của ngài, hỏi Đại vương,
Hỏi ta điều cảm thấy nghi nan,
Hiển nhiên ta đáp cho ngài rõ,
Nhờ lý luận, bằng chứng rõ ràng.

Vua liền hỏi:

1299. Nārada, trăm hỏi điều này,
Đừng trả lời sai câu hỏi đây,
Thật có chư thiên hay tổ phụ,
Đời sau như bọn chúng đồn vầy?

Nārada đáp:

1300. Thật có thiên thần với tổ tiên,
Đời sau như chúng vẫn nêu lên,
Nhưng người tham dục và mê đắm,
Không biết đời sau bởi đảo điên.

Khi nghe điều này, vua cười to và ngâm kệ:

1301. Nārada, nếu đã tin rằng,
Có cõi cho người chết trú thân,
Đưa trăm năm trăm đồng bạc gấp,
Đời sau trăm sẽ trả ngàn đồng.

Thế rồi bậc Đại sĩ đáp lời, khiển trách vua ngay giữa hội chúng:

1302. Ta đưa ngài đủ số năm trăm,
Nếu biết ngài hiền đức, rộng lòng,
Nhưng nếu ngài là người độc ác,
Đọa vào trong địa ngục đầy thân,
Còn ai đòi được ngài đem trả,
Đời kế, ngàn đồng ấy được không?

1303. Khi một người thù ghét thiện lương,
Chỉ yêu tội lỗi lại hung tàn,
Trí nhân chẳng muốn cho vay mượn,
Kẻ nợ ấy không thể đáo hoàn.

1304. Khi người ta biết kẻ tài năng,
Đức hạnh, tinh chuyên lại rộng lòng,

Họ sẽ mời người kia mượn của,
Bằng nhiều lợi lạc họ đem dâng,
Khi người kia đã làm xong việc,
Người sẽ bồi hoàn nợ đã mang.

Vua bị quả trách như vậy vẫn chưa hiểu, còn hoang mang. Hội chúng rất hoan hỷ, reo to:

– Vị thiên có đại thần lực vi diệu sẽ giải thoát Đại vương khỏi tà kiến ngay hôm nay.

Và cả kinh thành chấn động lên. Rồi nhờ thần lực của bậc Đại sĩ, không một ai ở trong phạm vi bảy do-tuần quanh thành Mithilā không được nghe ngài thuyết pháp. Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nhà vua đã quá chấp thủ tà kiến, ta sẽ làm cho vua hiểu nỗi kinh hoàng của địa ngục mà bỏ tà kiến đi, sau đó ta sẽ trấn an vua bằng cõi chư thiên.” Rồi ngài bảo vua:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương không bỏ tà kiến ấy đi, Đại vương sẽ bị đọa vào địa ngục chịu thống khổ không ngừng.

Và ngài bắt đầu kể đến các loại địa ngục khác nhau:

1305. Đại vương, khi giã biệt đời này,
Ngài sẽ thấy điều, quạ cả bấy,
Vô xé xác ngài trong địa ngục,
Và kên kên nữa, máu me đây,
Còn ai bắt được ngài, đời kế,
Dem trả ngàn đồng ấy đã vay?

Sau khi tả địa ngục Diêu Quạ xong, ngài nói tiếp:

– Nếu Đại vương không đọa vào đó, Đại vương phải ở trong địa ngục nằm giữa các cũi.

Rồi ngài ngâm kệ miêu tả địa ngục ấy:

1306. Ở đó tối tăm thật mịt mù,
Và không vàng nhạt hoặc vàng trắng,
Ngục này hỗn độn và kinh khủng,
Chẳng biết ngày đêm, chẳng tháng năm,
Còn kẻ nào mong đòi món nợ,
Ở nơi như vậy nữa hay chẳng?

Sau khi tả địa ngục ở giữa các cũi ấy thật đầy đủ chi tiết, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương không chịu từ bỏ tà thuyết ấy, không những Đại vương phải chịu khổ hình này mà còn nhiều khổ hình khác nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

1307. Con chó Sabala đáng khỗn lồ,
Cùng Sāma lực lưỡng nhào vô,

Dùng răng cắn xé người tan xác,
Kẻ đọa từ đây đến ngục tù.

Các địa ngục kế tiếp cũng có cùng một quy luật như vậy, vì thế các địa ngục này và các cai ngục được ngài mô tả qua các bài kệ thật súc tích, những ngôn từ tượng hình như trong các đoạn trên:

- 1308.** Vậy khi ở ngục bị tan thân,
Vì thú dữ hành hạ bạo hung,
Thân xác tả tơi, dòng máu chảy,
Còn ai đòi trả nợ ngàn đồng?
- 1309.** Với cung tên, nhọn hoắt giáo gươm,
Quần ngục Kālūpakāḷa,
Đâm chém trọng thương người phải đọa,
Trước kia phạm tội ở nhân gian.
- 1310.** Trong khi kẻ ấy chạy lang thang,
Trong ngục, bị đâm ở bụng, sườn,
Gan ruột nát tan dòng máu chảy,
Ai mong đòi nó một ngàn đồng?
- 1311.** Trời mưa xuống các loại tên, đao,
Các khí cụ hành tội, cọc, lao,
Đám lửa rơi như than cháy bỏng,
Trời mưa đá tảng trút ào ào.
- 1312.** Luồng gió nóng ran thật hãi hùng,
Thổi vào trong ngục mạnh không cùng,
Không vì vui thú dù giấy lát,
Nó chạy quanh không chốn trú thân.
Còn ai muốn bắt người kia trả,
Đòi kẻ ngàn đồng ấy được không?
- 1313.** Bị buộc vào xe đang chạy nhanh,
Trên nền đất rực lửa hoành hành,
Biết bao gậy nhọn dài kim thúc,
Ai muốn đòi ngàn bạc cho đành?
- 1314.** Khi trào lên ngọn núi kinh hoàng,
Bừng cháy các đao xé nát thân,
Máu chảy đầm đìa, ai sẽ muốn,
Đòi sau đòi nó một ngàn chăng?
- 1315.** Khi nó trào lên một đồng than,
Đỏ hừng như núi lửa kinh hoàng,
Toàn thân cháy, thét gào đau khổ,
Ai muốn đòi ngàn bạc ấy chăng?

1316-17. Lốp cây dày đặc đến tầng mây,
Có cọc sắt đâm hút máu ngay,
Người nữ, nam sẵn vợ kẻ khác,
Phải trèo lên đó, bị từng bày,
Quý Diêm-la chúa luôn xua đuổi,
Mang các giáo dài ở dưới tay.

1318-19. Khi nó trèo lên cây vải bông,
Toàn thân đầy máu chảy ròng ròng,
Lột da, bị cháy, khổ kinh khiếp,
Bức bối thở than, bám ngọn bông,
Đề đền tội ác xưa như vậy,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ không?

1320-21. Có những rừng cao đến đám mây,
Lá rừng là kiếm sắt tràn đầy,
Thiết đao uống máu người đầy đọa,
Khi nó trèo lên đám lá cây,
Thân nó bị cưa bằng kiếm sắt,
Nát tan, máu chảy hải hùng thay!
Ai mong đòi nó trong đời kẻ,
Trả nợ ngàn đồng nó đã vay?

1322. Khi nó vừa ra khỏi ngục này,
Phủ đầy lá sắt giữa rừng cây,
Liền vào sông Vetaraṇī,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ đây?

1323-24. Dòng sông xiết Vetaraṇī,
Khốc liệt, nước sôi sục ngập tràn,
Bao phủ lá, hoa sen bén nhọn,
Trong khi nó bị đuổi trên sông,
Máu me bao phủ, tay chân đứt,
Dòng nước Vetaraṇī hải hùng,
Chẳng có một nơi nào trú ẩn,
Ai mong đòi nợ nó hay không?

Và giờ đây, sau khi nghe bậc Đại sĩ mô tả về địa ngục, vua cảm thấy rất sợ hãi, muốn tìm nơi an trú nên nói với ngài:

1325. Trầm sợ tựa cây đang bị cưa,
Hoang mang, không biết hướng cho vừa,
Giày vò vì sợ, sợ kinh khủng!
Khi được nghe ngài nói kệ qua.

1326. Vật cháy gặp dòng nước mát trong,
 Như cù lao giữa biển bão, đây đông,
 Như đèn khi tối đen đêm đến,
 Ngài chính là nơi trú trẫm mong.

1327. Xin dạy trẫm kinh và nghĩa hay,
 Trẫm đây quá khứ tội tràn đầy,
 Xin ngài chỉ trẫm đạo thanh tịnh,
 Tránh địa ngục kia, khỏi đọa đầy!

Sau đó, bậc Đại sĩ dạy vua con đường thanh tịnh bằng cách nêu gương các bậc tiên vương đã hành trì chánh đạo:

1328. Như các Vua Dhatarattha,
 Vessāmitta, Atthaka,
 Yāmataggi và Sivi,
 Luôn cả Vua Usinnara,
 Trước đây họ hết lòng hầu cận,
 Các Sa-môn và Bà-la-môn.

1329. Tất cả họ cùng những Đại vương,
 Đã lên cõi Đế-thích thiên đường,
 Đức vua hãy tránh xa tà pháp,
 Và nỗ lực hành pháp chánh chân!

1330. Hãy cho người bưng các đồ ăn,
 Ngay tại cung vua rồi báo rằng,
 Thành phố này ai đang đói, khát?
 Ai cần hoa đẹp, dầu thơm hương?
 Đang có vải nhiều, màu sắc khác,
 Ai không đồ đến nhận y choàng.

1331. Ai nhận dù, giày dép đẹp, mềm,
 Đi đường thuận tiện mát và êm,
 Hãy cho thông báo trong thành phố,
 Từ buổi sáng rồi đến tối đêm.

1332. Xin chớ bàn giao việc nhọc, bừa,
 Cho người, bò, ngựa già, như xưa,
 Xin vua ban bố sự chăm sóc,
 Vì lúc mạnh làm xong việc qua.

Như vậy, bậc Đại sĩ sau khi thuyết giảng cho vua về bố thí và đức hạnh, thấy rằng vua sẽ hoan hỷ khi được ví với một cỗ xe nên ngài tiếp tục thuyết pháp cho vua qua hình ảnh một cỗ xe như ý (ban mọi điều ước):

1333. Thân thể của vua là cỗ xe,
 Ý tâm được nhẹ, người điều xe,

- Lúc không hãm hại, trục xe chuyển,
Bố thí rộng lòng là mái che.
1334. Kiểm bước chân là vành bánh xe,
Kiểm bàn tay là cái khung xe,
Kiểm nơi bụng, ổ trục lăn nhẹ,
Kiểm khẩu thì không có kết xe.
1335. Lời chân là các phần xe cân,
Lời chẳng thọc đâm, điều khiển êm,
Lời dịu hòa, toàn phần tốt đẹp,
Lời cân nhắc, kết dính lâu bền.
1336. Khéo tạo bằng niềm tin, chẳng tham,
Khiêm cung, tay chấp, gọng xe ngang,
Càng xe, không cúi luôn, ương ngạnh,
Hộ trì giới luật, xe được ràng.
1337. Không sân giận, tức xe không rung,
Học rộng tạo thành ván dựa lưng,
Thiện pháp tạo nên cây lọng trắng,
Tâm kiên trì, miếng đệm ngồi an.
1338. Biết lúc nào, cần yếu của tâm,
Tự tin là cái chống ba chân,
Hạnh khiêm tốn tạo sợi dây buộc,
Không quá mạn thì ách nhẹ nhàng.
1339. Tâm chẳng thôi lui tức nệm trường,
Tiến tu là sạch bụi đường mang,
Bậc Hiền trí có niệm, cây thúc,
Gắn bó, kiên trì, các sợi cương.
1340. Tâm thuần thực dẫn đúng đường đi,
Như cỗ xe kéo ổn định, hay,
Mong muốn, tham lam, đường sai quấy,
Tự mình thu thúc, con đường ngay.
1341. Xe lao đến sắc, thanh, hương, vị,
Trí tuệ ra tay trị, lái đi,
Tâm Bệ hạ, trong trường hợp ấy,
Bản thân là chính người điều xe.
1342. Nếu chiếc xe này được ổn an,
Được làm vững chắc và kiên gan,
Thì xe đem lại mọi điều ước,
Địa ngục không vào, khỏi khổ nàn.

– Như vậy, tâu Đại vương, ta đã dùng nhiều cách trình bày cho Đại vương đạo thanh tịnh mà ngài đã yêu cầu Nārada nói rõ để tránh đọa vào các địa ngục.

Sau khi thuyết giảng Chánh pháp cho vua và phá tan mọi tà kiến cùng an trú vua vào giới hạnh, ngài lại khuyên vua từ nay xa lánh bạn ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi ngài tán thán mọi đức hạnh của công chúa, nói lời khuyên tu cho cả triều đình cùng các cung phi xong, ngài liền bay về Phạm thiên giới với thần lực vĩ đại siêu phàm.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không những ngày nay mà từ xưa, Ta đã giáo hóa Uruvela Kassapa và phá tan lưới tà kiến vây chặt vị ấy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân qua các vần kệ cuối cùng:

- 1343.** Devadatta chính Alāta,
Bhaddaji chính là Sunāma,
Sāriputta chính là Vijaya,
Moggallāna chính là Bijaka.
- 1344.** Sunakkhatta, dân Licchavī,
Xưa lỏa thể, là Guṇa đạo sĩ,
Rujā đã giáo hóa quân vương đó,
Chính là thị giả Ānanda.
- 1345.** Uruvela Kassapa,
Là vị vua tà kiến xấu xa,
Đại Phạm thiên là Bồ-tát ấy,
Các ông ghi nhớ bốn sinh này.

§546. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ VIDHURA (*Vidhurajātaka*)⁶⁶ (J. VI. 255)

Yếu gây, ái hậu lại xanh xao...

Bậc Đạo sư kể câu chuyện này khi Ngài trú ở Jetavana (Kỳ Viên), liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo đưa ra một vấn đề tranh luận tại pháp đường, bảo nhau:

– Nay các Hiền giả, bậc Đạo sư đã đạt Đại trí, Quảng trí, Ngài thật tinh thông, ứng đối mau lẹ, nhạy bén, lý giải sắc sảo và có khả năng đánh đổ mọi biện luận của các đối thủ. Nhờ uy lực của thắng trí, Ngài đã phá tan những vấn đề nan giải do các trí giả Sát-đế-ly đưa ra, hàng phục họ và khiến họ hồi tâm. Sau khi an trú họ vào tam quy và ngũ giới, Ngài dạy họ con đường đưa đến Niết-bàn bất tử.

⁶⁶ Chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

Bậc Đạo sư đi vào, hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn luận đề tài gì và khi nghe vậy, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, Như Lai sau khi đạt trí tuệ viên mãn đã phá tan mọi lý luận của các đối thủ và giáo hóa các vị vua Sát-đế-ly cùng nhiều vị khác, việc ấy chẳng phải kỳ diệu gì. Vì từ ngàn xưa, khi Ta còn đang tầm cầu trí tuệ tối thượng, Ta cũng đã đầy đủ trí tuệ để phá kiến của các đối thủ. Hơn thế nữa, chính vào thời Ta là Vidhura, ở trên đỉnh Hắc Sơn cao chừng sáu mươi do-tuần, nhờ uy lực thắng trí của Ta, Ta đã hàng phục đại tướng dạ-xoa Puṇṇaka, khiến y hồi tâm và hết lòng an trú vào năm giới.

Nói xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

I. TRAI GIỚI BỐN PHÁP⁶⁷

Ngày xưa, tại quốc độ Kuru (Câu-lâu), ở thành Indapatta có vị quốc vương cai trị với danh hiệu Dhanañjaya Koravya. Ngài có vị đại thần tên gọi Vidhurapaṇḍita (Trí giả Vidhura) cố vấn cho ngài trong các thế sự cũng như thánh sự. Nhờ lời lẽ êm ái và biện tài siêu việt lúc thuyết pháp, ông lôi cuốn mọi quốc vương ở cõi Diêm-phù-đề (Jambudīpa, Ấn Độ) bằng những pháp thoại du dương, như các con voi say mê đàn, sáo êm dịu. Ông cũng không để cho các quốc vương trở về nước mình mà ở lại trong kinh thành đại vinh quang ấy và thuyết pháp cho dân chúng với thần lực của một bậc Giác ngộ.

Lúc bấy giờ, có bốn gia chủ Bà-la-môn giàu sang tại Ba-la-nại, vốn là thân hữu, đã thấy được cảnh khổ của mọi dục vọng nên bỏ vào vùng Tuyết Sơn sống đời ẩn sĩ khổ hạnh. Sau khi đã đạt được các thắng trí và các thiền chứng, các vị ấy vẫn tiếp tục tu hành tại đó, hằng ngày sống bằng các thứ củ quả rừng. Hôm đó, các vị ấy du hành để khát thực muối và các thứ gia vị, đến thành Kālacampā thuộc quốc độ Aṅga. Rồi có bốn gia chủ vốn là thân hữu với nhau, rất hoan hỷ trước oai nghi của các vị này, họ cung kính đánh lễ xong, cầm lấy cái bình bát cúng dường các món ăn tuyệt hảo. Mỗi gia chủ đều mời các vị về nhà mình, tự nguyện sắp đặt nơi an trú cho các vị trong hoa viên.

Thế là bốn vị ẩn sĩ, sau khi thọ thực trong nhà bốn vị gia chủ liền đi nghỉ tránh nóng ban ngày. Một vị đi lên cõi trời Ba Mươi Ba, một vị xuống long cung, một vị đi đến cõi của Kim Sí điều (supanna) và một vị đi đến ngự viên Migācira thuộc quyền của Vua Koravya.

Lúc bấy giờ, vị nghỉ ban ngày ở thiên giới, sau khi chiêm ngưỡng cảnh huy hoàng của Thiên chủ Sakka (Đế-thích), miêu tả thật đầy đủ chi tiết cho thí chủ của mình nghe. Vị xuống long cung và Kim Sí điều cũng vậy, rồi vị đến ngự viên của Vua Dhanañjaya Koravya cũng lần lượt miêu tả cảnh huy hoàng của mỗi cung vua đã chứng kiến. Vì vậy cả bốn thí chủ đều nguyện cầu

⁶⁷ Tiêu đề của các phần nhỏ trong câu chuyện này được dịch theo bản CST.

được cộng trú với chư thiên nên sau khi thực hành bố thí cùng nhiều công đức khác, đến lúc mạng chung, một vị sinh làm Thiên chủ Sakka, một vị khác sinh làm long vương cùng với vợ con ở tại long cung, một vị nữa sinh làm Kim Sí điều vương trong cung điện dưới hồ Simbali, còn vị thứ tư được nhập mẫu thai chánh hậu của Vua Dhanañjaya; trong lúc ấy, bốn vị ả sĩ duy trì tăng thiên một thời gian và được sinh lên Phạm thiên giới.

Vương tử Koravya lớn khôn, đến khi vua cha từ trần, lên ngôi trị vì rất đúng pháp, nhưng ngài còn lừng danh vì tài nghệ đánh xúc xắc. Ngài nghe lời khuyên giáo của Trí giả Vidhura chuyên tâm bố thí, giữ gìn giới hạnh và hành trì trai giới. Một ngày kia, sau khi hành trì trai giới xong, ngài vào ngự viên, nhất tâm tu tập thiền định, tĩnh tọa ở một nơi an tịnh, ngài thực hành giới hạnh của một vị xuất gia.

Thiên chủ Sakka cũng vậy, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy thiên giới có nhiều trở ngại cho việc tu tập liền đi xuống hoa viên ấy ở cõi nhân gian, tĩnh tọa ở một nơi an tịnh và hành trì Sa-môn hạnh.

Long vương Varuṇa cũng thế, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy long cung có nhiều trở ngại cho việc tu tập nên cũng lại vào hoa viên ấy, ngồi tĩnh tọa ở một nơi an tịnh và hành trì Sa-môn hạnh.

Điều vương Supanna cũng vậy, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy rằng điều cung có nhiều trở ngại cho việc tu tập nên ngài đi vào ngự viên ấy, tĩnh tọa ở một nơi êm mát và hành trì Sa-môn hạnh.

Lúc bấy giờ, cả bốn vị ả sĩ vào buổi xế chiều, sau khi đứng dậy từ chỗ độc cư thiền định đến bên hồ nước của hoàng gia, nhìn nhau tâm đầy tình cố tri thân ái, cùng ngồi xuống chào hỏi rất niềm nở. Thiên chủ Sakka ngồi trên vương tọa, còn ba vị kia ngồi theo danh vị của mình. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka liền hỏi:

– Chúng ta đây đều là bốn vị đế vương, vậy công đức đặc biệt nhất của mỗi vị là gì?

Long vương Varuṇa đáp lời:

– Đức hạnh của ta cao trọng hơn các Tôn giả.

Khi ba vị kia hỏi lý do, ngài đáp:

– Điều vương Supanna này là cừ thù của ta, dù khi ta chưa ra đời hay ra đời rồi cũng vậy. Thế mà khi nhìn thấy một kẻ cừ thù tiêu diệt nòi giống của ta như thế, ta không hề có chút sân hận, cho nên đức hạnh của ta là cao hơn cả.

Rồi ngài đọc văn kệ đầu tiên trong *Chuyện bốn vị giữ trai giới*:⁶⁸

Thiện nhân không cảm thấy hờn căm,
Đối với một ai đáng hận sân,
Không để nội tâm sân khởi dậy,
Vị nào dù lúc giận trong lòng,

⁶⁸ Xem J. IV. 14, *Catuposathikajātaka* (Chuyện bốn vị giữ trai giới), số §441.

Cũng không để lộ cho người thấy,
Người gọi đó là thanh tịnh nhân.

– Đặc tính của ta là như thế, cho nên đức hạnh của ta vượt lên trên các Tôn giả.
Điều vương Supanna nghe vậy liền đáp:

– Loài rồng (nāga) là thức ăn chính của ta, nhưng nay dù thấy thức ăn kề tận miệng, ta cũng đành nhịn đói và quyết không làm ác vì miếng ăn, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Và ngài ngâm bài kệ:

Người nào chịu đói, bụng đau rần,
Ăn sĩ tự điều phục món ăn,
Không phạm ác hành vì thực phẩm,
Vị này người gọi bậc Sa-môn.

Đến lượt Thiên chủ Sakka nói:

– Ta để lại đằng sau mình mọi vinh quang ở thiên giới, mọi nguồn an lạc dâng tận tay để xuống nhân gian thực hành công hạnh, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Rồi ngài ngâm kệ:

Sau khi bỏ mọi thứ vui chơi,
Không nói lời gian dối giữa đời,
Vị ấy ghét xa hoa, nhục dục,
Như vậy người gọi Sa-môn rồi.

Thiên chủ Sakka tự trình bày công đức của mình như vậy. Rồi Vua Dhanañjaya bảo:

– Nay ta đã rời triều đình cùng hậu cung với mười sáu ngàn phi tần có đủ tài ca múa, ta hành trì Sa-môn hạnh trong ngục viên này, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Rồi ngài ngâm kệ tiếp theo:

Bậc toàn trí bỏ hết hoàn toàn,
Mọi sở hữu và mọi dục tham,
Tự chế, kiên tâm, vô ngã chấp,
Vị này người gọi bậc Sa-môn.

Như vậy, cả bốn vị đều tự cho đức hạnh của mình là cao quý hơn cả, rồi Thiên chủ hỏi Dhanañjaya:

– Nay Đại vương, có bậc Hiền trí nào trong triều có thể giải mỗi nghi này chăng?

– Nay các Đại vương, có chứ, trẫm có Trí giả Vidhura đang giữ một chức vụ tối thượng trong triều, thường xuyên thuyết thể pháp cũng như thánh pháp cho trẫm. Vị ấy có thể giải quyết mỗi nghi này, chúng ta hãy cùng đi đến vị ấy!

Bốn vị vua tức thì đồng ý. Thế là bốn vị đều ra đi khỏi ngự viên, tiến về phía pháp đường, ban lệnh trang hoàng nơi ấy thật trang nghiêm xong hội chúng kính mời Bồ-tát ngồi trên bảo tọa, chào hỏi ngài thật thân hữu rồi ngồi qua một bên và nói:

– Thưa bậc Trí giả, một mối nghi vừa khởi lên trong tâm chúng ta, xin ngài giải quyết cho:

Xin hỏi đại thần thượng trí mình,
Trong khi đàm đạo, khởi phân tranh,
Nhờ khanh xét, giải nghi nan ấy,
Hội chúng thoát nghi hoặc bởi khanh!

Trí giả nghe xong liền bảo:

– Tâu các Đại vương, làm sao tiểu thần biết các Đại vương nói đúng hay sai về đức hạnh của các Đại vương, trong khi các ngài ngâm lời kệ qua cuộc tranh luận này?

Rồi ngài ngâm kệ:

Bậc Trí biết chân tướng việc đời,
Nói năng khôn khéo, đúng theo thời,
Nhưng dù Hiền trí, làm sao biết,
Ý nghĩa kệ chưa nói với tôi?
Vương tử Vinatā, Kim Sí điều,
Long vương ấy nói thế nào rồi?
Gandhabba vương, tối cao hoàng thượng,
Của xứ Kuru, hãy mở lời!

Các vị vua liền ngâm kệ này với ngài:

Kham nhẫn, long vương thuyết giảng xong,
Vương tử Vinatā, Sí điều vương,
Lại thuyết giảng về lòng tốt đẹp,
Gandhabba vương thuyết đoạn trừ tham,
Kuru chúa thượng ly triền cái,
Đề đạt đến công hạnh vẹn toàn.

Sau khi nghe xong, bậc Đại sĩ đáp kệ này:

Tất cả lời này chánh đáng thay,
Không gì sai trái ở nơi này,
Người nào thích hợp lời như thế,
Giống các tấm xe ở trục quay,
Người được gọi Sa-môn chánh hạnh,
Đủ đầy các đức tính trên đây.

Như vậy, bậc Đại sĩ tuyên thuyết đức hạnh của các vị vua đều là một. Khi nghe xong, bốn vị vua đều rất hoan hỷ liền ngâm kệ tán thán ngài:

Khanh là bậc tối thắng, vô song,
Hộ pháp, tinh thông luật Trí nhân,
Khi hiểu vấn đề nhờ trí tuệ,
Vớ tài khéo cắt mọi nghi nan,
Giống như người thợ ngà voi nọ,
Cắt vớ lưỡi cưa thật dễ dàng.

Thế là cả bốn vị vua đều rất đẹp ý với lời giải thích vấn đề của ngài. Thiên chủ Sakka thưởng ngài chiếc thiên y bằng vải rất mịn, Kim Sí điều vương tặng ngài tràng hoa bằng vàng, long vương Varuṇa tặng ngài hạt minh châu và Vua Dhanañjaya ban thưởng ngài một ngàn con bò cái, v.v... Rồi Vua Dhanāñjaya lại ngâm kệ với ngài:

Một ngàn bò cái, trăm truyền ban,
Một thớt voi, bò đực một chàng,
Mười cỗ xe và đàn ngựa quý,
Thêm mười sáu đệ nhất thôn làng,
Bởi vì trăm thật đầy hoan hỷ,
Cách giải vấn đề của Trí nhân!

Sau đó, Thiên chủ Sakka cùng các vị kia cung kính đánh lễ bậc Đại sĩ và từ giã ra về cảnh giới của mình. Đến đây kết thúc phần *Trai giới bốn pháp*.

II. ƯỚC VỌNG CỦA CHÁNH HẬU VIMALĀ

Lúc bấy giờ, chánh hậu của long vương là bà Vimalā, khi thấy ngài không đeo hạt minh châu trên cổ liền hỏi thăm hạt châu ở đâu. Ngài đáp:

– Trăm rất hài lòng khi nghe bài thuyết pháp của Trí giả Vidhura, vị nam tử của Bà-la-môn Canda nên đã tặng hạt minh châu cho vị ấy. Không những chỉ riêng trăm mà Thiên chủ Sakka cũng cung kính tặng vị ấy chiếc thiên y bằng gấm trời, điều vương tặng tràng hoa bằng vàng, còn Vua Dhanañjaya tặng một ngàn con bò cái cùng nhiều thứ khác nữa.

– Vậy thì thần thiếp đoán vị ấy là một bậc biện tài về Chánh pháp.

– Nay Ái hậu, Ái hậu đang nói gì vậy? Vị này chẳng khác nào một vị Phật xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Hằng trăm vị vua ở khắp cõi Diêm-phù-đề đều say sưa với những lời lẽ êm dịu của vị ấy, không còn muốn trở về triều nữa, chẳng khác nào bầy voi rừng mê mẩn tiếng đàn mà chúng yêu thích. Đó là đặc điểm về tài hùng biện của ngài.

Khi bà nghe nói đến kỳ tài của ngài như vậy, bà ước mong nghe ngài thuyết pháp. Bà nghĩ thầm: “Nếu ta tâu rằng muốn nghe vị ấy thuyết pháp và xin triệu vị ấy về đây, chắc đức vua sẽ không thuận, chỉ bằng ta thử giả bệnh và than thở về nỗi ao ước của một nữ bệnh nhân.” Bà liền ra hiệu cho thị nữ đem bà lên

sàng tọa. Khi vua không thấy bà vào dịp ngài đến vấn an và hỏi các thị nữ bà ở đâu, chúng tâu rằng bà bị bệnh, ngài liền đến thăm, ngồi bên giường xoa thân thể bà và ngâm kệ:

1346. Yếu gầy, Ái hậu lại xanh xao,
Dung sắc chẳng như trước chút nào,
Nào hỡi Vimalā, hãy đáp,
Nỗi đau này đến bởi vì sao?

Bà đáp lời ngài qua vần kệ sau:

1347. Có một bệnh riêng của nữ nhân,
Gọi là ước vọng, tấu long quân,
Thiếp mong đem đến đây không dối,
Tim của Vidhura Trí nhân!

Long vương bảo bà:

1348. Ái hậu ước trời, trăng, gió mây,
Gặp Hiền nhân ấy khó khăn thay,
Nào ai có đủ tài năng để,
Đem bậc Hiền nhân ấy đến đây?

Khi bà nghe nói vậy liền nói to:

– Nếu không được như ý, thân thiếp sẽ chết mất.

Rồi bà quay mặt đi, nghiêng lưng bà ra ngoài, lấy chiếc áo quay mặt lại. Vua trở về tư thất ngồi trên sàng tọa suy nghĩ, tìm hiểu vì sao hoàng hậu Vimalā lại muốn có trái tim của Vidhura: “Nàng sẽ chết nếu không ăn được tim vị ấy, vậy làm sao ta lấy được nó cho nàng?”

Lúc bấy giờ, công chúa Irandatī, một long nữ diễm kiều, trang sức đầy ngọc vàng trân bảo, bước vào cung kính đánh lễ vua cha rồi đứng qua một bên. Nàng trông thấy vua cha có vẻ lo âu liền nói:

– Phụ vương có vẻ muộn phiền quá, vì duyên cớ gì?

1349. Thân phụ, sao cha đáng rồi ren,
Long nhan như một đóa hoa sen,
Bị tay ngắt vụng, sao buồn khổ,
Bậc chiến thắng, xin chớ muộn phiền!

Nghe lời con gái, long vương đáp:

1350. Irandatī hỡi, mẫu thân con,
Ao ước trái tim bậc Trí nhân,
Diện kiến Vidhura thật khó,
Triệu ngài, ai có đủ tài năng?

Rồi ngài lại bảo nàng:

– Nay con, không có một triều thần nào đủ sức triệu Trí giả Vidhura về cho

cha. Con hãy hy sinh vì mẫu hậu, đi tìm một vị phu quân đủ sức triệu Trí giả Vidhura về!

Thế là vua ra lệnh cho nàng lui ra bằng nửa vắn kệ:

1351. Hãy tìm cho được một phu quân,
Chàng sẽ triệu hồi bậc Trí nhân.

Như vậy, lời của vua nói gọi lên sự hỷ dục, không phù hợp với một nàng công chúa. Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

Theo lệnh cha truyền, đêm tối ấy,
Nàng đi với dục vọng tuôn tràn.

Nàng đi hái các hoa trên Tuyết Sơn đủ màu sắc, hương vị. Sau khi trang hoàng toàn thể ngọn núi như một viên bảo ngọc, nàng trải sàng tọa bằng hoa trên núi rồi nhảy múa tung bừng. Nàng trôi giòng ca với một điệu rất êm ái du dương:

1352. Càn-thát-bà hay đại lực thần,
Long thần, quái vật hoặc tiên, nhân,
Bậc Hiền tài đủ ban điều ước,
Ai sẽ làm chồng tiện nữ chẳng?

Lúc bảy giờ, cháu của Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn), tên gọi Puṇṇaka, là một đại tướng dạ-xoa (*yakkha*, thần đại lực) đang phi thần mã Sinhḍ dài ba dặm, băng qua ngọn Hắc Sơn để đến nơi hội họp của các thần dạ-xoa thì chợt nghe lời ca của nàng. Và lời ca của nữ nhân này chàng đã từng nghe trong đời vừa qua, nó xoáy sâu tận thịt da gân não của chàng, thấm vào tận xương tủy khiến chàng ngơ ngẩn say mê liền quay ngựa lại, ngồi trên lưng thần mã, chàng vội an ủi nàng:

– Ôi nương tử, ta xin vì nàng đem trái tim của Vidhura đến đây bằng trí lực của ta, bằng thần lực cũng như bằng tính trầm tĩnh của ta, xin nàng chớ lo ngại việc đó nữa!

Rồi chàng ngâm thêm kệ này:

1353. Long nữ có đôi mắt diệu huyền,
Hãy an tâm nhé, hỡi nàng tiên!
Quả nhiên tài trí ta như vậy,
Ta sẽ cùng nàng đẹp mỗi duyên.

Thế là Irandaṭī trả lời Puṇṇaka:

– Ôi, vậy thì xin chàng hãy đến đây, chúng ta cùng đi yết kiến cha của thiếp!

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

1354. Nàng trả lời cho Puṇṇaka,
Theo như suy nghĩ thuở xưa xa,
“Đến đây cùng yết kiến cha thiếp,
Ngài sẽ giải bày rõ việc mà!”

Và tướng Puṇṇaka đỡ lấy lưng nàng, đưa nàng bay qua ngọn núi rồi đưa tay ra cho nàng nắm. Nàng nắm tay thần dạ-xoa, nói rằng:

– Chàng ơi! Thiếp không phải trơ trọi có một mình mà cha thiếp là long vương Varuṇa, mẹ thiếp là long hậu Vimalā. Chàng đến đây, chúng ta cùng đi yết kiến cha thiếp, cha thiếp sẽ cho chàng rõ việc này và cho biết hôn phối của chúng ta ra sao.

Nói xong, nàng nắm tay thần dạ-xoa cùng đến gặp vua cha.

Bậc Đạo sư mô tả:

1355. Lòng lấy điểm trang, y đẹp sang,
Đeo tràng hoa, xúc dầu chiên-đàn,
Nắm tay thần dạ-xoa, nàng dẫn,
Vào điện vua và gặp phụ hoàng.

Yết kiến vua xong, thần dạ-xoa Puṇṇaka bèn xin cầu hôn Irandatī:

1356. Long vương nghe lấy lời cầu hôn,
Nhận sính lễ cân xứng quý nương,
Thần hỏi Irandatī ngọc nữ,
Hãy ban công chúa thuộc về thần!

1357. Một trăm voi với trăm con ngựa,
Trăm cỗ xe và la một trăm,
Ngọc đủ loại hàng, xin nhận hết,
Ban thần công chúa, tấu long quân!

Long vương liền phán bảo:

1358. Đợi ta hỏi ý kiến triều thần,
Quyền thuộc cũng như bằng hữu thân,
Các việc đã làm không hỏi trước,
Sau này sẽ hối hận, ăn năn.

Long vương vào cung, hỏi ý kiến vương hậu.

Bậc Đạo sư mô tả rằng:

1359. Sau đó, Varuṇa long vương,
Bước vào bảo điện của long cung,
Cho mời chánh hậu đến trao đổi,
Vua phán lời này với hậu vương.

1360. Có thần dạ-xoa Puṇṇaka,
Đến hỏi cầu hôn công chúa ta,
Sính lễ rất nhiều tài sản quý,
Hãy ban vị ấy đưa con ta!

Vimalā đáp:

1361. Dầu bao châu báu và tiền vàng,
Chẳng sánh đôi bằng công chúa ngoan,

Nhưng nếu ai mang về hợp pháp,
Trái tim Trí giả, đến đây dâng,
Với tài sản ấy được công chúa,
Tài sản khác thêm ta chẳng màng.

Hỏi ý kiến vương hậu xong, long vương Varuṇa lại hội ý với Puṇṇaka.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 1362.** Sau đó, long vương Varuṇa,
Từ nơi cung ấy lại đi ra,
Cho mời thân dạ-xoa vào gặp,
Và phán lời này trước dạ-xoa.
- 1363.** Dầu bao châu báu và tiền vàng,
Chẳng sánh đổi bằng công chúa ngoan,
Nhưng nếu người mang về hợp pháp,
Trái tim Trí giả, đến đây dâng,
Với tài sản ấy được công chúa,
Tài sản khác thêm ta chẳng màng.

Puṇṇaka đáp lời:

- 1364.** Ở đời, cách gọi khác nhau nhiều,
“Trí giả” là do một số kêu,
Số khác cho đây là “ngốc tử”,
Vậy ai “trí giả” xin ngài nêu?

Long vương đáp:

- 1365.** Nếu nghe danh tiếng Vidhura,
Quan của Vua Dhanañjaya,
Ở xứ Kuru, giỏi xét xử,
Người đem Trí giả về cho ta,
Sao cho hợp pháp thì chắc chắn,
Công chúa, hiền thê của dạ-xoa.

Khi nghe long vương Varuṇa nói vậy, thân dạ-xoa rất vui mừng, tức thì bảo quân hầu cận của mình mang tuần mã Sindh tới.

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

- 1366.** Nghe Varuṇa nói vậy xong,
Dạ-xoa bật dậy rất vui lòng,
Vội truyền hầu cận đang bên cạnh,
Tuần mã thắng cương, dẫn đến ông!
- 1367.** Hai tai tuần mã bằng vàng ròng,
Các móng làm bằng ngọc sắc hồng,
Đeo yếm vàng tinh luyện rực rỡ,
Lấy từ sông Jambu lên nung.

Quân hầu vội đem tuần mã Sindh đến. Puṇṇaka cười tuần mã, bay trên không về đến cung Vua Vessavaṇa, mô tả cho ngài nghe về long cung và kể những gì đã xảy đến với mình. Việc này được diễn tả như sau:

1368. Puṇṇaka cười tuần mã Sindh,
 Đây là phương tiện chở thần tiên,
 Minh trang sức đẹp, tóc râu gọn,
 Bay thẳng lên không, giữa địa thiên.
1369. Lòng Puṇṇaka dục vọng đầy,
 Khát khao có được nữ long này,
 Đến Thiên vương Vessavaṇa,
 Kuvera danh tiếng, tấu ngài.
1370. Bhogavatī, điện đại vương,
 Gọi là cung thất hiệu Kim Đường,
 Thành trì tạo dựng bằng vàng quý,
 Đó chính thành đô của long vương.
1371. Các tháp canh như cổ lạc đà,
 Làm bằng ngọc lục bảo, ru-bi,
 Nơi đây cắm thạch làm cung điện,
 Lại có ngọc vàng phủ mái này.
1372. Các cây xoài, họ mè, hồng đào,
 Hoa sữa, lộc vừng, ketaka,
 Xoài ngát thơm, kê, hoàng yến đẹp,
 Cùng cây thông, ngũ thảo nhiều loài.
1373. Cây lài cánh lớn, hoa campā,
 Cây gạo, cây tên koliyā,
 Cây táo đơm đầy hoa trái ngọt,
 Long cung càng đẹp tươi, hài hòa.
1374. Lại có cây chà là ngọc quý,
 Trổ nhiều hoa sắc vàng thường khi,
 Tại nơi vua Varuṇa ngự,
 Vị hóa sanh, đại lực đủ đầy.
1375. Hoàng hậu trẻ xinh của đại vương,
 Hiệu Vimalā, sắc thân vàng,
 Lịch thanh, dáng dấp leo kālā,
 Đầu ngực quả nimba đẹp sang.
1376. Tựa nhựa cây hoàng yến loại muông,
 Làn da hoàng hậu ứng màu hồng,
 Lại thêm mềm mướt như hoa nở,
 Đơm trĩu đầy cành dưới bóng râm.

Đi giống tiên trên tiên giới ấy,
Rạng ngời xuyên thấu mây bèn bồng.

1377. Hoàng hậu đang ao ước lạ thay,
Khát khao tim của Vidhura,
Tâu vua, thần sẽ đưa tim ấy,
Họ gả cho thần công chúa ngay!

Vì không dám ra đi nếu không được lệnh của Đại vương Vessavaṇa nên thần dạ-xoa ngâm các bài kệ trên để xin phép. Đức vua lại không nghe được những lời này vì ngài đang bận dàn xếp một cuộc tranh chấp về một cung điện giữa hai vị thiên tử. Puṇṇaka biết rằng lời chàng nói không được vua để ý đến nên chàng lại gán một trong hai vị đang tranh chấp nắm phần thắng lợi trong cuộc. Vua Vessavaṇa sau khi đã quyết định xong, không để ý đến vị thiên tử bại cuộc mà chỉ bảo vị kia:

– Người hãy đi, hãy an trú trong cung điện của người!

Ngay khi ngài bảo: “Người hãy đi!” Puṇṇaka liền gọi vài vị thiên tử làm chứng và nói nhỏ:

– Các vị xem thấy ta đã được cừu phụ phái đi rồi.

Lập tức chàng ra lệnh đem tuần mã đến và leo lên yên ngựa khởi hành.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1378. Sau khi xin Vessavaṇa,
Đại đế lừng danh của chúng sanh,
Thần dạ-xoa kêu người, xuống lệnh,
Thắng cương tuần mã, đem đây nhanh!
1379. Hai tai tuần mã bằng vàng rờn,
Các móng làm bằng ngọc sắc hồng,
Đeo yếm vàng tinh luyện rực rỡ,
Lấy từ sông Jambu lên nung.
1380. Puṇṇaka cười tuần mã Sindh,
Đây là phương tiện chở thần tiên,
Mình trang sức đẹp, tóc râu gọn,
Bay thẳng lên không, giữa địa thiên.

Trong lúc vân du, chàng nghĩ: “Trí giả Vidhura có đám cận vệ rất đông nên không dễ gì bắt được ông. Tuy thế, Vua Dhanañjaya lại thích đánh xúc xắc. Ta sẽ đánh thắng vua này qua trò xúc xắc rồi bắt lấy Vidhura. Hiện nay có rất nhiều ngọc quý trong kho của ngài, chắc ngài không đánh cuộc bằng giải hèn mọn đâu. Ta sẽ phải đem viên ngọc vô giá vì vua này không nhận viên ngọc tầm thường. Hiện nay có viên bảo châu vô giá thuộc quyền Vua Chuyển Luân

ở trong núi Vepulla gần thành Vương Xá, ta sẽ đến lấy bảo ngọc ấy và dụ vua chơi bài để thắng ngài.” Rồi chàng thực hành ý định ngay.

Bậc Đạo sư kể sự việc này như sau:

- 1381.** Thần dạ-xoa vào Vương Xá thành,
Kinh đô kiên cố nước Aṅga,
Dồi dào lương thực, đồ ăn uống,
Tựa Đế-thích thành, Masakka.
- 1382.** Có bấy công, hạc rộn âm thanh,
Lảnh lót, bấy chim chuyen các cảnh,
Muôn loại chim ca, vườn tráng lệ,
Tuyết Sơn bao phủ đầy hoa quanh.
- 1383.** Dạ-xoa lên núi Vepulla,
Nơi khản-na-la thường ghé qua,
Thần dạ-xoa tìm bảo ngọc quý,
Đến nơi giữa núi thì nhìn ra.
- 1384.** Thấy viên ngọc quý chiếu hào quang,
Là ngọc ma-ni, như ý, sang,
Danh tiếng bay xa, ngời sáng rõ,
Y như tia chớp rực không gian.
- 1385.** Dạ-xoa bèn chụp bảo châu kia,
Như ý bảo châu, đại lực đây,
Sắc tướng oai phong cười tuần mã,
Khởi cương phi thẳng giữa trời mây.

Như vậy, thần dạ-xoa lấy viên ngọc, bay thẳng lên trên không rồi về kinh thành kia. Bậc Đạo sư đã diễn tả như sau:

- 1386.** Khi đến thành Indapatta,
Thần rời ngựa, đến triều Câu-lâu,
Không hề run sợ mà thách đấu,
Trăm vị hoàng thân dự điện châu.
- 1387.** Ai muốn chiếm phần thưởng để vương?
Ai, ta sẽ thắng cuộc tranh hùng?
Vô song bảo ngọc nào ta đoạt?
Ai sẽ chiếm ưu hạng bảo trân?

Dạ-xoa nói lên bốn câu kệ thách thức Đại vương Koravya như vậy. Vua nghĩ thầm: “Ta chưa từng nghe một vị anh hùng nào mở lời như thế này, vậy vị này là ai đây?” Và ngài liền hỏi thần dạ-xoa qua vần kệ này:

- 1388.** Công tử sinh ra quốc độ nào?
Lời này chẳng phải người Câu-lâu,
Người hơn tất cả về hình tướng,
Cho biết quý danh, quyền thuộc mau!

Chàng suy nghĩ: “Nhà vua hỏi danh tánh của ta, hiện nay ta chỉ là tùy tướng phục dịch tên gọi Puṇṇaka, song nếu ta bảo ta là Puṇṇaka, vua sẽ nói: ‘Gã kia chỉ là một tùy tướng, tại sao gã dám nói với ta quá bạo gan như vậy?’ Và vua sẽ khinh thị ta, thôi ta sẽ nói cho ngài nghe danh tánh của ta trong đời sống vừa rồi.” Thế là chàng ngâm kệ:

- 1389.** Tiểu sinh tên gọi Kaccāna,
Người chẳng gọi tên khác xấu xa,
Thần đến đây chơi trò xúc xắc,
Thân bằng, quyền thuộc ở Aṅga.

Vua liền hỏi:

– Thế công tử định trao ta vật gì nếu công tử bại cuộc đánh xúc xắc? Công tử đã có những gì nào?

Rồi vua ngâm kệ:

- 1390.** Ngọc gì công tử có trong tay,
Mà kẻ thắng mong được có ngay?
Một vị vua nhiều châu ngọc quý,
Người nghèo sao dám thách như vậy?

Puṇṇaka đáp:

- 1391.** Như ý ngọc làm đắm cõi lòng,
Ma-ni bảo ngọc tạo vinh quang,
Và đây tuần mã phá tan địch,
Ai thắng, vật này được lấy mang.

Khi vua nghe chàng nói liền đáp:

- 1392.** Một viên ngọc ích lợi gì không?
Một tuần mã sao lập chiến công?
Vua chúa có nhiều viên ngọc quý,
Và nhiều tuần mã tốc như phong.

III. BẢO CHÂU NHƯ Ý

Khi nghe lời vua phán, thần dạ-xoa thưa trình:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại nói vậy? Một thần mã này hóa thành cả ngàn, trăm ngàn tuần mã; một bảo châu này hóa thành cả ngàn, trăm ngàn bảo châu. Thật sự, tất cả các con tuần mã không được như vậy, xin Đại vương xem sức phi nhanh của nó đây!

Nói xong, chàng lên ngựa, phi trên đỉnh trường thành. Kinh thành bảy do-tuần này tựa hồ được vây quanh bởi bảy ngựa kề cổ nhau trùng trùng điệp điệp. Rồi chẳng bao lâu không còn phân biệt được đâu là ngựa, đâu là thần dạ-xoa nữa mà chỉ còn thấy dải lụa hồng trên lưng chàng như thể phủ khắp trường thành.

Rồi chàng xuống ngựa, tâu vua rằng bây giờ vua đã chứng kiến sức phi nhanh của thần mã, chàng lại xin vua chứng kiến một chuyện kỳ lạ khác. Chàng bảo thần mã phi nhanh trong hoa viên của kinh thành, trên mặt nước nơi hồ, ngựa phóng nhanh không ướt đến móng chân. Rồi chàng lại bảo ngựa dạo bước trên đám lá sen và khi chàng vỗ tay, xòe bàn tay ra, ngựa liền đến đứng trên lòng bàn tay chàng. Sau đó, chàng lại nói:

– Đây chính là ngựa báu, tâu Đại vương!

– Đúng vậy, thưa công tử.

– Giờ đây xin hãy để ngựa báu qua một bên, xin Đại vương hãy xem thần lực của bảo châu!

Nói xong, thần dạ-xoa kể về thần lực của viên bảo châu:

1393. Đây bảo châu này của tiểu sinh,
Xin mời Chúa thượng đích thân nhìn,
Thấy trong châu ngọc thân người nữ,
Cùng với thân người nam hiện hình.

1394. Các thân thú vật ở nơi đây,
Lại có chim muông tụ hội đây,
Thêm điều vương, long vương đủ cả,
Các loài hóa hiện trong châu này.

Thần dạ-xoa lại nói: “Còn điều khác nữa, xin mời ngài ngự lãm!” rồi ngâm vãn kệ:

1395. Có trong châu ngọc bốn quân binh,
Nào tượng, mã, xa cùng bộ binh,
Chiến sĩ đều trang bị áo giáp,
Đại vương hãy ngự lãm nhiều hình!

1396. Cả đoàn điều tượng, điều xa sư,
Điều mã sư cùng quân thuật sư,
Tất cả đang bày binh bố trận,
Châu đây xin hãy ngắm binh thư!

1397. Và đây xuất hiện một kinh thành,
Bờ lũy đủ đây, tường lớn quanh,
Giao lộ có hoa viên, cổng đẹp,
Đại vương hãy ngự lãm châu minh!

1398. Đại trụ trước thành, hào nước dài,
Nào thanh ngang chắn, các then cài,

- Tháp canh cùng công thành cao chắc,
Hãy ngự lãm nơi châu ngọc này!
- 1399.** Trong ngọc, đàn chim đủ loại, vùng,
Khắp trên đường phố, cổng vòng cung,
Thiên nga, công, hải âu, và hạc,
Gồm cả hồng nga, mời Đại vương!
- 1400.** Nào công mào lớn, sơn ca xinh,
Lại có gà lôi, cu gáy quanh,
Phong phú đủ loài chim tụ hội,
Đại vương hãy ngự lãm châu minh!
- 1401.** Ngài nhìn thành thị, tường cao xa,
Rất tuyệt đến kinh ngạc, sơn da,
Cờ xí rợp trời thật khả ý,
Nền thành bao phủ lớp kim sa.
- 1402.** Hãy xem các hiệu buôn đầy hàng,
Được bố trí theo khu vực cân,
Sân bãi, cửa nhà, đường nhộn nhịp,
Các con hẻm nhỏ dọc và ngang.
- 1403.** Lại thêm các tửu quán, trà đình,
Những tiệm bán cơm, nhà tửu sinh,
Các gái giang hồ, trai phóng đảng,
Hiện trong bảo ngọc, mời ngài nhìn!
- 1404.** Có người thợ giặt, kết hoa tràng,
Kẻ bán vật thơm, bán phục trang,
Thợ bạc, thợ vàng cùng ngọc quý,
Đại vương hãy thưởng lãm châu sang!
- 1405.** Ngài xem đầu bếp, thợ làm bánh,
Kịch sĩ, vũ công, hát nổi danh,
Ca sĩ hát theo tay vỗ nhịp,
Nghệ nhân biểu diễn trống chum nhanh.
- 1406.** Đây đủ trống nhiều loại nhỏ, to,
Thanh la, chũm chọe phối thêm vô,
Các hình thức nhạc cụ đa dạng,
Hãy ngắm ngọc châu đang diễn phô!
- 1407.** Chập chĩa hòa đàn lướt nhịp nhàng,
Hát ca, khiêu vũ, thật du dương,
Cồng chiêng, bộ gõ, âm vang dội,
Hãy ngắm ngọc châu cảnh rộn ràng!

1408. Các nghệ sĩ nhào lộn, võ sư,
 Người tung hứng, ảo thuật gia cừ,
 Thầy mo, thợ cắt tóc râu nữa,
 Hình ảnh trong châu, mời đức vua!
1409. Hội hè đông đúc ở nơi đây,
 Dân chúng nữ nam tề tựu đây,
 Sân khấu hàng hàng lớp lớp ghề,
 Đại vương ngự lãm ngọc châu này!
1410. Hội thi đồ vật, họ lao vào,
 Hai cánh tay cùng gấp lại nhau,
 Có kẻ thắng, người thua cuộc đấu,
 Đại vương hãy ngự lãm minh châu!
1411. Kìa phong cảnh dốc núi, chân đồi,
 Bầy thú rừng hoang đủ mọi loài,
 Sư tử, cọp, heo, lại thêm gấu,
 Và đàn linh cẩu, sói nhiều nơi.
1412. Bò tót và tê giác đó đây,
 Đàn trâu, hồng lộc, chúa hươu nai,
 Linh dương với lợn rừng lui tới,
 Có lợn nhà cùng cừu cả bầy.
1413. Nào là hươu quý kadali,
 Nào thỏ, nào mèo, sóc đến đi,
 Tất cả muôn loài thú có mặt,
 Hiện trong ngọc chẳng thiếu điều chi.
1414. Bến bờ xinh đẹp bên dòng sông,
 Lấp lánh kim sa phủ khắp vùng,
 Dòng nước mát trong nhẹ nhẹ chảy,
 Từng đàn cá lượn bơi tung tăng.
1415. Thấy cá sấu cùng thủy quái xa,
 Cả con sấu susumāra,
 Có rùa, cá trích, pāvusa,
 Muñja, cá hồi, valaja.
1416. Chim muông đa dạng trong châu này,
 Chúng nhảy nhót trên các loại cây,
 Sóng vỗ tảng lam ngọc róc rách,
 Đại vương xem cảnh minh châu bày!
1417. Ngài ngắm trong châu có các ao,
 Bốn phương cân đối khéo chia đào,

- Các con cá lớn đang bơi lội,
Trên có nhiều loài chim hót ca.
1418. Và trái đất này biển phủ quanh,
Những nơi đầy nước ánh long lanh,
Điểm tô từng trảng rừng tươi mát,
Xin ngự lãm châu ngọc hiện tranh!
1419. Phía Đông là xứ Videha,
Tây có xứ Goyāniya,
Kuru cùng Jambudīpa,
Ngài xem châu ngọc cảnh bày ra.
1420. Lại có mặt trăng và mặt trời,
Bốn phương ánh sáng chiếu ngời ngời,
Chúng đi quanh núi Sineru,
Ngài ngắm trong châu cảnh khắp nơi.
1421. Tuyết Sơn và núi Sineru,
Các biển lớn, đồng bằng, thô cư,
Tứ Đại Thiên Vương ngài cũng thấy,
Nơi châu ngọc hóa cảnh không ngờ.
1422. Những hoa viên, cụm rừng xanh rì,
Tảng đá đỏ đây rất phẳng lì,
Có khăn-na-la lai vãng nữa,
Nhìn châu hiện chẳng thiếu điều gì!
1423. Các hoa viên Phārusaka,
Cittalatā, Missaka,
Nandana, Vejayanta,
Thấy đều trong ngọc, ngài xem qua!
1424. Đảo-lợi thiên, cung Sudhammā,
Cây San Hô nở rộ đầy hoa,
Có thiên tượng Erāvaṇa,
Các cảnh trong châu, mời đức vua!
1425. Bệ hạ ngắm nhìn thiên nữ đây,
Đẹp ngời như chớp giữa trời mây,
Thướt tha nơi Nandana uyển,
Ngài ngắm ngọc châu cảnh đẹp thay!
1426. Vua xem thiên nữ cõi trời này,
Khiến các thiên nam rất đắm say,
Tất cả thiên nam đều thích thú,
Cảnh trong châu ngọc, xin mời ngài!

1427. Hơn một ngàn cung điện tuyệt vời,
Lát bằng ngọc lam đẹp ngời ngời,
Các cung điện ấy lung linh sắc,
Bệ hạ xem châu hiện tức thời!
1428. Chư thiên ở cõi Ba Mươi Ba,
Cõi Hóa Lạc, Đâu-suất, Dạ-ma,
Luôn cả cõi Tha Hóa Tự Tại,
Vua xem châu ngọc hóa hình ra!
1429. Các hồ tinh khiết, nước trong ngần,
Đủ loại san hô và thủy sinh,
Bông súng, sen hồng cùng diêm xuyên,
Ngọc châu biến hóa, Đại vương nhìn!
1430. Trên châu vân trắng muốt mười đường,
Xanh đậm thêm mười rất dễ thương,
Hăm một đường vân nâu đặc sắc,
Và còn mười bốn đường vân vàng.
1431. Lại có hai mươi vân ánh kim,
Hai mươi vân bạc sáng màu thêm,
Ngoài ra còn có vân tươi đỏ
Nổi bật ba mươi đường, hãy xem!
1432. Đây là mười sáu đường vân đen,
Đỏ sẫm hăm lăm, màu thảo thiên,
Xen lẫn hoa bandhuka đẹp,
Điểm tô thắm sắc xanh hoa sen.
1433. Ngọc châu chất lượng tuyệt muôn phần,
Đang chiếu rạng ngời, rực các phương,
Là giải thưởng cho người thắng cuộc,
Tâu vua, đáng tối cao toàn nhân!

IV. CUỘC CHƠI XÚC XẮC

Sau khi nói xong, Puṇṇaka liền hỏi:

– Tâu Đại vương, ví thử tiểu thần thua cuộc, tiểu thần xin dâng viên bảo ngọc này, song ví thử tiểu thần thắng cuộc, Chúa thượng ban vật gì cho tiểu thần?

– Ngoài thân ta cùng chiếc lọng trắng ra, tất cả những gì còn lại của ta đều đem ra treo giải được cả.

– Tâu Chúa thượng, xin đừng chậm trễ nữa vì tiểu thần từ phương xa lại đây, xin Chúa thượng ra lệnh chuẩn bị phòng đánh xúc xắc.

Thế là vua ra lệnh cho các đại thần. Họ nhanh chóng chuẩn bị phòng đánh xúc xắc, trái tằm thắm đẹp nhất cho vua ngự, cùng bảo tọa cho các vị quốc vương khác. Khi đã sắp đặt một chỗ thích hợp cho Puṇṇaka, họ trình vua đã đến lúc chơi. Puṇṇaka liền tâu vua qua bài kệ sau:

1434. Đại vương, hãy đến đích cầu mong,
Ngài vẫn chưa giành được bảo trân,
Ta hãy thắng không nhờ bạo lực,
Và ta thắng bởi lẽ công bằng,
Khi ngài thất bại, xin đem đến,
Phần thưởng ngài ban tặng tiểu thần!

Vua liền đáp:

– Hỡi thiếu sinh, chàng đừng sợ ta là một vị đại vương, mọi sự thắng bại của ta đều theo lẽ công bình và không dùng bạo lực.

Nghe thế, Puṇṇaka ngâm kệ thỉnh cầu các vị vua kia chứng kiến sự thắng trận bằng lẽ công bình:

1435. Hỡi các Đại vương Pañcāla,
Sūrasena và Macchā,
Madda cùng với Kekaka,
Xin các Đại vương chứng cuộc cờ,
Không có dối gian hay phỉnh gạt,
Không ai không dự việc đôi ta.

Thần dạ-xoa đã thỉnh cầu các vua chứng kiến như vậy. Sau đó, vua được cả trăm vị vua khác hộ tống cùng Puṇṇaka vào phòng đánh xúc xắc, tất cả đều ngồi xuống các bảo tọa, đặt con xúc xắc vàng lên tấm bảng bằng bạc. Puṇṇaka vội tâu:

– Tâu Đại vương, có hai mươi bốn lần đồ xúc xắc gọi là mālika, sāvaṭṭa, bahula, santi và bhadra, v.v... xin Đại vương chọn con bài nào vừa ý.

Vua ưng thuận rồi chọn con bài bahula, Puṇṇaka chọn con bài sāvaṭṭa. Rồi vua bảo:

– Này thiếu sinh, người đồ xúc xắc trước đi!

– Tâu Đại vương, lần đồ đầu tiên không phải của tiểu thần, xin Đại vương đi trước!

Vua chấp thuận. Lúc bấy giờ, mẫu thân của vua trong đời sống ngay trước đời này là thần hộ vệ của ngài nên nhờ thần lực của bà, ngài thắng cuộc. Bà đứng cạnh đó, vua vừa nhớ lại nữ thần vừa ca bài đánh xúc xắc rồi xoay con bài trong tay và ném lên không. Nhờ thần lực của Puṇṇaka, các con xúc xắc rơi xuống đúng cho chàng thắng vua.

Phần vua với tài chơi xúc xắc thiện xảo nhận ra rằng các con xúc xắc rơi

xuống khiến cho thua này không phải do ngài nên ngài chụp chúng lại, trộn đều chúng trên không rồi ném lên lần nữa, nhưng ngài vẫn thấy lần thứ hai chúng rơi xuống không đúng ý ngài nên vội chụp chúng lại trong lúc đang rơi.

Lúc ấy, Puṇṇaka nghĩ thầm: “Vị vua này đang chơi xúc xắc với một thần dạ-xoa như ta, vừa trộn xúc xắc khi chúng rơi xuống rồi lại chụp lấy chúng, tại sao như vậy chứ?” Khi biết có thần lực của nữ thần hộ vệ ngài, thần dạ-xoa mở trừng mắt như thể tức giận lắm nhìn nữ thần khiến bà kinh hoàng chạy đi trốn trên đỉnh núi Cakkavāḷa mà vẫn còn run rẩy.

Khi ném bài đến lần thứ ba, mặc dù vua biết chúng rơi xuống không đúng ý, ngài cũng không thể đưa tay ra chụp lấy chúng vì thần lực của Puṇṇaka nên chúng rơi xuống khiến ngài bị thua. Rồi Puṇṇaka biết vua bị thua liền vỗ tay và reo to ầm ĩ như sấm rền ba lần:

– Tiểu thần đã thắng!

Tiếng chàng vang dội rung động cả cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ).

Bậc Đạo sư tả lại sự việc như sau:

1436. Vua Câu-lâu với Puṇṇaka,
Họ lạc mê hồn trận bạc bài,
Vua xứ Câu-lâu chịu thất bại,
Và bên thắng chính Puṇṇaka.

1437. Khi cả hai tranh xúc xắc này,
Các vua, nhân chứng hội nơi đây,
Dạ-xoa thắng vị vua nhân loại,
Nhiều tiếng reo hò vang dội ngay.

Vua không đẹp ý vì thua cuộc, và Puṇṇaka vội ngâm kệ an ủi ngài:

1438. Thắng bại thuộc về một phía thôi,
Giữa hai phe chiến đấu tranh tài,
Đại vương đã mất phần ưu thắng,
Chiến bại, xin trao giải thưởng tôi.

Sau đó, vua bảo chàng nhận giải qua vắn kệ:

1439. Ngựa, voi, bò, ngọc quý, hoa tai,
Bất cứ gì ta có ở đời,
Hãy lấy món nào cao quý nhất,
Kaccāna, nhận rồi đi thôi.

Puṇṇaka đáp:

1440. Ngựa, voi, bò, ngọc quý, hoa tai,
Bất cứ gì ngài có ở đời,
Quan Vidhura là tối thắng,
Vua trao giải thưởng ấy cho tôi!

Vua phán bảo:

1441. Quan sánh thân ta, chỗ trú an,
Là hòn đảo, chốn nấu nướng thân,
Bạc vàng không thể bằng quan ấy,
Quan tựa cuộc đời của đại vương.

Punṇaka đáp:

1442. Chúng ta tranh chấp sẽ dài dòng,
Ta hãy đi tìm vị đại quan,
Hỏi vị ấy điều gì ước muốn,
Để quan quyết định vấn đề chung,
Những gì quan định phần tiên quyết,
Là bản án phân xử cuối cùng.

Vua phán:

1443. Công tử, chàng ăn nói chánh chân,
Quả chàng chẳng nói thiếu công bằng,
Chúng ta đi gặp quan và hỏi,
Theo đó cả hai sẽ đẹp lòng.

Nói xong, vua đưa cả trăm vị vua kia cùng đi. Punṇaka sung sướng vội vàng đến tòa án và bậc Trí nhân từ chỗ ngồi đứng dậy cung đón vua rồi ngồi xuống một bên. Sau đó, Punṇaka nói với bậc Đại sĩ:

– Thưa bậc Trí giả, ngài thật chí công, ngài không hề nói lời hư vọng dù có đổi cả sinh mạng đi nữa, đó là danh tiếng ngài lẫy lừng khắp thế giới này. Hôm nay tiểu sinh sẽ biết được ngài có thật chí công như vậy chăng?

Rồi chàng ngâm kệ sau:

1444. Thật chư thiên phái xuống phạm trần,
Đến xứ Kuru làm đại thần,
Cổ vấn Vidhura chánh trực,
Ngài là quyền thuộc hoặc tùy tùng,
Của vương gia đây, xin ngài nói,
Giá trị của ngài giữa thế nhân?

Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: “Người này hỏi về ta, ta có thể cho người ấy biết được ta là quyền thuộc của vua, cũng là thượng nhân đối với vua, cũng chẳng có giá trị gì đối với vua cả. Trên thế gian này không có gì bảo đảm cho ta bằng sự thật, ta phải nói lên sự thật.” Rồi ngài ngâm hai vần kệ chứng tỏ ngài không phải là quyền thuộc hay thượng nhân của vua mà chỉ là một trong bốn loại tùy tùng của vua:

1445. Một số nô tài thuở mẹ sinh,
Kể vì tiền phải bán thân mình,

Nhiều người tự nguyện làm nô lệ,
Kẻ khác nô tài bởi hãi kinh.
Đây bốn loại nô tài tất cả,
Ở trên trần thế giữa nhân sinh.

1446. Ta chính nô tài tự mẹ cha,
Dù sinh hay tử, thuộc vương gia,
Ta là nô lệ đức vua đó,
Cho dầu ta theo kẻ khác mà,
Ngài có quyền đem ta tặng cậu,
Hỡi chàng nam tử tự phương xa!

Punṇaka nghe lời này vô cùng thích thú, vừa vỗ tay vừa nói:

1447. Hôm nay tôi chiến thắng lần hai,
Được hỏi, đại thần đã đáp ngài,
Thật vậy, Đại vương không đúng lý,
Việc này đã được quyết an bài,
Nhưng ngài không muốn đem trao trả,
Phần thưởng mà tôi thắng ván bài!

Nghe vậy, vua liền nổi giận với bậc Đại sĩ và bảo:

– Người chẳng hề quan tâm đến ta là người đã ban vinh quang cho người, lại quan tâm đến chàng thiếu sinh đang hiện diện mà thôi.

Rồi quay về phía Punṇaka, vua nói:

– Nay công tử, nếu gã kia là một nô tài của trăm thì hãy đem gã đi ngay!

Vua lại ngâm kệ sau:

1448. Nếu gã trả lời câu hỏi ta,
“Ta là nô lệ của vương gia,
Chứ không quyến thuộc” thì chàng nhận,
Bảo vật tối ưu này của ta,
Kaccāna, nhận ngay, chàng hỡi,
Rồi hãy đi đâu hợp ý mà.

V. CÂU HỎI VỀ ĐỜI SỐNG TẠI GIA

Nhưng khi nói vậy, ngài suy nghĩ: “Thiếu sinh này sẽ đem Đại Trí nhân đi đâu tùy ý, sau khi vị ấy đi rồi, ta tìm đâu ra được một buổi đàm đạo lý thú về các thánh sự. Vậy sao ta lại không thử thỉnh cầu vị ấy lên bảo tọa ngồi rồi ta hỏi vài câu liên quan đến cuộc sống cư sĩ tại gia?” Thế là vua bảo:

– Thưa bậc Trí giả, khi ngài đi rồi, trăm sẽ khó tìm đâu ra được một buổi đàm đạo thú vị về các thánh sự. Vậy xin ngài ngồi xuống bảo tọa đã được trang

hoàng uy nghi đứng theo cương vị của ngài và giải thích cho trăm một vấn đề liên quan đến cuộc sống cư sĩ tại gia có được chăng?

Bậc Đại sĩ liền ưng thuận, và sau khi ngồi xuống bảo tọa được trang hoàng uy nghi, ngài giải thích vấn đề vua hỏi, đó là vấn đề:

- 1449.** Trăm thừa Trí giả Vidhura,
Đời sống của cư sĩ tại gia,
Làm cách nào an, không sợ hãi,
Thực hành sao tử tế, hài hòa?
- 1450.** Cách nào người trẻ hành chân ngữ,
Có trạng thái tâm không khổ ưu,
Trong kiếp này sang qua kiếp khác,
Người sau khi chết không than sầu?

Nghe xong, Trí giả giải đáp cho vua. Bậc Đạo sư đã diễn tả việc này như sau:

- 1451.** Lúc này Vidhura thông minh,
Điềm tĩnh, hiểu thông, rõ sự tình,
Liễu tuệ pháp lành trong tất cả,
Vidhura vội cất lời trình.
- 1452.** Chung chạ vợ người là chẳng nên,
Cao lương mỹ vị đừng dùng riêng,
Không theo kiến chấp vô nhân quả,
Dẫn đến không tăng thịnh tuệ hiền.
- 1453.** Giữ giới và tròn bổn phận mình,
Không xao lãng thiện sự, thông minh,
Hạnh luôn khiêm tốn và tinh tế,
Thân ái, từ bi, hòa nhã gìn.
- 1454.** Hỗ trợ các thân hữu, bạn lành,
Phát ban san sẻ, sắp bày nhanh,
Sẵn lòng dâng ẩm thực đầy đủ,
Đến Sa-môn, Bà-la-môn luôn.
- 1455.** Cần cầu pháp, thánh, nhớ ghi thường,
Tìm hiểu hỏi han đến tận tường,
Lui tới cận thân lòng kính quý,
Bậc đa văn túc trí mà nương.
- 1456.** Như thế là đời sống tại gia,
Khi mà cư sĩ còn trong nhà,
Cách này an ổn, không lo sợ,
Hành vậy hòa vui, tử tế mà!
- 1457.** Cách này người trẻ hành chân ngữ,
Có trạng thái tâm không khổ ưu,

Trong kiếp này sang qua kiếp khác,
Người sau khi chết không than sầu.

Như vậy, sau khi giải đáp câu hỏi liên quan đến cuộc sống cư sĩ, bậc Đại sĩ bước xuống từ bảo tọa và vái chào vua. Phần vua cũng đáp lễ ngài vô cùng cung kính rồi đi cùng với cả trăm vị vua khác hồi cung.

VI. ĐIỀM ĐOÁN TRƯỚC

Khi bậc Đại sĩ trở lại, Punṇaka nói:

1458. Ngài đến đây! Giờ ta khởi hành!
Đức vua ban tiểu sinh Hiền nhân,
Ngài vì lợi ích của ta đó,
Ấy chính luật người xưa định rành.

Bậc Trí giả Vidhura đáp lại:

1459. Ta biết rõ ta đã thuộc chàng,
Đức vua quyết chọn ta mà ban,
Chỉ xin chàng nghỉ ba ngày nữa,
Ta dạy các con ngoan kỹ càng.

Punṇaka nghe vậy nghĩ thầm: “Bậc Trí giả này đã nói chân thật, đó là một đại phúc cho ta. Ví thử ngài có mời ta ở lại bảy ngày hay nửa tháng, ta cũng nên nhận lời ngay lập tức.” Thế là chàng đáp:

1460. Vậy đi! Ta ở lại ba ngày,
Những việc tại gia thực hiện ngay,
Ngài hãy dặn dò thế tử biết,
Khi ngài đi khỏi, họ vui may.

Nói xong, Punṇaka cùng bậc Đại sĩ đi về tư thất của ngài.

Bậc Đạo sư tả sự việc ấy như sau:

1461. Đồng ý rồi lòng háo hức đầy,
Dạ-xoa và Trí giả ra đi,
Có đoàn bảo tượng, mã theo họ,
Vào nội cung Hiền giả nhất này.

Lúc bấy giờ, bậc Đại sĩ có ba cung thất dành cho ba mùa, cung đầu tiên là Koṇca, cung thứ hai là Mayūra, cung thứ ba là Piyaketa. Bài kệ sau đây nói về ba cung ấy:

1462. Chàng đã đến nơi chốn đại gia,
Koṇca, Mayūra, Piyaketa,
Mỗi nơi một cảnh đầy hoan lạc,
Phong phú thức ăn uống cả nhà,

Trông giống thiên cung trên thượng giới,
Của Inda, Đại đế Sakka.

Sau khi ngài đến nơi, ngài ra lệnh dọn một phòng ngủ và một chiếc bệ cao trên tầng thứ bảy của cung thất trang hoàng tráng lệ, trải vương sàng và bày biện đủ ca lương mỹ vị xong, ngài chỉ cho chàng năm trăm mỹ nữ như tiên trên trời và bảo:

– Đây là những tỳ nữ của chàng, chàng cứ ở lại đây đừng lo ngại gì cả!

Rồi ngài trở về tư thất. Khi ngài đi rồi, các mỹ nữ đem nhạc khí đủ loại ra bắt đầu ca múa, hầu hạ chàng Punṇaka.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1463. Cung nữ điểm trang thật rạng ngời,
Trông như ngọc nữ ở trên trời,
Các nàng ca múa cùng trò chuyện,
Biểu diễn tài năng rất tuyệt vời.

1464. Ngài đãi đằng chàng ăn uống ngon,
Nữ nhân phục vụ múa ca xong,
Vị quan hộ pháp nghĩ ngay đến,
Đưa dạ-xoa vào gấp ái nường.

1465. Phu nhân xúc nước thơm chiên-đàn,
Trang điểm thân kim, óng ánh vàng,
Ngài gọi: “Mắt nhung nâu, hãy đến!
Cho truyền nam tử, hỏi phu nhân!”

1466. Nghe phu quân gọi, Anujjā,
Vội bảo con dâu mắt ngọc ngà,
Có móng tay màu đồng đỏ sáng,
“Này con, đóa súng xanh, Cetā!
Hãy truyền cho các con ta đến,
Nam tử đang mang chiếc giáp bào.”

Nàng ấy vâng dạ xong đi suốt cả cung thất, tập hợp các thân hữu cùng các công tử, công nương lại, bảo họ:

– Thân phụ quý vị cho gọi, muốn dặn dò quý vị đôi điều, nghe nói đây là lần cuối cùng quý vị gặp được ngài đây.

Công tử Dhammapāla nghe vậy liền khóc, vội đi đến gặp thân phụ cùng các công tử em chàng. Khi bậc Trí giả thấy các con đến, không thể nào giữ được vẻ bình thản liền ôm các con mắt đầy lệ, hôn đầu các con và ghì lấy trường nam vào lòng một hồi lâu, ngài vỗ về các con an tâm rồi bước ra khỏi cung thất, ngồi xuống sàng tọa đặt trên chiếc bệ cao, ngài nhẩn nhu với cả ngàn công tử kia.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1467. Quan hộ pháp nhìn thấy các con,
Động lòng, vội vã hôn con ngoan,
Hỏi han rồi bảo ban con trẻ,
Vua đã đem cha ra tặng chàng.
1468. Nay thuộc chàng, cha thu xếp an,
Chàng mang cha đến đâu tùy chàng,
Giờ cha căn dặn các con kỹ,
Chưa bảo vệ con, sao bước đành?
1469. Nếu Đại vương Janasandha,
Nơi Câu-lâu, hỏi các con là,
“Điều gì xưa cổ trước đây biết?
Điều tối thượng gì học ở cha?
1470. Tất cả hãy ngồi ngang trẫm đây,
Các khanh ai chẳng quý cao thay!”
Các con tay chấp kính cung tâu,
“Đừng thế ngài! Không phải phép này!
Chúa tể là vua, thần hạ đẳng,
Làm sao có thể ngồi ngang ngài?”

Sau khi nghe thuyết giáo xong, các vị công tử, công nương, thân bằng, quyến thuộc, gia nhân, dân chúng đều không giữ được lòng bình thản, đồng khóc lớn khiến bậc Đại sĩ lại phải an ủi họ thêm nữa.

VII. CHỖN TRIỀU ĐÌNH

Rồi sau khi đến với mọi người và thấy họ đã giữ yên lặng, ngài nói:

– Nay các con, đừng ưu tư làm gì, các sắc pháp đều vô thường, vinh quang cuối cùng lại gây tai họa. Tuy vậy, ta sẽ chỉ cho các con một cách đạt vinh quang, đó là chốn triều đình. Hãy chú ý lắng nghe cho kỹ!

Sau đó, nhờ thần lực của một vị Phật, ngài đưa họ vào một cảnh triều đình.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1471. Vidhura tích cực suy tâm,
Rồi thuyết cho thê tử, bạn thân,
Cùng quyến thuộc, người quen biết nữa,
Bậc Hiền trí đã có lời rằng.
- 1472 “Nơi chốn triều đình, hãy đến ngay,
Hãy an tọa và lắng nghe này,

- Sau khi đã đến triều đình ấy,
Làm thế nào danh tiếng đạt đây?
1473. Khi người vừa đến chốn triều đình,
Nào có ai hay, không hiển vinh,
Nếu kẻ này ngu si, nhát sợ,
Hay vô tâm, chẳng thể vang danh.
1474. Cho đến khi vua rõ hạnh lành,
Trí tài và cả sự liêm thanh,
Vua liền tin tưởng, không che giấu
Những bí mật gì của bản thân.
1475. Lúc đức vua ra mệnh lệnh gì,
Người không bối rối, ngại ngần chi,
Thăng bằng tựa cán cân ngay thẳng,
Trụ chốn triều đình mới vững y.
1476. Tất cả những điều bề hạ giao,
Người đều đảm trách, sẵn sàng mau,
Thăng bằng tựa cán cân ngay thẳng,
Trụ chốn triều đình mới được lâu.
1477. Lúc đức vua ra mệnh lệnh gì,
Bậc Hiền trí chẳng ngại ngần chi,
Ngày hay đêm quốc sự tròn đủ,
Trụ chốn triều đình mới vững y.
1478. Tất cả những điều bề hạ giao,
Bậc Hiền trí chẳng ngại, lo âu,
Ngày hay đêm quốc sự tròn đủ,
Trụ chốn triều đình mới được lâu.
1479. Lộ trình nào sắp xếp kỳ công,
Khéo léo trang hoàng cho đại vương,
Người chẳng bước vào dù được bảo,
Mới mong có thể ở triều cung.
1480. Đừng bao giờ hưởng như vua chúa,
Lạc thú trần gian khiến say sưa,
Mọi chốn người cần theo phục vụ,
Mới mong trụ được trong cung vua.
1481. Đừng dùng y phục như quân vương,
Cũng chẳng trang hoa, dầu xúc thơm,
Không giả dáng ngài hay tiếng nói,
Phục trang, cung cách riêng bình thường,

- Người làm như thế thì đoan chắc,
Trụ chốn triều đình mới vững trường.
- 1482.** Khi đức vua vui cùng cận thần,
Vây quanh là nữ cung, phi tần,
Cận thần Hiền trí không thân mật,
Gợi ý với cung tần nữ nhân.
- 1483.** Người không tự đắc, trọng bề ngoài,
Biết tự chủ và cẩn thận hoài,
Lại có quyết tâm, kiên định nữa,
Mới mong trụ được trong cung ngai.
- 1484.** Đừng đùa cợt với các cung phi,
Không đến chốn riêng trò chuyện chi,
Không lấy của từ ngân khố ấy,
Mới mong trụ được chốn triều nghi.
- 1485.** Đừng bận tâm về việc nghỉ ngơi,
Đừng ham uống rượu nồng, buông lời,
Không nên giết thú nơi vườn thượng,
Trụ chốn triều đình ôn, chẳng rời.
- 1486.** Không ngồi bảo tọa lẫn long sàng,
Cũng chẳng dùng kim đôn, tượng, xa,
Đừng nghĩ đặc quyền mình được hưởng,
Mới mong trụ được chốn cung hoàng.
- 1487.** Đừng giữ khoảng xa quá với ngai,
Cũng không gần quá sẽ không hay,
Người luôn trước mặt trực hầu sẵn,
Đề đáng chúa công nhận thấy ngay.
- 1488.** Đừng có xem vua giống bạn mình,
Cũng không phải mối kết giao tình,
Nhà vua dễ nổi cơn cuồng nộ,
Như mắt đùng râu thóc xôn nhanh.
- 1489.** Đừng nghĩ rằng ta ân sủng đây,
Là người Hiền trí thông minh đây,
Cả gan dám nói năng thô lỗ,
Giữa buổi thiết triều hội chúng vây.
- 1490.** Nếu gặp vận may thì bắt lấy,
Người đừng tin tưởng, trông chờ ngai,
Nên phòng thân tựa như phòng hỏa,
Trụ chốn triều đình mới ôn hoài.

1491. Thấy đặc ân từ Sát-đế-ly,
Ban cho hoàng tử, đệ cùng huynh,
Các thôn làng lẫn thị thành nữa,
Hay tiểu quốc nào, xứ sở gì,
Người cũng bình tâm, giữ lặng thinh,
Đừng buông lời xét đúng sai chi.
1492. Đối với những người làm quân tượng,
Xa binh, vệ sĩ, bộ binh thường,
Họ hoàn thành tốt mọi công việc,
Vua quyết định rằng tăng bổng lương,
Người chẳng nên xen vào cản trở,
Mới mong trụ vững ở triều vương.
1493. Trí hiền giữ bụng lép như cung,
Lại uyển chuyển như tre uốn cong,
Không được làm gì trái ý chúa,
Trụ triều đình vững như lòng mong.
1494. Giữ gìn bụng lép như cây cung,
Như cá miệng im, chẳng lưỡi dùng,
Điều độ uống ăn, gan, thận trọng,
Tại triều đình ở được ung dung.
1495. Đừng lui tới các nữ nhân nhiều,
Vì sẽ làm cho sức lực tiêu,
Kẻ gốc trở thành người bệnh hoạn,
Ho hen, đau nhức, yếu liêu xiêu.
1496. Đừng nên phát biểu quá nhiều lời,
Không phải lúc nào cũng lặng thôi,
Khi thuận tiện thì người phải nói,
Rõ ràng, cân nhắc, chẳng vòng vo.
1497. Đừng nóng giận hay kích nộ ai,
Dùng lời chân thật, dịu dàng, ngay,
Không gây chia rẽ, nói năng nhảm,
Nơi chốn triều đình mới trụ hoài.
1498. Người nên phụng dưỡng mẹ cùng cha,
Cung kính cao niên, trưởng tộc gia,
Lời nói dịu hòa và tử tế,
Tại triều đình ở được lâu xa.
1499. Rèn luyện, lành nghề, và tự chủ,
Nhiều kinh nghiệm, vững, tánh hòa nhu,

- Thanh liêm, thận trọng, lại khôn khéo,
Nơi chốn triều đình mới được lưu.
- 1500.** Với người trên đối xử khiêm cung,
Kính trọng hàng hoàng, thật quý tôn,
Tận tụy, thường vui hầu cận chúa,
Nơi triều đình ở mới thông dong.
- 1501.** Nếu như sứ giả ngoại bang qua,
Người phải luôn luôn tránh họ ra,
Lưu ý đại vương mình thật kỹ,
Với vua khác chẳng bận tâm ta.
- 1502.** Thấy Sa-môn với Bà-la-môn,
Các vị đa văn, đức hạnh tròn,
Người phải kính cung phụng sự họ,
Chốn triều đình trụ được lâu còn.
- 1503.** Phải giữ ngày trai giới trọn lành,
Theo Sa-môn với Bà-la-môn,
Họ đầy đức độ, đa văn ấy,
Người ở triều đình mới ổn an.
- 1504.** Với Sa-môn cả Bà-la-môn,
Các vị đa văn, đức hạnh tròn,
Cúng món uống ăn sao thích đáng,
Chốn triều đình trụ được lâu còn.
- 1505.** Với Sa-môn cả Bà-la-môn
Các vị đa văn, đức hạnh tròn,
Biết tiếp cận và phụng sự khéo,
Ngưỡng mong mình tiến bộ dần hơn.
- 1506.** Đừng bỏ đi truyền thống cúng dâng,
Đến Sa-môn với Bà-la-môn,
Cũng đừng tìm cách gì ngăn cản,
Việc bố thí cho kẻ khốn cùng.
- 1507.** Bạc Trí am tường hiểu biết nhiều,
Rẽ rành cách sắp việc tròn đều,
Rõ khi nào đúng, thời cơ đến,
Người mới ở yên chốn cung triều.
- 1508.** Cần mẫn với công việc phải làm,
Lại thêm nhanh nhạy và chu toàn,
Sắp lo, thực hiện việc thuận thực,
Người ở triều đình mới ổn an.

1509. Đền sân đập lúa chăm nom thường,
Các lán trại, gia súc, ruộng nương,
Cân thóc kỹ càng, cất vựa kín,
Trong nhà nấu nướng phải đong lường.
1510. Nếu nam tử hoặc đệ hay huynh,
Thiếu đức độ, tâm không ổn bình,
Họ dốt coi như không thiết yếu,
Giống y kẻ đã chết, còn hình,
Phải cho chúng phục trang, thực phẩm,
Chúng chỉ ngồi không mà nhận xin.
1511. Những hầu cận, bộc nô, làm công,
Phải đức hạnh và định tĩnh lòng,
Nghị lực, khéo tay, thường sẵn cán,
Giữ gìn, ứng phó cho tôn ông.
1512. Một người có đức độ, vô tham,
Tận tụy hộ trì cho đại vương,
Bên cạnh, ở xa đều tạo lợi,
Mới mong ở chốn triều đình an.
1513. Người phải biết rành ý của vua,
Phải theo tâm bệ hạ cho vừa,
Đừng nên hành xử nghịch lòng chúa,
Người ở triều đình được mến ưa.
1514. Thoa dầu thơm tắm đấng minh quân,
Đầu cúi xuống khi giúp rửa chân,
Nếu bị phạt chỉ không phẫn nộ,
Mới mong ở chốn triều đình an.
1515. Chắp tay khi thấy chiếc bình đầy,
Thấy quạ, ta nghiêng phải hướng vai,
Hà có minh quân, ta phải kính!
Ngài ban mọi dục lạc nơi đây.
1516. Ngài dâng sàng tọa cùng nhiều y,
Chỗ trú, tư dinh, phương tiện đi,
Rải của cải, tiền cho mọi chúng,
Tựa mưa chan xuống từ vầng mây.
1517. Ở chốn triều đình thế, quý vị!
Người theo cách ấy mà hành trì,
Sẽ mau được đức vua ân sủng,
Và chúa công ban thưởng, nể vì.”

VIII. ĐOẠN GIỮA

Ba ngày trôi qua, bậc Đại sĩ thuyết giáo như vậy cho vợ con, thân tộc, bạn hữu cùng nhiều người khác đã xong. Khi biết thời hạn đã mãn, từ tinh sương, sau khi tắm và dùng bữa ăn đầy cao lương mỹ vị, ngài bảo:

– Ta sẽ tạ từ đức vua và ra đi cùng chàng thiếu niên này.

Rồi ngài đi đến cung vua cùng với đám quyến thuộc vây quanh, đánh lễ vua rồi đứng sang một bên, nhún nhủ đôi lời cần thiết, thích đáng.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

- 1518.** Khi đã khuyên răn, nhún nhủ vậy,
Đến thân bằng, quyến thuộc cùng hay,
Bậc Hiền trí bước cùng bằng hữu,
Tiến thẳng hoàng cung của đức ngài.
- 1519.** Đê đầu đánh lễ dưới chân vua,
Vai phải nghiêng nghiêng hướng đức vua,
Vidhura hai tay chấp lại,
Bậc Hiền trí tấu những lời sau.
- 1520.** “Thiếu sinh này sẽ dẫn thần đi,
Sử dụng thần theo ý của y,
Thần muốn tâu trình vì quyến thuộc,
Cúi xin đáng chiến thắng nghe bày.
- 1521.** Mong ngài trông đến các con thần,
Và của cải đang có tại gia,
Để lúc thần đi xa biệt dạng,
Không lo tổn quyến thuộc, người thân.
- 1522.** Giống đi trên đất trượt bàn chân,
Người phải tựa đất mà đứng lên,
Cú trượt của thần đây cũng vậy,
Xin thừa nhận lỗi này nơi thần!”

Vua nghe vậy liền bảo:

– Nay bậc Trí giả, trẫm không muốn khanh ra đi chút nào cả. Trẫm sẽ tìm cách triệu chàng thiếu sinh ấy đến rồi giết gã đi và lấy chiếu bó giấu xác.

Vua giải thích việc này qua vắn kệ:

- 1523.** Nay khanh, không thể bước đi ra,
Đây chính điều cương quyết của ta.
Khi đã giết xong chàng trẻ ấy,
Khanh cần ở lại chốn này mà.

Đây là thượng sách cho ta đó,
Bậc Đại trí, xin chớ bỏ ta!

Bậc Đại sĩ nghe vậy liền kêu to:

– Tâu Đại vương, ý định như thế quả không xứng chút nào với Đại vương.

Rồi ngài nói thêm:

1524. Đừng để tâm vào việc bất công,
Hãy tinh cần luyện tập thân tâm,
Đúng theo thánh điển đầy thâm nghĩa,
Ô nhục thay là việc ác gian!
Khi đã làm xong điều tội lỗi,
Con người đọa địa ngục sau cùng.

1525. Chuyện này không phải lẽ công bằng,
Đây chẳng phải là việc đáng làm,
Tâu Chúa công, vua là tối thượng,
Quyền uy với kẻ dưới tối tàn,
Muôn đem giết nó hay thiêu sống,
Thần già từ không dám hận sân.

Nói xong, bậc Đại sĩ kính cẩn vái chào vua rồi khích lệ hoàng hậu, hoàng tử, các cung phi, quần thần đôi lời xong bước ra khỏi cung điện, trong khi họ không còn giữ được lòng can đảm, chịu đựng được nữa, cùng bật tiếng khóc to và dân chúng trong kinh thành đồng kêu lên:

– Bậc Đại trí đang ra đi cùng chàng tuổi trẻ, ta hãy đến tiễn ngài lên đường!

Họ nhìn theo ngài trong sân châu, song ngài an ủi và khuyên răn họ:

– Đừng ưu tư nữa, vạn pháp đều vô thường, thân người giả tạm, cái gọi là danh tiếng cuối cùng rồi cũng tiêu tan, vậy các vị hãy nhiệt tâm bố thí và làm các thiện pháp.

Rồi họ trở lại, ai về nhà nấy. Lúc ấy, người con trai của bậc Hộ pháp, được các em trai vây quanh, nghĩ rằng mình phải đi đón cha nên bước ra khỏi cửa tư gia và gặp được cha. Trông thấy con, bậc Đại sĩ không thể bình tâm, ngài xúc động ôm con vào lòng vỗ về, rồi bước vào nhà.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1526. Đại sĩ ôm hôn vị trưởng nam,
Gắng đè nén nỗi đau trong lòng,
Mất buồn với lệ tràn tuôn đầm,
Hướng đại thất ngài tiến phía trong.

Lúc bấy giờ, có cả ngàn công tử, cả ngàn công nương, cả ngàn phu nhân, bảy trăm cung nữ cùng nhiều nô bộc nam nữ, cận vệ, thân bằng quyến thuộc quỳ xuống khắp nơi, cả cung thất chẳng khác nào vườn cây sãla ngã nghiêng trong cơn cuồng phong bão táp, báo hiệu giờ tận thế.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

- 1527.** Trong cung Trí giả Vidhura,
Thê tử buồn đau lẫn khóc la,
Nhìn tựa vườn sālā ngã đổ,
Tả tơi trong bão táp phong ba.
- 1528.** Cả ngàn người đến chính phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.
- 1529.** Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.
- 1530.** Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.
- 1531.** Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.
- 1532.** Cả ngàn người đến chính phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
“Tại sao ngài bỏ chúng tôi đành?”
- 1533.** Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
“Tại sao ngài bỏ chúng tôi đành?”
- 1534.** Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
“Sao ngài bỏ chúng tôi đi xa?”
- 1535.** Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
“Sao ngài bỏ chúng tôi đi xa?”

Sau khi an ủi quần chúng và hoàn tất mọi việc còn sót lại, bậc Đại sĩ nhắc nhở những người trong nội cung, ngoại cung và chỉ bảo cho họ những gì cần

chỉ bảo, ngài đến gặp Puṇṇaka và cho chàng hay rằng ngài đã làm xong mọi việc cần làm.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1536. Khi đã làm xong mọi việc nhà,
Những người mình đã chỉ bày qua,
Bạn bè quý mến, người hầu cận,
Thê tử, người thân trong tộc gia.

1537. Sắp đặt những công việc vẹn toàn,
Cho hay tài sản tại gia đình,
Kho tàng và nợ nần cần trả,
Ngài nói dạ-xoa Puṇṇaka.

1538. “Ba ngày chàng ở tại cung ta,
Ta cũng đã xong mọi việc nhà,
Đã bảo ban thê tử rõ biết,
Giờ làm theo ý Kaccāna!”

Puṇṇaka đáp lại:

1539. Này quan xét xử, nếu ngài xong,
Đã dặn tùy tùng với vợ con,
Giờ hãy nhanh chân mau khởi tiến!
Hành trình dài phía trước đang còn.

1540. Ngài cũng không lo ngại, sợ chi,
Năm đuôi tuần mã này mà đi!
Và đây thật chính lần sau cuối,
Ngài thấy nhân gian, cuộc sống này.

Bậc Đại sĩ liền đáp lại:

1541. Ta chẳng sợ gì ai nữa đâu,
Ta không phạm lỗi, trái sai nào,
Thông qua cả ý và thân, khẩu,
Hà có ta đi cỡi khổ đau?

Thế là bậc Đại sĩ không hề sợ hãi, can đảm như con sư tử kiêu hùng, lớn tiếng bảo:

– Đây là cầm bào của ta, đừng cỡi nó ra nếu ta không cho phép!

Rồi với Ba-la-mật quyết tâm cao độ, ngài thắt đai áo thật chặt, gỡ đuôi ngựa ra, hai tay nắm chặt lấy đuôi ngựa, thúc đôi chân vào hông ngựa và bảo chàng:

– Ta đã nắm đuôi ngựa rồi, này thiếu niên, thôi hãy đi đâu tùy ý chàng!

Lúc ấy Puṇṇaka ra lệnh cho con thiên ý mã kia, nó liền nhảy vọt lên bầu trời mang theo bậc Trí giả.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

- 1542.** Vidhura được mã vương mang,
Trực chỉ bay lên giữa khoảng không,
Nhanh đến Hắc Sơn nơi đỉnh núi,
Mà không va tảng đá, cành ngang.

Trong lúc Puṇṇaka đem bậc Đại sĩ đi như vậy, thê tử ngài cùng nhiều người đến chỗ ở của Puṇṇaka để chứng kiến. Khi họ không thấy bậc Đại sĩ đâu cả, họ liền khóc lóc thảm thiết, ngã sóng sượt như thể chân cẳng họ bị đứt lìa và lăn qua lộn lại.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

- 1543.** Một ngàn người nữ là phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa thần,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi mất tăm!
Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa thần,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi mất tăm!
Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa ngoa,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi rất xa!
- 1544.** Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa ngoa,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi rất xa!
- 1545.** Một ngàn người nữ là phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Ngài đi đâu thế, bậc Hiền nhân?
Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,

Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Ngài đi đâu thế, bậc Hiền nhân?
Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Bậc Hiền! Ngài đã đi đâu xa?

- 1546.** Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thấy dang tay kêu khóc nói,
Bậc Hiền! Ngài đã đi đâu xa?

Kêu than như vậy rồi tất cả cùng với người dân khắp thị thành rên khóc đi thẳng vào hoàng môn. Vua nghe tiếng than khóc rền rĩ liền mở cửa sổ ra hỏi tại sao họ than khóc như vậy. Họ trình:

– Tâu Đại vương, chàng thanh niên đó thật ra chẳng phải là Bà-la-môn gì cả, mà chính thần dạ-xoa giả dạng Bà-la-môn đến mang bậc Trí giả đi mất rồi. Không có ngài, chúng thần không thiết sống nữa. Nếu ngài không trở về trong vòng bảy ngày nữa, chúng thần sẽ chất gỗ hàng trăm hàng ngàn xe, đốt cháy và vào đó tự thiêu cả cho rồi.

Họ tuyên bố điều này bằng văn kệ:

- 1547.** Nếu từ đây tính bảy đêm rồi,
Bậc Trí chẳng về với chúng tôi,
Tất cả sẽ vào trong lửa đỏ,
Sống không còn ý nghĩa, than ôi!

Nghe họ nói xong, nhà vua an ủi:

– Thôi các khanh đừng ưu tư, đừng thương tiếc, đừng khóc than nữa! Bậc Trí giả có giọng nói êm dịu sẽ thuyết phục chàng trai kia bằng giáo pháp và sẽ khiến chàng quy phục dưới chân ngài, chẳng mấy chốc ngài sẽ trở về, khiến cho bộ mặt đầm lệ của dân chúng toàn thành này cười tươi trở lại!

Rồi vua ngâm kệ:

- 1548.** Thật đại tuệ là bậc Trí nhân,
Uyên thâm và đủ mọi tài năng,
Không lâu ngài tự tìm đường thoát,
Ngài sẽ trở lui, chớ hãi hùng.

IX. PHÁP CỦA THIỆN NHÂN

Sau khi đã đem bậc Đại sĩ lên đỉnh Hắc Sơn, Puṇṇaka liền nghĩ thầm: “Người này còn sống thì ta không vinh hiển được, vậy ta sẽ giết y lấy quả tim

đem về long cung dâng cho vương hậu Vimalā và sau khi chiêm được công chúa Irandatī, ta sẽ lên thiên giới.”

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1549. Đến nơi xong dạ-xoa thâm tính,
 Tư niệm thường cao, thấp khởi sinh,
 Ngài sống, với ta không ích lợi,
 Chỉ bằng ta giết lấy con tim.

Rồi dạ-xoa lại nghĩ: “Nếu chẳng cần giết y bằng chính tay ta, sao ta lại chẳng làm y chết đi vì kinh sợ bằng cách hiện ra hình thù khủng khiếp?” Thế là sau khi hiện hình ác quỷ, hấn đến gần hù dọa bậc Đại sĩ, ném ngài xuống đất, ngoạm ngài trong miệng giữa các răng nanh như thể sắp nuốt sống ngài nhưng bậc Đại sĩ chẳng hề dựng sợi tóc nào. Hấn lại hiện hình sư tử và voi lớn hung hăng, lấy răng và ngà dọa tấn công ngài. Khi ngài chẳng tỏ ra khiếp sợ, hấn liền hiện hình đại mãng xà to như chiếc thuyền lớn hình máng xối, đến gần ngài rít lên, cuộn thân quanh ngài, phủ đầu ngài bằng chiếc mào, ngài vẫn chẳng tỏ chút gì sợ hãi. Rồi hấn bảo:

– Ta sẽ để y đứng trên đỉnh núi và rơi xuống, làm y tan vụn ra từng mảnh.

Thế là hấn nổi trận cuồng phong, nhưng nó cũng chẳng lay động được đầu sợi tóc nào của ngài cả. Rồi hấn để ngài trên đỉnh núi, hiện hình con voi làm rung chuyển ngọn núi ngã nghiêng như thể cây chà là rừng. Nhưng dù vậy, hấn cũng không thể làm lay động được đầu sợi tóc nào của ngài cả. Sau đó, hấn bảo:

– Ta sẽ giết y bằng cách làm tim y vỡ ra vì khiếp đảm khi nghe một tiếng gầm kinh khủng.

Rồi hấn đi vào trong núi, rống lên một tiếng gầm khủng khiếp rền vang cả đất trời nhưng bậc Đại sĩ cũng chẳng tỏ ra khiếp sợ, vì ngài biết rằng dù hấn hiện hình dạ-xoa, sư tử, voi hay long vương, có làm mưa gió rung chuyển núi rừng hay vào trong núi gầm thét vang dội đi nữa, hấn cũng chỉ là một thanh niên, không là gì khác.

Dạ-xoa liền nghĩ thầm: “Ta không thể nào giết người này bằng cách tấn công bên ngoài, vậy ta chỉ còn cách giết bằng chính tay ta.” Thế là hấn đặt bậc Đại sĩ lên trên đỉnh núi, còn chính hấn xuống chân núi đi lên từ lòng núi như thể hấn xuyên sợi chỉ màu nhạt qua hạt ngọc có soi lỗ với tiếng gầm lớn. Hấn thô bạo chụp hai chân bậc Đại sĩ tung lên xoay tít, dựng đầu ngài xuống phía dưới trong khoảng không chẳng có vật gì để ngài có thể nắm lấy được.

Cảnh ấy được miêu tả như sau:

1550. Sau khi đến đó, núi lưng chừng,
 Thần dạ-xoa vào thẳng phía trong,

Hắn ác tâm mang ngài dốc ngược,
Ở nơi trống trải, chẳng đề phòng.

1551. Lơ lửng vực sâu, địa ngục nguy,
Vô cùng kinh khiếp, khó qua đi,
Quan hiền nhất Kuru không hãi,
Ngài bảo Puṇṇaka thế này.

1552. “Thánh thiện bề ngoài, sao đáng khinh,
Nhìn trông tự chế, lại không gìn,
Người gây tai hại và điều ác,
Bản chất người đây chẳng thiện chi!

1553. Muốn ném ta rơi vực hiểm nguy,
Làm ta chết, lợi cho người gì?
Nay xem không giống loài người đây,
Người thuộc thiên nào? Hãy nói đi!”

Puṇṇaka đáp lại:

1554. Nghe đến dạ-xoa Puṇṇaka,
Đại thần của Vua Kuvera.
Long vương, lãnh chúa Varuṇa,
Cao quý, thanh liêm, hùng dũng, oai!

1555. Ta mơ công chúa, con ngài này,
Long nữ tên Irandatī,
Vì đáng yêu kiều khả ái ấy,
Nên ta quyết hại bậc Hiền đây.

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Thế giới này sụp đổ chỉ vì một việc hiểu lầm, tại sao một kẻ si tình long nữ lại muốn giết ta? Ta phải biết tất cả sự thật của câu chuyện này mới được.” Rồi ngài ngâm kệ:

1556. Nay chớ bị lừa, hỡi dạ-xoa,
Nhiều người bị hại bởi lầm to,
Việc chàng yêu quý nàng long nữ,
Nào có liên quan việc giết ta?
Này hãy mau lên, thần đại lực,
Kể ta nghe mọi chuyện kia mà.

Nghe vậy, Puṇṇaka liền đáp ngài:

1557-59. Vì yêu ái nữ đại long vương,
Ta hội ý thân tộc của nàng,
Và lúc ta cầu hôn thiếu nữ,
Nhạc gia đã nói với ta rằng,
Các ngài hiểu mối tình say đắm,
“Ta sẽ ban chàng vị quý nường,

Hình dáng yêu kiều, mắt diễm lệ,
 Nụ cười tươi đẹp, ngát trăm hương.
 Nếu chàng đem sánh lễ vương gia,
 Tim của Trí nhân Vidhura,
 Chiếm được nhờ công bằng thắng trận,
 Công nương được gả giá này mà,
 Chúng ta không nhận quà gì khác.”
 Như vậy ta đâu bị đánh lừa?
 Hỡi bậc chánh chân nghe thật kỹ,
 Không gì làm lẫn về phần ta!

- 1560.** Long vương sẽ gả vị công nương,
 Đổi trái tim nhờ thắng chánh chân,
 Chính bởi điều này ta đã quyết,
 Giết ngài theo cách chúng ta cần,
 Nếu ta ném xác ngài trong vực,
 Ta sẽ giết ngài lấy quả tim.

Khi bậc Đại sĩ nghe vậy, suy nghĩ: “Vương hậu Vimalā không cần trái tim của ta đâu. Vua Varuṇa sau khi nghe pháp thoại, đã tán thán ta và ban ta châu báu, có lẽ khi ngài về cung đã tả lại năng lực thuyết pháp của ta nên Vimalā cũng mong muốn nghe ta thuyết giảng. Puṇṇaka có lẽ đã nhận được lệnh của Varuṇa qua một sự hiểu lầm và hấn ta cũng chịu tác động của sự lầm tưởng riêng nên mới gây ra tai họa này. Vậy nay đặc tính của một bậc Trí như ta là có khả năng đưa ra ánh sáng và khám phá mọi chân lý. Nếu Puṇṇaka giết ta thì có ích gì? Nay ta giúp hấn hiểu rõ.” Suy nghĩ xong, ngài bảo:

– Nay thiếu sinh, ta biết chánh pháp mà thiện nhân phải tuân theo, vậy trước khi ta chết, hãy đặt ta trên đỉnh núi và nghe ta nói pháp lành của thiện nhân, sau đó chàng muốn làm gì tùy ý!”

Thế là ngài ngâm kệ trong khi lơ lửng giữa trời, đầu dốc ngược xuống dưới, để rồi sau khi thuyết pháp thiện nhân, ngài mặc cho chàng lấy mạng mình:

- 1561.** Ngươi hãy mang ta lên tức thì,
 Nếu ngươi cần trái tim ta chi,
 Nay ta thuyết hết cho ngươi rõ,
 Pháp của thiện nhân, hãy lắng nghe!

Puṇṇaka suy nghĩ: “Đây là pháp lành chưa hề được tuyên thuyết trước chư thiên và loài người. Vậy ta phải lập tức mang ngài lên và nghe pháp thiện nhân mới được.” Thế là hấn nhắc bậc Đại sĩ lên và đặt ngài trên đỉnh núi.

Bậc Đạo sư miêu tả cảnh ấy như sau:

- 1562.** Vị quan xử án nhất Câu-lâu,
Được dạ-xoa mang lên núi mau,
Được đặt ngay trên đỉnh núi ấy,
Và khi trông thấy ngài ngồi an,
Dạ-xoa cầu thỉnh bậc Hiền trí,
Quan xét xử đầy tuệ rộng cao.
- 1563.** “Ta đưa ngài khỏi vực sâu này,
Ta rất cần tìm ngài bữa nay,
Giờ hãy giảng cho ta tất cả,
Những gì gọi pháp thiện nhân đây!”

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp lại:

- 1564.** Người đưa ta khỏi vực sâu này,
Người rất cần tìm ta bữa nay,
Ta giảng giờ người nghe tất cả,
Những gì gọi pháp thiện nhân đây!

Rồi bậc Đại sĩ bảo:

– Thân thể ta nhờ uế, cho ta tắm rửa ngay.

Thần dạ-xoa ưng thuận, mang nước đến và khi ngài đang tắm rửa, hẩn liền đem thiên y cùng dầu thơm cho ngài. Sau khi ngài đã mặc y, chỉnh trang xong, hẩn lại đem vật thực trên thiên giới cho ngài. Sau bữa ăn, bậc Đại sĩ cho trang hoàng đỉnh Hắc Sơn, lại cho chuẩn bị một sàng tọa, ngài ngồi xuống pháp tòa được bài trí đẹp đẽ và ngâm vần kệ, trình bày phạm sự của một thiện nhân với vẻ uy nghi của một vị Phật:

- 1565.** Người hãy theo đường của cổ nhân,
Bàn tay ẩm tránh đốt khô lần,
Đừng bao giờ phản bội bằng hữu,
Đừng để dưới quyền ác nữ nhân.

Dạ-xoa không thể nào thấu triệt ý nghĩa của bốn qui tắc được diễn tả quá ngắn gọn như vậy liền hỏi thêm chi tiết:

- 1566.** Theo đường của cổ nhân là gì?
Và đốt bàn tay ẩm nghĩa chi?
Ai ác nữ nhân, ai phản bạn?
Xin ngài nói rõ nghĩa này đi!

Bậc Đại sĩ đáp lại:

- 1567.** Nếu thấy người chưa gặp, chẳng thân,
Ai mời người một chỗ ngồi an,
Ai mang lợi ích cho người ấy,
Bậc Trí gọi “theo đường cổ nhân.”

- 1568.** Ai trú một đêm ở thất người,
Dùng thêm món ăn uống người mời,
Đổi người, không được nghĩ điều ác,
Phản bạn chính là “kẻ đốt tay.”
- 1569.** Cây có tàng che, bóng mát râm,
Nơi đây có thể ngồi hay nằm,
Thì không được bẻ cành cây ấy,
Phản bạn thật là kẻ ác tâm.
- 1570.** Lấy quả đất đầy của cải dâng,
Cho người nữ đã chọn yêu thương,
Sau này có lúc nàng khinh bỉ,
Vây chớ dưới quyền ác nữ nhân.
- 1571.** Theo đường của cô nhân là vậy,
Tránh đốt bàn tay âm nghĩa này,
Đó ác nữ nhân và phản bạn,
Hãy theo thiện pháp, bỏ hành sai!

Như vậy, bậc Đại sĩ đã thuyết pháp cho thần dạ-xoa với uy nghi cao cả của một vị Phật về bốn phận sự của thiện nhân.

X. HẮC SƠN

Puṇṇaka nghe xong pháp lành liền quán xét: “Trong bốn lời khuyên này, bậc Hiền trí chỉ cầu mong sự sống cho ngài, vì ngài thật sự đã tiếp đãi ta nồng hậu, dù ta còn là kẻ xa lạ trước đây. Ta ở lại trong nhà ngài ba hôm, được ngài quý trọng vô cùng. Thế mà ta đang tạo ác nghiệp chỉ vì một nữ nhân, hơn thế nữa, ta đang phản bội thân bằng, nên ta làm hại bậc Trí giả này tức là ta không theo thiện nhân pháp, vậy ta cần gì long nữ chứ? Ta phải lập tức đem ngài trở lại thành Indapatta làm cho những khuôn mặt u sầu đắm lệ của dân chúng tại đó được tươi vui và ta sẽ vào trong thánh đường.” Rồi hẩn ngâm vãn kệ:

- 1572.** Nhà ngài ta ở đã ba hôm,
Ngài cấp cho ta thức uống ăn,
Bằng hữu ta ơi, ta thả đó!
Về theo ý Đức nhất Hiền nhân!
- 1573.** Dòng tộc long vương ta sẽ hủy,
Thôi, không long nữ nữa mà chi!
Nhờ lời hay đẹp của ngài ấy,
Bậc Trí thoát hình tử bữa nay!

Bậc Đại sĩ đáp lại:

– Này thiếu sinh, đừng đưa ta trở lại nhà mà cứ đem ta đến cung long vương đi.

Rồi ngài ngâm kệ:

1574. Giờ hãy đưa ta, hỡi dạ-xoa,
Đến thăm nhạc phụ của người mà,
Đề ta mang lợi cho ngài ấy,
Ta muốn viếng thăm rồng chúa qua,
Cùng với chốn long cung đẹp đẽ,
Nơi ta chưa được thấy bao giờ.

Nghe vậy, Punṇaka đáp:

1575. Bậc Trí không nên để mắt trông,
Những gì không lợi lạc thường nhân,
Tại sao bậc Trí hiền tôn quý,
Ước muốn đi vào chốn địch quân?

Bậc Đại sĩ đáp:

1576. Quả thật là ta cũng tuệ tri,
Trí nhân chẳng để mắt điều này,
Ta không phạm tội nơi đâu cả,
Nên đến chết thì chẳng ngại chi!

Ngài tiếp:

– Hơn nữa nhờ bài thuyết pháp của ta, một dạ-xoa độc ác như người đây đã được điều phục và hồi tâm, nay người lại nói: “Thôi, ta không cần long nữ nữa, ngài cứ trở về.” Nên phận sự của ta là phải làm dịu lòng long vương, cứ đem ta lại đó.

Nghe vậy, Punṇaka ưng thuận đáp:

1577. Quan xét xử này! Ta ngắm trông,
Chốn thần lực thật sự vô song!
Nơi long vương ấy đang vui trú,
Giữa điệu múa ca rộn rã cung,
Tựa Đại vương Vessavaṇa,
Ngự nơi Nalīṇṇa thành trung.

1578. Chốn có nhiều long nữ đẹp tươi,
Thâu đêm suốt sáng ở vui chơi,
Nhiều tràng hoa thắm đủ màu sắc,
Cung rực sáng như chớp giữa trời.

1579. Hải vị sơn hào, mỹ tửu đầy,
Tiếng ca, điệu múa, nhạc hòa hay,
Bao nhiêu long nữ yêu kiều đáng,
Lộng lẫy điểm trang và áo y.

Nói thế xong, Punṇaka đặt bậc Đại sĩ ngồi trên lưng thần mã bay hướng đến đó.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

- 1580.** Trí nhân đệ nhất xứ Câu-lâu
Được dạ-xoa đưa ngồi phía sau,
Quan xét xử tài cao lỗi lạc,
Được mang đến điện long vương mau.
- 1581.** Long cung thần lực vô song đây,
Bậc Trí đứng sau Punṇaka,
Rồng chúa thấy hai người thuận hợp,
Bảo ngay phò mã lời xưa kia.
- 1582.** Nay khanh lên đến cõi nhân gian,
Đề kiểm quả tim bậc Trí hiền,
Có phải khanh thành tựu trở lại,
Mang quan xử tuệ trí hoàn toàn?

Punṇaka đáp:

- 1583.** Người mà ngài muốn đã về đây,
Hộ pháp mà thần đạt chính ngay,
Bệ hạ hãy nghe ngài thuyết pháp,
Gặp chân nhân được lạc lâu dài!

(Hết phần Hắc Sơn)

Long vương ngâm kệ khi thấy bậc Đại sĩ:

- 1584.** Người này đang đứng ngắm nhìn ta,
Ngắm những gì chưa thấy trước kia,
Bị hoảng hốt vì lòng sợ chết,
Giờ không thể nói lời chào ra,
Vớ ta, trong lúc đầy kinh hãi,
Đây chẳng phải người đại trí mà!

Bậc Đại sĩ biết nhờ thượng trí của mình rằng long vương muốn được chào hỏi như vậy mà không nói thẳng ra là mình đã không chịu thi lễ vua, và bằng cách cư xử cao đẹp ngài nói với vua rằng: “Thần bị kết án tử mà thi lễ với người chẳng?” rồi ngâm đôi vần kệ:

- 1585.** Thần không sợ, tấu chúa rồng linh,
Bởi cái chết, thần chẳng hãi kinh,
Nhưng tội nhân không quyền được lễ,

Với đao phủ nợ sắp hành hình,
Và ngài cũng chẳng nên đòi hỏi,
Kẻ tội phạm kia thì lẽ mình.

- 1586.** Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!

Nghe như vậy, long vương liền ngâm hai kệ tán thán bậc Đại sĩ:

- 1587.** Đúng như ngài nói, hỡi Hiền nhân,
Ngài nói chánh chân: Một tội nhân,
Không quyền thi lễ người hành quyết,
Người ấy cũng không hỏi tội nhân.

- 1588.** Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!

Bấy giờ, bậc Đại sĩ ân cần nói với long vương:

- 1589.** Cung điện diệu thần của đức ngài,
Huy hoàng, đầy lực, tấn sinh khai,
Lại không trường cửu, không miên viễn,
Thần hỏi long vương sự việc này,
Làm thế nào vua đã hưởng được,
Long cung lộng lẫy như vậy đây?

- 1590.** Cung ngài hưởng chẳng bởi nhân duyên,
Tiết chuyên, trời ban, tự tạo nên?
Bệ hạ nói cho thần được rõ,
Cách nào ngài được hưởng cung đền.

Nghe vậy, long vương đáp lời:

- 1591.** Cung này không phải chẳng nhân duyên,
Không tiết chuyên, trời ban, tạo nên,
Mà bởi nghiệp mình không bất thiện,
Chính do phước đức hưởng cung đền.

Bậc Đại sĩ lại nói:

- 1592.** Ngài giữ nguyện gì, Phạm hạnh chi?
Hành nào tốt được quả lành này?
Long cung thần diệu, to ngài hưởng,
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai.

Long vương đáp lại:

- 1593.** Trong lúc làm người ở thế gian,
Trẫm và vương hậu đức tin tràn,
Cả hai lo cúng thật chu đáo,
Dâng đến Sa-môn, Bà-la-môn,
Nhà trẫm tựa như giếng nước mát,
Khiến cho thỏa mãn các Hiền nhân.
- 1594.** Nào những vòng hoa, hương, nước thơm,
Ánh đèn, phòng ở, chỗ ngồi, giường,
Áo y, đồ uống ăn vừa miệng,
Nơi ấy trẫm cung kính cúng dường.
- 1595.** Trẫm giữ nguyên vậy, Phạm hạnh đây,
Thế hành tốt được quả lành này,
Đại cung thần diệu, thừa Hiền trí!
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai.

Bậc Đại sĩ bảo:

- 1596.** Nếu hành như vậy được cung đây,
Ngài biết quả sanh bởi phước này,
Vậy hãy nhiệt tâm theo thiện pháp,
Sau thêm cung nữa trú như vậy.

Nghe thế, long vương đáp:

- 1597.** Nơi đây không có các Sa-môn,
Cũng chẳng vị nào Bà-la-môn,
Để trẫm cúng dường vật thực, ẩm,
Vậy khanh hãy nói cho ta thông,
Làm sao có thể chu toàn hạnh,
Sau hưởng cung vậy như ước mong?

Bậc Đại sĩ bảo:

- 1598.** Vì có nhiều rỗng ở chốn cung,
Thê nhi, quyến thuộc, đoàn tùy tùng,
Đừng bao giờ có tâm hung ác,
Hại họ qua thân, khẩu Đại vương!
- 1599.** Như vậy long vương chẳng ác tâm,
Hiền hòa khi nói và khi làm,
Ngài an trú ở chốn cung điện,
Đến lúc từ trần, thiên cảnh sanh!

Sau khi nghe pháp thoại của bậc Đại sĩ, long vương nghĩ thầm: “Bậc Hiền trí này không thể xa nhà quá lâu, vậy ta sẽ đưa ngài đến yết kiến Vimalā cho

nàng nghe chân ngôn của ngài để xoa dịu nỗi ước vọng khát khao của nàng bấy lâu; thế là ta sẽ làm đẹp lòng Vua Dhanañjaya và đưa bậc Hiền trí trở về là chuyện rất phải.” Thế rồi ngài nói:

1600. Xa ngài chắc đức vua bi thương,
Ngài chính cận thân của Đại vương,
Ai bị khổ đau hay trọng bệnh,
Gặp ngài cảm thấy được an khương.

Nghe điều đó, Bậc Đại sĩ liền tán thán long vương:

1601. Quả thật long vương nói pháp lành!
Tuyệt hay, đem ích lợi khi hành,
Ngay trong những khổ nguy như thế,
Người giống thần đây được hiểu rành.

Nghe vậy, long vương càng thêm hoan hỷ liền ngâm kệ hỏi ngài:

1602. Hấn chiếm ngài không trả giá sao?
Hoặc hơn bài bạc nhờ tài cao?
Hấn tau thắng cuộc công bình lắm,
Ngài thuộc dạ-xoa bởi cách nào?

Bậc Đại sĩ đáp:

1603. Punṇaka thắng cuộc tranh tài,
Vớ chúa thượng thần lúc đánh bài,
Ngài đã dâng thần vì chiến bại,
Công bằng hấn thắng chẳng gì sai.

Nghe vậy, long vương rất hài lòng.

Bậc Đạo sư diễn tả như sau:

1604. Long vương cảm thấy rất hân hoan,
Nghe được lời hay của Trí nhân,
Vua nắm lấy tay bậc Đại tuệ,
Vào cung vương hậu gặp ngay nàng.

1605. Vimalā hỡi! Ngài nơi đây,
Vì ngài mà vóc ngọc hao gầy,
Cao lương chẳng muốn hưởng chi cả,
Chẳng giống mình vàng như trầm vậy,
Bậc Trí hiền này có thể giúp,
Khiến xua bóng tối tan nhanh đi.

1606. Chính quả tim ngài nàng ước ao,
Vàng nhật phát quang sáng biết bao,

Nàng hãy lắng nghe lời bậc Trí,
Gặp ngài lần nữa khó làm sao!

Trông thấy ngài, Vimalā liền ân cần tiếp rước.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

- 1607.** Nàng Vimalā thấy Trí nhân,
Mười ngón tay thon chấp kính cung,
Tâm khởi hân hoan, vẻ hỷ lạc,
Thưa quan đệ nhất Câu-lâu rằng,
- 1608.** “Khi trông thấy những gì chưa thấy,
Người hoảng hốt vì sợ chết đây,
Không thể hỏi chào, thi lễ nữa,
Trí hiền không phải là người này!”
- 1609.** “Thần không sợ, nữ chúa rồng linh!
Vì cái chết, thần chẳng hãi kinh,
Nhưng tội nhân không quyền được lễ,
Với đao phủ nọ sắp hành hình,
Vị này cũng chẳng nên đòi hỏi,
Kẻ tội phạm kia thi lễ mình!
- 1610.** Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!”
- 1611.** “Đúng như ngài nói, hỡi Hiền nhân,
Ngài nói chánh chân: Một tội nhân,
Không quyền thi lễ người hành quyết,
Người ấy cũng không hỏi tội nhân.
- 1612.** Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!”
- 1613.** “Cung điện diệu thân của quý ngài,
Huy hoàng, đầy lực, tấn sinh khai,
Lại không trường cửu, không miên viễn,
Thần hỏi hậu vương sự việc này,
Sao hậu vương đây đã hưởng được,
Long cung lộng lẫy, đẹp như vậy?
- 1614.** Long cung hưởng chẳng bởi nhân duyên,
Tiết chuyên, trời ban, tự tạo nên?

Vương hậu nói cho thần được rõ,
Cách vương hậu được hưởng cung đền.”

1615. “Cung này không phải chẳng nhân duyên,
Không tiết chuyên, trời ban, tạo nên,
Mà bởi nghiệp mình không bất thiện,
Chính do phước đức hưởng cung đền.”

1616. “Ngài giữ nguyện gì, Phạm hạnh chi?
Hành nào tốt được quả lành này?
Long cung thần diệu to ngài hưởng,
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai.”

1617. “Trong lúc làm người ở thế gian,
Ta và bệ hạ đức tin tràn,
Cả hai lo cúng thật chu đáo,
Dâng đến Sa-môn, Bà-la-môn,
Nhà của ta như giếng nước mát,
Khiến cho thỏa mãn các Hiền nhân.

1618. Nào những vòng hoa, hương, nước thơm,
Ánh đèn, phòng ở, chỗ ngồi, giường,
Áo y, đồ uống ăn vừa miệng,
Nơi ấy chúng ta kính cúng dường.

1619. Ta giữ nguyện vậy, Phạm hạnh đây,
Thê hành tốt được quả lành này,
Đại cung thần diệu, thừa Hiền trí!
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai.”

1620. “Nếu hành như vậy được cung đây,
Ngài biết quả sanh bởi phước này,
Vậy hãy nhiệt tâm theo thiện pháp,
Sau thêm cung nữa trú như vậy.”

1621. “Nơi đây không có các Sa-môn,
Cũng chẳng vị nào Bà-la-môn,
Đề hậu vương dâng vật thực, ẩm,
Vậy ngài hãy nói cho ta thông,
Làm sao có thể chu toàn hạnh,
Sau hưởng cung vậy như ước mong?”

1622. “Vì có nhiều rồng ở chốn cung,
Thê nhi, quyến thuộc, đoàn tùy tùng,
Đừng bao giờ có tâm hung ác,
Hại họ qua thân, khẩu hậu vương!

- 1623.** Như vậy hậu vương chẳng ác tâm,
 Hiền hòa khi nói và khi làm,
 Được an trú ở chốn cung điện,
 Đến lúc từ trần, thiên cảnh sanh!”
- 1624.** “Xa ngài chắc đức vua bi thương,
 Ngài chính cận thân của Đại vương,
 Ai bị khổ đau hay trọng bệnh,
 Gặp ngài cảm thấy được an khương.”
- 1625.** “Quả thật hậu vương nói pháp lành!
 Tuyệt hay, đem ích lợi khi hành,
 Ngay trong những khổ nguy như thế,
 Người giống thần đây được hiểu rành.”
- 1626.** “Hắn chiếm ngài không trả giá sao?
 Hoặc hơn bài bạc nhờ tài cao?
 Hắn tau thắng cuộc công bình lắm,
 Ngài thuộc dạ-xoa bởi cách nào?”
- 1627.** “Punṇaka thắng cuộc tranh tài,
 Với chúa thượng thần lúc đánh bài,
 Vua đã dâng thần vì chiến bại,
 Công bằng hắn thắng chẳng gì sai.”

Nghe được lời giảng của bậc Đại sĩ, Vimalā thỏa nguyện vô cùng, cho người mang đến cho ngài một ngàn bình nước thơm để tắm; khi tắm, ngài được dâng thiên y, các tràng thiên hoa, v.v... lúc ngài đang chỉnh trang thì lại được đem đến vật thực của cõi trời. Trong khi bậc Đại sĩ dùng bữa thì họ tiến hành trang hoàng bảo tọa. Sau đó, ngài ngồi vào pháp tòa được bày trí trang nghiêm ấy mà thuyết pháp với dáng vẻ uy nghi của một vị Phật.

Bậc Đạo sư đã tả cảnh này:

- 1628.** Cách nào Varuṇa long vương
 Đã hỏi các câu nơi Trí nhân,
 Thì chính cách này vương hậu hỏi,
 Bậc Hiền trí giải cho am tường.
- 1629.** Được hỏi, Trí nhân đã giải xong,
 Thế nào long vương ấy hài lòng,
 Thì như thế hậu vương vừa ý,
 Khi hỏi Trí nhân giảng dạy thông.
- 1630.** Bậc Trí thấy long vương, hậu vương,
 Cả hai đều đã được vừa lòng,
 Ngài không kinh sợ dựng lông tóc,
 Mà nói với điều này với đại vương.

1631. “Đừng ngại! Thân là lợi phẩm đây,
Thân này Bệ hạ cứ tùy nghi,
Ngài cần tim, thịt để chi đó,
Thì cứ theo tâm ý, lệnh y!”

Long vương đáp:

1632. Tuệ chính là tim bậc Trí nhân,
Chúng ta quả thật rất hân hoan,
Là nhờ tuệ của bậc Hiền trí,
Nay để dạ-xoa đầy tiếng tăm,
Làm lễ thành hôn công chúa ấy,
Rồi đưa ngài trở về trong hôm.

Nói xong, long vương Varuṇa trao công chúa Irandatī cho Puṇṇaka, khiến hân thỏa dạ liền thưa chuyện với bậc Đại sĩ.

Bậc Đạo sư tả lại sự việc như sau:

1633. Puṇṇaka phấn khởi, hài lòng,
Cưới Irandatī nữ long,
Hạnh phúc tràn trề, vẻ thích thú,
Thưa quan xử nhất Câu-lâu rằng.
1634. “Ngài đã giúp ta được vợ tiên,
Ta mong đền đáp xứng người hiền,
Ta trao ngài ngọc ma-ni quý,
Và rước ngài về xứ sở liền.”

Lúc ấy, bậc Đại sĩ ngâm kệ khác tán dương chàng:

1635. Mong tình đôi lứa chẳng phai tàn,
Giữa Kaccāna với vợ ngoan,
Hoan hỷ, toại lòng, đầy hạnh phúc,
Thỏa nguyện mơ ước vui đầy tràn,
Sau khi người tặng ma-ni quý,
Đưa ta về Indapatta.

Nghe vậy, Puṇṇaka làm y theo. Sự việc này được mô tả rằng:

1636. Vị quan đệ nhất xứ Câu-lâu,
Được dạ-xoa mang phía trước ngồi,
Quan xử án đầy đủ tuệ trí,
Về thành Indapatta mau.
1637. Tâm ý người đi nhanh thế nào,
Nhanh hơn thế ấy dạ-xoa lao,
Đưa quan đệ nhất Câu-lâu xứ,
Trở lại thành Indapatta.

Sau đó, dạ-xoa nói với ngài:

1638. Hãy ngắm thành đô trước mắt ngài,
Phổ phường khả ái, các vườn xoài,
Nay ta được vợ tiên như ý,
Ngài trở về nhà thỏa nguyện thôi!

XI. VIDHURA TRỞ VỀ NHÀ

Rạng sáng ngày hôm ấy, vua nằm mộng thấy ngay tại cung môn có một cây đại thọ, thân cây là trí tuệ, cành lá là giới đức và kết quả là năm sản phẩm cao quý của bò cái (sữa tươi, sữa đông, bơ tươi, bơ chín, bơ đặc) với đàn voi, bò, ngựa, được trang hoàng rực rỡ vây quanh, cùng đám đông dân chúng chấp tay cung kính đánh lễ cây đại thọ. Bỗng một hắc nhân thô ác mặc hồng bào, hoa tai đỏ, cầm khí giới trong tay đến chặt cây tận gốc mặc cho dân chúng khóc than và y kéo cây đi mất dạng; xong y lại trở lại trồng cây vào chỗ cũ rồi giã từ. Lúc ấy, vua hiểu mộng liền nghĩ thầm: “Bậc Trí giả Vidhura chứ không ai khác chính là cây đại thọ. Chàng thanh niên đem bậc Trí giả đi mất là không ai khác ngoài người chặt cây tận gốc dù cho dân chúng khóc than. Lại nữa, chàng trở lại trồng cây vào chỗ cũ rồi giã từ nghĩa là chàng sẽ đưa bậc Trí giả trở lại đặt ngài trước cửa Chánh Pháp đường rồi ra đi. Hôm nay ta sẽ được chiêm ngưỡng bậc Trí giả ấy.”

Thế là ngài hoan hỷ ban lệnh cho cả kinh thành trang hoàng rực rỡ, chuẩn bị Chánh Pháp đường sẵn sàng cùng bảo tọa trong mái đình dát đầy trân bảo, còn ngài có cả trăm vị vua khác vây quanh cùng các cận thần, dân chúng từ thành thị đến thôn quê tụ tập lại đó, ngài nói lời an ủi họ:

– Các khanh đừng lo buồn gì, các khanh sẽ lại gặp bậc Hiền trí hôm nay.

Ngài ngồi trong Chánh Pháp đường mong đợi bậc Hiền trí trở về. Các vương hầu, cận thần, v.v... cũng ngồi nơi đó. Lát sau, Puṇṇaka đem bậc Đại sĩ đến đặt giữa đám đông ấy ngay cửa Chánh Pháp đường rồi cùng Irandatī trở về thiên giới của chàng.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1639. Đệ nhất Câu-lâu bậc Trí hiền,
Được đưa xuống giữa giảng đường liền,
Dạ-xoa hảo tướng lên thần mã,
Hướng thẳng khoảng trời bay vút lên.

1640. Vua rất hân hoan thấy Trí nhân,
Vội vàng đứng dậy choàng tay ôm,

Chẳng hề ngần ngại nơi đông chúng,
Đặt Trí giả ngồi tọa trước gần.

Sau khi chào hỏi thân hữu xong, vua đón tiếp ngài ân cần và ngâm kệ:

1641. Khanh tựa cổ xe buộc kỹ càng,
Và khanh dẫn chúng ta lên đàng,
Dân Câu-lâu gặp khanh vui sướng,
Giờ kẻ trăm nghe việc rõ ràng,
Làm thế nào thanh niên trẻ ấy,
Bằng lòng giải thoát để khanh an?

Bậc Đại sĩ đáp:

1642. Chàng thiếu sinh kia, tâu Đại vương,
Từng thi lễ vua, chẳng người thường,
Hỡi anh hùng thế nhân cao quý!
Ngài chắc đã nghe qua tiếng xưng,
Thần dạ-xoa tên Puṇṇaka,
Cận thần Kuvera Đế vương!

1643. Long vương, lãnh chúa Varuṇa,
Cao quý, thanh liêm, hùng dũng, oai,
Chàng ước được con gái lãnh chúa,
Nữ long Irandatī này.

1644. Vì đáng yêu kiều khả ái kia,
Mà chàng quyết hại chết thần đây,
Và nay được vợ tiên như ý,
Cho phép thần về, được ma-ni.

– Long vương hài lòng lời thần giải đáp vấn đề liên quan đến bốn cứu cánh của con người nên ban cho thần vinh dự nhận lãnh một viên bảo ngọc. Khi ngài trở về long cung, vương hậu Vimalā hỏi ngài viên bảo ngọc của ngài để đâu rồi, ngài liền kể lại tài thuyết pháp của tiểu thần, khiến vương hậu ước ao được nghe pháp thoại ấy nên giả cách ước muốn trái tim tiểu thần. Long vương không hiểu rõ ước nguyện thật sự của bà nên bảo long nữ Irandatī: “Mẫu hậu của con đòi trái tim của Vidhura, vậy con hãy tìm cho được một hiệp sĩ có khả năng đem trái tim ấy về đây!” Trong khi công chúa đi tìm, nàng gặp thần dạ-xoa Puṇṇaka là cháu của Đại vương Vessavaṇa. Biết chàng ấy đang yêu nàng say đắm nên đem chàng về trình phụ vương, ngài liền bảo chàng: “Nếu chàng đủ khả năng đem về cho trăm trái tim của Vidhura, chàng sẽ chiếm được công chúa.”

Thế rồi chàng dạ-xoa ấy, sau khi tìm được trên núi Vepulla viên bảo châu của một vị Chuyển Luân Vương liền đi đến đây chơi bài xúc xắc và chiếm được thần nhờ thắng cuộc và chàng ở lại tư thất tiểu thần ba ngày. Rồi chàng bảo tiểu thần nắm lấy đuôi thần mã của chàng, ném tung tiểu thần lên không qua bao nhiêu cây cối, núi non ở vùng Tuyết Sơn, nhưng không giết được tiểu thần.

Chàng liền nổi trận cuồng phong trong đệ thất cảnh giới đầy cuồng phong ấy và tung tiểu thần lên đỉnh Hắc Sơn cao sáu mươi do-tuần, nơi đây chàng hiện hình sư tử cùng nhiều hình quái vật khác tấn công tiểu thần, nhưng cũng không giết được tiểu thần.

Cuối cùng, theo lời thỉnh cầu của chàng, tiểu thần bảo cho chàng biết cách giết được tiểu thần. Kế đó, tiểu thần thuyết giáo chàng về thiện nhân pháp. Khi nghe xong, chàng vô cùng hoan hỷ nên muốn đem tiểu thần trở về đây. Tiểu thần lại cùng chàng đi đến long cung, thuyết pháp cho long vương cùng vương hậu nghe, cả triều đình long vương đều thỏa dạ. Sau sáu ngày thần ở lại long cung, long vương liền gả công chúa Irandatī cho Puṇṇaka. Chàng thỏa nguyện khi đã cưới được nàng nên ban tặng thần viên ma-ni báu làm quà. Sau đó, long vương ra lệnh chàng đưa tiểu thần lên thần mã do ý chàng tạo ra, chàng ngồi giữa, công chúa ngồi phía sau, thần ngồi trước, chàng đem tiểu thần về đây đặt giữa hội chúng rồi cùng Irandatī bay về kinh thành của chàng.

Tâu Đại vương, như vậy là vì mỹ nữ chàng yêu, chàng đã dự định giết tiểu thần để cưới được nàng. Nhưng khi long vương nghe tiểu thần thuyết pháp xong, lại hoan hỷ cho phép thần ra về. Và Puṇṇaka lại trao tặng tiểu thần viên bảo châu như ý xứng đáng với một vị Chuyển Luân Vương, vậy xin Đại vương nhận lấy bảo châu này!

Nói xong, ngài dâng bảo ngọc lên vua. Sáng hôm sau, vua muốn thuật lại cho thần dân nghe về giấc mộng của mình liền kể câu chuyện như sau:

1645. Trước hoàng môn trăm sum suê cây,
Thân trí tuệ, cảnh giới đức hay,
Cây đứng trường thành theo sự, lý,
Trái nguru phẩm, ngựa bò voi vậy.
1646. Trong cảnh đàn ca hát múa say,
Có người đến chặt cây mang đi,
Sau cây trở lại nơi cung điện,
Vậy mọi người nên cung kính cây.
1647. Những người hoan hỷ với ta đây,
Tất cả nay cùng thể hiện ngay,
Nào hãy đem nhiều tặng vật đến,
Và chiêm bái, kính lễ cây này.
1648. Những ai trong xứ bị giam cầm,
Sẽ được tự do, phóng thích nhanh,
Tương tự vị này được giải thoát,
Hãy cho thả hết khỏi cầm giam.
1649. Tháng này cắt hết cây vui chơi,
Dâng cúng Bà-la-môn thịt, cơm,

Hãy uống rượu say nơi thích hợp,
Chén chum cứ rót tràn không vơi!

- 1650.** Hãy mời kẻ đứng đường thường xuyên,
Hãy bố trí gìn quốc độ nghiêm,
Để khỏi làm phiền nhau, nhiều hại,
Hãy chiêm bái, kính lễ cây liễn!

Khi vua đã ra lệnh như vậy:

- 1651.** Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Đem đủ đồ ăn, thức uống quý,
Đến dâng cúng cho Trí hiền nhân.

- 1652.** Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Đem đủ đồ ăn, thức uống quý,
Đến dâng cho bậc Trí dùng qua.

- 1653.** Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Đem đủ đồ ăn, thức uống quý,
Đến dâng cho bậc Trí dùng qua.

Đám đông hoan hỷ, chiêm ngưỡng bậc Hiền trí sau khi ngài xuất hiện.

- 1654.** Khi thấy từ xa Trí hiền nhân,
Người dân chiêm ngưỡng đầy hân hoan,
Khi ngài đã đến gần nơi ấy,
Họ đón chào, reo vẫy khăn choàng.

Một tháng sau, hội hè kết thúc. Từ đó trở đi, Bậc Đại sĩ thực hiện các thiện pháp, cúng dường, bố thí, thuyết giáo cho dân chúng, khuyên cáo vua, v.v... như để hoàn thành Phật sự cho đến lúc hết tuổi thọ. Và khi mạng chung, ngài được lên thiên giới. Tuân theo lời dạy của ngài cùng theo gương vua, dân chúng xứ Câu-lâu đã thực hành thiện pháp, cúng dường, bố thí, v.v... nên khi mạng chung đều đi lên cộng trú với chư thiên thật đông đảo.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ ngày nay mà ngay trước kia, Như Lai khi đã thành tựu trí tuệ và khéo léo tùy nghi phương tiện với cứu cánh.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, phụ mẫu của bậc Hiền trí chính là vương tộc ngày nay, chánh phi là mẹ của Rāhula (La-hầu-la), vị trưởng tử là Rāhula, Vimalā là Uppalavannā (Liên Hoa Sắc), long vương Varuṇa là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Kim Sí điều

vương là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Vua Dhanañjaya là Ānanda (A-nan), Puṇṇaka là Channa (Xa-nặc), hội chúng lúc ấy là hội chúng của Như Lai và bậc Trí giả Vidhura chính là Ta.

§547. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG VESSANTARA

(*Vessantarajātaka*)⁶⁹ (J. VI. 479)

Phusatī, mỹ hậu huy hoàng...

Chuyện này bậc Đạo sư kể về một cơn mưa sen⁷⁰ khi Ngài đang trú trong vườn Nigrodha (Nigrodhārāma) gần thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc bậc Đạo sư đến thành Rājagaha (Vương Xá) để từng bước chuyển pháp luân, Ngài trải qua mùa đông ở đó, rồi Ngài đến thành Kapilavatthu trước tiên cùng với hai mươi ngàn vị Thánh đệ tử theo sau, có Trưởng lão Udāyi (Ưu-đà-di) dẫn đường; ngay lập tức, các vương tử dòng Sākya (Thích-ca) tụ tập lại để đón vị Trưởng tộc của họ. Họ quan sát nơi cư trú của đức Thế Tôn và bảo:

– Vườn Nigrodha này thật là một nơi an lạc, xứng đáng với một vị Thích-ca!

Rồi họ làm đủ mọi vật dụng thích hợp để bảo vệ nơi ấy, chuẩn bị sẵn sàng nghênh đón Ngài với những bó hoa thơm ngát trong tay. Trước hết, họ đưa các thiếu nữ, nam nữ trong thành mặc áo quần đẹp nhất, kẻ đó là các vương tôn, công chúa đến kính lễ đức Thế Tôn với hương hoa thơm ngát và theo hầu đức Thế Tôn đến tận vườn Nigrodha. Tại đó, đức Thế Tôn an tọa, được hai mươi ngàn vị Thánh đệ tử vây quanh bảo tọa dành cho Ngài.

Bấy giờ, dòng họ Thích-ca là một bộ tộc kiêu mạn và cứng đầu, họ nghĩ thầm: “Nam tử Siddhattha trẻ tuổi hơn ta, đó là em ta, cháu gọi ta bằng chú, bằng ông.” Vì thế, họ bảo các vương tử trẻ tuổi:

– Các anh hãy kính lễ đức Thế Tôn, còn chúng ta sẽ ngồi sau các anh!

Trong khi họ ngồi yên đó không muốn làm lễ chào Ngài, đức Thế Tôn biết ý định của họ, nghĩ thầm: “Thân tộc Ta không kính lễ Ta, được rồi, Ta sẽ làm cho hội chúng kính lễ.” Do đó, Ngài nhập tứ thiền làm nền tảng thi triển thần thông, vụt lên không trung thực hiện một phép thần kỳ như thần thông Song hành [nước và lửa đồng thời] dưới gốc cây xoài gaṇḍamba⁷¹ (cây xoài có cục nu) như thể đang làm rơi bụi nơi bàn chân Ngài lên đầu họ.⁷²

Vua cha thấy việc kỳ diệu này liền nói:

– Bạch Thế Tôn, vào ngày Đản sinh của Ngài, khi trầm thấy chân Ngài đặt lên đầu Bà-la-môn Kāladevala đến kính lễ Ngài, trầm đã kính lễ Ngài, đó là lần đầu. Vào ngày lễ Cày ruộng, khi Ngài ngự trên vương tọa dưới bóng cây hồng

⁶⁹ Xem Cp. 78, *Vessantaracariya* (Hạnh của đức Bồ-tát Vessantara).

⁷⁰ Theo *Chú giải, Pokkharavassam*: Mưa sen, là mưa có tính chất như lá sen, ai muốn ướt thì sẽ ướt, ai không muốn ướt thì sẽ như lá sen, không bị thấm ướt.

⁷¹ Bản CST viết gaṇḍamba.

⁷² Xem J. IV. 264, *Sarabhamigajātaka* (Chuyện lạc vương Sarabha), số §483.

đào, trầm thấy bóng cây ấy không lay động, trầm cũng kính lễ dưới chân Ngài và đó là lần thứ hai. Và bây giờ nữa, trầm thấy một phép màu mà trầm chưa từng thấy trước kia nên trầm lại kính lễ chân Ngài, đây là lần thứ ba.

Khi vua cha đã kính lễ như vậy thì không một vị Sākya nào có thể ngồi yên được nữa, tất cả bọn họ đều kính lễ đức Thế Tôn.

Sau khi đã làm cho cả thân tộc kính lễ Ngài như vậy, đức Thế Tôn từ trên không hạ xuống ngồi trên chiếc bảo tọa đã soạn sẵn. Khi đức Thế Tôn đã an tọa, những người thân tộc của Ngài đã được sáng trí và cùng ngồi xuống với tâm an tịnh.

Lúc ấy, một vầng mây lớn nổi lên và trận mưa sen rơi xuống, nước mưa màu hồng đỏ trút xuống âm âm. Những ai muốn ướt đều được ướt sũng, còn ai không muốn thì chẳng có giọt nào rơi trên mình. Mọi người thấy vậy đều rất kinh ngạc trước phép màu và đồng kêu to với nhau:

– Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay! Hãy nhìn thần lực của chư Phật! Con mưa lớn này đang trút xuống những người thân tộc của Ngài!

Nghe vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên một trận mưa lớn trút xuống những người thân tộc của Ta.

Và rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

I. KỆ NGÔN VỀ MƯỜI ĐIỀU ÂN HUỆ⁷³

Một thuở nọ, vị vua có tên là Sivi ngự trị ở kinh thành Jetuttara trong vương quốc Sivi. Ngài có một vương tử là Sañjaya. Khi chàng đến tuổi trưởng thành, vua cha kết duyên cho chàng với Công chúa Phusatī,⁷⁴ con gái vua nước Madda, rồi giao vương quốc cho chàng và phong Phusatī làm chánh hậu.

Mối liên hệ đời trước của nàng với thế giới này như sau:

Cách đây chín mươi một kiếp, có một bậc Đạo sư ở thế gian danh hiệu là Vipassī (Tỳ-bà-thi). Trong lúc Ngài an trú tại vườn nai Khemā (Thái Hòa) gần thành Bandhumatī, một vị vua gởi tặng Vua Bandhumā một chuỗi vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền cùng khúc gỗ quý trầm hương (chiên-đàn).

Bây giờ, vua ấy có hai con gái, và vì muốn tặng bảo vật cho hai con, vua ban khúc gỗ trầm hương cho cô chị và chuỗi vàng cho cô em. Nhưng cả hai cô đều không muốn dùng các tặng vật này cho mình và có ý định dâng chúng lên bậc Đạo sư để tỏ lòng tôn kính. Họ liên tâu vua cha:

– Tâu Phụ vương, chúng con muốn dâng gỗ trầm hương và chuỗi vàng này lên đấng Thập Lực (Dasabala).

⁷³ Tiêu đề của các phần nhỏ trong câu chuyện này dựa theo bản CST.

⁷⁴ Bản CST là Phussatī.

Vua cha thấp thuận việc này. Vì thế, công chúa chị nghiền bột gỗ trầm hương và đổ bột ấy vào một hộp bằng vàng. Còn công chúa em bảo lấy chuỗi vàng làm thành một vòng hoa che ngực và đặt vào một hộp bằng vàng. Sau đó, hai nàng cùng đi đến thảo am ẩn sĩ trong vườn nai, cô chị kính cẩn rải bột trầm hương lên kim thân của đấng Thập Lực và rắc phần bột còn lại trong hương phòng của Ngài cùng cầu nguyện:

– Bạch Ngài, trong thời vị lai, tiện nữ ước mong được làm mẹ một vị Phật như Ngài!

Công chúa em kính cẩn đặt lên kim thân của đấng Thập Lực vòng hoa che ngực được làm từ chuỗi vàng ấy và phát nguyện:

– Bạch Ngài, tiện nữ ước mong món trang sức này không rời thân mình cho đến ngày tiện nữ đắc Thánh quả (A-la-hán).

Và bậc Đạo sư đã ban các điều nguyện ước ấy. Sau khi mạng chung, cả hai nàng đều tái sinh lên thiên giới. Cô chị từ thiên giới đến thế giới loài người rồi trở lại thiên giới, sau chín mươi một kiếp, nàng đã trở thành Vương hậu Māyā, mẹ của đức Phật.

Còn cô em cũng tái sinh liên tiếp như vậy, vào thời đấng Thập Lực Kassapa (Ca-diếp), nàng trở thành con gái Vua Kikī, lúc mới sinh trên ngực đã có phức sức vòng hoa che ngực, dung sắc diễm lệ như tranh vẽ và được đặt tên là Uracchadā. Khi nàng lên mười sáu tuổi, nàng nghe lời thuyết pháp của bậc Đạo sư lúc tùy hỷ công đức cúng dường bữa cơm và đắc Sơ quả (Dự lưu); kể đến cha của nàng cũng nhờ nghe lời thuyết pháp lúc tùy hỷ sự cúng dường này mà đắc Sơ quả; trong cùng ngày đó nàng đắc A-la-hán rồi thọ giới xuất gia và nhập Niết-bàn Vô dư y.

Bấy giờ, Vua Kikī có bảy nàng công chúa nữa tên là Samaṇī, Samaṇā, Tỳ-kheo-ni Guttā, Bhikkhudāsikā, Dhammā, Sudhammā và nàng thứ bảy là Saṃghadāsī. Vào thời đức Phật Gotama xuất hiện bảy chị em này là Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Gotamī, Dhammadinnā, Mahāmāyā và thứ bảy là Visākhā. Đây là các nữ đại đệ tử của Ngài.

Bấy giờ trong số này, nàng Phusatī chính là Sudhammā, chuyên làm thiện sự và bố thí. Và nhờ phước báu do cúng dâng gỗ trầm hương lên đức Phật Vipassī, thân nàng như được rải trầm hương thượng hạng. Sau đó, nàng tái sinh qua lại giữa thiên giới và nhân giới, cuối cùng nàng trở thành chánh hậu của Thiên chủ Sakka. Vào thời số phận của nàng ở đây đã mãn, năm tướng suy theo lệ thường hiện ra. Thiên chủ Sakka biết thọ mạng của nàng sắp tận nên tiến đưa nàng vô cùng trọng thể vào thiên lạc viên Nandana. Trong khi nàng ngự trên bảo tọa được trang hoàng long lẫy, ngài ngự bên cạnh nàng và bảo:

– Này Ái hậu Phusatī, trăm ban nàng mười điều ước, hãy chọn đi!

Cùng với những lời trên, ngài ngâm vãn kệ đầu trong *Chuyện Đại vương Vessantara* này với gần một ngàn bài kệ:

- 1655.** Phusatī, mỹ hậu huy hoàng,
Mười ước nguyện nay trăm tặng nàng,
Hãy chọn điều gì nàng nhận thấy,
Được nàng quý báu giữa trần gian!

Như vậy, nàng đã được an trú trên thiên giới theo lời thuyết giáo Đại vương Vessantara. Nhưng nàng không biết cảnh giới sắp tái sinh của mình nên nàng hốt hoảng ngâm vãn kệ thứ hai:

- 1656.** Vạn tuế Sakka, đấng Ngọc hoàng,
Tội gì thần thiếp lỡ tay làm,
Khiến ngài đầy thiếp xa thiên giới,
Như gió thổi cây nọ nát tan?

Thiên chủ nhận thấy vẻ thất vọng của nàng liền ngâm hai vãn kệ:

- 1657.** Nàng luôn được sủng ái từ xưa,
Tội lỗi nàng đâu có tạo ra,
Trăm bảo phước trời nàng đã tận,
Bây giờ đến lúc phải chia xa.
- 1658.** Tống biệt nàng nay đã đến thì,
Tử thân đang đến phút phân kỳ,
Trăm ban Ái hậu mười điều ước,
Lâm mạng chung thời, hãy chọn đi!

Nghe những lời Thiên chủ nói, nàng tin mình sắp phải tận số nên nàng chọn các ước nguyện này:

- 1659.** Thiên chủ Sakka, chúa chúng sanh,
Ban cho điều ước, thiếp tri ân,
Mong rằng thần thiếp đời sau sẽ,
Ở xứ Sivi được trú thân.
- 1660.** Đôi mắt huyền mơ tựa mắt nai,
Như nhung đen nháy, cặp mày ngài,
Phusatī ấy là tên thiếp,
Thánh thượng, thiếp mong ước nguyện này.
- 1661.** Thiếp mong có được một hoàng nam,
Vua chúa kiên oai, tiếng lẫy lừng,
Hòa nhã, nhân từ, tâm rộng lượng,
Sẵn sàng đáp ứng mọi cầu ân.
- 1662.** Trong khoảng thời gian thiếp có thai,
Ước mong giữ trọn tám hình hài,
Bụng, eo thon thả luôn kiều diễm,
Như thể cành cung uốn mảnh mai.

1663. Đê-thích, thiếp mong ngực gọi tình,
Xin không nhuộm bạc mái đầu xanh,
Tắm thân bồ liễu luôn hoàn hảo,
Mong cứu tù nhân thoát tử hình.

1664. Giữa tiếng hạc rền, không tước vang,
Cung tần, hầu cận đẹp vây quanh,
Thi nhân, ca sĩ đồng xưng tụng,
Magadha dân khen ngợi nàng.

1665. Khi gõ cửa hoa tiếng nhẹ nhàng,
Lời mời mỹ tửu, cao lương vang,
Tâu ngài, thiếp ước mong nơi ấy,
Thiếp được ở ngôi chánh hậu hoàng.

Thiên chủ Sakka đáp:

1666. Mười ước nguyện kia, hỡi nữ hoàng,
Phải biết rằng ta đã tặng nàng,
Mỹ nương đến xứ Sivi nọ,
Mười ước nguyện kia sẽ thập toàn.

1667. Phán vầy Chúa tể các thiên thần,
Phu tướng Sujā,⁷⁵ Đại đế vương,
Được gọi Vāsava mỹ hiệu,
Hân hoan ban nguyện ước cho nàng.

Chấm dứt phần *Kệ ngôn về mười điều ân huệ*.

II. CA TỤNG CẢNH TUYẾT SƠN

Khi đã chọn xong mười ước nguyện như vậy, nàng từ giã thiên giới và nhập vào mẫu thai hoàng hậu của vua xứ Madda. Lúc nàng ra đời, thân thể nàng tỏa mùi thơm như được rải phấn trầm hương nên nàng được đặt tên là Phusatī (được rải hương). Nàng lớn lên giữa đông đảo cung tần, cho đến năm mười sáu tuổi, dung sắc nàng vượt hẳn lên tất cả.

Lúc bấy giờ, Vương tử Sañjaya, con vua xứ Sivi, được phong vương với chiếc lọng trắng; công chúa này được phong làm chánh hậu đứng đầu mười sáu ngàn cung phi. Do vậy, có chuyện kể:

Nơi ấy qua đời, nàng tái sinh,
Lọng giương, họ rước Phusatī,
Về thành tên Jetuttara,
Cùng Sañjaya kết mối tình.

⁷⁵ *Sujampati*: Phu quân của nàng Sujā, một danh hiệu của Thiên chủ Sakka.

Vua Sañjaya vô cùng sủng ái nàng. Bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhớ lại thấy chín điều ước nguyện ngài ban cho Phusatī đã trọn vẹn, ngài nghĩ thầm: “Chỉ còn một điều ước chưa trọn đó là một thiện nam tử. Ta sẽ ban nguyện ước này cho nàng.” Thời ấy, bậc Đại sĩ đang ở trên cõi trời Ba Mươi Ba và thọ mạng ngài đã tận, nhận thấy điều này, Thiên chủ đến gần ngài và bảo:

– Thưa Tôn giả, ngài phải sinh vào thế giới loài người, ngài phải nhập mẫu thai chánh hậu của vua xứ Sivi!

Cùng với những lời này, ngài yêu cầu bậc Đại sĩ chấp thuận và sáu mươi ngàn vị thiên tử cũng sắp được tái sinh, Thiên chủ trở về cung của ngài. Bậc Đại sĩ giáng trần và tái sinh tại đó, sáu mươi ngàn vị thiên tử tái sinh vào gia đình của sáu mươi ngàn triệu thần. Khi bậc Đại sĩ nhập mẫu thai, Hoàng hậu Phusatī biết mình đã có thai liền ước nguyện xây sáu bố thí đường, mỗi nhà ở một trong bốn cửa thành, một nhà ở giữa kinh thành và một nhà ở ngay cửa cung của nàng. Mỗi ngày nàng muốn đại thí, phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Vua biết được việc làm ấy của nàng liền cho mời các vị Bà-la-môn xem tướng số đến hỏi ý, họ đáp:

– Tâu Đại vương, chánh hậu đang mang thai một bậc chuyên tâm bố thí, ngài sẽ không bao giờ thỏa mãn với việc bố thí cả.

Nghe vậy, vua hoan hỷ, lệnh cho xây sáu bố thí đường và thực hành hạnh bố thí như trên. Từ lúc Bồ-tát nhập mẫu thai, phước lộc của nhà vua có thể nói là vô cùng tận; nhờ lòng nhân từ của vua ảnh hưởng lan rộng khắp nơi, các quốc vương ở toàn cõi Diêm-phù-đề đều dâng ngài công vật.

Bấy giờ, lúc chánh hậu mang thai, nàng vẫn ở chung cùng các thị nữ hầu cận nàng. Sau mười tháng tròn, nàng muốn đi thăm kinh thành. Nàng tâu trình với vua, ngài truyền trang hoàng kinh thành như kinh thành chư thiên rồi đưa hoàng hậu ngự lên vương xa sang trọng và cử hành đám rước quanh kinh thành về phía hữu. Khi xe đến giữa khu phố Vessa (Vệ-xá, thương nhân), nàng thấy giờ lâm bồn chợt đến. Thị nữ liền trình vua và ngài truyền làm ngay một phòng bảo sinh tại đó và đưa nàng đến nơi, nàng liền sinh hạ một nam tử và vì thế có chuyện kể:

Trong lòng mười tháng mẹ mang con,
Đám rước ngày kia khắp phố phường,
Khi đến khu dân cư Vessa,
Vì con, mẫu hậu phải lâm bồn.

Bậc Đại sĩ từ lòng mẹ sinh ra không bị cấu uế, mở to mắt và một lát sau đưa tay cho mẹ, ngài nói:

– Thưa mẫu hậu, con muốn bố thí, có của cái gì cho họ không?

Bà mẹ đáp:

– Nay vương nhi, con hãy bố thí như ý!

Rồi bà đặt túi tiền một ngàn đồng vào bàn tay đang đưa tới của con.

Có ba lần bậc Đại sĩ nói ngay khi mới sinh ra, đó là trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*,⁷⁶ trong câu chuyện này và trong đời cuối cùng của ngài.

Vào ngày lễ đặt tên, vì ngài sinh ra ở phố Vessa, ngài được đặt tên là Vessantara. Do đó có chuyện kể:

Tên ta chẳng phải mẹ đưa ra,
Cũng chẳng phát từ quý tộc cha,
Vì được sinh trên đường Vessa,
Nên tên ta gọi Vessantara.

Vào đúng ngày ngài ra đời, một con voi cái từ trên không trung mang một voi con toàn thân màu trắng được xem là có điềm lành vào chuồng voi của nhà vua và đặt con vào đó. Vì con voi này ra đời đáp ứng nhu cầu của bậc Đại sĩ, nó được đặt tên là Paccaya (phương tiện). Cũng trong ngày này, sáu mươi ngàn hài nhi cũng được sinh ra tại nhà của các vị triều thần.

Vua cha ban cho ngài sáu mươi bốn nhũ mẫu không quá cao cũng không quá thấp, không bệnh tật gì và có bầu ngực căng đầy sữa ngọt. Ngài cũng ban cho sáu mươi ngàn hài nhi kia mỗi hài nhi một nhũ mẫu. Vương tử lớn lên giữa đám sáu mươi ngàn ấu nhi vây quanh mình. Vua cha truyền làm cho vương tử một chiếc vòng đeo cổ trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nhưng khi vừa lên bốn lên năm, ngài đã đem nó cho các nhũ mẫu và khi họ muốn đưa trả nó lại, ngài không muốn nhận. Họ tâu trình vua, ngài phán:

– Vật gì vương tử đã ban đều xứng đáng được ban cả dù đó là tặng vật dành cho một vị Bà-la-môn.

Và vua truyền làm chiếc vòng cổ khác. Nhưng trong thời thơ ấu, vương tử vẫn đem vòng ấy cho các nhũ mẫu cả đến chín lần như vậy.

Khi lên tám, ngài đi vào hoàng cung, trong lúc ngồi trên vương sàng, vương tử suy nghĩ: “Tất cả các vật ta cho đều có từ bên ngoài. Điều này không làm ta hài lòng. Ta muốn cho cái gì của chính thân ta. Nếu có người xin đầu ta, ta sẽ cắt đầu cho. Nếu ai xin quả tim ta, ta sẽ cắt lòng ngực và xé tim ra cho. Nếu ai xin đôi mắt, ta sẽ móc mắt ra cho. Nếu ai xin thịt, ta sẽ lóc hết thịt trên thân ta và cho họ. Nếu ai xin máu ta, ta sẽ lấy máu mà cho. Hoặc có ai nói: ‘Mong kẻ tội tớ là của tôi’, ta sẽ tuyên bố làm kẻ tội tớ cho họ.” Ngài suy nghĩ như vậy với tất cả tâm hồn lẫn thể xác mình. Khi ngài đang suy nghĩ chân thành như vậy thì quả đất sâu hai trăm bốn mươi ngàn do-tuần này rung động âm âm như một con voi khổng lồ điên loạn. Ngọn núi Sineru, chúa tể núi non, cúi rạp xuống như một mục mẫn trúc bị nấu sôi trong dòng nước nóng rồi đứng nghiêng mình về phía kinh thành Jetuttara. Giữa lúc quả đất rung động, bầu trời sấm sét vang dội

⁷⁶ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

và đổ mưa, tia chớp sáng lòe, đại dương sôi sục lên. Thiên chủ Sakka vỗ tay, Đại Phạm thiên tán đồng, toàn thể chấn động lên đến Phạm thiên giới. Vì thế, có chuyện kể:

Khi ta còn trẻ, tuổi còn thơ,
Chỉ khoảng chừng lên tám tuổi dư,
Ta thượng vương tòa trong nội điện,
Nhân từ bố thí vẫn suy tư,
Nếu người nào đến hỏi xin cho,
Máu, thịt, tim và con mắt ta,
Ta sẽ cho thân, tim, máu, mắt,
Sẵn sàng ta cất tiếng kêu to.
Trong khi ta nghĩ ngợi trầm ngâm,
Như vậy cùng toàn thể bản thân,
Quả đất vững bền kia rung động,
Chuyển cùng Sineru sơn lâm.

Vào năm mười sáu tuổi, Bồ-tát đã tinh thông mọi môn học thuật. Lúc ấy, phụ vương muốn cho ngài lên ngôi liền hỏi ý kiến hoàng hậu. Từ hoàng gia Madda tiên dâng Công chúa Maddī, em họ ngoại của ngài cùng mười sáu ngàn thị nữ. Vua phong nàng làm chánh hậu và cử hành lễ Quán đảnh phong vương cho ngài. Từ lúc lên ngôi, ngài vẫn thực hành đại bố thí, mỗi ngày phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Sau đó, Chánh hậu Maddī sinh một vương tử, được đặt vào một chiếc vồng bằng vàng vì thế vương tộc đặt tên là Vương tử Jāli. Vào thời vương tử chập chững biết đi, chánh hậu lại sinh một công chúa, được đặt vào một tấm da đen nên họ gọi tên cô là Kanhājina. Mỗi tháng, bậc Đại sĩ ngự đến sáu bố thí đường sáu lần trên con voi lông lấy của ngài.

Lúc bấy giờ, ở quốc độ Kālīnga có hạn hán, lúa không mọc được, nạn đói tràn lan, dân chúng không sống nổi sinh ra trộm cướp. Bị con túng quẫn bức bách, dân chúng tụ tập trước sân châu và phỉ báng vua. Nghe vậy, vua hỏi:

– Có chuyện gì vậy các con?

Họ trình vua, ngài đáp:

– Được rồi, các con. Ta sẽ làm mưa xuống.

Rồi vua bảo họ ra về. Ngài phát nguyện sống đức hạnh và giữ ngày trai giới (*Uposatha*) nhưng vẫn không thể làm mưa xuống. Vì vậy, vua triệu tập dân chúng lại và bảo họ:

– Ta đã phát nguyện sống đức hạnh và giữ bảy ngày trai giới, tuy nhiên vẫn không làm mưa rơi. Vậy phải làm gì bây giờ?

Họ đáp:

– Tâu Chúa thượng, nếu ngài không thể làm mưa rơi thì có Đại vương Vessantara ở kinh thành Jetuttara, thái tử của Vua Saṅjaya, chuyên tâm bố thí.

Ngài ấy có một vương tượng toàn trắng. Hễ nơi nào ngài ngự đến, mưa liền rơi xuống. Chúa thượng hãy phái các Bà-la-môn đến xin con voi ấy và đem nó về đây.

Vua chấp thuận, triệu các vị Bà-la-môn đến, chọn tám người trong số đó, ban lương thực cho họ đi đường và bảo:

– Các khanh hãy đi tìm voi báu của Vua Vessantara!

Họ đi dần đến đến thành Jetuttara, tại bố thí đường, họ được tiếp đãi ân cần. Rồi rải bụi bặm và phết bùn dơ khắp thân mình, vào ngày trăng rằm, họ đi xin voi báu của vua và đến bố thí đường của vua tại cổng phía Đông. Từ sáng sớm, vua định đi đến bố thí đường nên đã tắm rửa bằng mười sáu bình nước hoa thơm và dùng điểm tâm đủ loại thượng vị rồi ngự lên lưng bảo tượng được trang hoàng rực rỡ tiến về cổng phía Đông. Các Bà-la-môn không tìm được cơ hội ở đó liền đi về cổng phía Nam, đứng trên một mô đất cao nhìn vua bố thí ở cổng phía Đông. Khi ngài đến cổng phía Nam, họ đưa tay ra và tung hô ba lần:

– Đại vương Vessantara vạn tuế!

Khi thấy các Bà-la-môn, bậc Đại sĩ thúc voi về phía họ đứng và ngâm vãn kệ:

1668. Các đạo sĩ lông tóc rậm này,
Răng dơ, phủ bụi trên đầu đầy,
Cớ sao giờ các cánh tay phải,
Có ước mong gì ở trăm đây?

Các Bà-la-môn đáp:

1669. Bảo vật chúng thần vẫn khát khao,
Bậc hưng thịnh Sivi, muôn tau!
Con voi tối thượng xin ban tặng,
Ngà trắng to như cày gong xa.

Bậc Đại sĩ nghe vậy, nghĩ thầm: “Ta đang muốn bố thí bất cứ vật gì của chính ta từ đầu trở xuống, thế mà họ đòi một vật ở ngoài thân ta. Thôi ta sẽ cho họ thỏa nguyện.” Và từ lưng voi, ngài ngâm vãn kệ thứ ba:

1670. Bố thí, ta không hề chối từ,
Vật kia đạo sĩ muốn ta cho,
Cao sang bảo vật phò vua ngự,
Dững mãnh con voi có bộ ngà.

Và ngài chấp thuận.

1671. Xả thí tâm cao cả tuyệt vời,
Sivi chúa thượng xuống lưng voi,
Đức vua bố thí, lòng hoan hỷ,
Ban tặng La-môn vật họ đòi.

Các vật trang hoàng bốn chân voi trị giá bốn trăm ngàn đồng, các vật hai bên hông trị giá hai trăm ngàn, tám vải che dưới bụng trị giá một trăm ngàn,

trên lưng là những tấm lưới đầy ngọc vàng, châu báu, ba tấm mạng trị giá ba trăm ngàn, hai tấm trên hai lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, trên lưng có tấm thảm trị giá một trăm ngàn, các món trang hoàng trên mắt trị giá một trăm ngàn, ba tấm phủ đầu trị giá ba trăm ngàn, các vật nhỏ trang hoàng lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, các vật trang hoàng đôi ngà trị giá hai trăm ngàn, các món trang hoàng biểu hiện điềm lành trên vòi trị giá một trăm ngàn, bảo vật trang trí nơi đuôi trị giá một trăm ngàn, bàn đạp bước lên trị giá một trăm ngàn, máng thức ăn trị giá một trăm ngàn, ngoài ra còn các món trang hoàng quý báu đặt trên thân trị giá hai trăm hai mươi vạn đồng; tất cả trị giá nhiều như vậy, không dưới hai trăm bốn mươi vạn đồng.

Hơn nữa, các châu ngọc lớn trên lưng, trên vòng đội đầu, trên chuỗi đeo cổ, châu báu trong chiếc gậy thúc, châu báu trong chiếc vòng quanh cổ, châu báu trên mắt voi, tất cả sáu món này đều vô giá, con voi cũng vô giá, hợp lại thành thất bảo vô giá. Tất cả các vật này, ngài đều bố thí cho các Bà-la-môn. Ngoài ra còn có năm trăm quân hầu cùng nhiều quần tượng và người quét chuồng voi. Một cuộc tài thí lớn như vậy khiến quả đất rung động cùng với các điềm hy hữu như đã kể trên.

Để diễn tả việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

- 1672.** Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu,
Quả đất kinh hoàng phải chuyển rung.⁷⁷
- 1673.** Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu,
Tất cả kinh thành bị rối tung.
- 1674.** Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng,
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang,
Chúa tể Sivi nuôi đất nước,
Ngài đem thí cả tượng vương luôn.

Chuyện kể rằng các Bà-la-môn ở cổng phía Nam nhận được voi báu xong liền cưỡi voi chen lấn trong đám người đông đúc đi qua giữa kinh thành. Đám dân chúng nhìn thấy họ liền la lớn:

– Này các Bà-la-môn ngất ngưỡng trên lưng voi, tại sao các ông lấy voi của nước ta?

⁷⁷ Xem câu kệ 1807, 2119, 2280 trong câu chuyện này; D. II, 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

Bọn họ đáp:

– Đại vương Vessantara đã ban voi cho chúng ta. Còn các người là ai?

Bộ điều họ hồng hách với quần chúng như vậy, rồi họ băng qua kinh thành và ra khỏi cổng phía Bắc nhờ sự hỗ trợ của chư thần. Dân chúng kinh thành tụ tập tại cung môn, phần nộ với Bồ-tát, cất tiếng trách móc âm ỉ. Do đó, có chuyện kể rằng:

Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng,
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang,
Chúa tể Sivi nuôi đất nước,
Ngài đem thí cả tượng vương luôn.
Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang,
Tai nghe như vậy thật kinh hoàng,
Khi vua bỏ thí con voi báu,
Dân chúng kinh thành thấy rối tung.
Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang,
Tai nghe thật khủng khiếp bàng hoàng,
Sivi chúa thượng nuôi dân chúng,
Đem bỏ thí luôn đại tượng vương.

Tất cả dân chúng kinh thành rung động trong lòng vì đại sự bỏ thí này liền đến trình vua cha. Do đó, có chuyện kể rằng:

- 1675.** Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa.
- 1676.** Hết thấy người dân ở thị thành,
Và toàn xứ sở tụ vào nhanh,
Nhìn vương tượng bị dẫn đi mất,
Họ yết kiến vua để tâu trình.
- 1677.** “Quốc độ tàn rồi, tấu đức vua!
Sao con ngài Vessantara,
Nỡ đem thí tượng chúng ta quý,
Bảo tượng mà dân chúng kính yêu?
- 1678.** Sao nỡ đem cho vương tượng đi?
Tượng to ngà lớn như cày xe,
Toàn thân màu trắng thật ưu tú,
Trên mọi đấu trường thắng thế ngay.
- 1679.** Thân tượng được choàng tấm sắc cam
Cao to, giẫm nát kẻ địch quân,

Cặp ngà điểm quạt lông bò mìn,
Trắng tuyết tựa Kelāsa sơn.

- 1680.** Có che lọng trắng, có yên êm,
Có quân tượng, người chăm sóc thêm,
Phương tiện tối cao Bệ hạ ngự,
Lại mang tặng các Bà-la-môn.”

Sau đó, dân chúng còn nói thêm:

- 1681.** Chỉ cần ban thức uống, đồ ăn,
Y phục và nơi chốn trú thân,
Như vậy là dâng tặng thích hợp,
Là xứng đáng cho Bà-la-môn.
- 1682.** Vị này là dòng dõi nhà vua,
Là vị làm hưng thịnh quốc gia,
Vậy lý nào Vessantara,
Lại ban tặng tượng ấy, tâu vua?
- 1683.** Nếu như ngài chẳng muốn làm gì,
Theo những lời từ dân Sivi,
Thì đức vua cùng thái tử ấy,
Bị toàn dân chống đối ngay đây!

Nghe vậy, vua cha nghi ngờ họ muốn giết Vessantara nên ngài phán:

- 1684.** Cho dù dân chúng không còn chi,
Hay quốc độ này bị mất đi,
Ta chẳng tự đày con khỏi xứ,
Theo lời của chúng dân Sivi,
Bởi vì thái tử chẳng hư đồn,
Chàng đúng là dòng chính thống này.
- 1685.** Cho dù dân chúng không còn chi,
Hay quốc độ này bị mất đi,
Ta chẳng tự đày con khỏi xứ,
Theo lời của chúng dân Sivi,
Bởi vì thái tử chẳng hư đồn,
Chàng đúng là con của trẫm đây.
- 1686.** Ta quyết không làm gì hại con,
Bởi chàng có giới đức thanh trong,
Việc này đối với ta ô nhục,
Có rất nhiều điều ác tạo cùng,
Làm thế nào ta cầm kiếm ấy,
Giết đi Vessantara vương?

Dân chúng Sivi đáp:

- 1687.** Ngài đừng dùng kiếm, trượng hành hình,
Cũng chẳng đáng giam vào ngục chi,
Đày ải vị này ra khỏi xứ,
Sống nơi ngọn núi Vamka đi!

Vua phán:

- 1688.** Nếu đây ý nguyện dân Sivi,
Trẫm sẽ không sao bỏ nguyện gì,
Hãy để chàng vui sống một tối,
Hưởng thêm dục lạc cõi trần này.
- 1689.** Liền sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!

Dân chúng đồng ý lời vua đề nghị chỉ một đêm thôi. Sau đó, vua bảo họ lui về và nghĩ đến việc gửi thông điệp cho con. Ngài giao trọng trách cho một sứ giả, người này liền đi đến cung của Thái tử Vessantara và trình mọi việc đã xảy ra.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy rằng:

- 1690.** Hỡi sứ giả! Người hãy vội đi,
Gặp Vessantara vương nhi
Tâu rằng người Sivi căm phẫn,
Các thị dân đang tập hợp đây.
- 1691.** Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Và dân Sivi toàn thành phố,
Họ đã cùng nhau tập hợp đông.
- 1692.** Từ sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!
- 1693.** Sứ giả này theo lệnh đức vua,
Vội vàng đem sứ mạng đi ra,
Thoa đàn hương bột, áo y đẹp,
Tô điểm ngọc ngà nơi cánh tay.

1694. Sứ giả gọi đầu bằng nước xong,
Tai trang sức ngọc ma-ni vòng,
Người lên đường đến thành xinh đẹp,
Và đến Vessantara cung.
1695. Sứ giả ngấm vương tử lạc an,
Tại đây, ngài ngự riêng kinh thành,
Quần thần hầu hạ quanh đông đúc,
Tương tự Thiên chủ Tam Thập Tam.
1696. Sứ giả đến nơi ấy vội vàng,
Tâu Vương tử Vessantara,
“Đức vua! Ngài có tin buồn khổ,
Xin chớ phiền sân với hạ thần!”
1697. Sứ giả bèn thi lễ, khóc thương,
Thưa trình cung kính đấng quân vương:
“Vớی thần, Bệ hạ chính là chủ,
Ban tặng dục trần mọi vị hương.
1698. Thần tâu Thái tử tin buồn đau,
Xin hãy bình tâm nghe việc sau,
Thái tử! Người Sivi phần nộ,
Thị dân đang tập hợp cùng nhau.
1699. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Và dân Sivi toàn thành phố,
Họ đã cùng nhau tập hợp đông.
1700. Từ sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đầy thái tử xa quê ngay!”

Bậc Đại sĩ nói:

1701. Dân Sivi giận ta điều gì?
Ta thấy mình không phạm lỗi chi,
Sứ giả hãy tâu cho trẫm rõ,
Vì sao họ muốn đầy ta đi?

Sứ giả đáp:

1702. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn

Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Họ căm phẫn việc đem voi tặng,
Vì thế họ đòi trục xuất vương.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đầy hân hoan đáp:

1703. Ta có thể cho cả mắt, tim,
Sá chi của ở ngoài thân kia,
Dẫu là kho báu, vàng ròng quý,
Hay ngọc trai, lam ngọc, ma-ni!

1704. Nếu có người nào đến hỏi ta,
Ta cho luôn cả tứ chi mà,
Lòng không chút ngập ngừng gì cả,
Tâm ý ta hoan hỷ phát ban!

1705. Nếu muốn, toàn dân chúng Sivi,
Cứ đày, cứ giết hại ta đi,
Hoặc mang thân trầm chặt làm bầy,
Trầm cũng không dừng bố thí này!

Khi nghe vậy, sứ giả lại nói lên thông điệp không phải của vua cha hay của thần dân mà chính là ý riêng của mình:

1706. Thị dân Sivi hội bàn rằng:
“Vị đức hạnh này hãy khởi hành,
Đến cạnh dòng Kontimārā,
Sông bên núi Ārañjara,
Là nơi các kẻ lưu đày ấy,
Bị trục khỏi quê đến ở quanh.”

Tương truyền, ông nói điều này theo sự tác động của một vị thần. Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

– Được, ta sẽ đi theo con đường mà những kẻ phạm tội phải đi. Nhưng dân chúng không đuổi ta vì một tội nào cả mà họ đuổi ta vì sự bố thí voi báu. Do vậy, ta muốn làm lễ Đại bố thí bảy trăm món nữa và ta xin dân chúng gia hạn cho ta một ngày vì việc ấy. Ngày mai ta sẽ bố thí và ngày kế ta sẽ đi.

1707. Vậy ta sẽ chọn đi đường ấy,
Như những kẻ hay làm trái sai,
Nhưng hãy cho ta đêm tối nữa,
Đến khi ta bố thí xong ngay.

Vị sứ giả đáp:

– Tâu vâng, thần sẽ trình việc này với dân chúng.

Khi người ấy đi rồi, bậc Đại sĩ triệu một tùy tướng của ngài đến và bảo:

– Ngày mai ta sẽ làm lễ gọi là lễ Đại bố thí bảy trăm món. Khanh hãy sắp đặt sẵn sàng bảy trăm voi, bảy trăm ngựa, bảy trăm xe, bảy trăm con gái, bảy trăm bò cái, bảy trăm nô tỳ gái, bảy trăm nô tỳ trai và đủ mọi thức ăn uống ngay cả rượu nồng, đủ mọi vật xứng đáng đem bố thí.

Như vậy, sau khi đã chuẩn bị lễ Đại bố thí bảy trăm món, ngài bảo quần thần lui về rồi một mình ngài đi đến cung thất Vương hậu Maddī, tại đó trong lúc ngồi trên vương tọa, ngài tiếp tục nói chuyện với nàng.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy như sau:

1708. Đức vua bèn phán bảo Maddī
Vương hậu tuyệt xinh, đáng mỹ miều:
“Những thứ gì ta đã tặng hậu,
Các tài sản và lúa gạo còn kia.

1709. Nào là kho báu hoặc nhiều vàng,
Nào ngọc trai hay là ngọc lam,
Cả của hồi môn cha đã tặng,
Hãy tìm cách cất hết đi nàng!”

1710. Rồi Maddī công chúa tuyệt trần,
Tâu trình đến đại vương lời rằng:
“Nơi nào thiếp sẽ cất tài sản?
Bệ hạ chỉ cho thiếp rõ ràng!”

Vua Vessantara đáp:

1711. Của cải này nàng đem cúng dâng,
Đến người giới đức xứng công hành,
Bởi vì đối với mọi sanh chúng,
Chẳng hộ trì nào hơn cúng dâng.

Nàng chấp thuận và ngài còn khuyên giáo nàng thêm theo hướng này:

1712. Maddī hãy quý yêu thương con,
Luôn cả cha và mẹ của chồng,
Với kẻ định là chồng sắp tới,
Nàng tôn kính phục vụ cho tròn.

1713. Nếu chẳng có ai theo cưới nàng,
Khi ta đã khuất bóng trên đường,
Hãy tìm chồng khác cho nàng nữa,
Đừng bởi vắng ta nàng ứa tàn.

Lúc ấy, Maddī nghĩ thầm: “Ta tự hỏi tại sao Vessantara lại nói một điều như vậy với ta.” Và nàng hỏi ngài:

– Tâu Chúa thượng, tại sao ngài nói với thần thiếp những điều không nên nói?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Này Vương hậu, dân chúng Sivi phần nộ vì ta đã bỏ thí con voi báu nên muốn đuổi ta ra khỏi đất nước. Vậy ngày mai ta sẽ làm lễ Đại bỏ thí bảy trăm món và ngày kế đó ta sẽ rời khỏi kinh thành.

Và ngài ngâm kệ:

1714. Ta phải đi vào một cánh rừng,
Có đàn thú dữ vây kinh hoàng,
Một mình ta giữa rừng to lớn,
Không biết ta còn sống được chăng?
1715. Nàng Maddī công chúa tuyệt trần,
Tâu trình đến đại vương lời rằng:
“Sao ngài lại nói lời vô lý?
Ngài đã nói lời thật bạo tàn!
1716. Việc ngài cất bước một mình đi,
Bệ hạ, điều này không đúng chi!
Bất cứ nơi nào chàng phải đến,
Thiếp đây cũng sẽ nguyện theo y.
1717. Nếu được cùng ngài mà chết chung,
Hoặc là sống cách xa nghìn trùng,
Thà cho thiếp chọn chết chung ấy,
Hơn phải xa ngài được sống còn.
1718. Lửa kia đã được thắp lên rồi,
Đến lúc lửa bùng cháy rực thôi,
Thà thiếp chết trong ngọn lửa đỏ,
Hơn xa ngài phải sống đơn côi.
1719. Như phía sau voi đực có ngà,
Là voi cái bước trong rừng già,
Lang thang qua núi khe nguy hiểm,
Giữa dốc gồ ghề lẫn đất bằng.
1720. Cứ như vậy thiếp sẽ theo hầu,
Và cũng mang con đi phía sau,
Thiếp sẽ dễ nuôi, chàng khỏi ngại,
Sẽ không khó chuyện uống ăn đâu!”

Sau những lời này, nàng bắt đầu ca tụng miền Tuyết Sơn như thể nàng đã từng thấy cảnh ấy:

1721. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong cụm rừng xanh ngồi thích thú,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.

1722. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong cụm rừng đùa vui chạy nhảy,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.
1723. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong chỗ ẩn cư thật tuyệt đẹp,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.
1724. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Đùa giỡn tại nơi ẩn dật đẹp,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.
1725. Khi thấy các con được điểm trang,
Kết hoa xinh xắn mang từng tràng,
Ở nơi ẩn dật đẹp tươi ấy,
Ngài chẳng nhớ thời làm đại vương.
1726. Khi thấy các con được điểm trang,
Kết hoa xinh xắn mang từng tràng,
Đùa chơi ở chốn ẩn cư đẹp,
Ngài chẳng nhớ thời làm đại vương.
1727. Khi thấy các con nhảy múa vui,
Vai mang, đầu đội tràng hoa tươi,
Ở nơi ẩn dật đẹp tươi ấy,
Ngài chẳng nhớ thời làm đức vua.
1728. Khi thấy các con nhảy múa vui,
Vai mang, đầu đội tràng hoa tươi,
Đùa chơi ở chốn ẩn cư đẹp,
Ngài chẳng nhớ thời làm đức vua.
1729. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,
Đang bước đi trong rừng rậm ấy,
Ngài không nhớ thuở làm vua rồi.
1730. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,
Phiêu bạt lang thang chiều sáng ấy,
Ngài không nhớ thuở làm vua rồi.
1731. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,

- Đi trước đàn voi cái lũ lượt,
 Nó kêu tiếng rống thét vang to,
 Ngài nghe tiếng rống của voi ấy,
 Sẽ chẳng nhớ thời làm đức vua.
1732. Khi thấy rừng hai bên mở rộng,
 Có đầy đủ mọi thứ mình mong,
 Trong rừng nhiều thú hoang phong phú,
 Ngài sẽ quên thời làm đại vương.
1733. Có cả hươu nai vào buổi chiều,
 Đến sông Pañcamālina,
 Lại thêm nhân điều đang vui múa,
 Chàng sẽ quên thời vua giữa triều.
1734. Khi nghe thấy tiếng reo lao xao,
 Từ khúc sông kia vỗ rạt rào,
 Và biết bao nhân điều hát nữa,
 Ngài không nhớ thuở mặc hoàng bào.
1735. Khi nghe tiếng cú hú xa vang,
 Từ tận khe núi, vách đá, hang,
 Giữa những âm thanh vang vọng ấy,
 Ngài không nhớ thuở vua, ngai vàng.
1736. Khi nghe gầm rú thú rừng hoang,
 Nào cọp, nào sư tử chúa lâm,
 Nào các bò rừng, tê giác lớn,
 Ngài không nhớ thuở vua, ngai vàng.
1737. Thấy chim công trống trên non cao,
 Đang múa xòe đuôi rực rỡ màu,
 Đứng giữa bầy chim công mái ấy,
 Ngài quên một thuở đã làm vua.
1738. Thấy chim công trống noãn sanh kia,
 Đang múa xòe đôi cánh đẹp xinh,
 Đứng giữa bầy chim công mái ấy,
 Ngài quên quyền tối cao triều đình.
1739. Trong lúc thấy chim công trống kia,
 Cổ chim xanh thắm và mào xinh,
 Đang vui múa giữa bầy công mái,
 Ngài quên quyền tối cao triều đình.
1740. Khi ngắm các cây đơm trổ hoa,
 Tỏa hương ngào ngạt nhẹ đưa xa,

Giữa mùa đông đến nơi rừng núi,
Ngài sẽ quên thời làm đức vua.

1741. Khi thấy đất màu mỡ phủ xanh,
Các côn trùng, bọ cánh đỏ chung quanh,
Giữa mùa đông đến nơi rừng núi,
Ngài sẽ quên thời vua rạng danh.

1742. Khi ngắm các cây đơm trổ hoa,
Trắng mai chiếu thủy, đỏ tần bà,
Cây chè dung rợp bông ngà tím,
Hương tỏa ngọt ngào, thoảng nhẹ đưa,
Trong lúc mùa đông đang đến ấy,
Ngài quên một thuở đã làm vua.

1743. Khi thấy khu rừng rợp sắc hoa,
Rồi hoa kia rũ, lộc xanh ra,
Trong vòng tháng lập đông băng giá,
Ngài sẽ quên thời làm đức vua.

Như vậy, Maddī đã ca tụng vùng Tuyết Sơn qua các vần kệ này như thế
nàng đang sống ở đó.

Chấm dứt *Lời ca tụng cảnh Tuyết Sơn*.

III. CHUYỆN BỎ THÍ

Lúc bấy giờ, Thái hậu Phusatī suy nghĩ: “Một bản án nặng nề đã áp đặt lên
vai vương nhi. Con ta sẽ làm gì đây? Ta muốn đi xem sao.” Bà liền ngự lên một
chiếc xe được phủ kín, khi bà dừng trước cửa cung thất của con bà, bà nghe lọt
câu chuyện ấy và bật tiếng than khóc thảm thiết.

Bạc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1744. Khi nghe vương tử và vương phi,
Hai vị đang tâm sự hàn huyên,
Công chúa Phusa danh tiếng ấy,
Bật lên tiếng khóc lóc sầu bi.

1745. “Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,
Ta thà dùng độc được mà chết,
Hay nhảy lao từ dốc núi cao,
Hoặc thắt dây thòng lọng tự tử,
Điều này sẽ tốt hơn cho ta!

1746. Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,

Tuệ thông, lại hết lòng dâng thí,
Không bòn xén mà cứ phát ban,
Được các địch vương đều kính phục,
Vang danh tiếng tốt khắp gần xa.

- 1747.** Sao họ đầy Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,
Chăm lo phụ mẫu luôn chu đáo,
Kính trọng hoàng thân trưởng lão cao.
- 1748.** Vì lợi ích cho phụ mẫu vương,
Cùng bà con quyến thuộc thân bằng,
Vì quê hương, tất cả dân chúng,
Vô tội sao đầy khỏi nước non?"

Sau lời khóc than bi thảm này, bà an ủi vương nhi và vương hậu, sau đó bà yết kiến nhà vua và tâu:

- 1749.** Giống các tổ ong bị bỏ đi,
Như xoài rơi xuống đất ngoài kia,
Quê hương rồi cũng sẽ như vậy,
Khi khiến người vô tội bị đầy!
- 1750.** Tương tự thiên nga cánh gãy ngang,
Ở nơi hồ nhỏ nước khô cạn,
Khi quần thần bỏ rơi, xa cách,
Ngài sẽ một mình gặp khó khăn.
- 1751.** Đại vương, thiếp tâu mọi điều rồi,
Đừng để phúc của ngài vượt trôi,
Đừng có theo lời dân Sivi,
Đầy con vô tội phải chia phôi!

Nghe vậy, vua đáp:

- 1752.** Ta tôn quân pháp ấy mà tuân,
So với mạng ta, pháp quý hơn,
Ta đã lệnh đầy con thế đó,
Đánh bỏ ngọn cờ của chúng dân!

Nghe lời này, thái hậu lại khóc than:

- 1753.** Xưa các ngọn cờ kia của con,
Tựa muông hoàng yên trở đầy bông,
Con đi cờ cũng theo lòng lộng,
Nay lại một mình bước lạnh lòng!
- 1754.** Xưa kia nhiều ngọn cờ bên con,
Tương tự muông hoàng yên cả rừng,

- Con bước các cò theo phát phối,
Nay con đi chỉ trong cô đơn!
- 1755.** Xưa các đoàn binh chũng của con,
Tựa muông hoàng yển trở đây bông,
Con đi họ cũng theo đông đúc,
Nay lại một mình bước lạnh lòng!
- 1756.** Xưa nhiều binh chũng thuộc về con,
Tương tự muông hoàng yển cả rừng,
Con bước đoàn binh theo tất cả,
Nay con đi chỉ trong cô đơn!
- 1757.** Xưa khoác hoàng bào Gandhāra,
Sắc vàng cam óng ánh huy hoàng,
Con đi họ cũng theo đông đúc,
Nay lại một mình bước chốn xa!
- 1758.** Ngày xưa con ngự trên voi riêng,
Lại có vương xa hoặc kiệu khiêng,
Nay đức Vua Vessantara,
Bộ hành tiến bước thế nào đây?
- 1759.** Ngày xưa con được tắm chiên-đàn,
Được đánh thức bằng ca múa vang,
Nay khoác tấm da dê cứng nhám,
Lại mang giỏ, gậy, thế sao làm?
- 1760.** Sao không dâng chiếc hoàng y nào,
Chẳng có da hươu quý bởi sao?
Con bước vào khu rừng rộng lớn,
Không mang y vỏ cây vì sao?
- 1761.** Đức vua đang bị trục đi này,
Làm cách nào dùng y vỏ cây?
Rồi thế nào Công chúa Maddī,
Khoác y bằng cỏ cát tường đây?
- 1762.** Xưa lựa Kāsi, len Khoma,
Thêm hàng gấm Kodumbara,
Nay sao có thể Maddī ấy,
Lấy cỏ cát tường y mặc vào?
- 1763.** Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Trên đường khó nhọc bước chân lê?

1764. Nàng này chân yếu với tay mềm,
Được dưỡng nuôi trong nhung lụa êm,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Lên đường khó nhọc bước chân lê?
1765. Nàng này chân yếu với tay mềm,
Được dưỡng nuôi trong nhung lụa êm,
Mang loại hải vàng đẹp rực rỡ,
Tới lui nhè nhẹ, dáng yêu kiều,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Cất bước bộ hành trên lối quê?
1766. Xưa có cả ngàn nhi nữ theo,
Nàng đi phía trước, vòng hoa đeo,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Bước một mình vào rừng hút heo?
1767. Xưa kia nàng ở chốn an toàn,
Nghe tiếng chó rừng hú, hoảng hồn,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Tánh tình nhút nhát vào rừng hoang?
1768. Nàng đây dòng dõi bậc cao sang,
Khi tiếng cú kêu la dội vang,
Nghe rú rên kia liên khiếp đảm,
Người run như bị thần, ma vào,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Tánh nhút nhát vào rừng vắng hoang?
1769. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Mỗi khi đến thấy thành này vắng,
Thiếp bị đốt thiêu mãi khổ lòng!
1770. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ võ vàng, gầy yếu,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!
1771. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ chạy tìm cùng khắp,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!
1772. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,

- Mỗi khi đến thấy thành này vắng,
Thiếp bị đốt thiêu mãi khổ lòng!
1773. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ vỡ vàng, gãy yếu,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!
1774. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ chạy tìm cùng khắp,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!
1775. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Mỗi lúc đến nhìn thành vắng vẻ,
Thiếp đây mãi bị đốt thiêu sào!
1776. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Thiếp sẽ vỡ vàng, gãy yếu hẳn,
Con yêu dẫu hời giờ còn đâu!
1777. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Thiếp sẽ chạy đi tìm khắp chốn,
Con yêu dẫu hời giờ còn đâu!
1778. Thiếp đã buồn như vậy khóc than,
Vua đày con biệt xứ vào rừng,
Đội vương nhi quả thật vô tội,
Thiếp nghĩ sẽ buông bỏ mạng đành!

Khi nghe mẫu hoàng than khóc, tất cả các cung phi xứ Sivi của Vua Saṅjaya đã tề tựu lại và đồng khóc than. Nghe tiếng kêu khóc của họ, Bò-tát đang ở trong cung cũng khóc than theo. Như vậy không một ai trong hai cung này có thể gắng gượng được, họ ngã xuống, lăn lộn, than khóc tựa như những cây sālā bị quật ngã, vùi dập bởi sức mạnh của gió bão.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này:

1779. Nghe mẫu hoàng than khóc thảm thương,
Nhiều phi tần ở trong cung vương,
Các nhi nữ Sivi tề tựu,
Họ cũng dang tay lên khóc than.
1780. Trong cung của Vessantara,
Thê tử quy nằm dài liệt la,

- Nhìn tựa vườn sālā ngã đổ,
Tả toi trong bão táp phong ba.
- 1781.** Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung của Vessantara.
- 1782.** Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung của Vessantara.
- 1783.** Và khi đêm ấy đã gần tàn,
Ngày rạng, mặt trời đã phát quang,
Khi ấy Vua Vessantara,
Bắt đầu ngự đến để dâng ban.
- 1784.** Hãy ban y phục cho người cần,
Cho kẻ nghiện say phân rượu nồng,
Đem thức ăn cho người thiếu đói,
Hãy ban phát đúng, thỏa lòng mong!
- 1785.** Những người xin đã đến nơi đây,
Đừng để họ thất vọng thứ gì,
Hãy cấp đồ ăn uống đủ cả,
Để người nể trọng khi ra đi.
- 1786.** Và rồi ở đó các âm thanh,
Quần chúng rất đông náo nhiệt kinh,
“Do phát ban mà họ trực xuất,
Ngài đem tiếp vật phẩm dâng ban!”
- 1787.** Giống như kẻ mệt mỏi, say sưa,
Người đến xin liền quy ngã dài,
Khi đại vương rời đi biệt xứ,
Bạc làm thịnh xứ Sivi này.
- 1788.** Họ đón cây đi thật, bạn này!
Cây đơm nhiều loại trái trên cành,
Giống khi họ trực khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.
- 1789.** Họ đón cây đi thật, bạn này!
Cây ban mọi ước nguyện tràn đầy,
Giống khi họ trực khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.

1790. Họ đồn cây đi thật, bạn này!
Cây mang mọi vị dục trần gian,
Giống khi họ trục khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.
1791. Người già, người trẻ, kẻ trung niên,
Họ thấy giờ tay lên khóc than,
Khi đại vương đang rời khỏi chỗ,
Bạc làm hưng thịnh xứ Sivi.⁷⁸
1792. Người bói toán và các hoạn quan,
Phi tần cung nữ của triều hoàng,
Đều giờ các cánh tay than khóc,
Khi họ thấy nhìn thấy đại vương,
Bạc khiến thịnh hưng Sivi xứ,
Đang rời đi khuất dạng dần dần.
1793. Tất cả nữ nhi ở thị thành,
Đều giờ các cánh tay than van,
Khi trông thấy đại vương đi khỏi,
Bạc khiến xứ Sivi thịnh hưng.
1794. Sa-môn cùng với Bà-la-môn,
Tất cả những hành khát rất đông,
Họ thấy giờ tay lên khóc lóc,
Than rằng: “Người hỡi, chẳng công bằng!”
1795. Như khi Vua Vessantara,
Dâng phát trong thành của chính vua,
Mà bởi vì lời dân Sivi,
Ngài đành biệt xứ, đến phương xa.
1796. Sau khi ban phát bảy trăm voi,
Rực rỡ nhờ nhiều thứ điểm tô,
Lại có dây đai vàng óng ánh,
Yên vàng, khăn đẹp phủ thêm vô.
1797. Mỗi một voi đều chở chú nài,
Vớ đồ móc, giáo ở trong tay,
Rời Vua Vessantara ấy,
Phải biệt quê mình, chịu án đầy.
1798. Bảy trăm ngựa được ngài ban dâng,
Rực rỡ nhờ nhiều thứ phục trang,

⁷⁸ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

Là giống ngựa Sindh, thuần chủng rất,
Chở mang được nặng phi nhanh chân.

- 1799.** Mỗi ngựa chở người kỵ mã quân,
Trong tay cầm sẵn kiếm và cung,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải chịu lưu đầy, biệt cố hương.
- 1800.** Bảy trăm xe được ngài dâng ban,
Đầy đủ quân trang, cờ xí giăng,
Được trải trên xe da hổ, báo,
Đẹp xinh nhờ mọi thứ trang hoàng.
- 1801.** Trên mỗi xe đều có quân xa,
Thân mang áo giáp, cung trong tay,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải biệt quê mình, chịu án đầy.
- 1802.** Bảy trăm nữ nữ ngài dâng ban,
Trên mỗi cỗ xe đứng một nàng,
Nai nịt dây vàng thân lấp lánh,
Lại tô điểm các món kim hoàn.
- 1803.** Với nữ trang và y phục vàng,
Đeo nhiều phục sức cũng màu vàng,
Đôi mi cong vút, cười tươi sáng,
Đầy đặn mỡm, vòng eo nhỏ thanh.
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đầy trục xuất khỏi giang san.
- 1804.** Bảy trăm bò cái ngài dâng xong,
Tất cả các thùng sữa bạc ròng,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đầy trục xuất khỏi giang sơn.
- 1805.** Bảy trăm tỷ nữ ngài đem cho,
Và bảy trăm nam bộc phát luôn,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đầy trục xuất khỏi giang sơn.
- 1806.** Ngài đem cho ngựa, cỗ xe, voi,
Ban nữ nhân trang điểm tuyệt vời,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đầy biệt xứ, phải di dời.
- 1807.** Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!

Vào lúc tiến hành lễ đại thí,
Đất bằng bỗng rung động âm vang!⁷⁹

- 1808.** Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!
Khi Chúa thượng Vessantara,
Chấp tay từ biệt rời quê hương!

Như vậy, ngài đã làm lễ Đại bố thí bảy trăm voi có trang sức vàng, cò vàng giương, lưới vàng phủ; bảy trăm ngựa cũng tương tự; bảy trăm xe rọp cò vàng, đỉnh nhiều loại châu báu, trái da sư tử và các da thú khác; bảy trăm nữ quý tộc có dáng vẻ cao sang mang đủ các nữ trang đẹp; bảy trăm nô bộc nam được huấn luyện thuần thục; bảy trăm nô tỳ nữ cũng tương tự; bảy trăm bò cái đầy sữa và bảy trăm đồ ăn thức uống vô hạn lượng. Khi ngài đang phân phát vật phẩm thì các Sát-đế-ly (quý tộc), Bà-la-môn (đạo sĩ), Vệ-xá (thương nhân), Thủ-đà (công nhân), v.v... đang sống ở thành Jetuttara đều khóc than: “Chúa thượng Vessantara ở xứ Sivi vì thí vật mà bị trục xuất, thế nhưng ngài vẫn cứ tiếp tục bố thí!” Việc này được kể rằng:

- 1809.** Và rồi ở đó các âm thanh,
Quần chúng rất đông, náo nhiệt kinh,
Do phát ban mà họ trục xuất,
Ngài đem tiếp vật phẩm dâng ban!

Những người thọ thí nhận xong các vật phẩm thì ngã khuỵu xuống như bị chặt chân, rồi lăn lộn rên la lớn tiếng: “Giờ đây, Vua Vessantara không còn là nơi nương tựa cho chúng ta, ngài sẽ vào rừng và từ nay trở đi, chúng ta không thể diện kiến ngài được nữa!”

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

- 1810.** Giống như kẻ mệt mỏi, say sưa,
Người đến xin liền quy ngã dài,
Khi đại vương rời đi biệt xứ,
Bậc làm thịnh xứ Sivi này.

Ngài vẫn đang phân phát thí vật thì trời tối, vì thế ngài trở về cung thất của mình. Ngài ngự trên chiếc vương xa lộng lẫy đến cung của cha mẹ để từ giả song thân rồi hôm sau lên đường. Nàng Maddī cũng đi cùng, đến xin phép hai vị cho nàng đi theo ngài. Bậc Đại sĩ kính lễ vua cha và thưa trình về việc ra đi của mình.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

- 1811.** Xin trình Minh chúa Sañjaya,
Một đại vương công chính, quý cao,

⁷⁹ Xem câu kệ 1672, 2119, 2280 trong câu chuyện này; D. II, 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

“Bệ hạ đã đày con biệt xứ,
Thì con sẽ đến núi Vamka.

- 1812.** Bệ hạ, những ai đã được sanh,
Và luôn ai sẽ được sanh thành,
Khi không thỏa mãn với lòng dục,
Sẽ bị rơi vào lực tử thân.
- 1813.** Vì con nên tội với thần dân,
Khi tại thành mình con cúng ban,
Nên bởi lời dân Sivi tấu,
Nay con bị trục khỏi giang san.
- 1814.** Con sẽ đền ngay tội ấy đây,
Vào rừng thú dữ, hồ beo đầy,
Con làm các thiện sự, công đức,
Cha đắm bùn nhơ, nhiễm dục hoài!”

Bậc Đại sĩ ngâm bốn vần kệ này với vua cha rồi ngài đến gần mẹ kính chào từ giã và xin phép ra đi với các lời này:

- 1815.** Xin phép mẹ hiền con xuất cung,
Ly gia xa xứ con hân hoan,
Vì con nên tội với dân chúng,
Khi tại thành mình con cúng ban,
Nên bởi lời dân Sivi tấu,
Nay con bị trục khỏi giang san.
- 1816.** Con sẽ đền ngay tội ấy đây,
Vào rừng thú dữ, hồ beo đầy,
Con làm các thiện sự, công đức,
Mẹ đắm bùn nhơ, nhiễm dục hoài!

Mẫu hậu Phusatī đáp:

- 1817.** Mẹ giờ cho phép con ly gia,
Cầu chúc con thành tựu, vạn an,
Còn Maddī công nương mỹ lệ,
Tay mềm chân yếu, dáng thon thanh,
Với con thơ trẻ đang yên ấm,
Phải ở rừng làm gì, được chăng?

Vessantara đáp:

- 1818.** Nào phải đâu con muốn dẫn ai,
Dù là tỳ nữ, vào rừng này,
Nếu như nàng muốn thì theo bước,
Còn chẳng muốn thì ở lại đây!

Nghe lời thái tử nói, vua cha tìm cách thuyết phục nàng.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

- 1819.** Lúc này chúa thượng hướng công nương,
Tìm cách khuyên lơn, chỉ bảo nàng:
“Đừng để bụi dơ ẩm ướt lấm,
Tắm thân được tắm ướt đàn hương!
- 1820.** Đã mặc lụa tơ xứ Kāsi,
Con đừng đắp áo cỏ tranh chi,
Ở nơi rừng rất là gian khổ,
Con có phúc phần, đừng bước đi!”
- 1821.** Maddī công chúa đẹp toàn thân,
Liên tấu lời này với phụ hoàng:
“Con cũng chẳng màng được điểm phúc,
Nếu không có Vessantara.”
- 1822.** Vua làm hưng thịnh xứ Sivi,
Lại nói với nàng nữa thế này:
“Này hãy lắng nghe hỡi Maddī,
Gian nan rừng thẳm sẽ như vậy,
- 1823.** Nào những bọ sâu, gián, muỗi mòng,
Nào ruồi, nào bướm đêm và ong,
Chúng gây hại, đốt con nơi đó,
Có thể làm con khổ sở hơn.
- 1824.** Lại nhiều tai họa khác đau thương,
Khi đến trú gần nơi bến sông,
Có loại rắn to không có độc,
Gọi là trăn, sức mạnh vô cùng,
- 1825.** Hễ có người hay con thú rừng,
Nó đang phát hiện đến gần bên,
Thì liền quần lấy nhiều vòng chặt,
Rồi tự nó mang kéo đến hang.
- 1826.** Còn loài dã thú khác hung nguy,
Là gấu có lông đen phủ đầy,
Khi chúng thấy người là bắt lấy,
Dù cho người đã trèo lên cây.
- 1827.** Dọc theo sông Sotumbarā,
Có những trâu rừng lui tới hoài,
Với cặp sừng to nhọn húc điếng,
Lại thường đến tấn công không ngờ.

1828. Trong những bầy đàn thú dữ này,
Có con bò lớn quanh rừng đây,
Như bò mẹ ngóng bê tìm kiếm,
Khi ấy con làm gì, Maddī?
1829. Thấy các con khi trên ngọn cây,
Chúng đang nhảy nhót trông ghê thay,
Maddī Công chúa sẽ kinh sợ,
Vì chẳng hề rành chốn dị kỳ.
1830. Xưa kia con ở chốn an toàn,
Nghe tiếng chó rừng hú, hoảng hồn,
Giờ thế nào Công chúa Maddī,
Đến mà trú tại Vamka son?
1831. Sao con muốn vào chốn như vậy?
Ngay cả lúc trời đang giữa ngày,
Khi các loài chim nghỉ lặng lẽ,
Mà khu rừng lớn vẫn ồn đây.”⁸⁰
1832. Maddī Công chúa đẹp toàn thân,
Liền tấu lời này đáp phụ vương:
“Về những điều cha đã chỉ rõ,
Thật là đáng sợ ở trong rừng,
Tuy nhiên con chịu mọi gian khó,
Và sẽ ra đi, tâu Phụ vương!
1833. Con băng lau, sậy, cỏ kusa,
Dải cỏ hương bài, may, cối bàng,
Ướt ngực vươn mình con tiến bước,
Sẽ không là gánh nặng cho chàng!
1834. Nữ nhân giữ được một người chồng,
Thật sự nhờ công dung hạnh ngôn,
Phải chịu được kiêng ăn, thiếu đói,
Lại thêm đáng vẻ cần chăm luôn.
1835. Nàng lo ngọn lửa thật siêng năng,
Và lọc sạch trong nước bản thân,
Song phải xa chồng đời khổ sở,
Thừa cha, con quyết đi theo chàng!
1836. Dù kẻ kéo tay ép buộc ngang,
Cũng không thể tận hưởng cùng nàng,

⁸⁰ Tham chiếu: S. I. 7, *Saṇamānasutta* (Kinh Tiếng động rừng sâu); S. I. 203, *Majjhanhikasutta* (Kinh Giữa trưa); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1335. 0368b22); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.355. 0490b03).

- Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu Đại vương!
- 1837.** Có khi bị nắm tóc lôi lên,
Rồi bị đẩy xô xuống đất nền,
Lúc đã gây ra nhiều khốn khổ,
Gã này cứ bỏ đi, bâng quan,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu Đại vương!
- 1838.** Nàng da trắng bọn họ mong cầu,
Những kẻ thấy may mắn, tự cao,
Họ kéo lấy nàng và ép uống,
Nhu bầy quạ kéo cú rên đau,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu đức Vua!
- 1839.** Ngay cả trong nhà giàu có sang,
Bạc vàng sáng rỡ vẻ huy hoàng,
Không sao tránh khỏi lời cay đắng,
Từ các anh em hoặc bạn thân,
Khi góa phụ là đời khổ sở,
Thừa cha, con quyết đi theo chàng!
- 1840.** Chẳng khác sông trôi trôi, cạn dòng,
Thiếu vua, quốc độ thành trôi không,
Dù sương phụ có mười anh ruột,
Cũng chỉ thân trôi trôi, trống lòng,
Khi góa phụ là đời khổ sở,
Thừa cha, con quyết đi theo chồng!
- 1841.** Thấy cò là biết cỗ xe ngay,
Thấy khói xông lên biết lửa đây,
Thấy đức vua là biết quốc độ,
Thấy chồng là biết vợ người này,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Bệ hạ, lòng con đã quyết đi!⁸¹
- 1842.** Người vợ chia chung phận với chồng,
Dù giàu sang hoặc chịu bần cùng,
Danh nàng được các thần ca ngợi,
Quả thật nàng làm việc khó khăn!
- 1843.** Con quyết tâm luôn nối gót chàng,
Dù mang y nhuộm màu cam vàng,

⁸¹ Xem S. I. 41, *Rathasutta* (Kinh Cỗ xe).

- Và khi trái đất chưa tan nát,
 Đòi quả phụ than ôi, trái ngang!
- 1844.** Dù bờ biển chứa nhiều tài nguyên,
 Các loại báu châu trên đất liền,
 Con chỉ cần Vessantara,
 Chẳng khi nào muốn xa chồng hiền!
- 1845.** Quả thật là tàn nhẫn nữ nhân,
 Khi lang quân khổ cực, gian nan,
 Lại mong vui hưởng cảnh sung sướng,
 Sao có thể là kẻ nhẫn tâm?
- 1846.** Khi đại vương kia buộc phải đi,
 Vị làm hưng thịnh xứ Sivi,
 Con đây cất bước cùng chàng ấy,
 Vì chàng ban mọi lạc tràn đầy!”
- 1847.** Đại vương liền phán bảo lời này,
 Với nữ nhân toàn mỹ Maddī:
 “Hãy để lại đây hai đứa trẻ,
 Kaphājīnā với Jālī,
 Khi nàng phước đức rời xa xứ,
 Ta sẽ chăm nom chẳng thiếu chi!”
- 1848.** Maddī công chúa đẹp toàn thân,
 Liền tấu lời này với phụ hoàng:
 “Bệ hạ, hai con yêu quý đó,
 Jālī với Kaphājīnā,
 Khiến chúng con vui tại chốn vắng,
 Nơi rừng rậm sống không buồn than.”
- 1849.** Vua làm hưng thịnh xứ Sivi,
 Lại nói với nàng nữ thế này:
 “Chúng đã quen cao lương mỹ vị,
 Thịt thơm ngon với cơm sālī,
 Giờ dùng các quả cây rừng dại,
 Bọn trẻ thơ kia ăn kiêu gì?
- 1850.** Chúng đã dùng tô bạc, chén vàng,
 Giờ đây chỉ lá cây rừng hoang,
 Thì làm sao bọn trẻ thơ đó,
 Biết cách nào đâu để chúng ăn?
- 1851.** Xưa lựa Kāsi, len Khoma,
 Thêm hàng gấm Kodumbara,

Nay làm sao bọn trẻ thơ đó,
Mặc áo làm bằng cỏ kusa?

- 1852.** Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Giờ phải làm sao bọn trẻ đó,
Chân trần đi chạy các vùng miền?
- 1853.** Trước giờ chúng ngủ trong cung hoàng,
Cửa khóa then cài thật ôn an,
Nay đến cây rừng ngủ dưới gốc,
Thế nào trẻ ngủ được hay chăng?
- 1854.** Trước giờ nằm ngủ trên giường cao,
Phủ thảm lông dài đủ sắc màu,
Nay phải ngả lưng trên thảm cỏ,
Thế thì bọn trẻ phải làm sao?
- 1855.** Trước được tắm thoa các nước thơm,
Bột chiên-đàn với bột trầm hương,
Nay bùn nhơ, bụi bặm lem luốc,
Làm được gì đây, bọn trẻ thơ?
- 1856.** Xưa được dưỡng nuôi rất kỹ càng,
Đuôi trâu làm quạt, cả lông công,
Nay mòn và muối đốt cắn chúng,
Bọn trẻ thơ làm gì được chăng?”

Trong khi các vị bàn luận như vậy thì đêm tàn, mặt trời lên. Quân hầu mang một cỗ xe lộng lẫy cùng một đoàn bốn ngựa Sindh thuần chủng đến cho bậc Đại sĩ và đặt ở cửa. Maddī kính lễ song thân của Vessantara và chào từ biệt các bà phu nhân kia rồi ra đi cùng với hai con, chúng đến trước Vessantara và lên ngồi trong xe ấy.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề này:

- 1857.** Rồi Maddī diễm lệ công nương,
Liền nói lên vầy đáp phụ vương:
“Xin đừng than khóc nữa, cha hỡi,
Đừng nói lời ưu não, Phụ vương,
Hai trẻ đi theo cha mẹ chúng,
Dù cho sướng, khổ cũng đồng chung.”
- 1858.** Và Maddī công nương tuyệt xinh,
Thưa lời xong cất bước đăng trình,
Công nương phước đức mang con trẻ,
Tất cả theo đường Vua Sivi.

1859. Rồi Vessantara quốc vương,
Vị Khattiya cúng dường xong,
Ngài bèn đánh lễ cha và mẹ,
Hữu nhiều một vòng, chào kính cung.

1860. Ngài ngự lên xa giá lệ làng,
Vương xa tứ mã kéo đi nhanh,
Ngài mang theo vợ con cùng tiến,
Đi đến tận vùng núi Vamka.

1861. Và đức Vua Vessantara,
Tới nơi có rất nhiều thần dân,
Ngài kêu: “Giờ chúng tôi đi nhé,
Câu chúc bà con được khỏe an!”

Khi nói các lời này với quần chúng, bậc Đại sĩ khuyên nhủ họ tinh cần bố thí và làm các thiện sự. Khi ngài đã đi xa, mẹ Bồ-tát nói:

– Nếu vương tử muốn bố thí, hãy để con bố thí!

Rồi bà gửi cho ngài hai xe nhỏ đi kèm mỗi bên xe ngựa chứa đầy nữ trang gồm bảy báu vật. Trong mười tám lần ban phát, ngài phân chia cho đám hành khát mà ngài gặp trên đường đi tất cả những gì ngài có, luôn cả số đồ trang sức trên chính thân ngài.

Khi ngài đã rời kinh thành, ngài quay lại và muốn nhìn lui, vì thế thuận theo ý ngài, mặt đất nứt ra theo chiều chiếc xe và quay lại khiến cho xe đối diện với kinh thành, ngài liền chiêm ngưỡng nơi song thân ngài đang cư ngụ. Tiếp theo đó là đất chấn động và nhiều việc kỳ diệu khác. Vì vậy, có chuyện kể:

Khi ngài ra khỏi chốn kinh thành,
Ngài đã quay đầu lại ngắm nhìn,
Khi ấy đất bằng liền rung động,
Cả rừng núi Tu-di rung rinh.

Trong lúc ngắm cảnh, ngài ngâm kệ thúc giục Maddī cũng nhìn lui:

1862. Này Maddī, nàng hãy ngắm nhìn!
Nơi thân yêu đó trông xinh xinh,
Có cung điện Đại vương Sivi,
Cũng chính quê cha đất tổ mình.

Sau đó, ngài nhìn về phía sáu mươi ngàn triệu thần, những người sinh ra cùng lúc với ngài, nhìn quần chúng còn đó và ra hiệu cho họ lui về. Rồi trong khi tiếp tục lái xe đi, ngài bảo Maddī:

– Này Công nương, nàng hãy nhìn xem thử có kẻ cầu xin nào đang đi phía sau chăng?

Nàng liền nhìn ra. Bấy giờ, bốn Bà-la-môn không thể có mặt kịp trong lễ

Đại bố thí bảy trăm báu vật đã đến kinh thành, và thấy lễ phân phát đã xong, biết chắc là vương tử đã ra đi. Họ hỏi:

– Thế ngài có đem theo vật gì không?

– Vâng, có cỗ xe.

Vì thế họ quyết định đi xin bày ngựa. Maddī thấy những người này đang tiến lại gần. Nàng nói:

– Tâu Chúa công, có các vị hành khát.

Bậc Đại sĩ dừng xe lại. Họ tiến đến xin bày ngựa và bậc Đại sĩ cho ngựa.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả vấn đề này:

1863. Khi bắt kịp ngài, bốn La-môn,
Muốn xin bày ngựa, họ van lơn,
Ngài ban bốn ngựa ngay nơi đó,
Hành khát mỗi người được một con.

Bày ngựa được lấy đi rồi, dây cương của cỗ xe vẫn còn treo lơ lửng trên xe. Nhưng chẳng bao lâu sau khi các Bà-la-môn vừa đi thì bốn vị thần giả dạng bày hươu đỏ tía đến kéo xe đi. Bậc Đại sĩ biết họ là thần linh liền ngâm kệ này:

1864. Này Maddī, hãy ngắm nhìn đi,
Nàng có thấy kia việc diệu kỳ,
Những con ngựa này tài ba quá,
Đội lột hồng dương để kéo xe!

Nhưng khi ngài tiến lên thì một Bà-la-môn khác đến xin cỗ xe. Bậc Đại sĩ đưa vợ con xuống và cho ông ta cỗ xe. Khi ngài cho xe xong, các vị thần cũng biến mất.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc tặng cỗ xe này:

1865. Rồi kẻ thứ năm tiến đến đây,
Nói lời mong muốn cỗ xe này,
Ngài cho người ấy cỗ xe ngựa,
Chẳng chút bận tâm, ban phát ngay!

1866 Lúc đó, Vua Vessantara,
Phải đưa hết vợ con rời xe,
Ngài vui vẻ lấy cỗ xe ngựa,
Ban tặng Bà-la-môn muốn cần.

Sau đó, cả đoàn đều đi bộ. Bậc Đại sĩ bảo Maddī:

1867. Này Maddī, nàng bé Kanhā,
Vì nó là em gái, nhẹ hơn,
Jāli là anh trai nặng đấy,
Cho nên bồng nó để phần ta.

Sau đó, hai vị bé con lên và mang chúng bên hông.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1868. Đức vua thì bế con trai ngoan,
Con gái kia thì phần của nàng,
Tất cả họ hoan hỷ bước tiếp,
Cùng nhau trò chuyện đầy yêu thương.
Chấm dứt *Chuyện bố thí*.

IV. ĐI VÀO RỪNG

Khi gặp người nào trên đường, hai vị hỏi đường đi đến núi Vamka⁸² và được biết còn rất xa. Vì thế, có chuyện kể:

1869. Bất cứ khi nào gặp được ai,
Dù đi xuôi hoặc ngược chiều ngải,
Họ đều có hỏi thăm phương hướng,
“Nơi chốn nào là núi Vamka?”

1870. Du khách nơi đây nghe hỏi han,
Ai nhìn cũng xót thương, than van,
Và cho biết rằng thật gian khổ,
Đường đến núi Vamka rất xa!

Đôi trẻ reo lên khi thấy đủ loại trái cây mọc hai bên đường. Nhờ thần lực của bậc Đại sĩ, cây cối rạp mình xuống đưa trái đến tầm tay họ hái được và hai vị hái những quả chín nhất đưa cho các con. Lúc ấy, Maddi reo lên:

– Thật kỳ diệu quá!

Vì thế, chuyện kể lại:

1871. Mỗi khi trẻ thấy giữa rừng xanh,
Có những trái cây ngon trầu cành,
Hai trẻ liền kêu đòi khóc lóc,
Bởi vì chúng muốn trái ăn nhanh.

1872. Cây rừng cao vút cành sum suê,
Nhìn thấy trẻ thơ đang khóc kêu,
Bèn tự nghiêng mình cúi rạp xuống,
Vươn cành tới chỗ trẻ thơ liền.

1873. Khi nhìn điều diệu kỳ này xong,
Điều rất phi thường, dựng tóc lông!
Nàng Maddi công nương mỹ lệ,
Nói lên lời tán thưởng hài lòng.

⁸² Bản CST và Tích Lan viết Vamka.

1874. “Quả là tuyệt diệu ở đời này,
Điều dựng tóc lông, rất lạ kỳ!
Nhờ lực của Vessantara,
Cây cao bỗng cúi rạp nghiêng dài.”

Kể từ kinh thành Jetuttara, núi Suvannagiritāla cách đó năm do-tuần, sông Kontimārā lại cách đó năm do-tuần, núi Ārañjara lại cách đó năm do-tuần, ngôi làng Bà-la-môn Dunnivīṭṭha lại cách đó năm do-tuần nữa và kinh thành của quốc cứu ngài cách đó mười do-tuần; như vậy tính từ thành Jetuttara, hành trình dài ba mươi do-tuần. Các vị thần rút ngắn quãng đường ấy, vì vậy chỉ trong một ngày, họ đã đến kinh thành của vị quốc cứu. Do đó, chuyện kể rằng:

1875. Thần dạ-xoa thấu ngắn dặm trường,
Vì thương con trẻ gặp tai ương,
Ceta quốc độ nay vừa đến,
Trước buổi hoàng hôn kịp bước đường.

Bấy giờ, các vị rời thành Jetuttara lúc rạng đông, buổi chiều đã đến vương quốc Ceta và vào thành của vị quốc cứu.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1876. Cả đoàn đi đến xứ Ceta,
Gian khổ lộ trình quả thật xa,
Vương quốc tràn trề đồ ẩm thực,
Phú cường, thịnh vượng cõi sơn hà.

Bấy giờ, trong kinh thành của vị quốc cứu ấy có sáu mươi ngàn vị võ tướng Sát-đế-lỵ cư trú. Bậc Đại sĩ không vào thành mà chỉ ngồi trong sảnh đường ở cổng thành. Maddī phủ bụi trên chân bậc Đại sĩ và xoa bóp chân ngài, rồi với ý định thông báo việc ngài đến, nâng đi ra khỏi sảnh đường và đứng nơi cửa để người ta nhìn thấy. Vì thế, những phụ nữ vào ra thành trông thấy nàng và đến vây quanh.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1877. Nhìn thấy vương phi đáng tốt lành,
Đàn bà Ceta đứng vây quanh,
“Vị phu nhân quả thật hiền dịu,
Sao phải đi chân suốt lộ trình?”

1878. Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Maddī nay ở rừng rậm vắng,
Bộ hành đây đó bước chân lê.

Quần chúng lúc ấy vừa thấy Maddī và Vessantara cùng hai con đến trông khổ sở liền đi trình vua. Rồi sáu mươi ngàn vị vương hầu đến gặp ngài và than khóc.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1879. Vương tộc Ceta đến chỗ ngài,
Họ nhìn rồi khóc lóc, than dài:
“Đức vua được cát tường muôn sự?
Long thể an khang không, đức ngài?
Và thái hoàng giờ vô bệnh chứ?
Toàn dân Sivi ôn an hoàì?”

1880. Quân sĩ ngài đâu, tâu Bệ hạ?
Và đâu chẳng thấy chiếc vương xa?
Không xe, không ngựa, đi như thế,
Nhọc mệt đường dài ngài trải qua?
Có phải quân thù gây chiến sự,
Khiến ngài phải đến tận phương xa?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói cho các vương tử biết nguyên nhân ngài đến đây:

1881. Các thân vương hỡi, ta an khang,
Muôn sự cũng đều được cát tường,
Và thái hoàng giờ vô bệnh cả,
Toàn dân Sivi vẫn bình an.

1882. Ta tặng tượng vương quý báu này,
Tượng to ngà lớn như cày xe,
Toàn thân màu trắng thật ưu tú,
Trên mọi đấu trường thắng thế ngay.

1883. Thân tượng được choàng tấm sắc cam
Cao to, giẫm nát rất nhiều quân,
Cặp ngà điểm quạt lông bò mìn,
Trắng tuyết tựa Kelāsa sơn.

1884. Có che lọng trắng, có yên êm,
Có quân tượng, người chăm sóc thêm,
Phương tiện tôi cao chúa thượng ngự,
Ta mang tặng các Bà-la-môn.

1885. Vì thế toàn dân đã hận sâu,
Phụ vương xem đó là sai lầm,
Và ngài ra án lệnh đầy đọa,
Ta phải đi đến núi Vamka,
Này các thân vương, cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ nấu nướng thân?

Các vương hầu đáp:

1886. Cung nghênh Chúa thượng đến nơi đây,
Ngài gặp an lành trong chuyến đi!

Tâu Bệ hạ, xin ngài cứ ngự,
Bất kỳ nơi thuận tiện, tùy nghi!

- 1887.** Ngài tới đây rồi, ngài khách thượng!
Đại vương cứ thưởng thức cao lương,
Ngó sen, thịt, mật ong, rau củ,
Cơm nấu gạo sālī quý thơm.

Vessantara nói:

- 1888.** Ta nhận quà trao từ các vị,
Kính thành dâng đủ món tràn đầy,
Thái hoàng ra án lệnh đầy đọa,
Nay núi Vamka ta phải đi,
Xin các thân vương cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ nấu nướng đây?

Các vương hầu đáp:

- 1889.** Đại vương cứ ở lại nơi này,
Tại quốc độ Ceta, tâu ngài,
Đến lúc dân Ceta khởi sự,
Gặp vua thưa hỏi và trình bày!
- 1890.** Giải thích cho vua mọi sự tình,
Bậc làm hưng thịnh nước Sivi,
Dân Ceta tỏ lòng thành kính,
Hoan hỷ được nhân duyên hộ trì,
Họ nổi gót ngài cùng tiến bước,
Xin trình Sát-đế-ly tin vậy.

Bậc Đại sĩ nói:

- 1891.** Ta không muốn các vị lên đường,
Đến diện kiến, van xin phụ vương,
Lại giải bày cho chúa thượng rõ,
Đức vua cũng chẳng có quyền hơn.
- 1892.** Triều thần, thành thị, dân Sivi,
Tất cả mọi người phần nộ đây,
Họ muốn hạ luôn cả chúa thượng,
Bởi vì có sự mà ta gây.

Các vương hầu đáp:

- 1893.** Nếu xứ sở kia có xảy ra,
Việc như thế ấy thì tâu Vua,
Xin ngài ở lại làm hoàng thượng,
Được hộ bởi dân xứ Ceta.

- 1894.** Đất nước phú cường và thịnh hưng,
Với dân chúng vĩ đại, hào hùng,
Cầu xin ngài hãy quyết tâm trụ,
Cai trị quốc gia, dạy chúng thần!

Vessantara nói:

- 1895.** Thân dân Ceta, hãy nghe ta!
Vì bị lưu đày biệt xứ xa,
Ta chẳng mong cầu, chẳng quyết định,
Ở đây cai trị quốc an dân.
- 1896.** Triều thần, thành thị, dân Sivi,
Tất cả họ đều sẽ bất bình,
Khi các vị tôn ta trị quốc,
Trong khi ta bị án lưu đày.
- 1897.** Rồi đây các vị bất đồng nhiều,
Chỉ bởi vì ta có sự khêu,
Dân chúng Sivi lại cự cãi,
Ta không thích rẽ chia, tranh trâu!
- 1898.** Sự gây cãi nọ ngày kinh ghê,
Không ít chiến tranh sẽ nổ thêm,
Chỉ bởi một mình ta tạo tác,
Mà nhiều người bị tổn thương theo.
- 1899.** Ta nhận quà trao từ các vị,
Kính thành dâng đủ món tràn đầy,
Thái hoàng ra án lệnh đày đọa,
Nay núi Vamka ta phải đi,
Xin các thân vương cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ nấu nướng đây?

Như vậy, dù có nhiều lời thỉnh cầu, bậc Đại sĩ vẫn chối từ vương quốc. Sau đó, các vương hầu ấy tiếp đón ngài trọng thể. Nhưng ngài không muốn đi vào thành, vì thế họ trang hoàng sảnh đường mà ngài đang ở, giăng màn quanh đó và soạn một chiếc sàng tọa lớn rồi họ canh phòng cẩn mật xung quanh.

Ngài cư trú trong sảnh đường ấy một đêm, được canh phòng cẩn mật. Đến hôm sau vào lúc tảng sáng, sau khi tắm rửa và dùng một bữa cơm đầy cao lương thượng vị, được các vị vương hầu hộ tống, ngài rời đi. Sáu mươi ngàn vị Sát-đế-ly ấy đưa tiễn ngài suốt hành trình dài mười lăm do-tuần rồi dừng lại ở lối vào khu rừng, họ nói về quãng đường mười lăm do-tuần còn lại của cuộc hành trình:

1900. “Vâng, chúng thần xin tâu đức Vua,
Trình bày rành rẽ mọi đường qua,
Nơi nào vua xuất thế cư trú,
Có lửa thiêng thờ, được tịnh an.
1901. Tâu Đại vương, kia là núi đá,
Gọi tên Gandhamādana,
Chính nơi Bệ hạ và con trẻ,
Cùng với hậu vương tạm gọi nhà!”
1902. Dân Ceta khuôn mặt thâm sâu,
Mắt người tuôn chảy những dòng châu,
Họ khuyên đại vương cứ đi thẳng,
Theo hướng Bắc mà đến núi cao:
1903. Rồi ngài thấy núi Vipula,
Đủ các loại cây tươi thắm xanh,
Phủ xuống bao nhiêu là bóng mát,
Nơi này thật đẹp xinh, trong lành!
1904. Khi vượt qua khỏi vùng núi non,
Thì ngài sẽ gặp một con sông,
Chính là dòng Ketumatī,
Nguồn bắt từ khe sâu núi tuôn.
1905. Nước đầy, nhiều cá lội nơi nơi,
Sông rất nên thơ cảnh dọc bờ,
Ngài có thể dùng uống, tắm mát,
Nô đùa, chơi giỡn với con thơ.
1906. Và rồi Chúa thượng sẽ tìm ra,
Trái chín ngọt nhiều trên cội đa,
Nơi đỉnh núi xinh đa đã mọc,
Tán che mát rượi, cảnh la đà.
1907. Và rồi Chúa thượng cũng tìm ra,
Một ngọn núi tên Nālīka,
Đủ loại chim từng đàn khắp chốn,
Và vùng núi lắm khăn-na-la.
1908. Đi tiếp miền Đông Bắc núi này,
Đến hồ tên Mucalinda,
Mặt hồ bao phủ đầy sen trắng,
Thêm súng trắng xen lẫn đỏ đây.
1909. Cánh rừng dày tựa mây vây quanh,
Cỏ mọc thường xuyên như thảm xanh,

Tương tự chúa sơn lâm kiếm thịt,
Ngài vào rừng ấy tìm dân dân,
Có cây đang trở bông xinh xắn,
Lần các cây đơm trái trĩu cành.

1910. Nơi đó nhiều chim đủ sắc màu,
Hội về khi rừng rộ ngàn hoa,
Tiếng chim hót líu lo đây đó,
Rộn rã âm thanh ngọt dịu hòa.

1911. Nếu ngài theo lối loanh quanh non,
Cho đến khi lên tận suối nguồn,
Ngài sẽ thấy hồ sen phủ kín,
Cây sồi Ấn với kha tử bên hồ.

1912. Nước đầy, nhiều cá lội nơi nơi,
Cảnh rất nên thơ dọc các bờ,
Hồ có bốn bên đều đặn cả,
Thoảng đưa dễ chịu, dịu mùi thơm.

1913. Hướng Đông Bắc của vùng miền này,
Ngài sẽ dựng lên một thảo am,
Khi đã có am ngài cố gắng,
Dạo tìm vật thực sống qua ngày!

Như vậy, các vương tử báo cho ngài biết về cuộc hành trình dài mười lăm do-tuần ấy và tiễn ngài ra đi. Nhưng đề đề phòng mọi hiểm nguy đối với Vua Vessantara và dự trù không để bất cứ địch thủ nào có thể lợi dụng tấn công, họ ra lệnh cho một người trong xứ Ceta, khôn ngoan và khéo léo, theo dõi bước đi của ngài cho đến tận lối vào rừng, rồi họ trở về kinh thành của mình.

Còn Vua Vessantara cùng vợ con tiến lên đỉnh Gandhamādana (Hương Sơn), ở lại đó ngày hôm ấy, sau đó hướng về phía Bắc đi qua chân núi Vipula, nghỉ chân tại bờ sông Ketumatī để dùng một bữa ăn ngon do người thợ rừng thiết đãi xong cả đoàn tắm rửa và uống nước rồi tặng người dẫn đường một cây trâm vàng.

Với tâm thanh thản, ngài vượt qua dòng sông, nghỉ chân một lát dưới gốc đa mọc trên đỉnh núi Sānupabbata. Sau khi ăn trái đa xong, ngài đứng lên và đi tiếp đến đồi Nālīka. Vẫn tiếp tục tiến lên, ngài đi dọc theo bờ hồ Mucalinda về phía Đông Bắc. Từ đó nhờ con đường mòn hẹp, ngài đi sâu vào rừng rậm và xuyên suốt con đường quanh co trong núi cho đến đầu nguồn của dòng suối, rồi ngài gặp cái hồ tứ giác.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhìn xuống cõi trần và xem xét những việc đã xảy ra. Ngài suy nghĩ: “Bậc Đại sĩ đã vào Tuyết Sơn, người phải có nơi để cư trú.” Vì thế, ngài ra lệnh cho Vissakamma (thần xây dựng):

– Hiền hữu hãy đi vào vùng thung lũng núi Vamka và xây ẩn am trên một địa điểm an lạc!

Vissakamma ra đi làm hai am tranh với hai lối đi có mái che, có phòng ban đêm và phòng ban ngày. Dọc các lối đi, vị ấy trồng các loại cây ăn trái và khóm chuối cùng sắp đặt mọi vật dụng cần thiết cho các ẩn sĩ. Rồi vị ấy ghi một câu: “Các vật này dành cho ai muốn làm ẩn sĩ.” Và xua đuổi các loài phi nhân (ma quỷ) cùng các loài chim thú có tiếng kêu đáng sợ đi nơi khác, sau đó vị ấy trở về cõi của mình.

Khi nhìn thấy con đường mòn, bậc Đại sĩ biết chắc chắn nó phải dẫn đến khu vực của các ẩn sĩ cư trú. Ngài liền để Maddī và hai con ở trước cổng vào am tranh và tự bước vào. Khi thấy câu ghi chú kia, ngài nhận ra Thiên chủ Sakka đang để mắt đến ngài. Ngài mở cửa bước vào, đặt cung kiếm cùng xiêm áo mà ngài đang mặc xuống, khoác bộ áo tu hành của ẩn sĩ, ngài cầm cây gậy đi ra mái hiên đi kinh hành với vẻ thanh tịnh của một vị Độc Giác Phật và đến gần vợ con. Maddī quỳ xuống dưới chân ngài, mắt đầm lệ rồi cùng ngài đi vào am, nàng đến am thất riêng của mình và khoác áo ẩn sĩ. Sau đó, hai vị bảo các con cùng làm như vậy. Thế là cả bốn vị Sát-đế-ly kia ở lại trong vùng thung lũng của núi Vamka. Bấy giờ, Maddī thỉnh cầu bậc Đại sĩ:

– Tâu Chúa thượng, xin chàng ở lại đây với các con, đừng ra ngoài hái quả dại, xin để thiếp đi thế!

Từ đó, nàng thường tìm các thứ quả rừng về nuôi cả ba. Bò-tát cũng thỉnh cầu nàng:

– Nay Maddī, bây giờ chúng ta là ẩn sĩ, và nữ nhân là mối bất tịnh. Vậy từ nay về sau xin nàng đừng đến gần ta phi thời!

Nàng ưng thuận ngay. Nhờ uy lực lòng từ bi của bậc Đại sĩ, ngay cả thú rừng trong vòng khoảng ba do-tuần đều có lòng thương xót lẫn nhau. Hằng ngày vào lúc rạng đông, Maddī thức dậy, đem nước uống, thức ăn cùng nước rửa và đồ chải răng để súc miệng, sau đó quét sạch thảo am. Rồi để hai con ở lại với cha chúng, nàng cầm thúng, xẻng, cây móc, đi vào rừng kiếm củ quả dại và chất đầy thúng. Buổi chiều, nàng trở về đặt quả rừng vào am, tắm xong liền tắm rửa các con và cả bốn người ngồi ở cửa am ăn trái cây. Sau đó, Maddī đem hai con lui vào trong nội thất của nàng. Theo cách này, họ sống trong vùng thung lũng của núi rừng được bảy tháng.

Chấm dứt phần *Đi vào rừng*.

V. BÀ-LA-MÔN JŪJAKA

Thời ấy, trong vương quốc Kālīṅga, tại làng Bà-la-môn Dunnivittṭha có một người Bà-la-môn gọi là Jūjaka. Nhờ khát thực, lão đã kiếm được một trăm đồng tiền và gửi một gia đình Bà-la-môn kia giữ giùm rồi lại đi kiếm tiền thêm.

Trong khi lão đi xa, gia đình ấy tiêu hết số tiền. Khi lão trở lại liền mắng nhiếc họ, nhưng họ không thể trả nổi số tiền ấy, vì thế họ gả cô con gái tên Amittatāpanā cho lão. Lão đem cô gái cùng về làng Dunnivīṭṭha ở Kāliṅga và sống tại đó. Cô gái Amittatāpanā săn sóc lão Bà-la-môn thật chu đáo. Một số thanh niên Bà-la-môn thấy nàng tận tụy như thế liền trách móc các bà vợ của họ:

– Hãy xem cô ta săn sóc lão già chu đáo thế kia, trong khi các bà thật vô tình đối với các anh chồng trẻ của mình!

Việc này khiến các bà vợ ấy quyết định đuổi nàng ra khỏi làng. Vì thế, họ tụ tập bên bờ sông và nhiều nơi khác để phỉ báng nàng.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

- 1914.** Bà-la-môn Jūjaka,
Trước đây ngụ tại quê Kāliṅga,
Vợ ông trẻ đẹp mặn mà,
Amittatāpanā danh xưng.
- 1915.** Những đàn bà nọ ra sông,
Mang bình lấy nước lại mong luận bàn,
Cố làm ô nhục hồng nhan,
Nhiều người tụ tập, dọc ngang quây quần.
- 1916.** “Mẹ cô quả thật cừ nhân,
Và cha cô nữa cũng oan gia mà,
Để cho một lão đã già,
Cưới xin vợ trẻ nồn nà như đây!
- 1917.** Người thân cô chẳng tốt chi,
Âm mưu đen tối, tính vi luận bàn,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà đang xuân!
- 1918.** Người thân quả thật cừ nhân,
Âm mưu đen tối, luận bàn gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà đang xuân!
- 1919.** Người thân cô thật sai lầm,
Đến đi chỗ vắng rắp tâm tính bầy,
Để cho một lão đã già,
Cưới xin vợ trẻ nồn nà như đây!
- 1920.** Người thân cô độc ác thay,
Âm mưu đen tối, tính bầy gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà xinh tươi!

1921. Người thân cô thật chẳng vừa,
Âm mưu đen tối, luận bừa gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà như bông!
1922. Đòi cô thật chẳng toại lòng,
Khi cô sống với người chồng già nua,
Kết duyên với một lão già,
Ôi thôi, chết quách cũng là tốt hơn!
1923. Hỡi cô xinh xắn, đẹp tươi,
Sao cha mẹ chẳng tìm người khác đi,
Trong khi con độ xuân thì,
Họ đành đem gả chồng chi già khòm!
1924. Lễ dâng mừng chín không tròn,
Và ngày tế lửa không còn được dâng,
Trong khi con gái đang xuân,
Họ đành đem gả lang quân già khòm!
1925. Chắc cô phỉ báng chẳng tôn,
Bà-la-môn với Sa-môn tu hành,
Những người Phạm hạnh đa văn,
Thọ trì giới luật ở trần gian đây,
Nên khi cô tuổi xuân thì,
Phải theo chung sống ông chi già khòm!
1926. Không đau như bị dao đâm,
Không đau như rắn cắn nhằm nơi thân,
Thật là đau buốt tâm can,
Khi nhìn ông lão lang quân lỗi đời!
1927. Với chồng đã quá già rồi,
Còn gì thích thú tươi cười nữa đâu?
Chuyện trò chẳng chút vui nào,
Khi cười, lão cũng nhăn nheo khó nhìn!
1928. Gái trai độ tuổi thanh niên,
Sống cùng nhau chốn tư riêng thắm nồng,
Dứt ngay mọi nỗi đau buồn,
Những gì tiềm ẩn trong lòng vẫn vương.
1929. Cô là con gái còn xuân,
Xinh tươi, được đám đàn ông mơ hoài,
Thế sao ông lão già rồi,
Làm cô thích thú? Hãy lui về nhà!”

Khi nàng nghe họ nhạo báng, nàng liền mang bình nước về nhà và khóc.

– Tại sao nàng khóc?

Ông chồng hỏi và nàng trả lời qua vắn kệ:

1930. Tôi không đi nữa, thưa ông!
 Khi đi lấy nước nơi sông về nhà,
 Đàn bà chế giễu tôi là,
 Ông đây già quá, thưa Bà-la-môn!

Jūjaka đáp:

1931. Xin đừng làm nữa nàng ơi,
 Không cần lấy nước cho tôi thế này,
 Nàng ôi, đừng giận đối vầy,
 Vì tôi sẽ lấy nước thay cho nàng!

Cô vợ đáp:

1932. Chàng đi lấy nước về nhà,
 Đó không phải cách tộc gia tôi làm,
 Tôi xin nói thật rõ ràng,
 Nếu chàng làm vậy, tôi, chàng chia tay.

1933. Ngoại trừ mua một nô tài,
 Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
 Tôi xin nói rõ chàng hay,
 Tôi thề không ở lại đây với chàng.

Jūjaka đáp:

1934. Làm sao mua nổi tiểu đồng?
 Tôi không nghề ngỗng, bạc vàng, thóc ngô.
 Thôi đừng giận đối, liễu bỏ!
 Tôi đi làm việc gia nô của nàng.

Cô vợ bảo:

1935. Giờ tôi muốn nói với chàng,
 Những lời nghe được dân làng nói ra:
 “Đằng kia trên đỉnh Vamka,
 Có vì Vua Vessantara lưu đây.”

1936. Giờ chàng hãy vội đi ngay,
 Xin ngài cho được một tay tiểu đồng,
 Vương gia chắc chắn bằng lòng,
 Ban chàng những thứ chàng mong ước mà.

Jūjaka đáp:

1937. Tôi đây lụ khụ quá già,
 Lòng e lấm nổi đường xa gập ghềnh,

Xin đừng than khóc buồn tình,
Nay tôi chẳng có thân mình dẻo dai,
Nhưng đừng giận dỗi, nàng ôi,
Tôi nguyện làm việc chính tôi sẵn lòng.

Cô vợ bảo:

- 1938.** Y như một kẻ ra quân,
Chưa vô trận chiến đã toan đầu hàng,
Chàng đây cũng vậy, La-môn,
Chưa đi mà đã bại vong chạy dài.
- 1939.** Ngoại trừ mua một nô tài,
Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
Tôi xin nói rõ chàng hay,
Tôi thề không ở lại đây với chàng,
Chuyện này quả thật đáng buồn,
Đó là một chuyện đau thương cho chàng.
- 1940.** Nhìn tôi hạnh phúc ngập tràn,
Trong tay của một tình lang khác rồi,
Áo quần lộng lẫy thắm tươi,
Theo mùa thay đổi, trăng trời chuyển luân.
- 1941.** Khi chàng năm tháng tàn dần,
Còn tôi vắng bóng, chàng buồn khóc than,
Tóc chàng sẽ bạc trắng ngàn,
Lưng còng thêm nữa, bội phần khổ đau!

Lão Bà-la-môn nghe nói vậy nên sợ hãi. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

- 1942.** Và bây giờ lão La-môn,
Lòng đây sợ hãi phục tuân ý nàng,
Cuống cuống theo lực ái tham,
Lão ta hồi đáp phu nhân lời rằng.
- 1943.** “Cho tôi thực phẩm đi đường,
Làm cho tôi bánh mật ngon ngọt ngào,
Làm thêm lương thực khô nào,
Bánh mì lúa mạch nướng mau trên lò.
- 1944.** Ta đây sẽ dẫn về cho,
Được hai đứa trẻ hầu lo đêm ngày,
Chúng cùng cấp với nàng đây,
Cần cù phục vụ nàng hoài chẳng than!”

Nàng nhanh chóng chuẩn bị lương thực và báo cho lão mọi sự đã xong. Trong lúc ấy, lão sửa lại các chỗ xiêu vẹo quanh túp lều, làm cửa ngõ chắc chắn, mang củi từ rừng về, kéo nước vào cái lu lớn và đổ đầy vào các nồi chảo.

Rồi lão vừa khoác chiếc áo của người tu khổ hạnh vừa dặn vợ lúc ra đi:

– Từ giờ trở đi, nàng đừng đi ra ngoài những lúc không thích hợp và hãy cẩn thận giữ mình cho đến khi ta về!

Vừa mang giày và đeo bao lương thực lên vai, lão vừa đi vòng quanh vợ về phía hữu rồi ra đi với đôi mắt đắm lệ rờn rờn. Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ:

1945. Nói này xong, lão La-môn,
Mang giày rồi lại đứng lên tức thì,
Lão khuyên bảo ả nữ nhi,
Nghiêng về phía hữu chia ly vợ mình.

1946. Ra đi dáng vẻ khổ nằn,
Lệ rơi lã chã quanh vành mắt y,
Vội vàng đến nước Sivi,
Kinh đô trù phú để tìm gia nô.

Khi lão đến kinh thành này, lão hỏi đám đông đang tụ tập để biết nơi Vua Vessantara ở. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1947. Lão đi đến tận nơi xa,
Hỏi thăm dân chúng vào ra quây quần:
“Xin cho tôi biết Đại vương,
Vessantara ấy, tìm phương hướng nào?”

1948. Đáp ngay cho lão đôi câu,
Đám đông tụ họp cùng nhau trả lời:
“Ngài đành phải chịu tàn đời,
Chỉ vì quá cúng các người La-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi xong,
Đến Vamka núi, lưu vong nơi này.

1949. Ngài đành phải chịu tiêu ma,
Chỉ vì quá cúng cho Bà-la-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi luôn,
Đến Vamka núi, vợ con mang cùng.”

– Thế là các người đã hủy hoại Đại vương của ta, nay còn vác mặt đến đây nữa ư? Người hãy đứng yên đây!

Rồi lấy gậy gộc, sỏi đá, họ đánh đuổi lão ra. Nhưng lão được các vị thần dẫn vào đúng con đường đi đến núi Vamka. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1950. La-môn bị vợ khiến làm,
Trong lòng có sẵn dục tham tràn trề,
Lão vào rừng lớn kinh ghê,
Các loài thú dữ, báo, tê giác đây.

1951. Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Muỗng, bình té lửa lão quày quả mang,
Vào rừng lớn bởi nghe rằng,
Nơi này bố thí đúng bằng ước mong.
1952. Đi vào rừng lớn lòng vòng,
Từng bầy chó sói vây tròn quanh y,
Sợ kinh lão thét tức thì,
Rồi đi hốt hoảng nào hay lạc đường.
1953. La-môn dục vọng vẫn vương,
Lòng tham buông thả, dậm trường rồi ren,
Vamka lối núi lạc thêm,
Lão ta nói kệ, ca ngâm theo vần.
1954. “Ai người cho biết anh quân,
Ông hoàng tôi thắng Vessantara,
Ngài ban tịnh lạc, ôn an,
Giúp người sợ hãi vượt qua nỗi niềm?
1955. Ngài an trú kẻ cầu tìm,
Ví như đất đỡ muôn nghìn chúng sinh,
Ai người sẽ nói cho mình,
Vessantara đáng mình quân nào?
1956. Ngài là đích đến kẻ cầu,
Ví như biển cả, sông sâu đổ vào,
Nào ai nói với ta mau,
Vessantara như là đại dương?
1957. Như hồ lạc thú nên thơ,
Nước trong mát lạnh, bến bờ đẹp tươi,
Mặt hồ sen trắng khắp nơi,
Ngó tơ nhụy thăm điếm tô hài hòa,
Nào ai sẽ bảo cho ta,
Vessantara như là hồ trong?
1958. Như cây sung lớn bên đường,
Mọc lên làm chốn nghỉ chân an toàn,
Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình,
Vessantara ví hình ảnh đây?
1959. Như bên đường có cây đa,
Mọc lên làm chốn nghỉ qua an toàn,
Dành cho lũ khách nhọc nhằn,

Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1960. Như bên đường có cây xoài,
 Mọc làm thành chốn dậm dài nghỉ chân,
 Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
 Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1961. Như bên đường có sālā,
 Mọc lên làm chốn nghỉ qua an toàn,
 Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
 Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1962. Như bên đường có cội cây,
 Mọc lên làm chốn dậm dài nghỉ chân,
 Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
 Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1963. Nào ai nghe tiếng ta than,
 Chung quanh toàn cả rừng hoang hải hùng,
 Lòng ta xiết đổi vui mừng,
 Nếu ai cho biết vương quân nơi nào.

1964. Chung quanh toàn cả rừng sâu,
 Ai nghe than thở, ta bao muợn phiền,
 Nếu người cho biết được liền,
 Một lời nói ấy phước nhiều lắm thay!”

Bấy giờ, người thợ săn dân Ceta đã được chia phiên đi rừng canh giữ ngài, nghe lời than vãn này liền suy nghĩ: “Đây là lão Bà-la-môn đang kêu ca tìm nơi trú ẩn của Vua Vessantara, lão đến đây không có mục đích gì tốt đâu. Lão muốn xin ngài cho Maddī hoặc hai trẻ kia, chắc chắn thế! Được rồi, ta sẽ giết lão!” Thế là y liền đến gần lão và rút cây cung ra hăm dọa lão:

– Này lão Bà-la-môn, ta sẽ không tha mạng lão đâu!

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1965. Thợ săn Ceta đi rừng,
 Lắng nghe lời lão thở than, nói rằng:

“Ngài đành phải chịu tiêu vong,
Chỉ vì quá cứng La-môn các người,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi,
Ra ngoài xứ sở đến đòi Vamka!

1966. Ngài đành phải chịu tiêu ma,
Chỉ vì quá cứng cho Bà-la-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi luôn,
Đến Vamka núi, vợ con mang cùng.

1967. Thật là vô dụng ngu đần,
Nếu người rời xứ đến rừng nơi đây,
Để tìm vương tử cho ra,
Như con hạc kiếm cá bầy giữa sông.

1968. Thế thì đây, hỡi La-môn,
Mạng kia của lão, ta không tha vầy,
Tên ta sẽ hút máu đây,
Khi ta bắn nó từ cây cung dài.

1969. Mũi tên sẽ giết người ngay,
Xé con tim ấy đứt ngoài khỏi thân,
Ta đem tế lễ cho thần,
Chung cùng thịt lão La-môn tàn đời.

1970. Với phần thịt, mỡ của người,
Và đầu kia của chính người La-môn,
Ta đem tìm đã cắt xong,
Tế dâng tất cả lúc ông lìa đời.

1971. Sau khi cúng tế hợp thời,
Lễ dâng thịt của chính người La-môn,
Từ đây lão chẳng còn mong,
Tìm đường dẫn vợ và con của ngài.”

Nghe những lời này, lão già sợ chết khiếp liền tìm cách trả lời dối trá:

1972. La-môn sứ giả, giết chi!
Dân Ceta hãy nghe đây trình bày,
Đây là quy luật xưa nay,
Thấy người sứ giả không ai giết đành.

1973. Thần dân giờ đã bình tâm,
Vua cha thương nhớ kiếm tâm ước mong,
Mẹ ngài mơn mõi đợi trông,
Mất bà chóng yếu hiện đang mờ dần.

1974. Họ giao ta chức sứ thần,
Đem về Chúa tể Vessantara,

Dân Ceta hãy nghe ta,
Nếu người có biết, nói ra tỏ tường!

Lúc ấy, người kia hài lòng khi nghe lão đến để tìm Vua Vessantara về nên y vội vàng buộc bầy chó lại, gọi lão Bà-la-môn xuống và mời lão ngồi trên một đồng cỏ, đưa cho thức ăn rồi ngâm vãn kệ này:

1975. Ta yêu vương tử, sứ thần,
Và ta sẽ đề ông thành công ngay,
Đây là hũ mật, đùi nai,
Ta xin chỉ rõ vùng này cho ông,
Chính nơi ngài sống lưu vong,
Vị hay bố thí theo mong ước người.

Chấm dứt phần *Bà-la-môn Jūjaka*.

VI. MÔ TẢ KHU RỪNG NHỎ

Như vậy, y cho lão Bà-la-môn thức ăn cùng một bầu mật ong và một đùi nai nướng rồi để lão lên đường, vừa đưa tay phải lên chỉ nơi bậc Đại sĩ đang ở, y vừa ngâm kệ:

1976. Đạo sĩ ôi, núi đảnh xa,
Gandhamādana là Hương Sơn,
Nơi Vessantara vương,
Hiện đang sinh sống an thường với con.

1977. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

1978. Cây đảnh xa đó, kia trông,
Trữ cành sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời,
Thăm đen đến tận mây trời ẩn thân.

1979. Keo cao, sālā, cát đảnh,
Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung,
Khác nào một đám túy ông,
Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

1980. Phía trên các nhánh cây cao,
Bầy chim lãnh lót hót ca, nhạc hòa,
Cu gáy, gà najjuha,
Chuyện cành nhảy nhót cây này cây kia.

1981. Lá cành xào xạc lác lư,
Như mời gọi khách, đón mừng hoan nghênh,
Làm vui lòng kẻ dừng chân,
Chính nơi ngai trú giữa rừng hoang sơ,
An vui cùng với con thơ,
Vessantara đại vương xuất trần.
1982. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngai thường tôn kính châm cao lửa hồng.
- Người này lại nói thêm để ca tụng vùng thảo am ấy:
1983. Nào xoài, nào quách, mít thơm,
Chiêu liêu, hồng táo, lại còn sālā,
Me rừng và mận anh đào,
Thêm cây vả với táo ta trầu cành.
1984. Đây cườm thị ánh màu vàng,
Nào đa, nào táo rừng đang hương nồng,
Có cây cam thảo vị ngon,
Cây sung trái chín ngọt đơm la đà.
1985. Lại thêm cây thị, chuối dài,
Giàn nho tuyệt diệu, chà là đường tươ,
Nơi đây nhiều mật ong thơm,
Tự mình cứ lấy rồi ăn thỏa lòng.
1986. Vài cây xoài mới trở bông,
Vài cây đậu trái đang đong đưa cành,
Vài cây trái chín, trái non,
Trái hai loại tựa ếch con xanh màu.
1987. Người nào đứng dưới cây xoài,
Hái bao nhiêu quả chín rồi nơi đây,
Thật ra dù sống, chín cây,
Sắc, hương, vị cũng đủ đầy, tuyệt ngon.
1988. Ôi! Làm ta phải reo lên,
Khi nhìn cảnh quá ngạc nhiên, phi thường,
Huy hoàng tựa cõi thiên đường,
Như Nandana, tức vườn Lạc Hoan.
1989. Cây dừa, thốt nốt hàng hàng,
Giao nhau tàu lá bạc ngàn rừng hoang,
Khác nào hoa chuối kết giăng,
Lại trông như các cờ tung cao vờ,

- Có hoa thắm đủ màu tươi,
Giống y vạn ánh sao trời điểm tô.
- 1990.** Cây kutaji, mía dò,
Cây quao, nguyệt quế núi bông đang mùa,
Thêm cây nguyệt quế thơm lòng,
Lài tây, ban trắng một vùng đơm bông.
- 1991.** Cây soma, gụ, trầm hương,
Mai dây vàng trĩu, cây thơm nhiều loài,
Cây dâu, cây dẻ, phượng hoa,
Các bông phủ rợp la đà cành cây.
- 1992.** Mai chỉ thiên, salala,
Keo trầm, gạo trắng, sa-kê, cọ phèn,
Sala bông trở đua chen,
Tựa như rom chắt ụ đầy vàng sân.
- 1993.** Gần bên rừng có một vùng,
Cảnh nơi đó đẹp, hài lòng khách nhân,
Xinh xinh hồ nước trong ngần,
Súng, sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên,
Chính Nandana, lạc viên trên trời.
- 1994.** Sơn ca, cu gáy hót hoài,
Làm cho khắp cả rừng, đòi âm vang,
Đắm say vì các hoa ngàn,
Nở ra theo đúng mùa màng quanh năm.
- 1995.** Hãy nhìn mật ngọt âm thầm,
Rơi rơi từng giọt trên tàng sen đây,
Và nghe ngọn gió hây hây,
Lướt đi nhẹ nhẹ từ Tây, Nam về,
Đến khi cả phấn, nhụy sen,
Được mang theo gió rắc trên am đây.
- 1996.** Biết bao dâu, lúa chín muối,
Mọc quanh vùng ấy thường rơi xuống hồ,
Tùng đàn cua, cá, trạch, rùa,
Phóng vào tìm kiếm say sưa miệt mài,
Mật tuôn từ củ sen tươi,
Như là bơ sữa tiết từ rễ sen.
- 1997.** Từng làn gió nhẹ đưa ngang,
Cỏ cây đủ loại mùi hương thơm lòng,

Hình như toàn bộ khu rừng,
Đắm say với các hoa, hương rợp đồi,
Bầy ong bay lượn khắp nơi,
Vo ve quanh quẩn những mùi hoa thơm.

1998. Rồi đàn chim tới đông hơn,
Chim kia đủ sắc lượn vờn loanh quanh,
Líu lo ca hát hân hoan,
Nhiều chim theo mái bay vòng đùa vui.

1999. Chim nơi hồ nước bốn loài,
Hót ca các tiếng chúc ngài nơi non:
“Vui yêu”, “vui sống với con”
“Con yêu” cùng “sống với con yêu” này.

2000. Muôn hoa giăng chuỗi viên quanh,
Như khi cò xí tung hoành lượn bay,
Hoa đầy màu sắc đẹp thay,
Hương thơm ngào ngạt thoảng bay xa gần,
Nơi kia cùng với các con,
Vessantara ân thân xuất trần.

2001. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

Người dân xứ Ceta miêu tả nơi cư trú của Vua Vessantara như vậy, khiến Jūjaka thích thú đáp lễ và chào y qua vắn kệ:

2002. Nhận đây bánh lúa mạch non,
Thầy đều được nhúng mật ong ngọt ngào.
Nhiều viên bánh mật khéo sao,
Ta nay đem biếu ông nào ăn đi!

Nghe vậy, người dân xứ Ceta đáp:

2003. “Cám ơn, tôi chẳng cần gì,
Giữ phần lương thực mà đi đường dài,
Lấy thêm lương thực tôi mời,
Rồi xin đạo sĩ đến nơi ông cần.

2004. Lối này ông hãy khởi hành,
Thẳng lên là tới thảo am ngay mà,
Ăn nhân là Accuta,
Răng đen, đầu bần, ly gia xuất trần,
Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào.

2005. Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng,
Đến kia và hỏi con đường,
Rồi ngài sẽ chỉ cho tường, Tôn ông.”

2006. Điều này nghe được vừa xong,
Lão quay bên phải đi vòng Ceta,
Rồi đi tìm Accuta,
Con tim rộn rã chan hòa hân hoan.

Chấm dứt phần *Mô tả khu rừng nhỏ*.

VII. MÔ TẢ KHU RỪNG LỚN

2007. Một hồi đi lão tới nơi,
Thấy người ẩn sĩ Accuta kia,
Thấy rồi lão tiến lại gần,
Như vậy lão vội ân cần hỏi thăm.

2008. “Thưa ngài, ngài được mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỏi ngài?”

2009. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?”

Vị khổ hạnh đáp:

2010. Cảm ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.

2011. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2012. Biết bao nhiêu tháng năm ròng,
Mà ta đã sống trong vùng ẩn cư,
Những gì bệnh tật, ưu tư,
Ta không hề thấy khởi từ nội thân.

2013. Kính mừng ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thưa Bà-la-môn,

Xin mời tiến bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thưa ngài!⁸³

2014. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào!⁸⁴

2015. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Jūjaka nói:

2016. Tôi xin nhận vật ngài ban,
Và xin nhận lễ cúng dường, Tôn ông.
Tôi tìm con của vương quân
Saṅjaya bị lưu vong lâu rày,
Dân Sivi phán lệnh đây,
Xin cho tôi biết nơi ngài ẩn thân.

Vị khổ hạnh đáp:

2017. Ông tìm Sivi đại vương,
Mà không có ý thiện lương trong đầu,
Chắc ông cố ý mong cầu,
Chiếm vương phi của ngài đầu khó gì,
Kañhā cùng với Jāli,
Làm gia nô với nữ tỳ nhà ông.

2018. Hay ông tìm mẹ lẫn con,
Rồi ông dẫn họ vòng ra khỏi rừng,
Bởi vì ngài chẳng bạc vàng,
Không tài sản cũng không lương thực gì.

Nghe vậy, Jūjaka nói:

2019. Tôi không có ý xấu chi,
Cũng không đến đề cầu xin ơn ngài,
Song nhìn người thiện tuyệt vời,
Vui thay sống với các người thiện lương.

2020. Tôi chưa từng thấy quân vương,
Chính ngài đã bị thân dân lưu đây,

⁸³ Tham chiếu câu kệ 2094, 2273 trong câu chuyện này; *J. VI. 77, Sāmajātaka (Chuyện hiểu từ Sāma)*, số §540.

⁸⁴ Câu kệ 2014-15, đối chiếu với câu kệ 2094-95, 2274-75 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J. IV. 430, Sattigumbajātaka (Chuyện anh vũ Sattigumba)*, số §503; *J. V. 312, Sona-Nanda-jātaka (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda)*, số §532; *J. VI. 68, Sāmajātaka (Chuyện hiểu từ Sāma)*, số §540.

Tôi mong diện kiến vua này,
Xin ông cho biết nơi ngài ẩn cư.

Vị đạo sĩ kia tin lời lão:

– Được rồi, ngày mai ta sẽ nói với ông, chỉ cần ở lại đây với ta hôm nay.

Thế là vị ấy tiếp đãi lão đủ thứ củ quả rừng, và hôm sau, đưa tay phải ra chỉ đường cho lão. Vị ấy lại ngâm các vần kệ như trước:

2021. Đạo sĩ ôi, núi đặng xa,
Gandhamādana là Hương Sơn,
Nơi Vessantara vương,
Hiện đang sinh sống an thường với con.

2022. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2023. Cây đặng xa đó, kìa trông,
Trữu cành sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời,
Thẫm đen đến tận mây trời ẩn thân.

2024. Keo cao, sāla, cát đặng,
Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung,
Khác nào một đám túy ông,
Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

2025. Phía trên các nhánh cây cao,
Bầy chim lạnh lốt hót ca, nhạc hòa,
Cu gáy, gà najjuha,
Chuyển cành nhảy nhót cây này cây kia.

2026. Lá cành xào xạc lắc lư,
Như mời gọi khách, đón mừng hoan nghênh,
Làm vui lòng kẻ dừng chân,
Chính nơi ngài trú giữa rừng hoang sơ,
An vui cùng với con thơ,
Vessantara đại vương xuất trần.

2027. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da vào,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2028. Kareni nở từng chùm,
Tỏa lan vùng đất, um tùm đẹp tươi,

Cỏ non xanh mọc khắp nơi,
Chốn kia không có bụi rơi đâu nào.

2029. Cỏ xanh tựa cổ chim công,
Sờ vào êm dịu như bông khác nào,
Mọc không quá bốn tất cao,
Lúc nào cũng vậy, không bao giờ nhiều.

2030. Quách, xoài và mạn hồng đào,
Chùm sung lủng lẳng không cao, chín muồi,
Mọi cây có quả tốt tươi,
Mọc lên trong cánh rừng đồi xinh sao.

2031. Trong thơm dòng suối ngọt ngào,
Xanh như ngọc bích rì rào chảy ngang,
Tung tăng cá lội từng đàn,
Vui đùa lên xuống khe ngàn lượn quanh.

2032. Gần bên rừng có một vùng,
Cảnh nơi đó đẹp, hài lòng khách nhân,
Xinh xinh hồ nước trong ngần,
Súng, sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên,
Chính Nandana, lạc viên thiên đàng.

2033. Có ba chủng loại liên hoa,
Trong hồ khoe sắc cho ta thấy nào,
Sắc màu thay đổi biết bao,
Xanh lơ, đỏ thắm, trắng sao trắng ngần.

Như vậy, vị ấy ca tụng hồ tứ giác kia và kể đó ca tụng hồ Mucalinda:

2034. Hoa kia êm dịu như len,
Hoa sen, súng trắng đua chen phủ đầy,
Điểm hoa cỏ kalamba,
Mucalinda chính tên của hồ.

2035. Ông nhìn sen nở thật to,
Nơi kia vô số lá hoa lục hồng,
Mùa hè hay đầu mùa đông,
Đều cao đến tận gối ông đây này!

2036. Hoa nhiều màu sắc đẹp thay,
Theo làn gió nhẹ hương bay dịu dàng,
Rồi ông nghe tiếng rộn rảng,
Của bầy ong đến theo làn hương đưa.

2037. Chung quanh bên nước bờ hồ,
Đứng thành một dãy cây to theo hàng,

- Kìa quao núi, nọ gáo vàng,
Đó cây ban trắng hoa giăng đầy cành.
- 2038.** Nào là cây cọ, cây quăng,
Pārijañña khoe cùng các hoa,
Cây vayana, phượng hoàng,
Đứng hai phía Mucalinda hồ.
- 2039.** Cỏ cây keo tỏa khí lành,
Thêm setapārisa, paddha,
Chân chim, ngũ thảo sắc tươi,
Lại cùng ban núi rạng ngời những hoa.
- 2040.** Muông hoàng yển, paṅgura,
Chùm ngậy, sela, la đà trĩu hoa,
Rồi cây đậu khấu, keta,
Hòa cùng cây trúc đào hoa đầy cành.
- 2041.** Trâm bầu hai dạng tranh nhau,
Mahānāma hoa màu thắm xinh,
Đầu cành rục rở hoa kìa,
Từ cây lâm vỏ đỏ tươi một vùng.
- 2042.** Nào cây bạch diệp, cây rum,
Nào cây hoa sữa, chuối rừng ở đây,
Dhanu, điền điền bông đầy,
Cây ngư mộc với cấm lai cũng đồng.
- 2043.** Chùm ngậy núi, thiên thảo đồi,
Hợp cùng trầm Ấn thơm ngời các hoa,
Lài tây, setageru,
Cam tùng hương, mía dò, kulāva.
- 2044.** Cả cây cỏ thụ, cây non,
Thảm đều thẳng tắp, đơm bông đầy cành,
Mọc hai bên phía thảo am,
Tại nơi thờ lửa chung quanh cũng nhiều.
- 2045.** Và đây từ nước mọc lên,
Cây phaṇijjako chen hồ này,
Muggati, karati,
Hai loài đậu nước, rong, sīsaka.
- 2046.** Gió xô làn nước vào bờ,
Ong ruồi hút mật hingu bụi này,
Kìa là cây dāsima,
Kaṇjaka, kalamba la đà.

2047. La-môn nhìn các cội cây,
Dây leo elamphura phủ cùng,
Hương thơm tỏa ngát bảy hôm,
Cứ bay theo gió mà không phai tàn.
2048. Đẹp sao Mucalinda,
Hai bên hồ ấy đầy hoa tuyệt vời,
Súng xanh tươi thắm rạng ngời,
Khu rừng xinh xắn, gọi mời dừng chân.
2049. Hương hoa gió thoảng thơm lừng,
Tỏa cùng nửa tháng không ngừng bay xa,
Nào là hoa trắng, hoa xanh,
Nào cây đậu biếc các nhành trĩu hoa,
Rừng này khắp chốn mọc đầy
Kalerukkha, tulsi hoắc hương.
2050. Từng làn gió nhẹ đưa ngang,
Cỏ cây đủ loại mùi hương thơm lừng,
Hình như toàn bộ khu rừng,
Đắm say với các hoa, hương rợp đồi,
Bầy ong bay lượn khắp nơi,
Vo ve quanh quần hoa thơm đậu vào.
2051. Có thêm ba loại bí đao,
Mọc lên ở giữa hồ ao thế này,
Quả bằng bình nước trong tay,
Quả kia thật lớn sánh tày trống canh.
2052. Nhiều hành, hạt cải, xanh um,
Cây gì như dáng cọ dừa xòe ra,
Điểm tô thêm những súng xanh,
Nhiều hoa đến nổi ngát ngay được liền.
2053. Lan hoàng dương kế cây lài,
Hắc chiên-đàn ngát hương bay ngọt ngào,
Hoa nho nhỏ của bí bầu,
Gần vô ưu với cây bồ công anh.
2054. Đây là bụi thắm hoa vàng,
Bụi kia hoa đỏ xen cùng lài tây,
Đây hoa lâm vô loại dây,
Leo lên trên những cành cây rờ ràng.
2055. Bụi đây kàteruha,
Dây vāsantī, dây lài ngát ngây,

- Dây nhu, lải đại, thảo tây,
Padumuttara cây đẹp ngời.
- 2056.** Cây muồng hoàng yến hoa chào,
Cùng bông vải biên và quao núi này,
Đan xen như tấm lưới vàng,
Lại trông như lửa bùng ngang khu rừng.
- 2057.** Bao nhiêu là loại hoa tươi,
Mọc ra trong nước hay trời đất lên,
Chung quanh hồ nước thần tiên,
Hãy nhìn chúng sống đua chen quây quần.
- 2058.** Nơi kia cá sấu vẫy vùng,
Mọi loài thủy tộc ẩn thân hồ này,
Đàn cá chép, naḷapī,
Cá sừng, lợn biển từng bày tới lui.
- 2059.** Mật ong, cam thảo ngọt thơm,
Kê vàng cùng các cây hương đậm đà,
Hai loài cỏ gấu, bạch hoa,
Lại thêm thảo dược tên lolupā.
- 2060.** Còn nhiều những loại mộc hương,
Cây lải tây với loại cây thân trường,
Paddhaka, loại kim ngân,
Cam tùng thảo, đậu hòa lan, jhāma.
- 2061.** Nghệ vàng và cỏ thạch thơm,
Cỏ hương hai loại vươn chồm lên cao,
Dạ hương, cây cọ lao xao,
Lại cam tùng thảo, si, long não kia.
- 2062.** Nơi kia sư tử, voi rừng,
Cọp vằn cùng với dạ-xoa mặt lù,
Từng bày hươu đỏ, hươu sao,
Linh dương, nai hoẵng đáng cao lẹ làng.
- 2063.** Chó rừng và chó phốc hươu,
Chồn bay, sóc, chó lông màu cỏ lau,
Ba loài khi tới lao xao,
Linh dương ba loại chậm nhanh từng đàn.
- 2064.** Tê ngưu, gấu với heo rừng,
Hai loài nai lớn, bò rừng nhiều thay,
Sóc đen và cáo cả bày,
Thật là vô số tụ đây từng đàn.

2065. Chó săn, trâu với dã can,
Tắc kè, beo gấm, cả đàn vượn leo,
Các con nai đốm, kỳ đà,
Cũng đồng có mặt ở trong rừng này.
2066. Thỏ rừng, sư tử, điều hâu,
Gà lôi, chim quạ cùng đàn nai tơ,
Chim công, chim trĩ thiếu chi,
Thiên nga lông trắng, đến đi chốn này.
2067. Gà gô bên phía gà rừng,
Đàn voi cùng cất tiếng kêu đáp lời,
Chim cò, chim diệc, le le,
Kuñja cùng với vādika, hai loài.
2068. Điều hâu đỏ, pampaka,
Các loài chim khác như là đa đa,
Kula, kapiñjara,
Gà lôi tìm tới, chim ưng bay về.
2069. Maddālaka, bhaṇḍu,
Chim piṅgulā, chim loài đa đa,
Chim aṅgahetuka,
Celakedu, celābaka, godhaka.
2070. Chim cu, bò cất đến đây,
Cú mèo, ưng biển, thật là vui thay,
Khu rừng đông đúc đủ loài,
Lú lo giọng hót, miệt mài mê say.
2071. Nơi này xuất hiện thêm loài,
Chim màu lục sẫm, hót lời du dương,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.
2072. Nơi này có những chim trời,
Du dương âm giọng, là loài noãn sanh,
Lông đuôi nhiều sắc viền quanh,
Có đuôi mắt đẹp với vành trắng xinh.
2073. Nơi này có những con chim,
Du dương âm giọng, là loài noãn sanh,
Chim công vòng cổ lục xanh,
Cất lên tiếng hót, chuyện bàn đôi câu.
2074. Các con chim trĩ, sáo nâu,
Kulīra, gõ kiến, kadamba,

- Pokkharasātaka,
Đại bàng đen, kết, quạ cùng nhau kêu.
- 2075.** Nơi này có rất là nhiều,
Chim nalaka trắng, vàng, đỏ hung,
Diều hâu, chim kết, chim cu,
Kadamba với hingurāja.
- 2076.** Chim ưng, ó biển, thiên nga,
Atibala, pākahamsa,
Chim parivadantika,
Bồ nông với dạng gà rừng, gà lôi.
- 2077.** Có chim vàng nhật thiên nga,
Bồ câu, hồng hạc, nadīcara,
Uy nghi tinh tế đại bàng,
Ngày đêm cất giọng rộn ràng vang xa.
- 2078.** Nơi này lại có thêm loài,
Chim nhiều màu sắc tới lui rất thường,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.
- 2079.** Nơi này cũng có một loài,
Chim nhiều màu sắc tới lui rất thường,
Các chim hòa điệu du dương,
Lú lo hai phía Mucalinda.
- 2080.** Nơi này karaviya,
Loài chim cu khác bay qua cũng thường,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.
- 2081.** Nơi này karaviya,
Loài chim cu khác bay qua cũng thường,
Tất cả hòa điệu du dương,
Lú lo hai phía Mucalinda.
- 2082.** Khu rừng còn có loài voi,
Linh dương, các loại hươu nai thiếu gì,
Lòng thông các loại dây leo,
Thấy loài nai quý lướt vèo đến đi.
- 2083.** Nơi kia hạt cải, mía cây,
Nhiều loài lúa núi mọc dày cao vượn,
Lại thêm loại sắn dây rừng,
Lúa thơm sālī trồng không cần cày.

2084. Đàng kia có lối đường mòn,
Đưa ông đến chốn ẩn thân của ngài,
Nơi kia đói khát không ai,
Cũng không hề thấy mây may chán chường,
Nơi kia cùng với các con,
Vessantara đại vương lánh trần.
2085. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.
2086. Việc này khi đã nghe xong,
Quanh ngài bên phải, lão vòng bước ra,
Đi tìm Vessantara,
Tâm hồn rộn rã chan hòa niềm vui.
- Chấm dứt phần *Mô tả khu rừng lớn*.

VIII. CHUYỆN VỀ HAI ĐỨA TRẺ

Jūjaka tiếp tục đi theo con đường ẩn sĩ Accuta đã chỉ cho lão và đến tận hồ tứ giác. Lão nghĩ: “Bây giờ là chiều tối rồi. Giờ này Maddī đã trở về từ rừng và đàn bà thường hay cản trở việc thí tặng. Ngày mai, khi bà ấy đã đi vào rừng, ta sẽ đến nơi ẩn cư gặp Vessantara và xin ngài các đứa trẻ kia, rồi trước khi bà trở về, ta phải đem chúng đi ngay.” Thế là lão trèo lên ngọn đồi bằng phẳng không xa mấy và nằm xuống một nơi êm ái.

Bấy giờ, khoảng rạng sáng ngày hôm sau, Maddī nằm mộng thấy như vậy: Một người đàn ông da đen mặc hai y vàng, đeo vòng hoa đỏ, bước vào lều cỏ chụp lấy tóc trên đầu Maddī và lôi nàng ra ngoài, ném nàng nằm ngửa trên đất. Và trong lúc nàng kêu thét, gã móc hai mắt nàng ra, chặt hai tay, cắt xẻ lồng ngực nàng, kéo tim nàng ra máu chảy rùng rùng và đem quả tim nàng đi mất. Nàng kinh hoàng thức dậy và nghĩ: “Ta vừa thấy một cơn ác mộng. Ta không có ai ở đây trừ Vessantara giải thích mộng này, vậy ta phải hỏi ngài việc này.” Rồi nàng đi đến lều của bậc Đại sĩ và gõ cửa.

- Ai đó?
- Tâu Chúa công, thiếp là Maddī đây.
- Này hiền thê, sao nàng đến đây phi thời và phá lời giao kết của chúng ta?
- Tâu Chúa công, thiếp đến đây không phải vì ham muốn gì mà vì thiếp vừa thấy ác mộng.
- Vậy nàng hãy nói cho ta biết, Maddī.

Nàng kể lại giấc mộng đã hiện ra. Bậc Đại sĩ hiểu ngay ý nghĩa giấc mộng này và suy nghĩ: “Sự bố thí của ta sắp thành tựu viên mãn. Hôm nay sẽ có người đến cầu xin các con ta. Ta sẽ an ủi Maddī và để nàng ra về.” Vì thế, ngài bảo:

– Tâm trí nàng chắc hẳn bị xao động vì ngủ không an giấc hay ăn khó tiêu đó thôi. Đừng sợ gì cả!

Ngài giả vờ lấy cơ này an ủi nàng và để nàng đi ra. Khi trời sáng dần, nàng làm tất cả mọi việc xong, ôm hôn đầu các con và nói:

– Hôm qua mẹ gặp cơn ác mộng, các con hãy cẩn thận nhé!

Rồi đem hai con giao cho bậc Đại sĩ, nàng xin ngài chăm sóc các con rồi lấy thúng, cốc, xẻng, lau nước mắt và đi vào rừng hái củ quả.

Còn Jūjaka nghĩ lúc ấy nàng đã đi rồi liền từ trên đồi đi xuống theo con đường mòn tiến về phía am lá. Bậc Đại sĩ vừa ra khỏi am và ngồi xuống trên một phiến đá như một bức tượng bằng vàng. Ngài suy nghĩ: “Bây giờ người cầu ân sắp đến rồi”, như một người nghiện rượu đang thêm khát rượu và ngồi ngắm con đường mà kẻ kia sắp đến. Các con ngài đang chơi đùa quanh quần bên chân ngài. Và trong lúc ngài ngắm con đường, ngài thấy lão Bà-la-môn đang đến, như thể trọng trách bố thí trong suốt bảy tháng được đặt xuống nay ngài lại mang lên, ngài reo mừng:

– Này Bà-la-môn, hãy đến đây mau!

Rồi ngài ngâm kệ với bé trai Jāli:

2087. Jāli, hãy đứng lên con,
Ngắm xem kìa lão La-môn đến rồi,
Chính thời xưa đã tái hồi,
Làm ta tràn ngập niềm vui chan hòa.

Nghe vậy, cậu bé đáp:

2088. Vâng vâng, phải đấy thưa cha,
Con đang nhìn thấy lão Bà-la-môn,
Hình như lão đến cầu ân,
Hắn là vị khách đang cần nhà ta.

Cùng với những lời này, cậu muốn bày tỏ lòng cung kính lão liền đứng lên từ chỗ ngồi và đi ra đón lão Bà-la-môn, xin xách giùm hành lý của lão. Lão Bà-la-môn nhìn cậu và nghĩ: “Đây hẳn là Jāli, con trai Vessantara, ngay từ đầu, ta phải nói năng thô lỗ với nó mới được.” Thế là lão búng ngón tay ra phía cậu và hét to:

– Thôi cút đi! Cút đi!

Cậu bé suy nghĩ: “Bà-la-môn này, không biết người đâu mà thô lỗ thế?” Rồi nhìn kỹ thân lão, cậu nhận thấy lão có đủ mười tám dị tật của con người. Lão Bà-la-môn đến gần Bô-tát và vừa cung kính chào ngài vừa nói:

2089. Thừa ngài, ngài được mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỏi ngài?

2090. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?

Bồ-tát từ tốn đáp lại:

2091. Cám ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thừa ông.

2092. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2093. Sống đây đã bảy tháng trường,
Chúng ta buồn bã trong rừng hoang sơ,
Chẳng hề từ trước đến giờ,
Được trông thấy một vị Bà-la-môn,
Như nay nhìn thấy Tôn ông,
Khác nào thấy được thần nhân thể này,
Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Đồ dùng tế lửa muông, bình nước đây.

2094. Kính mừng ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thừa Bà-la-môn,
Xin mời tiên bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thừa ngài!⁸⁵

2095. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào!⁸⁶

⁸⁵ Xem câu kệ 2013, 2273 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiểu từ Sāma), số §540.

⁸⁶ Hai câu kệ 2095-96, đối chiếu với câu kệ 2014-15, 2274-75 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. IV. 432, *Sattigumbajātaka* (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiểu từ Sāma), số §540.

- 2096.** Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Nói lời này xong, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Chẳng phải lão Bà-la-môn đến khu rừng rậm này mà không có duyên cớ. Ta phải hỏi lão lý do ngay lập tức.” Rồi ngài ngâm kệ:

- 2097.** Nói cho ta biết nguyên nhân,
Lý do nào khiến Tôn ông lên đường,
Đầy đưa ông tận rừng hoang,
Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay!

Jūjaka đáp:

- 2098.** Giống như hồng thủy ngập đầy,
Và không hề có một ngày nào vơi,
Thần nay muốn đến xin ngài,
Ban cho thần được cả hai con nhà.

Nghe điều này, bậc Đại sĩ hân hoan trong lòng như thể người đang tay đưa ra chiếc túi cả ngàn đồng tiền, rồi ngài ngâm kệ vang tới tận chân núi:

- 2099.** Ban ân ta chẳng chần chừ,
Ông là chủ chúng, xin mời dẫn đi,
Sáng nay thì vắng vương phi,
Để tìm thực phẩm, chiều về đến đây.
- 2100.** Xin ông ở lại đêm nay,
Sáng mai, ông sẽ đi ngay lên đường.
Tắm con, bà xúc dầu thơm,
Và quàng cho chúng những tràng hoa tươi.
- 2101.** Đêm nay ở lại, xin ông,
Sáng mai vừa hé vầng đông lên đường,
Hai con sẽ được điểm trang,
Với nhiều hoa đẹp mùi hương ngọt ngào,
Rồi ông đem chúng đi mau,
Cùng nhiều củ quả dồi dào thức ăn.

Jūjaka đáp:

- 2102.** Thừa không, trình tấu Đại vương,
Thần đi, chẳng dám vãn vương nơi này,
E rằng trở ngại gì đây,
Sẽ ngăn cản bước chân ngay trên đường.
- 2103.** Nữ nhân chẳng phải rộng lòng,
Phát ban thường vẫn cản ngăn cố tình,

Biết nhiều mưu kế thông minh,
Thường hay lạc lối, ác hành tạo nên.

2104. Người ban bố với niềm tin,
Đừng cho trẻ gặp mẹ nhìn bản khoãn,
Nếu không bà sẽ cản ngăn,
Tâu Quân vương, tiểu thần mong lên đường.

2105. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này,
Người ban bố, tín tâm đầy,
Thì công đức ấy càng ngày càng tăng.

2106. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này,
Người cho kẻ giống thần đây,
Đi lên thiên giới thẳng ngay tức thì.

Vessantara nói:

2107. Nếu không muốn thấy vương phi,
Trung thành tận tụy hiền thê quả là,
Hãy đưa Jāli, Kanhā,
Đi thăm tổ phụ vương gia trên đường.

2108. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương gia,
Ngài đầy hỷ lạc, chan hòa,
Sẽ ban cho lắm của quả đến ông.

Jūjaka đáp:

2109. Thần e làm hỏng hành trang,
Thần xin ngài, hỡi ông hoàng nghe đây,
Phụ vương trừng trị thần ngay,
Hoặc sai giết, bán thân này còn chi,
Không tiền của, chẳng nô tỳ,
Thì bà nội tướng cười chê trăm đường.

Vessantara nói:

2110. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương quân,
Vị vua cấp dưỡng toàn dân,
Sivi quốc, vốn công bằng chánh chân,
Ngài sanh hỷ lạc ngập tràn,
Sẽ ban ông lắm bạc vàng khỏi lo.

Jūjaka đáp:

2111. Không, thần không thể nghe lời,
 Làm điều này nợ mà ngài đưa ra,
 Thần mong đem bọn trẻ thơ,
 Để về hầu hạ vợ nhà đó thôi!

Đôi trẻ nghe những lời thô lỗ ấy liền sợ hãi lẫn trốn ra sau lều tranh rồi chạy khỏi lều giấu mình gần một bụi cây. Rồi chúng nghĩ Jūjaka cũng có thể đến chỗ này bắt mình đi. Chúng run sợ không thể đứng yên nơi nào cả mà cứ chạy loanh quanh cho tới khi đến bờ hồ tứ giác kia, chúng quần chặt bộ áo vỏ cây quanh mình và nhảy xuống nước, đứng giấu đầu dưới đám lá sen.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2112. Jāli chạy tới chạy lui,
 Cùng Kanhā, chúng đứng ngồi không an,
 Trong niềm đau khổ muôn vàn,
 Khi nghe lời nói hung hăng theo mình.

Và Jūjaka, khi chẳng thấy bóng dáng đôi trẻ đâu liền quở trách Bồ-tát:

– Này Vessantara, khi ngài vừa cho ta đôi trẻ, bây giờ ngay lúc ta bảo ngài là ta không muốn đến thành Jetuttara mà chỉ muốn dẫn đôi trẻ về hầu hạ vợ ta thì ngài ra hiệu cho chúng và khiến chúng chạy trốn mất rồi ngồi đó làm ra vẻ chẳng biết gì! Ta chắc trên đời chẳng có ai dối trá như vậy!

Bậc Đại sĩ thấy lòng xúc động: “Chắc chắn chúng nó đã chạy trốn.” Ngài suy nghĩ và nói to:

– Đừng lo gì việc ấy, này Tôn ông, ta sẽ đem chúng về.

Thế là ngài đứng dậy đi ra sau am lá, nhận thấy chúng có lẽ đã trốn vào rừng, ngài đi theo dấu chân chúng dẫn đến bờ hồ, rồi vừa thấy dấu chân ở nơi chúng bước xuống hồ, ngài nghĩ chắc hẳn chúng đã lặn xuống nước, vì thế ngài gọi to:

– Này Jāli con ơi!

Và ngài ngâm hai vần kệ này:

2113. Con trai yêu, tới đây nhanh!
 Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha,
 Đến đây thánh hóa tim ta,
 Hãy theo ý nguyện của cha đến cùng.

2114. Con làm thuyền vững băng dòng,
 Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,
 Đến bờ kia khỏi sự sinh,
 Cha nguyện đưa cả nhân thiên thoát dòng.

Ngài kêu to:

– Này Jāli, hãy đến đây con ơi!

Cậu bé nghe giọng cha nghĩ thầm: “Cứ để lão Bà-la-môn làm gì ta mặc ý, ta không muốn cãi cộ với cha ta.” Cậu bé ngẩng đầu lên, rẽ các lá sen và bước ra khỏi nước, nhào đến trên chân phải của bậc Đại sĩ, ôm chặt lấy chỗ mắt cá chân và khóc.

Sau đó, bậc Đại sĩ nói:

– Này con, em gái con đâu?

Cậu đáp:

– Mọi chúng sanh đều biết tự bảo vệ mình lúc gặp hiểm nguy.

Bậc Đại sĩ nhận ra rằng chắc hẳn các con đã giao kết với nhau rồi nên ngài kêu to:

– Đến đây Kanhā!

Và ngài ngâm hai vần kệ:

2115. Này con gái quý, tới nhanh!

Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha,

Đến đây thánh hóa tim ta,

Hãy theo ý nguyện của cha đến cùng.

2116. Con làm thuyền vững băng dòng,

Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,

Đến bờ kia khỏi sự sinh,

Cha nguyện kéo cả nhân thiên thoát dòng.

Cô bé cũng suy nghĩ: “Ta không muốn cãi cộ với cha ta”, và chỉ chốc lát, cô bước ra khỏi nước, ngã vào chân trái của cha, nắm chặt chỗ mắt cá chân và khóc. Nước mắt hai trẻ thơ nhỏ xuống chân bậc Đại sĩ có màu như hoa sen nở lớn, và nước mắt ngài chảy xuống lưng chúng có màu như phiến vàng. Sau đó, bậc Đại sĩ nâng hai con lên và an ủi chúng:

– Này con trai Jāli, con không biết cha giàu lòng bố thí sao? Hãy làm thế cho ước nguyện của cha được thành tựu!

Và ngay lúc ấy, ngài định giá hai con như thể người ta định giá trâu bò. Ngài bảo con trai:

– Này con Jāli, nếu con muốn được tự do, con phải trả cho đạo sĩ này một ngàn đồng vàng. Còn em gái con đẹp lắm, nếu có người nào thuộc dòng hạ đẳng đưa cho đạo sĩ này một số tiền nhiều độ như thế, như thế để trả tự do cho em con thì người ấy sẽ phá hủy quyền quý tộc của nó. Không ai trừ nhà vua mới có thể ban tặng tất cả vật theo số trăm. Vì vậy, nếu em con muốn được tự do, phải trả cho đạo sĩ một trăm nô tài, một trăm nữ tỳ và voi, ngựa, bò đực, tiền vàng, mỗi thứ đều một trăm.

Ngài định giá hai con như vậy xong rồi an ủi vỗ về chúng và đưa chúng trở lại am tranh. Sau đó, ngài lấy nước trong bình ra, gọi đạo sĩ đến gần, vừa rót nước vừa cầu nguyện cho ngài đạt thành Chánh giác:

– Đây Bà-la-môn, còn đáng quý hơn con trai ta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn lần là quả vị Chánh giác!

Ngài kêu lớn làm cho cối đất vang dội rồi ngài đem hai con làm tặng vật quý báu cho lão Bà-la-môn. Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

2117. Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi,
Bèn dẫn con Kanhā, Jāli,
Ngài tặng cả hai con trẻ ấy
Cho La-môn đạo sĩ mang đi.

2118. Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi,
Bèn dẫn con Kanhā, Jāli,
Ngài tặng con, tài sản quý nhất,
Cho La-môn đạo sĩ mang đi.

2119. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!
Vào lúc các con được tặng thí,
Đất bằng bỗng rung động âm vang!⁸⁷

2120. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!
Khi bậc làm hưng thịnh Sivi,
Đại vương khởi chấp tay dâng ban,
Các con đang sống an vui ấy,
Đến trực tiếp cho Bà-la-môn.

Khi bậc Đại sĩ đã bố thí xong, ngài đầy hân hoan, nghĩ rằng tặng vật ngài ban thật tuyệt hảo làm sao trong khi ngài đứng nhìn hai con. Còn lão Jūjaka đi vào rừng, dùng răng cắn đứt một nhánh cây leo, lấy buộc tay bên phải cậu bé vào tay trái cô bé và vừa xua chúng đi vừa đánh chúng bằng đầu dây leo ấy.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2121. Lão đạo sĩ kia độc ác thay,
Dùng răng cắn đứt dây leo dài,
Buộc dây vào cánh tay đôi trẻ,
Lấy một đầu dây đánh chúng đi.

2122. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh bầy con trẻ và xua chúng,
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.

⁸⁷ Xem câu kệ 1672, 1807, 2280 trong câu chuyện này. Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

Nơi nào lão đánh chúng, da đều bị té ra và chảy máu, chúng lão đảo dựa lưng nhau mà đi, nhưng đến một chỗ gồ ghề, lão vấp té nhào. Bàn tay yếu mềm của đôi trẻ tuột ra khỏi sợi dây trời và chúng vừa khóc vừa chạy về phía bậc Đại sĩ. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

- 2123.** Đôi trẻ như vậy được thoát thân,
Chạy bay khỏi lão Bà-la-môn,
Bé trai nhìn mặt cha khi ấy,
Đôi mắt đong đầy dòng lệ tuôn.
- 2124.** Bé trai lễ chân cha mà run,
Như gió thổi lay động lá sung,
Vừa lúc lễ cha xong, cậu ấy,
Nói cùng với vị cha lời rằng.
- 2125.** “Sao cha muốn bỏ lũ con thơ,
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Cha đợi đến khi gặp được mẹ,
Lúc này cha hãy quyết lòng cho!
- 2126.** Sao cha muốn bỏ lũ con thơ,
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Đừng bỏ chúng con, cha kính quý,
Đợi khi mẹ trở lại, con chờ,
Rồi tùy ý đạo sĩ kia muốn,
Mặc lão bán hay giết trẻ thơ!
- 2127.** Chân lão to dày, móng xin dơ,
Thịt u xệ xuống tựa bao da,
Môi trên dài trớt ra run rẩy,
Mũi gãy, đen sì thật khó ưa!
- 2128.** Bụng như cái chậu, chiếc lưng còng,
Đôi mắt nhìn sao lé đứng tròn,
Đầy vết nhăn nheo và lốm đốm,
Râu màu hung đỏ, tóc hoe vàng.
- 2129.** Mắt vàng đỏ lảo liên như mèo,
Chân dị, dáng người gập quắt queo,
Thô lớn, áo da dê bó sát,
Không như người, khiến hãi kinh ghê!
- 2130.** Lão là người hay quý dạ-xoa,
Máu uống, thịt ăn, giết chúng sanh,
Con quý tới làng, rừng vắng vẻ,
Xin cha bố thí của, ban ân?

2131. Khi quỹ dữ kia dắt chúng con,
 Sao cha nhìn ngó dừng dưng lòng?
 Phải chăng cha có tim bằng đá,
 Buộc thêm sợi thép chặt mấy vòng?
2132. Người chẳng biết con bị La-môn,
 Rất hung tợn, thấy của cầu mong,
 Trói gô rồi đánh chúng con mãi,
 Như trâu bò phải chạy long rong?
2133. Ít nhất, con xin cầu khẩn cha,
 Cho em ở lại, bé Kạnhã,
 Em như nai nhỏ đang còn bú,
 Chẳng biết gì, khóc do lạc nhà.”

Nghe những lời này, bậc Đại sĩ không đáp lại tiếng nào. Sau đó, cậu bé lại khóc than vì cha mẹ mình:

2134. Con chẳng cho đây là khổ thân,
 Vì là số phận mọi thường nhân,
 Nhưng không thấy bóng hình từ mẫu,
 Quả thật là điều đáng khổ buồn.
2135. Con chẳng cho đây là khổ thân,
 Vì là số phận mọi thường nhân,
 Nhưng không nhìn thấy hình thân phụ,
 Quả thật là điều đáng khổ buồn.
2136. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
 Khóc than trong suốt thời gian lâu,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.
2137. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
 Khóc than trong suốt thời gian lâu,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.
2138. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
 Khóc than suốt ở nơi am tranh,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.
2139. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
 Khóc than suốt ở nơi am tranh,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.

2140. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Nửa đêm hoặc lúc không an giấc,
Tương tự dòng sông sẽ cạn khô.
2141. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Nửa đêm hoặc lúc không an giấc,
Tương tự dòng sông sẽ cạn khô.
2142. Những cây hồng táo, vedisa,
Cây ngũ trảo thường mọc ở đây,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại cả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!
2143. Cây sung, cây mít với cây đa,
Lại có tra bồ-đề tỏa ra,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại quả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!
2144. Đứng kia như một vườn nên thơ,
Dòng suối mát trôi thật lặng lẽ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay giã biệt ta đi xa!
2145. Và có bao nhiêu là loại hoa,
Trổ đơm trên núi đồi gần xa,
Các hoa ta trước đây thường đội,
Nay giã biệt ta đi khỏi mà!
2146. Và có bao nhiêu loại quả ngon,
Kết trên đồi núi chín ngọt giòn,
Quả này ta trước đây hay thọ,
Nay giã biệt ta vượt núi non!
2147. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!

Mặc dù cậu than khóc như vậy, lão Jūjaka vẫn đến xoa đánh đem cậu đi cùng em gái. Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

2148. Hai con trẻ nói với người cha,
Trong lúc bị đưa đẩy thật xa:
“Mong mẹ hiền con được mạnh khỏe,
Và mong hạnh phúc đến cho cha!

VIII. ĐOẠN GIỮA

Ba ngày trôi qua, bậc Đại sĩ thuyết giáo như vậy cho vợ con, thân tộc, bạn hữu cùng nhiều người khác đã xong. Khi biết thời hạn đã mãn, từ tinh sương, sau khi tắm và dùng bữa ăn đầy cao lương mỹ vị, ngài bảo:

– Ta sẽ tạ từ đức vua và ra đi cùng chàng thiếu niên này.

Rồi ngài đi đến cung vua cùng với đám quyến thuộc vây quanh, đánh lễ vua rồi đứng sang một bên, nhẩn nhủ đôi lời cần thiết, thích đáng.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

- 1518.** Khi đã khuyên răn, nhẩn nhủ vậy,
Đến thân bằng, quyến thuộc cùng hay,
Bậc Hiền trí bước cùng bằng hữu,
Tiến thẳng hoàng cung của đức ngài.
- 1519.** Đê đầu đánh lễ dưới chân vua,
Vai phải nghiêng nghiêng hướng đức vua,
Vidhura hai tay chấp lại,
Bậc Hiền trí tấu những lời sau.
- 1520.** “Thiếu sinh này sẽ dẫn thần đi,
Sử dụng thần theo ý của y,
Thần muốn tâu trình vì quyến thuộc,
Cúi xin đáng chiến thắng nghe bày.
- 1521.** Mong ngài trông đến các con thần,
Và của cải đang có tại gia,
Để lúc thần đi xa biệt dạng,
Không lo tổn quyến thuộc, người thân.
- 1522.** Giống đi trên đất trượt bàn chân,
Người phải tựa đất mà đứng lên,
Cú trượt của thần đây cũng vậy,
Xin thừa nhận lỗi này nơi thần!”

Vua nghe vậy liền bảo:

– Nay bậc Trí giả, trẫm không muốn khanh ra đi chút nào cả. Trẫm sẽ tìm cách triệu chàng thiếu sinh ấy đến rồi giết gã đi và lấy chiếu bó giầu xác.

Vua giải thích việc này qua vắn kệ:

- 1523.** Nay khanh, không thể bước đi ra,
Đây chính điều cương quyết của ta.
Khi đã giết xong chàng trẻ ấy,
Khanh cần ở lại chốn này mà.

Dầu đó gia nô nam hoặc nữ,
Hay người hầu hạ khác cho ta.

- 2157.** Ta cũng tựa như con cá rôi,
Bị giam cầm giữa bầy giăng môi,
Ta không thể thấy con yêu dấu,
Bị lão mắng và đánh chằng thôi.

Vì thương con, những tư tưởng này hiện ra trong trí bậc Đại sĩ, ngài không thể chịu được nỗi đau khổ khi nghĩ đến lão Bà-la-môn đánh đập tàn nhẫn con ngài như thế nào nên ngài định đi tìm lão và giết lão rồi đem các con về. Nhưng không, ngài lại nghĩ: “Làm thế là sai lầm. Bố thí rồi lại hối tiếc vì nỗi khổ của con trẻ quá lớn lao thì đó không phải là cách của người chân chánh.”

Hai vần kệ sau đây chứa đựng những suy tư trên, soi sáng vấn đề này:

- 2158.** Ô, ta sẽ lấy theo cây cung,
Bên trái buộc thanh kiếm cạnh sườn,
Ta dẫn các con mình trở lại,
Cực hình con trẻ thật bi thương!

- 2159.** Việc nghĩ rằng con sẽ mạng vong,
Ta mang khổ ấy là sai không,
Sau khi biết cách của người thiện,
Ai lại cho rồi tiếc của công?

Trong lúc có mặt bậc Đại sĩ, lão Jūjaka cũng đánh đập đôi trẻ kia khi lão dẫn chúng đi đường. Cậu bé lại than khóc:

- 2160.** Lời thế này nghe được đúng thay,
Người đời một số nói như vậy,
“Người nào không mẹ mình bên cạnh,
Cha thế này, như chẳng có ai!”

- 2161.** Đến đây em hỡi, bé Kanhā!
Rồi chúng ta đây sẽ chết mà,
Đời chẳng còn gì ý nghĩa nữa,
Khi vua tặng lão chúng ta vầy,
Bà-la-môn thật quá hung ác,
Xem tựa trâu bò, lão đánh ta.

- 2162.** Những cây hồng táo, vedisa,
Cây ngũ trảo thường mọc ở đây,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại cả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!

- 2163.** Cây sung, cây mít với cây đa,
Lại có tra bồ-đề tỏa ra,

Ôi! Cả rừng cây đủ loại quả,
Từ nay già biệt ta đi xa!

2164. Đứng kia như một vườn nên thơ,
Dòng suối mát trôi thật lặng lẽ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay già biệt ta đi xa!

2165. Và có bao nhiêu là loại hoa,
Trổ đơm trên núi đồi gần xa,
Các hoa ta trước đây thường đội,
Nay già biệt ta đi khỏi mà!

2166. Và có bao nhiêu loại quả ngon,
Kết trên đồi núi chín ngọt giòn,
Quả này ta trước đây hay thọ,
Nay già biệt ta vượt núi non!

2167. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!

Lần nữa, lão Bà-la-môn lại ngã vào một nơi gồ ghề và sợi dây sút ra khỏi tay lão, hai đứa trẻ run rẩy như đôi chim bị thương chạy một mạch về phía cha. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2168. Lúc ấy Kanhā với Jālī,
Được La-môn nọ dẫn đường đi,
Thoát thân chúng vội vùng lên chạy,
Mãi miết chúng bay biến tức thì.

Nhưng lão Jūjaka vội đứng lên ngay và đuổi theo chúng với dây và gậy trong tay, lão gầm thét như lửa phun vào ngày tận thế:

– Chúng bây có tài chạy khôn lanh thật đấy!

Rồi lão buộc tay chúng lại và đưa chúng đi đường như cũ.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2169. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh đàn con trẻ và xua chúng,
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.

Trong lúc bị dẫn đi xa, Kanhājīnā quay lại nhìn và than khóc với cha.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2170. Cô bé Kanhā nói thế này,
“Cha ơi, xem lão La-môn đây,

Coi con nô lệ xuất thân ấy,
Lấy gậy đánh con rất mạnh tay!

2171. Thường các La-môn sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quý ma đội lột La-môn đó,
Lão dẫn đi, ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghía,
Chúng con bị quý bắt đi chẳng?”

Trong khi con gái bé bỏng than khóc run rẩy bước đi, nỗi đau đớn xót xa bùng dậy trong lòng bậc Đại sĩ, tim ngài nóng bừng, mũi ngài không đủ sức đề thờ, vì thế từ miệng ngài thoát ra tiếng thở hỗn hển và dòng lệ như những giọt máu tuôn ra từ mắt ngài. Rồi ngài suy nghĩ: “Tất cả nỗi đau đớn này đều do tình thân yêu chứ không vì có gì khác, ta phải xoa dịu tình cảm này và giữ bình thân.” Như vậy là nhờ trí lực, ngài dứt được nỗi đau buồn sâu sắc này và ngồi yên như cũ. Trước khi đi đến lối vào trong ngọn núi, cô bé lại tiếp tục than khóc:

2172. Đau nhức đôi chân của trẻ thơ,
Đường dài thật khó bước đi qua,
Đạo nhân cứ giục đàn con trẻ,
Vàng nhật lặn dần ở phía xa.
2173. Chúng con tha thiết cầu thần linh,
Ở các núi đồi, rừng thẳm xanh,
Và cúi lễ nơi hồ nước ấy,
Cùng ao có bến bờ xinh xinh.
2174. Thừa các cô, dây leo nói chung,
Các cây thuốc, ngọn núi, khu rừng,
Xin chur vị nói mẹ luôn khỏe,
Chúng con bị bắt bởi La-môn.
2175. Mong các ngài thông báo mẹ hay,
Maddī là mẹ chúng con đây,
Bảo rằng nếu mẹ muốn theo trẻ,
Thì hãy theo nhanh dấu vết này.
2176. Nơi này có một lối đi riêng,
Thẳng hướng đi thì am đến liền,
Mẹ hãy men theo đúng lối ấy,
Nhanh tìm gặp chúng con bình yên!
2177. Hỡi ơi! Mẹ tóc bện thường khi,
Mang vác củ rừng với trái cây,
Khi trở lại am nhìn trống vắng,
Mẹ con sẽ khôn khổ, sầu bi.

2178. Hình như mẹ mất thời gian lâu,
 Để kiếm cho được quả, củ, rau,
 Chẳng biết chúng con đã bị trối,
 Bởi La-môn hám của, tham sâu.
2179. Lão ta quá độc ác đi thôi,
 Đánh đập chúng con như lũ bò,
 Mong ước làm sao nay gặp mẹ,
 Khi chiều tối mẹ về đem đồ.
2180. Thế nào mẹ cũng cho La-môn,
 Những củ quả rừng trộm mật ong,
 Khi đã được ăn no thỏa thích,
 Lão không quá thúc ép gì con.
2181. La-môn thúc ép nhiều vô cùng,
 Nên khiến chân con trẻ rất sưng,
 Vì ngóng mẹ hiền lâu quá đổi,
 Các con đã thảm thiết kêu than!
- Chấm dứt phần *Chuyện về hai đứa trẻ*.

IX. NÀNG MADDĪ

Bấy giờ, ngay lúc vua ban các con yêu quý cho lão Bà-la-môn, cõi đất chấn động vang rền dữ dội đến tận cõi trời Phạm thiên và thấu suốt tâm các vị thần cư ngụ ở Tuyết Sơn. Các vị này nghe tiếng đôi trẻ than khóc trong lúc lão kia dẫn chúng đi liền suy nghĩ: “Nếu Maddī về kịp tới lều tranh lúc này mà không thấy các con đâu, nàng sẽ hỏi Vessantara về chuyện này và nàng sẽ nôn nóng biết bao khi nghe chúng đã bị đem thí cho lão Bà-la-môn. Nàng sẽ chạy đi tìm chúng và sẽ gặp nhiều gian truân vất vả.” Vì thế, các vị ấy căn dặn ba vị thần giả dạng sư tử, cọp và báo để cản đường nàng, không để nàng đi trở lại tìm con cho đến khi mặt trời lặn. Như vậy, nàng chỉ có thể đi về tới am dưới ánh trăng và giữ cho nàng bình an khỏi bị sư tử hay các dã thú khác tấn công.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2182. Vừa nghe lời trẻ thơ than van,
 Các vị thần bèn căn dặn rằng,
 Ba vị biến thành loài mãnh thú,
 Là sư tử, cọp, báo rừng hoang.
2183. “Đừng cho trở lại vị công nương,
 Chiều tối sau khi kiếm thức ăn,
 Đừng để thú hoang kia sát hại,
 Ở trong lãnh địa của rừng hoang.

- 2184.** Nếu cọp, báo, sư tử hại nàng,
Sát tàn bà mẹ đẹp hiền lương,
Thì sao Vương tử Jālī ấy,
Cùng với Kanhā sẽ sống nương?
Rồi mẹ đẹp hiền sẽ bị mất,
Người chồng cùng các con yêu thương.”

Các vị ấy đồng ý và vâng lệnh các thần linh, hóa thành sư tử, hổ, báo nằm cạnh con đường mà nàng phải đi qua.

Bấy giờ, Maddī tự nghĩ: “Hôm qua ta mơ thấy ác mộng. Ta phải thu lượm củ quả và về lều cho kịp giờ.” Nàng run rẩy đi tìm củ quả, làm cái cuốc rơi khỏi tay nàng, cái dây đeo thúng từ trên vai rớt xuống, mất bên phải của nàng giật mạnh. Các cây đầy quả dường như chẳng có quả nào, còn cây không quả thì lại giống như đầy quả, nàng không còn biết đầu đuôi ra sao nữa. Nàng nghĩ thầm: “Không biết chuyện lạ gì đây, trước giờ chưa từng có nay ta lại gặp, điềm gở gì sắp xảy ra cho ta, hoặc cho các con của ta, hoặc cho Vessantara.” Và nàng ngâm kệ:

- 2185.** Cuộc ta rơi xuống đất rồi,
Ta nghe mắt phải giật hoài giờ đây,
Cây đầy trái hóa không này,
Chung quanh vạn vật như quay như cuồng.

Sau khi than thở như vậy, nàng lại đi tiếp.

- 2186.** Mỗi khi trời trở chiều hôm,
Là ta đã đến thảo am xong rồi,
Lúc vàng nhạt khuất chân đồi,
Đường nhiều dã thú rình mồi kiếm ăn.

- 2187.** Giờ vàng nhạt xuống thấp dần,
Mà sao am ấy chẳng gần, còn xa,
Đồ ta mang vác đây ra,
Chính là những thức ăn gia đình dùng.

- 2188.** Chắc là vương tử đang ngồi,
Một mình chờ đợi trong chòi lá tranh,
Con thơ chàng phải dỗ dành,
Ta chưa trở lại, con đành đói meo.

- 2189.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!
Giờ này bữa tối phải dùng,
Chắc con như uống sữa xong, ngoan chờ.

- 2190.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!

Giờ này bữa tối phải dùng,
 Chắc con như uống nước xong, ngoan chờ.

- 2191.** Các con bé bỏng của ta,
 Ôi! Ta khôn đốn, khổ đau vô cùng!
 Chắc con ra đứng đón trông,
 Như bê nhỏ dại đang mong mẹ về.
- 2192.** Các con bé bỏng của ta,
 Ôi! Ta khôn đốn, khổ đau vô cùng!
 Chắc con ra đón mẹ trông,
 Như thiên nga đậu bên hồ nhỏ xinh.
- 2193.** Các con bé bỏng của ta,
 Ôi! Ta khôn đốn, khổ đau vô cùng!
 Chắc con ra đứng đón trông,
 Cách khu vực ẩn cư không xa nhiều.
- 2194.** Con đường độc nhất là đây,
 Chung quanh hang hồ rầy đây hồ ao,
 Ta không tìm thấy đường nào,
 Bây giờ ta phải làm sao về nhà?
- 2195.** Các ngài chúa thú rừng già,
 Ta xin kính lễ chúa vua đại hùng,
 Theo như lý, nghĩa đệ huynh,
 Nên xin ngài hãy nhường đường cho ta!
- 2196.** Ta là chánh hậu vương gia,
 Vinh quang thái tử bị đưa đi đây,
 Ta thờ chồng, chẳng chê bai,
 Như Sitā trước thờ ngài Rāma.
- 2197.** Buổi chiều tối trở về nhà,
 Các ngài lại thấy con ra đón chờ,
 Như Jālī với Kanhā,
 Xin cho gặp mẹ khi ta quay về!
- 2198.** Đây dồi dào củ quả tươi,
 Có nhiều thực phẩm ta mời ngài ăn,
 Ta đem một nửa xin dâng,
 Để cho ta được an thân về nhà.
- 2199.** Các con chúng được sanh ra,
 Cha là thái tử, mẹ là con vua,
 Theo như lý, nghĩa đệ huynh,
 Nên xin ngài hãy nhường đường cho ta.

Khi ba vị thần này thấy đã đến giờ để nhường đường cho nàng về liền đứng lên và chạy khỏi. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2200. Thú rừng kia đã lắng nghe,
Lời nàng than khóc nào nề thảm thương,
Âm thanh êm ái dịu dàng,
Chúng liền chạy mất để nàng đi ngay.

Khi bấy đã thú đã đi rồi, nàng trở về lều lá. Bấy giờ là đêm trăng tròn, khi nàng vừa đến cuối lối đi có mái che, nơi nàng thường gặp các con, nay không thấy chúng đâu, nàng kêu to:

2201. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Như bê con đợi mẹ xa trở về.

2202. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Như bên hồ nhỏ thiên nga quây quần.

2203. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Cách khu vực ẩn cư xa không nhiều.

2204. Như nai bé vênh tai ra,
Chúng thường vội đến đón ta trên đường,
Tràn đầy hạnh phúc vui mừng,
Lú lo, chạy nhảy tung bừng quanh ta.
Nhưng Jāli với Kaphā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

2205. Như con nai cái, sơn dương,
Như chim sỏ cánh tự vươn khỏi lồng,
Như sư tử cái tìm mồi,
Ta vào rừng rậm và rời con thơ,
Nhưng Jāli với Kaphā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

2206. Gần nhà đây những dấu chân,
Giống như loài tượng ở trên núi đồi,
Đó đây những đồng cát bồi,
Vẫn còn nằm đó cách chòi không xa,
Nhưng Jāli với Kaphā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón mừng.

2207. Các con thường chạy tung tăng,
 Phủ đầy bụi bặm đến gần mẹ đây,
 Lấm lem đất cát mặt mày,
 Nhưng ta chẳng thấy giờ đây đứa nào.
2208. Trẻ thơ thường vẫn đón chào
 Mẹ mình, chúng chạy lao xao từ nhà,
 Khi ta về từ rừng già,
 Ta không thấy chúng đón ta giờ này.
- 2209.⁸⁹ Tựa như các loại thú con,
 Sơn dương, nai mẹ về lon ton mừng,
 Đón từ xa cứ ngó chừng,
 Trẻ thơ vắng bóng, không ngừng dạ lo.
2210. Đây là đồ chúng chơi thường,
 Trái bầu nâu sắc nhạt vàng lẫn đây,
 Nhưng Jāli với Kanhā,
 Ta không thấy chúng đón ta giờ này.
2211. Vú ta căng sữa đã đầy,
 Ngực ta như muốn vỡ ngay bây giờ,
 Nhưng Jāli với Kanhā,
 Hôm nay không thấy đón ta ở nhà.
2212. Chúng thường bám chặt bên hông,
 Mỗi con đeo một vú căng tươi cười,
 Nhưng Jāli với Kanhā,
 Hôm nay không thấy chạy ra đón tìm.
2213. Giờ này trời đã về đêm,
 Chúng đầy bụi đất lấm lem hết rồi,
 Chúng ra lẻo đẻo bên hông,
 Giờ không thấy chúng ra trông đón đường.
2214. Trước đây am thảo rộn ràng,
 Cứ như chốn hội vui an mỗi ngày,
 Nhưng giờ chẳng thấy con đây,
 Chốn này như thể cứ xoay vòng tròn.
2215. Tại sao am thảo lặng lẽ,
 Ít nghe tiếng động như tờ im vậy,
 Quạ kia cũng chẳng kêu bầy,
 Các con chắc đã chết hay sao rồi?

⁸⁹ Bản tiếng Anh thiếu kệ 2209.

2216. Tại sao am thảo lặng lẽ,
Ít nghe tiếng động như tờ im vậy,
Chim kia cũng chẳng kêu bầy,
Các con chắc đã chết hay sao rồi?

Than khóc như vậy xong, nàng đến gần bậc Đại sĩ và đặt thúng trái cây xuống. Thấy ngài ngồi yên lặng và không có hai con bên cạnh, nàng nói:

2217. Sao chàng cứ lặng yên ngồi,
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm,
Quạ kia cũng bật thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!
2218. Sao chàng cứ lặng yên ngồi,
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm,
Chim kia cũng bật thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!
2219. Thiếp đây nghi ngại, chàng ôi,
Các con bị thú săn mồi bắt ăn,
Hay người nào chốn rừng hoang,
Dẫn con của thiếp đi lang thang rồi?
2220. Các con nói tiếng dễ thương,
Có làm sứ giả, hay đường ngủ say,
Chúng đi ra tận phía ngoài,
Mãi mê chơi giỡn đùa hoài hay không?
2221. Thiếp không thấy bóng trẻ con,
Tay chân mặt mũi cùng là tóc tai,
Hay là chim chụp mất người?
Kẻ nào mang chúng đi rồi phải chăng?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ vẫn không đáp lại. Sau đó, nàng hỏi:

– Này phu quân, sao chàng không nói gì với thiếp? Thiếp có lỗi gì chăng?
Và nàng ngâm kệ:

2222. Giống như tên bắn bị thương,
Và còn đau xót muôn vàn hơn xa,
Khi Jāli với Kanhā,
Cả hai không thấy có nhà hôm nay.
2223. Đây là tên mũi thứ hai,
Mà chàng bắn thiếp xuyên ngay vào lòng,
Thiếp không nhìn thấy các con,
Mà chàng lại chẳng nói năng một lời.
2224. Vậy thì vương tử, chàng ôi!
Đêm nay chàng chẳng đáp lời thiếp chăng?

Thiếp xem đời thiếp đã xong,
Sáng mai chàng thấy thiếp vong thân mà.

Bậc Đại sĩ nghĩ rằng ngài sẽ làm dịu nỗi đau mất con bằng cách nói năng gay gắt nên ngài ngâm vần kệ:

2225. Maddī, công chúa vương gia,
Tiếng danh nàng quả thật là lớn thay,
Đi tìm thực phẩm sáng nay,
Cớ sao trở lại giờ đây muộn màng?

Nàng đáp:

2226. Chàng nghe sư tử, hồ chẳng?
Chúng vừa gầm thét vọng vang xa gần,
Khi đi uống nước hồ bên,
Chim muông nhón nháo kêu lên tung bưng.

2227. Thiếp đang rảo bước rừng hoang,
Bỗng nhiên dấu hiệu rõ ràng hiện ra,
Cuốc từ tay thiếp rơi xa,
Trên vai dây thừng kia đà rớt luôn.

2228. Trong lòng hoảng sợ, đau thương,
Thiếp liền lễ lạy các phương lần lần,
Mong sao mọi sự bình an,
Đôi tay của thiếp chấp ngang nguyện cầu.

2229. Đừng loài sư tử, báo nào,
Giết đi thái tử của ta lúc này,
Các con ta đó cả hai,
Sói, linh cầu, gấu chó vầy bắt gì!

2230. Con sư tử, cọp, báo kia,
Là ba dã thú đang đi trong rừng,
Chúng ngăn cản thiếp giữa đường,
Cho nên thiếp đến nhà đường tối khuya.

Bậc Đại sĩ chỉ nói bấy nhiêu lời với nàng từ đó cho đến tảng sáng. Vì thế, nàng Maddī lại than vãn đủ cách:

2231. Phu quân và các con thơ,
Thiếp thường tận tụy chăm lo đêm ngày,
Như trò săn sóc ông thầy,
Thiếp hành Phạm hạnh, tóc hay bện thường.

2232. Tắm thân thiếp khoác da nai,
Vào rừng kiếm quả củ, vai mang về,
Đi đây đi đó ngày đêm,
Chỉ mong con trẻ được thêm no lòng.

2233. Mẹ mang củ nghệ vàng này,
Quả bầu nâu nhạt, trái cây chín đều,
Mẹ mang mẹ vác thật nhiều,
Để con thỏa dạ và tiêu khiển đùa.
2234. Củ sen, sủng, đám ngó tợ,
Và đây củ ấu từ hồ ngọt ngon,
Thiếp thêm một ít mật ong,
Trộn rồi, chàng với các con dùng liền.
2235. Cho con gái sủng trắng kia,
Sen xanh để tặng Jālī của chàng,
Rồi xem chúng múa ca vang,
Vòng hoa tô điểm, xin chàng gọi ngay!
2236. Đại vương ơi, hãy lắng tai,
Âm thanh thích thú tuyệt vời biết bao!
Kanhā nói giọng ngọt ngào,
Và con đang bước gần vào lều ta.
2237. Từ khi bị đuổi đầy xa,
Buồn vui chàng thiếp chung hòa với nhau,
Ôi, chàng hãy trả lời mau,
Kanhā, Jālī, thấy đâu hỡi chàng?
2238. Hẳn bao nhiêu vị đạo nhân,
Thiếp đà xúc phạm lỗi lầm nặng sao,
Các ngài đức hạnh thanh cao,
Trí đầy kiến thức nhiệm màu sâu xa,
Nên Jālī với Kanhā,
Thiếp không còn thấy ở nhà hôm nay!

Nghe nàng than thở như vậy, bậc Đại sĩ vẫn không đáp một lời. Vì ngài không nói gì, nàng run rẩy đi tìm các con dưới ánh trăng, hể những nơi chúng thường tới chơi đùa, dưới các cây hồng táo, nàng đều đến vừa tìm chúng vừa khóc than:

2239. Cây hồng táo, vedisa,
Và cây ngũ trảo hài hòa mọc đây,
Cả rừng đủ các loại cây,
Mà sao không thấy được hai con này.
2240. Cây sung, cây mít, cây đa,
Gần bên lại có cây tra bồ-đề,
Cả rừng đủ quả sum suê,
Mà sao không thấy con về với ta.
2241. Đứng kia như một vườn hoa,
Và kia suối mát trôi qua lặng lẽ,

Nơi xưa chúng vẫn đùa chơi,
Nhưng nay không có trẻ thơ nữa rồi.

2242. Hoa rừng có đủ các loài,
Đơm đầy khoe sắc trên đồi gần xa,
Chúng thường kết đội các hoa,
Mà nay không thấy con ta nữa rồi.

2243. Quả ngon có đủ các loài,
Kết trên đồi núi đầy cây trĩu cành,
Quả này chúng trước hay ăn,
Mà nay con trẻ biệt tăm nơi nào.

2244. Các đồ chơi bé tí ti,
Chúng thường đùa giỡn là kia cả rồi,
Bầy bò, bầy ngựa, bầy voi,
Con thơ không thấy ở nơi chốn nào.

Nghe tiếng của tiếng bước chân, tiếng động của muông thú, chim chóc,
nàng ngâm kệ rằng:

2245. Đây nhiều thỏ đế, cú mèo,
Nai đen cùng với hươu sao cả bầy,
Các con cùng giỡn thường ngày,
Giờ không thấy chúng ở đây nữa rồi.

2246. Thiên nga, cò diệc, chim trời,
Bầy công đuôi thắm đẹp tươi bung xòe,
Các con cùng giỡn chơi đùa,
Nhưng không thấy bóng trẻ thơ đây mà!

Không nhìn thấy các con thân yêu trong lều tranh, nàng đi vào khóm cây
hoa, vừa tìm chúng quanh quần vừa ngâm kệ:

2247. Đây đây các khóm rừng già,
Với muôn hoa trở nở ra theo mùa,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.

2248. Các hồ khả ái lắng tai,
Khi đàn ngỗng đỏ gọi dài âm thanh,
Biết bao sen trắng sen xanh,
Và nhiều cây mọc như cành san hô,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.⁹⁰

⁹⁰ Tham chiếu: J. IV. 355, *Sādhinajātaka* (Chuyện Đại vương Sādhina), số §494; J. VI. 35, *Mahājanakajātaka* (Chuyện Đại vương Mahājanaka), số §539.

Nhưng nàng cũng không thấy các con thân yêu đâu cả. Rồi trở lại bên bậc Đại sĩ, nàng thấy ngài ngồi mặt buồn rười rượi, nàng bảo:

- 2249.** Sao chàng không bỏ củi to,
Nước chàng không xách về cho từ hồ,
Lửa chàng không đốt không thờ,
Sao chàng ngồi đó đần đờ miên man?
- 2250.** Mỗi khi gặp được người thương,
Bao nhiêu nhọc mệt kia dường biến đi,
Nay Kaphā với Jālī,
Thiếp không thấy chúng mọi khi nô đùa.

Nhưng bậc Đại sĩ vẫn ngồi im lặng, và nàng đau khổ vì sự im lặng ấy nên run rẩy như con chim bị thương, nàng lại đi quanh những nơi nàng đã tìm kiếm trước kia rồi trở về nói:

- 2251.** Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Quạ kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!
- 2252.** Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Chim kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!

Bậc Đại sĩ vẫn không nói lời nào. Còn nàng nóng lòng đi tìm con, lần thứ ba trở lại tìm con ở những nơi nàng đã tìm, nàng chạy nhanh như gió. Trong một đêm nàng đã đi qua một khoảng đường tìm con dài mười lăm do-tuần. Rồi bóng đêm nhường chỗ cho ánh bình minh, vừa lúc rạng đông, nàng lại đến trước bậc Đại sĩ và đứng than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

- 2253.** Khi nàng vội vã băng qua,
Đi tìm khắp chốn rừng già, núi non,
Trở về bên cạnh phu quân,
Nàng liền đứng lại khóc than từng hồi.
- 2254.** “Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Quạ kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!
- 2255.** Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Chim kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!

2256. Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Rõ ràng ai hại chết mà còn đâu,
Thiếp đây đã kiếm hang sâu,
Đi bao núi, gốc cây, sâu tìm con.”

2257. Maddī, vương hậu cao ngôi,
Công nương quý tộc buông lời khóc than,
Vớ đôi tay ấy vừa dang,
Nàng liền ngã xuống đất bằng mê man.

Bậc Đại sĩ run rẩy nghĩ thầm: “Ôi, Maddī chết! Đây không phải là nơi để cho Maddī chết! Nếu nàng chết ở thành Jetuttara thì tang lễ sẽ linh đình biết bao, vì cả hai vương quốc đều chấn động. Nhưng ở đây ta chỉ một mình trong rừng, ta biết làm gì bây giờ?” Nỗi lo âu tràn ngập lòng ngài, rồi cổ trần tỉnh đôi chút, ngài quyết định làm hết sức mình.

Ngài đứng lên đặt tay trên ngực nàng và thấy nó vẫn còn ấm, ngài liền lấy nước trong bình đến, và mặc dù bảy tháng qua ngài không đụng chạm thân nàng, nay gặp lúc nguy khốn, ngài không thể giữ giới hạnh mà nước mắt tuôn trào, ngài nâng đầu nàng lên đặt trên lòng mình, rảy nước và ngời xoa mặt nàng cùng chỗ tim nàng.

Một lát sau, Maddī tỉnh dậy, bối rối vừa đứng lên vừa kính lễ bậc Đại sĩ và hỏi:

– Tâu Chúa thượng Vessantara, các con đi đâu rồi?

Ngài đáp:

– Hoàng hậu, ta đã đem chúng cho một Bà-la-môn nọ.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2258. Ngài liền rảy nước cho nàng,
Trong khi nàng ngã mê man lịm dần,
Vừa khi nàng mới tỉnh hồn,
Ngài liền cất tiếng khuyên lơn vỗ về.

Nàng hỏi ngài:

– Này phu quân, nếu chàng đem hai con cho một Bà-la-môn, tại sao chàng để thiếp than khóc đi tìm quanh quẩn suốt đêm mà không nói một lời?

Bậc Đại sĩ đáp lại:

2259. Ta không thể nói tức thì,
Vì ta không muốn hiện phi đau buồn.
Một người già yếu, đạo nhân,
Đến đây xin được cầu ân toại lòng.

2260. Ta đem bỏ thí con ngoan,
Maddī đừng sợ, bình tâm lại liền,
Xin nàng đừng quá ưu phiền,
Xin nàng ngược mắt nhìn lên ta này,

Ta đem con trẻ về ngay,
Rồi ta mạnh khỏe sum vầy sống an!

- 2261.** Sau khi thấy kẻ cầu ân,
Thiện nhân ban tặng vật dâng đủ đồ,
Các con, thóc lúa, trâu bò,
Cùng tài sản khác trong kho trong nhà,
Maddī, xin hãy hân hoan,
Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Maddī đáp lại:

- 2262.** Thiếp nay quả thật hân hoan,
Không gì hơn lễ cúng dường các con,
Nhờ đây tâm trí bình an,
Xin chàng cứ mãi phát ban cúng dường.

- 2263.** Vì chàng là vị đại vương,
Bậc làm Sivi giang sơn oai hùng,
Giữa đời ích kỷ nhân quần,
Riêng chàng đã thí La-môn rộng lòng.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp:

– Tại sao nàng nói thế, Maddī? Nếu ta đã không thể giữ tâm thanh thản sau khi bố thí các con thì những việc thần kỳ hy hữu kia đã không xảy ra.

Rồi ngài kể cho nàng nghe tất cả các con địa chấn cùng các sự kiện khác. Thế là Maddī ngâm kệ hân hoan, tùy hỷ việc thí tặng lúc nghe kể xong các việc thần kỳ ấy:

- 2264.** Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp lòe sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đồi cao bấy giờ.

- 2265.** Nārada, Pabbata,
Cả hai thiên chúng cùng hòa niềm vui,
Mọi thiên thần cõi Ba Mươi,
Inda Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
Vua Soma ở cõi tiên,
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,
Thiên vương Vessavaṇa,
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa niềm vui.

- 2266.** Vậy là công chúa cao ngôi,
Maddī danh tiếng ngâm lời hân hoan,
Nàng tùy hỷ với đại vương,
Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Bậc Đại sĩ mô tả việc bố thí của ngài như vậy và Maddī cũng lặp lại chuyện ấy, công nhận ngài đã ban một thí vật cao quý. Nàng ngồi đó hoan hỷ về việc bố thí kia.

Vì vậy, bậc Đạo sư đã ngâm lại vần kệ: “Vậy là công chúa cao ngời...”
Châm dứt phần *Nàng Maddī*.

X. SAKKA THIÊN CHỦ

Trong lúc hai vị đàm đạo cùng nhau như vậy, Thiên chủ Sakka suy nghĩ: “Hôm qua, Vua Vessantara đã cho Jūjaka cả hai con mình nên quả đất đã rung động. Bây giờ, giả sử một kẻ xấu xa nào khác xuất hiện và xin ngài chính nàng Maddī, bậc đức hạnh vô song ấy, rồi đem nàng đi, để vua ở lại một mình, ngài sẽ bơ vơ khổ sở. Thôi được, thế thì ta sẽ giả dạng một Bà-la-môn đến xin Maddī. Như thế ta sẽ có thể giúp ngài đạt công hạnh tối thượng và do vậy nàng không thể bị đem cho bất cứ ai khác, rồi ta sẽ trả nàng về.” Vậy là vào lúc rạng đông, Thiên chủ Sakka đến gặp ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2267.** Vậy khi đêm đã tàn xong,
Và trời vừa rạng hừng đông sáng dần,
Sakka giả dạng đạo nhân,
Lên đường thật sớm đến thăm thảo đường.
- 2268.** “Thưa ngài, ngài được mạnh lành?
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỏi ngài?”
- 2269.** Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chẳng hay tìm hại, tránh chùng dễ chẳng?”

Bậc Đại sĩ đáp:

- 2270.** Cám ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.
- 2271.** Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chùng được luôn.

2272. Sống đây đã bảy tháng trường,
 Chúng ta buồn bã trong rừng hoang sơ,
 Chẳng hề từ trước đến giờ,
 Được trông thấy một vị Bà-la-môn.
 Như nay nhìn thấy Tôn ông,
 Khác nào thấy được thần nhân thế này,
 Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
 Đồ dùng tế lửa muông, bình nước đây.

2273. Kính chào ngài đến nơi này,
 Một duyên hạnh ngộ, thừa Bà-la-môn,
 Xin mời tiến bước vào trong,
 Và xin hãy rửa chân xong, thừa ngài!⁹¹

2274. Đây là cườm thị, mà-ca,
 Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
 Trái cây như thể mật ong,
 Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào!⁹²

2275. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
 Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
 Xin mời uống, bậc La-môn,
 Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Trong khi hai vị chào hỏi ân cần như vậy, ngài hỏi lý do vị kia đến đây:

2276. Nói cho ta biết nguyên nhân,
 Lý do nào khiến Tôn ông lên đường,
 Đầy đưa ông tận rừng hoang,
 Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay!

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, thần già rồi, nhưng thần đến đây xin ngài ban cho thần Vương hậu Maddī. Mong ngài ban nài cho thần!

Và Thiên chủ ngâm vãn kệ này:

2277. Giống như dòng nước ngập đầy,
 Và không hề có một ngày nào vơi,
 Đại vương thần đến van nài,
 Xin ban vương hậu của ngài, thần mong!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ không đáp: “Hôm qua ta đã cho một Bà-la-môn cả hai con ta rồi. Nay làm sao ta cho ông nài Maddī để rồi phải ở lại một mình trong

⁹¹ Xem câu kệ 2013, 2094 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J. V. 317, Sona-Nanda-jātaka (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda)*, số §532; *J. VI. 77, Sāmajātaka (Chuyện hiền từ Sāma)*, số §540.

⁹² Hai câu kệ 2274-75, đối chiếu với câu kệ 2014-15, 2095-96 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J. IV. 432, Sattigumbajātaka (Chuyện anh vũ Sattigumba)*, số §503; *Sona-Nanda-jātaka (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda)*, số §532; *J. VI. 77, Sāmajātaka (Chuyện hiền từ Sāma)*, số §540.

rừng hoang?” Không, ngài như thể đang cầm cái túi đựng một ngàn đồng tiền đưa ra, bình thản, không tham luyến, không chút vướng mắc trong tâm tư, ngài làm cho núi rừng vang dội với lời kệ này:

2278. Ta ban ngay chẳng phiền lòng,
 Điều ông cầu khẩn muốn mong bây giờ,
 Ta không cất giấu, chần chừ,
 Tâm ta hoan hỷ khi đưa dâng người.

Nói lời này xong, ngài nhanh chóng lấy nước trong bình ra đổ lên tay rồi trao Maddī yêu quý cho vị Bà-la-môn. Ngay lúc ấy, mọi việc thần kỳ đã xảy ra trước kia lại được nghe thấy lần nữa.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2279. Bậc làm hưng thịnh Sivi,
 Vua cầm tay của Maddī hậu hoàng,
 Lấy thêm bình nước vôi vàng,
 Vua trao tặng phẩm cho Bà-la-môn.

2280. Kinh hoàng khiến dựng tóc lông,
 Đất dầy chuyển động ngay trong lúc này,
 Ngài đem trao tặng Maddī,
 Vợ hiền cho khách viếng miền thảo am.⁹³

2281. Maddī chẳng chút mảy nhăn,
 Nàng không khó chịu, khóc than bây giờ,
 Lặng yên nhìn, dạ suy tư,
 “Hắn chàng biết rõ việc này quý cao.”
 “Khi dâng Jāli, Kaphā,
 Và Maddī vợ hiền hòa thủy chung,
 Ta không suy tính lợi cùng,
 Chỉ vì Tuệ giác bồi vun thôi mà.
 Vợ hiền ta chẳng khó ưa,
 Và hai đứa trẻ con nhà cũng không,
 Nhưng vì Tuệ giác viên thông,
 Với tâm ta, thật bội phần thiết thân.”⁹⁴

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nhìn lên mặt Maddī để xem nàng có thái độ như thế nào thì nàng liền hỏi ngài tại sao nhìn nàng như thế và thét to với giọng sư tử hống: “Chúa công, sao chàng nhìn thiếp?” rồi ngâm các lời kệ sau:

⁹³ Xem câu kệ 1672, 1807, 2119 trong câu chuyện này. Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

⁹⁴ Xem Miln. 114, *Pathavicalanapañha* (Câu hỏi về tính chất của đất); Miln. 275, *Vessantarapañha* (Câu hỏi về Vua Vessantara).

- 2282.** Vợ chàng từ thuở thanh xuân,
Chính chàng là chủ nhân ông suốt đời,
Tùy chàng muốn biếu cho ai,
Bán đi hoặc giết thân này được thôi.

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhận thấy quyết định cao cả của nàng liền ca ngợi nàng. Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2283.** Sakka khi ấy đáp lời,
Thấy bao nguyện ước họ vừa hướng tâm,
“Mọi điều chướng ngại dẹp xong,
Ngài đây đã thắng khắp trong trời, người!

- 2284.** Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp lòa sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đời cao bấy giờ.

- 2285.** Nārada, Pabbata,
Cả hai thiên chúng cùng hòa niềm vui,
Mọi thiên thần cõi Ba Mươi,
Inda Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
Vua Soma ở cõi tiên,
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,
Thiên vương Vessavaṇa,
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa hân hoan.

- 2286.** Khó ban mà họ đã ban,
Họ làm được việc khó làm biết bao,
Kẻ không thánh thiện khó theo,
Pháp nào của bậc thiện sao khó hành!⁹⁵

- 2287.** Vậy khi thiện, ác lìa trần,
Giã từ cuộc sống cõi phàm nơi đây,
Ác nhân vào ngục chịu đày,
Thiện nhân đến cõi thiên thần tái sinh.

- 2288.** Cỗ xe này thật cao minh,
Ở rừng mà hiển thê nhi cúng dường,
Nên không còn đọa bước đường,
Việc này mang phước quả trong cõi trời.”

Khi Thiên chủ Sakka bày tỏ sự tán đồng như vậy xong, ngài nghĩ: “Bây giờ ta không được trì hoãn nữa mà phải trao trả lại nàng và ra đi.” Rồi ngài ngâm kệ:

⁹⁵ Hai câu kệ 2286-87, tham chiếu: J. II. 86, *Duddaḍajātaka* (Chuyện khó cho), số §180; J. IV. 64, *Biḷārikosiyajātaka* (Chuyện phú ông keo kiệt Biḷārī), số §450; S. I. 18, *Maccharisutta* (Kinh Xan tham).

2289. Nay ta trả lại cho ngài,
Maddī hiền phụ tuyệt vời đẹp xinh,
Chỉ ngài xứng với vợ mình,
Và Maddī với ngài tình thanh cao.
2290. Y như sữa với vỏ sò,
Cả hai cùng có sắc màu trắng tươi,
Cũng vậy ngài với Maddī,
Đồng tâm hòa ý phu thê sắt cầm.
2291. Cả hai Sát-đế-ly dòng,
Đôi bên cha mẹ cũng đồng gia môn,
Nơi đây trong chốn thảo am,
Các ngài chung sống rừng hoang một mình,
Để rồi tiếp tục làm lành,
Cúng dường bố thí phước sanh thêm nhiều.

Nói vậy xong, ngài tiếp tục ban một điều ước:

2292. Ta là Thiên chủ Sakka,
Đến đây thăm viếng ngôi nhà Hiền nhân,
Chọn ngay điều ước, Minh quân,
Ta ban tám ước nguyện phân Hiền vương.

Ngài vừa nói vừa bay lên không, sáng ngời như ánh triều dương. Lúc ấy, Bồ-tát chọn các điều ước qua các vân kệ:

2293. Sakka, Chúa tể chúng sanh,
Nếu ngài có ý ban phần thưởng ta,
Mong vương phụ chóng giải hòa,
Mong cha hãy sớm gọi ta về nhà,
Cho ta bảo tọa vương gia,
Đầu tiên nguyện ước ta mong đạt thành.
2294. Ta không kết án tử hình,
Dù ai có phạm tội tình ra sao,
Mong ta cứu tử người nào,
Bị tù đầy, ấy nguyện cầu thứ hai.
2295. Mong toàn dân chúng mọi người,
Khi cần giúp đỡ đến nơi ta liền,
Trẻ già, lớn bé, trung niên,
Và đây là chính ước nguyện thứ ba.
2296. Ta không tìm vợ người ta,
Chỉ vừa lòng với vợ nhà thiết thân,
Không chiều theo ý nữ nhân,
Thứ tư ước nguyện ta mong mỗi hoài.

2297. Sakka Thiên chủ, xin ngài,
Ban cho quý tử sống đời dài lâu,
Chánh chân chinh phục toàn cầu,
Thứ năm nguyện ước ân sâu xin ngài.
2298. Mỗi khi vừa hết đêm dài,
Vầng đông vừa hé, ban mai tiếp liền,
Mong sao thực phẩm thần tiên,
Cũng vừa xuất hiện, ước nguyện sáu đây.
2299. Mong sao thí vật đủ đầy,
Tín tâm ban phát rộng tay không ngừng,
Thí rồi không tiếc trong lòng,
Đây nguyện thứ bảy ta mong ước hoài.⁹⁶
2300. Mong sau khi thoát nơi này,
Ta đi thẳng đến cõi trời vùng riêng,
Từ đây không phải tái sinh,
Đây nguyện thứ tám ta xin cầu ngài.
2301. Sakka Thiên chủ cõi trời,
Đã nghe ngài nói, đáp lời như sau:
“Phụ vương ngài chẳng bao lâu,
Sẽ đi đến gặp con dẫu rất xa.”
- Vừa nói lời này xong, Sakka trở về cõi của ngài.
Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ:
2302. Sakka, Thiên chủ hùng oai,
Sujā phu tướng nói lời này xong,
Sau khi ban đủ đặc ân,
Trở về thẳng cõi thiên thần trú an.
- Chấm dứt phần *Thiên chủ Sakka*.

XI. VỊ ĐẠI VƯƠNG

Bấy giờ, Bô-tát và Maddī sống hạnh phúc cùng nhau trong thảo am mà Thiên chủ Sakka đã ban cho hai vị. Còn Jūjaka cùng đôi trẻ tiếp tục cuộc hành trình dài sáu mươi do-tuần. Các thần linh vẫn chăm sóc đôi trẻ.

Mỗi khi mặt trời lặn, Jūjaka thường lấy cây liễu gai buộc chúng lại và để chúng nằm trên mặt đất, còn chính lão lại sợ thú dữ nên trèo lên cây ngồi giữa các cành chĩa ba. Rồi một vị thần giả dạng Vessantara và một nữ thần giả dạng Maddī đến với đôi trẻ, mở dây cho chúng được tự do, xoa bóp tay chân, tắm

⁹⁶ Tham chiếu: J. IV. 239, *Akittijātaka* (Chuyện Hiền giả Akitti), số §480.

rửa, mặc quần áo cho chúng. Rồi họ cho chúng ăn món của thần tiên và ngủ trên chiếc giường thần tiên. Đến lúc rạng đông, họ lại đặt chúng nằm trong dây trói và biến mất. Như vậy, do sự giúp đỡ của thần linh nên đôi trẻ đi đường không bị thương tích gì. Jūjaka cũng được các vị thần dẫn đường, vì thế lão dự định đi đến vương quốc Kāliṅga, nhưng trong vòng mười lăm ngày, lão đến kinh thành Jetuttara.

Cùng đêm ấy, Vua Sañjaya của nước Sivi nằm mộng một giấc mơ như vậy: Trong khi ngài đang dự một buổi triều kiến quan trọng, có một người da đen đến đặt vào tay ngài hai đóa hoa. Ngài đeo chúng vào mỗi bên tai và phấn hoa rơi xuống ngực ngài. Sáng hôm sau, ngài thức dậy và hỏi các Bà-la-môn ý nghĩa giấc mơ ấy. Các vị đáp:

– Tâu Đại vương, các thân vương của ngài xa cách đã lâu, nay sắp trở về.

Thế là sáng hôm sau, khi đã thọ hưởng đủ thứ cao lương mỹ vị, chỉnh trang uy nghi, ngài ngự ra thiết triều, các vị thân nọ đưa lão Bà-la-môn này đến đặt trước sân châu của cung điện. Trong chốc lát, vua nhìn thấy đôi trẻ và hỏi:

2303. Mặt ai đây chiếu ánh vàng,
Khác nào vàng khối chảy trong lửa bùng,
Như tiền vàng sáng đang nung,
Ở nơi miệng của lò lung linh này?

2304. Cả hai đều giống dáng người,
Cả hai có nét mười mười giống y,
Một người thì tựa Jāli,
Người kia Kaphā, chẳng gì khác nhau.

2305. Tựa đôi sư tử hang sâu,
Bước ra bệ vệ đồng nhau vẹn toàn,
Ôi trông hai trẻ đứng gần,
Khác nào được đúc từ vàng thế kia.

Sau khi khen ngợi chúng như thế qua ba vắn kệ, vua phái một triều thần đến dẫn lão Bà-la-môn và bọn trẻ vào cho ngài. Vị ấy nhanh chóng mang chúng vào và vua hỏi lão Bà-la-môn:

2306. Hiền nhân Bhāradvāja,
Từ đâu đem lũ trẻ thơ đến vậy,
Hôm nay đã tới xứ này,
Định đi đâu đó, hỡi Bà-la-môn?

Jūjaka đáp:

2307. Tâu Vua, lũ trẻ của thân,
Được cho với sự hân hoan hài lòng,
Từ ngày có lũ trẻ con,
Đến giờ nửa tháng đã tròn, Đại vương!

Vua hỏi:

- 2308.** Nhờ tài dịu ngọt nói năng,
Hay lời chân thật khiến ông được lòng,
Ai cho ông các nhi đồng,
Thí tài đệ nhất Tôn ông nhận vậy?

Jūjaka đáp:

- 2309.** Chính Vua Vessantara,
Sống trong rừng đã cho thần con ngoan,
Ngài luôn hộ kẻ cầu ân,
Tựa như đất mẹ đỡ nâng muôn loài.
- 2310.** Chính Vua Vessantara,
Sống trong rừng đã cho thần con đây,
Kẻ cầu ân đến tìm ngài,
Như muôn sông đổ biển khơi ngàn trùng.

Nghe vậy, các triều thần chê bai Vessantara:

- 2311.** Khi còn ở tại vương cung,
Vua kia quả thật hay làm điều sai,
Giờ sao cho cả con ngài,
Trong khi đang bị lưu đày rừng sâu?
- 2312.** Hãy nghe ta, cả quần thần,
Thấy đang tề tựu ở trong cung đình,
Sao vua ban chính con mình,
Trong khi đang phải mưu sinh nơi rừng?
- 2313.** Cứ cho nô lệ nữ, nam,
Ngựa, la và cỗ xe ban cho rồi,
Hoặc là thí cả bầy voi,
Sao đem con trẻ cả đôi dâng người?

Nhưng cậu bé nghe vậy, không chịu nhận lỗi của cha mình mà vùng tay lên như thể nâng lấy núi Sineru bị cuồng phong đánh ngã, và cậu ngâm vãn kệ này:

- 2314.** Xin tâu đến Tổ phụ vương,
Người không sẵn có nô nam, nữ tỳ,
Xe, la, ngựa với voi bầy,
Làm sao có thể cho gì đến ai?

Vua đáp:

- 2315.** Ta khen cha cháu ban ân,
Không lời chê trách lỗi lầm gì đâu,
Nhưng lòng vương phụ thế nào,
Khi cha trao các con vào kẻ xin?

Nghe vậy, cậu bé đáp:

- 2316.** Lòng ngài nặng trĩu sầu bi,
Và nung nấu chẳng khác chi lửa nồng,
Mắt ngầu đỏ tựa cá hồng,
Không ngăn lệ thảm đôi dòng tuôn rơi.

Lúc ấy, cậu ngâm kệ giải thích:

- 2317.** Cô bé Kanhā nói thế này:
“Cha ơi, xem lão La-môn đây,
Coi con nô lệ xuất thân ấy,
Lấy gậy đánh con thật mạnh tay!
- 2318.** Thường các La-môn sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quý ma đội lột La-môn đó,
Lão dẫn đi, ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghĩa,
Chúng con bị quý bắt đi chẳng?”

Vua thấy lão Bà-la-môn không để cho chúng đi liền ngâm kệ:

- 2319.** Mẹ thì công chúa cao sang,
Cha là thái tử huy hoàng trong cung,
Cháu xưa trèo bám lòng ông,
Sao bây giờ đứng xa trông, chẳng gần?

Cậu bé đáp:

- 2320.** Mẹ là công chúa cao sang,
Cha là thái tử huy hoàng trong cung,
Cháu giờ tôi tớ La-môn,
Cho nên cháu đứng trông chừng xa xa.

Vua đáp:

- 2321.** Cháu yêu đừng nói vậy mà,
Tim ta bị đốt cháy lan thiêu lòng,
Thân ta như lửa trên giàn,
Đang ngồi bảo tọa bất an bây giờ.
- 2322.** Cháu yêu đừng nói vậy mà,
Làm ta thêm nổi xót xa buồn rầu,
Ta mua lại cháu giá cao,
Thoát thân nô lệ, hãy mau cháu à.
- 2323.** Nói cho ta rõ thật thà,
Rồi ta sẽ trả cho Bà-la-môn,
Giá nào cha đã định phần,
Khi cha đem cháu ban ân cúng dường?

Cậu bé đáp:

2324. Một ngàn đồng giá của con,
Phần em con muốn thoát thân nô tỳ,
Trăm voi và mọi thứ kia,
Một trăm mỗi thứ cha đà định luôn.⁹⁷

Vua ra lệnh trả giá chuộc hai cháu:

2325. Cận thần, mau trả đạo nhân,
Đúng theo giá được định phần cháu ta,
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.

2326. Cận thần liền trả đạo nhân,
Ngay khi giá được định phần rõ ra,
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.

Sau đó, vua ban cho lão một cung thất bảy tầng, lão Bà-la-môn được đại vinh hiển. Lão đem cất mọi thứ tài sản rồi đi vào cung, đặt mình xuống sàng tọa sang trọng và hưởng cao lương mỹ vị.

Khi đôi trẻ được đem đi tắm rửa, ăn uống và mặc áo quần xong, tổ phụ liền ôm vào lòng một cháu và tổ mẫu ôm một cháu.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2327. Sau khi chuộc lại cháu thơ,
Đại vương xuống lệnh bảo người chăm lo,
Tắm rồi, ăn uống đủ đầy,
Điểm trang mọi thứ, đặt ngay vào lòng.

2328. Khi hai trẻ đã gọi đầu,
Thay quần áo mới, mang nhiều phục trang,
Đức vua, tổ phụ vội vàng,
Bế hai cháu nhỏ vào lòng hời hân.

2329. Hai trẻ đã được điểm trang,
Bằng nhiều trang sức với tràng hoa thơm,
Hoa tai vang tiếng leng keng,
Đức vua nói với Jālī lời rằng.

⁹⁷ Tham khảo: *Miln.* 275, *Vessantarapañha* (Câu hỏi về Vua Vessantara).

2330. “Jālī, phụ mẫu yêu thương,
Thấy đều vô bệnh, an khương vẹn toàn?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không cháu này?”

2331. Song thân có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hay bày dã thú thật hung,
Có đi tìm hại, tránh chừng dễ chẳng?”

Cậu bé đáp:

2332. Cháu xin tâu Tổ phụ vương,
Song thân vô bệnh, an khương vẹn toàn,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng nơi đây.

2333. Song thân không bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng đi tìm hại, tránh chừng được luôn.

2334. Mẹ đào khoai, củ cải, hành,
Đi tìm củ takkala, táo ta,
Mang về hạt dẻ, bầu nẫu,
Mẹ thường kiếm để cả nhà dành ăn.

2335. Và khi nào mẹ cưu mang,
Dù là củ quả rừng hoang loại gì,
Cả nhà đều đến tựu tề,
Và cùng ăn uống no nê đêm ngày.

2336. Mẹ con vàng võ, ốm gầy,
Bởi vì mang vác trái cây suốt ngày,
Dãi dầu mưa nắng gió lay,
Như hoa sen nọ trong tay tiêu điều.

2337. Tóc kia mỏng, xác xơ nhiều,
Vì lang thang giữa đìu hiu rừng già,
Nhưng con thú dữ ngang qua,
Nào là tê giác, báo ra từng đàn.

2338. Dưới tay bám đất ướt đen,
Tóc bà bện lại kết đan gọn gàng,
Bà chăm nom ngọn lửa thiêng,
Áo y da thú nằm trên đất dày.

Sau khi miêu tả mọi nỗi gian lao nhọc nhằn của mẹ mình như vậy, cậu bé trách móc tổ phụ qua các lời kệ này:

2339. Thối thường ở thế gian này,
Mọi người yêu quý con trai trong nhà,
Nhưng trừ trường hợp này ra,
Hình như Tổ phụ bỏ qua việc này.

Vua liền công nhận lỗi của mình:

2340. Việc này ta thật trái sai,
Khi ta làm hại con trai từ đầu,
Ta nghe dân Sivi sầu,
Mà đành đày ải con vô tội tình.
2341. Vậy thì tài sản của mình,
Bạc vàng lúa thóc giữ gìn trong tay,
Thuộc quyền Vessantara,
Ta trao Sivi cho vua trị vì.

Cậu bé đáp:

2342. Không vì lời của ấu nhi,
Mà vương phụ sẽ chịu đi tái hồi,
Đích thân Tổ phụ mà thôi,
Thân hành ban phát của, ngôi con ngài!

Vua Sañjaya liền ra lệnh cho vị đại tướng như sau:

2343. Rồi Sañjaya đức vua,
Truyền cho đại tướng làm nhanh việc này:
“Tượng, xa, mã, bộ binh đây,
Binh đoàn nghiêm chỉnh đón ngài hồi cung,
Thị dân, quan tể La-môn,
Sẽ theo ta để đến cùng chỗ kia.
2344. Chiến binh có sáu mươi nghìn,
Dáng trông oai vệ, hãy trình diện mau,
Quân trang mang đủ các màu,
Cả đoàn chỉnh đốn giáp bào nghiêm trang.
2345. Nhiều binh mang giáp bào xanh,
Nhiều binh giáp trắng, giáp vàng cũng đông,
Có người khăn đội đỏ hồng,
Quân trang đủ sắc, chỉnh xong, mau trình!
2346. Tựa Gandhamādana,
Ngọn cao núi tuyết hương bay ngạt ngào,
Phủ nhiều cây cối đủ loài,
Là nơi trú của các thần, dạ-xoa.
2347. Những thiên thảo được sanh ra,
Sáng ngời, thơm ngát tỏa hòa muôn phương,

- Binh đoàn nghiêm gấp lên đường,
Rực ngời tỏa khắp các phương như vậy.⁹⁸
- 2348.** Và rồi binh tượng sắp bày,
Thắng yên mười bốn nghìn ngay tượng hùng,
Cân đai toàn thể bằng vàng,
Bộ yên, khăn phủ cũng vàng thật xinh.
- 2349.** Chở quan điều tượng trên mình,
Tay cầm móc giáo, khiển binh thật tài,
Sẵn sàng nghiêm chỉnh như vậy,
Mau mau hãy đến nơi đây để trình!
- 2350.** Và rồi hãy sắp mã binh,
Kỹ càng một vạn bốn nghìn thắng yên,
Chọn con thuần chủng ngựa Sindh,
Vốn luôn mạnh mẽ và phi tốc hành.
- 2351.** Mỗi con chở một kỵ binh,
Hiên ngang cung kiếm bên mình sẵn mang,
Đoàn binh nghiêm chỉnh đàng hoàng,
Xong rồi liền đến đây nhanh để trình!
- 2352.** Xa binh một vạn bốn nghìn,
Điểm tô thật đẹp đủ đầy yên cương,
Bánh bằng sắt khéo đúc khuôn,
Có viền vàng óng, sắc luôn sáng bùng.
- 2353.** Phurón, cò xe ấy sẵn giăng,
Phủ treo da mãnh thú rừng uy nghiêm,
Binh đeo giáp, giữ cung tên,
Bắn nhanh mạnh mẽ, gấp lên xe này!”

Vua phác họa việc điều binh của ngài như vậy xong, rồi ra lệnh san bằng đường sá từ thành Jetuttara đến núi Vamka có chiều rộng tám *usabha*⁹⁹ và trang hoàng đường ấy theo cách này cách nọ như sau. Ngài bảo:

- 2354.** Hoa nhiều sắc với lāja,
Để dành tung rải, cùng hoa kết tràng,
Bột, dầu nước xúc thơm hương,
Cột hoa lá dọc các đường vua qua.
- 2355.** Mỗi thôn để rượu trăm vò,
Rượu men, rượu nấu, rót cho thật đầy,
Trăm bình rượu ấy đặt ngay,
Bên đường vương tử mai này hồi loan.

⁹⁸ Xem Ap. I. 162, *Padumapūjakattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka).

⁹⁹ 8 *usabha* tức khoảng 512m.

- 2356.** Hãy đem bánh, thịt, sữa đông,
Bánh đường, món cá ăn cùng thơm ngon,
Đem ra đặt ở vệ đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.
- 2357.** Bơ, dầu, sữa, rượu hạt kê,
Sữa chua, rượu các hạt men nhẹ nhàng,
Đem ra đặt chúng bên đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.
- 2358.** Hòa dầu quân hãy tự tề,
Người làm bánh mứt, làm hễ, hát rong,
Người nhào lộn, các vũ công,
Những người đánh trống, đóng tuồng giải khuây.
- 2359.** Các cây đàn luyến trỗi ngay,
Hòa thêm trống lớn cùng vài trống con,
Thổi tù và ốc miệng to,
Làm vang lên tiếng lú lo sáo huyền.
- 2360.** Đàn tỳ trỗi giọng lên ngay,
Tù và, chũm chọe đủ đầy âm thanh,
Trống con, trống lớn khua rần,
Khắp nơi nhạc cụ thùng thùng dậy vang.

Vua phát họa cách chuẩn bị trang hoàng đường xá như vậy. Còn Jūjaka ăn uống quá nhiều, không tiêu hóa nổi nên chết ngay lập tức. Vua ra lệnh tổ chức tang lễ, gióng trống thông báo truyền đi khắp kinh thành nhưng không tìm ra thân quyến của lão nên tài sản của lão lại trở về tay vua!

Vào ngày thứ bảy, tất cả đạo quân tụ họp đầy đủ. Vua long trọng làm lễ xuất hành cùng với Jāli làm người dẫn đường.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2361.** Đạo quân hùng hậu lên đường,
Đạo quân Sivi nước non quê nhà,
Đi về phía núi Vamka,
Jāli hướng dẫn đoàn ra trước liền.
- 2362.** Voi già đã sáu mươi niên,
Rống lên một tiếng như kèn dậy vang,
Voi này găm thét rộ rạng,
Trong khi được buộc dây cương chặt vào.
- 2363.** Rồi bày ngựa hí giọng cao,
Bánh xe dòn dập xôn xao lăn tròn,
Đại quân thẳng tiến miền non,
Mịt mù tung đám bụi hồng như mây.

2364. Nhu cầu cung cấp đủ đầy,
Đạo quân quyết chí đi ngay hàng hàng,
Jālī hướng dẫn cả đoàn,
Tiến về đôi núi bạt ngàn Vamka.
2365. Đi vào rừng rậm bao la,
Uốn quanh dòng nước, cỏ hoa muôn loài,
Với bao hoa nở nụ cười,
Với bao trái chín làm người mừng vui.
2366. Khi rừng đang độ hoa tươi,
Chim ca ngọt dịu, dễ thương, trong ngần,
Véo von hòa nhịp xa gần,
Đàn chim đủ sắc chuyền cành bay ngang.
2367. Ngày đêm thẳng tiến lên đường,
Cuối cùng chấm dứt đường trường nơi đây,
Tiến vào chốn núi rừng này,
Vessantara lâu rày ân thân.
- Chấm dứt phần *Vị Đại vương*.

XII. SÁU VỊ SÁT-ĐẾ-LY

Trên bờ hồ Mucalinda, Vương tử Jālī bảo cả đoàn cắm trại, cậu đặt mười bốn ngàn cỗ xe hướng ra phía con đường họ vừa đến, vệ binh đứng rải rác canh phòng sư tử, cọp, báo và các loài dã thú khác. Lúc ấy, có tiếng voi rống to cùng nhiều tiếng ồn khác, bậc Đại sĩ nghe vậy sợ mất vía, nghĩ thầm: “Không lẽ kẻ thù đã giết phụ vương và đến đây tìm ta.” Ngài liền đưa Maddī cùng leo lên một ngọn đồi và quan sát đoàn quân.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2368. Đoàn quân rầm rộ đến gần,
Vessantara nghe tiếng rân rân âm vang,
Ngài trèo lên ngọn đồi hoang,
Nhìn đoàn quân ấy, kinh hoàng lắm thay.
2369. “Maddī, hãy lắng nghe này,
Âm thanh gầm thét tràn đầy rừng hoang,
Tiếng bày ngựa hí nghe vang,
Nhìn cờ phấp phới bay ngang ngọn đồi.
2370. Phải chăng bọn thợ săn mồi,
Với lao, lưới bày quanh nơi hổ hằm,
Dồn xua dã thú trong rừng,
Và gào thét để giết, lùng mồi ngon?

2371. Chúng ta, những kẻ lưu vong,
Mặc dù vô tội ở trong rừng già,
Rơi vào tay giặc xấu xa,
Nàng nhìn họ giết kẻ cô sức hèn!”

Khi nàng nghe lời này, nàng nhìn đạo quân và tin rằng đó chính là quân đội của nước mình, nàng liền ngâm vắn kệ an ủi ngài:

2372. Thấy đều tốt đẹp với ta,
Quân thù không hại vương gia đâu nào,
Không hề có ngọn lửa cao,
Đủ năng lực để tràn vào đại dương.

Do vậy, bậc Đại sĩ được an lòng cùng Maddī bước xuống đồi và ngồi trước lều cỏ. Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2373. Vessantara đại vương,
Nghe vậy bước xuống từ vườn đồi hoang,
Và ngồi ngay trước thảo am,
Sau khi ngài đã an tâm vững vàng.

Lúc ấy, Vua Sañjaya truyền đưa hoàng hậu đến và bảo bà:

– Nay Ái hậu, nếu tất cả chúng ta đều đến đó sẽ gây chấn động lớn, vì vậy trăm sẽ đi trước một mình. Khi nào bà cảm thấy các con đã lắng dịu và an lòng thì bà có thể đến với một đoàn tùy tùng nhé.

Một lát sau, ngài bảo Jāli và Kanhājina đến. Ngài quay cổ xe hướng về con đường sắp đi, đặt quân canh phòng nơi này nơi nọ xong rồi ngự lên mình voi được trang hoàng đẹp đẽ, đi đến chỗ vương tử.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2374. Điều hành quân đội sẵn sàng,
Cho xe hướng đến con đường sắp đi,
Phụ vương vào chốn rừng kia,
Nơi vương tử sống một mình ẩn cư.

2375. Và rồi vua ấy xuống voi,
Đại thần hộ tống, một vai y choàng,
Tay kia chấp lại nghiêm trang,
Ngài đi trao lại ngai vàng cho con.

2376. Nơi này ngài thấy con ngoan,
Dáng uy nghi đẹp, trong lòng bình an,
Ngồi ngay ở trước thảo am,
Không gì sợ hãi, thâm trầm tư duy.

2377. Vessantara, Maddī,
Thấy vua cha đến, dạ thì mong con,

Cả hai ra đón phụ vương,
Vội vàng thi lễ kính cung chào mừng.

- 2378.** Khi Maddī lễ phụ vương,
Thành tâm đầu đặt nơi chân của ngài:
“Đại vương, con chính Maddī,
Hoàng phi xin lễ chân này của cha.”
Ngài ôm choàng chặt cả hai,
Vỗ về, ve vuốt bằng tay ân cần.

Sau khi khóc than vì buồn tủi, vua cha bình tâm trở lại và thân mật hỏi thăm các con:

- 2379.** Nay con trai quý, thân thương,
Thấy đều tốt đẹp, an khương vẹn toàn?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không nơi này?
- 2380.** Con nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Có đi tìm hại, tránh chừng dễ chẳng?

Bậc Đại sĩ đáp lời phụ vương:

- 2381.** Chúng con sống, tấu phụ thân,
Món gì cũng được uống ăn qua ngày,
Việc kiếm sống khổ cực đây,
Chúng con thu nhặt trái cây, củ rừng.
- 2382.** Nghịch duyên thường luyện con người,
Như quan điều mã luyện loài ngựa hoang,
Chúng con trước chẳng rõ rành,
Giờ thuần thực bởi khó khăn trui rèn.
- 2383.** Nhưng vì xa vắng song thân,
Chúng con cũng có đôi phần gầy đi,
Đại vương, cuộc sống lưu đầy,
Nơi rừng hoang vắng sâu buồn bữa vầy.

Sau đó, ngài hỏi cha về số phận của các con:

- 2384.** Nhưng Jāli với Kanhā,
Vương tôn bất hạnh của cha nói dòng,
Cha thời là một quân vương,
Sivi một cõi quê hương hôm nào,
Thế mà hai trẻ thành nô,
Phục tùng cho vị La-môn bạo tàn,

Lão ta đánh đuổi con ngoan,
Y như hành hạ một đàn bò non.

- 2385.** Nếu cha biết chút gì chẳng,
Về đôi trẻ nhỏ, con công chúa này,
Như y sư chữa khéo thay,
Một người bị rắn cắn ngay tức thì.

Vua cha đáp:

- 2386.** Cả Kanhā với Jāli,
Giờ đây đã được chuộc về hoàng cung,
Ta đem tiền trả La-môn,
Vậy đừng sợ, hãy yên lòng, con thương!

Bậc Đại sĩ được an tâm khi nghe điều này và vui vẻ đàm luận với vua cha:

- 2387.** Phụ vương có được an khương,
Và thường vô bệnh, hanh thông vẹn toàn?
Phải chăng vương mẫu của con,
Mất kia chẳng bị mờ trông kém dần?

Vua cha đáp:

- 2388.** Phụ vương vẫn được an khương,
Vẫn thường vô bệnh, hanh thông vẹn toàn,
Và còn vương mẫu của con,
Mất kia chẳng bị mờ trông kém dần.

Bậc Đại sĩ nói:

- 2389.** Thú kia còn kéo vương xa?
Chúng đều mạnh mẽ, ôn an như thường?
Thần dân quốc độ thịnh cường?
Mùa mưa có đủ, tuôn tràn chẳng ngưng?

Vua cha đáp:

- 2390.** Thú kia vẫn kéo vương xa,
Chúng đều mạnh mẽ, ôn an như thường,
Thần dân quốc độ thịnh cường,
Mùa mưa có đủ, tuôn tràn chẳng ngưng.

Trong khi hai vị nói chuyện với nhau như vậy, Hoàng hậu Phusatī cảm thấy tất cả mọi người hẳn đã trút hết lo âu nên bà đến thăm con trai cùng với một đoàn tùy tùng rầm rộ.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2391.** Trong khi hai vị luận bàn,
Bấy giờ lại thấy mẫu thân đến gần,
Bước vào lối núi lên am,
Dù là hoàng hậu, chân trần sá chi.

- 2392.** Vessantara, Maddī,
Thấy thân mẫu đến, dạ thì mong con,
Cả hai ra đón hậu vương,
Vội vàng thi lễ kính cung chào mừng.
- 2393.** Khi Maddī lễ mẫu thân,
Thành tâm đầu đặt nơi chân mẹ hiền:
“Hậu vương, con chính Maddī,
Hoàng phi xin lễ dưới chân mẹ hiền.”
- 2394.** Maddī bắt chợt nhìn lên,
Thấy hai con trẻ bình yên sờ sờ,
Như bê con thấy mẹ bò,
Từ xa chúng hét la to chạy mừng.
- 2395.** Maddī thấy chúng bình an,
Như người quý ám và nàng run run,
Khiến cho bầu ngực phòng căng,
Hai dòng sữa tiết ra dâng tuôn trào.

Ngay lúc ấy, núi đồi vang động, quả đất rung chuyển, đại dương nổi sóng, núi Sineru, chúa tể của núi đồi cúi mình xuống, sáu cõi trời của chư thiên đồng vọng một âm thanh vĩ đại. Thiên chủ Sakka nhận thấy cả sáu vị trong hoàng gia cùng đoàn tùy tùng đều nằm bất tỉnh trên mặt đất và không ai có thể đứng lên rảy nước cho các người kia, vì vậy ngài quyết định đổ một cơn mưa lớn. Ngài làm mưa rơi xuống. Kẻ nào muốn ướt đều được ướt, kẻ nào không muốn thì không có một giọt mưa nào rớt xuống người họ mà nước lăn ra như thể từ ngọn lá sen. Cơn mưa ấy thật giống mưa rơi trên cụm lá sen.

Sáu người trong hoàng gia đã hồi tỉnh và tất cả mọi người đều reo to trước sự kiện diệu kỳ là mưa rơi trên những người trong hoàng tộc như thế nào, quả đất lớn chấn động ra sao.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 2396.** Ngay khi thân tộc tương phùng,
Âm thanh vĩ đại liên bùng nổ ra,
Các đồi núi vọng vang xa,
Đất bằng rung chuyển thật là mạnh thay.
- 2397.** Trời liền đem một vầng mây,
Từ trên giáng xuống mưa đầy tuôn ra,
Khi Quân vương Vessantara,
Vừa cùng tái ngộ hoàng gia của ngài.
- 2398.** Phụ vương, mẫu hậu, con trai,
Con dâu, các cháu đồng thời nơi kia,

Khi vừa sum họp một nhà,
Tóc lông dựng đứng, thịt da rợn người.

- 2399.** Thần dân đồng chấp tay hoài,
Khóc, nêu nguyện ước một lời với vua,
Thỉnh cầu Vessantara,
Và Maddī, thầy cùng la vang lừng,
“Hãy làm chúa tể chúng thần,
Quốc vương, hoàng hậu, trị giang sơn này!”
Châm dứt phần *Sáu vị Sát-đế-ly*.

XIII. VỀ LẠI KINH THÀNH

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói với vua cha:

- 2400.** Phụ vương, quần chúng lâu nay,
Dân quê, thành thị lưu đầy thần nhi,
Khi con đang ngự ngai kia,
Và đang theo cách trị vì chánh chân.

Vua cha đáp lời để xoa dịu nỗi giận hờn của con:

- 2401.** Việc này ta thật trái sai,
Khi ta làm hại con trai từ đầu,
Khi nghe dân Sivi tâu,
Ta đành đầy ải con vô tội tình.

Ngâm vắn kệ này xong, ngài thêm một vắn nữa để mong con xoa dịu nỗi sầu riêng của mình:

- 2402.** Nỗi sầu của mẹ cùng cha,
Hoặc là em gái, muốn xoa dịu dần,
Nam nhi không chút ngập ngừng,
Cho dù ta phải hiến dâng cuộc đời.

Bồ-tát đã mong muốn trở lại vương vị, nhưng tránh nói nhiều để tạo niềm kính trọng đối với ngài, bây giờ mới đồng ý. Lập tức, sáu mươi ngàn quần thần, các bạn thân của ngài từ bé, đồng la lớn:

Đại vương, tắm rửa đến thời,
Tẩy cho sạch hết trần ai bấy giờ!

Nhưng bậc Đại sĩ đáp:

– Hãy đợi một lát!

Rồi ngài bước vào trong thảo am, cởi bộ áo ản sĩ ra và cất đi. Kế đó, ngài bước ra khỏi am và nói:

– Đây là nơi ta đã sống chín tháng rười tu tập khổ hạnh và đã đạt pháp tối thượng về bố thí viên mãn khiến quả đất chấn động.

Ngài đi quanh am lá ba lần về phía hữu và quỳ lạy trước am với năm phần thân sát đất.¹⁰⁰ Rồi quần thần chải chuốt râu tóc ngài và rảy nước lên thân ngài để làm lễ Quán đánh phong vương trong khi ngài sáng rực trong vẻ uy nghi như một vị Thiên đế. Vì vậy, chuyện kể:

2403. Thế rồi Vua Vessantara,
Tẩy cho thật sạch đất dơ, bụi trần,
Tẩy xong dơ bẩn bụi trần,
Vua mang sắc sáng, trắng ngần thanh cao.

Uy lực vinh quang của ngài thật vĩ đại! Ngài nhìn đến nơi nào thì nơi ấy rung động, những ai khéo nói lời chúc lành đều lên tiếng phát biểu, dân chúng đem đến đủ loại nhạc cụ đàn sáo. Trong lòng đại dương có tiếng vang dậy như sấm sét. Quần thần đưa vào con voi báu đã được tô điểm cân đai rực rỡ. Ngài vừa đeo thanh bảo kiếm vào mình vừa ngự lên bảo tượng trong khi sáu mươi ngàn quần thần vây quanh ngài thành một cuộc dàn binh thật hùng tráng, huy hoàng và rảy nước làm lễ tấn phong hoàng hậu cho Maddī sau khi nàng đã được các tỳ nữ tắm gội, trang điểm thật đẹp. Họ vừa rảy nước vừa kêu to:

– Cầu mong Chúa tể Vessantara bảo vệ hoàng hậu!

Họ còn nói thêm nhiều lời chúc lành khác nữa.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2404. Đầu vừa được gội sạch xong,
Xiêm y lộng lẫy, trang hoàng oai phong,
Đeo vào thanh kiếm vô song,
Ngự lên bảo tượng, bạn đồng hành xưa.

2405. Sáu mươi ngàn bạn ấu thơ,
Đồng sanh một lượt, đáng người đẹp thanh,
Họ cùng nhau đến vây quanh,
Mang niềm hoan hỷ cho anh quân này.

2406. Cung nga tắm gội Maddī,
Và đồng câu chúc vương phi vang lừng,
“Vessantara, hai con,
Sañja thái thượng bảo toàn nương nương!”

2407. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Trong lòng ngọn núi Vamka,
Họ cho mở hội, hát ca vui mừng.

2408. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,

¹⁰⁰ Năm phần thân (五體, ngũ thể) gồm có đầu, 2 tay và 2 đầu gối.

Maddī hạnh phúc chan hòa,
Gặp lại hai trẻ, hân hoan rạng ngời.

- 2409.** Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Maddī hạnh phúc chan hòa,
Vui cùng hai trẻ, hân hoan rạng ngời.

Trong niềm hạnh phúc ấy, nàng nói với các con:

- 2410.** Mẹ ăn một bữa mỗi ngày,
Mẹ nằm ngủ mặt đất này trông trơn,
Đó là nguyện ước yêu thương,
Đến khi con được vuông tròn tìm ra.
- 2411.** Lời nguyện đã đạt bấy giờ,
Mẹ nay hội ngộ con thơ nhiệm mầu,
Điều lành gì tạo bấy lâu,
Ước mong bảo hộ ngày sau con nhờ,
Và mong Tổ phụ Sañja,
Luôn che chở các con nhà từ đây.
- 2412.** Điều lành gì tạo bấy nay,
Bởi thân phụ hoặc chính tay mẹ mà,
Ước mong con trẻ không già,
Nhờ chân chính, các con thơ trường tồn.

Mẫu hậu Phusatī cũng bảo:

– Kể từ nay, vương phi sẽ mặc những xiêm áo này và mang các nữ trang này.
Và bà bảo người trao cho nàng các thứ ấy đựng đầy trong nhiều hộp.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2413.** Vải bông, tơ lụa, áo quần,
Len Khoma, lụa Kodumbara,
Mẫu hoàng trao tặng dâu này,
Mặc vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.
- 2414.** Tay trên có lắc ánh vàng,
Cổ thì vòng quý làm bằng ngọc sang,
Được trao tặng bởi mẫu hoàng,
Đeo vào sắc đẹp của nàng sáng hơn.
- 2415.** Tay trên đeo lắc ánh vàng,
Cổ tay cũng vậy, đai bằng ma-ni,
Mẫu hoàng gửi tặng Maddī,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.

- 2416.** Các đồ trang sức trán nàng,
Đủ nhiều màu sắc, làm bằng ma-ni,
Mẫu hoàng gửi tặng Maddī,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.
- 2417.** Gửi vài trang sức cổ chân,
Cùng vòng đai thắt thêm phần đẹp xinh,
Mẫu hoàng gửi tặng dẫu mình,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng ngời.
- 2418.** Nào dây chuỗi, lắc, vòng, đai,
Ngắm nhìn công chúa tuyệt vời vẻ vang,
Rõ ràng, nàng chiếu ánh quang,
Khác nào các vị nữ thần Lạc viên.¹⁰¹
- 2419.** Với đầu tắm ướt tóc tiên,
Nữ trang, xiêm áo ngắm nhìn đẹp tươi,
Vương phi tỏa ánh sáng ngời,
Như là thiên nữ cõi trời Băm Ba.
- 2420.** Trong vườn thiên giới Citta,¹⁰²
Cây ba tiêu ngọn gió lửa nhẹ rung,
Đôi môi công chúa tuyệt trần,
Dáng nàng khả ái như thân cây trời.
- 2421.** Như chim lông đẹp sáng ngời,
Lượn bay khắp mọi nẻo trời trên không,
Môi nàng xinh tựa đoá hồng,
Dung nhan làm ngẩn ngơ lòng thế nhân.

Sáu mươi ngàn quần thần mang lại cho nàng cưới một con voi ít tuổi, trưởng thành không bao lâu nhưng chịu được các lần tên mũi giáo, được phục trang tô điểm rất đẹp. Chuyện kể rằng:

- 2422.** Họ dâng voi đẹp còn xuân,
Con voi dũng mãnh oai phong hùng cường,
Không hề biết ngại tên, thương,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường ba quân.
- 2423.** Nàng lên voi nọ còn xuân,
Con voi dũng mãnh, oai phong hùng cường,
Không hề biết ngại tên, thương,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường giao tranh.

¹⁰¹ Nandana (歡喜園): Vườn Hoan Hỷ, tên gọi một khu vườn trên cõi trời Tāvātimsa (Tam Thập Tam). Tham chiếu: *S. I. 11; J. V. 392; Tap. 雜 (T.02. 0099.576. 0153c05).*

¹⁰² Cittalatāvana là tên gọi của một khu vườn ở cõi trời Tāvātimsa (Tam Thập Tam). Tham chiếu: *D. III. 716; DhA. I. 271f; Vv. 37, 65; VvA. 94; ThagA. I. 365; J. I. 202; III. 250.*

Như vậy, cả hai vị tiến về doanh trại trong cảnh đại huy hoàng. Vua Sañjaya và đoàn tùy tùng đông vô số bày đủ trò tiêu khiển cho hai vị ở trên núi và trong rừng suốt một tháng. Suốt thời gian ấy, nhờ uy danh của bậc Đại sĩ, không một dã thú hay chim muông nào gây hại gì trong khu rừng bao la ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2424. Nhờ Vessantara chúa vang danh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài dã thú đi hoang,
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành.

2425. Nhờ Vessantara chúa vang danh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài nào thuộc chim muông,
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành.

2426. Và khi ngài phải đăng trình,
Thú rừng tề tựu đồng tình tiễn đưa,
Nơi này muông thú nhìn vua,
Bậc làm Sivi giang sơn hùng cường.

2427. Và khi ngài phải đăng trình,
Các chim tề tựu đồng tình tiễn đưa,
Nơi này chim chóc nhìn vua,
Bậc làm Sivi giang sơn hùng cường.

2428. Lặng im khung cảnh khu rừng,
Nơi này muông thú đã ngừng xôn xao,
Chúng không kêu một tiếng nào,
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.

2429. Lặng im khung cảnh khu rừng,
Nơi này chim chóc đã ngừng xôn xao,
Chúng không ca hát tiếng nào,
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.

Sau một tháng hội hè vui chơi, Vua Sañjaya triệu tập vị đại tướng quân vào bảo:

– Ta đã ở trong rừng này lâu rồi, thế con đường chuẩn bị cho vương nhi của ta trở về đã trang hoàng xong chưa?

Ông đáp:

– Tâu Chúa thượng, đã đến lúc ra đi.

Ngài liền nhắn lời đến Vua Vessantara và cùng quân đội khởi hành, theo sau là đoàn tùy tùng trên con đường sáu mươi do-tuần đã được trang hoàng từ lòng núi Vamka đến kinh thành Jetuttara.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2430. Đường vua đi mới được làm,
Với muôn hoa lá trang hoàng đẹp xinh,
Từ nơi ngài ở rừng xanh,
Xuôi dần đến Jetuttara thành.
2431. Chiến binh có sáu mươi ngàn,
Dáng người cao đẹp, quây quân vua đây,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.
2432. Các vương tử, các phi tần,
Thương gia cùng với La-môn quanh ngài,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi đăng trình.
2433. Nhiều đoàn tượng, mã, xa binh,
Cùng đoàn vệ sĩ bộ binh quanh ngài,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.
2434. Đám đông dân chúng, thị dân,
Thảy đều đoàn kết quây quanh vua này,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.
2435. Chiến binh mang mào áo da,
Quân mang bào giáp sáng lòe kiêu thương,
Tiên phong bảo vệ quân vương,
Vessantara thẳng đường về kinh.

Nhà vua trải qua cuộc hành trình dài sáu mươi do-tuần trong hai tháng. Sau đó, ngài vào thành Jetuttara được trang hoàng để mừng đón ngài và ngài bước vào hoàng cung.

Bạc Đạo sư diễn tả việc này:

2436. Đoàn quân vào đến thành đô,
Đẹp xinh hào lũy, cửa ô cao vầy,
Đàn ca múa hát vui thay,
Thức ăn, thức uống đủ đầy luôn luôn.
2437. Thần dân toàn thể hân hoan,
Từ nông dân đến thị dân mọi nhà,
Chào mừng trở lại quê cha,
Bạc làm Sivi quốc gia thịnh cường.
2438. Mọi người đều vẫy chiếc khăn,
Hoan nghênh chào đón ân nhân đến gần,

Ngài vào thành thị hân hoan,
Lệnh truyền đại xá ban ân muôn loài.

Như vậy, Vua Vessantara ban ân xá mọi sinh vật cho đến loài mèo. Và hôm ấy, ngài vào thành về buổi chiều tối, ngài suy nghĩ: “Khi vừa tảng sáng, những kẻ cầu ân nghe tin ta trở về sẽ đến đây. Vậy ta lấy gì cho họ đây?” Ngay lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka bỗng nóng rực lên. Ngài xem xét và thấy rõ lý do, ngài liền đổ xuống một trận mưa gồm bảy báu vật chẳng khác gì trận mưa đông, tràn ngập cả mặt tiền lẫn hậu cung đến tận thất lưng và khắp cả kinh thành ngập đến tận đầu gối.

Hôm sau, vua phân chia các phần đất này nọ cho nhiều gia đình và cho phép họ thu lượm châu báu, phần còn lại ngài truyền quân góp nhặt và cất vào kho tàng trong cung thất của ngài. Như vậy, ngài có sẵn các kho báu để phân phát trong tương lai.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2439.** Vessantara tái hồi,
Đại vương bảo hộ mọi người Sivi,
Trời cho mưa báu tràn trề,
Ở trên đất nước là quê hương này.
- 2440.** Vessantara rộng tay,
Phát ban tặng vật đủ đầy toàn dân,
Cuối cùng ngài đã mạng chung,
Tràn đầy trí tuệ, thiên cung ngài về.

Chấm dứt phần *Về lại kinh thành*.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại *Chuyện Đại vương Vessantara* với gần cả ngàn bài kệ này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Jūjaka là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Amittatāpanā là nàng Cincā, Cetaputta là Channa (Xa-nặc), vị khỏ hạnh Accuta là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sakka là Anuruddha (A-na-luật), Vua Sañjaya là Vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Phusatī là Vương hậu Mahāmāyā (Ma-da), Vương hậu Maddī là mẫu thân của Rāhula, Vương tử Jāli là Rāhula, Kaphājīnā là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), thần dân là các đệ tử đức Phật và Đại vương Vessantara chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

- HẾT -

CHUYỆN TIỀN THÂN